

hoa thiên lý

Hoa thiên lý °
truyện ngắn

Duyên Anh °
Midway Press °
2018

duyên anh

hoa thiên lý

tập truyện ngắn

midway press 2018

Trong tập này

Hoa thiên lý	9
Biên giới	23
Chiếc vòng tay của một người	32
Em	45
Người có tội	67
Nỗi buồn của tuổi trẻ	77
Trẻ thơ và Bụt	90
Trên sông tình thương	98
Cái điều	114
Chàng cao bồi họ Lục	130
Đại dương trong lòng con ốc nhỏ	144
Hoa bưởi	157
Kể trong bóng tối	171
Nắng chiều quê nội	183
Quà Giáng Sinh	198
Ánh lửa đêm tù	210
Bóng mây kỷ niệm	219
Cỏ non	233
Con sáo của em tôi	247
Đào kép cũ	269
Khúc rẽ cuộc đời	279
Người quê hương	302

Chúa không đến ngôi nhà thờ đó	319
Con chích chòe đã trở về	327
Con sên già lùi bước	332
Đêm thánh vô cùng	339
Giáng sinh ở một làng nhỏ miền Đồng Tháp	343
Máng cỏ của cu Tý	348
Nỗi buồn khi qua dãy Chu-Pao	357
Ý nghĩ ngoài cửa trường	361
Canh bạc thuở lên mười	365
Đi hết mùa xuân	368
Nhìn lại tết thuở nhỏ	375
Những đồng tiền mừng tuổi	382
Tháng giêng ngon như một cặp môi gần	387
Trọ học về quê ăn tết	438

Hoa thiên lý

Mẹ tôi yêu hoa thiên lý như yêu chồng con. Chả biết màu xanh dịu dịu của lá và hương thơm nhẹ nhàng của hoa thiết tha là bao mà mẹ tôi âu yếm nó thế.

Thường thường mẹ tôi trồng từng khóm. Mẹ bắc khum khum một cái giàn. Chiều chiều mẹ xách nước tưới vào gốc cho cây chóng lớn. Khi lá theo cành lên kín đầy giàn và khi loài ve sầu rú rê mùa hạ sang thì họ hàng nhà bộ ngựa đã tha thẩn cả ngày leo bò lên giàn hoa lý xanh tươi.

Đối với tôi hồi còn bé có lẽ cây ổi trĩu nặng quả chín còn thú vị hơn giàn hoa thiên lý của mẹ. Nhưng mỗi lần theo mẹ mang rổ ra vườn hái từng chùm hoa về nấu canh với cua đồng, tôi thấy lòng tôi hớn hớ và cả lòng mẹ cũng tươi nở dưới giàn hoa.

- Hoa thiên lý nấu với cua đồng ngon lắm cơ con ạ!

- Mùi nó làm sao ấy mẹ ạ! Con ghét giàn hoa của mẹ ghê đi ấy, cây gì lại cây chẳng có quả. Mai con chặt nó đi mẹ nhé!

- Hừ nào, tại con chưa biết ăn thì đừng bảo nó làm sao à? Hôm nay con thử ăn mà xem, ngọt ngọt là.

- Ngọt như kẹo dồi chó không hớ mẹ?

Mẹ tôi cười đăm đăm nhìn tôi. Tia mắt hiền hòa ấy như tiếng ru muôn đời có bao giờ định nghĩa được, nên ngày

nay dù tôi không nhớ hết kỷ niệm huy hoàng của thời thơ ấu thì tôi vẫn tự nhủ rằng tất cả đã nằm trong bài hát ru con mà mẹ tôi đã ru tôi trên đôi tay gầy nhỏ và đã in vào ánh mắt mà mẹ tôi ban cho tôi thuở thiếu thời, đã lắng trong tâm hồn tôi.

- Mẹ yêu hoa thiên lý như yêu các con, hể Long ghét giàn hoa của mẹ thì mẹ giận đấy.

- Ừ ừ! Thế con cũng yêu hoa lý.

Tôi vội vàng nói thế, kéo mẹ tôi giận. Mẹ tôi chỉ cười. Và từ hôm ấy, mỗi buổi tra mẹ hay dắt tôi ra hóng gió ở dưới giàn hoa. Mẹ mang chiếu ra trải. Mẹ ngồi nghĩ ngợi xa xôi. Tôi ngồi gối đầu vào lòng mẹ mơ màng nghe tiếng sáo diều vi vu, tiếng võng đưa kẽo kẹt, tiếng ru buồn thắm thía hay tiếng chim cu gáy xa xa vọng lại. Đôi khi mẹ kể chuyện gì mà tôi không hiểu được, nhưng chắc lòng mẹ rộn ràng lắm vì cứ thấy mẹ mỉm cười băng quơ. Tôi thường ngủ thiếp đi trong hơi thở êm đềm ấy.

Dần dần tôi thích trồng hoa. Tôi bắt mẹ bắc cho tôi một cái giàn. Mẹ bảo đến mùa hạ sang năm giàn hoa của tôi đẹp lắm, bốn mùa trắng xóa ánh trắng lan. Nhưng tôi không đợi được đến mùa hạ. Khi khóm cây bắt đầu leo, cha tôi ở Hà-Nội về đem gia-đình lên Vĩnh-Yên mở đồn điền. Tôi rời quê ngoại chưa biết tương tư tiếng sáo diều mà chỉ nhớ mang máng giàn hoa thiên lý mới trồng.

Rồi tôi lớn lên giữa cảnh bao la hùng vĩ của đồi núi. Những buổi chiều theo cha cỡi ngựa đi hứng gió không làm cho tôi sung sướng bằng nằm trên bờ cỏ nghe tiếng suối reo. Tôi ghét cái bộ mặt của mấy bác cai, tôi ghét tiếng hò hét khi các bác mắng mỏ người làm. Tôi cũng ghét cả

nét mặt lạnh lùng ghê-sợ của cha tôi. Đến bây giờ, tôi vẫn chưa hiểu tại sao ngày bé nhỏ tôi ham thích những cái gì mềm mại, dễ thương im lặng như giọt mồ hôi chảy đều trên lưng người thợ hay hơi thở đều đều của mẹ tôi. Tâm hồn tôi giản dị nên tôi không ưa gì lũ cây xù xì mọc đầy nơi rừng rậm hoang vu này. Tôi vẫn thích giàn hoa thiên lý ở quê ngoại.

Lên đây ít lâu mẹ tôi đã tốn nhiều công phu mà chưa ươm được khóm nào. Tại hoa lý chẳng hợp đất rừng hay đất rừng không chịu dung nạp loại cây ỉ lại sức người? Mỗi lần có người xuôi đồng bằng, mẹ tôi cố dặn thử mang một cây giống lên xem sao, cha tôi đều gạt đi:

- Giồng làm cái quái gì của nợ ấy!

- Cậu thì chẳng khi nào muốn giữ kỷ niệm êm đềm của đời mình.

Mỗi lần thế, mẹ tôi buồn lắm có khi mẹ khóc và bỏ ăn hai ba bữa. Mới lên mười tuổi, tôi đã làm sao thấu rõ tâm sự của mẹ, làm sao tìm hiểu nỗi niềm ấp ủ hoa thiên lý của mẹ tôi. Nhưng dù sao mẹ cũng cố vun trồng và mẹ đã mãn nguyện. Mấy giàn hoa xanh mơn mớn đẹp kiêu hãnh như nàng công chúa đứng trước đám thần dân. Những mùa hạ đi, những mùa hạ lại ở rừng không có cua đồng nên hoa thiên lý phải nấu với thịt lợn rừng giã nhỏ. Nó vẫn ngon làm sao, mẹ tôi nói thế. Và người còn bảo:

- Còn hương vị quê hương con ạ!

Trưa hè miền này vắng tiếng sáo diều, tiếng ru buồn thấm thía. Mẹ tôi không đem chiếu trải dưới giàn hoa ngồi kể chuyện cho tôi ngủ thiếp đi nữa. Cuộc sống đời núi nối tiếp từng trang dài tẻ nhạt. Mưa rừng giăng mờ muôn ngã

chỉ làm cho tôi hậm hực trên nhà sàn. Và mỗi chiều nắng rớt rơi đọng trên cây lá thay màu cảnh vật cũng chẳng làm tôi say mê. Tôi đã biết cảm thế nào là tình quê hương.

Ít lâu sau công việc làm ăn thất bại, nể đỡ dủi quá nên cà-phê, chè chết khô chết héo, cha tôi phải nhường quyền cho người khác trông coi rồi đem gia đình về Hà-Nội.

Tự đấy, cha tôi thay đổi tâm tính, thường kiếm có mắng mẹ tôi tuy mẹ tôi rất mực hiền hòa. Nhiều lần cha đi chơi mấy ngày mới về, mẹ tôi chỉ khóc âm thầm và để quên chuối thời gian mong đợi cha tôi hối hận, mẹ tìm vui bằng cách trồng thiên lý cho nó leo lên tường. Nhưng có một đêm nọ mẹ khóc nức nở, sáng hôm sau sưng cả mắt. Cha tôi đã bỏ vợ con bơ vơ đi theo tiếng gọi sông hồ. Cánh chim vỗ cánh tung bay biết khi nào mới trở về tổ cũ. Mẹ tôi chợt nghĩ tới chân trời quê hương im lặng như giòng sông Trà-Lý cuối mùa thu, người đưa hai anh em tôi về nổi lại tháng ngày êm ái cũ.

Tôi được sống với họ hàng bên ngoại nhơn nhơ cả ngày thả diều, câu cá. Mẹ tôi dạy anh em tôi học. Tôi lớn dần trong sự chiều chuộng, trong sự bình thản mơ màng của mẹ tôi. Tâm hồn tôi đã ướp chung với hoa bưởi, hoa nhài, hoa lý. Tôi chỉ muốn đời đời sống trên mảnh đất làng quê bên cạnh những cuộc đời giản dị biết thương yêu nhau thành thực như tình khoai lúa. Mong ước chỉ có thế nhưng sao dật mãi chưa thành hay mình cứ dối lòng mình mãi đuổi theo sóng gió của đại trùng dương?

Mẹ tôi bây giờ hay thở dài. Chiều chiều mẹ đứng băng khuâng bên giàn hoa thiên lý ngoài ngõ lơ đãng nhìn mây trôi. Lúc ấy là lúc mẹ lúi cảm nghĩ đến kỷ niệm thiêng liêng

nhứt của đời mình.

Cuộc sống của chúng tôi bắt đầu chật vật. Cha tôi vẫn chưa về. Mẹ tôi tính từng ngày một, cha tôi đã đi tròn năm rưỡi. Hoa bưởi rụng cuối vườn rồi héo khô tàn tạ, người nghèo hết cả thì giờ nghĩ vẩn vơ nên mẹ tôi không nhặt hoa xâu vào dây đeo lên cổ cho tôi nữa. Tôi cũng biết theo mẹ ra đồng nhặt từng bông lúa còn sót khi lưỡi liềm mẹ nhẹ ngon ngon từng nắm lúa ruộng nhà. Không ai thêm than thở. Tình đời luôn luôn thắm nở thì lòng mình sao chẳng cởi mở cho hy vọng tràn đầy. Mẹ tôi vất vả tháng ngày song vẫn dành riêng chút ít thì giờ quý báu dạy em tôi đánh vần dưới giàn thiên lý buổi trưa, và bắt tôi học thuộc lòng những bài thơ nho nhỏ. Sau mỗi buổi học tôi bay hỏi:

- Cha con đi đâu hở mẹ?

- Đi xa lắm, xa lắm.

Mẹ tôi trả lời thế và cặp mắt mọng đầy nước cho đến khi không thể cầm được, mẹ ôm em tôi mà khóc. Tôi thương mẹ tôi quá cũng vội òa lên khóc nức nở làm mẹ phải an ủi:

- Sang năm ba con về. Nín đi, mai hãy khóc, khóc nhiều hôm nay đau mắt đấy.

Quê ngoại nhà tôi nghèo nàn lắm nên dù sống với bà tôi, mẹ tôi đã phải trải qua tháng ngày dầm sương dãi nắng. Anh em tôi thiếu thốn đủ bề.

Hoa thiên lý trĩu nặng cả giàn bây giờ mẹ dành lòng hái xuống đem đổi lấy cua về nấu canh hay bán lấy vài hào chỉ mua cho con cái bánh đa hoặc mấy viên kẹo vừng. Một buổi sáng tôi trông thấy mẹ tôi trèo lên cây sung ở bờ ao trước ngõ hái mấy chùm xanh chát xuống lấy muối chấm ăn ngon lành lắm. Đến trưa mẹ ôm bụng kêu đau. Bà ngoại

tôi phải xin dầu con hổ và nướng ông đầu rau chườm mãi mới khỏi. Mẹ tôi cố dấu kín chuyện ấy. Sau này tôi khôn lớn, gia đình khá giả, mẹ mới chỉ riêng cho tôi nghe:

- Vì mẹ đói quá, mẹ tưởng ăn sung cầm chừng ai ngờ nó hành hạ ghê gớm. Từ bận ấy mẹ sợ.

Kỷ niệm chua chát ấy tôi còn ghi nhớ. Đôi khi vọng về dĩ vãng tôi không khỏi ngậm ngùi thương cảm. Hai năm sau cha tôi hồi hương, cánh chim đã mỏi thì phải về tổ cũ mà xây dựng lại những gì mất mát hôm qua. Vợ chồng gặp nhau, mẹ tôi vẫn khóc như ngày cha tôi bỏ nhà ra đi. Sung sướng hay đau khổ người đàn bà chỉ biết dùng nước mắt để giải tỏa nỗi niềm. Cha tôi về đem theo bệnh đau mắt khá nặng và một con dao rùng. Ngày đêm, mẹ chăm lo bệnh cho cha tôi. Nhờ sự săn sóc ấy vài tháng sau cha tôi khỏi. Tự dấy cha tôi không đi đâu nữa. Cha thường kể cho tôi nghe chuyện đường rừng. Để có dịp thuận tiện cha lại đem con dao ra khoe:

- Tốt lắm, của người bạn Thổ tặng cha đấy.

Con dao quý ấy đã tự cha tôi đào lỗ trồng mấy khóm cây. Có lần tôi chảy cha mẹ tôi nói chuyện với nhau rất lâu dưới giàn thiên lý xa xua. Những chùm hoa nẫu với cua đồng lại ngọt ngon hơn cả bao giờ.

Giờng thời gian lặng lẽ trôi nhưng cuộc đời không êm ả chảy xuôi như nước sông Trà-Lý cuối mùa thu nữa. Tôi đã lớn hơn xưa đã phải chứng kiến những trận giông tố, những cơn sóng lớn phũ phàng trùm lên mái nhà êm ấm. Gia đình tôi trở về quê nội để rút rơi bên ngoại từng miếng nắng cô liêu của những chiều xưa thân mến. Mẹ tôi lại bắc giàn trồng hoa thiên lý ngồi kể chuyện quê hương cho anh

em chúng tôi nghe. Em tôi thường ngủ đi như thuở nào tôi ngủ nhờ hơi thở đêm êm ấy. Đắm chìm trong niềm im lặng muôn đời của thôn ố, tiếng mẹ tôi tha thiết rót vào tai tôi thay vì tiếng ru êm ái ngày xưa làm cho lòng tôi càng ngày rộng mở, mắt tôi càng ngày càng thăm sắc mộng mơ. Tâm hồn tôi dào dạt tình cảm, cái gì cũng gọi tôi say đắm, từ chiếc áo nâu thô lỗ đến mảnh áo nâu ố màu bùn, từ cái cầu ao chênh vênh đến túp lều tranh xơ xác. Tôi bắt đầu suy cảm về số phận loài lá vàng chết rụng mỗi thu về và những con cuốc kêu rĩ rả suốt mấy tháng hè nóng bức. Và hôm nay nếu ai có tò mò hỏi rằng tại sao tôi cố nín tiếng đàn bầu, cố nín tiếng kèn đưa đám ma, cố nín tấm áo nâu non giải thất lưng xanh, cố nín tất cả hình ảnh cũ kỹ đã bị chôn vùi xuống lòng đất quê hương mà hối tiếc, tôi sẽ trả lời sao đây?

Sợi dây luyến ái như tơ trời giăng mắc nhẹ nhẹ buộc chặt, buộc chặt lấy tim mình ai mà hiểu tự giây phút nào nút dây đã thắt lại. Chuyện yêu thương không biết nghĩa để giãi giải, như hoa thì thơm, hương thì phải ngát ngào, trăng thì sáng và sao thì lấp lánh. Dù sao thì tôi cũng nông nổi dám nói rằng chính ở giàn hoa thiên lý mẹ tôi đã dạy tôi bài học đầu tiên về tình người.

Năm mười sáu tuổi, dần dần tôi cứ thấy xa mẹ. Con chim non biết ra ràng rồi đây, ngày kia nó sẽ bay mất để mẹ nó gục trên tay gầy mà thương về viễn phương mưa gió. Mẹ tôi chừng hiểu ý nghĩ đó nên một chiều tháng hai hoa gạo rụng đỏ nát màu máu lên đường làng, mẹ dẫn tôi đi khắp hang cùng ngõ hẻm, qua mấy nhịp cầu tre, cầu đá. Mẹ chỉ vào bụi tre còm toi tả, bức tường đất xiêu vẹo.

Mẹ dừng chân bên dòng sông nhỏ bé, lặng ngắm mái đình cong cong, con trâu gầy ốm, cánh đồng xanh xanh mà giăng giải vu vơ. Sau cùng mẹ dắt tôi lên đầu làng ăn canh bánh đa nấu với cá rô rồi hai mẹ con về ngồi dưới giàn hoa lý. Mẹ mở đầu câu chuyện bằng lời nói băng khuâng:

- Giá ở đâu cũng có hoa lý. Ừ, hoa lý đơn sơ lắm, hương thơm chỉ phảng phất mà tưởng như bền chặt đến muôn đời.

Lúc ấy âm hưởng sáo diều đã lên menh mông. Nắng đang thoi thóp nhuộm màu cảnh vật. Từ xa xăm vọng lại tiếng con ghé lạc mẹ, tiếng thời gian chìm chìm. Tôi nín thính không dám phá tan sự im lặng để mặc tâm tư lơ lửng tựa tờ trời. Mẹ ngồi yên, ánh mắt sâu cảm lạ lùng. Những tia mắt hiền hòa của thời thơ ấu vẫn còn lảng trong suốt mắt vô tận kia sao tôi chẳng thấy mà chỉ nghĩ tới sự buồn thương xâm chiếm lòng mình. Phải, tôi lớn rồi. Hôm qua hay hôm kia, mẹ tôi dậy tôi làm thơ. Mẹ chả bảo tình yêu phải có u sầu mới đẹp là gì. Ít ra tôi cũng dám nhận làm thi sĩ. Cho nên chuyện tưởng tượng đôi mắt của mẹ tôi đừng ai lạ. Trông chiều xuống vội vã, tội khế gọi mẹ. Mẹ tôi giật mình, âu yếm nhìn tôi:

- Long này, mẹ muốn kể cho chú (lúc này mẹ gọi tôi bằng chú) nghe chuyện giàn hoa thiên lý. Mẹ phải đợi đến hôm nay vì chú đã lớn, chú có thể bỏ nhà ra đi bất cứ lúc nào như cha chú hồi còn trẻ. Lúc này đưa chú vào lòng quê hương, sau này chú sẽ hiểu tại sao mẹ làm thế. Bây giờ thì Long lắng tai nghe nhé!

Mẹ tôi thông thả lặp lại vài trang dĩ vãng viết tự mười mấy năm về trước nhập đề là ngày xưa. Vâng, ngày xưa khi tâm hồn mẹ còn phơi phới, mắt đen chưa vẩn chút bụi

đời, tóc xanh chưa một lần bối rối, mẹ tôi đẹp ai cũng khen nhưng không ai dám thương, dám ấp ủ linh hồn yếu đuối ấy trừ bà ngoại tôi. Ồ, có gì lạ đâu, tại mẹ tôi bị bệnh lao, cái bệnh gia truyền khốn nạn. Khi mắt mẹ phảng phất khói hương mơ mộng thì lại là lúc phải khóc nhiều vì cô độc đau thương. Pháo cưới thi nhau nổ nát tan lòng mẹ. Màu áo đỏ, áo xanh bỗng nhiên ngả màu tang tóc như muốn liệm chung cuộc đời người con gái chưa đầy hai mươi mùa xuân. Những con bướm bướm đa tình chẳng chịu ghé hoa vườn thuốc độc nên mẹ già cỗi và gần như xa hẳn nhân gian. Mẹ tôi buồn thảm oán hờn. Chiều chiều mẹ đứng ngắm mây trời đổi sắc dưới giàn thiêu lý ngoài ngõ đợi ngày yên ngủ dưới mồ. Một hôm có chuyến đò ngang chở hồn biệt xứ qua bến làng Thanh-Triều rồi chí lớn thiên hạ bỗng dừng lại bên giàn hoa, coi dặm đường xa là vô tận. Hồn biệt xứ là cha tôi. Cha tôi ngỏ lời chấp duyên cùng mẹ. Mẹ tôi khóc lóc chối từ, mẹ nói rõ bệnh tình cho cha tôi biết. Cha tôi không cần phải so đo, người nhất định lấy mẹ tôi dù kết quả có tái tê đau đớn. Mẹ tôi cảm động chết ngất trong đôi tay người yêu. Rồi cha tôi lo chữa chạy, rồi lòng mẹ nhóm lên ánh lửa tin yêu. Mẹ tôi lành mạnh nhờ thuốc thang nhưng phần lớn là nhờ lòng thương yêu của cha tôi. Mẹ tôi ngừng lại mỉm cười:

- Chú có dám tin không?

- Tin gì hở mẹ?

- Tin rằng người ta sống bằng tình thương và người ta chết đi rất đổi ghen ngào nếu chưa hưởng được chút thương yêu trong trời đất, như mẹ chẳng hạn.

- Có mẹ à!

Mẹ kể tiếp. Cha tôi tạm bỏ mộng sông hồ, dừng chân bên quê ngoại nhà tôi để phả vào tai mẹ những âm điệu vui vui, buồn buồn, phả vào hồn mẹ những vần thơ bằng bể nhất của tình yêu không giới hạn. Cha tôi dạy mẹ tôi tất cả nỗi niềm tha thiết, trao cho mẹ tôi trọn vẹn gia sản tinh thần của một người quê hương biết thương yêu nhau, sau này hòa với suốt mộng mơ của mẹ, mẹ truyền cảm cho anh em tôi. Kỷ niệm ấy gọi hình tự giàn hoa thiên lý quê ngoại nên mẹ tôi thích trồng thứ cây dịu dàng bất cứ ở đâu: rừng đồi, thôn ố, phố phường.

- Chú có hiểu không?

- Chuyện hết rồi ư mẹ?

- Ừ.

- Sao ngăn thế mẹ, con tưởng dài ghê lắm.

- Nói bao giờ cho hết được, chú cố tìm hiểu nhiều hơn.

Mẹ chỉ tóm tắt thế thôi. Nay mai chú ra đi và chiều nào chú sẽ gặp một con bé dưới giàn thiên lý. Chuyện thương yêu ai kể hết, ai biết hết mà kể.

- Khó quá mẹ ạ!

- Dễ mà. Khi nào ở phương trời xa lạ chú đáp chuyến tàu ba mươi tết xuống một bến quen rồi tha thẩn chú chẳng biết về đâu, lúc ấy chú sẽ hiểu tình thương. Khi nào lòng chú se sắt, chú thấy chú bơ vơ, thiếu điều gì khó diễn tả chú sẽ hiểu tình thương. Hay khi chú thấy người đồng loại đau khổ, ghen ngào chú nhỏ lệ cúi xuống hôn trán em nhỏ mồ côi, âu yếm dắt tay người thợ cùng bước trên đường chú sẽ hiểu tình thương. Còn nữa, còn nữa tình thương rất diệu vợi và khó đo lường. Chú sẽ hiểu chú nhỏ ạ!

- Nhỡ con không hiểu?

- Nhắm nào, chú phải hiểu, chú phải nói lên bằng lòng chú, bằng nước mắt của chú, tô lên những trang thơ trịnh trọng mà mẹ dạy chú niêm luật hôm nào. Nhưng cậu cả này, bao giờ khăn gói cho mẹ biết đấy nhé! Mẹ không ngăn cấm chú đâu, chim đầu đàn phải bay dò đường cho các em chứ. Mẹ sẽ dặn chú điều này... Thôi đi vào.

Mẹ còn muốn dặn điều gì? Mà sao mẹ vội nghĩ đến ngày tôi bỏ nhà ra đi. Đêm ấy tôi băn khoăn suy cảm. Hương thiên lý phủ kín tình tôi rạo rực như lần nhìn cảnh chim lạc bầy bay về viễn xứ. Ngày tháng rụng rơi nối tiếp, mẹ tôi vẫn trồng thiên lý và những trưa mùa hạ, cua đồng nấu với chùm hoa vẫn ngọt ngon. Cho đến năm tôi hai mươi tuổi thì lời dự đoán của mẹ hiện hình. Than ôi! Tôi đã nói dối mẹ tôi vì ngày tôi đi giặc cướp ở rừng núi tràn về nhiều quá, vì tôi đi xa xôi lắm. Đêm già từ mẹ, tôi đứng bên thềm nhà lắng tai nghe ngóng. Tim tôi đập mạnh, nước mắt đầm đìa. Tôi run run gõ cửa, mẹ tôi ra. Tôi chùi vội nước mắt hỏi nhỏ:

- Em Dục về chưa mẹ, lúc này con đưa em về.
- Thế à, em ngủ rồi chú ạ!
- Thưa mẹ... Mai... con đi...
- Đi đâu, chú tính giang hồ chẳng?
- Con đi dự lớp huấn luyện hai ngày.
- Mẹ cứ tưởng... Mang chăn đi kéo lạnh. Chú có cần tiền tiêu mẹ đưa cho?
- Không mẹ ạ! Khuya rồi mời mẹ vào nghỉ, con đi từ đêm nay.

Mẹ tôi trở vào. Mẹ lê gót lép kẹp. Tôi ngờ rằng đó là tiếng nứt rạn của hai trái tim. Có tiếng mẹ thở dài và tiếng

đặt mình nặng nhọc xuống giường.

Tôi đứng trơ như gỗ, sức gì thiêng liêng níu chặt lấy chân tôi. Tôi muốn chạy nhưng khó khăn quá, khó khăn như chạy sự ghê rợn trong giấc chiêm bao. Khi chợt tỉnh tôi băng mình đi, đi không hành lý không lời từ biệt không người đưa tiễn.

Ba bốn năm trời lưu lạc miền Nam, cứ mỗi lần gió heo may rủ mùa thu sang thì lòng tôi lại nao nao sầu cảm. Cuộc sống lần hồi của tôi trôi dạt nhiều nơi, ở đâu cũng chỉ đan dệt bằng u buồn chán nản. Mắt tôi ngây dại, tóc tôi bụi đời phủ kín. Tôi vẫn đi và thường bắn khoản tự hỏi tại sao người ta cứ phải suy cảm người ta cứ giới hạn, người ta không chịu mở rộng cánh cửa tim đón tự muôn phương những luồng gió yêu thương thăm thiết hay trao tặng muôn phương những tiếng nói tâm tư cho kẻ khác tin cuộc đời. Tôi muốn hủy bỏ hai tiếng nghi ngờ, hai tiếng do dự nên có lần trót dại theo “đàn anh” đi làm cách mạng ở rừng đồi. Chao ôi! Tôi đã khóc trắng mấy đêm để mang cái thân hình tiều tụy về thành phố sau thời gian thua nhẵn nửa số mộng mơ. Lòng tôi càng ngày càng khát vọng tình yêu. Tôi đã hiểu sức thiêng liêng và quyến rũ của nó và tôi thấy nhớ mẹ tôi quá...

Giàn thiên lý quê nhà giờ đây héo khô tàn tạ. Loài ve sầu không rủ rê mùa hạ sang nữa nên họ hàng nhà bộ ngựa cũng chết hết vì buồn. Ở ngoài ấy người ta ngăn cấm không cho ai buồn, không cho ai nhớ, không cho ai thương nhau thì dễ gì mẹ tôi đã được ngồi dưới giàn hoa mà kể chuyện cho em tôi nghe. Thì dễ gì có phút giây mẹ nằm tưởng tượng bão táp ngoài trời thấy con chim nhỏ lạc bầy

dạt trôi thảm hại.

Tôi buồn, tôi muốn khóc khi nghĩ rằng chiều nào người ta bắt mẹ tôi nhổ hoa lý, phá giàn tre để trồng ngô khoai chẳng hạn. Mẹ tôi sẽ chết khô héo trên mảnh đất xác xơ đầy những oán thù. Không biết mẹ tôi có giận tôi, có ân hận vì chưa dặn tôi thêm một điều gì không? Riêng tôi, tôi hơi tiếc số mộng mơ thuở ở rừng đồi. Biết đâu mẹ tôi chả dặn cái điều liên quan đến việc ấy.

Tôi đi tìm thương yêu trong màu hoa lý, đi tìm những bà mẹ biết kể chuyện tâm tình, đi tìm cô bé thả mắt trong mơ dưới giàn cây. Tôi chưa gặp ai cả. Tình thương nhân thế còn se sắt lắm. Nhưng nắng miền Nam ấm áp, đất miền Nam trồng cây gì cũng có trái vậy nên tôi cố gắng ươm cây Hy Vọng và quên rằng mình đang sống cùng cực, ghen ngào, thiếu từ đốm lửa gia đình đến mảnh áo đẹp. Tôi sẽ đi nữa, sẽ cầu xin từ ánh mắt tìm hiểu của người quê hương để tưới vào hàng cây Hy Vọng cho hoa nhân ái thắm nở rợp trời.

Bao giờ rừng cây yêu thương đơm trái, người quê hương sẽ về cướp lại đất quê hương và tôi phải gặp cô bé dưới giàn cây bằng khuâng ngời đếm giọt hoàng hôn rơi trên sóng tóc. Khi hồi cư chúng tôi lấy nhau. Tôi sẽ đưa vợ tôi sang quê ngoại chỉ cho vợ tôi dấu vết giàn hoa thiên lý xa xưa. Vợ chồng tôi bắc giàn trồng hoa, chiều chiều tưới nước vào gốc cho chóng lớn. Đợi đến lúc lá theo cành leo kín đầy giàn thì loài ve sầu lại rủ rê mùa hạ sang thì họ hàng nhà bộ ngựa lại tha thẩn cả ngày leo bò trên màu xanh muôn thuở. Tôi ngồi dưới giàn kể chuyện "*Chuyện hoa lý của Mẹ*" cho vợ tôi nghe. Vợ tôi phải nhớ để kể cho

con tôi nghe sau này. Làng xưa đẹp lên màu áo nâu, rộn ràng lên tiếng kéo cưa xẻ gỗ làm đình. Tôi tập làm ca dao ví von những câu thương yêu với màu xanh hoa lý dịu dịu, nhẹ nhàng, lơ lửng tự ngàn xưa đến tận ngàn sau.

Biên giới

Người con gái đi xe vê-lô-xô-lếch. Anh chưa kịp nhận xét nhan sắc của nàng. Trên những con đường không hò hẹn, bao nhiêu tà áo đã từng băng qua như thế, nên anh chỉ biết thả tầm mắt đuổi hình ảnh mà tưởng tượng. Hôm nay cũng vậy, anh định nhìn theo người con gái với cảm nghĩ thương lệ nhưng không hiểu sao tim anh đập mạnh và tâm hồn nao nức đến hoang mang.

Người con gái đi cách anh vài chục thước. Gió lùa vào tóc nàng tung về phía sau. Mầu áo xanh in hình mùa thu sâu mộng. Anh cố đạp để kịp nàng. Cũng may đèn đỏ ngã tư Hưng-Đạo - Cộng-Hòa giữ nàng lại giùm anh. Khi anh gặp nàng thì đèn xanh báo hiệu. Nàng rồ máy đi chậm chậm. Con gái, nhất là con gái chưa muốn chạy theo chất lạ của thời-đại vẫn thường tỏ ra khoan thai trong mọi cách sinh hoạt kể cả lúc ngồi trên xe vê-lô-sô-lếch.

Đại lộ Trần Hưng-Đạo lúc này trở lên nhiều khe như đường sang đất Thục. Một tấm bảng nền tím chữ trắng: “Lối dành riêng cho người đi xe đạp và xe không động cơ”. Anh ngập ngừng chạy vào lối nhỏ đó. Tâm hồn anh lúc ấy phức tạp lắm. Cuộc sống không tưởng đã đọa đầy anh tháng này qua tháng nọ, đã bắt anh suy nghĩ đến phải khóc nhiều rồi. Chẳng lẽ khi mình muốn tìm một chút tình thương yêu

trong trời đất cho thơm hành lý, một bàn tay vuốt ve tâm sự cũng phải nghi ngờ tính toán hay sao? Và, trong giây phút ngông cuồng của sự thèm khát, anh khinh thường hết mọi sự ở cõi đời khe khắt này, thầy kẻ luật lệ, anh băng ra đường lớn, đi song song cùng người con gái. Sự liều lĩnh ấy cũng có thể đưa anh vào quận cảnh sát. Anh sẽ mất ít thì giờ van nài nếu không muốn chìa thẻ căn cước và lĩnh tấm giấy biên lai nộp phạt 20 đồng. Nhưng, đã bảo không cần so đo nên anh bắt đầu nhận xét người con gái.

Nàng không đánh phấn tô son. Anh cho rằng những cô gái chưa một lần nũng nịu với phấn son là tâm tình còn nguyên vẹn. Và, người con gái ấy đẹp. Anh muốn nói với nàng một lời chào hỏi băng quơ nhưng sao khó khăn thế. Nhà thi sĩ khi làm thơ thường hay bị lúng túng ở khổ

đầu, nhà văn thì hay xóa bỏ những trang thứ nhất cũng như anh học sinh, bài luận rắc rối vẫn là phần nhập đề. Gã trai si tình, nào khác cậu học trò lớp nhất, ngập ngừng run sợ tiếng nói trao duyên. Trong đời mình, đôi khi có nỗi sợ không giải nghĩa được. Ai sẽ hỏi anh dám đùa với cảnh sát công lộ mà ngần ngại buông lời hoa bướm? Cuộc sống thật khác với mộng tưởng. Người ta cứ hò hét “hãy thương nhau” nhưng làm sao cho lời đó ngọt ngon mà không tro trên? Anh phân vân quá, chưa biết dùng chữ nào cho tròn lời đưa duyên, mặt hình như đỏ bừng và vẫn lẻo đẻo theo người con gái. Nàng hiểu ý anh (anh nghĩ thế), không giận dỗi hay tỏ một cử chỉ nào. Anh có cảm tưởng như là nàng cho xe chạy chậm hơn nữa. Anh nhìn nàng, mắt ánh lên tình cảm như van lơn như cảm ơn. Và một giấc mộng con nhóm lên trong tâm tưởng.

Đại lộ lúc ấy sao mênh mông thế! Tình anh cũng dâng lên mênh mông. Người và vật nối đuôi nhau qua lại. Không ai thềm để ý anh nhỏ mọn lọt vào thế giới riêng tư có anh và nàng. Anh đưa nàng ra bờ sông ngắm con tàu tự phương nào mời đến thả neo ở bến này. Sông nước triền miên. Đêm. Một con thuyền chở đầy trăng nhẹ trôi phía bên kia. Trăng đổ đầy trên lá dừa. Nàng nhìn tàu lá hỏi anh: “Thế nào là mũi dọc dừa?” Anh giải nghĩa bằng những đôi mắt buồn không bao giờ có hò hẹn vì không bao giờ có thương yêu ở Hà-Nội. Nàng khóc. Anh uống đôi dòng nước mắt nổi hàng trên đôi má thơm duyên. Nàng ngả đầu vào ngực anh thốn thức. Anh ôm nàng che chở, vuốt ve. Anh ngồi đếm sao và nghe hơi thở của nàng êm êm nhạc điệu. Cho nhập thành hồn nhạc linh thiêng, anh rót vào tai nàng một điệu Tagore:

*Nếu em không có anh
Trời sẽ hết màu xanh
Nắng không vàng óng nữa
Chim thôi ca trên cành
Nếu em không có anh
Vũ trụ sẽ tan tành
Trăng sao rơi rụng hết
Bóng tối ủa mông mênh
...
Thời hỗn mang trở lại
Một khối lầy mông lung
Vất vơ trong trống rỗng
Vô vi cũng hã hùnh¹*

¹ Thụy An Dịch

Nàng ngủ thiếp đi rất ngây thơ trong tiếng hát. Sương khuya thấm ướt vai anh, nhưng không thấy lạnh, anh cố thức canh giấc ngủ cho nàng. Một người cảnh sát công viên thoáng qua, nhìn, mỉm cười rồi quay đi. Anh thấy ghét hẳn quá. Ừ, hẳn không biên phạt mình nhưng cần gì phải có sự hiện diện của hẳn lúc này. Có gì rơi như trăng nhỏ giọt.

A! Trời tối sầm lại. Mưa nhỏ. Mưa lớn. Anh vội gọi nàng “em”, hai tay nắm chặt lấy vai nàng. Một tiếng kêu khô khan nghe rõ. Trời, chỉ là tiếng rít của cao su ép vào vành sắt trên đại lộ Trần Hưng-Đạo mệnh mông! Giấc mộng riêng tư phai nhòa. Anh bắt gặp lời nguyện rửa của người phu xe xích lô dừng trước vệt đình trắng giới hạn con đường. Thì ra anh xô phải anh ta và đây lại có người cảnh sát đeo súng đứng chỉ đường.

Anh đưa mắt nhìn người con gái. Nàng quay đi e ấp, mắt ánh lên tia sáng trầm tư. Đôi tay nho nhỏ đưa lên vén mớ tóc mai. Lòng anh lúc này bùng cháy, tâm sự giống hệt anh chàng Roméo của thi hào Shakespeare. Nói làm sao, nói thế nào với nàng đây. Chao ôi là diệu vợi, khó khăn hơn cả chuyện “góp lá thu mà chẵn nẻo xuân sang”. Bàn tay quen thuộc của người cảnh sát đổi chiều, anh và nàng im lặng đi song hàng. Rồi can đảm, anh run giọng hỏi nàng:

- Thưa cô...

- Tôi xin lỗi đã làm cô phiền lòng.

Nàng không thềm đáp lại. Anh ngượng ngùng đau khổ. Nắng tự nhiên lên màu đỏ xuống tóc nàng. Nắng lựa mong manh như tơ trời mỏng mảnh dăng dăng trên đầu hai người. Anh thấy anh ngu dại hơn cả bao giờ. Đáng lẽ anh phải rẽ sang lối khác nhưng sao anh cứ thích ngu si. Và anh

tướng phần nhập đề đã vừa lòng cô giáo rồi đây, anh định tiếp tục hỏi nàng nhưng - câu chuyện ở đây toàn nhưng là nhưng - cái gì án ngữ lòng anh rồi dâng lên cổ họng nghẹn lờ. Bây giờ người ta lên án phạt tình yêu giả dối, tình yêu làm nham nhở cuộc đời, và người ta coi thường nó lắm. Không biết sẽ phải giảng nghĩa thế nào cho ngàn phương hiểu câu chuyện đi vào tình thương của anh. Giá anh tin được như mọi người thường tin là Người Thương lúc này cũng chỉ như một thứ máy móc thì có lẽ lâu rồi, tự những hôm nào cơ anh đã thành tên xà ích để yêu cái xe ngựa. Ý nghĩ của anh lờ thôi vì chính ra tình yêu diệu vợi như sự sợ hãi không duyên cớ biết làm sao mà định nghĩa được.

Đại lộ Trần Hưng-Đạo càng mênh mông, hồn anh càng mừng lung, Anh không dám đạp nhanh nữa. Con đường có ranh giới, có ngã ba ngã tư mà sao thăm thăm tuyệt vời. Người và vật vẫn qua lại tấp nập, biết đâu họ chẳng có tâm sự như anh - tâm sự của gã trai si tình thêm yêu đương mà không dám mở miệng - anh muốn rẽ sang bên phải phố Huỳnh Quang-Tiên đem hình ảnh của Arvers tuyệt vọng về nhà. Nhưng kìa, người con gái quay xuống nhìn anh. Hồn si vụt tỉnh, anh nhấn mạnh xe lên. vẫn ngượng ngập.

- Cô...

- ...

- Cô cứ thẳng thắn nói, tôi sẽ làm thế nào để vừa lòng cô?

- Ông cứ việc làm theo ý nghĩ của ông nhưng đừng nói thì hơn, tôi ngại trả lời lắm.

Giọng nàng thiết tha quá đổi. Trời ơi, anh muốn hôn lên đôi môi dịu cảm kia. Bây giờ thì không còn nghẹn lờ nữa. Thân bài luận đã sẵn sàng viết vì có câu chuyển ý rồi.

Nhưng nàng bảo anh nên im lặng? Nàng nghĩ rằng tâm tình không là máy móc nên không kêu ầm ỹ chẳng? Có lẽ thế. Anh sung sướng như tên tù vừa được trả tự do. Giây phút thiêng liêng vạn kỷ đã đến ngự trị hồn mình rồi đây. Nhạc ở đâu thẳm thì bò vào tim phổi anh. Đại lộ Trần Hưng-Đạo không còn mông mênh nữa. Bao nhiêu cái mông mênh tràn vào lòng anh. Nắng hoe màu hơn, gió ngậy ngất. Trước đây anh có một chuỗi căm thù, lúc này biến đi đâu hết cả. Chỉ còn in rõ rệt vào ánh mắt anh hình ảnh người con gái dịu dàng nào trên xe vê-lô-sô-lếch.

- Cô...

- Tôi đã van ông im lặng mà,

- Nhưng tôi còn tiếc quá, giá cô gọi tôi là... là gì cũng được thì đẹp biết mấy.

- Đành vậy thôi, lịch sự sơ đẳng mà ông ạ!

- Cô chưa ban cho ai một chút hạnh phúc trên cõi đời này ư?

- Tôi không biết, ông hỏi lời thôi quá.

- Cô.

- Thưa ông, ông hỏi gì thế ạ!

- Cô học trường nào?

- Trường Marie Curie.

- Lớp mấy!

- Première. Mà sao ông hỏi lẩn thẩn vậy?

- Vì, chả biết hỏi sao để cô khỏi ghét.

- Tốt hơn ông đừng hỏi nữa.

- Hay cô mắng tôi thậm tệ để tôi cút cho khuất mắt cô.

- Tôi đâu dám, ông quá hạ mình.

- Vậy cô cho phép tôi nói chuyện cho vui đường.

- Tùy ông.

- Xin lỗi cô để được khen cô một câu: Cô đẹp lắm và hiền lắm.

Người con gái đỏ mặt xấu hổ. Anh nhìn nàng mỉm cười. Anh chắc lúc này anh vô duyên và đáng ghét lắm nhưng biết nói sao. Mà hơn nữa, cả cái mệnh mông của đại lộ Trần Hưng-Đạo đã dồn vào lòng anh rồi, anh còn sợ hãi gì nữa. Anh và nàng lại phải dừng ở ngã tư có đèn xanh, đèn đỏ. Nhiều người nhìn, mỉm cười. Anh không thấy vẻ gì giận dữ trên khuôn mặt người con gái nên hỏi dồn:

- Cô nghĩ sao! Cô học trường đầm mà còn nguyên cái vẻ nhu mì của thiếu nữ Việt.

- Ông khéo nịnh quá, tôi không quen nghe nịnh. Và cũng không thích ai nịnh mình...

- Chết chữa, cô đã nghĩ sai những lời nói chân thật của tôi rồi. Thì ra tôi đã lầm.

- Ông nói sao?

- Tôi cứ tưởng người như cô phải biết quý trọng cái gì êm đẹp nhất của cuộc đời, nhưng tôi lầm thật.

Anh nói bằng một giọng nửa buồn rầu nửa giận dữ và định rẽ sang phố Nguyễn Thái-Học nhưng tai ác làm sao, đèn xanh lúc ấy lên màu. Người con gái đạp dấn lên gọi anh:

- Này ông... này anh...?

- Cô bằng lòng không gọi tôi là ông nữa, cảm ơn cô nhé!

- Nhưng anh phải hứa hết sức đứng đắn trong câu chuyện. Phải hứa đừng nói chuyện gì hơn chuyện hai người đi chung một phố.

- Được rồi, tôi xin hứa nhưng giá cô cho biết tên để gọi cho thân mật và tự nhiên hơn.

- Để lát nữa anh ạ! Ta hãy đi nốt chặng đường này xem sao.

Tự lúc ấy anh và nàng không nói năng gì nữa. Bây giờ thì cần phải im lặng để lát nữa anh sẽ hỏi nàng rằng: “Tại sao Phượng - anh cứ tạm gọi tên nàng như thế đi - lại đi xe thật chậm, tại sao Phượng không tắt máy để cùng đi lối ‘dành riêng cho những người đi xe đạp và xe không động cơ’ với anh cho đỡ sợ cảnh sát công lộ và Phượng có chấp thuận một cuộc tình duyên ngoài đường không?” Anh đoán chắc Phượng sẽ cảm động đến nghẹn lời nếu Phượng đã cùng một tâm sự như anh, tâm sự của những người tha thiết đi tìm hiểu nhau để yêu mến nhau.

Đi một quãng nữa, anh và nàng đến bùng binh chợ Bến-Thành. Vì nàng vẫn để xe nổ máy nên hai người phải rẽ đôi trước ánh đèn đỏ. Nàng dừng xe phía của những người đi “xe có động cơ” anh dừng phía của những người đi “xe không động cơ”. Anh và nàng nhìn nhau say đắm, Đèn bỗng trở màu xanh. Anh bị mắc kẹt bên này ranh giới chưa ra kịp thì xe cộ đủ loại dăng dăng kín đường vòng. Anh cố len, cố len sang bên kia vệt vôi trắng gặp nàng. Nhưng mất hút rồi, con chim xanh tình yêu đã bay về nẻo nào? Cố nén xúc động, anh thả mắt nhìn đây đó. Tuyệt vọng. Anh đi thêm một vòng bùng binh. Bị mắc kẹt thêm lần nữa. Chẳng hiểu nàng có đi tìm anh không. Giá đại lộ Trần Hưng-Đạo dài thêm ít nữa, giá nàng hiểu anh tự lúc đầu.. Chao ời, không có giá gì cả. Anh đau đớn oán hờn. Nhất định nàng phải đi tìm anh vì anh và nàng đã nhìn nhau mỉm cười. Biết đâu qua bùng binh hai người sẽ nói chuyện yêu thương?

Nhưng biên giới con đường đã án ngữ lấy tấm tư. Nàng không thấy anh, anh không thấy nàng. Chúng mình còn lẫn

quần trong những biên giới thì biết trao gửi gì làm tin cho
ấm lòng nhau, Em ơi! Có phải tên em là Phượng không?
Bao giờ em yêu anh thì tìm anh ở đâu?

Ôi! Biên giới con đường có lính canh, có màu vàng, màu
đỏ, màu xanh, có chữ trắng ngạo nghễ trên nền sơn tím sao
mà giống biên giới cõi đời thế!

Chiếc vòng tay của một người

Vũ thao thức mãi chưa ngủ được. Đôi lần Vũ cố khép mắt nhưng hình ảnh Thùy hiện ra rưng rức bờ mi. Đêm khuya. Lạnh. Ngoài hiên, từng giọt nước của trận mưa vừa tạnh, nhỏ đều, buồn thảm.

Buổi chiều dẫu Thùy đi bộ một thôi đường, Vũ vẫn chưa ngỏ cho Thùy biết chuyện Vũ nghĩ đến tương lai của hai đứa. Thùy cũng chẳng nói năng gì. Thùy chỉ cười ngây thơ nhìn Vũ. Khi chia tay Thùy bảo Vũ:

- Thứ sáu tuần sau là ngày Sinh nhật của Thùy đấy anh ạ!

Vũ đem câu ấy về suy cảm trắng cả buổi chiều. Vũ liên tưởng nhớ tới những bó hoa, những tặng phẩm, những lời chúc tụng, những bộ mặt điểm tô giả dối trong bữa tiệc sinh nhật của một người. Vũ mừng tượng ra những người mà cả đời là con số không to lớn cũng cố nín lấy ngày sinh tháng để để hồng lường gạt chút ít kỷ niệm, những người quên cả ngày sinh tháng đẻ, những người không dám thêm khát ngời vị cuộc đời, một sớm thấy mình được còng kên lên, bắt đầu quên dĩ vãng, bắt đầu tô son thếp vàng cái ngày sinh nhật tươi đẹp.

Ngày khói lửa bùng nổ ở đất nước này, bao nhiêu trẻ thơ vô tội đã bị quăng vào bờ tre gốc dứa ngay lúc lọt lòng. Không ai nhắc đến chúng, rủi may đứa nào còn sống, sau

này làm nên sự nghiệp, chắc chắn có kẻ gò lưng viết hộ chúng trang tiểu sử lộng lẫy quên cả thời thơ ấu. Trong khi ấy, nơi an ninh hơn, những cậu quý tử lần lượt ra đời. Cha mẹ các cậu mời mọc họ hàng, bè bạn ăn uống linh đình như không thèm đếm xỉa sự đau thương bên ngoài. Những cậu quý tử lớn khôn, học giỏi đi làm tiền nuôi vợ con. Mục đích chỉ có thế. Giá ngồi được đỉnh chót của bậc thang danh vọng thì mục đích lại vì dân vì nước và ý nghĩa của ngày sinh nhật, dĩ nhiên, rất thiêng liêng. Cuộc sống thật phức tạp, nham nhở, vô lý. Thế mà Thùy... Nghĩ lại Vũ thấy tội nghiệp Thùy. Biết đâu ngày sinh nhật Thùy chẳng khác, chẳng gói gém chất cay đắng, buồn thương.

Vũ mới quen Thùy gần đây ở khám. Thùy đi tiếp tế cho cha. Nhờ buổi gặp ngượng ngập xách cái làn mây thức ăn khếp nép trong phòng đợi, Vũ mỉm cười băng khuâng. Ngày ấy Vũ cũng phải làm công việc tiếp tế cho một người không thân. Ông ta là chủ nhà Vũ thuê, phạm tội bội tín. Gia đình ông ít người lại sợ nơi tù đầy nên nhờ Vũ. Vũ nhận lời. Mỗi tuần hai lần Vũ mang đồ tiếp tế cho ông ta. Và Vũ quen Thùy, yêu Thùy trong niềm đau đớn, nơi đầy những bộ mặt sâu thẳm.

Hơn hai tháng, Vũ chưa dám hứa hẹn với Thùy, nhưng Vũ tin rằng Thùy đã hiểu những tia mắt trêu mến Vũ trao gửi nàng. Yêu nhau chỉ nên nói bằng mắt, mắt là cửa ngõ linh hồn, như thế tình yêu nhiều nghĩa hơn. Vũ cũng chưa dám hỏi chuyện gia đình Thùy. Có lẽ không cần vì đi sâu vào rừng hoang mình dễ gặp rắn độc. Và chẳng, Vũ sợ lần nào đó. Thùy tò mò muốn biết rõ về anh. Thì Vũ sẽ thành thực kể hết. Giá trị là ở hiện tại song nhiều khi nghĩ đến kỷ

niệm Vũ nao nao rồi đâm ra tự ti và thấy mình nhút nhát.

Cho tới nay, Vũ vẫn chẳng biết cha mẹ đẻ mình chính là ai. Hồi còn ở Hà-Nội, Vũ sống những ngày đều đều với gia đình. Cha Vũ ít khi hỏi han Vũ. Mẹ Vũ lạnh nhạt đến độ ác. Các em tìm cách xa lánh. Thỉnh thoảng có người đàn bà khoảng 22 tuổi từ Nam-Định lên chơi, cha mẹ bảo là chị họ. Chị Thu quý Vũ lắm, chị cho Vũ tiền tiêu, đưa Vũ đi xem chiếu bóng, may quần áo đẹp cho Vũ. Chị Thu không nói gì với Vũ nhưng mỗi lần chị về Nam thì chị khóc.

Năm Vũ 18 tuổi, cha mẹ bắt Vũ lấy vợ. Vũ từ chối. Cha mắng mắng, mẹ sỉ vả hết lời, các em thi nhau chế diễu. Chỉ có u già thương Vũ. U già nhìn Vũ ái ngại. Hôm cưới, chị Thu cũng lên. Chị ngồi nói chuyện với Vũ, có mẹ bên cạnh. Tự nhiên Vũ buồn.

Đêm tân hôn, Vũ khóc nức nở. Vợ Vũ ngủ say sưa. Cô nàng mới mười lăm tuổi, đáng lẽ còn phải ở nhà làm nũng mẹ, vò vãnh anh chị. Vợ Vũ trẻ con, hay cãi lại cha mẹ làm mẹ ghét Vũ thậm tệ. Năm sau vợ Vũ sinh con gái. Cha thờ dài, mẹ lãnh đạm. Lòng Vũ trống rỗng một khoảng ghê gớm. Hình như gia đình Vũ đau khổ vì sự có mặt của Vũ. Ai đối với Vũ cũng khe khắt hơn cả người dung nước lã. Có u già quý Vũ như chị Thu, u già lại sợ sệt. Vợ Vũ sinh nở xong, ốm đau liên miên, được mấy tháng thì chết. Vũ không xúc động. Con Vũ trả lại bà ngoại nuôi. Thiếu mẹ, đứa bé sài đẹn rồi cũng chết nốt. Từ đấy, Vũ sống cô độc.

Vũ bỏ học, chị Thu khuyên thế nào cũng không được. Vũ oán ghét cha mẹ, anh em. Một lần cha mắng Vũ, Vũ cãi lại, bị đuổi khỏi nhà mấy tuần. Vũ tính về Nam-Định Sống nhờ chị Thu, mẹ sai người ngăn cản. Vũ phải mò về nhà

chịu những hình phạt tinh thần nhưc buốt. Hôm Vũ trở lại, u già rình lúc vắng vẻ đến cầm tay Vũ, nước mắt đầm đìa, u già than thở:

- Tội nghiệp cậu quá. U muốn kể hết chuyện cậu nghe. Khốn nỗi u sợ cậu bỏ đi thì chết mất.

Vũ cố van nài u già nói cho Vũ nghe những gì u già hiểu thì u già sợ hãi. Mãi mấy tuần sau u mới rủ Vũ ra bờ sông kể chuyện gia đình Vũ. U già bảo chị Thu là chị ruột Vũ. Cha mẹ Vũ hiện đang nuôi Vũ là bạn thân của cha Vũ. Nhà Vũ xưa ở Thanh Hóa. Cha Vũ bị Tây bắt đầy lên Sơn-La khi mẹ có mang Vũ, ít tháng sau cha Vũ chết trong tù ngục. Mẹ sinh Vũ xong buồn quá mắc bệnh chết theo. Bấy giờ Vũ mới được mấy tháng, bạn cha Vũ đem về nuôi, lấy tên họ của ông đặt cho Vũ, còn chị Thu gửi cho bà ngoại Vũ. Chị Thu lớn lên đi lấy chồng ở Nam-Định.

Thảo nào chị Thu thương Vũ thế, cha nuôi Vũ cố dấu dĩ vãng thâm sầu của Vũ. U già đã nói lại. U già trông coi Vũ tự những ngày ở Thanh-Hóa lẽ nào u nói dối. Vũ nghe xong khóc tấmtức, u già khóc theo. U bắt Vũ đừng nói cho ai biết. Vũ định gặp Chị Thu lần này sẽ hỏi nhiều, nhưng lần chị Thu từ Nam lên, xe hàng bị mìn nổ tan tành gần Phủ-Lý. Chị Thu chết nữa. Vũ bỏ ăn mấy ngày. Chuyện Vũ vẫn còn bí mật. Bây giờ Vũ tạm hiểu sự lãnh đạm có duyên cớ của gia đình Vũ đang sống. Vũ biết ơn chứ không kính trọng. Lấy vợ cho Vũ, cha mẹ Vũ muốn làm tròn bốn phận với người quá cố, cha mẹ nuôi muốn Vũ có con trai để nối dõi tông đường. Chính vì vậy mà cha mẹ nuôi đã hủy hoại quãng đời hoa mộng của Vũ và uơm trong hồn Vũ ý nghĩ oán ghét mọi người. Vũ bị hắt hủi tự ngưỡng cửa gia đình. Đau khổ, Vũ

chưa biết tính sao thì hội nghị Genève chia đôi Nam, Bắc. Vũ bỏ nhà ra đi.

Vào Sài-Gòn, thoát đầu Vũ sống tạm nhà chú. Chú tốt. Thím lắm điều, đàn bà thường hay chấp nhậ những chuyện vô lý. Một đêm Vũ nghe lỏm thím thì thầm với chồng. Thím tỏ vẻ khó chịu về Vũ. Chú mắg thím, thương Vũ côi cút. Thím bù lu bù loa. Thím bảo chú bệnh vực người dưng nước lã. Vũ lạnh toát cả người. Đúng rồi. Vũ mồ côi cha mẹ. Sáng sau không cần chào hỏi, Vũ bỏ đi lang thang đây đó. Vũ làm đủ mọi nghề lương thiện. Lòng Vũ trắng trnh. Hồn Vũ nẩy nở đóa hoa mà cha ươm trồng thừa nọ. Con người trong sạch, Vũ tin mình sẽ thoát khỏi cạm bẫy cuộc đời giăng muôn nẻo. Trong sự đau khổ. Vũ thấy mình cao thượng và rung động sâu xa. Hiện giờ Vũ ở nhờ Tuấn trên căn gác hẹp tồi tàn, suy nghĩ đến sự cô độc của cuộc đời và ngày kỷ niệm của người yêu dấu.

Vũ nghèo quá. Vũ không có lấy một vật gì đáng tiền để bán đi mua tặng phẩm trao Thùy. Có những bạn đi ô tô buýt đưa Thùy về, Vũ luôn luôn hết tiền xe chuyển về, phải cuốc bộ. Gặp mưa ướt đến da, Vũ ốm mấy ngày. Những bạn như thế Vũ định hỏi tiền Thùy rồi nghĩ sao Vũ lại thôi. Nhiều khi mình cũng không nên tính toán chuyện danh dự trong tình yêu vì danh dự gò bó tâm hồn và mình đâm ra giả dối. Tuy nghĩ vậy song chưa lần nào Vũ hạ mình đón nhận tiền của Thùy. Tự ái con trai cấm Vũ làm điều nhục nhã.

Từ ngày Vũ lớn, Vũ chỉ nhận vào đời mình những buồn đau thương tiếc, những chết chóc hãi hùng. Cuộc đời hắt hủi Vũ bằng kỷ niệm êm đẹp nên đón Thùy vào hồn Vũ vẫn e ngại. Vũ muốn kể hết cho Thùy những gì Vũ chở chất

trong lòng... Thùy chưa thành thực. Thùy còn nhỏ quá, biết đâu chuyện yêu Vũ mai mốt không trở thành chuyện trót lỗ. Lần đầu đưa Thùy về, Thùy bắt Vũ xuống trước một trạm. Vũ hỏi tại Sao thì Thùy đáp gọn: "*Như thế tiện anh ạ!*" Vũ rất sợ những hành động lén lút nhất là chuyện yêu đương nên đã van nài Thùy cho biết địa chỉ để đến thăm má Thùy. Thùy từ chối bằng lời quen thuộc: "*Đừng, như thế không tiện anh ạ!*"

Cứ nghĩ đến Thùy, đến người con gái mỏng manh như bóng chiều, răng khểnh, tóc rối bù, mắt buồn như đám ma đã làm tâm hồn mình nổi sóng, Vũ hoang mang. Vì tiếng nói buổi chiều cầu xé lòng. Vũ không chịu nổi, tung mìn ra ngoài hiên đứng nhìn phố vắng đều hiu, nghe tiếng xe bò nghiêng đường ngoài ô heo hút.

oOo

Mấy hôm liền, Vũ thơ thẩn trên đường phố Sài-Gòn, mắt để ý đó đây xem có dịp nào may mắn thì chỉ gặp những tấm vé số vô duyên, tro trên nằm đợi chân người dẫm lên. Vũ chán nản nhìn cái hình hài tiêu tụy của mình, Vũ đi vào cuộc sống bằng đôi giày há mồm bằng bộ quần áo nát nhàu. Phong trần từ mái tóc bông bênh, chỉ còn lại đôi mắt long lanh sáng lên niềm tin tưởng và tấm lòng thơm tho nguyên vẹn. Vũ không tuyệt vọng. Trong tuyệt vọng nảy nở nhiều hy vọng. Vũ tin thế và bước xuống đời, kiêu hãnh, ngạo mạn.

Khi ngang tòa soạn báo nọ. Vũ thấy người ta viết giấy cần mua cuốn "*Thi nhân Việt-Nam*" giá cao. Vũ chợt nhớ đến Cận, đến Thùy, đến ngày sinh nhật tuần sau. Cận là bạn của Vũ. Hồi ở Hà-Nội Vũ có nhiều bạn thân lắm. Bây giờ họ

học hành đỗ đạt, xa dần Vũ. Trong người họ đầy ứ chất tự tôn. Vũ không ghen tuông địa vị nhưng Vũ rất khinh họ. Bỏ sách vở đi, họ chẳng khác gì người tỉnh nhỏ mở bản đồ dò đường mỗi khi tới phố lạ kinh thành. Điều đáng ghét là họ tưởng mình hiển hách rồi. Thực ra ăn bám cha mẹ mà đỗ đạt tú tài, cử nhân thì có gì là vẻ vang. Nên Vũ chẳng cần giao thiệp với họ. Riêng Cận. Cận biết điều, vả lại Vũ cần Cận lúc này để mượn cuốn “*Thi nhân Việt-Nam*”. Bất đắc dĩ, Vũ phải đến nhà Cận. Trước đây Vũ đã vài lần thăm Cận. Vũ có nhận xét buồn cười là Cận sống trong sự chiều chuộng của gia đình nên bé nhỏ làm sao. Vũ so sánh Cận với hoàn cảnh mình thì thấy tê tê ở tim nhưng rạo rức ở lòng. Gặp Cận, Vũ hỏi ngay cuốn sách. Cận đưa Cho Vũ và dặn Vũ giữ cẩn thận hộ. Vũ cảm ơn qua loa rồi từ biệt Cận.

Ở nhà Cận, Vũ tới thẳng tòa soạn nọ. Vũ gặp ngay người cần mua sách, Ông ta trả 500. Vũ bằng lòng. Vũ đem 500 lên hẻm Eden tìm mua kỷ vật. Vũ để ý nhiều thứ. Vũ định mua cái bóp nhưng không đủ tiền. Mua lược gương thì chắc Thùy đã có và Thùy cũng chẳng thích vì tóc Thùy luôn luôn rối bù. Mua son phấn thì Vũ ngại Thùy còn trẻ. Vũ lại thù son phấn... Cuối cùng Vũ bỏ những quán bán đồ trang sức, Vũ tới hiệu bán đĩa hát. Vũ thích bài “Secret love” do Doris Day hát và bài “An affair to remember” do Nat King trình bày.

Khi sắp đẩy cửa bước vào, Vũ rụt rè e ngại, Vũ nghĩ đến sự lường gạt Cận một cách bỉ ổi. Thà Vũ lợi dụng lúc Cận đi vắng ăn cắp sách của Cận cũng được. Xã hội Vũ đang sống thiếu những thẳng ăn cắp. Cuộc đời đã lừa lọc, móc túi ít nhiều rung cảm của Vũ thì lúc này Vũ có quyền, lấy

lại để đổi sự êm ấm cho tâm hồn. Như thế, Vũ lừa bịp bạn rồi lừa người yêu và lừa bịp ai nữa? Vũ lang thang trong ngõ ngách tình cảm. Vũ thấy mình hèn hạ không đáng làm người. Mi mắt cay cay, Vũ bỏ đi, xua đuổi hình ảnh những đĩa hát, những son phấn, nước hoa.

Vũ đến tòa soạn nợ trả lại tiền. Người mua từ chối. Đau khổ, Vũ chậm rãi về nhà trọ. Vũ muốn xin lỗi Cận, đưa tiền bán sách cho Cận nhưng sự gì vô hình níu lấy ý định của Vũ. Vũ mừng tượng Thùỵ và Vũ khóc.

Lối về, Vũ ước mong con đường dài vô tận để Vũ cứ đi mãi cho thoát khỏi cõi đời đen tối hiện tại cõi đời đen tối chỉ dấy người ta lường gạt nhau, cõi đời đen tối đầy dẫy những tấm bi kịch thiếu đạo diễn nên biến tất cả thành hài kịch kịch côm. Thượng đế cứ hay đầy đo kẻ có lòng, biết Vũ còn niềm tin đợi một ân huệ?

Vũ thả hồn trong chuyện cổ tích, ước mong được khóc như trẻ thơ. Những kẻ nghèo khổ đi trên đường dài phần nhiều là những kẻ lãng mạn, ước mơ dịp may không thể xảy ra. Như cái cặp đựng tiền của ai để quên bờ dậu, như tấm vé số một triệu chưa kịp lĩnh phôi mình dưới nắng.

Vũ thì chỉ nhìn xuống, nhìn xuống cái xấu xa phức tạp của cuộc sống tranh giành. Bỗng mắt Vũ gặp thanh sắt dài chừng hai gang tay lấp lánh dưới ánh mặt trời. Lại gần, đó là miếng sắt tàu bay. Vớ vẩn, Vũ nhặt lên gõ vào cột đèn. Tiếng sắt kêu leng keng mai mỉa. Vũ toan liệng đi. Tự nhiên Vũ nghĩ tới những chiếc vòng tay bằng nhôm nhiều cô gái thích đeo.

Ở Ban-Mê-Thuật, người ta bán nhiều vòng tay bằng nhôm bảo là của đồng bào Rhadé làm. Vòng ấy quý lắm. Tuy

không phải trèo đèo lội suối nhưng phải ngồi mấy trăm cây số đường rừng mới mang về được thành phố. Thực ra vòng bán làm quà chỉ lạ chứ không quý. Vòng Thượng thiêng liêng hơn nhiều, dễ gì ai cũng được đeo. Người Rhadé thành thực và cầu kỳ. Được đeo vòng của họ phải là bạn thân, phải làm lễ thề bồi để họ tháo vòng của họ đeo sang tay mình. Sự thành kính ấy nảy nở trong lòng Vũ một ý tưởng lạ lùng. Vũ sẽ biến miếng sắt tàu bay thành chiếc vòng làm quà sinh nhật tặng Thùy. Vũ sung sướng, mỉm cười. Vũ về nhà gặp Tuấn. Tuấn hỏi mượn tiền giúp vợ một người bạn mới đẻ. Vũ trao hết tiền bán cuốn “*Thi nhân Việt-Nam*” cho Tuấn. Vũ thấy lòng mình hết bị đay nghiến.

Khi Tuấn đi khỏi, Vũ xuống nhà đem thanh sắt ra mài cho bóng. Vũ ngây thơ ước mình như Aladin mài cây đèn thần. Giá ông thần hiện lên, Vũ sẽ xin ông ta căn nhà êm ấm, cuộc sống đầy đủ, tình yêu thoải mái và tặng phẩm tặng Thùy. Vũ sẽ van ông thần hóa phép để tóc Thùy thôi rối, mắt Thùy thôi buồn, răng Thùy thôi khểnh. Ông thần không hiện lên. Cõi đời nhiều tên phù thủy gian ác cao tay quá, thần thánh chịu quy hàng cả. Vũ thở dài. Cô độc. Buồn tênh. Vắng. Không ai ngồi xem Vũ mơ ước, chỉ có hồn Vũ quỵện lấy đất quê hương đánh bóng miếng sắt như đời Vũ bám lấy cuộc sống đánh bóng linh hồn.

Vũ yêu Thùy, sợ mất Thùy. Vũ đã mất mát bao người thân yêu. Vũ tưởng niềm rung động trong anh bị thui chột. Vũ tưởng Vũ đã ghét cả mọi người. Ai ngờ gặp Thùy mới thấy đời đáng sống để thương yêu nhau. Thùy tế nhị, hay khóc lăm. Đôi lần Vũ rủ Thùy lang thang phố vắng. Thùy nể Vũ đi nhưng bắt hứa nhiều điều kỳ cục. Vũ nhớ lời Thùy

nhỏ nhỏ:

- Anh Vũ ạ! Theo Thùy hôn nhau không phải là yêu đâu. Nếu anh thấy cảm giác lạ khi hôn Thùy thì đừng nên. Thùy sẽ giải thích sau này.

- Thùy bảo thế nào mới là yêu?

- Yêu thường thường ích kỷ anh ạ! Thương mới hy sinh. Thùy chỉ muốn anh thương Thùy. Mà thương Thùy thì van anh chớ hôn Thùy đấy nhé!

- Bao giờ anh chả thương Thùy.

- Thương nhau chưa đủ đâu anh Vũ ạ! Phải kính trọng nhau nữa chứ. Thùy chẳng biết đã trọng anh chưa?

- Tuy nhiên...

- Đừng, anh đừng nịnh Thùy, Thùy chả đáng để anh kính trọng vì Thùy hiểu anh sẽ nghĩ gì về cuộc tình duyên ngoài phố.

- Thùy chỉ nghĩ vớ vẩn!

- Cõi đời mình sống ít vĩnh cửu và nhiều đổi thay, anh đừng hứa gì với Thùy cả. Hứa rồi anh hối hận đấy.

Tình yêu của Vũ đối với Thùy mong manh như nắng lụi.

Vũ hy vọng có ngày Thùy hiểu anh hơn và kính trọng anh. Nếu Thùy đã đi vào giấc Vũ ngủ, nếu Thùy đã ngồi xem Vũ mài thanh sắt tàu bay. Thùy sẽ hết nghĩ sánh Vũ với bất cứ gã con trai nào. Thùy phải có nhiều chiếc vòng đeo tay, chiếc vòng duy nhất Vũ tạo ra bằng túi hờn, mộng ước, ái ân...

Ở hẻm Eden Vũ thấy vô số vòng đeo tay đắt tiền, ở những hiệu kim hoàn cũng có vòng pha vàng. Vòng đó là kim loại, đổi lấy tiền, đổi lấy tình yêu. Nhiều cô mua 7 chiếc, sợi nhỏ, theo thứ tự thứ hai đeo hai chiếc thứ ba đeo ba chiếc... Chủ

nhặt tháo ra lau chùi ướp nước hoa thơm nức. Nếu là vòng kỷ niệm thì có thể nhiều việc sẽ xảy ra ngày chủ nhật. Vũ không có 7 sợi vòng vàng tặng Thùy. Bây giờ, Vũ không thèm nghĩ đến sợi vàng nữa. Vũ chỉ có chiếc vòng sắt tàu bay mộng bằng hồn và ướp bằng chuyện cổ tích. Thùy sẽ cảm động. Bởi vì, vật tầm thường vẫn là vật vô giá.

Vũ đem miếng sắt vào nhà ông thợ bạc trong xóm nhờ ông uốn hộ. Ông ta cười hóm hỉnh hỏi chuyện. Vũ thuật lại, bảo để tặng người con gái mới quen. Ông ta làm dùm không lấy tiền. Vũ tặng ông sổ báo văn nghệ có bài thơ Vũ mong nhớ Thùy. Chiếc vòng bóng loáng, đẹp như mắt mẹ hiền lúc trăng trời. Cầm trong tay, Vũ tưởng tượng thấy linh hồn chiếc vòng xúc động. Vũ sung sướng. Anh vừa gặp lại tình thương trong nụ cười của chị Thu những ngày ở Hà-Nội.

oOo

Vũ sốt mê man hai hôm liền. Chiếc vòng tay bằng sắt tàu bay luôn luôn bên mình Vũ. Khi tỉnh dậy, Vũ nâng niu ngắm nghía. Có lúc Vũ ấp vào ngực, truyền vào đầy nhịp thở của trái tim Vũ để tặng Thùy. Mai là ngày sinh nhật Thùy. Mai cũng là ngày Thùy đi tiếp tế mà nay Vũ còn nằm liệt giường. Trong cơn sốt. Vũ gọi tên Thùy nũng nịu, tên Vũ gay gắt và nhắc đến cái vòng làm Tuấn khó chịu. Tuấn có hiểu gì đâu... Lúc Vũ tỉnh, Tuấn gượng hỏi Thùy là ai, Vũ mỉm cười lấy ngón tay vẽ trong khoảng không người con gái vô hình rồi cười như nắc nẻ. Tuấn lo ngại, sợ Vũ bị thương hàn. Mấy hôm Vũ chẳng ăn gì, chỉ đòi uống nước. Người Vũ nóng ran.

Vũ ốm vì vài hôm trước Vũ đi tìm nhà Thùy. Khi về gặp

mưa, Vũ không uống thuốc nên bị sốt. Cơn sốt kéo dài sang hôm sau vào buổi trưa đúng lúc đáng lẽ Vũ gặp Thùy để tặng người yêu chiếc vòng. Vũ như chết, quên hết mọi sự kiện bên ngoài. Vũ vẫn gọi Thùy, vẫn nhắc chiếc vòng. Thùy biết Vũ ở đâu mà đến bây giờ. Buổi tối, Vũ tỉnh. Cuộc đời vô nghĩa theo bóng đêm. Vũ chẳng còn tin tưởng ân huệ cuối cùng của đất trời nữa. Vũ mong được yêu Thùy, được trao Thùy chiếc vòng. Vũ ốm, Vũ không đi được, Thùy đã nghĩ ngợi gì về Vũ.

Thùy nói: *"Cõi đời mình sống ít vĩnh cửu và nhiều đổi thay, anh đừng hứa gì với Thùy cả. Hứa rồi anh hối hận đấy."* Vũ chưa hứa nên chưa hối hận, chỉ buồn vùi vợi. Vũ linh cảm rằng Thùy đến bên Vũ như một bóng râm giữa hè. Bóng râm chưa gây được cơn mát thì ánh nắng đã soi xuống nóng bỏng.

Tuần lễ sau Vũ khỏi. Vào ngày thứ sáu, Vũ tới khám tìm Thùy. Đợi mãi không thấy bóng Thùy. Vũ hỏi rất nhiều, chẳng thấy ai trả lời. Cô độc. Những bộ mặt cũ sâu thẳm hơn. Gần chiều, cô bạn cùng đi tiếp tế nói cho Vũ biết ba Thùy được tha rồi, thứ sáu tuần trước Thùy không đến đây. Thùy không đến, thế mà Vũ cứ tưởng Thùy yêu Vũ ghê lắm. Chán nản, Vũ về.

Nửa tháng liền, ngày nào Vũ cũng đến khám tìm Thùy mỏng manh. Thùy quên Vũ rồi Vũ cũng hay đi lang thang trên con đường đưa Thùy về. Không có Vũ chắc Thùy không đi ô tô buýt nữa. Vũ thất vọng.

Chiếc vòng Vũ vẫn còn giữ. Khi đi tìm Thùy. Vũ bỏ trên túi ngực. Vũ đi trợn mưa. Đường xưa heo hút, không một khuôn mặt giống Thùy. Có thể Thùy chưa xứng đáng

nhận chiếc vòng sắt tàu bay mộng bằng hồn, ướp bằng chuyện cổ tích của Vũ. Thù như các cô gái tầm thường khác, chưa học cách nhìn vào chiều sâu tâm hồn kẻ thương yêu mình tha thiết. Chiếc vòng kỷ niệm, Vũ cất kỹ. Vũ sẽ tặng một người nào đó khi cuộc sống hết dè xẽn tình yêu.

Em

Em tôi bây giờ ở Hà-Nội. Từ ngày tôi vào Nam đến nay thắm thoát đã được ba năm. Ba năm trời xa nhau, anh em tôi không có dịp nào trao đổi thư từ, tin tức. Thỉnh thoảng tôi viết về Bác tấm bưu thiếp thì vài tháng sau mới nhận được cũng trên khuôn khổ mảnh giấy nhỏ bé điền sẵn chữ in ấy, em tôi gói ghém gửi vào trong này cho tôi một chút tình thương giới hạn.

Mấy hôm nay trời chớm lạnh. Heo may trở gió sang mùa thu rồi đây. Lòng tôi bỗng nhiên trống trải như túp lều giữa khoảng đồng không mông quạnh. Hơn cả bao giờ, tôi thấy nhớ chân trời quê hương quá. Những hình ảnh thân yêu hiện ra rõ rệt và buồn thương se sắt. Tôi ngồi lặng im cho cạn niềm đau khổ, hy vọng sẽ quên đi tất cả trong giây lát. Nhưng tôi lại bắt gặp những kỷ niệm tha thiết giống như mọi lần. Đây là Dục, chú em nhỏ yêu dấu của tôi.

Năm 1951 gia đình tôi về thành. Trạm hồi cư là tỉnh Thái-Bình, quê hương của mẹ tôi, miền đồng chua nước mặn ở đấy, anh em tôi đã sống những tháng ngày cùng cực, đói rách vì hồi ấy cha tôi bị Tây bắt giam cầm sau trận hành quân chớp nhoáng.

Thoạt tiên mẹ tôi thuê một căn nhà gianh tồi tàn ở phố An-Tập cách tỉnh lỵ hơn cây số. Ngày ngày mẹ thổi xôi nấu

chè đem lên phố bán cho lính. Hai đứa em gái sợ Tây nên chỉ ru rú ở xó nhà thay phiên nhau coi em nhỏ. Tôi và Dục bạo dạn hơn em, rủ nhau vác dao lên tỉnh kiếm củi. Câu chuyện “*phi thường*” này em tôi đã làm hồi ấy ghi sâu vào tâm khảm tôi khó phai mờ.

Một hôm anh em tôi chặt củi xong toan về thì bọn lính Tây đi tới. Mấy thằng mũi lõ yêu đời tẻ. Chúng gặp bọn trẻ con Việt-Nam, cười nói ầm ĩ và đem kẹo sô cô la phân phát. Cảnh tượng ấy lọt vào đôi mắt thơ dại của em tôi. Em nhìn những thanh sô cô la thèm muốn quá. Tôi biết vì cứ thấy em nuốt nước bọt ừng ực. Bỗng em hỏi:

- Anh Long ơi làm thế nào để xin kẹo Tây hử anh?
- Chìa tay ra làm hiệu.
- Anh ăn kẹo sô cô la chưa?
- Ăn rồi, sao em hỏi ngớ ngẩn thế?
- Em ra xin anh nhé!
- ĐỪNG, khốn nạn lắm.
- Tụi kia thì sao hử anh?

Em tôi nói giận dỗi, tuy nhiên mắt vẫn không rời đám trẻ con.

- Mặc kệ, em cứ xin đây.

Và em ù té chạy, tôi chẳng kịp ngăn cản. Phút chốc tôi thấy đám trẻ nhỏ bằng tuổi em giãn cả ra, còn tụi Tây vẫn cười như phá. Chúng nó vỗ tay ầm ĩ. Thì ra em tôi và đứa nhỏ khác cũng đại dột đang đánh đấm nhau về mấy miếng sô cô la. Tôi đành thúc thủ, hồi hộp, lo âu. Chắc chắn mấy mũi giày đinh sẽ không ngần ngại đá bụng tôi nếu tôi can thiệp.

Lát sau, cuộc tranh hùng bế mạc, em tôi lếch thếch trở về chỗ tôi ngồi chờ. Quần áo rách tứ tung, mặt mày sứt sứt,

em tôi đau lắm.

- Sao thế em?

- Thằng kia cướp của em. Nó đánh em, em đánh lại cố giữ kẹo về cho bé Hải. Em sợ rơi, vội bỏ vào túi nên bị nó đâm vào bụng.

Rồi em móc kẹo đưa tặng tôi. Tôi lắc đầu từ chối.

- Anh giận em hở anh?

- Không đâu, em ăn đi.

Nghĩ thế nào em liệng kẹo ra xa. Tôi nín lặng nhìn đứa em ngây dại mà ứa nước mắt. Em tôi òa lên khóc. Sau này lớn hơn, từng trải hơn, hiểu thấu thía hơn ý nghĩa thêm khát, tôi càng buồn tha thiết câu chuyện tranh giành kẹo sô cô la của em tôi.

Ít tháng sau cha tôi được thả, người lại kinh doanh nghiệp cũ. Từ đây đời chúng tôi tạm gọi là tươi đẹp. Em tôi cấp sách đến trường học tập giữa lúc thiên hạ rủ nhau về Tề đông như trẩy hội. Nhà tôi dọn lên tỉnh lỵ. Mẹ tôi vội vàng quảng cái gánh xôi chè đau thương để trở về nhiệm vụ săn sóc con cái. Mọi người đều có việc làm. Riêng tôi vẫn nằm trông tháng ngày trôi xuôi. Em tôi bây giờ đã bớt ngô nghê, thông minh hơn độ nọ đôi chút.

Tôi yêu em - dĩ nhiên - nhưng còn những cái vượt trên cả tình anh em, những hình ảnh dõng sâu vào tâm khảm mà ở nơi em, ở nơi người bạn tâm tình nho nhỏ, tôi nhớ đến muôn đời. Như đôi mắt đen và sâu hoắm, cái đầu bò liếm vệt một khoảng tóc ngời bên trái của em sao mà dễ cảm thế! Mặt em, trên đôi má bánh đúc có lấm chấm vài mụn in vết như người mắc bệnh đậu. Mỗi lần mẹ tôi mắng yêu hoặc anh em trong nhà chế là “*thằng rỗ huê*”, em tôi khóc

vòi không ai đỡ được. Vì em có rỗ đầu, nói thế con gái hết mê em.

Ở trường em hay đánh nhau lắm. Em tôi chẳng hề hời một đứa trẻ nào bằng lứa tuổi hay lớn hơn em chút ít. Thấy em “anh hùng” quá, tôi thường khuyên bảo nhưng em chỉ vâng dạ cho có lấy lệ rồi chứng nào tật ấy. Mãi có lần cu cậu bị đứng thứ bét, hạnh kiểm xấu, cha tôi nện cho một trận mê toi và bắt tôi kèm em học, em mới hết gây hấn.

Em học dốt quá chừng. Tháng nào cổ ngoi ngóp mới được xếp hạng 38 trong số 45 học trò. Tính đổ là môn em sợ nhất, là môn cả năm em ăn dê-rô. Nhầm đúng chỗ yếu đó của em, tôi dạy nhiều hơn cả. Tôi kèm Dục và hai đứa em họ vào mỗi buổi sáng. Hôm nào không có tính đổ thì lớp học im phăng phắc. Nếu có tính đổ thì tiếng hò hét, tiếng roi vọt, tiếng khóc nức nở làm cho mẹ tôi phải mắng tôi nhiều lần:

- Dạy em làm gì mà hét ầm lên thế, không sợ ho lao hay sao? Trẻ con dạy ngon bảo ngọt nó mới nghe chứ.

Nhưng mẹ đi khỏi tôi vẫn cứ hét vì tôi muốn em chóng giỏi, vì tôi yêu em, tôi quý người bạn tâm tình nho nhỏ ấy lắm. Có một bận cả nhà tôi cười, chuyện như sau:

Tôi bắt Dục lên bảng, ra bài tính đổ: *“Ông Lý Toét có số tiền là 4800 đồng, trước khi chết đem phân phát cho 4 người con. Hỏi mỗi người được bao nhiêu?”* Em tôi run run, ngập ngừng bước lên bảng. Thấy cử chỉ lúng túng của em, tôi đã thầm đoán được kết quả rồi nên chỉ liếc em mà thương hại.

- Thế nào dễ hay khó chú mình?

Em lặng thinh không nói.

- Bây giờ muốn biết mỗi người con nhận được bao nhiêu phải làm tính gì?

Ở dưới có tiếng xì xào "*cộng cộng*". Em vẫn đứng im.

- Làm tính gì? Tôi hét lớn.

- Thưa anh... em không làm được ạ!

Em tôi trả lời với tất cả sự sợ hãi rồi ngậy người ra chờ đợi hình phạt. Lúc ấy sao tôi ghét cái đầu bò liếm của em thế. Tôi bực tức quát lớn:

- Đồ ngu. Dực chỉ đáng làm con bò thôi. Anh hẹn hai phút nữa Dực phải làm xong. Trong khi chờ đợi, tôi hỏi hai cậu em họ "*quí tử*".

- Làm tính gì? Ai biết?

- Thưa anh tính cộng.

Tôi giận lắm nhưng vờ cười khen các em giỏi. Các cậu tưởng đúng cười thích chí. Em tôi chẳng khác gì thằng chết đuối vớ được tấm mảng. Hỡi ơi! Tấm mảng này lại mỏng manh quá. Hai phút gần hết, em thẹn thùng trả lời:

- Làm tính cộng...

Hết cả bình tĩnh, tôi tặng mỗi cậu học trò người nhà một thước kẻ nên thân. Chưa đứa nào dám khóc.

- Cộng à, cộng sản hả lũ mảng, làm tính gì Dực?

- Trừ ạ... Em nói bừa khỏi cần suy nghĩ.

Dĩ nhiên tôi lại vụt cho em một thước kẻ nữa.

- Tính gì?

- Nhân ạ...

-...

- Chia ạ...

Tôi khoan thai đáp "*đúng rồi*" nhưng vẫn đánh mà lần này đánh nhiều hơn, đau hơn. Cả ba đứa khóc vang nhà

làm cha tôi, mẹ tôi rồi em gái tôi đều ngừng việc chạy vào lớp học.

Cảnh tượng khá khôi hài: tôi ngồi im lặng, trong tay còn lăm lăm cái thước kẻ sù. Ba cậu học trò người nhà sứt sùi, nước nỏ, lệ rơi tơi tả trên sách, trên bàn. Giá góp số nước mắt ấy lại cũng có thể thay nước lã pha nổi một lọ mực. Thấy cha mẹ tôi can thiệp, Dục khóc to hơn, ai oán hơn.

- Sao thế Long? Anh dậy em mà cứ đánh chúng nó luôn luôn. Trí óc trẻ con non nớt, dễ sợ, dạy chúng mà làm chúng hoảng hồn thì chúng không hiểu gì đâu.

Cha tôi dịu dàng giảng khoa sư phạm cho tôi và hỏi Dục:

- Tại sao con bị đánh?

Em mếu máo nói trong nước mắt:

- Anh Long ra tính đổ, hỏi làm tính gì con trả lời tính cộng anh ấy đánh, tính trừ anh cũng đánh, tính nhân anh cũng đánh (đến đoạn này em lý luận làm cha mẹ tôi phì cười). Rồi tính chia là đúng anh cũng đánh nốt. Có bốn phép tính anh đánh cả bốn thì con biết làm tính gì?

- Sao Dục không nói ngay là...

Tôi chưa kịp dứt câu, mẹ tôi đã xua tay:

- Thôi mẹ hiểu rồi. Cho các em học đi đừng đánh em nữa, tội nghiệp.

Mọi người bỏ ra sân cười ầm ĩ. Tôi còn nghe theo được tiếng nói cuối cùng của mẹ tôi:

- Học trò với thầy giáo thật đoảng vị!

Phút chốc tôi cũng buồn cười những hành động vừa qua.

Em tôi, dốt toán lại lười nữa. Em ham chơi hơn học. Sau buổi học ở trường về thì em chỉ cặm cụi làm điều, sáng tác nhiều kiểu chơi mới lạ và... đánh nhau chí choé. Em giỏi

về môn vật đối với tụi trẻ con hàng xóm nên đưa nào cũng gồm. Có lần tôi bị cha mắng vì tổ chức cuộc tranh tài sôi nổi. Bữa ấy Dục thắng giải, em đánh ngã ba lần những đứa to hơn, giữ chức vô địch.

Khi tôi hỏi em *“học bài chưa”* em đều đáp *“rồi”* tuy chả lúc nào tôi nghe em học. Thế mà đến lúc em đọc vẫn thuộc mới chết chứ. Không những vậy em còn thuộc rất nhiều bài chính tả nho nhỏ trích của các nhà văn nhà thơ Việt-Nam nữa. Lúc cao hứng em đọc, thế nào dứt bài cũng có tên tác giả. Em thích bài *“Mồ côi”* lắm. Luôn mồm em đọc:

*“Con chim non không tổ
Trẻ mồ côi không nhà
Hai bên cùng đau khổ
Cùng vương vất bê tha”.*

Môn tử của em tôi đấy. Dạy toán pháp thấy em dốt nát tôi cứ ngỡ em ngu đần. Ai ngờ em có *“khiếu”* văn chương tệ.

Đọc chuyện trẻ con của Tô-Hoài, em nhớ vanh vách. Những đoạn văn tả *“Bữa cơm tối, Mặt trời mọc, Chiều, Mùa giết...”* của Trần-Tiêu, Thạch-Lam em thuộc lòng nên làm luận cứ việc tương vào mới bạo phổi chứ! Em còn là cây *“quốc văn giáo khoa thư”*. Ai muốn nghe tôi khôì hài không? Em sẽ vờ làm thẳng nhút nhát, đọc chuyện luân lý:.

- *“Ba, ra ngoài vườn mang cái rổ vào đây cho tao.*

- *Con sợ lắm.*

- *Sợ cái gì?*

- *Trời tối lắm con sợ ma!...”*

Hoặc bài tập đọc:

“Ôi chao! Có người đứng rình bên ven tường.

- Người đâu, đâu nào, chỉ nói nhảm!..."

Ai cũng buồn cười vì chỗ nào đối thoại, em bắt chước, nói hai giọng duyên dáng đáo để. Tôi để ý tới trình độ quốc văn của em từ bài chính tả đầu tiên. Em viết rất ít lỗi. Cho đến hôm tôi ra bài tập làm văn "*Tả buổi tốt trong gia đình*" thì lại càng phục em. Đoạn kết em viết ngây thơ và thành thực như niềm thương không chia giới hạn:

"Tôi đang sống với gia đình tôi, sung sướng lắm nhưng ngoài trời bao nhiêu người, đang lẫn lộn với bom đạn. Có người không nhà cửa ở rét mướt. Tôi thương hại họ quá. Giá bây giờ có em bé mồ côi nào đến gõ cửa, tôi sẽ nói với mẹ tôi cho em vào ngủ với tôi cho ấm áp".

Chuyện em tôi không phải chỉ có chuyện học hành. Vào những buổi chiều đẹp, tôi hay dắt em ra bờ sông Trà-Lý nhìn trời, mây, nước. Có lẽ, em thú vị hơn cả những lần dẫn em đi ăn phở, uống nước cam. Em hỏi tôi như một thi sĩ hỏi người yêu:

- Anh Long này, con thuyền kia trôi về đâu?

- Về bến em ạ.

- Cánh bèo kia trôi về đâu?

- Ra bể.

- Rồi đi đâu nữa hử anh?

- Ra đại dương.

- Rồi đi đâu nữa?

- Rồi nó theo mình về nhà.

Và tôi dẫn em về, không muốn để em mơ mộng để rồi không trả lời được em nữa. Em tôi ưa ngồi nói chuyện với tôi sau khi đã giải trí bằng mấy cú đấm trẻ con hàng xóm. Tôi tự hỏi nhiều lần sao em chẳng thích nghe chuyện cổ

tích mà chỉ cầu khẩn được trả lời những câu hỏi vu vơ. Hay trong lòng em đã ấp ủ một hoài vọng mà em chưa biết đến, mà tôi hiểu sao nỗi ý nghĩ của một thằng bé chưa đầy chín tuổi đầu. Có khi đang ngồi bên nhau, em vội bỏ tôi, chạy nhặt chiếc lá rơi đem vào hỏi:

- Sao lá lại rơi hử anh?

- Người ta bảo mỗi thu về thì lá vàng rụng rơi. Em có thuộc bài *"Ngày khai trường"*...

- Của *"ông tác giả"* Thanh-Tĩnh chứ gì, em thuộc lòng *"Hàng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều"*...

Tôi định làm em quên lá rơi bằng cách dụ em đọc bài tập đọc, nhưng mới được câu đầu, em trở lại chuyện lá để dồn tôi vào ngõ bí.

- Em muốn hỏi ai làm nó vàng hử anh?

- Gì?

- Lá ấy mà anh ạ! Ai làm lá vàng?

- Thời gian.

- À, à nhưng mà thời gian là gì hử anh?

- Em hỏi vớ vẩn lắm, nhìn chim sẻ lú lo trên cây cau kia kìa.

- Ai sinh ra cây cau?

- Người ta trồng nó em ạ!

- Ai sinh ra nó cơ mà?

- Dực lồi thôi ghê đi ấy, em nhìn mặt trời sắp lặn, nắng rớt trên tàu cau đẹp chứ em?

- Tại sao có mặt trời hử anh?

- Để tối nay nhìn trăng đã.

- Trăng có họ hàng anh em không? Họ có thương yêu

như mình không anh?

- Thôi để lúc nào anh kể cho em nghe, bây giờ anh dạy em nốt bài "*Chiều quê*" nhé!

- Vâng ạ.

Chuyện như thế xảy ra luôn, có nhiều câu hỏi tôi trả lời được nhưng mình nói mình nghe chứ em hiểu sao nổi. Chẳng lẽ nói dối em. Tôi không dám vì sợ làm hư hỏng bộ óc thơ đại của em nên tôi chỉ tìm cách lờ đi. Thỉnh thoảng tôi hỏi em:

- Anh đánh em, em có ghét anh không?

- Không đâu vì Dục yêu anh Long lắm.

- Em có biết tại sao anh đánh em?

- Vì anh muốn em giỏi.

- Thế Dục có muốn giỏi tính không?

- Không anh ạ! Em ghét tính lắm. Tính không làm em thuộc lòng như bài "*Cổng làng*".

Nghe em nói thành thực mà thương hại. Từ đây tôi ngừng hằn mọi hình phạt. Có cái roi mây mới tảo, tôi vội vứt đi. Không đánh, không hò hét như trước nữa, lớp học bỗng nhiên vui vẻ, thân mật và các em tôi được tự do kể những mẩu chuyện thật nên thơ.

Bên hàng xóm có cô bé ở hậu phương mới về duyên dáng và xinh tề. Tôi cảm thấy mê cô ta nhưng ngu si quá, khó diễn tả được nỗi ước muốn của mình. Tình đầu chớm nở trong lòng tôi rạo rực, bồn khoăn ghê gớm. Tôi muốn biết tên cô, điều ấy dễ, song làm cách nào để cô hiểu rõ nỗi lòng tôi, đấy mới khó. Vậy thì tôi chỉ biết ngâm tràn thơ Nguyễn-Bính. Cô hàng xóm xinh đẹp của tôi đã lân la sang chơi với em gái tôi. Dục mách tên cô ta là Phương. Ngọc-Phương. Đến lúc đôi lứa thân mật, cha tôi quyết định cho

tôi về Hà-Nội tạm ở với chú tôi để nối tiếp việc học hành.

Nửa tháng nữa, tôi rời Thái-Bình, quê hương của mẹ, nơi có dòng sông Trà-Lý êm ả chảy xuôi về những cảnh đồng màu mỡ Tiền-Hải, Kiến-Xương. Em tôi được tin bỏ hai bữa ăn. Tôi phải an ủi em và nói trước khi đi nhờ em một việc. Em vui vẻ nhận lời. Trước ngày tôi xa gia đình, họ hàng bà con đến cho tiền và cho luôn cả mớ giáo huấn đã quá ư quen thuộc. Hành lý sẵn sàng rồi mà người ta còn ân cần dặn tôi xem có thiếu gì. Tôi không muốn nghe nữa, bao nhiêu ý tưởng đều dồn hết vào lá thư dài bốn trang giấy sắp sửa nhờ Dục đem cho Ngọc-Phương. Lúc ấy em đang thập thò ngoài cửa. Tôi nháy mắt, em bước vào. Tôi chỉ cho em quyển sách trên giường. Đã được dặn dò, em hành động ngay. Khi em đi, tôi cũng xin phép đi nói là đến chào bè bạn. Thực ra tôi đứng chờ em ở góc phố. Làm xong công việc “tẩy trời” ấy, tôi khao em châu phở. Tôi thủ thỉ với em:

- Nếu chị Phương viết thư trả lời anh, anh sẽ không đi Hà-Nội nữa. Anh ở Thái-Bình với em cho vui.

Em sung sướng, luôn mồm em “lạy trời chị Phương viết thư”. Tôi cũng nghĩ vậy, nếu Phương yêu tôi tôi giả vờ ốm ở lại ít lâu. Nếu Phương từ chối, tôi đi cho đỡ ngượng. Hai anh em tôi đi chơi trắng buổi chiều đến tối mới về, run run, hồi hộp.

Chúng tôi bước vào giữa lúc nhà đang ăn cơm. Thấy anh em tôi, cha tôi buông đũa bát đứng dậy tóm cổ Dục tát mấy cái liền. Em khóc van xin, cầu khẩn. Vô ích. Cả nhà nín thinh. Tôi hỏi mẹ:

- Em Dục tội tình gì?

Mẹ thở dài không đáp. Cha tôi quát lớn trả lời tôi:

- Ai cho phép mày đưa thư cho cô Phương.

Em ngược nhìn tôi, đôi mắt đắm lệ, lặng im. Tôi cảm động đến nghẹn lời. Giấy lát tôi cố can đảm gỡ tội cho em:

- Con, thưa cha con ạ!

- Con à, đồ mất dạy... Mới tí tuổi đầu đã trai gái. Thư với từ không sợ người la chửi vào mặt tao à? Người ta ném trả lại mày đây, đọc xem nào.

Sợ cha tôi làm dữ, mẹ tôi từ tốn can xin, viện lẽ mai tôi đi rồi. Rồi mẹ cầm bức thư, xé *"tác phẩm"* đầu tay của tôi toi tả không thương tiếc. Cha tôi bỏ đi, đe dọa:

- Lên Hà-Nội mày hãy coi chừng!

Hai anh em lủi thủi dắt nhau xuống nhà. Tôi liếc nhìn sang bên cạnh thấy bóng dáng Ngọc-Phương tựa cửa mơ màng. Lòng tự ái bị tổn thương, tôi không còn rung động được nữa. Đêm ấy anh em tôi ngủ chung một giấc dài. Chuyện tình đầu tan vỡ đánh dấu chuỗi ngày ly biệt của anh em tôi. Sáng hôm sau tôi đi. Theo tiễn ra xe có hai đứa em gái, mẹ tôi và Dục. Cảnh tượng của kẻ ở người đi nào mà chẳng giống nhau. Tất cả nhìn tôi thương tiếc làm tôi cứ tưởng xa mãi mãi hình ảnh thân yêu ấy. Cho tới lúc xe nổ máy, Dục mới cảm khái nói một câu trong *"quốc văn giáo khoa thư"*.

- *"Ôi! Cái cảnh biệt ly sao mà buồn vậy!"*

Tôi cười, nhìn em thông cảm. Em không cười mà khóc, nước mắt nối hàng rơi xuống đôi má non nớt còn in vết sự trừng phạt tối qua.

oOo

Rồi tôi ở Hà-Nội không về Thái-Bình nữa. Đôi khi nhớ dòng sông Trà-Lý, nhớ nhịp cầu Bo quá mà sợ đường về

đầy bom mìn nên đành gói niềm thương vào mấy trang thư.

Em tôi thỉnh thoảng viết thư cho tôi. Em kể chuyện miền Thái nên thơ lắm. Em báo cho tôi tin mừng: “*Dục của anh dạo này làm tính đổ chiến lắm rồi*”. Em hện: “*Chả tin hề này anh về mà xem, làm tính nhanh như máy bay, vật nhau vẫn giữ chức vô địch, nhưng em không đánh nhau nữa. Có người dạy em rằng đánh nhau hư thân, anh muốn biết là ai thì hề về*”. Hề trôi qua, tôi vẫn nán lại Hà-Nội. Muốn về thăm em, cha mẹ ngăn cấm. Tôi viết thư báo tin em biết, em bảo em buồn lắm. “*Em nhớ anh ghê. Hát bài “chiều quê tha thiết êm đềm” lại càng nhớ. Giá hề anh về em kể anh nghe chuyện này hẳn anh phải thú vị... Anh còn nhớ hôm anh em mình bị đòn không? Tại chị Phương đấy, chị ấy bảo đang xem thư của anh, ba chị ấy bắt được nên mới xảy ra nông nổi. Bây giờ chị Phương sang nhà ta chơi luôn. Chị dậy em làm tính. Chị chả đánh em gì cả nên em không dốt nữa. Chị có vẻ quý anh lắm, cứ hỏi thăm luôn. Em viết thư cho anh phải nhờ chị sửa đấy. Chị hứa năm em 15 tuổi sẽ dậy em làm thơ. Em hỏi: Sao chị không dậy bây giờ? Chị nói: Bây giờ Dục mới mười tuổi thì thơ thần gì. Chừng Dục lớn, Dục sẽ buồn rồi sẽ có “hứng” làm thơ. Em không tin, chị dục viết thư hỏi anh mà xem. Tết rồi chị đan cho em cái áo đẹp lắm anh ạ! Anh có ai đan hộ chưa, hay để em nhờ chị Phương đan hộ cho. À chị làm cho em cái điều bay cao lắm. Giá có nhiều giầy em thả lên Hà-Nội cho anh biết tay. Chị Phương chiều em hơn cả chị Tú, chị Mai cơ.*

Đọc những dòng chữ nghiêng nghiêng trên trang giấy, lòng tôi nao nao sầu cảm. Biết tìm cách nào về thăm em,

về nổi lại mỗi tình đầu mong manh. Hai mùa hè trôi đi êm ả quá. Em vẫn viết cho tôi. Vẫn nhiều chuyện ngô nghê lý thú “Anh Long à! Chị Phương dạo này đi học rồi. Có lắm đứa theo chị, em ghét chúng nó ghê đi ấy. Giá có anh em sẽ chửi ầm ĩ để nó đánh em là anh phải đánh nó gục xuống là chị Phương sẽ mê anh hết chỗ nói. Anh dấm chiến lắm mà. Hôm nọ chị Phương chế em lấy con Khánh sún em khóc mãi. Chị còn dạy em làm tính bằng tên người. Chị giảng Thanh cộng với Tâm bằng Thanh-Tâm. Dục cộng với Khánh bằng Dục-Khánh. Rồi chị bắt em thí dụ xem có thông minh không. Em nghĩ đến anh nên nói Long cộng với Phương có bằng Long-Phương không hả chị? Chị đỏ mặt bặt tai em. Em chả biết sai hay đúng. Anh Long ơi, tính người của em đúng hay sai?”

Đến lá thư ấy quãng đời thơ mộng dừng lại. Quân Pháp bỏ tỉnh Thái-Bình. Em tôi không viết thư được nữa mà chính lòng tôi cũng hoang mang. Tôi lo sợ số phận những người thân yêu của tôi ở miền Thái.

Hai tháng sau ngày Pháp rời Thái-Bình, Hà-Nội vẫn vui nhưng không khi ép gượng làm sao. Vào giữa những đêm hoang loạn, mẹ tôi từ Thái lên đón tôi. Mẹ kể lể quang cảnh tỉnh “giải phóng” cho tôi nghe. Và sau cùng mẹ khóc tôi mới chịu cuộn khăn gói. Tôi về Thái bằng một chuyến đò dọc, lênh đênh trên sông nước mấy ngày đêm mới tới nơi. Hình ảnh thân yêu cũ vẫn còn in vết trong ký ức nhưng người quê hương chừng ngỡ ngác với những màu áo nâu, áo chàm nhuộm xám cả thị thành.

Em tôi dạo này lớn quá. Mười một tuổi rồi còn gì nữa. Hai năm trời xa cách, tình thương nổi nhớ dồn ép lại, chúng tôi đã nói với nhau rất nhiều. Em ít nói chuyện ngớ

ngần mà chỉ bắt tôi tả cảnh Hà-Nội.

- Hà-Nội vui lắm hở anh! Mẹ bảo năm hai tuổi em đã phải chạy loạn bỏ Hà-Nội, ít nữa em sẽ về thủ đô.

- Vui lắm, nhưng Thái-Bình cũng vui chứ, vì có các em, có chị Phương. Dực kể chuyện chị Phương như trong thư đi.

- Chị Phương hở, chị ấy đi dự lớp huấn luyện rồi. Chị ấy đội trưởng phụ nữ cứu quốc có thành tích đấy anh ạ! Anh về rồi cũng phải gia nhập thanh niên đi làm công tác, hợp hành, liên hoan. Đến ngay em mà còn có đoàn thể nữa là. Hôm nọ đi họp em suốt được bầu làm thiếu nhi tháng tám, cháu yêu của bác Hồ!

Em tôi đấy, Dực đấy. Trời ơi! Mới có hai tháng mà em tôi thay đổi nhiều quá. Hai năm về trước, anh em ngồi nói chuyện với nhau. Em chỉ làm một chú bé ngây thơ, thông minh, bụ sữa. Cũng cách đây chả lâu gì, những lá thư gửi lên Hà-Nội còn chứng tỏ là em vẫn dễ thương dễ mến. Em tôi yêu hát bài “*Chiều quê*” thích nói chuyện lá rơi mà giờ đây ăn nói toàn dùng danh từ chính trị như người lớn. Tôi thở dài ngao ngán. Và quả như lời em đoán, tôi phải gia nhập thanh niên. Rồi những công tác thường xuyên: vệ sinh, đắp đê làm tôi ít có thì giờ suy nghĩ đến sự thay đổi tâm tình của em tôi. Người ta lại mở trường, tôi nhất định thôi học. Em tôi có vẻ sung sướng lắm. Học bây giờ dễ, học ít hát nhiều. Một hôm tôi hỏi em:

- Em còn học Việt-sử không?

- Còn chứ, cũng Nam, Bắc, Trịnh, Nguyễn phân tranh.

- Thế thầy giáo dạy em thế nào?

- Không có thầy, thầy nghe nó phong kiến lắm anh ạ! Giờ chỉ có anh cán bộ giáo dục thôi.

- Ừ thì thầy phong kiến, vậy anh cán của em dậy ra sao?

- À Trịnh Nguyễn phân tranh chỉ có bần cố nông!!!

Em hãnh diện nói thế, em khoe với tôi mới học được nhiều bài hát hay lắm, có anh bộ đội *“phổ biến”* cho em bài *“ta là người nông dân mặc áo lính, chiến đấu vì giai cấp bị áp bức từ bốn nghìn năm”*.

Em bảo:

- Bài *“Chiều quê”* lãng mạn lắm. Thầy *“địch”* nó mới hát.

Tôi đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Em tôi chưa chắc đã hiểu lãng mạn là gì, thằng địch là ai. Vậy mà em nói được, em tôi còn đòi *“phổ biến”* giùm tôi mấy bài hát.

- Bài *“Quê hương chúng ta”* hay bằng mười ba bài *“Chiều quê”* ốm yếu!

- Em hát cho anh nghe đi.

Không ngập ngừng như xưa nữa em trâng tráo vừa vỗ tay vừa cất giọng: *“Quê hương chúng ta xanh ngát cánh đồng bao la. Noi gương Trung-Quốc, Liên-Xô ta xây cuộc đời. Quê hương chúng ta toàn dân trường kỳ kháng chiến. Tiến bước dưới cờ Ma-len-cốp vinh quang”*.

Sao mà tôi ghê tởm bộ mặt khả ố của em thế. Tôi muốn tặng em cái tát tai. Tưởng tượng đứa bé đứng trước mặt tôi là thằng ăn cắp, thằng vô giáo dục. Nhưng than ôi! Em tôi có tội tình gì. Tôi cố trấn tĩnh để nhìn vào đôi mắt ngây dại kia tìm lại những tia nhìn âu yếm, những tia nhìn non nớt của em Dục của tôi hai năm về trước đã gửi gắm trong lòng tôi muôn vạn kỷ niệm, đã nhìn bằng tưởng tượng hồi anh em xa nhau. Tôi chưa thất vọng đâu. Vâng, màu đỏ chưa thể nhuộm chói lòa khoảnh khắc màu xanh muôn đời của những mái tóc em thơ. Thương cảm quá, tôi lặng

im suy nghĩ. Bỗng em tôi nũng nịu hỏi:

- Anh Long dạo này không còn yêu em nữa hử? Tại em lớn rồi phải không?

- Vẫn yêu em, yêu mãi mãi, thương hại em nữa.

- Em có bị đòn đâu mà thương hại?

- Nhưng tại em hát dở lắm.

- Thế em hát bài "*dân Liên xô*" hay bài "*hòn cãm địa chủ*" nhé?

- Thôi thôi, giá em hát bài "*Chiều quê*" thì hơn.

Em tôi còn đang phân vân thì bọn trẻ con hàng phố đến rủ đi họp. Em rời tôi, băng mình chạy. Hình ảnh em chột xóa nhòa trong óc tôi. Tôi tiếc quá gục đầu lên đôi tay, khóc như lần đầu tiên khóc một chuyện tình nhớ tên tuổi.

Không khí quê mẹ khó thở lắm rồi, dòng sông Trà vẫn êm ả chảy xuôi về những cánh đồng màu mỡ Tiền-Hải, Kiến-Xương. Chỉ có lòng người đột nhiên chuyển biến. Ý nghĩa của đoàn viên dọn lối cho ly biệt, của yêu đương mở đường cho oán thù len lỏi vào tâm hồn tôi. Tôi không thể sống một ngày mà không thương yêu thềm tình cảm như thềm uống sữa mẹ. Nhưng đất này sữa mẹ chỉ còn là những giọt nước mắt đắng cay, ghen ngào. Tôi nghĩ đến chuyện vào Nam. Thêm bốn tháng chung sống với người ta, với bọn người đem màu áo nâu, áo chàm về nhuộm xám quê hương, tôi đã thể nghiệm đầy đủ thương đau và đầy đọa. Tôi không muốn sống như thằng điên. Tôi cũng không muốn chết như con vật. Vì tôi là người. Tôi không đành lòng đứng ngắm tình đời và tình người chết héo giữa nắng hè oi ả nên một đêm trăng sao chết đuối ở cái miền Thái-Bình "*giải phóng*" này, tôi im lặng bỏ nhà ra đi.

Trước giờ khởi hành, tôi tìm em Dục. Mẹ tôi bảo em đi liên hoan ở rạp chiếu bóng. Tôi đến đấy nhìn lại lần cuối cùng để nhớ mãi sự thay đổi trong tâm hồn em. Trên sân khấu khá rộng em tôi mặc áo may ô cổ vuông, quần nâu đang nhảy điệu “*chúc thọ bác Mao*” với đứa con gái lớn hơn 3, 4 tuổi làm cả rạp phì cười. Tôi gọi em, em nhẩn vơ ra “*để em trình bày xong bài nữa đã*”. Kiên nhẫn tôi đợi chờ. Hát dứt bài “*Xít-la-tin*”, người ta đưa em tôi ra.

- Chắc em đói, đi ăn phở với anh nhé! Và để làm em thích chí tôi nịnh: Vừa giờ Dục hát hay lắm.

- May ra được bầu làm thiếu nhi bác Hồ. Em tôi cười tự mãn. Vào hiệu phở tôi gọi phở em ăn. Tôi uống cà phê.

- Sao anh không ăn phở?

- Tại anh buồn, em ăn đi cho nóng kéo nguội.

Đợi em ăn xong, tôi hỏi nhỏ:

- Em Dục này, trên đời này em yêu ai hơn cả?

- Em yêu bác Hồ và đảng Lao-Động nhất!!!

Bây giờ thì tôi khóc, ôm mặt khóc, khóc thành thực như khóc em gái tôi chết năm xưa. Em ngạc nhiên hỏi dồn:

- Sao thế anh? Sao thế anh?

- Chả sao cả, vì Dục không yêu ông bà, cha mẹ, anh em. Ai dậy em nói thế?

- Anh cán bộ giáo dục đấy. Hôm qua em mới học bài ấy. Lúc anh cán bộ hỏi yêu ai, cả lớp trả lời yêu tổ tiên ông bà cha mẹ. Anh cán bộ bảo yêu thế hẹp hòi quá phải yêu bác Hồ, đảng Lao-Động, Trung-Hoa mến yêu, Liên-Xô thăm thiết. Cả lớp lại trả lời như thế.

Quán hàng về đêm vắng vẻ, tôi thấy cần phải chiến thắng con ma ngự trị trong hồn em dù chiến thắng trong

khoảnh khắc. Tôi khe khẽ nói:

- Nó dậy lão toét. Em đừng thuộc Dục nhé! Ai sinh ra em?

- Cha mẹ.

- Ai nuôi em khôn lớn. Ai dậy dỗ em, thương yêu em, chiều chuộng em, che chở em? Lúc đầu yếu ai săn sóc em?

- Cha mẹ, các anh chị và thầy giáo,

- Có phải bác Hồ và đảng Lao-Động không?

- Thừa anh không.

- Em còn nhớ bài *“Yêu mến cha mẹ”* trong quyển quốc văn giáo khoa thư lớp đồng ấu hồi em học vỡ lòng không?

- Có em thuộc lòng *“Sáng nay lúc tập viết xong, tôi lại thăm bà tôi. Bà tôi nắm lấy tay tôi mà hỏi tôi rằng: “Cháu có yêu thầy mẹ cháu không?” - “Cháu có yêu” - “Tại làm sao mà yêu?” - “Cháu biết rồi hôm qua thầy giáo dạy cháu rằng...”*

Đấy em hiểu chưa? Chỉ thầy giáo mới dạy em tình thương yêu, chỉ cha mẹ mới cho em tình thương yêu, chỉ anh em mới cho em tình thương yêu. Vậy em đừng bắt chước phường vô giáo dục gọi thầy là phong kiến. Em phải kính trọng tổ tiên kính mến thầy giáo. Em còn yêu anh không?

Đôi mắt long lanh, em ngược nhìn tôi run run mở miệng:

- Còn, anh Long ơi!

- Em Dục ngoan lắm.

Thế là tôi đã chiến thắng con ma ám ảnh em. Tôi thấy lòng tôi rộn ràng quá. Niềm hy vọng tôi vừa kéo được lại hơi mỏng manh. Mai tôi xa em rồi, ai dám ngăn cản luồng sóng đỏ phủ phàng tạt vào tim phổi em làm vỡ nát mảnh đời trong trắng của em. Tôi viết cho mấy hàng chữ: “Anh phải vào Nam. Anh vẫn yêu em, yêu em mãi mãi. Đừng nghe ai ghét anh. Tội nghiệp! Thương em nhiều”.

Rồi tôi gởi trong tấm giấy 500 và nhét vào phong bì nói tặng em để em tiêu, hẹn mai em hãy mở ra coi.

Lúc tôi đưa em về, cả nhà đều ngủ im thin thít. Đàng xa, giọng hát cuồng loạn còn vọng lại. Đêm ấy, tôi già từ miền Thái.

oOo

Đã ba năm rồi, cứ mỗi lần đi ngang qua trường học thấy đàn em nhỏ tung tăng nô đùa, cười hát vô tư lự trong nắng thu hay dưới bóng cây bàng là tôi chợt nhớ tới em tôi, tới những em tôi sống đọa đầy bên kia ranh giới.

Ngày tôi đi, người tạ trắng trợn giật mất cả mớ tình cảm trong đó có chân trời quê hương, có những em Dục, những cô bé Ngọc-Phương dịu dàng. Người ta ngăn cản không cho tôi nói nửa lời từ biệt nên hành lý yêu thương xếp gọn lại chẳng được bao nhiêu trừ một niềm tin và gói tâm sự nghẹn ngào.

Tôi đi rồi, họ sẽ tìm cuốn sách vỡ lòng của em học ngày xưa, tẩy xóa những tiếng thương yêu xanh mòng mà thay thế bằng những nét căm hờn đỏ chói. Lần lượt, họ xóa trong trí óc non nớt và thành thực của em, tiếng lòng dân tộc để đóng khung vào cuộc sống ngày thơ ấy tiếng nói ghê rợn của mối thù giai cấp.

Họ dạy em yêu quê hương Trung-Hoa, yêu tổ quốc Liên-Xô, rồi nay mai cầm súng hãnh diện bắn vào đàn anh, chà đạp lên tình cảm. Tự cửa miệng xinh xinh và duyên dáng ấy, hể hé mở thì không còn nhả ra bướm ra thơ nữa mà phọt ra xương máu, ra oán cừu.

Thương quá mất đi thôi, em Dục ơi! Ngày xưa tôi tưởng em lớn lên ôm ấp nhiều hoài bão và biết đâu người dám nắm lịch sử trong tay lại không phải là em. Thế mà những

trinh hoa, những lúa mạ xanh mướt hứa hẹn cho mùa màng tốt đẹp đã bị trận cuồng phong đe dọa từng phút từng giờ. Tôi vẫn nhớ em từ đôi mắt đen lay láy, từ đoạn thư dịu hiền em gửi vào đời tôi, tôi vẫn nhớ quê hương mẹ, nhớ Ngọc-Phương.

Tôi không muốn mất đất quê hương, không muốn mất các em. Ta đã hẹn hò với nhau rồi mà Dục ơi!

..."Ngày mai anh sẽ về xây đắp lại sự tàn phá hôm qua. Em mãi mãi còn bé bỏng, anh muốn thế để tìm kiếm trên môi em nụ cười thiết tha năm trước. Anh bắt em hỏi chuyện "lá rơi" chuyện "con thuyền trôi về đâu". Bắt em kể chuyện chị Phương dạy em làm tính bằng tên người. Anh chả lo ngại rằng em quên đâu. Lo gì, chúng mình tẩy xóa cảm thù rồi thì viết thật đậm nét yêu thương.

Hay anh sẽ đóng cho em quyển sách vỡ lòng khác, đêm đêm thắp đèn dạy em học lại bài TÌNH THƯƠNG YÊU. Và lần này rộng lớn hơn, thoải mái hơn. Anh dạy em nhiều bài hát êm như nhung, xinh như mộng, hiền như đất quê mẹ để em hát cho vang tình sông núi. Anh cũng phả vào sóng mắt em niềm tin trọn vẹn để lớn lên em biết giữ quê hương.

Rồi một đêm trăng rằm tháng tám ngồi nhìn trăng anh hỏi em:

- Nay Dục ơi, mấy năm xa nhau em làm được những gì?

Em cười nhún nhẩy trả lời anh:

- Quên hết rồi anh Long ạ! Ai mà thèm nhớ chuyện MA QUỶ ấy nữa.

Anh nhìn em như nhìn em dạo chúng mình ngồi kể chuyện tâm tình. Vườn nhà Ngọc-Phương hoa nhài đua nở thơm ngát hương duyên. Anh bảo em:

- Dực ơi! Em ra ngắt cho anh một bông đi.

- Sợ lắm! Em khôì hài.

- Sợ cái gì?

- Trời tối lắm, em sợ ma!

Hai anh em mình ôm nhau cười thích chí. Hôm ấy, quê hương ta chắc vui lắm em nhỉ?

Khu Bến Cỏ ĐAKAO

1957

Người có tội

Xóm tôi vừa tới cư ngụ là xóm lao động khu Hòa-Hung. Nhà cửa san sát, chen chúc như muốn xô đẩy nhau. Sống lâu ở đây mới thấy vài căn nhà gạch còn toàn vách ván mái lá, nghèo nàn đến nỗi chẳng ai dám mơ ước điều gì trừ hai bữa cơm no. Mùa mưa, cống rãnh bí tắc, nước ngập đường đi. Người lối ngõ làm việc đầu tắt mặt tối cả ngày trở về, lội bì bõm, vừa dò bước chân vừa than thân phận. Ánh điện ngoài lộ không hắt được vào khoảng trời tăm tối. Đèn đường hèm vàng khè, yếu đuối cơ hồ tiếng khóc của trẻ thơ trẻ sữa mẹ trước giờ ngủ. Gần nhà tôi trọ có trường tiểu học Chí-Hòa. Học trò trai gái riu rít cặp sách tới học, hết lớp này tan, lớp kia bắt đầu, suốt ngày từ 7 giờ sáng mãi đến khi phố xá lên đèn mới ngưng tiếng ê a của trò, tiếng quát mắng, tiếng roi vọt của thầy, của cô.

Tôi thường ghé mắt qua cửa sổ căn gác xép nhìn đàn em bé tuổi chừnng 7, 8, học “xuất” 11 giờ - 1 giờ trưa dưới mái tôn hừng hực nắng lửa miền Nam. Không biết nóng nực thế có làm thui chột trí tuệ của đám em nhỏ? Tôi cũng thường nhìn các cô giáo trẻ mặt mệt mỏi vì bụng mang dạ chửa, chán nản bỏ lớp, mặc tụi ranh con đùa nghịch ầm ỹ, học chữ nào hay chữ ấy, ra đứng ngoài hành lang mơ mộng hoặc nói chuyện vãi xấu vãi đẹp, chuyện chồng con, chuyện ngày

sinh tháng đẻ, chuyện tiền lương, gạch trật vân vân... Tự nhiên tôi mắc bệnh suy nghĩ vớ vẩn.

Bà chủ nhà nấu cơm tháng, cứ mỗi lần bắt gặp tôi ghé mặt qua cửa sổ căn gác xép là rút bớt gạo. Vì bà để ý những lần suy nghĩ vớ vẩn ấy, tôi chỉ cần nhẩn, chỉ thở dài, ăn rất ít và đôi bận buồn quá, tôi bỏ cơm. Nhưng sống lâu rồi quen dần dần. Hai tháng sau tôi khỏi bệnh, đúng dịp thằng Lụa tới nhập tịch nhà bà Tư.

Thằng Lụa làm nghề đánh giày dép. Nó trạc 13, 14 tuổi, nước da đen tựa củ tam thất, đầu tóc rối bù trông phát sợ. Tôi vốn ghét những thằng đánh giày. Không phải chúng nó dốt nát, vô giáo dục mà tại chúng nó lười biếng, ham cờ bạc, lại hay đua đòi: nghiện thuốc lá, nghiện coi tuồng và, có đũa tời tệ hơn, nghiện cả gái. Cuối cùng kiêm nghề ma cô. Mặt mũi thằng nào thằng nấy gớm ghiếc.

Thằng Lụa tuy vậy dễ chịu và dường như dễ bảo. Thoạt đầu bà Tư bắt nó nằm dưới bếp. Nó chịu. Ban ngày nó đạp xe buýt lậu vé lên Sài-Gòn làm việc, trưa ăn cơm đầu đường xó chợ, tối về ăn cơm hàng bà Tư. Nó chỉ trả 100 đồng một tháng song bà Tư sai vặt nó liên miên. Thế mà bà vẫn khoe khoang khắp xóm rằng thương hại nó mồ côi, rằng trước quen ba má nó, nay mới cho nó ăn, chứ dễ gì.

Một hôm chẳng hiểu nghĩ sao, bà Tư nói với tôi để thằng Lụa ngủ chung trên căn gác xép. Tôi toan từ chối nhưng nhìn thẳng vào đôi mắt như van nài của nó và nhìn đôi cánh tay nó lấm tấm đầy nốt muỗi đốt, tôi bằng lòng. Tối thứ nhất nó nằm một mình không chăn, màn, gối. Nó lại lả nữa nên rệp đốt khắp người. Sáng sau tôi hỏi nó:

- Mà y có ngủ được không?

Nó lễ phép đáp:

- Thưa... ngủ được.

Nó chưa dám gọi tôi bằng anh, đành nói trống không.

Tôi bảo nó:

- Gọi tao là anh, tao lớn hơn mày mà.

Nó khép nép:

- Dạ.

- Rệp đốt mày mà mày cũng ngủ được à?

- Dạ, cháu quen rồi.

Tôi phì cười, đoạn ngồi gần nó. Vỗ vai nó, tôi thân mật chuyện trò.

- Xưng là em, đừng xưng là cháu, Mày sợ tao ư?

- Dạ.

- Sợ gì, tao thì đáng sợ cái nỗi gì?

- Thưa, tại anh lớn.

Tôi ngạc nhiên:

- Ai dạy mày nói thế?

Nó rơm rớm nước mắt:

- Ba em.

Rồi chẳng cần đợi tôi hỏi han thêm, nó ngồi kể lễ một mạch về gia đình nó. Tôi mới rõ nó mồ côi bố năm 6 tuổi. Mẹ nó bán hàng vật vãnh nuôi nó. Đạo Bình-Xuyên phân loạn xả súng bắn bừa bãi, mẹ nó trúng đạn chết ở Khánh-Hội. Giá mẹ nó còn sống thì bây giờ nó biết đọc biết viết thông thạo chứ không đến nỗi dốt nát, mù chữ. Nó kể rằng đêm hôm trước khi tử nạn, mẹ nó có hứa với nó mai mốt sẽ cho nó đi học. Nói tới đoạn này nó ôm mặt khóc tấm tức. Truyện của nó lung tung lắm nhưng tôi cũng hiểu là hiện thời nó tứ cố vô thân như tôi. Tôi bỗng thương hại nó, điều

này chắc nó biết vì nó cứ nhìn tôi chăm chăm bằng đôi mắt ngây dại. Tôi khuyên nó:

- Mày phải đi hớt tóc ngắn ngay lập tức và năng tắm giặt cho sạch sẽ thì tao để mày ngủ chung màn với tao kéo muỗi và rệp nó tha mày ra đường cái.

Tối hôm ấy tôi về muộn, bỏ bữa ăn. Tôi vội vàng leo lên gác ngủ thì đã thấy màn buông sẵn và thằng Lụa đầu tóc gọn gàng, áo quần sạch sẽ, ngồi bỏ gối chờ tôi. Cảm động về cách cư xử của nó, tôi nói:

- Bạn sau mày ngủ trước nhé! Chờ tao mất công, có khi tao đi suốt đêm chờ sao nổi. Mà mày cởi quần áo ra, mặc một cái quần cụt đủ rồi, nghèo mà tươm tất thì có ngày ở trần.

Nó nghe lời tôi răm rắp. Đêm nó ngủ không ngáy, không gác, không nói mê lắm nhảm, không đập tung màn. Bấy nhiêu thứ không, làm tôi hài lòng.

o

o o

Ít ngày qua, thằng Lụa dạn dĩ. Nó bớt khúm núm đối với tôi. Những buổi chiều mưa, Lụa lười nằm nhà. Tôi cũng hết đường lên thư viện đọc sách. Đền bù vào khoảng thời gian trống rỗng, tẻ nhạt đó, tôi bắt nó thuật cho tôi nghe quãng đời lưu lạc đánh giầy của nó. Nó chỉ lắc đầu từ chối. Tuy vậy, Lụa vui lòng trả lời những câu hỏi của tôi:

- Tại sao mày lại xâm tay thế hả Lụa?

Nó nheo mắt cười thích chí rồi ung dung đáp:

- Đua nhau cả bọn anh ạ! Bốn năm thằng lặn.

- Bạn mày à?

- Dạ.

Tôi lạ lùng ngấm 4 chữ T.N.P.B. nổi xanh như mạch máu

trên làn da cánh tay phải của nó.

Nó thú thật nó mù chữ mà. Tôi nâng tay nó lên quan sát.

- Lạ này.

- Dạ.

- Bốn chữ này nghĩa là gì?

- Thù Người Phản Bạ.

Nó trình trọng đọc bốn tiếng như thể mọi người nhắc nhở một điều gì thiêng liêng. Tôi không ngờ chung quanh thằng Lạ lại còn ẩn náu nhiều điều bí mật thế. Nâng cánh tay trái của nó, tôi hỏi:

- Còn năm cái chấm tròn này nghĩa là gì?

Nó chỉ ngón tay vào từng chấm tròn xăm theo hình vuông, bốn góc bốn nốt và một nốt ở giữa, đoạn nó nói:

- Tứ hải giai huynh đệ.

Rồi sợ tôi không hiểu, nó vội cắt nghĩa:

- Nghĩa là đi đâu cũng gặp anh em thương mình anh ạ!

Tôi cười. Nó cũng cười. Tôi bỗng thích thằng Lạ. Vào những dịp khác, tôi thường gọi chuyện nó:

- Thế thực tâm mày có thù người phản bạn không?

- Có chứ, thù em mới xuống đây.

- Chúng nó bóc lột mày à?

Lạ ngơ ngác nhìn tôi:

- Anh nói gì?

- À, chúng nó bắt mày nộp nhiều tiền cho chúa đảng hả?

- Em không có chúa đảng. Chúng em có năm đứa thân nhau nên mới thề sống chết có nhau và xâm tay. Được hơn một năm mỗi thằng bỏ đi đánh giầy một miền. Em bị bọn khác bắt nạt, em mới thù chúng nó.

- Thù thì mày làm gì?

- Em không thèm gặp mặt tụi nó nữa.

Thằng Lạ thật là chất phác. Tôi muốn xem nó có giống bọn đánh gậy khác không, bèn gạ gẫm:

- Buồn quá, máy biết đánh bài cào hỏ Lạ?

- Dạ không.

- Tao thấy tụi mày ưa đánh ăn tiền lắm cơ mà?

- Em thì không.

- Sao lạ vậy?

- Má em hồi còn sống bảo ba em chỉ vì mê bài bạc nên mẹ con em mới khổ?

- Tiếc ghê, tưởng mày biết, chúng mình chơi cho vui.

- Thiếu gì trò vui hỏ anh!

- Mày thích trò gì?

- Giá anh đọc truyện cho em nghe hay đọc chương trình cải lương.

- Tao đâu có chương trình tuồng.

- Em có.

Lạ lôi trong túi áo ra tấm chương trình vở ""Bát com nước mắt" trao tay tôi. Chiều ý nó, tôi đọc một hồi. Nó thích thú và ao ước đọc nổi để khỏi nhờ tôi. Nó tâm sự:

- Nhiều khi em nhờ người ta đọc dùm họ còn mắng. Những lúc ấy ức quá trời, muốn đi học nhưng chẳng kiếm được thầy dạy.

Bỗng nhiên tôi thương hại nó. Tôi bảo:

- Lạ này.

- Dạ

- Tên Lạ là do ba má mày đặt hay ai đặt?

- Dạ, ba em đặt.

- Mày cố đọc trúng xem nào?

Nó tròn xoe đôi mắt:

- Chi vậy anh?

- Thì mày cứ đọc đi.

Nó nghi ngờ giấy lát rồi cố đọc:

- Lửa,

- Sai rồi, Lửa.

- Lửa.

- Lửa.

- Lư ... ợ... a.

- Được đấy, mày còn muốn học không?

- Còn, bao giờ em cũng muốn học.

- Mai tao dạy mày.

Mắt thằng Lửa sáng rực cơ hồ thấp lửa. Nó run run hỏi:

- Thật hả anh, mai à?

- Ừ, tối mai.

o

o o

Thằng Lửa mua vở, bút chì và đang đợi tôi trên gác. Tôi sắp sửa lên dạy vở lòng chữ quốc ngữ cho nó thì thằng bạn tôi tới rủ đi xem chớp bóng. Tôi đi ngay, dặn Lửa mai hãy học. Nó có vẻ hơi buồn nhưng không dám nói. Tôi nghiệp nó, đáng lẽ được học tôi buổi tối thì tình cờ bạn tôi kiếm dùm chỗ kèm trẻ thành thử giờ dạy nó tôi phải dạy trẻ thiên hạ để trả tiền cơm bà Tư. Tôi muốn mang nó theo, song ngại chủ nhà tôi kèm con cái họ biết thằng Lửa là đồ đánh giầy thì danh dự của tôi tiêu tan. Tôi đành khất lần nó. Có bạn nó nài nỉ tôi dạy nó buổi sáng hay buổi trưa, nó sẽ bỏ đánh giầy mỗi ngày một buổi cho tới khi biết chữ. Tôi cũng ái ngại thật đấy. Khốn nỗi hiện thời tôi thất nghiệp,

cần phải lấp thời giờ buồn tênh ấy bằng cách cặm cụi ở thư viện đọc sách kiếm chút kiến thức. Chứ, mai mốt có việc làm, có vợ con, công đâu mà đọc nữa. Nghĩ vậy, tôi nói dối thằng Lừa rằng tôi bận ban ngày. Tôi phải lo thân tôi chứ. Thằng Lừa van xin tôi dạy nó ngày chủ nhật. Tôi hứa cho nó vui lòng. Rồi chủ nhật tôi lại kiếm cớ tới thăm người yêu bỏ mặc thằng Lừa với tập vở còn trinh trắng,

Nó vẫn nín lặng, không hé răng than phiền. Đối với tôi, càng ngày nó càng tử tế, ngoan ngoãn. Nó năng nhặt các tờ giấy trưng trình hay bất cứ thứ giấy gì người ta phát ngoài phố đem về nhờ tôi đọc rồi vuốt phẳng phiu, cất kỹ trong hòm gỗ. Nó kể cho tôi mọi chuyện ở trường tiểu học Chí-Hòa. Nào là buổi sáng khi xách hòm đánh giày lên phố, nó đã đứng nhìn lũ học trò vào trường tới lúc cổng trường đóng lại nó mới đi. Nào là buổi tối lớp Bách-Khoa học có bao nhiêu người lớn, nó đứng ngoài xem không buồn ngủ. Nó cứ nói đi nói lại chuyện học khiến tôi sốt ruột. Cuối cùng, một hôm nó khóc sụt sùi, nó lạy tôi dạy học, chỉ cần đọc nổi tám chương trình tuồng cải lương. Tôi mừng lòng đôi chút nhưng vội quên ngay, quên cả lời hứa đã tưởng mang lại ít nhiều tin tưởng cho cuộc đời thằng Lừa.

Thời gian trôi đi dần dần, tôi cũng quên hẳn chuyện dạy nó học và đôi khi quên cả sự có mặt của nó. Mấy tháng sau, tôi lên Ban-mê-thuật dạy học, chưa dám nói vĩnh biệt khu Hòa-Hưng, vì tôi còn nợ tiền hai tháng cơm của bà Tư.

o

o o

Đến một ngày cuối năm về Sài-Gòn, tôi trở lại thăm xóm cũ và thanh toán nợ nần. Lúc vào nhà xưa, đúng bữa ăn tối,

không thấy thằng Lừa đâu, tôi hỏi:

- Thằng Lừa nó đi chơi hờ bà Tư?

Bà Tư điềm tỉnh trả lời:

- Đi chơi gì, nó đi tù rồi.

Tôi tưởng bà Tư nói đùa nên gặng hỏi:

- Tù thật hờ bà Tư, nó con nít mà.

Bà Tư bữu môi phân trần:

- Con nít à, không ngờ thằng ấy là Việt cộng. Hừ, nuôi giặc trong nhà. Chú chả về mấy tháng trước mà coi, nó ôm một xấp truyền đơn việt cộng đi phát cùng xóm. Cảnh sát thộp cổ nó, nó kêu oan rồi đổ tội người này người nọ đưa cho. Bây giờ thằng ôn dịch ấy nằm trong khám rồi. Cho đáng kiếp.

Tôi đứng suy nghĩ, tâm tư rối loạn, hoang mang. Giây lát, tôi trả tiền bà Tư rồi rời khỏi xóm tối.

Sáng sau, tôi đến tòa án xin tờ khai tư pháp lý lịch để bổ túc hồ sơ giáo sư khế ước của tôi. Chờ mãi chưa tới giờ phát mẫu đơn, tôi thả ra ngoài lộ kiếm hàng thuốc lá. Tình cờ tôi ngoái lại nhìn chiếc xe cam nhông chở tù nhân vừa qua cổng tòa án. Đột nhiên, tim tôi đập liên hồi, mắt mờ đi. Nhìn kỹ tôi mới nhận ra đúng là thằng Lừa tay bị còng khóa sắt với mụ đàn bà có vẻ dĩ điểm. Nó cúi gầm mặt. Bỗng xe thẳng gấp tránh người qua ẩu, nó giật mình rướn người lên. Và cùng lúc ấy, nó nhìn thấy tôi đang nhìn nó. Lừa sững sờ khoảnh khắc rồi không hiểu vì thói quen hay vì lý do gì khác, nó nhổ nước miếng xuống sàn xe. Đôi mắt nó mở thao láo. Nó đặt môi dưới vào giữa hai hàm răng, nghiến mạnh đến trắng bệch ra. Rồi nó quay mặt về phía khác.

Lúc này tôi hối hận khôn xiết. Muộn màng quá. Nước mắt tôi ứa ra khi nghĩ tới bãi nước bọt khinh bỉ của thằng Lạ. Chắc nó đã chửi tôi những tội ích kỷ, giả đạo đức. Phải chi tôi dạy nó biết đọc, dù chỉ biết đọc tấm chương trình cải lương để nó phân biệt với truyền đơn việt cộng.

Mảnh bằng tú tài và bao nhiêu sách dày, sách mỏng trong các thư viện tôi đã đọc chẳng mang nổi một ánh tin tưởng cho em bé đánh giầy. Than ôi! Tôi vẫn tưởng kiến thức mình rộng lớn lắm.

Thằng Lạ rắc truyền đơn. Cộng sản đưa đẩy nó vào vòng tù tội và hèn nhát cướp công của nó làm điều vinh dự cho mình. Tôi đã trót hèn nhưng còn dám nhận rằng chính người có tội không phải thằng Lạ mà là Cộng sản và Tôi.

Nỗi buồn của tuổi trẻ

Một hôm tình cờ ghé thăm phòng bán đấu giá vật dụng, tôi đã thấy chân dung tôi treo lệch lạc trên bức tường vôi nham nhở. Ở đây họ bán nhiều thứ: bàn ghế, giường phản, xe đạp, sách vở, máy chữ, quạt điện... Bấy giờ tôi mới biết hễ ai bị tịch biên gia sản thì những đồ đạc đáng tiền đem ra trưng bày phát mại.

Năm tháng trước, ba tôi thâm lạm công quỹ trang trải nợ nần cho mẹ tôi. Việc bại lộ, ba tôi vào tù nằm ôn dĩ vãng, cảnh sát đến niêm phong nhà tôi và mời mẹ tôi rời khỏi nơi này ngay lập tức. Mẹ tôi chỉ được phép mang theo vài bộ quần áo. Lúc ấy tôi đang nằm ôm con nhỏ, tủi hận vì buổi trưa chồng tôi lục soát rương hòm lấy hết tiền dành dụm của tôi đi đánh cá ngựa. Mẹ tôi tới tìm tôi kể lể nỗi niềm. Tôi nghe xong khóc rưng rức. Điều buồn nhất là bức tranh Vũ vẽ tặng tôi, chẳng biết người ta có để lại không? Ít ngày sau, mẹ tôi trở về nhà cũ, tôi cũng vội vàng theo về, hy vọng rằng bức tranh bài tập của Vũ không ai thềm chú ý. Nhưng tôi thất vọng, tôi đoán chắc ông thừa phát lại nhận ra chân giá trị của tác phẩm duy nhất của Vũ không phải vì cái khung đẹp hay nét vẽ mạnh bạo mà chỉ vì nơi tôi lựa chọn treo bức tranh. Tôi im lặng tưởng tiếc, mối sầu bén rễ thêm. Đêm đêm tôi quần quai trong những giấc mơ ngắn

ngủi, thấy Vũ đẩy dựa, đau đớn.

Anh trai tôi thuê căn nhà khác mãi tận ngoại ô, căn nhà lá tồi tàn hợp túi tiền tư chức hạng bét của anh. Như vậy me tôi khỏi trông rở cảnh suy đồi, yên thân sống mà hối hận.

Gia đình tôi lồi thoi lắm. Ba me mỗi người mang riêng một quan niệm sống. Hồi trước ba tôi đã từng là đảng viên quốc dân đảng, hoạt động lén lút mãi mà tương lai thì cứ mịt mù. Rồi chẳng hiểu sao ba tôi bỏ hàng ngũ, bằng lòng cuộc sống tầm thường như mọi người. Tuy nhiên mỗi lần gửi hồn về dĩ vãng, ba ăn nói khinh bạc hết điều. Rốt cục ba chỉ là một công chức ba cọc, ba đồng. Me tôi thực tế, thực tế đến nỗi tôi tưởng me tôi tham lam. Thuở thơ ấu tôi không biết tình cảm của ba me tôi thế nào chứ lớn lên, tôi hay phải chứng kiến cảnh tượng kém tốt đẹp. Me tôi chấp nhậ cả từng mẩu chuyện vu vơ để mỉa mai ba tôi. Thường thường ba tôi câm nín. Mãi mãi tôi mới khám phá được nguyên do sự chịu đựng của ba tôi.

Ba lấy me ngày ba còn mài đũng quần trên ghế nhà trường. Ông nội tôi chết sớm, bà nội tôi lo liệu không nổi nên ba tôi phải ăn bám ông bà ngoại, tiếp tục học hành. Ba tôi chỉ chăm chú chuyện chính trị, lơ đãng sách bài, vì thế khi tỉnh mộng, tay ba trắng bằng cấp. Ông bà ngoại khinh bỉ ba. Khi những trái núi già đổ vỡ hết che lấp mặt trời, trái núi trẻ nhô lên án ngữ cuộc đời ba. Ba thành người gàn, thành người an phận để kéo dài năm tháng nghe me tôi day nghiêng. Tôi thương ba nhưng cũng thương cả me. Me muốn ba trả ơn xứng đáng. Ba thụt kết giữ danh giá cho me, cho gia đình bên me, cho kẻ ngoài cuộc lấy ba làm đối tượng, chửi bới om sòm. Thôi, nằm trong khám, ba sẽ sung

sướng ba sẽ khỏi phải nghe me rủa rới.

Anh tôi giống tính ba như đúc, sau 10 năm bỏ nhà theo kháng chiến, anh trở về bạc nhược tinh thần. Dấu vết binh lửa sần sùi khắp mình mẩy, nhiều khi anh có tâm trạng của người điên. Tôi quả quyết anh đã giết nhiều nhân mạng oan uổng. Ngày anh tìm về, me tôi mừng rỡ, trái lại ba tôi đứng dưng. Chẳng có đạo anh và ba đã cãi nhau gay go về khuynh hướng quốc gia, quốc tế. Ba từ anh. Anh tôi nhận hết lỗi lầm cũ. Ba lại thương mến anh như xưa. Tôi không thấy anh khoe khoang công trạng tuy anh tôi dự nhiều trận tàn khốc và cũng giữ chức vị khá quan trọng ở ngoài kia. Hiện thời anh làm công cho hãng nọ, cố đợi một sự thay đổi dù là nhỏ mọn và nguyện ước là được hồi hương để trồng mấy khóm thiên lý. Anh tôi không lấy vợ, chiến tranh tàn phá hạnh phúc của anh, điều ấy làm anh đau khổ, làm me tôi tuyệt vọng vì chẳng bao giờ có cháu nội bế bồng.

Gia đình tôi có hai người bại trận. Tôi ngờ đâu Vũ cũng lại lê bước vào cái lối mòn đó khiến tôi mất Vũ, mất cả bức tranh nếu chẳng tình cờ ghé thăm phòng bán đấu giá.

Bức tranh của Vũ lạc lõng giữa nơi tiền bạc đóng vai ông chủ tương lai. Tôi ghen ngào. Than ôi! Tâm hồn Vũ gãy gập. Tôi đứng ngây người như kẻ ăn mày vừa nhặt được tiền rơi bên hè phố vắng, nửa mừng, nửa sợ. Mắt tôi đóng khung tầm nhìn, tôi chẳng thấy gì ngoài kỷ niệm đang lơ nhố đùn lên và cũng đóng khung trong bức tranh của Vũ. Bỗng nhiên tình tôi yêu Vũ thức giấc.

Chúng tôi thân nhau từ thuở nhỏ. Nhà Vũ cạnh nhà tôi. Ba me Vũ sinh được mình Vũ. Me Vũ chiều chuộng Vũ hết nước, ý me muốn đền bù những lời mắng mỏ, những ngọn

roi nổi vết lươn trên lưng Vũ mỗi bận ba Vũ nổi giận. Ba Vũ nghiêm nghị, nét mặt luôn luôn hằn học, khó chịu.

Điều này thật lạ lùng, tôi vẫn nghĩ con một thì thừa điều kiện hưởng cảnh “nâng như nâng trứng, hứng như hứng hoa”. Vũ thủ thỉ với tôi “Vũ ghét ba ghê, ba nghiện ngập, ba hay đánh oan Vũ, thế mà thầy giáo cứ bắt học bài luân lý công bằng và tai hại của sự nghiện”. Năm ấy Vũ 13 tuổi, tôi 10 tuổi. Ba mẹ tôi có hai người con. Tôi kém anh Thụy tới 8 tuổi, hình như có đạo ba tôi bỏ nhà đi lâu lắm. Ba tôi quý Vũ, mẹ tôi lại không ưa. Mẹ bảo “trông nó cứ như ông cụ non, cái mặt khinh khỉnh rõ ghê”. Vũ ít sang nhà tôi chơi, Từ bé Vũ đã thích trầm lặng. Vũ nằm nhìn cánh quạt, quay tít trên trần nhà hay theo dõi cái điều cánh cốc lên cao dần. Tôi thì thuở bé tôi thú bẻ hoa bắt bướm. Ở trường bạn học ghét Vũ, họ về nhà bắt nạt Vũ. Thỉnh thoảng Vũ bị họ đánh đau phát ốm. Tôi chẳng thấy Vũ khóc, Vũ cũng chẳng sợ sệt. Vũ đứng giữa sân trường trở tay vào đám học trò cùng lứa tuổi giọng kẻ cả: “Chúng mày là lũ hèn nhát, giỏi từng đứa thử sức”. Vũ học giỏi nhưng thầy giáo Vũ thích sai vặt mà Vũ thì cứng cổ nên không bao giờ Vũ được xếp hạng nhất. Ba Vũ càng giận Vũ, cho rằng Vũ dốt nát, lười biếng. Vũ nín lặng chịu đựng đòn vọt. Chủ nhật, Vũ nằm nhà lấy bút chì nguệch ngoạc những hình thù vớ vẩn lên giấy rồi lại xé vụn nát, Tôi xin Vũ từ chối. Ba tôi yêu Vũ, tình cảm của ba thường biểu hiện khi ba nhìn Vũ rút tay vào túi quần, cúi mặt lầm lũi đi. Sau này ba tôi còn yêu thêm cái giọng điệu khinh bạc của Vũ nữa. Tôi theo phe ba, rất mến Vũ,

Tôi vừa nhắc vài mẫu quá khứ chứa chất trong lòng. Tôi ghi nhận được ít quá, ít là ít những nét khác biệt chứ

tuổi trẻ ai chẳng có nhiều kỷ niệm huy hoàng. Tuy ít nhưng cũng đủ khiến tôi suy nghĩ nhiều ngày tôi gặp Vũ ở Sài-Gòn.

Vũ già dặn hơn những người bằng tuổi Vũ. Sau bảy năm qua, Vũ lên Hà-Nội, tôi lớn dần trong cảnh bình thản của người tỉnh nhỏ. Hồi gia đình tôi di cư vào Nam. Tôi cố tìm Vũ trong đám đông quen thuộc. Thường thì thất vọng. Mãi mới thấy Vũ tha thẩn trên hè phố một buổi chiều. Vũ nhận ra tôi ngay. Vũ khen tôi đẹp khiến tôi thẹn đỏ mặt. Tôi trách Vũ bao nhiêu thứ. Vũ cười xin lỗi, Vũ bảo thời đại này làm con người dễ quên mọi việc.

Bấy giờ tôi chưa yêu ai. Ở tuổi hai mươi thèm khát ái tình, tôi phải hạ mình xuống đóng vai kẻ đi tìm. Những gã con trai thời đại chạy theo tôi tán tỉnh, nịnh bợ nhiều lắm. Những thằng anh hùng rơm trên sân khấu đời thì sao sắm nổi vai chính trên sân khấu tình ái. Tôi khinh bợ họ.

Vũ khác, nghĩ thế tôi tưởng mình chủ quan. Nhưng rồi Vũ giới thiệu với tôi vài người bạn trai của Vũ. Đám người này, tôi chưa từng thấy họ nháo nhác ngoài phố. Họ giản dị, tế nhị trong nếp sinh hoạt, họ xuềnh xoàng tựa mọi người. Tôi cho rằng người tầm thường làm nên chuyện phi thường mới đáng kể. Vũ thực đáng người yêu của tôi. Tôi dám vì anh trọn đời giữ vai kẻ đi tìm. Trong thâm tâm, tôi vẫn nghĩ Vũ thường nhắc nhở tên tôi, ít ra cũng hơn đôi lần Vũ rung động. Giữa thuở đợi chờ, Vũ xuất hiện. Tôi yêu Vũ song tôi sẽ không nói, tôi bắt Vũ nói trước. Vũ vào Sài-Gòn một mình, bỏ ba mẹ ngoài ấy. Hỏi Vũ chuyện gia đình, Vũ im lặng. Dường như Vũ có tâm sự gì đau đớn. Lâu lâu Vũ nhớ tới ba, Vũ chấp nối từng mẩu khô hài nho nhỏ chê cười ba. Vũ bảo sống thời đại sóng gió như ba mà cam tâm

nằm nhà hút thuốc phiện, thực là nhục nhã. Vũ ước mong thời đó còn, nhất định Vũ phải dự trận Yên-Bái... Tôi hỏi mẹ Vũ, Vũ giả vờ đưa tôi sang ngõ ngách tăm tối khác. Nhìn mắt Vũ, tôi thoáng hiểu lúc ấy Vũ buồn ghê gớm.

Giọng Vũ chua chát, gằn gằn. Vũ không nịnh nọt tôi, không khoe khoang gì với tôi cả. Vũ thiếu lịch sự nữa là khác. Tôi mến Vũ có lẽ vì thế. Vũ cho tôi biết Vũ theo hội họa. Tôi sung sướng dực Vũ sáng tác nhiều đêm triền lãm, Vũ mỉm cười:

- Anh chưa muốn vẽ cô ạ!

- Sao lạ vậy?

- Anh còn đợi hứng.

- Anh đợi đến già ư?

- Anh nghĩ rằng xã hội này phải dọn dẹp cho sạch mắt thì mới có hứng em ạ!

Vũ nói khiến tôi băn khoăn, thắc mắc. Tuổi trẻ vốn bướng bỉnh, không chịu bị chỉ huy. Anh chàng Vũ lôi thôi ghê. Tôi đem chuyện hỏi ba tôi, ba tôi dè dặt:

- Nó có khuynh hướng chính trị, coi chừng kéo hỏng đời.

- Thật à ba?

- Ừ, tuổi trẻ làm chính trị dễ bị lợi dụng, khi mình nhận ra thì thân mình đã là quả cam ép hết nước, mình bất mãn và mình có thể liều mạng.

Tôi lo giùm Vũ. Ba tôi nghĩ đúng chẳng? Tôi tìm đủ cách dò hỏi Vũ. Vũ khôn ngoan đưa tôi ra ngoài phạm vi chính trị. Đôi khi chúng tôi trao đổi ít nhiều kỷ niệm cũ. Vũ phàn nàn kỷ niệm của Vũ đáng kể nhất là những giọt nước mắt của mẹ Vũ. Thú thật tôi không hiểu nổi Vũ. Con gái không ưa chuyện gì hơn chuyện yêu đương. Vũ cứ dắt dần tôi vào đường lối

suy tư mỗi một. Vũ bất mãn cuộc sống hiện tại, khinh rẻ lớp đàn anh. Vũ kết tội ba Vũ và thầy giáo. Tôi đã dành đủ thì giờ nghĩ đến Vũ, khi còn bé lắm nhải lý thuyết sông trước cảnh ngộ trái ngược, bước xuống đời quá sớm nên tầm mắt thu về toàn những hình ảnh ốm yếu, bệnh hoạn.

Tôi năng tới nhà Vũ. Vũ ở chung với anh Quang. Gặp Vũ thì Vũ đem ba ra làm đề tài chế giễu. Vũ vắng mặt thì anh Quang tiếp chuyện tôi. Anh Quang cũng là họa sĩ. Anh vẽ thật nhiều nhưng chỉ vẽ trên giấy học trò dán kín tường gỗ gác trọ. Quang sôi nổi hơn Vũ, anh muốn triển lãm tranh nên đã nhịn đói nhịn khát, xin hết bạn này, vay hết bạn nọ chút tiền mượn mua sơn, mua vải mua khung. Hai mươi mấy bức tranh của Quang vẽ xong đem cho bạn hữu vì không ai giúp đỡ Quang phương tiện. Tôi thấy giọng điệu Quang chán chường tuyệt vọng và chua chất chẳng khác gì Vũ.

Quang phàn nàn với tôi mọi vấn đề, gay gắt nhất là vấn đề dính dáng chút ít nghệ thuật. Tôi tự hỏi tại sao các anh cứ lao đầu vào cái nghề bị thiên hạ coi thường mà hần học. Quang ghét cay ghét đắng bọn đầu cơ văn nghệ.

Anh nói liên miên trút hết bức tức với tôi. Có cái gì khác lạ thật. Căn nhà Vũ ở bạn bè Vũ thường lui tới, người nào cũng kín đáo, khó hiểu trừ Quang luôn luôn kết án “nghệ sĩ giả”. Ba tôi một hôm khuyên tôi đừng chú ý đời tư của Vũ. Ba bảo thanh niên thời đại này ngơ ngơ ngác ngác. Họ sinh sau đẻ muộn nên không tham dự cuộc chiến tranh vừa qua. Lớn lên trong xã hội một mội. Tâm sự họ là tâm sự thanh niên hậu chiến, chán nản hiện tại, nghi ngờ tương lai,

Buổi sáng chủ nhật, Vũ đến thăm ba mẹ tôi và anh Thụy. Vũ phàn nàn bây giờ người ta không chịu hiểu bọn trẻ tuổi

ước nguyện gì, Vũ vì xã hội như con bệnh, người làm cách mạng như bác sĩ. Ba tôi đưa ra vài kinh nghiệm bản thân khuyên Vũ, Vũ cười chê ba tôi là kẻ trốn tránh. Anh Thụy chỉ những vết sẹo sần sùi của anh giảng nghĩa từng tiểu sử của mỗi vết. Vũ im lặng, Vũ cho ba tôi là thứ đồ cổ, anh Thụy là tâm hồn bệnh hoạn. Thời đại rung chuyển khác nhịp xưa, hôm nay bỏ xa hôm qua nhiều quá, Vũ nghĩ vậy.

Ba tôi ngồi nghe, ba xét can ngăn cũng chẳng được. Về tuyệt vọng hiện rõ trên mặt ba. Tôi thấy lòng tôi se sắt, tôi sẽ mất Vũ, nhà tù sẽ nhốt Vũ? Tối bữa ấy, tôi mời Vũ xem chiếu bóng. Đêm, Vũ dắt tôi về trên đường khuya vắng. Tim tôi hồi hộp. Tôi chẳng nên tự ái nữa. Tôi nắm chặt lấy tay Vũ, giọng run run:

- Anh Vũ, anh nói gì với em đi?

- Nói gì?

- Nói gì cũng được.

- Anh chưa thể nói khi đời anh còn rộng tuếch.

Tôi gục đầu trên vai Vũ vừa đi vừa khóc. Vũ đỡ tôi. Tôi muốn ghì chặt Vũ mãi mãi. Tôi muốn Vũ là Vũ ngày xưa, tham vọng chính trị đừng cướp mất tâm hồn trong trắng của Vũ. Tôi biết Vũ sẽ như ba tôi, sẽ như anh Thụy bây giờ. Và thế là tôi mất Vũ.

Vũ dìu tôi ra bờ sông, chúng tôi ngồi trên phiến ghe đá. Bên kia sông im vắng, thấp thoáng đôi ngọn đèn dầu le lói. Tôi nhớ bờ sông Trà-Lý ở Thái-Bình những đêm kịch xa xưa. Vũ đã nắm tay tôi chạy tung tăng trên vệ đê dưới ánh trăng bạc. Kỷ niệm nho nhỏ giúp tôi đôi phần tin tưởng. Tôi dục Vũ:

- Anh nói đi anh.

- Nói gì?

- Nói “anh yêu em...”

Vũ không nói, anh nhìn cặp mắt tôi mọng đầy thương yêu. Anh ôm tôi hôn lên mắt. Tôi muốn Vũ tặng tôi một chiếc hôn nồng đượm trên đôi môi khao khát. Vũ đứng đắn, tôi chả dám sờ sảng. Hay Vũ khinh tôi, ý nghĩ sau này khiến tôi tủi hổ, tôi khóc rưng rức. Vũ lấy khăn thấm mắt tôi nhưng lệ đã ướt mi tự bao giờ, khăn nhỏ của Vũ làm sao thấm khô được. Vũ buồn buồn hỏi tôi:

- Sao Minh khóc?

- Tại anh coi rẻ Minh.

- Đâu, ai bảo thế?

Vũ buông tôi, ngồi im suy nghĩ. Tôi liếc nhìn Vũ đang thả tầm mắt về phía những ngọn đèn dầu le lói bên kia sông. Tôi biết. Vũ say sưa lý tưởng của Vũ hơn tôi. Thật chán nản. Tuy nhiên tôi vẫn hy vọng có ngày Vũ nói Vũ yêu tôi. Tôi thở dài, hơi thở lùa vào khuôn mặt Vũ đầm chiêu. Vũ sực nhớ ra, anh nói:

- Em đã nghĩ vậy, thôi được, chẳng chơi với anh càng hay.

Tôi sợ sệt, vội phân trần:

- Thế anh không khinh em à?

- Ai nỡ xử tệ bạc vậy.

- Thế...

- Gì?

- Anh đừng khinh em nhé!

- Ừ.

- Thế ...

- Gì?

Tôi ngã đầu vào lòng Vũ, đôi môi mấp máy van xin. Vũ vuốt ve tóc tôi. Tôi cố can đảm nói:

- Thế... anh... hôn em đi...

Tôi không cần đợi Vũ trả lời, ôm sát người Vũ. Lúc ấy bờ sông vắng vẻ...

Đêm về tôi mơ mộng nhiều. Vũ năng thăm tôi nên tôi bớt trống trải. Tôi nghĩ với ba sẽ lấy Vũ. Ba tôi lắc đầu hoài nghi còn mẹ tôi biết chuyện mừng tôi thậm tệ. Tính mẹ thực tế mà!

Có bận tự nhiên Vũ đến lôi tôi tới nhà Vũ. Vũ bắt tôi ngồi cả buổi chiều làm mẫu vẽ cho Vũ. Xong, Vũ tặng tôi. Vũ bảo:

- Tác phẩm duy nhất của anh đây. Có thể là bài tập hội họa, em đem về đóng khung treo nhé!

Tranh Vũ vẽ chẳng giống tôi tí nào cả. Tôi không hiểu hội họa. Kệ, miễn tôi thích là được. Tôi treo bức tranh ở phòng riêng của tôi. Mẹ tôi chê bai:

- Vẽ gì mồm méo xệch, mắt trĩu nặng xuống, tóc rối bù, đường ngôi lệch lạc, trán nhăn nheo như bà già. Thế mà cũng đòi vẽ.

Anh Thụy và ba ngắm bức tranh lấy làm hài lòng lắm. Ba tôi chỉ ngón tay dẫn giải cho tôi hết họa sĩ Gauguin xem tranh Van Gogh trong phim "Lust for life".

- Vũ nó trút cả nỗi hằn học cuộc đời, nỗi dằn vặt tâm tư lên tác phẩm.

Tôi sung sướng lịm người. Phải chi Vũ chỉ vẽ và yêu tôi. Sau khi tặng tranh tôi, Vũ có lại nhà hai lần rồi mất bóng. Tôi hỏi anh Quang. Anh thản nhiên đưa tôi bức thư viết nguệch ngoạc đôi giòng của Vũ. Vũ nói đi xa, ngày về không hẹn. Lòng tôi tan nát. Tôi chưa nhận được ân huệ tình ái nào của

Vũ mà Vũ đã trốn mất. Tôi khóc nức nở. Quang an ủi tôi. Ba tôi hay tin, nét buồn rõ hơn. Me tôi chắc hài lòng lắm.

Từ đấy tôi bắt đầu sống bằng kỷ niệm. Tâm tình tôi thay đổi đột ngột. Tôi biếng ăn, biếng ngủ, người gầy còm khốn nạn. Cả ngày tôi nằm nhìn bức tranh của Vũ. Me tôi tưởng tôi bị ma ám ảnh, lễ bái, đàn chay. Việc này khiến ba bức tức, ba nói nặng lời. Me lại làm công việc mĩa mai cổ hữu rồi đi đánh bạc liên miên. Dần dần nỗi buồn dịu nhẹ. Tôi thường khóc ban đêm. Ngày tháng trôi đều, Vũ biệt tăm đã được hai năm. Tôi lớn rồi, muốn chờ Vũ, nhưng Vũ không hứa hẹn gì cả. Tôi mặc cuộc đời chèo lái. Mãi tới hôm Quang gặp tôi nói chuyện Vũ. Quang cho biết Vũ bị bắn chết gần biên giới Việt-Lào. Vũ đi buôn thuốc phiện lậu gây quỹ đảng. Bị bao vây, bọn Vũ xả súng kháng cự, kết quả xác Vũ vùi dập trong xó rừng heo hút, đêm tối hổ đói về quật mồ lên kiếm mồi. Tôi nghe xong chết lặng. Tôi hết nước mắt để khóc Vũ. Ước vọng buông xuôi rồi.

Ba tôi thương tôi, ba hiểu tôi yêu Vũ tha thiết.

Không biết ai manh mối với me tôi mà me nhận trầu cau ăn hỏi của gia đình Thuận. Ba tôi uất ức phát ốm phải nằm bệnh viện. Anh Thụy cãi me rồi cũng bỏ đi. Ba nói trước như thế này:

- Ba không bằng lòng nếu con lấy đứa ngu dốt như thằng Thuận.

Me tôi cướp lời ba:

- Dốt thì sao, giàu là sung sướng.

Ba bình tĩnh dạy bảo tôi, coi như không có me. Ba kết luận rất buồn thảm:

- Tùy ý con.

Me tôi quát tháo ầm ĩ. Ba đập chặn phủ mặt ngủ. Tôi khóc thầm ngậm ngùi số phận, thương hại Vũ. Mấy tháng sau tôi đi lấy chồng. Tôi đếm từng nỗi buồn vào đời mới. Dem so sánh Thuận với Vũ tôi ứa nước mắt. Thuận dốt nát, vũ phu nữa, Thuận chỉ biết tiêu tiền và đàn đúm với lũ bạn ranh con du đãng. Tôi không thể chịu được Thuận. Mỗi lần chung đụng xác thịt với Thuận, tôi coi là một nhục hình. Tôi nhắm chặt mắt, đuổi linh hồn đi rất xa, có khi tôi khóc. Tôi ghê tởm Thuận. Thế mà tôi sống cạnh Thuận trọn đời tôi.

Thuận hay đánh đập tôi tàn nhẫn, anh ta kém tôi một tuổi. Nứt mắt mà đã ham mê cờ bạc. Tôi thấy ba tôi nhận xét đúng. Gia đình chồng tôi là bọn vô học mặc dù họ giàu có. Tôi tự an ủi giá Thuận biết cách yêu tôi thì nỗi buồn đỡ xâu xé, ám ảnh. Sống an phận cạnh Thuận tôi sẽ quên hình bóng cũ. Thuận không hiểu gì, anh ta còn đào thêm hố sâu thăm trong hồn tôi nên tôi càng nhớ Vũ.

Ngày tôi về nhà chồng tôi định mang theo bức tranh của Vũ. Nghĩ sao tôi lại thôi. Nếu tôi mang theo, tranh Vũ sẽ như bấn đến chừng nào. Tôi yêu Vũ, tôi thù hận lấy những nỗi đau vật ám ảnh Vũ khiến Vũ lao đầu vào cỏi chết. Tại sao chúng tôi không là hoa bướm mãi mãi? Tại sao bọn Vũ cứ phải lầm lũi tìm lấy lối đi, không ai sẵn lòng chỉ đường Vũ theo, con đường mà tôi mong ước sẽ về với tôi những thương và nhớ? Không bao giờ tôi dám nghĩ Vũ chết hay Vũ còn sống nằm ôm mối trường hận trong khám lạnh. Không bao giờ... Nhưng Vũ đã chết, Vũ chết thật rồi. Tôi chạnh nhớ tới quả cam ép hết nước ba tôi nói dạo nào. Lúc này ba tôi bị tù, me tôi phá tan hạnh phúc gia đình, anh

tôi gửi kiếp sống bệnh hoạn tháng năm nối tiếp. Tôi thấy vì Vũ mà tôi cũng mất khá nhiều mộng ước. Thì ra tuổi trẻ đang bị hắt hủi, xua đuổi tàn nhẫn. Bức tranh của Vũ diu tôi vào ngõ ngách suy cảm mung lung. Đầu óc tôi bừng bừng nổi sóng. Mắt hoa lên, tôi không còn can đảm hứng đón kỷ niệm đầy vò.

Tôi bỏ về, nhất định tới mua bức tranh gửi anh Quang. Hôm sau tôi cố tình ghé thăm phòng bán đấu giá nhưng tôi ngạc nhiên đến kinh hoàng. Bức tranh đâu mất rồi. Tôi hỏi thăm thì được biết có người vừa mới mua buổi sáng. Tôi đau đớn vô cùng và rồi bình tĩnh tôi hình dung ra khách mua tranh. Chắc ông ta thấu rõ nỗi hằn học cuộc đời, nỗi dằn vặt tâm tuệ trong tranh hoặc thấy rẻ nên mua? Ông ta sẽ dành chỗ xứng đáng treo tranh của Vũ hay treo cạnh những bức tranh thủy mặc xếp đồng bên lề hè Lê Lợi.

Mỗi sầu bao la chụp kín linh hồn tôi. Tôi thần thờ trên đường dài cô độc, nhớ lời Quang mĩa mai:

- Thường thường người ta treo tranh con gái trong phòng ngủ.

Trẻ thơ và Bụt

... “Tắm tướng đầu bass, lặn xuống nước gội đầu. Trên bờ, con Cám gian dối liền đổ hết cá trong giỏ của Tắm vào giỏ của nó rồi chuồn mất. Gội đầu xong, Tắm mò lên toan xách giỏ về thì thấy giỏ nhẹ bằng đi. Tắm mở nắp giỏ ra xem, nó tức phát run rẩy vì cá của nó bị ăn cắp hết, còn sót lại mỗi chú cá bống. Đau khổ, Tắm ôm giỏ ngồi khóc nức nở. Lúc bấy giờ có ông Bụt hiện ra trước mắt Tắm. Bụt xoa đầu Tắm và hỏi:

- Tại sao con khóc?
- Cá của con mất hết rồi.

Bụt mỉm cười, an ủi:

- Thôi chả cần con ạ! Con đem chú bống về mà nuôi.

Tắm được khuyên bảo, bớt buồn. Nó định hỏi Bụt là ai thì Bụt đã biến mất...”

Dì Thơ ngừng kể. Dì cho thêm củ vào bếp. Ngọn lửa hừng hực liếm đáy nồi. Tiếng kêu lách tách nghe rõ mồn một. Bé Tâm chăm chăm nhìn dì nó. Hơi nóng làm má dì Thơ phơn phớt hồng. Chả bù khi mới nhóm lửa, môi dì tái xám, rét run cầm cập. Bé Tâm đợi dì Thơ cời than xong là bắt dì kể nốt chuyện Tắm, Cám. Nhưng dì Thơ không kể nữa. Dì nhìn đứa cháu gái bằng con mắt ăm ắp yêu đương. Dì Thơ có một mắt thôi, mắt bên phải của dì bị chột. Bởi

thế, hễ dì âu yếm nhìn Tâm hay dì khóc, Tâm cứ tưởng nước mắt trào ra gấp hai lần. Dì Thơ dục cháu:

- Đi ngủ đi chứ. Ngủ đi kéo mai dậy muộn. Mong một Tết mà ngủ trưa thì rông cả năm cháu ạ!

Bé Tâm lắc đầu:

- Cháu không buồn ngủ, cháu thức với dì.

- Thức với dì sao được. Mắt cháu nhíp lại rồi kia kìa. Dì bảo phải nghe. Ngoan rồi dì mừng tuổi nhiều tiền. À, có tiền cháu mua gì nào?

- Cháu mua gà.

- Ừ, vậy đi ngủ đi.

- Dì kể hết chuyện Tấm, Cám cháu mới ngủ.

Dì Thơ chiều cháu. Dì ôm bé Tâm, đặt đầu nó vào lòng mình. Tiếng dì êm êm cơ hồ tiếng mùa xuân đang rón rén ngoài trời.

... “Sau bữa ăn, Tấm đem cơm ném xuống ao, gọi bống: ‘Bống, bống, bống ơi! Bống vàng, bống bạc nhà ta, Đừng ăn cơm hẩm cháo hoa, nhà người! Bống, bống, bống...’ Con bống lừ đừ nổi lên. Tấm sung sướng thủ thỉ với cá. Đứa bé mất mẹ và con cá bống lạc loài xem chừng quyến luyến nhau lắm...”

Dì Thơ lại ngừng kể. Trong sự vắng lặng của đêm trù tịch, dì chỉ còn nghe thấy hơi thở đều đều của Tâm. Khẽ vuốt ve tóc cháu, dì rơm rớm nước mắt. Thế là hai cái Tết, đứa cháu cô cút sống nhờ bên ngoại. Dì Thơ thương cháu. Thương bao nhiêu, dì càng buồn tủi số phận hẩm hiu của dì bấy nhiêu. Dì nghèo, xấu xí, ế chồng! Đầu tắt mặt tối cũng chỉ đủ nuôi mẹ già, cháu dại. Dì luôn luôn sống bằng ước ao. Song sự ao ước dường như vô vọng. Và dì sợ bé

Tâm khôn lớn sẽ chịu chung kiếp sống tối tăm này.

Dì cúi thấp gần má cháu. Mắt dì mờ đi. Con bé thêm thiếp ngủ. Miệng nó tươi như hoa.

o

o o

Ăn Tết xong, bé Tâm có hai đôi gà. Dì Thơ xuống tận chợ Mễ mua, dì phải bù thêm mấy đồng. Mấy hôm đầu bốn chú gà nhiếp bị úp trong cái nơm. Bé Tâm cả ngày quẩn quýt bên gà. Bé bốc gạo rắc cho gà mổ. Con nào con ấy ăn căng cả điều. Bé chỉ muốn thả gà. Dì Thơ không cho, dì bảo nhốt vài hôm cho nó quen đã, kéo tối nó quên về chuồng.

Bé Tâm sợ mất gà nên nghe lời dì. Bé nóng lòng trông thấy bốn chú gà trụi lang thang ngoài vườn sau. Đêm bé ngủ, bé nằm mê gọi “chích, chích, chích, bập, bập...” làm bà ngoại hết hồn. Thức dậy, việc đầu tiên của bé là nhích cái nơm xa ra chỗ khác, lấy chổi quét dọn sạch sẽ. Đoạn bé rắc gạo rồi ngồi nhìn gà mổ lục cục trên nền đất rần một cách say sưa.

Như thế, ba hôm ròng rã, bốn con gà trụi của bé mới được thoát khỏi nơm. Trời đầu mùa xuân nhưng vẫn còn rét. Bọn gà của bé Tâm lơ thơ mấy chiếc lông cánh để tro da thịt đỏ tái. Bé thương gà ghê đi ấy. Lạnh thế này mà không “mặc áo” thì chịu sao nổi. Gà chịu nổi, chúng nó “cởi trần” giỏi thật, cứ luẩn quẩn sân trước mãi rồi mới rủ nhau ra vườn sau bới đất tìm sâu bọ.

Bé Tâm theo sát gà. Bé không muốn gà của bé bị con Mực đuổi chạy tán loạn hay bọn điều hâu sà xuống cuỗm đi. Bé đã thấy điều hâu bắt gà. Con gà nhỏ bị quắp vào chân điều hâu, rên la trên trời nghe thảm thiết làm sao! Bé thù

điều hâu, điều hâu ác tặc. Có bạn bà ngoại xoa đầu bé ru câu: “Điều hâu mày lượn cho tròn, Sáng mai tao gả gà con cho mày”, bé đã hỏi:

- Sao phải gả gà con cho điều hâu hở bà?

- Nói dối nó ấy mà.

- Sao lại nói dối hở bà?

- Cho nó lượn. Nịnh nó mà.

- Thế nó có biết nịnh nó không hở bà?

- Biết chứ, nó lượn năm bảy vòng rồi sà xuống định bắt gà con thì người chạy ra đuổi mắng nó: “Gà con tao để tao nuôi, Tao gả con chó cụt đuôi cho mày.”

- Nó có bằng lòng lấy con chó cụt đuôi không hở bà?

- Lấy sao được, tới gần chó nó cắn chết.

- Chắc mắc lừa, điều hâu nó tức bà nhỉ?

- Ừ, tức nó mới hay bắt trộm gà.

Chuyện của bà ngoại kể khiến bé Tâm cười nhe cả răng sún lúc nghe. Bây giờ có gà con, bé không dám cười bọn điều hâu khờ khạo nữa. Điều hâu tồi quá. Ai bảo người ta nói dối nó, bắt tội bé phải canh chừng điều hâu.

Nhưng điều hâu chẳng dám bén mảng, gà của bé Tâm lớn mau như thổi. Qua tháng hai, bốn chú gà trĩu đã mọc đầy lông, chân dài ra, tiếng kêu bới nhậm nhậm. Chiều đến, trước khi về chuồng, bọn gà thay phiên chơi “giao hữu” rất vui vẻ. Thỉnh thoảng, chúng nó đánh nhau thật sự, hăng ra trò, rúc vào cánh nhau mà mổ, những nước đá cũng điệu y hệt gà nòi. Đánh nhau một lát vẫn không chịu thôi, bé Tâm thương hại chúng đau đớn, nhảy ra can: “Thôi mà, cho tôi xin đi mấy bác.”

Gà chạy chỗ khác, hãy còn hăng máu, lại xông tới ăn thua.

Đánh nhau chán, chúng hòa ngay. Anh em một mẹ mà.

Đến tháng ba, hai chú gà lên tí mào đỏ, ra cái điều ta đây là gà trống. Hai chú này tập tễnh vỗ cánh, vươn cổ cao, cao hoài mà chưa kêu thành tiếng gáy. Bé Tâm muốn đặt tên cho bốn con gà của mình. Bé hỏi dì Thơ:

- Cháu đặt tên cho gà, dì nhé!

Dì Thơ cười:

- Ai đặt tên cho gà bao giờ?

Bé Tâm giơ tay phân trần:

- Thế chó thì sao hở dì? Chó có tên Cún, Mực, Vàng...

Dì Thơ vỗ vai Tâm:

- Dì chịu cháu rồi. Vậy cháu đặt tên gà đi.

Bé Tâm nghĩ mấy ngày mới kiếm nổi bốn cái tên. Bé sắp theo thứ tự: Con Nhớn, con Nhỡ con Nhỏ, và con Út. Tuy thế, mỗi lần gọi gà về bé vẫn phải “chích, chích, chích, bập bập...”

o

o o

“Nắng tháng ba bà già chết rét”, trời tự nhiên lạnh kinh khủng, lạnh đến nỗi cá rô chết nổi lênh bênh trên mặt ao. Đàn gà của bé Tâm ủ rũ, kém hoạt động.

Thoạt đầu, con Nhỡ ăn ít, tìm một xó, lười biếng bới mồi. Hai hôm sau, cổ nó rụt lại, đôi mắt đỏ ngầu, cánh trệ xuống như người khoác áo tơi. Nó bị cúm, sắp chết. Bé Tâm cuống quýt hỏi dì Thơ cách cứu chữa. Dì già tãi đồ vào mồm gà. Vô ích, mào con Nhỡ xám đen và chết thật nhanh chóng. Bé Tâm rút nước mắt. Bé đào cái lỗ sau vườn, lấy lá chuối khô bỏ con Nhỡ cẩn thận rồi đem chôn. Bé thắp cây hương lên mộ con Nhỡ, khấn nó phù hộ cho đàn gà của bé đừng cúm.

Nhưng mồ con Nhỡ chưa kịp mọc cỏ, nó chưa kịp phù

hộ cho anh chị em nó thì dịch gà tới lan tràn khắp xóm. Con Nhón, con Nhỏ theo chân con Nhỡ chết luôn, còn trơ trọi con Út. Con út là gà mái. Bé Tâm tiếc gà khóc ròng hai ngày. Vừa khóc, bé vừa mong Bụt hiện ra y như Bụt đã hiện ra trong chuyện Tấm, Cám.

Hình như Bụt đã hiện. Bé Tâm nín khóc. Bụt vuốt mớ tóc rối của bé và hỏi:

- Tại sao con khóc?

- Gà của con chết hết rồi.

- Thôi chả cần con ạ! Con chăm sóc con Út đi, rồi nó đẻ nhiều trứng, nó ấp, rồi con có nhiều gà con...

Tiếng Bụt nghe quen quen. Bé thấm khô nước mắt để nhìn Bụt cho rõ thì Bụt đã biến mất. Nhớ lời Bụt dặn, bé bớt buồn, săn sóc con Út. Hồi trời hết rét. Sang hạ, đất trời đổi thay, cỏ mọc dài, cây đầy lá và hoa nở nhiều. Con Út đẹp hẳn lên. Lông nó mượt, óng ả, mào nó đỏ tươi. Gà mái tơ có khác. Nó gai mỗ từng hơi dài và chạy tung tăng theo con trống hàng xóm. Tiếng nó nghe thích thú biết mấy! Giá ba anh em nó không chết thì giờ đây, bé Tâm có bốn chú gà lớn biết gáy, biết gai mỗ...

Chẳng mấy đổi, con gà sống-sốt nhảy ổ đẻ.

Dì Thơ lấy rổ rách, nhồi rơm, bắc ổ cho nó ở chuồng lợn. Gà nhảy rổ rít. Bé Tâm hồi hộp chờ mong. Rồi nó đẻ, nó kêu “cục ta cục tác” om sòm. Mầm hy vọng mọc dần trong lòng đứa bé mồ côi nơi quê ngoại. Bé Tâm cầm chiếc trứng, nâng niu, ngắm nghía. Ý nghĩa cuộc đời của bé ở đây. Trẻ thơ mơ ước giản dị lắm. Bé mơ có đàn gà con.

o

o o

Gà để được mười tám trứng thì ấp. Nó nằm suốt ngày đêm trên ổ, chỉ xuống sân cỏ một lần vào buổi trưa để ăn uống. Ấp được năm ngày, vào buổi sáng, bé Tâm thức dậy sớm thăm gà như thường lệ. Bé hốt hoảng kêu: ổ bị lật xuống chuồng lợn và hai con lợn nhỏ đang rau rầu nhai trứng vỡ. Tưởng cháu bị rắn cắn, dì Thơ chạy mãi tới. Bé ngo ngẩn chỉ vào chuồng lợn, uất nghẹn nói chẳng nên lời. Dì Thơ thấy có vết máu và một dúm lông. Dì hiểu rằng hồi đêm cáo đã cắn chết gà tha đi. Tội nghiệp.

Bé Tâm lăn ra sân khóc thảm thiết, khóc sừng cả mắt, khóc bỏ ăn, khóc không ai khuyên được. Khóc chán, bé lần mò theo vết lông ra vườn sau, ra bờ cù kiếm xác con Út yêu quý. Bé chả thấy gì ngoài mấy giọt máu đọng trên đất khô và từng chiếc lông cánh của gà dầy dụa rơi rớt. Bé đau khổ nhặt nhạnh những chiếc lông gà rồi về ngồi dưới cầu ao khóc nức nở.

Tiếng bé than thở xé nát tấm lòng u uẩn của dì Thơ. Bé ước ao Bụt hiện lên nữa, Bụt sẽ hóa phép cho mấy cái lông gà hóa thành con Út nằm trên ổ để như Bụt đã hóa phép mấy cái xương con bống của Tấm thành áo quần lông lầy. Bé không thích áo quần đẹp, bé chỉ thích con Út sống lại.

Bé Tâm khóc sừng cả mắt, khóc luôn ba bốn ngày, khóc chờ Bụt hiện. Bé úp mặt vào tay sợ mở mắt ra Bụt sẽ biến mất. Rồi Bụt hiện... Tiếng Bụt mơ hồ như từ đâu vọng tới tai bé:

- Tại sao con khóc?
- Cáo nó cắn chết con Út của con rồi.
- Thương hại quá nhỉ! Giờ con muốn gì?
- Con muốn con Út sống lại,

- Nó đã chết rồi sống sao được nữa.

Bé Tâm oà lên khốc nước nức:

- Thế làm sao con có gà được?

- Ta cho con tiền mua gà khác.

Bé vuốt nước mắt, hỏi:

- Bụt làm gì có tiền?

- Ta có, ta để đằng sau lưng con.

Bé Tâm mở bừng mắt ngoảnh lại. Bụt biến đâu mất rồi. Còn gói tiền giấy buộc gọn bằng giấy chuối khô. Ngỡ ngàng giấy lát, bé ngược nhìn lên, dì Thơ đang đứng nhìn bé. Bé lạ lùng thấy dì Thơ không chột nữa.

Qua màn lệ mờ, bé đã trông rõ Bụt: Bụt nằm trong con mắt bên trái của dì.

Trên sông tình thương

Lúc ấy vào khoảng 23 giờ. Linh vừa chớp mắt thiu thiu ngủ. Bỗng giật mình thức giấc. Anh ngạc nhiên thấy Bồn cầm tay mình lay mạnh và hỗn hển nói:

- Thầy dậy gấp thầy!

Hoảng hồn, Linh hỏi:

- Việc gì đẩy Bồn?

Bồn run rẩy:

- Họ, họ... định... bắt... thầy!

Linh không còn can đảm gắng hỏi Bồn tại sao “họ” bắt mình. Trống ngực anh đánh thành thịch. Như cái máy, Linh vùng dậy xỏ giày, mặc vội quần áo rồi theo Bồn ra khỏi ngõ.

- Thầy đừng lo thầy ơi!

- Đi đâu bây giờ?

- Mắn nó neo xuồng đợi thầy ở gần nhà thẳng Phụ. Hãy ra sông đã thầy ạ!

Hai thầy trò lặng lẽ rảo bước. Tiếng chó sủa râm ran phá tan sự u tịch của thôn Tân-Huê khiến Linh bối rối vô cùng. Con đường mòn cơ hồ dài vô tận, Linh ngoảnh lại đằng sau. Vắng vẻ. Nhưng anh có cảm tưởng như người ta đang đuổi mình. Bồn níu chặt tay Linh, lôi anh đi thoăn thoắt.

Lát sau, hai thầy trò đã đến chỗ xuồng đậu. Bồn thổi sáo hiệu. Dưới những lùm cây rậm rạp, âm u cạnh con lạch

nhỏ, chiếc xuồng gỗ chèo sát vào bờ, tiếng người vọng hỏi:

- Thầy đâu?

- Đây mà trái cò chưa?

- Chưa.

- Thôi để tao kiểm sau.

- Em đi với thầy nữa nhé!

- Không được. Mày phải về nhà. Ai hỏi thì nói thầy ngủ nhà thằng Hai, còn tao thì đi kéo bò nghe! Tao ráng chờ thầy xuống chợ Vàm.

Mẫn nhảy tót lên bờ. Nó đứng ngây người nhìn Linh, muốn nói điều gì mà còn rụt rè chưa dám. Trong bóng đêm mờ nhạt ánh trăng, Linh thấy hai con mắt thằng học trò nhà quê long lanh, chớp liên hồi. Rồi nó đưa tay dụi lia lia. Mẫn năn nỉ:

- Thầy cho em theo...

Tiếng chó sủa nghe gần hơn. Bồn đẩy em, trách móc:

- Về đi mày, bộ mày muốn thầy bị bắt hớ thằng quý? Về ngay, nhớ lời tao dặn đã!

Mẫn ôm chầm thầy Linh, sụt sùi. Linh xoa đầu Mẫn an ủi:

- Thầy trò mình còn gặp nhau mà...

Bồn sợ em quyến luyến có hại cho thầy, nó bứt tay Mẫn, dắt Linh xuống xuồng. Mẫn vờ trông cho đến khi chiếc xuồng gỗ bơi khuất vào rặng cây âm u nó mới cầm cổ chèo.

oOo

Chẳng mấy lúc xuồng đã tách khỏi những bụi cây tràm. Con lạch nhỏ dẫn ra sông Tiền-Giang đặc khịt bèo Nhật-Bản. Bồn vừa rẽ bèo lấy lối bơi vừa đẩy mạnh be chèo. Bỗng dừng, chố ở trong thôn thi nhau sủa. Mồ hôi toát ướt cả trán, Linh ngồi im lặng, hai tay nắm chặt lấy thành xuồng.

Bồn cũng im lặng. Nó vẫn kiên nhẫn rẽ lối. Tới gần sông, con lạch hết bèo. Gió thổi vi vút. Chiếc áo mỏng làm Linh rét run. Anh toan bảo Bồn chèo gấp thì văng vẳng có tiếng người đưa lại. Linh vụt đứng dậy. Chiếc xuồng mất thăng bằng, chòng chành. Bồn hỏi:

- Gì thế thầy?
- Có người trên sông.
- Thầy đừng lo thầy ơi! Ghe chài đấy mà.
- Tôi sợ lắm.
- Ghe chài thì sợ gì?
- Sao ghe chài về sớm thế?
- Họ thường về sớm mà thầy.

Tiếng cười nói mỗi lúc một gần. Linh cứ ngỡ họ đón đường mình. Cuống quýt, Linh bắt Bồn cho xuồng lách qua lớp cỏ dài vào một cái vũng. Xuồng lướt cỏ, đậu sát bờ. Bây giờ kín gió, Linh bớt lạnh nhưng lo sợ tăng gấp hai. Bồn thương thầy co ro, nó cởi phăng chiếc ào bà ba đen quàng vào người Linh. Anh không còn tâm trí nghĩ cách từ chối, mặc kệ Bồn nhường áo.

Ngồi đối diện thầy, Bồn mình trần, phong phanh độc chiếc xà lỏn ngắn. Những bắp thịt trên thân thể nó to, tròn hứa hẹn một sự chống trả để bảo vệ thầy giáo yếu đuối của nó. Nó không biết rét song nó biết thầy nó rét, rét lắm. Bồn lấm bầm rửa em. Phải chi thằng Mẫn chịu vợ cỏ khô trái kín khoang xuồng thì thầy nó có thể nằm nghỉ lưng cho đỡ mệt. Nó còn hy vọng thầy nó chớp mắt được vài ba phút.

Xuồng đã núp kín. Linh vẫn phấp phồng. Tiếng mái chèo khua nước rõ ràng. Những người thợ chài đột nhiên thôi nói chuyện. Linh thở dồn dập. Anh đưa mắt cầu cứu Bồn.

Nó nhìn anh. Đau khổ. Bồn đứng thẳng trên mũi xuồng. Bóng dáng nó hiện ngang tựa tựa người đồ vật trước giờ giao đấu. Nó ngồi thụp xuống, nói nhỏ:

- Thầy đừng lo thầy ơi!

Giọng nói của nó vồn vện chỉ có thế. Linh không biết phải hỏi gì nữa. Anh đưa tay lên trán suy nghĩ. Bồn nói:

- Người ta không hay thầy trò mình trốn đâu thầy à! Mười hai giờ người ta mới bắt thầy. Còn một tiếng nữa, thầy trò mình thừa sức bơi khỏi miệt Tân-Quới.

- Sao Bồn rõ mười hai giờ người ta bắt tôi?

- Chúng nó báo tin.

- Ai?

- Thăng Phụ.

- “Người ta” là người nào hở Bồn?

Bồn không trả lời. Nó cầm bơi chèo xuống lạch, bước khỏi xuồng:

- Tôi đi kiếm củ khô nghe thầy.

Linh nín nó lại:

- Củ làm gì?

- Củ trái cho thầy nằm nghỉ...

- Thôi chả cần nằm, Bồn đi tôi lo lắm.

Bồn nhe răng cười:

- Thầy đừng lo thầy ơi! Tụi nó khỏi có bắt nổi thầy.

Nói dứt câu Bồn xăm xăm lên bờ. Chưa đầy mười phút, nó ôm một ôm củ khô tới xuồng, khuôn mặt nó bớt lo âu. Trái kín khoang, Bồn mời Linh nằm. Chợt nhớ điều gì. Bồn sung sướng:

- Có củ khoai lùi bếp tôi phần thầy từ hồi tối mà chưa kịp đưa thầy. Tôi bỏ trong túi áo, thầy ăn cho đỡ đói bụng.

Linh thả tay vào túi áo. Củ khoai nướng còn âm ấm. Bây giờ Linh mới nhớ mình đang khoác áo của Bồn. Linh lại nhìn Bồn. Bồn cũng nhìn Linh. Ngượng ngịu quá nó ngẩng mặt lên trời:

- Thầy nằm đi chứ. Hết lo rồi. Thầy nằm ngủ một giấc, mở mắt là thấy mình ở chợ Vàm.

Tiếng nói của những người thợ chài im bật lúc này mới xôn xao. Họ đã bơi quá xa, không còn nghe tiếng mái chèo khua nước nữa. Linh hơi yên dạ. Anh nghe lời Bồn, nằm ngửa, quay đầu về phía trước, nhìn trời...

oOo

Khi mở mắt, xuồng trôi được khá xa, từ xóm làng bên sông, tiếng gà gáy sớm vọng tới te te nhón. Bồn vẫn đều tay chèo. Không có một cử chỉ gì chứng tỏ nó mệt mỏi hay buồn ngủ. Linh đưa chân đạp khẽ đùi Bồn. Nó nhe răng cười. Linh lặng im không hỏi. Anh đặt tay lên trán ôn lại chuyện mình.

Linh xuống H.H. dạy học do sự giới thiệu của người bạn. Đạo ấy đang đói rách, nên dù biết H.H. là xứ nổi tiếng nhiều giặc cỏ giết người không gớm tay. Linh cũng liều. Anh dạy mỗi giờ bốn mươi đồng. Linh được ban giám đốc nhà trường cấp cho mình bằng "cử nhân". Thành thử đám học sinh nhà quê tưởng thật, kính phục anh lắm.

Qua hai tháng đầu, học trò dần dà quý mến Linh. Sự kính phục vẫn còn song nhường bớt cho sự thân mật. Bọn học trò dễ thông cảm với thầy giáo trẻ hơn. Linh đá cầu, bơi lội, đi chơi xa, ăn uống chung cùng học trò. Việc này bị ban giám đốc khiển trách. Họ quan niệm rằng thầy phải xa trò. Có thể chúng mới sợ mà học. Linh nhận thấy đám tuổi

trẻ này bị lường gạt đủ thứ. Ở đây người ta đem bùa yêu lạc hậu đóng khung đám học trò nhà quê trong những lũy tre già cỗi, đầy sông nước cách trở. Linh thương học trò nhưng không biết làm gì. Vì ban giám đốc ra lệnh cho Linh chỉ được dạy Anh văn. Họ không bảo đảm tính mạng Linh nếu Linh đã động tới phong tục bùa yêu.

Một buổi chiều, Linh vừa bước vào lớp đệ thất thì có trò kêu mất cuốn sách Anh ngữ. Trò đó xin phép Linh ra khỏi lớp thưa ông giám đốc. lát sau, ông giám thị già tới, đòi khám cả lớp. Linh phản đối, anh viện lẽ trong giờ dạy anh không cho khám. Vả lại trong lớp chỉ có một trò ăn cắp mà khám tất cả e làm mất danh dự của những trò thật thà. Ông giám thị bảo xưa nay vẫn khám, không đưa nào dám phản nài gì cả. Nhưng Linh nhất định không cho khám. Ông giám thị hằn học rút lui, khi đó anh mới gọi trò bị mất sách:

- Cam, em lấy sách của tôi mà dùng. Tôi đền em đấy.

Không đợi Cam từ chối Linh đem cuốn sách dạy của mình trao tay Cam. Rồi Linh khuyên nhủ học trò:

- Tôi mong từ nay đừng xảy ra chuyện này nữa. Em nào trót lấy sách của trò Cam hoặc vì đùa rồn thì bỏ tính đùa rồn đi, hoặc vì có tính xấu thì cũng bỏ tính xấu đi. Ăn cắp nhục lắm. Bị ông giám thị khám còn nhục hơn.

Linh nói dứt câu, anh bắt học trò học ngay để làm tiêu tan sự căng thẳng trong đầu óc chúng. Tan buổi học, ông giám thị không lên khám. Học trò lũ lượt theo Linh ra về, tới gần cổng trường, một chú nắm lấy tay Linh. Chú học trò ấy tên là Bồn. Bồn to con gấp hai Linh. Nó mặc bộ bà ba đen, nước da bánh mật, lông mày chổi xể trông đáng sợ. Khuôn mặt nó lúc đó ngây thơ đến dễ thương và dường như nó

quên hẳn năm nay nó đã ngoài hai mươi. Bồn luống cuống, giọng nó lạc đi khác mọi bận.

- Thầy... thầy... sao thầy bệnh chúng tôi vậy thầy?

Linh ngạc nhiên:

- Bệnh gì đâu.

Bồn cúi xuống. Ngón chân cái bên phải của nó dí mạnh trên sân đất. Nó hỏi:

- Thầy không sợ trường đuổi thầy à?

Linh lắc đầu:

- Tôi làm điều chi quấy mà đuổi. Đuổi thì tôi về Sài Gòn.

Bồn tròn xoe đôi mắt:

- Thật à thầy?

Rồi nó kể lể:

- Tôi không phải người làng này đâu thầy à. Tôi ở bên Tân-Huê. Đi đò máy hai phút qua con sông sau trường là tới nhà tôi. Nhờ thầy anh em chúng tôi đỡ bị khám. Ở bên này, thuở xưa họ áp bức bên tôi quá thầy à. Chủ nhật tới mời thầy sang bên tôi nghe thầy.

Linh nhận lời. Bắt đầu tự hôm đó, Linh gần gũi với đám học trò Tân-Huê. Chủ nhật nào anh cũng sang nhà Bồn. Gia đình Bồn nghèo mạt. Ba nó trước theo kháng chiến, giờ theo hẳn Việt cộng, hoạt động tại các mật khu. Thỉnh thoảng mới lén về thăm nhà. Mẹ Bồn yếu đuối, nuôi con bằng mấy giàn trầu. Hai chị Bồn đi lấy chồng cả. Bồn có thằng em là thằng Mẫn. Mẫn học lớp đệ ngũ. Ba năm trước, nhà không đủ tiền nên Bồn ở nhà kéo bò¹, đạp xe lỏi, cắt lúa giúp mẹ để Mẫn đi học. Năm nay mẹ nó trồng thuốc lá. Thuốc lá trúng mùa, đời sống đỡ cực. Bồn lại lo học hành. Nó hiếu học lắm, không biết xấu hổ, dù bạn đồng lớp toàn

những đĩa lau nhau kém nó mười mấy tuổi.

Tuy đi học, đêm đêm Bồn vẫn phải kéo bò¹ kiếm thêm tôm cá. Bồn hay tâm sự với Linh rằng nó học được ngày nào hay ngày ấy chứ không chắc lâu la gì. Vì hai anh em cùng học, học phí khó lo đủ.

Linh cảm động trước tấm gương cần mẫn của Bồn, anh hứa cho nó tiền học trọn thời gian anh dạy ở trường bán công H.H.. Bồn sung sướng không nói nên lời. Từ đấy Bồn coi Linh như người anh lý tưởng. Bất cứ thứ gì nó kiếm được, hoặc mấy con tôm, hoặc con cá lóc, là nó đem sang biếu Linh, dọn dò dì Sáu làm cơm cho ngon.

Linh thường đem đời mình ra thí dụ đem khuyến khích anh em Bồn. Những lời Linh nói là những lời thông thường, song, đối với Bồn, nó coi là những tư tưởng cao xa. Nó còn dò hỏi xem Linh có làm cách mạng cho anh em nó theo gót.

Bồn hé mở nỗi khát vọng “cách mạng” của nó, khiến Linh băn khoăn nhiều đêm. Nỗi khát vọng của Bồn giản dị và chân thành quá. Nó tưởng làm cách mạng là có điều kiện cho nó tình thương, cho nó thấy nó không hèn, cho nó thấy nó có quyền ngẩng mặt nhìn lên không sợ hãi. Nó không hề biết nghĩ rằng, phần đông đã lấy tình thương, lấy quyền ngẩng mặt nhìn lên của nó để làm cách mạng. Rồi quên đi chuỗi ngày u ám, thất vọng và sầu thảm hơn xưa của nó.

Linh lại thương Bồn gấp bội. Thương Bồn bao nhiêu, anh xót xa cho niềm tin bị thui chột của mình bấy nhiêu. Niềm tin ấy, nó cũng giống niềm tin của thằng Bồn.

Năm hai mươi tuổi, chân ướt chân ráo bước vào cuộc đời. Linh thấy chung quanh anh toàn những cảnh bất công,

đầy ải khiến Linh nghiêng răng uất ức. Linh khát vọng cách mạng đến cháy cả tâm tư. Ngổ ỷ mình với người đàn anh như Bồn từng ngổ ỷ với Linh, người đàn anh đã dang tay rộng ôm Linh thật chặt, đón nhận lòng nhiệt thành của tuổi trẻ. Nhưng rồi Linh nhận ra chân tướng của bọn đàn anh. Toàn một lũ bịp bợm, ăn cắp, lợi dụng.

Lòng nhiệt thành cháy bỏng của Linh bị dập tắt ngấm. Niềm tin phẳng phiu của Linh bị đẽo gọt lồi lõm. Còn lại từng mảnh sần sùi cơ hội vỏ sấu riêng gai góc trong tâm hồn. Tuổi trẻ đầy dẫy tham vọng, vô tư, song đại dốt không biết đề phòng, nên luôn luôn bị phỉnh phờ, lừa gạt. Linh muốn kể hết chuyện cách mạng cho Bồn nghe. Nghĩ sao, Linh nín lặng tự hứa sẽ làm Bồn quên ảo ảnh điên rồ đó.

Nhưng Bồn không quên. Nó níu chặt lấy Linh y hệt kẻ chết đuối giữa giòng vó được khúc gỗ mục. Nỗi ước mơ của nó thật là giản dị. Như khỏi lo cơm ăn áo mặc, như học đỗ được mảnh bằng trung học phổ thông, như mỗi năm được lên Sài-Gòn một lần... Thèm thì chỉ nuốt nước bọt. Hai mươi sáu năm trời, cậu thanh niên ấy chưa hề thấy ánh sáng đèn điện kinh thành ra sao. Chắc chắn, suốt đời nó, Bồn sẽ chịu đựng cảnh tối tăm, áp bức sau lũy tre già còm cõi, rồi chết đi với những giấc mơ gầy vụn không bao giờ thực hiện nổi. Sông nước cách ngăn, chẳng ai tìm đèn cây hy vọng trên mảnh vườn cằn cỗi của nó. Bồn héo hon, già nua, ngơ ngẩn đến thương hại.

Bồn ít nói về ba nó. Có lẽ nó muốn dấu diếm. Thỉnh thoảng nó mới suyt soa "*giá ba nó ở nhà*" và bỏ lửng không nói tại sao ba nó bỏ đi biệt. Trước khi xuống đây dạy học, Linh tưởng chỉ vì cơm áo. Anh không thể ngờ rằng sự

đói khát trí thức của lớp trẻ tuổi quê mùa còn thâm thiết hơn cả sự đói khát cơm áo của anh. Tự nhiên, tâm hồn Linh bình thản vô cùng. Linh yêu quê hương Bồn gấp bội. Anh muốn sống ở đây thật lâu muốn làm một ngọn nến nhỏ rơi vào đầu óc anh em Bồn dăm ba tia hy vọng mới. Linh bằng lòng với hoàn cảnh hiện tại, anh tự phong cho mình chút sứ mạng.

Học trò mỗi ngày một quý Linh. Chúng đòi hỏi Linh rất nhiều. Anh không từ chối điều gì, sẵn sàng đem trao chúng tất cả những thứ Linh đã học đã biết. Linh hy sinh cả những ngày chủ nhật để dạy chúng ca hát, dạy chúng đứng thẳng người trước một uy quyền giả tạo. Khi thấy học trò mình cúi rạp, mặt mày tái mét, run rẩy, khúm núm chấp tay chào vị đại diện địa phương, Linh đã phải giảng đến khô họng về sự lễ phép. Những bài học của Linh đều có kết quả. Anh sung sướng lắm nhưng ban giám đốc nhà trường không hài lòng, họ yêu cầu Linh nên dạy theo đúng chương trình và đừng bao giờ nên gieo rắc quan niệm sống mới. Họ nói thẳng vào mặt Linh là họ không cần học trò của họ lớn lên có tinh thần tranh đấu mà chỉ cần chúng ngoan ngoãn, dễ sai khiến như một bầy nô lệ. Linh nín thính, suy nghĩ...

Cho đến một hôm, trong câu chuyện vui, có chú học trò, nhân kể truyện dọc ngang của tên tướng giặc cỏ nọ, đã đem hẳn ra ví với sự nghiệp của vua Quang-Trung. Linh chịu không nổi, anh bộc lộ hết sự phẫn nộ của anh với bọn mị dân, đầu độc tuổi trẻ và khuyên học trò đừng tin tưởng những gì mà họ đã bị nhồi sọ bấy lâu nay.

Ngay chiều hôm đó, Linh được ban giám đốc dẫn tới trình diện một viên chức lớn nọ. Họ vây quanh Linh, kết

tội anh xuyên tạc đường lối giáo dục thanh niên của xứ họ. Linh phân trần rằng anh không xuyên tạc, phá hoại gì cả, anh chỉ làm công việc của bất cứ người nào có tình thương đứng trước đám bạn trẻ nông thôn ngờ nghệch gần như mù đi vì ngu dốt, vì bị tiêm nhiễm tà thuyết, bùa mê... Thoạt đầu họ át giọng Linh rồi họ phải công nhận Linh làm đúng. Nhưng họ thú thật họ không muốn con em của họ hiểu bình đẳng, dân chủ, tự do làm gì. Họ đề nghị hoặc Linh ở lại H.H. dạy học với điều kiện cấm dạy những tư tưởng mới hoặc Linh sẽ khăn gói ra đi.

Nghe họ ra lệnh, Linh thấy lòng tự ái rách nát. Máu trong cơ thể anh nóng ran, thứ máu trẻ, mạnh có khi nào sợ vi trùng bệnh tật? Linh nhận lời ra đi. Anh báo trước anh sẽ sang Tân-Huê mở lớp riêng, bất chấp mọi sự hăm dọa nào.

Linh sống chung với anh em Bồn, dạy học miễn phí. Đám học trò Tân-Huê chung nhau trả tiền cơm cho Linh. Học trò bên H.H. làm reo không chịu học thầy mới, ùn ùn bỏ trường kéo sang năn nỉ Linh xin theo học. Linh cảm động rớt nước mắt. Bên H.H. coi anh như cái gai cần phải nhổ, họ vận động đủ cách trục xuất Linh. Vô ích. Với đám học sinh thân mến, sẵn sàng đổ máu để bảo vệ thầy, Linh có quyền kiêu hãnh thách thức mọi trở ngại.

Vẫn như cũ, Linh lại dạy học trò của chàng tìm hiểu sự thật để phanh phui những tà thuyết làm mù mắt tuổi trẻ và ngăn cản lối họ đi. Linh chỉ mong muốn học trò tìm hiểu sự thật, chỉ cần thể thôi là họ có thể lự tránh được cạm bẫy giết người giăng mắc đó đây. Nhưng Linh không được toại nguyện. Thỉnh thoảng, có đêm, vài người lạ mặt tìm tới chỗ Linh trọ bắt Linh rời khỏi Tân-Huê. Họ cũng lý luận như

bên H.H. là họ không thích bọn trẻ ở đây biết sự thật.

Thái độ của bọn người này khó hiểu quá. Linh tuy ngạc nhiên, song mỗi ngày thức dậy, gặp đôi mắt của Bồn nhìn mình như cầu khẩn đừng bỏ anh em nó mà đi, anh lại vững tâm quên hẳn những lời dọa nạt.

Nếp sống đầy phấn khởi và hy vọng của thầy trò Linh cứ thế trôi đi. Linh ước ao sẽ góp phần ngăn cuộc đời của mình bên cạnh cuộc đời hẩm hiu của anh em Bồn tại xóm làng hẻo lánh, xa xôi này tới ngày anh em nó không cần Linh nữa, Linh sẽ hoan hỉ giã từ. Sự ước ao chưa dài hơn hai tháng thì bỗng có đêm nay, Bồn hoảng hốt báo tin “họ” định bắt mình. Thế là Linh cầm cổ chạy theo Bồn, chẳng kịp hỏi đến nơi đến chốn xem “họ” là ai.

oOo

Trời sáng dần. Bồn bẻ lái. Chiếc xuồng quay ngang. Bồn chèo mạnh, lướt qua sông. Linh ngồi nhòm dậy, vươn vai, thở một hơi dài trút cơn sợ hãi. Bồn toét miệng cười:

- Tôi đã biểu thầy đừng lo mà... Thầy có lạnh không?

- Bồn cời trần cả đêm thì sao?

- Tôi quen rồi. Giờ này sắp có xe đò thầy à!

Khoảnh khắc, chiếc xuồng đã lướt quá giữa sông Linh hỏi:

- Bồn ơi! Ai định bắt tôi hử Bồn?

Bồn không đáp. Nó nhìn lên bầu trời đang cựa mình đổi ánh sáng. Thành linh, nó buồn rầu hỏi:

- Thầy này, thầy còn nhớ chuyện thằng Cam mất sách không?

- Còn.

- Thầy có biết đứa nào lấy không?

- Không.

Đôi mắt Bồn long lanh. Rồi đôi dòng lệ lã tan trên đôi má bánh mật của nó. Bồn đưa tay vờ gãi trán, giọng nó chìm xuống, thõng khỗ:

- Tôi lấy sách của thằng Cam đấy thầy à!

- Chắc Bồn rờn chơi rồi sợ bị la chứ gì?

- Không thầy à, tôi ăn cắp của nó. Tôi ham quyển sách ấy lắm hiem vì không có tiền mua. Ba thằng Cam giàu, mua mấy quyển chẳng nổi. Tôi ăn cắp thầy còn thương tôi không?

Linh điềm nhiên như không có gì quan trọng:

- Chuyện ấy quên đi Bồn ạ! Ngày xưa tôi cũng thèm cái bút máy và cũng ăn cắp. Có điều không hên là bị khám, bị bắt quả tang dấu trong túi quần rồi bị bêu nhục và bị đui. Về nhà bị bố đánh, anh chị hất hủi. Chỉ có mẹ bệnh thôi. Mấy tháng tôi không dám vác mặt ra phố. Tôi nhớ dạo ấy tôi mới mười ba tuổi. Mười ba thôi mà tôi đã thù hằn xã hội, chỉ vì xã hội cố chấp, hẹp hòi không chịu khoan hồng với kẻ có tội.

Tiếng Linh nhọn hoắt, đau nhói khiến Bồn khóc rung rức.

- Không có thầy chắc tôi cũng như thế...

Linh lê sát gần Bồn, nắm chặt tay nó. Nước mắt Bồn rụng xuống cánh tay Linh. Nóng hổi. Vuốt nước mắt, Bồn nói vu vơ:

- Thầy à, mới mấy năm trước, giòng sông này đầy xác người. Đầu lâu Việt-Minh, đầu lâu Hòa-Hảo, đầu lâu dân lành treo toòng teng vô các khúc cây, lênh bênh trên sông. Nước đỏ lòm máu tanh ngất không dám tắm rửa chứ đừng nói tới ăn uống. Thù nhau ghê quá thầy à! Tại sao lại thù nhau thầy nhỉ? Nó nhìn Linh thương hại:

- Thầy tốt thế mà bên trường cũng thù thầy, bên tôi

cũng thù thầy.

Linh vỗ vai Bồn:

- Cần gì, anh em Bồn thương tôi là đủ rồi.

- Nhưng họ lại muốn...

Bồn ngừng tiếng, nghiêng răng ken két.

- ... họ muốn giết thầy!

Linh há hốc mồm kinh ngạc. Anh hỏi dồn:

- Ai, ai hở Bồn?

Bồn ngoảnh mặt về làng mình chìm đắm trong màn sương đục, rầu rầu nói:

- Thầy đừng bắt tôi nói nữa tội nghiệp tôi quá thầy ơi!

Vừa lúc uất nghẹn ấy, xuồng tiến sát vào bãi cát ven bờ. Bồn nhảy lên trước. Nó dơ tay cho Linh nín lên sau. Buộc xuồng cẩn thận, hai thầy trò dắt nhau leo qua cái dốc thoai thoải. Linh nắm chặt tay Bồn nói vài câu từ biệt. Nước mắt hai thầy trò ứa mãi không ngừng. Bồn khẳng khẳng bắt Linh hứa sẽ về thăm anh em nó khi không còn ai tính chuyện giết Linh nữa. Linh đau đớn gật đầu.

Tiếng còi xe đò báo sắp đến. Bồn buông ôm Linh, lăm lăm bước nhanh xuống bãi. Nó không dám ngoảnh lại. Trời chưa sáng hẳn. Chắc còn lâu. Linh hy vọng xuồng của Bồn rẽ nước về kịp bình minh.

Và ánh sáng sẽ đổ đầy quê hương nó.

¹ Vào những tháng chạp, tháng giêng này, vùng quê Long Xuyên Châu Đốc hồi xưa ấy người ta còn có cách bắt cá bằng kéo bò. Dọc theo các mé sông rạch như rạch Mực Cẩn Dung, Cẩn Đăng, Hàng Tra, Chảo Cà Đào (quận Châu Thành – Long Xuyên), kinh sáng Bốn Tổng (xã Định Mỹ), rạch Tân Bình, rạch Muồng Kinh, rạch Cái Tàu, vùng Thủ Ô, Gia Vàm (quận Lấp Vò – Sa Đéc), vùng Tân Châu, Tịnh Biên, kinh sáng Cây Dương thuộc Châu Đốc, và nhiều lắm, kể không xiết...., đâu đâu người ta cũng làm những ụ bò

bắt cá tôm.

Về hình dáng cái bờ nó giống như cái ghe mũi lớn, mà cái sườn được đóng bằng cây sắn chắc như cây sao, hoặc ván cây mù u, cây tràm với chiều dài khoảng hơn ba thước, chiều ngang cỡ hai thước, chiều cao cỡ một thước. Xung quanh được rọp bằng những tấm dăng tre hoặc các tấm vỉ bằng tre có kẻ hở , không dày quá mà cũng không thưa quá , nhằm cho nước thoát ra ngoài khi kéo bờ lên bắt cá và cá không bị lọt ra ngoài được.

Phần trên, từ phía đuôi, người ta cũng lợp một lớp dăng hay vỉ tre dài chừng một phần ba chiều dài cái bờ, nhằm giữ cá mắc kẹt khi mình kéo bờ. Phần này giống như mũi lớn của chiếc ghe trên sông nước miệt Long Xuyên. Và phía sau đít bờ, dân quê có làm cái cửa với miếng ván chặn ngang như đít lợp, dùng làm nơi bắt cá khi kéo bờ lên khỏi mặt nước.

Phần đáy của cái bờ, người ta làm cái sườn khá chắc, có thể lợp bằng ván; nếu sợ nặng quá, người ta dùng tre gốc chẻ mỏng đóng lại cho khít để làm sàn bờ. Dưới đáy bờ, để tiện việc mỗi lần kéo bờ lên xuống, người ta lựa hai cây tre mạnh tòng thiệt già và càng dài càng tốt buộc chặt dưới đáy bờ dùng làm hai cái gong như gong cộ. Xong đầu đấy, người ta cũng lấy chà chất đầy trong cái bờ như cách nhét chà vô cái rù. Chỉ có khác là cái bờ thì lớn gấp nhiều lần cái rù nên cá tôm dạn vô trú ngụ và do vậy mà tôm cá nhiều hơn gấp nhiều lần...

Khi kéo bờ, các người trong nhà xúm lại chia nhau nắm hai cái gong này mà kéo bờ lên. Về sau, nhiều nhà không kéo bờ bằng sức người mà chế biến ra cái trục cố định ngay trên bờ chỗ làm nền bờ, có lỗ thông qua trục này vừa vận với ngọn tầm vông làm cây đòn để quay cái bờ lên. Mỗi khi muốn kéo bờ, người ta dùng dây lòi tói buộc vào miệng bờ và dùng cây chắc như tràm, hoặc tầm vông luồn qua cái lỗ của cái trụ cố định và cùng nhau cào cái bờ lên như người ta thường dùng cào để kéo ghe lớn mỗi khi muốn lắp vò hoặc trét chai ghe tàu vậy. Khi cái bờ được kéo lên khỏi mí nước, nằm trên bãi bùn dưới kinh rạch thì cá tôm chạy dồn về phía đít bờ. Lúc bấy giờ người ta chỉ còn công việc là mở cái cửa phía đáy bờ và bắt cá vô thùng, vô giỏ.

Việc kéo bờ tương đối nặng và cần số đông người, nên các nhà có đông người mới dám làm bờ vì nhờ số đông này mới kéo bờ lên khỏi mặt nước được. Còn nhà nào mà ít nhơn công, ít ai dám làm bờ bắt cá vì chẳng lẽ mỗi lần kéo bờ lại phải đi nhờ lối xóm. Nhờ bà con chòm xóm cũng được, ít ai từ nan, nhưng người biết điều thì liệu cơm gắp mắm, ít ai dám làm liều quá sức và chẳng lẽ cứ nhờ chòm xóm giúp mình hoài, coi sao đặng.

Di nhiên, để bờ kéo cho nhẹ, người ta thường lựa nền bờ nơi các bãi sông thoai thoải, không dốc đứng, nhưng cũng đừng cạn quá vì nền bờ mà cạn quá cá ít chịu vô đó trú ngụ, trừ khi sông nước tàu bè ghe xuồng tấp nập

quá cá tôm mới dội vô dựa dờ rồi cũng lội ra tìm chỗ an toàn hơn. Do vậy, nếu chỗ nào bãi sông hơi cạn, người ra dùng tay hoặc dùng len miếng móc vùng cho nền bờ hơi sâu một chút cho cái bờ được ấm. Ngoài ra, muốn cho nền bờ thật ấm để cá ưa dựa, người ta còn lấy chà cắm chà rào xung quanh nền bờ và cho năm ba giẻ lục bình bắm vô chà chắc chắn cá ưa vô bờ.

Giống như cá vô rù, mặt cá kéo bờ thường thường bao gồm cá rô biển, cá trê vàng, cá lóc, cá chạch lấu, cá nhái; nhưng vào mùa mưa cá chột, cá trèn, cá trê trắng là chiếm đa số. Tuy vậy, khi bắt đầu vào mùa mưa, ít có ai còn kéo bờ hoặc đặt rù nữa vì mùa nầy các loại cá gộp mé lo kiếm đường lên đồng. Thành ra, khi mưa lai rai tháng ba, tháng tư là dân quê nghĩ ra cách dâng mé, dâng muong, chặn ụ bắt các loại cá đen, cá trắng với cái bụng thè lè cặp trứng gần đẻ. (Lương Thu Trung/ thatsonchaudoc.com)

Cái điều

Mai nằm sấp trên chõng tre, say mê dõi từng trang cuốn *Quốc văn Giáo khoa Thư* lớp dự bị. Hữu đang ngồi trông hàng. Bây giờ là mùa hạ. Nhạc ve ran ran sâu và ở giàn thiên lý, hoa đã trĩu xuống từng chùm thơm dịu dịu. Dưới nước, họ hàng nhà gọng vó thi nhau bơi ngược dòng. Cây sung ngả mình ra gần nửa khúc sông, quả chín đỏ ối, rơi lồm bồm như muốn dụ dỗ những con cá đói mồi. Tiếng sáo vi vu, lơ lửng trong bầu trời xanh, làm tăng thêm nỗi buồn thôn dã.

Đạo này, Mai lớn vượt lên như mấy cây đu đủ ngoài bến đò. Tóc con bé xanh mượt, đôi mắt tròn đen lay láy. Nó thuộc lòng nhiều bài tập đọc, đã làm hết phần câu hỏi, ứng dụng... Thỉnh thoảng, nó còn vẽ lại từng bức tranh nho nhỏ trên đầu trang sách như bức *Chỗ quê hương là đẹp hơn cả*, họa hình người đeo tay nải đội khăn xếp mặc áo dài, đứng cạnh bờ tường đất nứt lổ với bụi tre thưa, với mảnh vườn còm cõi, với bạn bè thăm hỏi chuyện du sơn du thủy; bức *Bệnh chó dại* họa hình thằng Canh chặn bò, bị chó cắn, bố nó phải chở nó đến bệnh viện Pasteur...

Nghĩ tới lúc Mai đứng ngắm bọn mục đồng cho trâu về chuồng rồi cảm hứng đọc bài *Chăn trâu*, Hữu bật cười. Em nó ngạc nhiên:

- Anh cười em đấy hử, anh?
- Đâu nào.
- Anh nói dối, anh cười em. Trông em buồn cười, hử?
- Thật mà, anh chả cười em đâu.
- Thế anh cười cái gì?
- Anh cười cái ông tác giả.
- Sao lại cười “ông” tác giả?
- Vì ông ấy đặt bài *Chấn trâu*.
- Hể ai đặt bài học thì người ấy là tác giả hử, anh?
- Ừ.
- Ai dạy anh vậy?
- Chú Nghị.

Mai nheo mắt cười, đôi má con bé lúm đồng tiền, xinh xinh đáo để.

- Thích nhỉ, em cũng là tác giả anh Hữu nhỉ?

Hữu bõn cọt:

- Em ấy à?
- Chứ còn ai nữa!
- Em đã làm được bài nào, kể anh nghe đi!

Mai ngồi nhồm dậy, con bé xòe bàn tay ra, đặt ngón cái vào đốt dưới ngón út, tính toán:

- Ê, anh quên rồi à? Này nhé, em tả con trâu là một, con chó là hai, cây đa là...

Hữu xích lại gần em, đặt đôi tay nham nhở mặt tre với lên mái tóc mà gió bến đò thổi rối tung của Mai. Cử chỉ thân ái bất chợt ấy khiến em nó ngơ ngác. Con bé hỏi:

- Em nói sai hử, em không là tác giả hử, anh?
- Em mới tập làm văn, trả lời câu hỏi. Chú Nghị nói giỏi lắm mới thành tác giả.

Mai thè lưởi thán phục. Giây lát, nó tỏ vẻ nghi ngờ:

- Tác giả giỏi sao anh dám cười ông ấy?

- À... à... tại ông ấy bảo chặn trâu sừng.

- Ừ nhỉ, chặn trâu khổ thì có anh nhỉ? Thế tác giả không giỏi nữa hử anh?

- Giỏi chứ.

- Ông ấy nói sai mà anh?

- Ừ, sai vì ông ấy chưa phải chặn trâu.

Im lặng, một lúc sau, Mai nói:

- Quyển này có bài em ghét nhất, đó anh biết bài nào?

- Bài *Mấy lời khuyên về vệ sinh*.

- Sai.

- Bài *Chơi đùa không phải là vô ích*

- Sai nốt, anh chịu chưa?

- Anh chịu.

- Em đọc anh nghe nhé!

- Đọc khe khẽ thôi, kéo mẹ thức giấc.

Mai nâng quyển sách vừa tầm mắt, đoạn nó đọc:

"Ông tôi.

Ông tôi năm nay đã ngoài sáu mươi tuổi. Đầu râu tóc bạc, da đã nhăn, má đã lõm, lưng đã còng, đi đâu phải chống gậy. Ông tôi không làm việc nặng nhọc nữa. Thường ông tôi ở nhà coi sóc cha mẹ tôi và dạy bảo chúng tôi. Thỉnh thoảng, ông tôi kể chuyện cổ tích cho chúng tôi nghe... Chúng tôi lấy làm thích thú lắm. Những khi đi học về, tôi hay đem chuyện nhà trường nói cho ông tôi nghe. Ông tôi lại nhân đấy mà giảng giải cho anh em tôi học được nhiều điều khác nữa.

Tôi yêu ông tôi lắm".

Dứt bài, Mai buông quyển sách rơi xuống đất. Giọng nó

buồn buồn:

- Ông chúng nó tốt quá anh nhỉ?
- Ừ.
- Tại sao ông chúng mình không kể chuyện cổ tích hử, anh?
- Chắc ông ghét anh em mình.
- Tại sao ông ghét?
- Chắc mẹ con mình nghèo.
- Tại sao qua nhà ông, chúng mình run cuống cuống?
- Chắc anh em mình mồ côi.

Mai nín thinh. Đôi mắt con bé hoe đỏ và đôi mắt Hữu, những giọt nước mắt cũng sắp sửa tuôn trào.

Hữu bỗng hối hận vì trót khơi nỗi buồn cố hữu của gia đình với em. Rồi chẳng muốn ôm lấy nhau mà khóc như mỗi bận, nó cố gắng khôi hài:

- Em có biết tại sao đầu ông ngoại trọc tếu như cái bình vôi không?
- Chắc ông ác?
- Đúng.
- Ông không có râu anh ạ! Ông còn sống lâu lắm, em ghét ông ghê.

Hữu phá ra cười. Mai cười theo, thích thú. Nhưng sau đó, Hữu thấy má nó ươn ướt. Nó sợ em nó hay nên vội lãng sang chuyện cái diều.

- Anh định làm diều cánh thoi Mai ạ!
- Diều cánh thoi là gì?
- Là hình nó giống hình con thoi ở khung cửu ấỵ.
- Thế diều cánh cốc?
- Diều cánh cốc giống hình con cốc bay.
- Thế diều cánh phản, diều bì?

- Điều bì to bằng ba gian nhà, trẻ con chơi sao được.
- Thật hử, anh?
- Em mó vào dây thì nó lòi em lên giòi.
- Anh chỉ dọa em.
- Chả tin, chiều nay ông xã Thản thả điều bì em ra bãi mà xem. Nó bổ xuống cứ gọi là vỡ sọ.

- Eo ời, em thềm vào chơi điều bì.
- Vậy ngủ đi, chút nữa vót xong khung, anh gọi dậy.
Mai lại ngoan ngoãn nằm xuống chống. Đôi mắt con bé khép kín và hơi thở đều đều nương giấc nó ngủ.

Buổi trưa nhà quê vắng vẻ. Sự tĩnh mịch này đã quá quen thuộc đối với Hữu. Dường như, nó đã lớn, đã biết chịu đựng. Nó nhìn Mai ngủ, bất giác thấy ghen ngào.

Ba bốn hôm liền, Hữu để tâm vào việc làm điều. Thoạt đầu, nó vác dao rựa ra bụi, chặt khúc tre cọc. Tre cọc thì già và dẻo, dễ uốn. Thằng Vọng bảo nó thế. Nó ngồi chẻ tre thành những thanh nhỏ rồi lấy dao vót. Chẻ chán, vót chán cũng vẫn chưa được. Hai bàn tay nó xước xác nhiều vết dao xuyết đứt. Mấy ngón bên phải, dao cứa sâu máu chảy đỏ lòe. Lòng bàn tay, ở dưới ngón, nhiều chỗ mọng nước. Mẹ nó mắng nó. Mẹ nó xé vải áo cũ, rịt thuốc lào vào vết thương, buộc lại. Mẹ nó cấm nó nghịch. Nhưng mỗi buổi chiều, tiếng sáo điều nổi lên vang lừng cả bầu trời thôn dã và từng bọn người, lớn thì thả điều lớn, nhỏ thì thả điều nhỏ ở bãi trống khiến lòng Hữu xốn xang khó tả. Nó quên cả lời mẹ dặn, cả những ngón tay rịt thuốc lào, hý hoáy chặt tre, vót khung điều. Đến nổi, bữa ăn không nhớ, Mai phải gọi.

Hữu thường trốn Mai, tìm nơi nào thật kín, cặm cụi làm. Vì em nó hay hỏi vớ vẩn nên nó hay bị hỏng. Hôm qua, vừa

vót nhẵn xong bộ khung, Mai tới phá đám.

- Sao anh lại vót bằng mảnh chai?

- Mảnh chai dễ vót mà có lỡ tay cũng không bị lẹm nhiều.

- Anh nói dối, tay anh đứt, anh sợ dao thì có. Nếu anh sợ, để em vót hộ nhé?

- Em làm hỏng mất.

- Không, em vót tài lắm mà, cho em vót anh nhé?

Hữu ngần ngừ. Em nó vội lấy dao, giằng cái nan trong tay nó. Con Mai giằng mạnh quá. Cái nan gãy. Hữu định trách em song thấy mặt em buồn thiu ra đáng hối hận, nên nó gượng cười, an ủi em:

- Tre này xấu quá em ạ! Vừa đục đã gãy thì chịu sao nổi gió to. Anh phải kiếm khúc tre khác mới được.

Vậy là mất thêm nửa buổi. Hôm nay khung điều đã hoàn thành. Mai ngồi im xem anh lấy dây buộc vào giữa mỗi chiếc nan, cân nặng nhẹ. Hễ bên nào nặng, Hữu lại cầm miếng thủy tinh vót bớt đi cho tới khi hai bên bằng nhau. Xong, nó buộc cái khung ở giữa hai nan. Rồi mới gò thành hình cái điều con thoi. Anh em thẳng Hữu tin chắc nó sẽ lên cao ghê lắm. Mai vẫn ngồi im thin thít. Con bé muốn hỏi nhưng sợ tội hôm qua nên đành bấm bụng. Mắt nó long lanh nổi vui. Hữu đưa cái khung, tác phẩm vĩ đại của nó lên, ngắm nghía.

- Đẹp không?

- Đẹp.

- Điều cánh thoi đấy.

- Điều của anh có đuôi không?

- Không.

- Em thấy thẳng Vọng thả điều có đuôi cơ mà?

- À, điều của nó là điều cánh cốc.
- Sao anh không làm điều cánh cốc?
- Tại anh không biết làm.
- Sao anh không biết làm?
- Tại thằng Vọng chỉ dạy anh làm điều cánh thoi.
- Thế hở, nó tòi nhĩ, anh nhĩ?
- Ừ.
- Điều anh có sáo không?
- Không.
- Sao không có sáo?
- Tại điều của anh bé. Nếu nó nhẹ đầu thì anh buộc cái vè cho nó kêu ve ve...
- Sao biết nó nhẹ đầu?
- Thằng Vọng bảo lúc thả điều nó buộc lèo, nặng đầu hay nhẹ đầu nó chữa hộ. Sang năm anh làm điều bo.
- Điều bo hình thế nào hở, anh?
- Điều bo kêu bo bo, điều bì kêu bì bì...

Hữu nghe tiếng sáo mà đặt tên điều, em nó hỏi nó cứ trả lời bừa. Mai ngó ngấn tin là thật. Con bé giục anh làm nhanh để chiều chiều khi mặt trời chui dưới bụi tre thì đem điều ra bãi thả. Cái điều, tự nhiên, hứa hẹn với anh em thằng Hữu bao nỗi vui mừng sau chuỗi ngày tẻ nhạt ở bến đò quê ngoại.

Khung điều tươm tất, thằng Vọng gật đầu khen đẹp. Như thế, Hữu có thể yên tâm phất giấy. Mẹ Hữu mắng nó lấy lệ rồi cũng mở hòm cho nó quyển sách thuốc của cha nó để nó phất điều. Hữu đem bún phết vào khung điều, xé giấy thành từng mảnh phất. Song cuốn sách thuốc của cha nó cũ quá, giấy lại mỏng, sợ không chịu được sức gió nên thằng Vọng

xúi Hữu xin tiền mẹ mua giấy bản mới. Nó mắng Hữu ngu, phất điều phải phất bằng nhựa sung. Mẹ Hữu đi chợ mua giấy ngay. Mẹ kiếm vỏ trai cho anh đựng nhựa.

Những cây sung gần Hữu cao lắm, nó sợ không dám trèo. Mai bàn tới ông ngoại xin vì cây sung ở nhà ông thấp lè tè. Anh em thằng Hữu vác dao, vác vỏ trai vào nhà ông. Ông nó đi vắng, các cậu mợ đều đi làm cả. Hữu ngại ngần toan bỏ về, rồi nghĩ ông có biết cũng chả sao. Mai đứng trên cầu ao. Hữu lội xuống nước chặt mấy nhát vô thân cây. Xong, hứng vỏ trai đợi cho nhựa chảy đầy. Anh em nó mang nhựa ra ngõ, đang vui vẻ cười nói thì cậu chúng nó ngoài ngõ xăm xăm bước tới. Cậu hỏi chúng nó vào nhà làm gì. Hữu trả lời xin nhựa sung về nhà phất điều. Cậu nó cấm chỉ từ nay không được lai vãng gần khu nhà cậu. Ngay lúc đó, bọn trẻ con ở đầu ồ ra. Anh em thằng Hữu sợ bị bắt nạt như mọi bận, cắm cổ chạy. Nhựa sung rớt bắn cả quần áo. Chỉ có tí nhựa sung mà suýt nữa anh em thằng Hữu bị sỉ nhục. Nó thấy mối thù của nó đối với bên ngoại càng ngày càng to lớn. Sự ghen ngào dâng lên cổ họng, vướng vít cả nỗi niềm. Hữu nhìn em, em nó nhìn nó, bốn con mắt một ý nghĩ. Nhưng nghĩ tới cái điều nhiều hơn, thành thử quên ngay họ ngoại.

Giấy bản, nhựa sung sẵn rồi, thằng Vọng ngồi dạy Hữu phất điều. Nó bắt Hữu vò nhàu giấy xong hãy dán. Hữu làm y lời của nó. Chẳng mấy chốc, anh em thằng Hữu có cái điều cánh thoi nho nhỏ. Bấy giờ, đúng dịp mẹ Hữu nhuộm vải. Thằng Vọng giục nó quét nước nâu lên giấy. Phơi khô rồi lại quét. Làm vài lần thì giấy cứng, gió bão cũng không thủng được. Quả nhiên, cái điều của Hữu cứng cáp, màu

nâu non đẹp ghê. Hữu còn thiếu dây. Nhưng dây khỏi lo. Mẹ nó hứa cho nó cuộn dây gai. Hữu chả phải tước dây chuối. Dây chuối luộc mới dai, bền, phiền phức lắm. Vậy thì Hữu chỉ sợ điều không lên. Thằng Vọng cứ luôn cái mồm:

- Không lên cứ đem cái đầu tao ra mà chặt.

Nó cầm cái điều, sửa nắn cái lều ra chiều đắc ý. Anh em thằng Hữu tin tưởng vào nó. Tâm hồn lảng lảng cơ hồ cái điều nuốt dây lên cao, cao mãi...

2.

Buổi chiều, trời chưa tắt nắng. Thế mà ngoài bãi đã đông trẻ thả điều. Đứa điều cánh cốc, đứa điều cánh phan, đứa điều tàu bay, chạy chạy, đâm đâm rối rít. Những chiếc điều như muốn làm đỏm thêm cho bầu trời xanh. Anh em thằng Hữu cũng có mặt nơi đây. Mẹ Hữu dặn đi dặn lại rằng hết nắng hãy thả điều vì mùa này là mùa viêm nhiệt, cảm thì chết. Chờ mãi vẫn còn nắng. Gió đã nổi lên rì rào. Điều của thiên hạ lên phơi phới. Sáo kêu vi vu, vi vu...

Anh em thằng Hữu cầm lòng chẳng được bèn chạy ùa ra. Hữu dặn em:

- Em cầm chỗ này. Hễ anh hô “đâm” thì “đâm” nhé?

- “Đâm” xuống đất hử, anh?

Hữu phì cười:

- “Đâm” lên trời chứ.

Mai cãi:

- Sao anh không bảo em tung điều?

- Tại chúng nó gọi là “đâm”. Em nhớ nhé?

Mai gạt đầu. Hữu vắt cuộn dây xuống bãi cỏ, thả ra một quãng khá dài. Em nó nhìn nó, toét miệng cười:

- “Đâm” chưa anh?

- Chưa.
- Còn đợi gì hử, anh?
- Đợi gió.
- Bao giờ mới có gió?
- Có gió rồi đấy, “đâm” đi!

Mai cuống quýt tung bừa khiến cái điều xoay tròn mấy vòng rồi bổ xuống bãi. Hữu thất vọng rồi bắt đầu tiếc chiếc kẹo vùng cho thằng Vọng.

- Em “đâm” lại đi đừng sợ, cứ thông thả đưa lên thì mới được, “đâm” đi!

Mai lại “đâm”. Lần này Hữu cầm dây chạy, chả hiểu cái điều xoay cách nào. Bọn trẻ con cười ầm ỹ. Ngoái cổ, nó thấy cái điều nằm ở dưới bãi lúc nào, mà cứ chạy. Thằng Vọng trong làng ra vừa tới nơi. Nó sửa cái lèo ngay ngắn. Rồi nó bảo Hữu ra “đâm”. Nó dủ dủ, nghiêng người bên trái, chạy bên phải, mắt theo rồi điều, tay nó giựt giựt. Chỉ một lát sau, cái điều ăn gió, lên vun vút.

Hữu thả hết dây. Cuộn dây dài hơn của những đứa khác nên điều bay cao nhất. Dây thẳng chứ không võng. Bao nhiêu đứa xúm lại khen ngợi. Thằng Vọng được phen khoe tài. Anh em Hữu dẫn điều về khu vắng, buộc vào cành cây trên nấm mộ rồi cùng nhau nằm ngắm cái điều nhỏ bé đang lơ lửng giữa bầu trời.

- Thằng Vọng nói đúng thật.

- Nó tài anh nhỉ?

- Ừ, điều của mọi đứa nặng đầu, nhẹ đuôi. Cánh phải nặng, cánh trái nhẹ cứ lung tung. Thế mà điều của anh em mình thả là lên liền. Rồi anh làm cái điều cánh cốc cho em.

- Thật hử, anh?

- Ừ.

- Con gái cũng thả điều à?

- Ừ.

- Em có thấy đứa nào ngoài bãi đâu?

- À, à... tại chúng nó... nhà quê.

- Thế anh em mình cũng nhà quê?

- Nhưng trước mình ở tỉnh.

- Ờ nhỉ! Anh em Hữu đang nói chuyện vớ vẩn thì thằng Vinh tới. Nó đòi Hữu cho nó cầm một tí. Hữu cười. Vinh nằm cạnh Hữu ngắm điều cánh thoi của Hữu rồi thò vào rút quyển sách nó dặt trong cặp quần, khoe Hữu:

- Mày có quyển này không?

- Quyển gì?

- Xem thì biết, hay lắm. Em mày chắc thích.

Hữu cầm quyển sách. Đó là quyển *Quốc-văn Giáo-khoa Thư* lớp sơ đẳng. Quyển này hay thật. Nhiều truyện nhiều tranh. Hồi xưa, Hữu cũng có, nhưng dọn nhà mấy bận, rơi đâu mất. Hữu đưa cho Mai đọc. Em nó dở ra lắm nhẩm ngay: *"Xuân đi học coi người hớn hở, gặp cậu Thu đi ở giữa đường..."* Thế là Mai quên điều, nằm ngửa trên bãi cỏ say mê dở hết trang này sang trang khác. Thằng Vinh đợi Mai đọc xong bài *Con bò và con gà trống*, đòi lại. Mai năn nỉ:

- Cho tao mượn tí nữa, làm bộ thế?

- Nhưng tao về đây.

- Về làm gì, ở đây chơi điều.

Mai đập nhẹ vai anh:

- Anh cho nó chơi điều với anh nhé!

- Ừ.

Thằng Vinh nằng nặc đòi quyển sách khiến Hữu phải

bảo nó:

- Cho em tao mượn rồi ít bữa tao làm hộ mày cái điều.

Vinh ngồi nhòm dậy. Hữu tưởng nó giằng sách chạy về, không ngờ nó sát gần Hữu, nói khẽ:

- Tao không nhờ mày, tao muốn hỏi nhưng sợ mày chửi.

- Tao không chửi bậy, mẹ tao nghe thấy, đánh chết.

- Mày thề đi.

- Tao không biết thề.

Vinh nghiêm nét mặt, chỉ trỏ ngón tay:

- Đưa nào chửi tao, trời đánh thánh vật nhé?

- Ừ.

Rồi vẫn như chưa tin hẳn, Vinh gặng hỏi:

- Thật nhé?

- Ừ, mày muốn hỏi gì?

Vinh thăm thì:

- Mày muốn đổi điều lấy quyển sách không?

Hữu ngạc nhiên:

- Đổi điều tao lấy quyển sách của mày?

Hữu nói to làm Mai đang say mê bài *Chuyện anh em họ* Điền vùng dậy hỏi:

- Gì thế anh?

- Thằng Vinh nó đòi đổi sách lấy điều của anh em mình.

Em nó nín thinh. Con bé gấp sách lại. Vinh khoe khoang:

- Thằng Bảo muốn đổi điều của tao cho nó nhưng tao thích điều của mày.

- Tao vừa làm xong, mới thả hôm nay, tao không đổi.

Mai lẳng lặng ném trả sách thằng Vinh, nó nói:

- Mày không đổi thì tao đổi cho thằng Bảo.

- Kệ mày.

Vinh xấu hổ nhét sách vào cặp quần rồi bỏ đi. Mai trông theo bóng nó rồi nhìn cái điều nghiêng bên này, ghé bên kia cơ hồ muốn bốn cột với gió mùa hạ. Bất chợt, Mai hỏi:

- Sách của thằng Vinh hay hơn sách của em. Không có bài *Ông tôi* anh ạ! Lại lớp sơ đẳng nữa. Nhiều bài hay ghê...

Giọng em nó buồn buồn. Hữu cảm thấy điệu buồn ấy đang len lỏi trong tâm hồn nó. Mai đứng dậy, ra bút cỏ may. Hữu muốn hỏi em nhưng lại thôi. Tự nhiên, lòng nó bần khoăn. Nó chẳng thiết ngắm con điều đang ổng ẹo chao đi chao lại trên nền trời chiều hạ. Hữu gọi Mai:

- Em ơi...

Con bé ngoái cổ, nhếch mép cười gượng gạo:

- Anh hỏi em gì?

- Em không thích điều à?

- Thích chứ.

- Em có thích quyển sách của thằng Vinh không?

- Có. Nhưng đổi điều thì em không thích. Điều của anh làm mà.

Phải, điều của Hữu làm. Nó đã cặm cùi bao nhiêu ngày. Tay nó còn vết dao cứa. Da non chưa làm già trên những chỗ mọng nước. Nó đã cùng em lặn lội dưới ao chắt nhựa sung bên nhà ông ngoại, hai anh em bị hắt hủi, xua đuổi. Nó đã lấy cả sách thuốc của cha đem phất điều, cả cuộn dây gai mà cha mua ngày xưa để khâu lốp xe, nay mẹ cho anh em nó thả điều. Nó còn mắc tội lấy trộm kẹo vừng cho thằng Vọng nữa. Cái điều của nó đã bay bổng. Nó sung sướng lắm rồi. Thế mà thằng Vinh đòi đổi sách. Em nó thích sách của Vinh. Em nó không nói thích sách hơn điều. Hữu biết em nó. Con bé mồ côi cha, mẹ thì nghèo khổ, lại ham học.

Ham học nhưng thiếu sách. Nó đã thấy em nó thuộc lòng cả quyển *Quốc-văn Giáo-khoa Thư* lớp dự bị. Nó đã thấy mắt em ánh lên những tia thèm thuồng cuốn sách của thằng Vinh. Đáng điếu em nó lúc này sầu não làm sao! Tuy sự sầu não chưa đến nỗi rơi nước mắt như mùa xuân năm ngoái, khi em nó ôm chiếc lồng và bộ lông sáo sừng nước.

Hữu chợt nhớ rằng nó còn nợ em nó một nỗi buồn. Nỗi buồn ấy nó chưa trả và chẳng thể nào trả được. Nó chỉ có thể thay vào đấy bằng một niềm vui nhẹ nhàng. Hữu nhìn chiếc điều cánh thoi. Nó chỉ chơi được trọn mùa hạ. Hữu nghĩ đến quyển sách sẽ chơi với em nó trọn quãng đời thơ ấu. Và nó bỏ mặc em đứng ngơ ngác, cảm cổ vừa chạy vừa đuổi theo thằng Vinh vừa gọi. Hữu nói dối điều cho Vinh. Nó hã hê chạy theo Hữu về phía con Mai đứng chờ.

Vinh trao quyển sách tận tay Mai. Nó nói:

-Anh mày bằng lòng đổi cho tao rồi.

Mai ngập ngừng, mắt con bé chớp mau. Nó cầm quyển sách, xích lại gần anh, thở thẻ hỏi:

- Anh đổi rồi à?

- Ừ.

- Đại lắm anh ạ! Điều làm tổn công phu.

Hữu hiểu em nó thương nó, em nó không muốn vì quyển sách mà mất điều. Mai chăm chú ngắm bìa quyển sách. Phân vân. Hữu cúi xuống nói thầm với em:

- Điều của anh sắp hỏng, thằng Vọng vừa bảo anh rằng chỉ chơi được vài hôm thôi.

Hữu nói dối em. Mai tưởng thật, đang ử rữ, vụt tươi tỉnh.

- Thật hờ, anh?

- Thật, nói khề chứ kéo thằng Vinh nghe thấy nó không

đổi nữa.

- Rồi anh có làm điều nữa không?
- Có, anh làm điều to bằng hai chiếc này.
- Thật hử, anh? Có phải cho thằng Vọng kẹo nữa không?
- Không, bây giờ anh làm một mình được.

Anh em thằng Hữu nhìn nhau cười khúc khích. Mai nhảy nhót sung sướng. Con bé đem sách ra một chỗ xa ngồi đọc. Vinh và Hữu nằm dài trên bãi cỏ ngắm điều. Hữu bảo Vinh:

- Mà cho tao mượn chơi nốt ngày mai nhé?
- Nhớ mà làm hỏng của tao thì sao?
- Thì em tao trả mà sách.
- Chịu thôi, đã khoéo tay rồi, đổi cầm trả lại, *“con sông cạn ngòi mới đòi được nhau”*.

- Hể hỏng tao làm cho mà chiếc khác.
- Chiếc khác tao không thích.

Hữu nuốt nước bọt tiêng tiếc. Gió chiều thổi mạnh. Con điều ăn no gió, còn thềm mây. Nó chao mãi như thể nó chào vĩnh biệt Hữu. Hữu theo rõi hình dáng bé nhỏ của chiếc điều cao tít. Đột nhiên, nó nghe tiếng “bực”. Dây điều võng xuống từ từ. Và trên nền trời trong xanh, chiếc điều cánh thoi của Hữu mặc sức nghiêng ngửa. Nó lộn vài vòng cơ hồ người mất hồn và bị gió cuốn đi.

Hữu chết lặng nhìn theo. Vinh đứng phắt dậy, chạy ngay về phía con Mai, giằng mạnh quyển sách rồi cầm cổ chạy biển. Mai chưa hay gì. Con bé ngạc nhiên, đôi mắt tròn xoe trông theo thằng Vinh vừa chạy vừa reo ầm ỹ:

- Điều thằng Hữu đứt dây rồi!

Hữu đứng cạnh em, lắp bắp một câu trống không:

- Điều... đứt... dây... rồi..

Mai nhìn dáng điệu thiếu não của anh mà thương hại.

Con bé thân nhiên nói:

- Đứt dây thì thôi anh ạ!

- Nhưng em mất sách.

- Sách nào cơ anh?

- Sách của thằng Vinh.

- Quyển ấy không hay, có mỗi bài hay nhất thì em thuộc rồi.

- Thật hờ, em? Bài nào?

- Bài ông Lý Tích sắc thuốc cho chị, vô ý để cháy mất bộ râu...

Mai trả lời xong cười khúc khích. Hữu cũng cười. Anh em Hữu quên ngay nỗi buồn trong khoảnh khắc, nằm lăn ra bãi cỏ, cười rũ rượi. Nhưng giây lát sau anh em nó mới rõ mình cười vờ. Đứa này nhìn đứa nọ, bốn con mắt non nớt gặp nhau. Và những giọt nước mắt bắt đầu rơi rụng.

(1962)

Chàng cao bồi họ Lục

1

Đến xế chiều thì chàng ra khỏi khu rừng già. Con tuần mã chưa tỏ vẻ gì mệt mỏi sau nửa ngày rong ruổi đường trường.

Nó vẫn phi mau. Chàng ghì cương, thúc mạnh chân vào bụng ngựa. Tê đầy tớ trung thành và kiên nhẫn hiểu ý chủ, phóng nước đại leo đồi. Lên tới đỉnh ngọn đồi trọc, chàng ghìim cương ngựa, buông lỏng cương, vỗ về:

- Mi sắp được nghỉ ngơi rồi con ơi! Tha hồ ăn uống con nhé!

Con tuần mã dơ cao hai chân trước, hí hí mấy tiếng vui mừng. Không xa lắm, dưới chân đồi lác đác nhiều nóc nhà hứa hẹn có quán trọ cho cả người lẫn ngựa và “saloon” nhậu nhẹt. Chàng thắt lại chiếc khăn quàng cổ, rút súng kiểm soát đạn kỹ càng. Đoạn, theo thói quen, chàng quay súng vài vòng tuyệt diệu rồi, mới nhẹ nhàng tra súng vào bao. Huýt sáo một điệu nhạc của những kẻ chăn bò miền Tây, chàng cho ngựa chậm rãi xuống đồi.

Mặt trời đã xuống gần ngọn cây.

2

Thị trấn mang một cái tên khá rùng rợn: “Tử Địa”. Cách đây mấy năm, vùng này còn hoang vu lắm. Nhưng từ ngày chính phủ dự định thiết lập con đường sắt xuyên Nam Bắc

và đặt một nhà ga sếp ở đây thì thiên hạ ùn ùn kéo nhau tới chiếm đất cư ngụ. Người ta hối hả dựng nhà cửa một cách sơ sài, hy vọng rằng khi xe lửa mang sự phồn thịnh đến, sẽ phá đi, kiến thiết lại.

Thoạt đầu, chỉ có người miền Bắc Nam phần, người miền Nam Trung phần và dân cư địa phương. Dần dần, bọn lái buôn Khờ me dồn bò, luôn thể dồn cả bọn chăn bò sang, khiến thị trấn ồn ào trong vòng vô trật tự. Những gã chăn bò mặt mày hung ác, uống rượu để như uống nước mía, bắn súng như điên, đua ngựa mù đường. May mắn là chúng chưa bắn chết một người nào nên cũng chẳng ai cần lo chuyện mượn “sê ríp” cho thị trấn.

Ngày kia, có kẻ khám phá ra mỏ vàng. Tin ấy lan truyền rất nhanh. Người ta vội quên xe lửa, quên đường rầy, quên những toa sắt nặng nề, cầm nín. Tâm hồn người ta rục lên vì viễn ảnh mới: vàng. Vàng, vàng, vàng. Khắp nơi nói chuyện vàng, hỏi thăm vàng... Dân tứ chiếng đổ xô về đây nuôi giấc mộng vàng. Họ không thất vọng. Túi đầy chất kim khí quuyến rũ đó rồi, họ bắt đầu sợ bọn chăn bò Khờ me. Họ góp tiền mượn “sê ríp”. Thị trấn có một con mắt theo dõi kẻ bất lương. Văn phòng “sê ríp”, tự nhiên, mọc gai trong tâm hồn cướp bóc của tụi Khờ me. Rồi, bất thành linh, “sê ríp” bị bắn sau lưng. Người ta mượn “sê ríp” khác. Cứ thế, năm “sê ríp” gửi năm xương tàn ở đất khỉ ho cò gáy này. Bọn chăn bò Khờ me lộng hành. Chúng đặt ra pháp luật và trị dân bằng súng sáu.

Chẳng bao lâu chúng chia rẽ. Một nhóm theo tên Phong Lai, một nhóm theo tên Phong Thổ. Không muốn thanh toán anh, Phong Thổ kéo đồng đảng rút khỏi thị trấn, lập

sào huyết dưới chân một ngọn núi thuộc dãy Trường sơn. Bọn Phong Lai cai trị thị trấn rất khắc nghiệt. Chúng vợ vét, bóc lột tàn nhẫn. Đến nỗi, thị trấn tuy náo nhiệt mà không có kẻ lạ mặt nào dám lai vãng. Hễ ai tới là Phong Lai cho bộ hạ thủ liền ngay. Thị trấn, vì vậy mang tên là “Tử Địa”.

Chàng kỵ mã trẻ tuổi, lạ mặt của chúng ta đã lọt vào thị trấn “Tử Địa”. Cho ngựa đi nước kiệu, chàng đưa mắt quan sát cảnh vật. Tới quán “Âm Hồn”, chàng dừng ngựa. Từ bên trong, âm nhạc kích động hòa với tiếng cười ầm ỹ chạy ào ra ngoài. Chàng mỉm cười. Buộc ngựa cẩn thận, chàng leo lên thềm quán, đẩy cửa bước vào.

Không khí đang tung bừng, bỗng im lặng. Mọi người ngó chàng bằng những đôi mắt dò hỏi. Chàng ngạc nhiên, khẽ nhún vai rồi kiểm chiếc bàn trống gần góc quán. Treo mũ vào mắc, chàng lên tiếng:

- Một bình hoàng hoa, một miếng sườn nướng, tửu quán!

Tửu quán dạ một tiếng to. Hẳn hỏi hả bụng rượu tới bàn của chàng. Chàng dục:

- Cho ngựa của ta ăn uống đầy đủ nhé, chú mình!

- Dạ!

- Hoàng hoa thứ thiệt hay thứ ba tàu Chợ Lớn đây?

- Dạ, dạ thứ thiệt chính cống nhãn hiệu hoa vàng.

- Nướng miếng sườn còn tươi nghe. Nhớ đã nát hành, trộn tiêu, ướp nước mắm Phú Quốc và nướng cho khéo nhé!

- Dạ! Thưa hiệp sĩ...

- Gì?

- Thưa...

Tên bồi run rẩy khiến chàng cau tiết:

- Thưa gì, ta đang đói đây!

Tên bồi ấp úng:

- Thừa ăn xong... xin mời... hiệp sĩ... lên đường ngay cho!

Chàng gắt:

- Tại sao ta phải lên đường ngay?

- Thừa ở đây nhiều người bắn súng giỏi lắm ạ!

Chàng vỗ vai tên bồi, nhếch mép cười hơi kiêu ngạo:

- Đừng lo, chú mình, ta sẽ lên đường ngay.

Tên bồi giàu lòng nhân đạo sung sướng vì hấn tưởng vừa cứu sống được một mạng người. Kinh nghiệm những năm bán rượu cho tụi chăn bò dạy hấn ta rằng, hễ khách ăn uống xong mà chần chừ

không chịu lên đường thì thế nào cũng bị khích bác đến phải đấu súng. Và đã rút súng, khó lòng thoát chết trước đồng bọn Phong Lai. Tên bồi đi khỏi, chàng gọi:

- Kịch động nhạc chơi hài "*Tuổi đôi mươi*" đi!

Ban nhạc trở mắt nhìn chàng. Các cô ca sĩ, các cô chiêu đãi viên xanh mặt sợ hãi. Họ chờ đợi một sự hãi hùng sắp xảy ra. Bọn chăn bò Khờ me có bốn đứa, từ nãy, vẫn thản nhiên ngồi chơi bài cào. Lúc này, một thằng đứng lên, vươn vai, ngáp, rồi trề môi trả lời chàng:

- Không có "*Tuổi đôi mươi*" có "*Tuổi tám mươi*" khụ khụ già cốc đế, ông bạn thích không?

Chàng lắc đầu. Tên chăn bò lững thững tiến về phía chàng. Nhiều người nốc cạn ly, vắt tiền trên bàn, kéo nhau rời khỏi quán. Chàng búng ngón tay vào bình rượu, huyết sáo. Tên chăn bò nhào tới chàng, nắm chặt cánh tay trái của chàng, nham nhở hỏi:

- Máy giờ rồi ông bạn?

Chàng vén ống tay áo, nhìn đồng hồ nói:

- 6 giờ thiếu 20.

Tên chặn bò cười sắc súa. Nó bô bô với đồng bọn:

- 6 giờ thiếu 20 rồi chúng mày ơi!

Nó khôì hài:

- Đồng hồ "*oắt toe put, ăng ti ma nhê tích*" đánh bốc thi bơi hần hời.

Bổng nó nín cười, giả vờ nghiêm trang hỏi chàng:

- Có "*luy mi nơ*" không?

Chàng thản nhiên đáp:

- Có.

Tên chặn bỏ lại ôm bụng cười, nó trở về bàn của nó. Tên khác bắt chước bạn, rút thuốc lá ngậm miệng, nện giầy lộp cộp sang bàn chàng. Nó xăn tay áo, bắt thần, chộp lấy ngực chàng, toét miệng cười, nháy mắt:

- Có diêm không?

- Có.

- Thì mời dùm điếu thuốc đi ông bạn!

Chàng móc túi đưa ra một que diêm đưa cho tên chặn bò. Nó hỏi:

- Hộp đâu?

- Không có hộp.

- Thế quẹt bằng gì?

- Quẹt bằng đế giầy.

Tên chặn bò hất hàm rất hỗn:

- Diêm Mỹ hả?

- Không diêm Việt.

- Diêm Việt quẹt bằng đế giầy đâu có cháy?

- Cháy mà!

- Nhớ không cháy thì sao?

Chàng nâng ly, tợp một hơi hoàng hoa tửu. Điều bộ của chàng có vẻ như chàng không muốn sinh sự với ai. Chàng nói:

- Cháy mà...

Tên chăn bò dọa chàng:

- Không cháy thì biết tay nhau.

Nó nhắc gót giầy, quẹt lia lịa. Nhưng que diêm nhất định không thềm cháy. Chàng nhìn tên chăn bò đang sục sôi vì tức giận, rút một que diêm khác quẹt vào gót giầy của mình. Ánh lửa lòe cháy. Chàng mời tên chăn bò mời thuốc. Nó ngạc nhiên hỏi chàng:

- Ông bạn có phép hả?

- Không, chỉ có vỏ bao diêm dán ở gót giầy thôi.

Tên chăn bò “à” một tiếng thất vọng. Nó hơi xấu hổ, lĩnh về chỗ cũ. Chàng ngồi trầm ngâm bên bình rượu chờ sườn heo nướng. Thiên hạ vẫn hồi hộp đợi một pha gay cấn.

- Ê, tửu quán, sườn nướng gì lâu thế?

Một tiếng nện chát chúa trên mặt bàn bọn chăn bò. Chai rượu đổ vỡ tan tành. Tên chăn bò thứ ba khuỳnh tay đứng dậy. Nó trả lời thay tên bồi:

- Không có sườn nướng ở đây!

Chàng lễ phép nói:

- Thưa ông bạn, tôi có dám hỏi ông bạn đâu?

Tên chăn bò nhổ nước miếng xuống nền nhà. Nó nhe răng, quẹt ngón tay trở ngang miệng, văng tục:

- Đồ cóc chết, ai thềm bạn bè với mày!

Chàng dịu giọng:

- Ông làm ơn chỉ bảo giúp tôi phải xưng hô như thế nào?

- Xưng hô hả?

- Dạ.

- Có một cách xưng hô hay nhất.

- Xin ông cho biết?

- Là im cái mồm hôi thối của mày đi!

Chàng gật gù cái đầu ra chiều phục thiện:

- Nhưng tôi vẫn được ăn sườn nướng chứ?

- Mày không có quyền ăn sườn nướng.

- Nhỡ tôi cứ thích ăn sườn nướng thì sao?

- Thì những viên đạn này bắn vỡ sườn mày ra.

Tên chăn bò Khờ me cao hứng rút súng quay biểu diễn.

Nó hỏi chàng:

- Chịu vỡ sườn hay chịu ăn sườn heo nướng?

Chàng lặng lẽ đứng dậy. Khoan thai tiến về phía quầy rượu. Bốn tên chăn bò, bộ hạ của tướng cướp Phong Lai, theo rồi chàng từng cử chỉ. Tên khốn nạn lập lại câu hỏi cũ:

- Chịu vỡ sườn hay chịu ăn sườn heo nướng?

Chàng gọi tên hồi. Song sợ quá, tên bồi đã lủi đầu mất.

- Trả lời đi chứ, thằng chó chết kia!

Chàng đưa tay trái vuốt tóc. Rồi, với giọng của kẻ cả, chàng hỏi tên chăn bò:

- Chú mình năm nay bao nhiêu tuổi?

- Mày hỏi làm gì?

- Hỏi để biết trước khi ta chọn một trong hai thứ sườn.

- À, thằng chó chết này lớn gan dữ đa. Ông nội mày năm nay hai mươi tám tuổi.

- Hai mươi tám tuổi! Uống quá, chú mình còn trẻ quá.

- Đừng ba hoa, nào muốn sườn gì?

Chàng rút thuốc, châm lửa. Thở một chiếc vòng tròn bay về phía tụi chăn bò. chàng quả quyết:

- Tôi chịu ăn sườn heo nướng!

Lập tức bốn tên chặn bò Khờ me xô ghế đứng lên thủ thế. Chàng vờ không thèm chú ý. Tên khốn nạn dục:

- Rút súng đi!

Chàng đùa:

- Chấp chú mình rút trước hai phút.

Tên chặn bò chạm tự ái, rút súng liền. Nhưng nhanh hơn nó chục lần, chàng đã kịp khạc đạn. Hai khẩu súng cơ hồ hai lần chớp lóe trên bầu trời đêm, vừa ra khỏi bao là nổ ngay bốn phát. Bốn phát khô khan. Không hơn không kém. Tên chặn bò hỗn xược thách thức ôm ngực chết tức tử. Còn ba tên kia bị bắn vào cánh tay cảnh cáo. Trước khi tra súng vào bao, chàng quay súng đủ ba mươi kiểu khiến những tên chặn bò Khờ me lè lưỡi khiếp phục. Chúng không ngờ chúng đã gặp người bắn nhanh của thời đại.

Các cô ca sĩ, các cô chiêu đãi viên lồm cồm bò dậy đứng ngăn người chiêm ngưỡng chàng. Tên bồi trốn lủi đầu đây đã lộ mặt. Chàng bảo nó:

- Ta vẫn thích ăn sườn nhe chú mình!

Tên bồi lảng xảng:

- Có ngay hiệp sĩ. Nhưng ăn xong hiệp sĩ nhớ lên đường đa!

Chàng cười:

- Ta nhớ.

Quay vô phía ban nhạc, chàng ra lệnh:

- Kích động nhạc chơi bài “Tuổi đôi mươi” đi!

Ban nhạc vâng lời chàng. Tiếng đàn, lời ca trỗi lên. Người ta ngạc nhiên nhưng người ta sung sướng vô kể. Chàng ngồi thoải mái ăn hết miếng sườn heo này tới miếng sườn heo khác. Hoàng hoa tửu đã vơi gần hai bình. Tên bồi lo ngại số phận chàng. Hắn ta tin rằng thế nào Phong Lai

cũng đến tìm chàng rửa hận cho bộ hạ.

3

Quả nhiên Phong Lai đến. Lúc hắn ta xô cửa xông xộc bước vào, âm nhạc chết liền trong khoảnh khắc. Phong Lai râu rậm, mắt điều hâu. Trông hắn, người yếu bóng vía đủ quy rồi chứ đừng nói chuyện chống đối làm chi cho mệt. Thi trấn “Tử Địa” nằm dưới chân Phong Lai không cựa quậy nổi, có lẽ, cũng nhờ cái tướng dã man của hắn.

Phong Lai cùng bộ hạ vừa làm ăn một chuyến lớn. Chúng đón đánh xe chở vàng của ông Thống đốc tiểu bang Hà Khê và bắt cóc ái nữ của ông định đem về làm vợ. Phong Lai đang vui mừng chiến công này thì nhận được tin bộ hạ của hắn bị một tay kỳ mã trẻ tuổi lạ mặt cho nếm đạn đồng. Phong Lai lồng lộn như cọp bị thương. Hắn phi ngựa như bay về thị trấn, xua quân vây quanh quán “Âm Hồn”.

Còn hắn, vốn mang giòng máu ngang tàng của thứ tướng cướp, hắn hiên ngang một mình tìm gặp kẻ thù.

Quán “Âm Hồn” bây giờ giống hệt bãi tha ma. Vẳng đến độ mỗi bước đi của Phong Lai là mỗi bước vang vọng tâm hồn những kẻ ẩn nấp. Phong Lai đứng cách chàng hai chục thước, hét lớn:

- Thăng khốn kiếp kia, mày ở đâu tới đây?

Chàng điềm nhiên đáp:

- Ở quê hương cụ Đồ Chiểu.

Phong Lai đá tung ghế:

- Mày có biết đây là nơi nào không?

- Không, biết làm cóc khô gì!

- Đồ mù, đây là vùng “Tử Địa”, giang sơn tao tức quốc vương Phong Lai. Mày đến đây thì chỉ có chết.

Chàng trêu Phong Lai:

- Sống chết có số, lo gì ông Phong Lai.

Phong Lai nghiêng răng ken hét:

- Tên mày là gì?

- Tôi có làm “quốc vương” như ông đâu mà cần xưng tên.

- À, mày hỗn hả? A lê, ra ngoài đường ông cho biết tay!

Chàng cười:

- Ra thì ra, ông thách tôi đấy nhé!

Phong Lai lùi dần, lùi dần tới cửa. Hắn chạy vội sang bên kia đường. Chàng chụp mũ lên đầu, nhét đạn vào súng rồi theo hắn ra. Tên bồi chạy đến nắm lấy chàng, run rẩy nói thầm. Hắn cho chàng biết để đề phòng tên bộ hạ thân tín của Phong Lai chuyên môn bắn lén mỗi khi Phong Lai đấu súng tay đôi. Chàng vỗ nhẹ vai tên bồi tỏ vẻ cảm ơn. Giây lát, chàng đã lạc vào vùng tử địa.

Trời mùa hạ nên, dù mặt trời đã lặn, vẫn còn sáng sủa. Nghe tin Phong Lai đấu súng với một hiệp sĩ lạ mặt, dân thị trấn lén xem. Từ các cửa sổ, từ các kẽ hở của những bức vách ván, hàng trăm con mắt hồi hộp theo dõi. Chàng bình tĩnh. Phong Lai một phút bốc đồng, dỏ thói “anh hùng cá nhân”, tưởng dọa kẻ thù chơi. Nào ngờ kẻ thù là đứa bướng bỉnh, thích đánh đu cùng súng đạn, nhận lời ngay. Đến phút cái chết treo trên sợi tóc này, Phong Lai mới biết mình dại. Nhớ kẻ thù hạ chết thì ai lấy con gái mỹ miều của ông Thống đốc tiểu bang Hà Khê đây. Và ai sẽ ngự trị trên vùng “Tử Địa”?

Phong Lai toát mồ hôi. Biết vậy, xưa quân bắn phứa phứa, thế nào chẳng hạ nổi thằng chết dấp kia. Nhưng đã hứa rồi, lùi bước chắc chắn sẽ bị bộ hạ cười thối óc. Mà

tiến bước thì lòng dạ hoang man. Phong Lai vừa đi vừa cầu nguyện. Tới điểm quyết định của cuộc đời, hắn dừng lại, quan sát vắn vớ, ra lệnh ngầm.

Chàng ung dung bước. Cách Phong Lai hai mươi thước rồi mười lăm thước. Chàng rút súng. Tay trái bắn ngang, tay phải bắn thẳng. Hai tiếng nổ kết liễu hai mạng người. Một tên bắn lén hèn hạ và một tên tướng cướp khát máu. Thấy chủ tướng chết không kịp đẩy dụa, bọn chặn bò Khờ me quăng hết súng xin hàng. Chúng chỉ chõ nhốt hai thực nữ. Chàng băng nhanh đi giải thoát.

Trong chiếc xe song mã, có tiếng khóc thảm não. Chàng mở cửa xe và suýt ngất đi vì nhan sắc tuyệt vời của thực nữ. Chàng ngả mũ chào hỏi rất lịch sự:

- Xin hai cô cho biết quý danh và trường hợp bị Phong Lai bắt?

Người thực nữ có nhan sắc tuyệt vời rút mùi xoa lau nước mắt, rồi kể lể:

- Tên em là Kiều Nguyệt Nga, còn con bé này là tỷ nữ của nhà em, tên nó là Kim Liên. Quê em ở quận Tây Xuyên nhưng cha em làm Thống đốc nhậm chức ở miền Hà Khê cách đây vài chục cây số.

Chàng nhìn Nguyệt Nga đắm đắm, khiến nàng e lệ. Nguyệt Nga nói nhiều, rất nhiều. Tiếng nói của nàng như những cơn gió mát thổi vào tâm hồn chàng. Chàng quên hẳn hình bóng của nàng Vũ Thái Loan nơi chân trời quê hương. Buổi tiễn chàng lên đường rong ruổi, nàng Thái Loan dặn đi dặn lại *"Xin đừng tham đó bỏ dăng, Có lẽ quên lựu có trắng quên đèn"* và chàng đã hứa rằng... *Như lửa mới nhen, Dễ trong một bếp lại chen mấy lò. Lòng người*

như bể khôn dò, Chớ ngờ Ngô Khởi hay lo Mài Thần". Thế mà giờ đây, đứng trước Kiều Nguyệt Nga, chàng ngẩn ngơ vì tiếng nói ngọt ngào và mùi nước hoa "chanel" số 5 của nàng. Nguyệt Nga rút chiếc trâm cài đầu tặng chàng. Giọng oanh vàn thỏ thẻ:

- Em xin tặng hiệp sĩ vật nhỏ mọn này gọi là chút ơn đầu của em.

Chàng xua tay, lắc đầu:

- Thân nàng đáng giá ngàn vàng mà nàng đền ơn ta chiếc trâm không đầy năm lượng thôi à?

Nguyệt Nga "*thin*" nết na lại. Nàng bối rối:

- Thừa... thừa... em chẳng còn gì hơn nữa. Hay mời hiệp sĩ theo em về nhà em rồi hiệp sĩ muốn gì em xin tặng đủ.

Chàng cười duyên dáng:

- Ta nói rõn nàng đó. Tiếc rằng lời ăn nói khô hời của ta kém tài bắn súng nên nàng tưởng ta thô lỗ phải không?

Đôi mắt Nguyệt Nga sáng ngời, tim nàng rạo rực. Nàng nhìn chàng như muốn hứa hẹn một điều gì thật xa xôi nhưng thật gần gũi, thật mơ mộng nhưng thật thực tế: Nàng muốn kết duyên cùng chàng.

- Hiệp sĩ ăn nói có duyên lắm đấy chứ!

Chàng nghe nàng nịnh, sướng con rầy.

- Thật hả?

- Dạ, thật.

- Nói dối thì chịu tội gì?

- Dạ, tội gì cũng được.

Chàng trèo lên xe. Con Kim Liên nhanh trí khôn vội xuống, nhường chỗ cho chàng. Nó ước ao giá chàng mang theo một chàng tiểu đồng có phải đẹp biết mấy. Câu chuyện

trên xe song mã nhỏ dần, nhỏ dần...

4

... Đến khi tiếng ồn ào vây quanh xe, chàng mới giật mình tỉnh sảng. Chàng hé mở cửa, Tim chàng đổi nhịp ngay. Vì đám đông chỉ là những người dân hiền lành của thị trấn “Tử Địa”. Thấy mặt chàng, họ hoan hô vang động. Chàng cúi thấp chào họ. Một người kính cẩn thưa:

- Xin hiệp sĩ cho biết tên.

Chàng khiêm tốn đáp:

- Thưa quý vị, tôi là Lục Vân Tiên!

Họ kể lễ mọi nỗi niềm cay đắng dưới triều Phong Lai, họ ghi ơn chàng và cuối cùng van nài chàng ở lại nhậm chức “sê ríp”. Nhưng Vân Tiên dứt khoát hẳn lập trường:

- Thưa đồng bào, tôi xin cảm ơn đồng bào đã quá yêu mà bầu làm “sê ríp”. Song tôi chỉ làm cách mạng chứ không thêm làm chính trị. Làm cách mạng là xử dụng khẩu súng cho thật “cừ” để bắn vỡ óc bọn độc tài, cường hào, ác bá, tướng cướp... Làm chính trị, làm “sê ríp” tức là ham danh, thêm chức “sê ríp” mà giết Phong Lai. Không, không bao giờ. Thay lời tức cộ Đồ Chiểu đã dạy tôi không nên làm chính trị. Đồng bào sẽ chọn người khác làm “sê ríp”. Còn tôi, tôi lại lên đường với đôi súng thần tốc, nguyện vì đời mà làm cách mạng, ở đâu có độc tài, gia đình trị, ở đấy sẽ có Lục Vân Tiên này.

Kiều Nguyệt Nga nghe Lục Vân Tiên diễn thuyết, nở nang từng khúc ruột. Dân thị trấn “Tử Địa” cảm phục đức độ của chàng, hoan hô như điên. Một vị nhân sĩ phát biểu:

- Nhưng chúng tôi chưa có gì đền ơn nhà... cách mạng?

Lục Vân Tiên búng, tay “tách” một cái. Nguyệt Nga hiểu

ý, ngó đầu ra cửa xe. Sắc đẹp của nàng làm xẹp nhiệt tình của đám đông, làm rung lòng đám mầm non đợt sóng mới.

Vân Tiên kiểu cách:

- Thừa đồng bào, đồng hào khỏi cần lo ân huệ. Tôi đã có người trả ơn đây rồi.

Rồi để mặc đám đông ngỡ ngác. Vân Tiên dục Kim Liên lên xe. Chàng cầm cương giật mạnh. Đôi ngựa chuyển bước. Một lát sau, người ta chỉ còn trông thấy một chấm nhỏ trên con đường cát đỏ bụi mù dẫn về Hà Khê.

(Mười ngày sau 1-11-63)

Đại dương trong lòng con ốc nhỏ

Bến dồ đông đức càng ngày càng nhiều khách tới lui. Bây giờ không còn mùa đông mưa phùn rây mờ sông nước, không còn họ hàng lũ ruồi nhặng sợ rét, lười biếng đậu trên sợi dây lòng thông để treo chuỗi, treo ngấn bám vào liếp, vào tường tròn ba tháng rét mướt điều hiu. Dân thành phố tản cư về đồng ruộng. Họ mang theo niềm vui và cuộc sống mới mẻ khiến quê ngoại nhà tôi tấp nập, ồn ào. Nằm nghe tiếng chim cu gáy buổi trưa, tôi cảm thấy bớt buồn tẻ. Kỷ niệm tràn lụt đầu óc tôi bằng những bộ mặt sáng sủa, những điệu cười hồn nhiên của đám trẻ nhỏ thành thị trạc tuổi em Mai. Tôi nghĩ, giá anh em tôi không phải sống hẩm hiu ở quê ngoại thì lúc này đây, chúng tôi cũng biết tung tăng dắt tay nhau chuyện trò dưới ánh trăng đồng nội. Chứ đâu chịu lạc lõng trong đêm tối, nhìn bóng mẹ gầy yếu run rẩy cơ hồ chiếc lá sắp lìa cành. Bất giác, tôi nhớ cha tôi và nước mắt phủ mờ...

Mẹ tôi bảo thoát tiên cha tôi đánh đàn thập lục cho ban hát cải lương lưu động. Đạo ấy danh từ nghệ sĩ còn xa lạ nên ông bầu coi cha tôi ngang chức anh lao công. Làm việc từ tám giờ tối tới hai giờ khuya. Tiền thù lao dè xẻng mới đủ nuôi một vợ, một con. Trong gánh hát, cha bị bạn đồng nghiệp chê bai tài đàn non nớt hay râu hót với ông bầu vài

điều lầm lẫn của cha tôi. Thì cha tôi hậm hực nguyên rửa thói đời đen bạc. Chán rồi, cha tôi trách ông phó Nhị. Giá ông phó truyền đủ ngón trứ danh, chẵn chẵn sự nghiệp cha tôi đỡ méo mó. Tôi cố mừng tượng cái cảnh hậu trường sân khấu giữa mùa hè nóng nực, cha tôi cởi trần biểu diễn tài nghệ, dịu điệu ca cho dào dạt ngọt giọng. Mồ hôi, có khi cả nước mắt, rơi rụng trên mười sáu sợi tơ đồng đối miếng cơm hẩm manh áo thô. Về sau có lần giận đời, cha tôi đập đàn giải nghệ.

Khi tôi hiểu biết, thấy đời cha tôi lẫn quẩn trong hai câu thơ của bài hát nói cha tôi khai bút nhân dịp năm mới: “Ông Lái thuốc bắt đầu, ông Phó, ông Ký, ông Chủ, ông Thần, ông Lang...” Mỗi chuỗi nghề nghiệp quàng vào cổ cha tôi. Lên voi xuống chó, xuống chó lên voi... Tội nghiệp cha tôi, người còn chút tâm hồn để không nỡ gọi tài đánh đàn là nghề kiếm cơm.

Từ ông lái thuốc bắc đến ông lang băm chế thuốc cao đan hoàn tán. Chao ôi, tôi phải viết thế nào đây cho thật linh động từng cảnh cha tôi ngồi chế thuốc cam bằng thuyền gang, ngồi thái thuốc sống bằng dao cầu, ngồi xao thuốc bổ bằng nôi rang đất và hoàn và viên thuốc tể? Làm sao ai chứa chất được trọn vẹn ngần kia mẫu đời. Thế mà cha tôi, trời ơi! Tôi muốn làm một khán giả vô tư nhỏ lệ tiếc thương gã nghệ sĩ sinh nhầm xứ sở.

Có bận túng bán quá, cha mẹ tôi phải chia nhau mỗi người một chợ đem thuốc hoàn, thuốc tán trị các bệnh cam sài thai đẹn, ho hen, giun sán ra bày ngổn ngang trên manh chiếu hẹp dưới quán chợ. Mẹ tôi bán quanh quẩn mấy chợ gần miền bể như chợ Tiểu Hoàng... Sáng sớm mẹ

đi, xế chiều mẹ về săn sóc anh em tôi. Còn cha tôi xách chiếc va ly lớn lẽ mẽ sang mãi tận Thần đầu, Thần hướng. Cha tôi đi hàng tuần mới trở lại, nói là vừa bán thuốc vừa thăm dò xem bên sông Trà Lý có dễ kiếm ăn thì cho gia đình sang.

Những chuyến cha tôi vắng nhà, mẹ tôi xuôi ngược tần tảo, anh em tôi nương bóng nhau cầu nguyện. Nghe mẹ tôi bảo sóng sông Trà dữ tợn. “Sóng cửa Trà, mà cửa Hộ”, em Mai chỉ sợ phà đấm. Tôi dỗ dành em tôi rằng cha tôi sống tới tám mươi tuổi để xem anh em tôi khôn lớn. Em Mai thường khóc tỏ vẻ lo ngại. Khốn nạn, cha mẹ tôi nghèo nàn, còn tình thương mến nhưng tình thương mến không nuôi sống được con nên muốn con no lành đã phải xa con, cực nhọc. Tôi cứ nghĩ đến lúc cha mẹ tôi ngồi dọn hàng khi chợ chiều tan vắng. Ánh nắng vàng vọt quê mùa chiếu vào khuôn mặt thê thảm vì nhớ con, vì ế hàng của cha tôi chắc đau thương lắm.

Ít tháng sau cha tôi bỏ nghề lang thuốc. Cha tôi sắm ít dụng cụ chữa xe đạp. Người ta đặt tên mới cho cha tôi: ông Phó. Cha tôi sửa chữa, lau dầu, vá chín, vá sống sầm lốp xe đạp, xe tay. Nếu ai cần tô điểm xe mình thì cha tôi cũng biết sơn xì, sơn hấp, mạ kền bằng... ngân nhũ. Nhiều lần nhìn cha tôi nghiêng răng vắn cái ốc lâu ngày thiếu dầu mỡ, lòng tôi thất lại. Tay cha tôi mạch máu nổi bật, chẳng chịt. Có khi “lắc lè” nhờn, tuột mạnh bật tay ra. Cha tôi mất đà, chúi về một bên. Thường thường, tay cha tôi bị xước da, máu chảy ri rỉ. Cha tôi mải mê công việc không để ý, đưa tay vuốt mấy sợi tóc lòa xòa trên trán. Máu ở vết thương được dịp hòa với mồ hôi... Nhưng cha tôi nín lặng không kêu ca,

không than vãn, không kể lể với vợ con. Sự nín lặng đó tôi đã khổ tâm học hỏi song tôi thấy tôi thất vọng. Vì, cho tới ngày nay, hễ gặp bất cứ con rắn độc cuộc đời nào, dù lớn dù nhỏ, cắn đau hay cắn hụt, tôi vẫn thích tìm người băng bó hộ.

Tò mò, tôi hỏi cha tôi học nghề sửa xe bao giờ, cha tôi mỉm cười: “Cái khó sinh ra cái không con ạ!” Tôi nghi ngờ rồi phỏng chừng cha tôi học lỏm hay cha đã từng làm thợ phụ cơm nhà việc người. Lại thêm hình ảnh thui chột của chú “học nghề” nữa!

Hồi gia đình tôi ở Hà Nội về Thái Bình rồi dọn xuống miền biển, em Mai bé bỏng nên em chưa cảm được nỗi buồn biến động cuối mùa đông. Dường như, biển giận dữ tận ngoài khơi bãi Đồng Châu. Tiếng gầm gừ vọng tới nghe ghê rợn. Cha tôi khởi nghiệp chữa xe tại đây, tại ngã ba chợ huyện Tiền Hải, dưới gốc cây gạo to lớn, sù sì, gai góc. Những buổi chiều rét mướt, cha tôi ngồi co ro khâu mép lốp đứt “tanh” hay phồng mang trợn mắt thối than hồng trong lò máy vá chín. Cha tôi nhặt nhanh từ năm hào bơm thuê cho anh phu xe tay, chẳng nề hà việc dầu mỡ. Bởi vậy, cả sau lúc ngưng làm để vuốt ve anh em tôi, tay cha tôi, dầu rửa sà phòng, vẫn còn đầy vết dầu lem luốc. Em Mai hay kéo đôi tay cha tôi đùa bỡn:

- Tay cha tôi đen như nhọ nồi.

Cha tôi cười:

- Trắng như bông mà con dám bảo đen. À, đổ con biết tại sao tay phải cha dài hơn tay trái?

- Con chịu.

- Tại tay phải cha vặn “lắc lê”. Cha vặn mạnh quá nên

xương nó giãn ra.

Em Mai ngớ ngẩn:

- Con không thích tay phải cha dài đâu, cha làm cho nó ngắn bằng tay trái đi cha. Có được không hở, cha?

Cha tôi suy nghĩ giây lát, đoạn vỗ về em:

- Khó gì, rồi cha bỏ vụn “lắc lè” thì nó hết dài.

Tôi thương cha tôi, dĩ nhiên, nhưng thương bao nhiêu mới vừa? Cha tôi ít nói. Chắc chắn nổi ray rút vì mẹ con nheo nhóc ám ảnh cha tôi, làm cha tôi uất nghẹn: sự uất nghẹn của người không cầm song không nói được. Đạo ấy, gạo kém, mẹ tôi phải chạy vay đóng từng bữa một. Thoạt đầu, sáng ăn cầm dạ, chiều ăn no. Sau, sáng cha mẹ tôi nhìn chỉ thối niêu nhỏ cho anh em tôi. Em Mai ăn xong còn thòm thèm. Cha tôi nhìn em, mắt đỏ ngầu. Mẹ tôi chạy vội xuống bếp. Tôi thương hại em, tập nhìn để em được ăn nhiều. Hôm thứ nhất, em bảo tôi:

- Sao anh không ăn?

Tôi nói dối:

- Tại anh đau bụng.

Em tôi tưởng thật:

- Thế em để phần anh vậy nhé?

Tôi cười xua tay:

- Đau bụng ăn cơm nguội thế nào được. Em ăn đi, ăn nhiều chóng lớn.

Hôm thứ hai, tôi cũng bỏ bữa sáng ân huệ của con nhà nghèo. Em tôi hỏi han vớ vẩn. Tôi phải trả lời tôi ăn sáng với em thì trưa ăn mất ngon. Nghĩ sao, em tôi giận tôi, em chẳng thèm ăn nữa. Em bắt chước nhìn đến trưa. Mẹ tôi mắng em. Em khóc, em kêu đau bụng. Như thế, em tôi hiểu

chuyện rồi. Em tôi rủ tôi ra đường cái, ghé sát vào tai tôi thì thầm:

- Thật anh nhỉ, ăn bữa sáng, trưa ăn mất ngon.

Chúng tôi nhìn nhau. Chua xót. May mắn là tình cảnh ăn uống thiếu thốn rất ngắn ngủi. Gạo dần dần hơn. Nhà tôi lại tiếp tục hai bữa no nê. Đây là những câu chuyện buồn của gia đình tôi. Nhưng chuyện khiến tôi nhớ mãi là chuyện sau đây:

Hôm cha tôi đang đánh nháp miếng lớp nố thì một bà sang trọng tới gần. Bà ta nhìn cha tôi lúc lâu rồi mới ngại ngần hỏi:

- Bác làm ơn chỉ giùm tôi ông lang...

Bà ta quên tên ông lang. Cha tôi ngừng tay, lễ phép nói:

- Thưa bà, bà cho biết tên ông lang là gì ạ?

Móc trong túi mảnh giấy nhỏ ghi bút chì lơ mờ, bà ta lẩm nhẩm đọc:

- Ông Mai Viên bác phó ạ! Bà bạn tôi mách rằng ông Mai Viên chữa bệnh giỏi. Tôi từ phủ Kiến Xương xuống xin ông cái đơn. Bà bạn tôi trước là chỗ quen thân ông Mai Viên.

Như cái lò xo, cha tôi đứng thẳng dậy, trịnh trọng giới thiệu tựa hồ anh hề trên sân khấu giây phút sắp mở màn.

- Thưa bà... tôi là Mai Viên...

Bà khách lạ tròn xoe mắt. Bây giờ, cha tôi mới kịp để ý cái hình hài tiều tụy của lão phó chữa xe đạp dưới gốc cây gạo ngã ba chợ huyện Tiền Hải. Quần đùi đen, áo sơ mi ngắn tay nham nhở dầu mỡ mờ hôi. Chân tay sần sùi, thô lỗ... Còn giữ được đôi mắt, vàng trán rộng. Nhưng xấu hổ quá, tê tái quá, đôi mắt vội mờ đi và vàng trán lâm râm những giọt mồ hôi, những giọt mồ hôi tình cờ toát ra một

buổi trời lạnh nhất. Cha tôi cúi xuống, nói rất nhỏ:

- Thưa bà tôi giải nghệ... lang thuốc rồi. Song nếu bà...

Cha tôi muốn nói thêm “nếu bà bỏ qua hình ảnh bác thợ chữa xe thì tôi sẵn lòng tiếp bà”. Khốn nỗi, dù đã từng phen trầy trụa với cuộc đời, cha tôi vẫn tự ái để cứu vãn chút liêm sĩ tuy chẳng cần cứu vãn. Bà khách hình như cảm thông sự lên bồng xuống trầm của kiếp người, bà ta ngượng ngùng mãi mới thốt gọn ba tiếng “xin lỗi ông”. Cha tôi mời bà ta vào nhà.

- Bà ở phủ Kiến chắc quen gia đình ông Phán Lâm?

- Thưa ông, bà Phán chỉ đường tôi mới rõ, chứ dễ chi.

- Trước kia...

- Vâng ạ! Bà Phán đã nói nhiều về ông. Tôi xin lỗi ông lần nữa vì cử chỉ vô lễ ban nãy.

- Thưa bà không hề gì ạ! Bà đừng bận tâm.

Cha tôi kê tặng bà khách ấy đơn thuốc bổ theo đúng lời viết quảng dán tường ngày xưa “xem mạch kê đơn không lấy tiền”. Khi về, bà khách rút tiền cho tôi. Tôi từ chối, bỏ chạy mất. Đêm ấy, dưới ánh đèn dầu lạc tẩm bắc thắp đĩa, đêm đầy đặc, suy tư. Tôi nghe từng hơi thở dài sầu hận của cha tôi. Bất giác, tôi òa lên khóc khiến em Mai cũng khóc. Cha tôi xoa đầu anh em tôi an ủi:

- Nín ngay con, rồi các con sẽ sung sướng.

Tôi gục đầu xuống đùi cha tôi, ôm chầm lấy thân thể gầy yếu, ôm chầm lấy tấm lòng thương mến bao la mà rên xiết.

- Cha ơi! Con thương cha.

Giọng cha tôi tha thiết, bao giờ cha tôi cũng tha thiết với vợ con:

- Thương cha thì ngủ đi, sau này đừng giống cha nhé

con, giống cha khổ lắm. Nhất nghệ tinh con ạ!

Nhưng anh em tôi không ngủ. Ngọn đèn gió thổi tắt rồi. Căn nhà tối om. Anh em tôi ngồi sát nhau hơn. Chúng tôi cùng im lặng nhìn ngày mai bằng bốn con mắt mờ lệ trong đêm vắng. Khổ thân em tôi, lớn dần để xem cuộc đời cha xuống dốc thảm hại. Em tôi nắm chặt lấy tay tôi như thăm nhủ, như trao gửi niềm tin. Tôi nghe rõ tiếng nước nhỏ giọt xuống chiếu.

Một sớm tháng hai, hoa gạo nở đỏ ối và bắt đầu rụng. Cha tôi vẫn co ro ngồi dưới gốc cây. Trên đầu cha tôi đủ các loài chim thi nhau ca inh ỏi. Chợt một con bầy bọ trúng giữa mái tóc cha tôi trắng xóa. Cha tôi nhìn lên xem có phải phân quạ. Vì nếu phân quạ sẽ gặp niềm rủi ro. Khốn nạn, cha tôi vừa ngẩng mặt nhìn lên thì chiếc hoa gạo to hơn nắm tay rơi giữa mặt. May mắn, cuống hoa ngược chiều nên những cánh hoa nát bét trên khuôn mặt của cha tôi như thể cha tôi bị đạn bắn vỡ mặt. Anh em tôi chạy lại quỳ xuống, cuống quýt:

- Cha có đau không hở, cha?

- Cha có mở được mắt không?

Cha tôi nói:

- Đau gì mà đau, cái hoa đó mà...

Giọng em Mai run run:

- Con thấy nó kêu đánh "bốp". Chắc cha đau, cha nói dối.

Con thì con khóc rồi. Cha đau thật hở, cha?

- Cái hoa nhẹ như bấc thì đau nỗi gì. Cha chỉ đau vì...

Tôi hỏi gặng:

- Vì sao cơ ạ?

- Vì... các con khổ sở!

Cha tôi rướm rướm nước mắt. Anh em tôi cúi đầu.

Mặc dù bé bỏng, anh em tôi cũng nhận ra hình ảnh cuộc đời cha tôi. Một hình ảnh bằng bao nhiêu hình ảnh nham nhở khắc khoải, què quặt. Tôi cầm tay cha tôi, nói nhỏ:

- Con sung sướng chứ có khổ đâu?

Em Mai cũng hồi hả:

- Con chả khổ gì cha ạ!

Cha tôi mỉm cười gượng gạo:

- Các con nói dối.

Tôi nắm chặt tay cha tôi hơn:

- Lúc nào gần cha mẹ là các con sung sướng rồi.

Em Mai ôm đầu cha thủ thủ:

- Con yêu cha.

- Yêu cha thì phải chăm học các con nhé, Hữu nhé! Nhất nghệ tinh...

Luôn luôn cha tôi nói “nhất nghệ tinh”... Tôi nhìn cha tôi, thấy má bên trái con dính chút máu hoa gạo. Đưa vật áo lau sạch vết như ấy, tôi giục:

- Cha vào gội đầu kéo bẩn.

- Điềm may đấy con ạ! Hoa rơi là sang năm cha con mình giàu. Cha sẽ tậu nhà ngói trên tỉnh, con có cái xe đạp nhỏ đi học.

- Thế mẹ con?

- Mẹ con thì... Ờ, ờ, khó nghĩ quá. Con chọn quà biếu mẹ xem nào.

- Mẹ con thôi bán xôi chè này, mẹ ở nhà khâu vá quần áo với lại kể chuyện ma này. Cha cho tiền con mua cái tráp đựng trầu biếu mẹ con nhé! Em Mai muốn mua biếu mẹ xôi tràng hạt để mẹ niệm Phật cha ạ!

- Ừ, ừ con muốn gì cũng được.

- Em Mai có búp bê, có ô tô, có tàu thủy, có nhiều thứ lắm. Em Mai không phải chơi đồ chơi bằng vỏ hến, nút chai...

Em tôi thích chí cười hơn hở. Đôi má núm đồng tiền xinh xinh tẹt. Em làm nũng:

- Áo con rách rồi, cha mua áo cho con trước nhất cha nhé.

Cha tôi bỗng giật mình. Đôi mắt đang sáng rực mộng ước, phút chốc mờ đi, buồn. Cha tôi ngẫm anh em tôi rồi khẽ gật đầu nói nhỏ:

- Ừ, mai cha mua áo cho con.

Hôm sau, nhằm ngày phiên chợ, cha tôi bỏ việc dẫn anh em tôi đi mua áo. Chợ phiên đông đúc, cha con dắt dúi nhau chỉ sợ lạc. Qua hàng nước dừa, cha tôi cho mỗi đứa uống một cốc nhỏ năm hào. Hết quán này, quán khác mà chẳng thấy cha tôi nhắc chuyện áo làm em Mai thấp thỏm. Mãi cha tôi mới kéo anh em tôi đến hàng quần áo may sẵn có vô số người xúm lại mặc cả. Anh em tôi len lọt được vào. Em Mai nhìn những chiếc áo cánh trắng rồi nhặt vài chiếc để ướm thử. Mắt em long lanh nhưng cha tôi thì nét mặt tự nhiên tái chột, đôi tay run run cơ hồ như sốt rét. Cha tôi hỏi giá, người bán trả lời. Thêm thêm bớt bớt chán chê, rốt cuộc, cha tôi không dám nhất định vì sợ hớ. Em tôi trông ngực đánh thành thịch, nửa mừng nửa lo. Tôi biết giá có manh áo kia, em tôi hả hê vô vàn. “Già được bát canh, trẻ manh áo mới” mà. Cha tôi cũng biết thế, song người bán hàng chẳng thèm biết. Cha tôi đứng tần ngần. Tôi phồng chùng cha tôi thiếu tiền.

Vuốt mái tóc em Mai, cha tôi an ủi:

- Hai anh em ra kia chờ cha nhé! Ra kia kéo nó bắt bí. Thế nào cha cũng mua cho con.

Em tôi nuốt nước bọt ừng ực. Cha tôi đưa chúng tôi khuất khỏi hàng quần áo. Dặn dò xong, cha vội vàng đi. Trông theo cha, lòng tôi băng khuâng tê tái. Anh em tôi đợi hàng nửa giờ mà cha tôi vẫn chưa trở lại. Chợ càng đông, tiếng ồn ào huyền ảo. Anh em tôi không nghe rõ nữa. Tâm hồn em Mai hướng về manh áo, còn tâm hồn tôi thì không hiểu vì sao bối rối vô cùng. Em Mai cứ luôn miệng hỏi khiến tôi nóng ruột quá. Nắng mùa xuân hừng hực trên đầu chúng tôi. Nắm chặt tay em, tôi dìu em về phía hàng áo.

Bỗng anh em tôi thấy từ các hàng áo ban nãy người ta xô nhau giẫm lối. Người bán hàng tức giận đỏ mặt lên, hét lớn:

- Ăn cắp, ăn cắp! Gớm nhanh như chớp, vừa mới quay đi mà nó đã thó mất rồi.

Tôi hoảng hồn, mắt lơ lảo tìm cha. Song cha tôi không có trong đám đông trước mặt. Em Mai khóc bù lu bù loa, dỗ mãi em mới nín. Trong khi đó, người bán hàng quai mồm ra chửi bới hết lời. Hắn dọa nếu tóm được cổ kẻ cắp, sẽ đánh róc xương. Tôi chờ, chờ gần xế trưa thì ngờ rằng cha tôi lo kiếm anh em tôi và chắc chắn, đợi anh em tôi ở nhà. Tôi lớn không sợ lạc nữa nên cha tôi cũng có thể về trước. Nghĩ vậy, Tôi trở lại nhà. Anh em tôi buồn thiu, thẩn thờ bước như hai đứa trẻ ăn mày.

Về nhà, mẹ tôi bảo cha tôi bị cảm đang nằm đắp chăn rên hừ hừ. Anh em tôi xúm tới hỏi han. Cha tôi nín thinh không đáp. Em Mai sợ cha phật ý nên không hỏi đến chuyện áo mới nữa. Cả buổi chiều hôm ấy, không khí gia đình tôi nặng nề, khó thở. Đến tối, cha tôi bớt sốt, cha gọi anh em tôi tới

gần xoa đầu, nắm tay như thường lệ. Cha tôi nói mua áo xong thì cha tôi cảm thấy choáng váng mặt mày, quên mất chỗ anh em tôi chờ đợi. Rồi cha tôi cầm cổ chạy về. Nghe cha kể chuyện anh em tôi vui mừng, sung sướng. Em Mai tôi hỏi:

- Cha mua áo cho con rồi hở cha?

- Ừ, đây này.

Cha tôi lật chiếu đầu giường nhấc chiếc áo ra. Em Mai vỗ lấy ướm thử. Em thay áo cũ mặc áo mới vào. Em khoe tôi:

- Đẹp không anh Hữu?

- Đẹp lắm.

- Đẹp không cha?

Em Mai chợt nhớ điều gì, khuôn mặt ngây thơ nhí nhảnh phút chốc thoáng buồn. Em nói:

- Áo anh Hữu rách lưng cha ạ!

- Để phiên sau cha mua.

Tôi vội nói:

- Áo con vá được, cha đừng mua tốn tiền.

Giữa lúc ấy, mẹ tôi ở dưới bếp bước lên, em Mai nín mẹ, nũng nịu:

- Cha mua áo cho con mẹ ạ!

Mẹ tôi ngạc nhiên hỏi cha tôi:

- Tiền đâu mà cha mua áo cho con?

Cha tôi thản nhiên:

- Vay của bác Cẩm sáng sớm nay.

- Bác Cẩm đi Thái Ninh từ hôm kia cơ mà!

Cha tôi lặng thinh. Mẹ tôi không hiểu gì cũng lặng thinh. Tôi nhìn cha tôi. Cha tôi nhìn mẹ con tôi. Mắt cha tôi long lanh. Bóng cha tôi gầy gò in hình trên bức tường vôi loang

lở. Có ai ngờ cái thân thể gầy gò kia lại bọc nổi tình thương yêu rộng lớn như con ốc nhỏ thu gọn cả đại dương trong lòng mà vẫn câm nín. Câm nín suốt đời. Tôi muốn ôm cha tôi, muốn xé rách làn da ngực để được nói vào trái tim cao cả của cha tôi rằng “Cha ơi! Cha vì anh em con mà phải như thế... Con sẽ làm gì cho xứng đáng sự hy sinh đó của cha!” Nhưng làm sao mà nói? Cảm xúc đã nghẹn cả lời. Tôi òa lên khóc. Cha tôi giật mình hỏi:

- Sao con khóc?

- Con thương cha.

- Nín đi... để dành nước mắt chứ chú bé. Khóc nhiều hết thì sao?

Tôi chưa nín. Vì nghĩ tới tuổi sầu bắt nguồn từ túp lều tranh bên gốc chuối tiêu chảy róc rách, róc rách qua hồn anh em tôi. Tuổi sầu này còn chảy mãi. Và còn chảy, nước mắt còn rơi, không lo khô cạn.

Sau đấy, cha tôi bị ám ảnh bởi chiếc áo ăn cắp ngoài chợ, trừu tôi, không ai rõ, cha tôi đau ốm liên miên. Tuy nhiên, cha tôi vẫn vẽ bao ước mộng. Anh em tôi mong ngày tháng lụn dần, sang năm chóng đến. Song sang năm chưa kịp đến với nhà ngói ở tỉnh, với búp bê, với tàu thủy, với xe đạp thì cha tôi nhuốm bệnh thương hàn. Tôi cố nghĩ rằng giữ kín chuyện nên khi cha tôi chết cha tôi vẫn tưởng sự bí mật theo cha xuống lòng mộ.

Cha tôi chết, mẹ con tôi neho nhóc bơ vơ. Mẹ tôi năm tháng ngồi đan nỗi buồn ở bến đò Đồng Đức. Anh em tôi nhìn đám trẻ thành thị rồi vội vàng cúi gầm mặt qua sân nhà ông ngoại, làm rơi mất tuổi thơ.

(1962)

Hoa bưởi

Ngẩng đầu ngắm mãi chưa xong nhớ

Hoa bưởi thơm rồi, đêm đã khuya

XUÂN DIỆU

1

Hải đứng chờ Thúy ngoài ngõ. Cơn gió lùa tung mái tóc cậu bé. Trời hiền dịu. Trên không, những sợi tơ trời bay lơ lửng. Vài con bướm lạc loài ghé thăm giàn thiên lý khoanh khắc rồi bỏ đi. Làng thôn thiêm thiếp ngủ theo tiếng võng đưa kéo kệt, tiếng hát ru êm đều đều.

Khói từ một mái tranh bốc lên, lan tỏa. Màu lam biến thành màu trắng, lẫn vào mây. Lá vàng rơi nhẹ trên làn ao. Mấy chú cá đoi tưởng con mồi nhảy lên đớp hụt làm mặt nước cau mày giận dữ. Ai gảy đàn bầu đầu đây, điệu nhạc du dương như lời chim chích choè kể chuyện trên cành xoan. Hải thả mắt sang xóm làng bên kia sông đang chìm dưới lớp sương mờ ảo. Tiếng gà tập gáy vọng tới te te nhón. Quãng đường trước mặt vắng tanh. Cây đa cao ngất cô độc. Chuông chùa náo nuột điểm thưa. Cuộc đời quê mùa hắt hiu, buồn thảm. Lòng cậu bé đâm ra hoang mang lo sợ. Cậu lấy tay vuốt ngược mái tóc. Nắng nhỏ thơm ngon. Bóng râm đến luôn, đổ dài tít tắp. Trời muốn thấp xuống. Cuối thu có khác.

Tháng năm côi cút bên bà nội, Hải đã quen phong cảnh này từ ngày mẹ bỏ đi theo ông tham Ân. Mẹ sang Pháp với ông ta, chẳng bao giờ trở lại nữa. Sáng mẹ bỏ nhà, Hải còn ngủ mê mết. Thức dậy, thấy mất mẹ, Hải khóc sưng cả mắt, cha Hải phải đem Hải gửi cho bà nội nuôi hộ. Bà nội thương cháu, bà ghét con dâu cay đắng. Cha Hải buồn chán, rượu chè bê tha, lúc say mềm chỉ chửi lão tham Ân. Hải chưa biết tại sao cũng cứ thù lão ta vì cha Hải đòi giết lão. Hải về với bà. Cha vẫn làm thư ký ở Hà Nội. Bà yêu quý Hải, các cô chiều chuộng Hải. Riết rồi cậu bé không nhớ mẹ nữa.

Thỉnh thoảng, cha Hải mới về thăm con. Những lần ấy, cha mua thật nhiều kẹo bánh, đồ chơi. Hải thích được nằm cạnh cha để được ôm ấp hơn. Hải học trường làng, các cô cấm chơi với bất cứ đứa trẻ nào, sợ Hải bị chúng nó bắt nạt. Đến ngày cha Hải đưa gia đình ông Phán về tránh bom đạn đồng minh thì cậu bé mới thấy bớt tủi.

Hải nhớ lại niềm vui bắt đầu từ đôi mắt đen lay láy của một cô bé trạc tuổi cậu. Cô bé kháu khỉnh và có vẻ lém lỉnh lắm. Mới tí tuổi đã biết làm đóm. Tóc cô bé lò xo ngang vai. Cô mặc áo đầm xanh, miệng cười đôi má lúm đồng tiền. Răng cô bé đều đặn trắng bóng. Cô cài con bướm bạc bên ngôi trái. Cô bé đứng bên chị, Hải khép nép cạnh cha. Bà Phán, trông thấy Hải, bà ngạc nhiên hỏi:

- Cháu Hải đấy à? Chóng lớn quá, lại đây cháu... Góm, nhìn kỹ mặt nó mà xem, giống mẹ như đúc.

Câu nói vô tình của bà Phán khiến cha Hải buồn. Hải nao nao nhớ mẹ, tình thương mẹ vắng vẻ từ ngày xưa bỗng chốc vụt hiện.

Lòng cậu bé se sắt. Bà Phán biết mình lỡ lời, bà kéo Hải lại gần, vuốt tóc cậu bé. Bà lấy khăn thấm nước mắt Hải nổi hàng rớt xuống má rồi bà chỉ về phía con bé đang nhìn Hải dăm dăm.

- Em Thúy đẩy cháu ạ! Thúy lại gần đây mẹ bảo. Đây là Hải con bác Nguyễn đấy. Từ nay hai đứa thành anh em, chơi với nhau nhé!

Bà Phán cầm tay Hải đặt vào tay Thúy. Thúy rút vội ra, ngừng nguẩy:

- “Nó” lớn bằng con, sao được làm anh hử, mẹ?

- Hừ nào, Anh Hải hơn con một tuổi.

- Thế “nó” học lớp mấy?

Bà Phán âu yếm hỏi Hải:

- Cháu học lớp mấy?

- Cháu học lớp tư ạ!

Thúy cười khúc khích:

- Con học lớp ba cơ mà, nó kém con một lớp. Hơn một tuổi, kém một lớp là hạng bét là phải làm em chứ hử, mẹ?

Thúy hất hàm buống bình trêu Hải:

- Phải không “nó”?

Hải tức mình lắm. Con bé kia dám bảo giỏi hơn Hải. Nó cứ nhìn Hải thách thức.

Hải cúi sườn chạy vụt xuống với bà. Cậu nghe tiếng cười ròn rã, tiếng chị Hiền, chị của Thúy:

- Rồi cô cậu thân nhau ngay đấy mà.

Hải gục vào lòng bà khóc thút thít:

- Bà ơi bao giờ mẹ cháu về?

Bà Hải im lặng, vuốt ve cháu, ru cháu ngủ. Hải say sưa thiếp đi. Hải sẽ không thêm chơi với con Thúy. Con Thúy

làm bộ. Hôm sau, Thúy ngang qua hè thấy Hải đang nặn tượng. Thúy đứng lại ngắm nghía ra chiều thích thú. Hải mãi mê tô điểm mặt tượng không để ý đến Thúy. Lúc Hải nhìn lên, Hải gặp Thúy cười. Nụ cười của con bé bữa nay bớt kiêu ngạo. Hải muốn đuổi Thúy, cậu chả biết nói làm sao. Hải lúng túng đánh rơi cả tượng xuống nền nhà. Thúy định bỏ đi, nghĩ thế nào, Cô bé bước vào đôn đả:

- Chơi gì đấy?
- Hỏi làm gì?
- Cho Thúy chơi với nhé?
- Làm bộ thế ai thèm chơi với.
- Thúy có làm bộ đâu.
- Hôm qua gọi bằng “nó” bảo giỏi hơn thôi.
- Thúy xin lỗi, cho Thúy chơi với nhé?

Tự nhiên, Hải hết giận Thúy, đứng dậy tìm ghế cho Thúy ngồi.

- Hải nặn tượng thờ à?

- Ừ, Hải sẽ làm cái đình rất đẹp. Chơi làm đình thích lắm, nặn xong tượng, chúng mình chơi pháo nôi.

- Chơi pháo thế nào?
- Tí nữa Hải dạy Thúy.
- Khó lắm, hở?
- Dễ mà.

Hải đem mấy ông tượng vừa nặn xong ra phơi nắng rồi dạy Thúy nặn pháo.

Hải lấy đất sét nặn thành hình cái nôi, đáy thật mỏng. Hải nhổ bột vào đất miết cho bóng, Thúy sợ hãi:

- Nghịch bẩn quá!
- Thế nó mới kêu. Thúy nghe đây này “Pháo nổ pháo

nang cả làng” chịu chưa..? Thúy nói “*Chịu rồi*” đi, chịu chưa?

- Chịu rồi.

Hải dơ tay lên cao, đập mạnh pháo trên nền nhà. Tiếng nổ đánh “đốp”. Đáy vỡ một khoảng lớn. Hải dục Thúy:

- Đến lượt Thúy!

- Cũng nói như Hải à?

- Ừ.

Thúy bắt chước Hải đập pháo nhưng tịt ngòi. Thúy phải lấy đất và đèn pháo của Hải. Thúy nhìn Hải cảm phục.

- Vui nhỉ?

- Ừ.

- Chơi nữa đi!

- Thôi, rửa tay rồi Hải dẫn đi bắt công cống.

- Công cống là gì?

- Là con sâu ở dưới đất.

Hải dắt Thúy ra cầu ao. Nắng in hình chúng đều đặn. Đầu mùa hạ sung chín đỏ ối, thơm phức. Chim chào mào líu ríu mổ làm rụng lổm bõm xuống ao. Cá rói chờ sẵn tranh ăn. Bóng Hải và Thúy soi gương nước. Hai đứa nhìn nhau mỉm cười, Thúy hỏi:

- Bắt công cống bằng gì?

- Bằng nơm măng hay mòng mạ.

Hai đứa băng qua sân tới vườn sau. Hải tìm những cái lỗ nhỏ vừa nơm lá tre, dắt Thúy:

- Thúy đặt nơm măng ngập một tí thôi, rồi đợi công cống. Khi nào Thúy thấy động đập thì giật lên như câu cá ẩy. Thúy nghe Hải gọi nó đây này.

Hải ngòai xồm, chăm chú nhìn xuống cái lỗ nhỏ mà cậu tin chắc thế nào cũng có chú sâu đất. Ba ngón tay cầm nơm

mãng, Hải nhắc lên nhắc xuống nhè nhẹ:

- "*Công cống mày lên ăn mọng ăn mạ kéo quạ ăn hết. Công cống mày...*"

Bống Hải giật tay, một con công cống bị tóm cổ. Hải nhốt nó vào lọ thủy tinh. Và lại tiếp tục tìm lỗ khác. Thúy chưa nhử được con sâu nào. Cô bé hết kiên nhẫn:

- Thúy chả biết cách bắt công cống, Hải ạ!

- Mới chờ mà, yên chí nó sắp ăn mồi đấy. Kìa dụng đây rồi, giật đi Thúy!

Thúy nhắc vội tay lên. Con công cống văng ra xa. Mình nó vàng nhờ nhờ như con tầm, đầu nó đen đen có hai cái càng giống như càng cua. nó to bằng con cuống chiếu, nhưng ngắn hơn. Thúy kêu:

- Eo ơi, Sợ quá! Nó muốn cắn Thúy, Hải ạ!

- Không đâu, để Hải giết nó.

- Chơi trò này sợ lắm, không thích tí nào cả. Về đi Hải đi...

- Ừ, thì về.

Hai đứa đi sát nhau. Nắng sớm đổ xuống tóc hai đứa đen óng. Những nụ cười ròn tan. Chị Hiền nấp trong màn hình nhìn ra. Chị nói khẽ với mẹ.

- Cô cậu chơi với nhau rồi, mẹ ạ!

2

Thúy lên ra tự lúc nào. Cô bé rón rén lại gần chỗ Hải kéo nhẹ cành dâu rồi buông tay. Cành dâu bật mạnh chạm người Hải. Hải giật mình. Thúy nhoẻn miệng cười. Cô bé mặc áo đầm tím, chải đầu đẹp. Con bướm bạc hôm nay cài ngói bên phải. Chân Thúy mang dép trắng. Thúy hỏi:

- Áo Thúy đẹp không?

- Đẹp.

- Chị Hiền cho phép đi chơi, chiều phải về học, Hải ạ!
- Bà Hải dặn Hải lúc này, Hải nhớ lời. Đi nhanh kéo muộn.

Hai đứa bé rời khỏi cổng. Con đường đất nhỏ vòng vào lác đác lá vàng phơi mình trên bờ cỏ. Cánh đồng xanh mượt phẳng phiu như thảm nhung. Ngọn gió heo may là là mơn trớn. Chiếc lá nhỏ hôn trộm lên mặt Thúy rồi rơi xuống ao bèo. Con cò trắng rón rén dưới ruộng bùn kiếm ăn. Những chiếc thuyền nan lười biếng ngủ. Bến đò vắng vẻ. Hải nắm tay Thúy chạy qua cầu Chờ. Thúy mỗi chân ngồi trên phiến đá nhẵn bóng thờ hờn hển. Thúy nhìn khúc sông lặng lẽ chảy lay động đám lá trang trên mặt nước. Mấy chú gong vó cố bơi ngược giòng bị đẩy lui. Mặt trời vừa ló ra lại nấp vội trong mây nên bóng Thúy mập mờ. Hải trốn Thúy ở bụi rười. Thúy mãi mê ngắm phong cảnh quên mất cả bạn.

Khi hết mỗi chân, Thúy dục Hải đi. Không ai trả lời. Thúy hoảng hồn, tưởng Hải chết đuối. Có tiếng sột soạt. Thúy run sợ định chạy. Hải đứng lên, toét miệng cười. Thúy mừng cuống quýt:

- Chả thèm chơi với Hải nữa, làm Thúy mất vía, ngực Thúy đập thành thịch.

- Bịa.
- Chả tin Hải áp tay vào ngực Thúy nghe mà xem.
- Ừ nhỉ, thôi ăn quả rười đi, ngon lắm.
- Thèm vào ăn, nhớ quả dại thì chết.
- Rười cầu Chờ ngon tuyệt.
- Sao gọi là cầu Chờ hở, Hải?
- Chắc có nhiều người chờ nhau ở đây.
- Hôm nào họ cũng chờ đợi à?
- Ừ.

Hai đứa bé lại chạy. Quãng đường ngắn dần. Ngôi chùa thoáng hiện to tướng. Thúy bảo Hải đi chậm chậm. Trẻ con nhà quê nhìn hai đứa lạ lùng. Ông bán tượng gặp khách tốt đơn dả chào mời. Thúy mua con gà có cái ống nhỏ thổi kêu “*cúc cù cu*”. Hải lân la đến hàng kẹo kéo quay số. Thúy luôn luôn sát cạnh Hải, điều đó làm Hải sung sướng. Đã mấy năm liền, cậu bé sống một mình nơi quê mùa còm cõi. Cảnh gì cũng gợi buồn. Buổi trưa, nghe tiếng chim sẻ léo nhéo; buổi chiều nghe tiếng thở than; ban đêm nghe tiếng dế nỉ non, tiếng cuốc thở than, toàn tiếng buồn muôn thuở. Những hôm trời mưa, ềnh ương rỉ rả, ếch kêu ồm ộp, sợ khiếp vía. Rồi mùa đông rét mướt, gió lùa phen liếp như kẻ trộm cạy tường. Hải cố làm cho Thúy vui. Thúy buồn, Thúy về nhà Thúy thì Hải chết mất. Hai đứa quấn quýt nhau cả ngày. Tính ra cô bé ở quê Hải được ba tháng. Ba tháng ngắn ngủi quá mà trò chơi sắp hết rồi. Hải lo sốt vó. Hết trò chơi chắc Thúy chả thèm chơi với Hải nữa. Hải mong mùa đông chóng tàn mùa xuân tới. Tháng hai hoa bưởi nở nhiều. Thúy sẽ thích quê hương Hải hơn.

Hải nghĩ thầm, nếu không có cây bưởi vườn sau nhà thì nguy to. Cây bưởi gần con chó đá. Bà Hải bắt gọi là “*ông chó đá*”. Bà bảo ông chó đá thiêng lắm. Hải tin thế vì mắt ông chó dữ tợn. Thúy sợ “*ông chó đá*” ít khi Thúy dám ra một mình. Sáng sớm, Hải rủ Thúy lấy nhựa bưởi. Nhựa cây như cồn dán giấy, màu vàng hổ phách, dẻo tựa bánh dày. Hai đứa đem về, bắt chước thợ bạc chế đồ kim hoàn. Hải dạy Thúy nặn nhặn, Hải nặn hoa tai. Nặn xong thì nhựa rắn khô. Hải đeo hoa tai cho Thúy, hoa tai đẹp hơn của chị Hiền. Hai đứa nhìn nhau quyến luyến.

... Thúy mãi mê đếm ngôi mái chùa. Đôi chim bồ câu trắng nhà ai đậu trọ ngơ ngác nhìn xuống. Thúy lấy con gà thối “*cúc cù cu*”, đôi chim giật mình bay mất. Thúy tiếc ngẩn ngơ. Hải đưa Thúy vào chùa xem tượng. Thúy leo lên ông hộ pháp dứt vôi nếm râu. Hải lè lưỡi kinh hoàng. Thúy coi thường, cô bé nhặt viên đất khô ném mạnh vào chuông kêu “boong”. Lũ trẻ con sợ chạy tán loạn. Hải dắt Thúy chạy theo. Khỏi chùa, Hải dọa:

- Eo ơi, sao Thúy dám dứt râu ông hộ pháp?
- Râu thẳng tượng lớn đấy chứ?
- Láo nào ông hộ nháp thiêng lắm, ông ấy vật chết tươi.
- Sao ông ấy chưa vật Thúy. Thúy khỏe hử?
- Ông ấy thương hại chúng mình thì có.

Hải dìu Thúy về phía đầu làng. Quãng đường này rộng thênh thang, gió thổi mát rượi. Đằng trước, miếu Vang um tùm. Hải giải nghĩa Thúy nghe miếu Vang ngày xưa là một khu rừng nhỏ, quân Cần Vương của ông Đốc Tít đánh nhau với Pháp ở đây. Ông Đốc ngồi trên cây đa đốc thúc ba quân. Sau Pháp đuổi ông chạy dài chiếm rừng Vang, đốt trơ trụi. Ngày nay, dân làng quen gọi miếu Vang. Miếu Vang nhiều ma, lắm rắn, cạnh miếu có cái hồ tát mãi không cạn, cá tôm nhưng nhúc. Bà Hải bảo Tàu nó để cua ở dưới đáy hồ. Thúy lắng tai chăm chú. Chuyện Hải kể hay làm sao. Thúy bắt Hải dẫn tới miếu Vang. Hải lắc đầu từ chối. Quán hàng đầu làng bữa nay trống trơn, Hải muốn ăn bánh khúc mà chả mua được. Tiếng buồn nổi lên vơi vợi từ điểm canh. Cuộc vui nhà quê ngắn ngủi, hiếm hoi. Thúy dục Hải về kéo chị Hiền mong.

Mưa kéo dài mấy ngày. Trời chỉ cao hơn ngọn đa. Gió thổi vù vù. Nước mái hiên nhỏ giọt lách tách. Rét ời là rét. Hải trùm chăn, khếp mắt chẳng nổi. Cậu bé ló đầu ra nhìn qua màn. Ngoài sân mưa nhỏ giăng mờ mờ. Vài con gà đứng co một chân, đầu gục xuống cánh, ngủ gật. Những con chim sẻ lấm miệng xì xào ở đầu hồi. Giọng quen thuộc của chú chim chích chòe vắng bật. Con chó nằm mơ màng bên thềm, thỉnh thoảng, há mồm táp vu vu. Buồn nẫu người. Hải ghét mùa đông thế. Sao không chỉ có mùa xuân hoa bưởi rụng đầy vườn và mùa thu trái bưởi rộp kín cây? Hải nghĩ tới Thúy, chắc giờ đây Thúy đang nằm bên cạnh mẹ nũng nịu. Hải lại nhớ mẹ nhưng hình ảnh mẹ phai dần nhường nét thẩm cho bà và cho Thúy. Hải sợ ngày Thúy về Hà Nội, Hải phải nương bóng bà sống lủi thủi như xưa thì quạnh hiu biết mấy. Hải cầu trời bom đạn phá tan Hà Nội. Thúy sẽ đổi chỗ ở, Thúy sẽ chơi với Hải nơi quê mùa còm cõi này suốt đời. Túi ngô rang nóng hổi, Hải chả thèm ăn. Ước gì trời tạnh. Hột bưởi phơi khô rồi. Hải đã xâu vào que, hễ trời hoe nắng, Hải và Thúy sẽ đốt thay nến rước đình. Rước đình vui lắm, nhiều kẹo bánh hoa quả, bọn trẻ con hàng xóm đứng xem thêm nhỏ rãi.

Hải nhớ những ngày đầu xuân. Hoa bưởi trắng xóa trên cây. Con gió xuân thì thảo nhẹ lướt, hoa lác đác rụng xuống vườn, Hải đã nhặt xâu vào sợi chỉ, buộc thành vòng hoa, quàng lên cổ chơi. Cậu bé cũng đã kể với Thúy bà nội đem hoa bưởi ngâm trong ấm tích nước mưa. Bà tiện mía bỏ vào. Hương hoa hòa lẫn với nước, ngấm dần vào thớ mía. Ăn mía của bà ngon nhất trần gian. Thúy say mùi hoa bưởi,

nhỏ nhẹ:

- Thích nhỉ, Hải nhỉ? Xem nào chạp, giêng, hai, còn ba tháng nữa, ăn tết xong cơ à?

- Ừ, lâu ghê.

- Đến mùa hoa bưởi nở Thúy sẽ xâu thật nhiều vòng quàng cổ Hải.

- Hải sẽ nhặt hoa cài kín tóc Thúy.

- Thích nhỉ?

- Ừ, chúng mình khối trò chơi trong mùa hoa bưởi.

- Thật hở?

- Ừ, chúng mình sẽ gỡ nhị cái của hoa làm bầu rượu.

- Có nhị được không?

- Có chứ.

- Buồn cười nhỉ?

- Chả buồn cười.

- Thế Thúy là nhị cái, hở?

- Chắc vậy.

- Eo ơi, Hải gỡ Thúy làm bầu đựng rượu à? Khôn thế, Thúy chả dại đâu.

- Thế Hải làm gì?

- Hải làm ông lão uống rượu ở bầu hoa.

- Khôn ghê, kể chuyện hoa bưởi nữa đi, Hải.

- Nói trước hết hay đợi đến tháng hai chúng mình sẽ nhặt hoa bưởi và nói tiếp, Thúy ạ!

Mãi chưa đến tháng hai. Trời mưa thối cả đất. Kỳ bão vừa qua, Hải ghét gió thối rụng gần hết bưởi non, bây giờ, Hải ghét mưa ướt sân, ướt vườn. Thúy thập thò sau màn, tấm áo len xanh bó chặt người cô bé. Hải tung chăn vùng dậy. Nổi buồn chạy đầu mất. Hải kéo màn gọi:

- Thúy ơi, xuống đây...

- Chịu thôi, Hải lên đây Thúy bảo cái này hay lắm cơ, không lên Thúy chả chơi với đâu.

- Xuống đây ăn ngô rang.

- Đem lên đây. Thúy lấy mật trộn ăn mới ngon.

- Ừ, đợi Hải nhé!

Hải xỏ guốc, lấy áo phơi che người, băng qua sân. Trong nhà nhộn nhịp quá. Bà Phán đang thu xếp quần áo nhét đầy vào valise. Chị Hiền chạy đi chạy lại tìm kiếm các thứ vật vãnh. Trên sập, ông Phán ngồi uống nước trà đàm đạo với cha Hải. Mọi người đều chăm chú công việc riêng. Thúy kéo Hải vào buồng lấy trộm mật ong của bà Phán trộn ngô. Hai đứa thi nhau nhai đến mỗi mồm, mật đầy đầy quần áo. Hải hỏi Thúy:

- Mẹ Thúy xếp quần áo làm gì đấy?

- Xếp cho gọn, trời nắng nhà Thúy về Hà Nội. Hết chiến tranh rồi, ba Thúy bảo thế, Hải có lên Hà Nội với ba Hải không?

Hải thần thờ buông thìa rơi xuống thềm. Tự nhiên, Hải mong trời mưa đừng bao giờ tạnh nữa.

- Thôi à?

- Ừ.

- Sao thế Hải?

- Tại Hải no.

- Bịa, ăn ngô mà no.

- Thúy có thích về Hà Nội không?

- Thích, nhưng giá Hải cũng về thì thích hơn.

- Hải chả về đâu.

- Hà Nội vui như tết ấy, sao không về?

- Ba Hải bắt Hải ở với bà khi nào thật lớn mới được theo ba. Hải muốn có Thúy chơi đùa mãi mãi.

- Thúy cũng muốn chơi với Hải. Hải không bắt nạt Thúy. Ở Hà Nội thằng Túy con ông Đông An hay trêu Thúy phát khóc.

- Tức nhỉ, ước gì Hải đá cho nó một cú.

- Chúng mình làm tùm hum ngủ đi. Hải dạy Thúy cách buộc tổ sáo. Thúy còn khoe bọn nó chứ...

- Ừ.

- Hải khóc à? Sao thế Hải?

- Đâu có. Hải khóc đâu nào?

Hải chạy khỏi buồng, quên cả xỏ guốc. Cậu bé tìm xuống bà, gục đầu vào lòng bà, nức nở.

4

Mấy hôm sau trời tạnh, gia đình ông Phán từ biệt làng Hải. Hải bị ốm trùm chăn nằm nhà. Thúy đến chào Hải, chúc Hải chóng khỏi và tặng Hải con bướm bạc Thúy hay cài đầu. Hải chẳng biết gì. Cậu bé mơ màng đến mùa hoa bưởi.

Hoa bưởi năm nay nở giữa tháng giêng. Hải nhặt hoa một mình. Cậu bé thần thờ nhớ cô bạn nhỏ. Hà Nội tối nay đèn xanh đèn đỏ rợp trời.

Sự tĩnh mịch ban đêm khiến Hải sợ. Cậu ngoảnh lại, bà nội đã ra tự lúc nào.

- Lạnh thế mà cũng ra vườn hỏ, cháu?

- Cháu nhặt hoa bà ạ! Cây bưởi nhà ta nở hoa sớm quá bà nhỉ?

- Ừ, hể năm nao hoa nở sớm là trái chua, bà nghiệm thấy thế.

Hải chợt nhớ điều bà vừa nói cậu chưa giảng cho Thúy.

Nỗi buồn đùn lên ngập mắt. Hải chạy lại ôm chặt lấy bà.

- Bà ơi, rồi Thúy nó còn chơi với nhau nữa không?

Vẫn giọng quen thuộc như dạo nào, bà Hải ghé sát vào tai cậu bé:

- Nó chả chơi với cháu bà thì nó chơi với ai, cháu bà ngoan như con chó ấy.

Trăng mùa xuân cựa quậy trong mây. Ánh sáng bàng bạc trắng mặt vườn. Con gió len lỏi qua đám lá xanh mướt. Hoa bưởi thơm ngát mê man. Đêm đã khuya.

(1961)

Kể trong bóng tối

Cậu bé ngồi cạnh Huy đang tìm cách gác chân lên hàng ghế trước mặt và ngả đầu lên thành ghế của mình cho thoải mái. lát sau, cậu bé đã thiu thiu ngủ. Thỉnh thoảng, đầu cậu bé từ từ gục trên vai Huy. Mái tóc ngắn mới cắt tỉa được mười hôm, cứng như rễ tre và nhọn như kim, đâm vào da thịt Huy khiến Huy rờn rợn một cảm giác khó chịu. Lần thứ nhất, lần thứ hai, lần thứ ba, Huy còn nâng nhẹ má cậu bé, đặt đầu cậu về chỗ cũ. Nhưng lần thứ tư thì Huy cáu tiết vì đúng lúc trên màn ảnh chiếu tới đoạn hai tên cướp trở tài rút súng nhanh cơ hồ chớp lóe để hạ nhau. Huy thúc khuỷu tay vô cạnh sườn cậu bé, làm cậu giật mình thức dậy, chiếc cặp da trong lòng cậu nhân thể cũng rơi luôn. Cậu bé cúi xuống nhặt cặp rồi quay sang phía Huy lắp bắp câu xin lỗi.

- Huy bỗng hối hận. Anh chưa biết phải đối xử với cậu bé ra sao thì đã thấy cậu bé đứng lên sang ghế khác. Trước khi bỏ đi, cậu bé thận trọng nâng ghế rất khẽ để khỏi bật tiếng động lớn. Cử chỉ và hành động ấy làm Huy bối rối thêm. May mắn rạp chiếu bóng lúc đó vắng vẻ, những hàng ghế trên càng vắng vẻ hơn, để chừng chỉ có Huy và cậu bé. Suy nghĩ giây lát, Huy gọi cậu bé:

- Này em...

Cậu bé sợ sệt:

- Anh hỏi gì ạ?

- Sao em không ngồi yên đây?

- Em ngồi đây được rồi.

Huy xấu hổ. Anh mon men đến ngồi cạnh cậu bé.

- Anh xin lỗi em nhé!

- Xin lỗi gì cơ ạ?

- Lúc nãy anh vô tình...

- Thưa anh chả sao ạ!

Huy im lặng. Anh cố tìm cách gợi chuyện cậu bé. Song bây giờ cậu bé ngồi yên, mắt theo dõi những cảnh phi ngựa, bắn súng ầm ĩ trong rừng núi miền cực tây Mỹ quốc. Huy nhìn kỹ cậu bé. Trong bóng tối mờ mờ, có lúc loé sáng vì cảnh bình minh ở cuốn phim, nên Huy có thể nhận ra khuôn mặt đáng yêu của cậu bé. Một cậu bé học trò trạc mười bốn tuổi. Thế mà lúc nãy Huy tưởng là đứa bé đánh giầy, đưa trẻ phát giấy quảng cáo vô học nào. Huy đập khê lên vai cậu bé, ngẫm ý ăn năn. Cậu bé thản nhiên như không thềm biết đến. Huy bỗng bối rối trước một sự kiện tầm thường. Anh cố làm quen:

- Sau lúc nãy em ngủ mê thế?

Giọng nói của Huy dịu dàng và thành thật khiến cậu bé bớt khinh khỉnh. Cậu mỉm cười:

- Tại lúc nãy không hay.

- Em nói dối.

Cậu bé ngạc nhiên:

- Sao anh biết em nói dối?

- Vì lúc nãy đầu súng tay đôi hồi hộp đến nín thở; đầm nhau kinh khủng; hấp dẫn, sôi nổi bằng mấy lúc này, mà

em bảo không hay.

Cậu bé gật đầu tỏ vẻ phục Huy:

- Phim này hay anh nhỉ?

- Ừ, Burt Lancaster đóng cao bồi thì chê thế nào được.

- Cũng có phim chê được chứ!

- Thí dụ...

- Như "L'homme du Kentucky, La vallée de ta vengeance", chẳng hạn.

Huy thấy cậu bé có cái gì hợp với mình. Anh biểu lộ ngay cảm tình của anh bằng câu khen ngợi:

- Em "vua" xi nê rồi đó. Nhưng anh đoán đúng chứ?

- Đúng gì ạ?

- Đúng em nói dối anh.

- Tội ngủ mê phải không ạ?

- Ừ, sao lúc này em ngủ mê thế?

- Tại em xem một xuất rồi.

- Hèn nào. Xem nhiều quá, mất hay đấy.

- Em xem giết thì giờ mà.

- Thế không đến trường à?

Cậu bé lúng túng chưa hiểu phải trả lời thế nào thì Huy đã hỏi tiếp:

- Chắc có giờ trống hả?

- Vâng.

- Em học trường nào?

- Thừa anh, trường Cao Bá Quát.

- Trường tư à?

- Vâng.

- Năm nay em học lớp mấy?

- Lớp Đệ Lục ạ!

- Em học từ mấy giờ?

- 2 giờ 30.

- Mấy giờ tan?

- 6 giờ 30.

Lúc anh vào đây 4 giờ 30, bây giờ dễ đến 5 giờ rồi.

Huy móc túi ra cái đồng hồ đã mất giây đeo. Anh đặt vào lòng bàn tay trái, úp cả đôi bàn tay lại rồi ngắm.

- 5 giờ rồi em ạ!

- Nhanh quá nhỉ.

- Thì giờ vẫn đi nhanh, nhất là ngồi rạp máy lạnh mùa hè, xem phim cao bồi thì nó càng đi nhanh nữa. Em muộn rồi, thôi trót một lần chả sao.

Cậu bé nín thinh. Huy thấy mơ hồ một hình ảnh xa xưa. Đôi mắt anh chớp mau, cảm động. Huy thừa biết cậu bé này trốn học. Thường ngày Huy vẫn gặp một số các cậu cấp cặp rong lượn phố phường tán chuyện nhảm nhí chê bai giáo sư... Hết chuyện riếu cợt giáo sư, mấy cậu bàn sang chuyện nữ sinh. Em này giống Brigitte Bardot, em kia đánh đá cá cày...

Mấy cậu thỉnh thoảng lại chầy học phí một tháng, lấy tiền vào các “xì nách ba” ngồi ngâm nga ly bia, phì phèo dấm ba điếu thuốc lá, bắt chước mấy ông văn sĩ có trong các tạp chí đượm màu hiện thực, siêu thực, vân vân... Mở miệng là “*buồn nôn, phi lý*”. Và tai hại hơn cả, mấy cậu cứ tưởng mình là “*thế hệ mới mới*” tuy chưa hề làm gì đến mệt mỏi, trừ việc trốn học, đi chơi. Mấy cậu lớn quyến rũ mấy cậu bé. Thoạt đầu, còn chui vào các rạp chiếu bóng thường trực, coi phim chán, ngủ chán, đúng tới giờ tan học thì về. Sau rồi dốt giai đoạn để tập uống bia, hút thuốc lá đen và

nguyên rửa cuộc đời... phi lý!

Huy ái ngại nhìn cậu bé ngồi cạnh mình. Huy thấy, ít ra, anh cũng có trách nhiệm khi mục kích một người tự tử, nếu anh không đủ can đảm nếu anh không biết bơi, hay nếu anh kêu cứu. Cậu bé vẫn nín thinh. Huy liếc nhìn cậu, bất chợt gặp tia mắt của cậu liếc nhìn anh. Tự nhiên, Huy ngượng ngập. Rồi Huy chỉ sợ cậu bé bỏ ra về. Huy vội mỉm cười ngằm ý thương cảm và sẵn sàng tha thứ tội trốn học của cậu bé, mặc dù giữa anh và cậu bé không có chút liên hệ gì. Cậu bé đưa tay chống lên cằm, suy nghĩ, Huy gọi nhỏ:

- Này em...

- Anh hỏi gì ạ?

- Mình nói chuyện được không em?

- Anh không xem phim à?

- Anh xem lúc nào chẳng được.

- Nhưng nói chuyện gì? Em dốt lắm, chưa biết nói chuyện.

- Chuyện gì thì chuyện. Bắt đầu chúng mình nói chuyện xi nê nhé!

Cậu bé hết ngần ngại. Cậu xích gần Huy hơn. Cử chỉ ấy chứng tỏ cậu bé bằng lòng. Huy xoa đầu cậu bé. Anh thân mật nói:

- Em có biết anh hơn em bao nhiêu tuổi không?

- Không.

- Ít nhất là mười bốn tuổi.

- Thế anh hai mươi bảy à?

- Đúng.

- Anh già nhỉ?

- Già, nghĩ gì cũng đúng, có sai cũng sai tí ti thôi, Em đồng ý chứ?

- Vâng. Nhưng mình bắt đầu chuyện xi nê cơ mà, anh?
- Ừ nhỉ. Em có thấy tên cao bồi vừa quẹt diêm vào thân cây đốt thuốc lá không?

- Có.

- Đạo diễn Mỹ nhiều khi cũng ngu, em nhỉ?

Cậu bé há hốc mồm kinh ngạc:

- Anh bảo sao?

- Đạo diễn phim này ngu lắm.

- Ngu thế nào?

- Này nhé, phim giới thiệu rằng khung cảnh xảy ra vào thời Mỹ mới lập quốc, nghĩa là vào khoảng 1787 gì đó. Bây giờ làm gì đã có diêm quẹt vào đầu cũng cháy tối tân như bây giờ. Thế mà ông đạo diễn phim này cho tên cao bồi quẹt diêm vào thân cây thì đích thị là ông ta ngu, còn gì nữa.

Cậu bé gật gù cái đầu, thích thú. Biết rằng đã dùng tài vật chinh phục nỗi cậu bé ngây thơ rồi, Huy nói lảng nhãng sang các chuyện khác. Chuyện nào cũng khiến cậu bé để tâm theo rồi. Sau cùng Huy đổi giọng. Cái giọng vui vẻ, linh hoạt khi nãy biến thành buồn buồn:

- Em này...

- Anh hỏi gì ạ?

- Anh muốn kể cho em nghe một câu chuyện.

- Chuyện gì, hử anh?

- Chuyện không hay bằng các chuyện anh vừa nói đâu, nhưng anh tin chắc có ích cho em ghê lắm.

- Chuyện khoa học hử?

- Không phải.

- Chuyện văn chương?

- Không phải.
- Thế chuyện gì?
- Em bằng lòng nghe anh kể hết, dù chuyện có lẻ nhạ, cũng hứa, thì anh mới kể.
- Em hứa.
- Vậy anh kể cho em nghe chuyện một người...

oOo

Gia đình nó sống không dư dả gì. Cha nó làm nghề lang thuốc ở một tỉnh lỵ nhỏ. Mẹ nó bán thuốc cao đơn hoàn tán do cha nó bào chế, lưu động khắp các phiên chợ gần thì xã. Ngày nó mở mắt chào đời, cha mẹ nó mừng lắm, nhất là cha nó. Bao nhiêu hy vọng dồn hết vào nó, đến nỗi vô tình nó hưởng lẫn sang gần hết sự nâng niu chiều chuộng của các em nó.

Năm nó bảy tuổi, cha mẹ nó gửi nó vào trường Bà Sơ, viện lẽ rằng các Bà Sơ thương trẻ con, không hay đánh đòn, lại dạy dỗ cẩn thận. Cha nó thường ngắm nghía nó bằng con mắt nhà tướng số, rồi bảo mẹ nó:

- Đấy bà trông, tướng thằng này về sau thế nào cũng làm nên sự nghiệp.

Những lần cha nó nói thế, mẹ nó chỉ mỉm cười, nụ cười chứa chan niềm hân hoan. Và chẳng nề đâu tắt mặt tối, chẳng nề mưa nắng dãi dầu, mẹ nó lặn lội tháng ngày nuôi anh em nó. Còn nhỏ, nó chưa ảnh hưởng gì tai hại, hoặc cái gì kém dở, nên nó học hành chăm chỉ, tấn tới. Cha mẹ nó càng mừng. Tới năm nó đậu bằng “*sơ học bổ túc*” thì niềm kiêu hãnh về nó không còn giới hạn trong phạm vi gia đình nữa, cha mẹ nó khoe khoang nó với bất cứ ai.

Lên lớp trên, nó học tiếng Anh tiếng Pháp lầu lầu, khiến

cha nó chả biết mô tê chi cũng thích thú. Khi nó đủ trí khôn để nghe truyện thì cha nó hay phàn nàn về nghề nghiệp của mình.

- Con xem, thiên hạ có trọng gì cha đâu. Họ gọi cha là lang băm. Thời đại này mới mẻ quá, thành thử, dao cầu thuyền tán của cha bị khinh rẻ.

Cha nó nói liên miên, trút hết mọi xấu xa vào nghề lang thuốc băm. Câu chuyện bao giờ cũng kết thúc bằng lời nói đầy khuyến khích, đầy tin tưởng:

- Con cố gắng học thành tài.

Nó cố gắng thật. Một lần nó xếp thứ nhất cuối niên học, cha nó đã biểu lộ niềm vui sướng trong một bữa cơm thịnh soạn mà cha nó mời đông đủ bạn bè tới ăn, chẳng ngại tốn kém. Sự tin tưởng mãnh liệt quá, đôi lúc, làm cha nó mơ mộng xa xôi. Cha nó bắt nó nằm bên cạnh, rồi vẽ ra hạnh phúc:

- Phòng thăm bệnh vẫn để tên cha nhưng tên bác sĩ điều khiển là tên con. Cha sẽ thuê người viết chữ đỏ. Tên con rực rỡ dưới ánh nắng. Cả tỉnh sẽ phục con. Phải là bác sỹ con mới rửa nhục cho cha được.

Thoạt đầu, nó cảm động muốn khóc. Dần dần nghe cha nói mãi, nó chán. Lớn thêm lên một tuổi nó thay đổi tính tình. Trước nó ngoan ngoãn vâng lời thì giờ nó cãi lại, bất kể cha nó hay mẹ nó. Mẹ nó chỉ biết khóc, rồi cuối cùng tự an ủi:

- Tại nó lớn lên, đâm bản tính. Ai mới lớn mà chả thay đổi, rồi đâu lại vào đó cả mà.

Cha nó thì cho rằng bởi nó chăm học quá, lúc nào cũng để tâm tới sách vở nên thần kinh bị căng thẳng. Lập tức, cha nó kê đơn bắt em nó sang hiệu thuốc bắc cân liên tiếp

nửa tháng thuốc bổ về sắc cho nó uống. Nó uống thuốc bổ nên học chăm hơn. Đêm nó học mãi đến một giờ khuya mới ngủ. Mẹ nó thường tò mò ngó trộm qua khe sách vở thì thấy con mình ngồi bó gối chăm chú xem từng quyển sách dày cộm. Thế là bà mẹ được dịp khoe:

- Nó giở hết trang này sang trang nọ, nhanh nhanh là. Con tôi chăm học, không ai bằng!

Cha nó phụ họa:

- Học thế thì đồ cả một lúc bác sỹ lẫn dượng sỹ.

Nhưng cha mẹ nó có biết đâu những quyển sách dày cộm nó thức khuya để đọc chỉ là những quyển tiểu thuyết tình ái nhảm nhí, chỉ là những quyển trinh thám phiêu lưu, chỉ là những quyển truyện kiếm hiệp tàu thuê ở hiệu sách. Nó bị ảnh hưởng tiểu thuyết sớm quá nên coi cuộc đời như mây trôi gió thổi, như chiêm bao. Nó chán học từ đấy... Và từ đấy, tâm hồn nó sa sút.

Đến năm nó học lớp đệ ngũ thì hy vọng của cha mẹ nó tiêu tan. Khốn nỗi, cha mẹ nó chưa biết và cũng chẳng hao giờ biết được, chỉ vì cha mẹ nó ngu dốt không hiểu nó học ra sao mà kiểm soát rồi cứ tưởng nó vẫn chăm ngoan. Nên cả khi cha nó ốm hoặc trong cơn mê sảng của mẹ nó, luôn luôn cha hoặc mẹ nó nhắc nhở hai tiếng thiêng liêng:

- Bác sỹ.

Niên học đệ ngũ, nó chơi với mấy đứa hạn "bán trời không văn tự". Bọn chúng nó chảnh mắng học hành, trêu thầy, chọc hạn và ìm tiền học phí để chèn chén cho thỏa thích. Chúng nó còn đồ đến độ dám dọa thư ký nếu thư ký tố cáo chúng với cha mẹ chúng. Trong khi cha nó khom lưng đập bánh xe thuyền tán, trong khi mẹ nó góp nhặt từ

đồng bạc thuốc cam, trong khi bạn học làm việc cần mẫn thì nó theo lũ bạn mất dạy ra sông bơi lội, hay ra đồng bắn chim, hay tinh ma hơn nữa, đến các đền chùa ăn cắp oản chuối của thánh. Cứ thế tiếp tục cả năm đệ ngũ, nó chẳng thu thập được chút kiến thức nào.

Lên năm đệ tứ, các môn học khó, lại liên lạc nhiều với các phần học ở đệ ngũ nên nó mơ hồ, khi hiểu khi không. Nó đâm chán, cố gắng cũng uổng công. Kết quả là cha nó buồn phát ốm, mẹ nó nguyên rửa thần thánh. Nhưng sau đó, sợ nó thất vọng, cha mẹ nó an ủi nó:

- Chẳng đỗ khoa này thì đỗ khoa sau. “Học tài thi phận” mà con ạ!

Nó chỉ mỉm cười. Khoa sau nó trượt luôn. Và lấy có thi trượt, nó bỏ nhà đi biệt, thầy kệ cha mẹ nó tủi nhục lo âu, thầy kệ đàn em nó ngơ ngác. Dĩ nhiên, hết cuộc đời cha nó, mộng nó trở thành bác sỹ không khi nào thành. Cha nó đành sống hèn trong kiếp lang băm. Rồi về sau ra sao, nó cũng chẳng biết.

Nó lang thang vào tận miền Nam. Con đường luôn luôn đẹp ở đoạn khởi đầu. Đi mãi, mỗi gỏi chồn chân. Nó đâm ra nhớ nhà, nhưng núi sông cách trở, không về được nữa. Nó hối hận, nó thương cha mẹ nó. Vô ích. Cuộc sống tự lập không cho nó nhiều thì giờ để thương tiếc.

Bạn bè khuyên nó xin vào công sở làm việc. Nó làm đơn kể hàng trăm cái. Tới sở nào, người ta cũng chỉ hỏi nó có bằng gì không. Nó thất vọng trăm lần. Bây giờ nó mới hối hận học hành bê bối. Vô giáo dục thì chỉ làm đầy tớ suốt đời. Đói rách thúc bách nó làm nhiều nghề. Theo dân “giang hồ mãi võ” đi bán thuốc khắp nơi. Dạy học tư gia.

Làm nghề đi lấy quảng cáo. Bán báo. Giữ xe đạp thuê. Làm nghề nào nó cũng chỉ gặp những bất công cay đắng.

Hiện nó đang đùa với số mệnh. Ban ngày nó hay đi lang thang ngoài phố, có khi dừng trước cửa rạp xi nê, có khi ngồi trong công viên, mà tinh mắt, em nhận thấy nó ngay.

oOo

Câu bé nín vai Huy hỏi:

- Thật hờ, anh?

- Ừ.

- Làm sao mà nhận được?

- Khó gì, cứ nhìn anh chàng vào trạc hai bảy, hai tám, trở lại mà la cà ngoài phố vào giờ mọi người đi làm, là đúng nó.

- Hắn có đáng ghét không hờ anh?

- Đáng thương.

- Chắc anh quen hắn?

- Quen thân là khác.

- Anh tả hình dáng hắn cho em nghe đi, anh...

- Em muốn biết nó à?

- Vâng.

- Huy bị xúc động mạnh. Anh đưa tay đặt lên ngực rồi buồn rầu nói:

- Thằng bé con ông lang thuốc trốn học và khổ sở ấy đây em này. Nó là anh, thất nghiệp ngày

này sang ngày khác. Em hãy nhìn anh cho rõ. Mặt anh đáng tởm không em? Đáng lẽ, lúc này anh phải làm gì thì anh lại chui vào đây xem phim cao bồi năm đồng bạc để giết tuổi thanh niên. Em hãy cố gắng hiểu anh. Trời ơi!

Huy kêu hai tiếng “Trời ơi” hơi to. Nhưng đúng lúc đó trên màn ảnh hiện hình chữ “hết”. Nhạc đoạn cuối phim

dồn dập, thôi thúc. Tiếng ghế thi nhau kêu rào rạt. Huy ngồi im. Cậu bé cũng ngồi im. Đến khi, trong rạp lóe sáng, Huy mới dám liếc nhìn cậu bé đã đứng vùng dậy, ôm cặp len lỏi chạy vào đám đông đang chen chúc ra, ở những hàng ghế dưới.

Huy trông theo, mỉm cười. Rồi anh rút khăn lau nước mắt.
(1962)

Nắng chiều quê nội

Mùa thu rắc lấm tấm hoa vàng lên bề rau muống già lênh bênh bên bờ sông hẹp. Từng cơn gió heo may mang từ cánh đồng lúa sữa về bến đò hương thơm dịu dịu và lướt nhẹ trên mặt nước làm lạc hướng lũ gọng vó. Những cánh rau rút, sợ gió hôn, then thùng cúp cả lại. Giàn mướp trước cửa xơ xác mấy cái lá già, trơ trọi vài quả giống sạm nắng hè, đông đưa theo gió. Bây giờ, vắng bóng những con ong tẻ bạc, những con bướm lả lơi, những con cánh cam đóm đáng. Cảnh đều hiu đã xào xạc trong bụi tre sau nhà. Thỉnh thoảng, có đêm im vắng, tiếng súng từ mạn Nam-Định vọng sang, nghe rõ mồn một. Nỗi lo âu bắt đầu hiện lên khuôn mặt hiền lành của dân đồng nội tỉnh Thái-Bình.

Mẹ tôi tỏ vẻ sợ sệt. Mẹ chặt bóp từng đồng để ngộ nhớ tản cư. Giữa lúc đó, cô tôi từ làng bên mò sang báo tin cho mẹ tôi hay là ông nội tôi ốm nặng. Ông tôi muốn gặp mẹ con tôi trước khi vĩnh biệt cõi đời.

Hôm cô tôi bước chân vào quán hàng, anh em tôi đang nằm dài trên chõng tre, thương nhớ vu vơ. Chúng tôi hững hờ nhìn cô, chẳng khác gì nhìn khách lạ. Mẹ tôi bối rối giây lát rồi mẹ gượng cười đón đả chào cô. Mẹ tôi chỉ anh em tôi, nói với cô:

- Hai cháu đấy cô ạ! Cháu Hữu, à đáng lẽ tên cháu...

Mẹ tôi ngừng lại. Mẹ thấy hình phạt tinh thần tê tái lắm vì mẹ tôi đã trải qua tháng ngày sống nhờ túp lều sau vườn nhà ông ngoại. Cô tôi chùng hiểu thế. Cô cúi gầm mặt, vắn vê tà áo. Mẹ tôi, một phút lơ lửng vì mối sầu dĩ vãng, đã trở về ngay bản tính cố hữu của người đàn bà Việt Nam quê mùa, người mẹ suốt đời chịu đựng và sẵn sàng tha thứ. Mẹ tôi tiếp lời bỏ dở:

- Cháu Hữu, cháu Mai cô ạ! Hai con lạy cô đi.

Cô tôi xua tay dễ dãi:

- Các cháu còn lạ, chi ạ! Thôi đừng bắt tội chúng.

Tự nhiên tôi sững sờ. Em tôi run run làm tuột cuốn sách khỏi tay. Chúng tôi hỏi nhau bằng mắt, bằng sự im lặng, xem có phải người đàn bà đứng kia là em ruột của cha tôi, là em ruột chú Nghị? Cô tôi nhỏ bé xinh xắn. Cô chưa lấy chồng. Tôi thoáng cảm thấy cô có đôi nét giống em Mai. Nhưng nỗi buồn quê nội mơ hồ đột khởi, vẻ hiền dịu của cô tôi, khoảnh khắc, biến mất. Tôi không hiểu tại sao mẹ tôi niềm nở, thay vì mẹ tôi cúi mặt làm ngơ.

Cô tôi nhẹ nhàng đến gần anh em tôi. Cô nắm tay tôi khen ngoan ngoan, giống cha như đúc. Tôi gỡ vội tay ra khiến cô tôi ngỡ ngàng xấu hổ. Trong tâm tưởng, tôi vẫn thường mừng tượng những người bên nội, trừ chú Nghị, phải ác nghiệt, hung bạo. Những người ấy thu lượm sao nỗi cảm tình thừa thãi của anh em tôi. Cô tôi bẽn lẽn quay lại đưa gói cùi dừa và năm sáu tấm bánh đa nướng cho em Mai, âu yếm vuốt ve em. Điều đó chẳng làm em Mai cảm động. Em vùng vằng chạy về phía mẹ tôi, vất trả cô tôi quà bánh.

Anh em tôi đã trả thù giùm mẹ tôi. Lòng tôi hả hê khôn xiết. Tôi nghĩ mẹ tôi sung sướng, mẹ tôi sẽ khen ngợi chúng

tôi. Tôi đợi nụ cười triu mến, thiết tha của mẹ tôi. Nào ngờ, mẹ tôi tức giận nghiêm giọng mắng:

- Đồ hư thân mất nết, lạy cô đi.

Cô tôi lại xoa tay:

- Thôi chị ạ! Các cháu còn dại, vớ lại các cháu còn lạ.

Mẹ tôi lấy ngón tay dí vào trán tôi, đe dọa:

- Chốc nữa thì chúng mày biết tao. Đồ mất dạy.

Tôi sững sờ hơn. Từ xưa có bao giờ mẹ tôi mắng mỗ anh em tôi tàn tệ đến thế đâu. Lại gọi anh em tôi là “*chúng mày*” và xưng “*tao*.” Tôi len lén nhìn mẹ và thấy mắt mẹ tôi đỏ ngầu, đôi dòng lệ lăn tăn trên gò má, mà nhìn rõ, tôi mới hay má mẹ tôi đã có vết nhăn. Tôi biết mẹ tôi đau đớn khi bắt đũa con thân yêu xưng cháu với người cô xưa kia dọa dầy mẹ nó hồi nó còn nằm trong bụng mẹ, chịu đựng chung khối tủi nhục cùng mẹ nó. Cô tôi cũng khóc. Những giọt nước mắt của cô chưa rửa sạch ngay mọi ý nghĩ oán hờn của anh em tôi. Nên anh em tôi miễn cưỡng vâng lời mẹ, cúi đầu chấp tay chào cô tôi, chào người đàn bà mười mấy năm về trước đã hắt hủi, xua đuổi mẹ tôi như xua đuổi con chó dại.

Cô tôi xoa đầu anh em tôi. Xoa đầu em tôi còn được, chứ xoa đầu tôi thì tôi ức lắm. Tôi mười lăm tuổi rồi mà. Tôi ngấm nghĩa cô tôi, hai hàm răng nghiến mạnh muốn nát tan niềm uất ức. Mẹ tôi yếu đuối quá. Tâm hồn mẹ trĩu nặng tình cảm, dễ xúc động, giàu lòng vị tha. Tôi nhớ hồi cha tôi chết, họ hàng bên nội có ai thềm tìm đến quần giúp anh em tôi mảnh khăn tang đâu. Mẹ con tôi đói rách, khổ sở, có ai thềm ngó ngang săn sóc đâu. Trời ơi, vẫn chỉ một mình chú Nghị. Thế mà hôm nay, bỗng dưng, cô tôi cất

công sang mời mẹ tôi về chịu tang ông nội. Cha tôi đã bị từ bỏ rồi, anh em tôi còn nghĩa lý gì nữa. Đáng lẽ, mẹ tôi từ chối, mẹ tôi lại nhận lời. Cô tôi không dám hỏi chuyện anh em tôi, dặn dò mẹ tôi rồi xin phép về ngay. Mẹ tôi cố mời cô tôi bớt chút thì giờ dùng bữa cơm đạm bạc. Cô tôi từ chối, nài có bên nhà bạn rộn. Trước khi con đồ nhổ sào đưa cô qua sông Đồng-Đức, cô tôi còn nhẹ nhàng vẫy đôi tay thon nhỏ, nhảnh nhủ anh em tôi:

- Ông bà mong các cháu đấy, cả các cô các chú nữa, sang nhé Hữu, Mai nhé!

2

Tối hôm ấy, mẹ con tôi thức khuya sửa soạn mọi việc. Mẹ tôi đem mấy bộ quần áo mới nhất của anh em tôi, vuốt ve phẳng phiu rồi bắt anh em tôi mặc thử. May mắn cho tôi là bộ quần áo cắt năm ngoái mẹ tôi đã cẩn thận dặn bác phó may đo dài rộng để hông lớn. Bởi vậy tôi mặc vừa vặn. Còn em Mai, bác Kỳ quên cắt phòng xa, thành thử, cái áo mỡ gà co lại. Em tôi lớn mau như thổi, mặc vào như bó lấy thân hình. Cái quần nái thâm thì ngắn cũn cỡn. Đã thế, mấy con dán khố nạn lại cẩn thêm vài lỗ nhỏ. Mẹ tôi bảo chắt hề chi, đẹp chán. Em Mai buồn thiu, em biết mẹ nói dối. Tội nghiệp em tôi, thiệt thòi đủ thứ. Em phụng phịu hỏi mẹ:

- Mặc quần áo đẹp làm gì hở, mẹ?
- Về quê cha phải khăn áo chỉnh tề, ai cũng vậy.
- Nhưng quần áo của con chật thì sao?
- Chật đâu, hỏi anh con xem nào, vừa vặn ghê...

Bỗng nhiên, em tôi nói:

- Sao lúc trưa mẹ mắng anh em con là “*chúng mày*,” mẹ xưng “*tao*” hở, mẹ?

Mẹ tôi à à rồi quay mặt đi. lát sau, tôi thấy mẹ tôi đưa vạt áo lên thấm mắt. Tôi sợ em Mai khơi nỗi buồn khiến mẹ tôi đau khổ, nên nhanh miệng khen em:

- Áo của em vừa lắm, quần hơi ngắn một tí thôi. Ngắn đỡ mất công xắn, dài chỉ tổ vấp ngã chứ ăn thua gì.

Mẹ tôi nhân dịp đó nói thêm:

- Đấy, con xem, anh con nói có đúng không?

Em Mai cười toe toét:

- Thật hờ, mẹ?

- Ừ.

Mai nhảy vào lòng mẹ tôi, nũng nịu. Mẹ tôi ôm ấp em tôi, mắng yêu:

- Bố mày, khéo vùi vĩnh là...

Mai vờ mếu máo, lải nhải:

- Bắt đền mẹ đấy, gọi con là “mày” nữa.

Mẹ tôi cười dỗ dành em:

- Thôi đứng dậy rồi mẹ đền. Mẹ đền cái tát nhé!

- Ừ, ừ.

Em tôi ngoan ngoãn nghe lời mẹ. Và, trong khi mẹ tôi gấp quần áo của anh em tôi xong gối đầu giường thì tôi ngồi nghĩ đến chú Nghiêm. Tôi hằng ấp ủ ý định mai mốt học giỏi, tôi sẽ cho chú Nghiêm biết tay. Song tôi vẫn ngại mình còn bé, mai tôi về quê nội gặp chú. Tôi đã đọc mấy nhà văn tả quê nội. Sao mà tha thiết thơ mộng thế! Tôi sợ quê nội nhà tôi chẳng được như vậy, vì có túp lều bên khóm chuối tiêu, nơi ấy, mọi người đều rõ, một đêm vắng vẻ, tôi cất tiếng khóc chào đời.

Không, tôi không oán hận cái hình ảnh ấy. Chú Nghị an ủi tôi rằng: “*Cháu sẽ nên người nhờ khóm chuối tiêu quê*

nội...” Nên cái hình ảnh tôi oán hận nhất là chú Nghiêm. Chú là đàn ông mà tâm hồn hẹp hòi hơn cả đàn bà. Mẹ tôi kể chú Nghiêm đồ tú tài, lấy vợ thành thị. Chú Nghiêm làm việc ở Hà-Nội, thiên hạ gọi chú là ông Phán. Chú khinh người ra mặt nhưng sợ vợ đến nỗi phải giấu giếm tiền nong mua quà bánh gửi về quê biếu cha mẹ. Chú chưa có con trai. Vợ chú đồng bóng, lễ bái, đàn chay, tốn khối công của mà trời vẫn làm ngơ. Tôi đoán chừng thế ông tôi mới cần đến mẹ con tôi. Giá chú Nghiêm có con trai thì dễ gì ông tôi đoái thương tới đứa cháu đích tôn bị ruồng bỏ. Tôi thấy tủi thân quá. Tôi hỏi mẹ tôi:

- Chú Nghiêm ác lắm hở, mẹ?
- Chắc chú đối tính rồi. Có vợ con, phải khác chứ.
- Con sợ!
- Sợ gì?
- Sợ chú ấy hắt hủi mẹ con mình.

Mẹ tôi nín thinh. Tôi hỏi tiếp:

- Tại sao ông lại gọi sang?
- Ông ốm nặng mà.
- Trước kia ông không ốm nặng à?
- Không.
- Hay đừng sang mẹ ạ!

- Con sợ gì?

- Con sợ mình mồ côi cha, thiếu cha thì hay bị người bắt nạt.

Mẹ tôi nhìn tôi, thương hại. Rồi mẹ im lặng tưởng nhớ cha tôi. Tôi nghĩ thế. Giây lát, mẹ tôi nói nhỏ cơ hồ không muốn ai nghe thấy, ngoài mẹ con tôi, tuy ở bên đò vào những đêm trở gió lạnh, vắng tanh vắng ngắt. - Mẹ đợi dịp

này mười lăm năm rồi con ạ! Cha con hồi còn sống giận ông ghê lắm nhưng nhiều lúc cha con cũng mong được ông đoái thương. Mẹ chả muốn sang làm gì. Sang thì ăn vàng ăn bạc gì. Khốn nỗi, mẹ sợ nhờ Trời Phật không thương mẹ con mình mà bắt mẹ chết thì các con bơ vơ. Nên mẹ đưa các con về, dầu thế nào chẳng nữa thì *"giọt máu đào còn hơn ao nước lã."*

Mẹ ngừng lại, suy nghĩ một lát, rồi nói tiếp:

- Mẹ con ta cứ sang thăm ông bà. Hễ sao, mình lại về bên đồ bán hàng, mẹ con đùm bọc nhau, lo gì.

Em Mai tự nãy vẫn ngồi yên chăm chú nghe chuyện. Em khêu bắc đèn cho sáng thêm, đoạn em hỏi mẹ bằng giọng nói đầy lo lắng:

- Nhớ ông nội bắt anh em con rồi đuổi mẹ đi, thì sao?

Mẹ tôi đưa tay nín em Mai, vuốt tóc em, âu yếm:

- Thì con ở với ông bà.

Mai ngúng nguẩy:

- Ừ ừ, con thêm vào.

- Hồn con, ở với ông bà sung sướng hơn ở với mẹ.

- Nhưng con thích mẹ, con không thích sung sướng.

Mẹ tôi trêu em:

- Không thích, ông cũng bắt sang. Mẹ nghèo, hết gạo nuôi con rồi.

Em Mai tưởng thật, òa lên khóc. Mẹ tôi lại vỗ về em:

- Nín đi con ngoan của mẹ, mẹ nói đùa mà, ai dám bắt con của mẹ. Mất con thì mẹ chết.

Mẹ tôi lau mắt cho Mai. Em ghì chặt thân hình mẹ như sợ người ta cướp mất mẹ. Em thở thê:

- Mẹ đừng để ông bắt con nhé, mẹ nhé!

- Ừ, vậy đi ngủ đi.

- Vâng ạ ...

Mẹ tôi dặn tôi:

- Mai sang ông, nhớ chú Nghiêm mắng mỏ, con phải nín lặng nhá!

- Sao phải nín lặng hử, mẹ?

- Để chú nghĩ rằng con mồ côi không mất dạy.

Tôi chưa kịp trả lời. Mẹ tôi đứng dậy đi về phía bàn thờ cha tôi. Mẹ thắp hương, khấn vái thì thầm. Anh em tôi, phần cảm động, phần nhớ cha, ôm lấy nhau. Những con mắt non nớt rướm rướm lệ.

3

Con đường đất nhỏ nhô lên, thụt xuống, từng khúc ngắn như những bậc thang. Hai bên, cỏ dại mọc xanh um, hoa hèn đua nhau nở. Sương mùa thu vương mắc long lanh khiến hoa đã hèn càng hèn, cỏ đã dại lại càng dại chẳng khác chi mấy cô gái xấu son phấn tô điểm dung nhan. Mặt trời chắt đêm qua thức khuya, hôm nay dậy muộn. Gió thổi mát rượi mang theo hương lúa thơm ngon.

Em Mai chừng đã mỗi chân, bước đi uể oải. Một tay giữ chặt quai nón cho gió khỏi tung, một tay em xách đôi guốc. Anh em tôi nói chuyện huyền thuyên để quên đường dài. Thoạt đầu là truyện *Quốc-văn Giáo-khoa Thư*. Mai hỏi tôi:

- Anh có nhớ những bài trong sách *Quốc-văn* không?

- Nhớ như in.

- Anh nói khoác.

- Chả tin em đổ anh mà xem.

- Thật hử?

- Ừ.

- Em đọc một câu, anh phải trả lời ở quyển nào tên bài là gì nhé?

- Đọc đi.

Không cần ngẫm nghĩ, Mai đọc:

- *"Một đêm, nằm mãi không ngủ được, tôi lắng tai nghe."*

- Bài *Tiếng động ban đêm*, lớp dự bị, vẽ hình người đàn ông nằm ngủ, tay vắt ngang trán, chân phải gác lên gối chân trái.

- Đúng. *"Cơm nước xong xuôi, trời vừa tối..."*

- *"...Ngọn đèn treo ở giữa nhà."* Bài *Tối ở nhà*, lớp dự bị, vẽ hình...

- Thôi đừng nói hình nữa. *"Thằng Sửu thấy ở trên cành cây có một tổ chim chích chòe..."*

- Bài *Không nên phá tổ chim*, lớp sơ đẳng.

Mai lè lưỡi ngạc nhiên:

- Anh giỏi ghê.

- Bây giờ anh đổ em nhé?

- Vâng.

- Anh chắc em thua.

- Thì anh cứ đọc xem nào.

- *"Ba, ra ngoài sân cầm cái rổ vào đây cho tao. - Con sợ lắm. - Sợ cái gì? - Trờ tối lắm, con sợ ma!"*

Tôi đọc xong, nhìn em, mỉm cười. Em tôi có vẻ suy nghĩ. Rồi em tôi nói bừa:

- Bài *Phải bạo dạn*, lớp sơ đẳng.

- Sai.

- Thế lớp dự bị.

- Cũng sai. Em thua mà.

- Chắc anh lấy ở sách khác.

- Ừ.

- Thảo nào, chứ hai lớp sơ đẳng với lớp dự bị, em thuộc lòng.

- Anh biết thế nên anh đổ em bài trong quyển *Luân lý Giáo khoa Thư*.

Anh em tôi cười vang. Quãng đường ngắn dần lại. Mẹ tôi bảo, hết quãng đường này, qua nhịp cầu mong manh vắt vẻo ngang con ngòi là vào tới đất làng Trường-An. Tôi nóng lòng muốn biết quê hương, quên cả mọi mệt. tâm hồn tôi mỗi lúc một trải rộng. Mẹ tôi cũng thế. Tôi thấy nét mặt mẹ hớn hở vui tươi.

Rồi qua nhịp cầu tre, mẹ con tôi không ai bảo ai mà tìm đánh thành thịch, bước chân run rẩy. Mỗi cảm xúc dần lên cùng với nỗi lo âu hồi hộp. Em Mai đã xỏ guốc vào chân. Em ngây thơ hỏi vớ vẩn khiến tôi bớt sợ hãi.

- Anh ơi, ông nội mình có râu không nhỉ?

- Chắc có.

- Có, thì ông hiền.

- Sao em biết.

- Em thấy sách vẽ "*Ông tôi*" râu dài, tóc bạc, ông ngoại mình không có râu, lại đầu trọc, nên ông ác, anh ạ!

Câu nói ngộ nghĩnh ấy, lúc khác thì tôi đã ôm bụng cười. Nhưng, bây giờ, chân tôi đang in vết trên lối ngõ quê cha, tâm hồn tôi đang xao xuyến, tôi không thể cười được. Mẹ tôi bước nhanh, mẹ bỏ rơi anh em tôi một khúc đường. Rồi mẹ đợi chúng tôi tới. Mẹ tôi chỉ tay về phía túp lều trống không bên bờ ngòi, nói rằng đây là nơi cha mẹ tôi đã gặp nhau. Đi thêm vài chục thước nữa, thì rẽ sang tay phải. Mẹ tôi bảo: ông ngoại bắt mẹ đánh đập và gọt đầu bôi vôi ở

khúc rẽ này. Mẹ tôi nhắc từng mẩu dĩ vãng đau buồn. Từ căn nhà lụp sụp mà cha tôi gửi gắm mẹ tôi hồi mẹ tôi bụng mang dạ chửa đến cái ao tù mà mẹ tôi đã phải ngoi ngóp dưới nước vớt bèo, kiếm rong nuôi lợn suốt cả mùa đông lạnh lẽo. Mắt mẹ tôi chớp mau rướm rướm lệ.

Kỷ niệm xa xưa không còn mơ hồ nữa. Quê nhà tôi, ai biết đâu lại chở chất bao nhiêu tình thương yêu, bao nhiêu niềm mong nhớ, bao nhiêu nỗi u sầu. Tôi tưởng tượng mỗi khóm cây, mỗi lối mòn đều để dành cho anh em tôi những cảm tình thấm thiết. Và, hôm nay, tôi trở về thu lượm dần những mối tình thấm thiết rơi rụng sau mười lăm năm xa vắng. Anh em tôi rón rén nép sau mẹ, nghĩ ngợi mông lung. Mẹ tôi dặn dò:

- Nhớ lời mẹ dạy chưa, các con?
- Thừa mẹ nhớ rồi ạ!
- Sắp đến nhà ông, Hữu sửa lại quần áo đi.
- Vâng.

4

Bây giờ anh em tôi bớt lo sợ. Nhưng sự uất ức đang nhóm lửa. Chú Nghiêm nhìn tôi chăm chăm. Chú hất hàm hỏi tôi:

- Mà học lớp mấy?

Mẹ tôi đưa mắt nhìn tôi, ngầm ý khuyên nhủ “hãy lễ phép.” Tôi đưa mắt nhìn mẹ tôi, nhìn em tôi, nhìn tất cả đám người họ nội đang vây lấy mẹ con tôi như thử thách, như bắt nạt. Nước mắt tôi muốn tuôn ra. Tôi chợt nhớ lời chú Nghị khuyên tôi phải luôn luôn can đảm, nên tôi dần lòng, nghiêng răng chịu nhục. Thím Nghiêm hẳn học nói:

- Nó câm à?

Cô tôi (ba bốn cô song tôi chỉ biết mặt cô sang nhà tôi

hôm trước) đỡ lời:

- Cháu nó nhất.

Cô tới gần tôi vỗ về:

- Cháu trả lời chú đi, cháu học lớp mấy?

Tôi ức quá, nói với cô tôi:

- Cháu không nhất. Mẹ cháu nghèo, cháu không đi học, nhưng mẹ cháu không gọi cháu là mày. Ai gọi cháu là mày, cháu không trả lời.

Chú Nghiêm ghét tôi, chẳng thèm hỏi nữa. Còn thím Nghiêm bĩu môi, mĩa mai:

- Mẹ con mày tưởng giỏi lắm đấy.

Tôi cãi lại:

- Cháu không giỏi nhưng cháu không mất dạy. Cháu mất dạy đã có mẹ cháu, cháu không thèm nhờ ai.

Mẹ tôi chắc giận tôi. Mẹ ngồi im lặng. Bà tôi kéo mẹ tôi xuống bếp nói chuyện gì không biết mà bà tôi và mẹ tôi khóc nức nở. Các cô tôi sẵn đón em Mai. Cô nào cũng nhận em tôi giống mình. Tôi bỏ rơi hiện tại để thăm quá khứ, bỗng tôi nghi ngờ tất cả. Giả dối hết. Mẹ con tôi chưa được thăm ông tôi. Điều đó tôi nghĩ chả cần vì, sự thực, cho tới lúc này, tôi đã thương ai ở bên nội đâu, trừ chú Nghị.

Tôi lén ra vườn sau nhưng không thấy túp lều mà chỉ thấy dăm bảy khóm chuối tiêu, trái đang chờ chín. Một nỗi buồn thoáng lợt trong tâm tưởng tôi. Tôi trở vào đúng lúc các cô tôi tìm tôi bảo là ông tôi vừa tỉnh giấc.

Các cô đưa tôi lên nhà trên. Ở đây đã tụ họp nhiều người. Mẹ tôi ngồi bên bà tôi. Em Mai chạy sang phía tôi. Bao nhiêu con mắt cùng đổ dồn vào một ông già đang thiêm thiếp ngủ trên giường nệm trải vải trắng toát. Ông

tôi đấy. Qua bức màn lan tiêu, anh em tôi thấy ông tôi tóc bạc râu dài. Em Mai nắm tay tôi đưa mắt hỏi han. Tôi cúi thấp xuống. Em ghé miệng gần tai tôi thì thầm:

- Ông có râu dài.

Tôi nhăn mặt, nắm tay em, ra hiệu im mồm. Nhưng em tưởng tôi ăn ý nên kiễng chân lên nói tiếp:

- Tóc ông bạc, anh ạ!

Ngay lúc đó, ông tôi cự mình và đôi mắt chơm chớp rồi mở to dần dần. Bà tôi đi lại chỗ ông nằm, chỉ tay về phía anh em tôi. Bà nói thông thả từng tiếng một:

- Hai cháu ông kia kìa...

Anh em tôi đứng ngây. Tôi nhớ rằng tôi có ông bà, song dường như hai tiếng thiêng liêng ấy đã bỏ anh em tôi chuối thời gian xa xôi quá nên giờ đây tôi chưa cảm thấy gì. Ông tôi khó nhọc nghiêng mình, nhìn anh em tôi. Ông tôi vừa thở vừa nói đứt khúc, mỗi một:

- Mẹ... chúng... nó... đâu...

Mẹ tôi không dám đứng dậy, mẹ lết người tới. Ông tôi đặt tay lên đầu mẹ tôi, ông nói:

- Con... đâu... tôi...

Mẹ tôi chỉ kịp nghe tới đấy đã vội òa khóc. Mười mấy năm rồi, mẹ tôi chờ đợi ngày hôm nay, ngày đưa con gái bỏ nhà theo giai được công nhận làm dâu họ Nguyễn.

Ông tôi bắt vén màn lên. Bà tôi đỡ mẹ tôi lui xa. Mẹ tôi khóc sụt sùi. Ông tôi nhìn anh em tôi bằng đôi mắt yếu đuối. Ông nâng cánh tay gầy đét, khắng khiu một cách khó nhọc vẫy vẫy anh em tôi. Cô tôi giục tôi tới ông. Anh em tôi cứ đứng nhìn ông mãi, đến khi thấy hai dòng lệ ngắn ứa ra từ đôi mắt già nua của ông tôi thì tim tôi tự nhiên đập

mạnh. Chỉ hai dòng lệ ngắn ấy cũng đủ rửa sạch mọi ý nghĩ hờn oán của anh em tôi suốt thời thơ ấu tối tăm dài đằng đẳng. Ông tôi bị bệnh xuyên, ông muốn nói rất nhiều, rất nhiều với anh em tôi, nhưng đờm còn vương ở cổ họng. Bộ mặt ông tôi lúc này thiếu não uất nghẹn. Cái thứ uất nghẹn của một người thèm nói mà không nói nên lời. Ông tôi cơ hồ cố thu góp hơi thở thành tiếng, gọi anh em tôi:

- Cháu... cháu... đích tôn... của... ông...

Tiếng ông tôi thoang thoảng như một cung đàn gần đứt. Anh em tôi lắng nghe. Và nghe xong không đứa nào bảo đứa nào, nước mắt trào dâng, chạy xô lại ôm lấy ông tôi, nức nở. Tự nhiên, con đờm xuôi xuống, ông tôi khỏe mạnh lạ thường. Ông tôi vuốt ve anh em tôi. Ông tôi nhắc lại câu ban nãy:

- Cháu đích tôn của ông.

Tôi xoa ngực ông tôi, nói trong cơn thổn thức:

- Ông ơi...

Ông tôi khe khẽ gọi:

- Cháu ơi!

- Dạ.

Giọng ông tôi trở nên nghẹn ngào, trầm ẩn. Ông nắm chặt tay tôi:

- Cháu khổ sở nhiều, hả?

- ...

- Chẳng đứa nào ngó ngang hai cháu của ông, hả?

- ...

- Không ai đền bù cho các cháu được đâu.

Nước mắt anh em tôi rơi rưng trên mình ông tôi thấm qua hai lần áo dày, ướt ướt làn da nhăn nheo. Tôi nói:

- Ông đền bù chúng cháu rồi.

Em Mai vượt râu ông, thủ thủ:

- Ông khỏe ông kể chuyện cổ tích cho anh em cháu nghe, ông nhé?

Ông tôi nhếch miệng cười. Ông gọi chú Nghiêm dặn dò, rồi đuổi mọi người ra, trừ anh em tôi. Chúng tôi trèo lên giường, mỗi đứa nằm một bên ông, cố thu về hơi ấm mát mát từ lâu. Ông tôi ôm ấp anh em tôi. Chúng tôi nằm im, mặc cho tình thương len lõi mạch máu, vào thớ thịt. Hơn nửa tiếng sau, tôi không nghe thấy hơi thở của ông tôi nữa. Chẳng biết khi con đờm vít kín cổ họng, ông tôi có đau đớn không. Chắc ông tôi chết trong nỗi niềm sung sướng. Tôi mới tin rằng ông tôi đã đền bù cho anh em tôi nụ cười cuối cùng trước khi sang bên kia thế giới.

5

Buổi chiều ở quê nội nhà tôi lung linh màu sắc. Anh em tôi tha thẩn ngoài ngõ nhìn nắng vàng rót rơi trên nội cỏ ngàn cây. Nắng chiều mong manh thật. Bừng sáng rực rỡ rồi tắt đi vội vàng. Mẹ tôi thường hay nói:

- Nắng cứ sắp tắt thì lóe lên đẹp đẹp là...

Hôm nay trông rõ nắng sắp tắt, tôi chợt hiểu tại sao mẹ tôi mong đợi ngày về quê nội. Lòng tôi xốn xang, tôi cất tiếng hát đuổi theo bóng nắng đang lướt nhẹ bên bờ giậu: *"Quê nhà tôi chiều khi nắng êm đềm chạy dài trên khóm cây, đàn chim ríu rít ca..."* Em tôi hòa điệu: *"Bao người ra ngồi hay đứng bên thềm, chuyện trò vui với nhau, đời sống thần tiên..."*

Bài hát này tôi học năm tôi bảy tuổi. Bây giờ hát lên, tôi mới thấy thấm thía.

(1962)

Quà Giáng Sinh

Ngày 25 tháng 12 là ngày lễ lớn. Đó là ngày lễ Giáng Sinh. Buổi tối hôm đó, trẻ con Pháp để giày ở trước lò sưởi nhưng trẻ con Anh thì lại treo bí tất dài ở chân giường. Ban đêm Xén-tơ Cờ-lo chui ống khói xuống đem quà cho chúng nó. Đứa con trai nào ngoan, Xén-tơ Cờ-lo tặng cho cái xe đạp, cái mô tô hay cái tàu bay. Giày và bí tất của tụi nó đầy nhóc quà đồ chơi...

Chương Còm ngưng kể. Nó gạt gù cái đầu phát biểu một cảm tưởng .

- Khoái thật, làm con trai khoái thật!

Con Hương ngưng ngác, hỏi anh:

- Khoái cái gì?

Chương Còm mỉm cười hóm hỉnh:

- Con trai mới được Xén-tơ Cờ-lo yêu, còn con gái “hốc xìt”.

Chương Còm thích trêu em. Sáng nay giáo sư Anh văn của nó vừa dạy nó bài số hai mươi một trong cuốn “L’anglais vivant” lớp đệ thất. Nó liền đem tài sinh ngữ ra “trộ” em nó và cố tình bỏ quên đoạn Xén-tơ Cờ-lo tặng búp bê, bộ đồ trà cho đứa con gái nào ngoan. Con Hương rất ghét những người ghét con gái. Nó tròn xoe con mắt, hặc anh:

- Xén-tơ Cờ-lo là cái “thớ” gì mà dám chê con gái?

Biết em gái mình sắp sửa cẩu, Chương Còm nhắm nhẩn

trả lời:

- Chả là cái “thớ” gì cả.

Hương mỉa mai:

- Chui ống khói thì chỉ là con chuột. Chắc con chuột
tiếng anh là Xén-tơ Cờ-lo hở, anh?

Chương Còm giả vờ giật mình:

- Chết rồi nhé!

- Chết gì?

- Em nói nhảm.

- Đâu nào?

- Em vừa nói xong, phải tội chết. Xuống âm phủ là cái chắc.

Con Hương hơi chột dạ. Chương Còm dọa thêm:

- Em dám bảo Xén-tơ Cờ-lo là con chuột.

- Thế Xén-tơ Cờ-lo là gì?

- Hề hề, Xén-tơ Cờ-lo là ông già Nô en!

Hương xịu mặt:

- Sao anh không bảo em ngay, anh ác lắm.

Chương Còm an ủi em:

- Đừng lo em.

Rồi nó trở tài lấu cá:

- Để anh dịch câu này nhé! “*Dzit i dờ Dzách. Dzách i dờ
ơ boi. Ơ boi i dờ ơ póc sơn. Dzit i dờ Dzên. Dzên i dờ ơ gơn.
Ơ gơn i dờ nốt ơ, đoóc.*” Nghĩa là ông già Nô en không giận
đứa nào cả. Con gái chứ không phải con chó nên ông già Nô
en cũng yêu nó như con trai. Nếu nó ngoan, ông sẽ tặng nó
những búp bê thật bự...

Con Hương tươi tỉnh:

- Ông già Nô en tốt ngang ông nội mình anh nhĩ.

- Ừ.

- Anh em mình bắt chước tụi trẻ con Pháp đi anh.
- Nhà mình đâu có lò sưởi?
- Thì mình để giày ở chân giường. Hương bỗng kêu “ơ” khiến anh nó ngạc nhiên:
- Ở cái gì?
- Ở mình có đi dạo khỉ mốc đâu mà hồng ông già Nô en cho quà.

Chương Còm giải nghĩa:

- Ông già Nô en của chung trẻ con chứ của riêng đứa nào mà sợ. Em thử bắt chước tụi nhãi Pháp xem sao.
- Nhà mình cũng không có ống khói?
- Thì ông ấy chui bằng ống máng.
- Anh có để giày không?
- Không.
- Tại sao thế?
- Vì anh hư, chắc chắn ông già râu bạc sẽ tặng anh cái roi mây.

Hai anh em thằng Chương Còm cười rúc rích. Con Hương tin chuyện anh nó. Cả buổi chiều nay, nó chỉ nghĩ tới ông già Nô en. Chuông nhà thờ inh ỏi khua trong máy thu thanh càng làm cho Hương mơ mộng những tặng phẩm của thánh thần.

ĐÚNG NỬA ĐÊM 24 THÁNG 12, ÔNG GIÀ Nô en đáp con tàu vũ trụ xuống phi trường Tân Sơn Nhất, ông kêu một chiếc tắc xi và bảo chạy tới số nhà 215D/17 đại lộ Chi Lăng Phú Nhuận. Người tài xế bắt chẹt ông, đòi tăng giá lên một trăm phần trăm. Đòi co một lát, thành thử, chậm mất năm phút. Cái tên tài xế ác ôn dở chừng không chịu rẽ vô ngõ D, bắt tội ông già lợi bộ một quãng.

Đến nhà Hương, ông già Nô en mở sổ tay xem lại một lần cho chắc ăn rồi phi thân lên mái nhà. Đáng lẽ, ông già vào nhà bằng lối nào cũng được. Nhưng theo truyền thống bắt diệt của Nô en ông bắt buộc phải chui xuống ống khói. Lần đầu tiên, từ khi loài người phụng thờ Chúa, ông già Nô en mới đặt chân lên giải đất còm cõi đầy đau khổ và uất hận này. Vì chui ống máng nên ông hơi lúng túng. Cuối cùng, ông cũng tìm thấy giường ngủ của con Hương.

Lúc ấy con bé đang thiêm thiếp ngủ. Ông già Nô en bật ngọn điện. Căn phòng sáng trưng. Hai đứa bé không hay gì cả. Ông già bắt gập đôi giày ủng ở đầu giường Chương Còm. Ông mỉm nụ cười đại lượng. Vốn biết xem tướng, ông đoán thằng nhãi này mai sau sẽ nổi tiếng về nghề chọc cười nhân loại. Con Hương ghét kiểu nghịch của anh nó. Nó treo lủng lẳng cái giỏ mây trên cột bàn.

Ông già Nô en tự nhiên xúc động một cách lạ lùng. Ông hồi hận ngót hai ngàn năm nay ông chỉ ban nguồn vui cho trẻ con châu Âu, châu Mỹ. Khoảnh khắc suy nghĩ, ông già Nô en bỗng nhớ ra một món quà mà năm nay Chúa định nhờ ông tặng hai đứa con của cố tổng thống Ken-nơ-đi. Thôi để tặng hai đứa trẻ Việt Nam này có lẽ Chúa hài lòng hơn. Chúng nó xứng đáng nhất. Ông bèn mở cửa màn chui vào ngồi bên cạnh con Hương, vuốt ve mái tóc rối của nó.

Con Hương cựa quậy mình. Nó đưa tay dụi mắt, chột nó mở mắt và há hốc mồm. Ông già Nô en nhẹ nhàng bịt miệng nó. Ông khe khẽ nói:

- Đừng sợ cưng! Ta là ông già Nô en đây mà.

Tiếng nói của ông già mơ hồ như một khúc nhạc thần tiên. Tiếng nói ấy xoa dịu sự thương đau của loài người

và không làm ai sợ hãi cả. Ông già Nô en rút bàn tay khỏi miệng con Hương. Con bé thấy ông già thân mật quá. Ông chẳng khác gì ông nội nó. Cái mũi hơi hơi lõ, bộ râu dài hơn. Chỉ khác có thể. Ông già Nô en đâu có hình thù quái gở như Hương đã từng ngắm nghía ở các nhà hàng lớn trên phố Tự Do. Nhưng Hương vẫn nghi ngờ. Nó nhỏ nhẹ hỏi:

- Thật ông là ông già Nô en, hở?

- Ừ, thật cháu ơi! Ông có thể căn cước bọc nhựa của Chúa trời cấp đây. Cháu muốn xem không?

- Thưa ông không.

- Cháu tốt lắm.

- Thưa ông tại sao ông phải có thẻ căn cước?

Ông già vuốt chùm râu bạc:

- Tại vì có nhiều kẻ vỗ ngực nhận đại mình là ông già Nô en. Bọn lưu manh này làm cho loài người càng ngày càng xa Chúa nên Chúa bắt buộc dĩ phải cấp thẻ căn cước cho ông để tránh sự giả mạo của bọn giả hình.

Ông già Nô en toan giảng thêm. Song ông nhận ra ngay kẻ đang nghe chuyện ông là một đứa con gái ngoại đạo, học lớp nhì B trường tiểu học Võ Tánh nên ông “tối” lại gấp. Con Hương mím môi nghĩ ngợi. Đoạn nó hỏi:

- Đứa nào bảo ông là con chuột ông có ghét nó không?

- Không, ông không bao giờ ghét ai cả.

- Thế sao anh cháu bảo ông chê con gái?

Ông già Nô en nhìn sang phía giường Chương Còm, nhả mặt:

- Anh cháu xạo số dzách! Thôi không nói dài giòng mắt thì giờ. Ông từ trên trời xuống đây muốn cho cháu một món quà đặc biệt.

Con Hương rối rít:

- Đâu, đâu hở, ông?

Ông già Nô en xua tay:

- Cháu nói lớn quá. Khoan rồi ông cho cháu hay. Bây giờ, cháu sang đánh thức anh cháu đi.

Con Hương tung chăn, vén màn bố đi gọi anh. Hai đứa thì thầm với nhau một lát. Chương Còm bối rối theo em ra chào ông già Nô en. Không để nó ba hoa con chích choè, ông già nói:

- Ông mang lỗi nhiều với các cháu Việt Nam. Vậy năm nay ông tặng hai cháu một món quà phi thường, một món quà mà từ trẻ con đến người lớn trên thế gian này đều mơ ước. Đó là cuộc du lịch ở Hỏa Tinh. Cuộc du lịch vĩ đại của thế kỷ thứ hai mươi. Đừng hỏi lời thôi hãy theo ông mau!

Chương Còm thắc mắc:

- Phải thay quần áo chứ ông?

Ông già Nô en đáp:

- Khởi! khởi!

CHIẾC TẮC XI NEO SẴN CHỜ BA NGƯỜI rồ máy phóng nhanh. Mười phút sau họ đã tới phi trường Tân Sơn Nhất, ông già Nô en dẫn anh em Chương Còm đến chỗ đậu con tàu vũ trụ. Ông mở cửa, bế hai đứa chui tọt vào con tàu. Ông già “ề ma ề”, con tàu vũ trụ từ từ rời mặt đất. Ngồi trong đó, anh em Chương Còm cũng chẳng hiểu nó bay nhanh hay chậm. Ông già Nô en vỗ vai Chương:

- Cháu nhớ nhé! Mỗi phút chúng ta bay được sáu trăm ngàn cây số. Sang năm 3000 thì tốc độ này không còn giới hạn nữa. Các cháu hãy nhìn trong máy “ra đa”. Chúng ta đã thấy Hỏa Tinh rồi. Chương có thấy vì sao hơi hơi đỏ

không cháu?

- Thưa ông có ạ!

- Hỏa Tinh đấy. Nó nhỏ hơn Trái Đất một chút các cháu ạ! Trái Đất quay chung quanh Mặt Trời 300 ngày nhưng Hỏa Tinh phải quay mãi 687 ngày cơ.

- Lâu quá ông nhỉ?

- Ừ.

- Quay nhanh thế nó có chóng mặt không hở, ông?

Ông già Nô en béo tai con Hương:

- Cháu chóng mặt chứ Hỏa Tinh “chiến” lắm! Các cháu lấy giầy lưng buộc bụng chặt di. Ông cho con tàu xuống phi trường Hỏa Tinh đây. Ông đợi các cháu nhé! Nô đùa với tụi nhãi Hỏa Tinh cho thỏa thuê, lúc nào chán ông chở về nha.

Chương Còm hỏi:

- Tụi nó có biết nói tiếng Việt như ông không?

- Yên chí, chúng nó “cừ” mà!

Ông già Nô en thẳng mạnh. Con tàu vũ trụ đứng im trên mặt đất Hỏa Tinh. Ông mở cửa, bế hai đứa trẻ Việt Nam xuống. Anh em Chương Còm quá đỗi ngạc nhiên. Chúng nó không tưởng tượng nổi bọn trẻ con Hỏa Tinh đã lù lợt ra phi trường đón tiếp chúng nó.

Sau những nghi lễ xã giao quốc tế, anh em Chương Còm được mời về gia đình ông Mác-sơ trú chân. Ông bà Mác-sơ có hai đứa con, một trai, một gái. Thăng Mác-tàng bằng tuổi Chương Còm -Con Mác-bộ hơn Hương sáu tháng.

Mác-tàng và Mác-bộ nói tiếng Việt rất giỏi. Chỉ hơi chê một chút là chúng nó cứ lẫn lộn n với l. Anh em Chương Còm ngồi trong phòng khách bài trí hết sức sang trọng và lạ lùng. Những đồ vật của ông Mác-sơ, anh em Chương

Còn chưa hề trông thấy ở quê hương chúng nó. Hai anh em nó như sống trong ảo cảnh. Một lát, anh em Mác-tàng đi guốc máy tự động bay vào phòng.

Mác-tàng bắt tay Chương Còm. Nó tự thiệu:

- Tôi *nà* Mác-tàng, con bé *lầy nà* em tôi, tên nó *nà* Mác-bộ.

Chương Còm đứng dậy đáp lễ:

- Tôi là Vũ Nguyễn Thiên Chương tức Chương Còm, em gái tôi đây là Vũ Nguyễn Thiên Hương, con của ông Vũ Mộng Long ở nhà số 215D/17 Chi Lăng, Phú Nhuận Việt Nam.

Mác-tàng nhe răng cười hềnh hếch.

- Các bạn *nên* đây chắc vui *nắm* nhỉ?

Chương Còm sửa, gáy Mác-tàng:

- Dạ, vui *nắm nắm* ạ!

Mác-tàng tưởng “bỏ” khoe khoang:

- Ở Hỏa Tinh của chúng tôi, muốn đi từ phi trường về nhà, chúng tôi khỏi cần sai tắc xi. Chúng tôi có hai cách một *nà* đi siêu guốc tự động, hai *nà* ngồi trên chiếc siêu trực thăng tự động do vô tuyến truyền hình điều khiển. Như thế, chỉ mất có vài giây, *chả no* kẹt đường.

Mác-tàng rút chiếc guốc siêu tự động cho Chương Còm xem, Chương Còm xuýt xoa:

- Các bạn tiến bộ quá cỡ!

- Chúng tôi đã có bao nhiêu thế kỷ văn minh trước những kẻ *náng* giềng đáng thương hại.Ồ, chúng tôi sẽ *nằm* các bạn sung sướng! Ở đây, tất cả đều *nà* siêu điện khí, siêu điện tử, siêu nguyên tử, siêu âm. Đời sống, thực phẩm, học vấn, du *nịch*, giải trí, trò chơi, đồ chơi...

Con Hương có vẻ sôi tiết. Nó “kê” Mác-tàng:

- Thế bạn có Siêu sắc thuốc không?

Chương Còm nháy mắt khuyên em đừng gây sự. Mác-tàng say sưa khoe, bất kể bị “kê” tử đứng vào mồm. Nó hơi sững sờ, nhưng Chương Còm đã vuốt ve vội:

- Các hạn tiến bộ quá cỡ!

- Các bạn cũng chưa biết những thứ ống nhòm siêu quang học của chúng tôi. Ống nhòm *lày* cho phép chúng tôi nhìn rõ tất cả mọi sự vật diễn biến trên tất cả mọi hành tinh vây quanh chúng tôi Nhưng chiếc ống *noa* siêu âm thanh, phát minh mới nhất trong mùa. Nhờ những ống *noa lây*, chúng tôi nghe được tất cả mọi tiếng *lói*, mọi giọng hát cách xa hàng ngàn cây số. Những chiếc máy siêu ghi âm của chúng tôi có khả *lãng* dịch tất cả mọi thổ ngữ trong vũ trụ sang tiếng *lước* Hỏa Tinh.

Mác-tàng ngừng lại giây lát, gật đầu hươu hươu tự đắc:

- Thí dụ tiếng Việt *Lam* của các bạn. Tiếng *lước* Việt *Lam* hay thật, hay nhất thế giới.

Con Mác-bộ tự nẩy cảm như hến, giờ mới tiếp lời anh:

- Chúng tôi có những chiếc máy siêu vi âm cảm thụ, nhờ *ló* mà chúng tôi bắt được mọi điệu hát tân tiến nhất của trời đất.

Con Hương xỏ ngọt:

- Chắc bạn biết hát vọng cổ?

Mác-bộ thành thật nói:

- Tôi ghét vọng cổ lắm bạn à.

- Thế bạn thích gì?

- Tôi thích nghe ban A.V.T.

Anh em Chương Còm thật bối rối trước sự kiêu ngạo, phách lối của hai đứa ranh con Hỏa Tinh. Chúng nó tưởng

xứ sở của chúng nó tiến bộ tuyệt vời là chúng nó có quyền coi thiên hạ hơn rác. Cái giọng của anh em Mác-tàng hỗn quá, thiếu cảm tình nữa. Chương Còm đang định trở tài vật hạ Mác-tàng cho hết làm tàng thì con Hương đã nhanh nhẩu hỏi:

- Thế Giáng Sinh? Giáng Sinh trên này có gì lạ?

Mác-tàng và Mác-bộ lo lắng, trợn trừng con mắt:

- Giáng Sinh? Giáng Sinh *lào*?

- Giáng Sinh ấy mà...

Mác-tàng lúng túng:

- Các bạn nói Giáng Sinh *lào*, tôi không hiểu.

Anh em Chương Còm kinh ngạc nhìn hai đứa Hỏa Tinh:

- Ngày 25 tháng 12 đối với các bạn như mọi ngày khác, hử? Nó giống ngày 14 tháng 6 hay ngày 1 tháng 11 thôi à?

Mác-bộ ấp úng:

- Phải... phải... tại sao?

Chương Còm nháy em, Con Hương hiểu ý anh, tấn công:

- Các bạn không có hang đá và tượng Chúa hài đồng, hử?

- Không.

- Tượng siêu nguyên tử cũng không, hử?

- Không.

- Các bạn không có đèn ông sao thấp nển, không có cảnh thông chẳng chịt những ngọn đèn nhỏ, hử?

- Không.

- Các bạn không có những hồi chuông inh ỏi và ông sao Mai lấp lánh trên nền trời, hử?

- Không.

- Thế ông già Nô en?

Mác-tàng chớp mắt:

- Ông già Lô en nà ai?

Hương cầu cứu anh. Tên học sinh đệ thất liền thi thố tài học:

- Ông già Nô en tức là Xén-tơ Cờ-lo. Hàng năm, cứ đúng đêm 24 tháng 12, ông chui ống khói xuống đem quà cho trẻ con chơi. Chính ông ta chở con tàu vũ trụ đưa anh em tôi lên đây.

Mác-bộ buột miệng:

- Thích nhỉ?

Chương Còm hứng chí kể lia lịa:

- Ừ, thích lắm. Anh em tôi không có đạo mà còn thích nữa là. Nếu các bạn quen với trẻ con theo đạo thiên Chúa, chúng nó sẽ tả cho các hạn nghe những tiếng nói vui vẻ buổi sáng ngày 25, những ngọn nến nhỏ của cây Giáng Sinh, bữa tiệc lớn, những bà mẹ kể chuyện Chúa, những chiếc bánh ngọt đầy bơ...

Anh em thằng Mác-tàng nghe hai đứa trẻ kể chuyện Trái đất say mê không thể tả. Đó là phép màu nhiệm của Giáng Sinh. Đã 1963 năm rồi, đây là năm đầu tiên, hai đứa trẻ Hỏa Tinh tự phụ, kiêu hãnh tất cả những thứ chúng có, kiêu hãnh tất cả những điều chúng biết, chăm chú nghe Chương Còm nói chuyện Giáng Sinh:

- Ngày 25 tháng 12, Chúa ra đời hử, bạn Chương?

- Phải, Chúa ra đời để trẻ con chúng ta có đồ chơi sinh nhật.

Hai đứa trẻ Hỏa Tinh bắt đầu khóc. Nước mắt của chúng làm tiêu tan sự ghét bỏ của anh em Chương Còm. Con Hương thương hại chúng nó. Mác-bộ thút thít:

- Mọi thứ siêu chúng tôi có cả mà không có Giáng Sinh, coi như chả có gì ráo trọi.

Chương an ủi:

- Nếu các bạn muốn hưởng lễ Giáng Sinh, sẵn có con tàu vũ trụ của ông già Nô en, anh em tôi mời các bạn xuống nhà chúng tôi chơi. Dĩ nhiên Mác-tàng và Mác-bộ bằng lòng.

NĂM NAY TRÊN HÈ PHỐ SÀI GÒN, TỐI ngày 24 tháng 12 có hai đứa trẻ, một trai, một gái rất ngộ nghĩnh, chen vai thích cánh tới nhà thờ Đức Bà. Ai có gặp anh em nó đừng nhìn lâu, mà chúng nó rónắc cở. Hai đứa trẻ này đáng được thương xót vì chúng nó trốn sinh lầm ở xứ sở quá văn minh kỹ thuật.

Chúa đã ủy thác cho anh em thằng Chương Còm mang quà của Ngài lên Hỏa Tinh tặng chúng nó.

(Noel 1965)

Ánh lửa đêm tù

Nguyễn Văn Quân là một nhà văn trẻ sống cô đơn ở một ngõ hẻm ngoại ô. Một người con gái cảm Quân. Kẻ theo đuổi người con gái thất tình. Hắn trả thù Quân bằng cách vu Quân ăn cắp. Nhiều nhân chứng hùa nhau hại Quân, cảnh sát tóm cổ Quân. Đau đớn, nhục nhã. Quân lao đầu vào tường tự vẫn. Không chết. Người ta vội chở Quân đến nhà thương cấp cứu. Rồi tổng cổ Quân vô khám.

Phòng 2C2 là phòng nổi tiếng nhất của khám đường. Phòng đó chứa ngót một trăm tội nhân. Toàn thì ăn cắp, hiếp dâm, giết người. Những tay anh chị nhất của Sài-gòn Chợ-lớn, Gia-định chạm trán nhau tại đây. Họ đã thanh toán nhau những mối hận thù trong bốn bức tường tù mà ở ngoài chưa kịp ra tay. Nhiều đứa chết như những con chó. Bọn tù làm ngơ. Không đứa nào dám hó hé. Chúng nó sợ kẻ sát nhân hơn sợ giám thị. Nên công lý vô nghĩa. Và lũ giám thị tắc trách và lắc đầu buông xuôi tay nhìn tội ác phô trương thay thế. Nhiều đứa bị đánh học máu mồm, gãy bả vai, trật bánh chè, nghiêng răng chịu đòn. Chúng nuôi cảm hờn chờ ngày trở về nếp sống cũ sẽ tính chuyện. Những vụ thanh toán đẫm máu công khai này không ngoài mục đích giành chức xếp sòng.

Quyên Tân-Định là xếp sòng 2C2. Nó to con, cao lớn.

Quyên xuất thân ở lò du đăng Tân-Định. Nó có nhiều “nghề”: duy-đô, bốc, vovinam... môn nào cũng trội cả. Nó chừng hai mươi năm tuổi. Chẳng biết nó nhập làng anh chị do nguyên cớ nào. Trên ngực nó xăm hình cái đầu lâu to tướng. Hai lưỡi dao găm nhọn hoát cắm lút cán vào hai mang tai. Dưới ghi bốn chữ “vì đời rửa hận”.

Nguyên cái hình xăm đó cũng đủ “anh hùng” rồi huống chi chung quanh con người Quyên Tân-Định còn thêm dẹt bao nhiêu chuyện “chọc trời khuấy nước”. Nó đâm địch thủ không góm tay. Quyên Tân-Định chuyên xử dụng dao con chó. Có tay đàn em đi biên giới làm ăn tặng Quyên con dao. Quyên khoái con dao bấm nút ba bốn lưỡi bay này lắm. Luôn luôn nó giắt bên mình.

Bốn tháng về trước. Quyên Tân-Định kéo đàn em tổng tiền tiệm vàng Vạn Lịch, hiếp con gái bà chủ và đánh vỡ đầu ông chủ. Cảnh sát kịp thời bao vây. Quyên bị thộp cổ cùng ba thằng đàn em. Và chúng nó kéo nhau vào 2C2.

Bấy giờ, chức xếp xòng nằm gọn trong tay Tâm Cống Bà Xếp. Tâm không phải tay vừa. Thành tích của nó chỉ nghe chơi cũng đủ ớn xương sống. Nó cầm đầu năm mươi bảy tên du đăng cỡ dám rạch mặt thiên hạ xin tí máu dăng chúa đăng. Can tội giết một người cảnh sát, đoạt khẩu súng lục, Tâm Cống Bà Xếp xộ khám. Nó đã trầy vấy hạ tên Năm Mặt Rỗ để lên ngôi xếp sòng 2C2. Nhưng gặp Quyên Tân-Định, sau mười lăm phút thượng đài, Tâm Cống Bà Xếp ăn no đòn và tụt xuống thứ đàn em hạng bét.

Quyên Tân-Định chiến thắng oai hùng. Ngót một trăm tội nhân tuân lệnh nó răm rắp, nó muốn gì được nấy và coi giám thị tựa mỡ tép. Trong phòng 2C2 có nhiều thằng bị

ghép tội du đang oan uổng. Có nhiều thằng vì bị tình nhân phụ bạc, nổi cơn ghen giết người tình. Những thằng này thường là những thằng hiền, con nhà khá giả. Cha mẹ tiếp tế đủ thứ. Tiền, thuốc lá, giò chả. Muốn yên thân, chúng nó cố gắng hiến Quyên Tân-Định hết.

Nghiễm nhiên Quyên Tân-Định là vua tù. Nó không thiếu thốn gì cả. Quyên còn để dành được món tiền lớn. Nó hy vọng mần tù sẽ chơi bời thả cửa. Giám thị thấy nó cai trị nổi bọn đầu trâu mặt ngựa 2C2, cho nó quyền ưu tiên.

Quyên Tân-Định nằm lì ở phòng, mặc tui “nhãi” làm việc. Buổi trưa nó ngủ, hai tên tù ngồi quạt. Buổi tối, nó nằm sấp trên chiếu, dang tay dang chân thoải mái. Năm tên đàn em chia tay, chân và lưng dấm bóp. Khi nó trái ý, nó chửi đánh bọn tù như bố chửi con.

Tháng ngày nổi tiếp như thế, thằng này dòi 2C2, thằng khác vô. Quyên Tân-Định không hề sút mẻ một chút uy tín. Nguyễn văn Quân đã lạc vào giang sơn của nó.

Buổi sáng hôm đầu Quyên Tân-Định chưa thềm hỏi han Quân.

Tối đến, nó tập họp bọn tù. Quyên Tân-Định ngồi giữa chiếc chiếu. Bọn tù bu quanh nó. Quyên xoè hai ngón tay đập khê lên môi. Thằng tù hầu cận móc túi rút điếu thuốc “Con Mèo” cắm vào môi nó. Thằng tù khác bật diêm cho nó mồi thuốc. Quyên Tân-Định rít một hơi dài, trề cằm, nhả khói hít hết bằng mũi. Đoạn nó tròn môi, lấy lưỡi đẩy ra một vòng khói đẹp mắt.

Quyên Tân-Định cất tiếng hỏi:

- Thằng mới vô hỏi sáng đầu?

Tên tù hầu cận đáp:

- Thừa đại ca, nó ngồi đằng kia.

Quyên Tân-Định hất hàm:

- Kêu nó lại đây!

Tên tù hầu cận tới chỗ Quân ngồi, túm tóc Quân lôi dậy:

- Lại ra mắt đại ca mày!

Quân khép nép theo tên tù. Nó bảo Quân:

- Nhớ khoanh tay nghe mày!

Quyên Tân-Định ngấm nghĩa Quân một lát. Bỗng nó phá ra cười. Bọn tù hiểu ý xếp sòng, ôm bụng cười hô hố. Cười chán, Quyên Tân-Định “điều tra” Quân:

- Tên mày là gì?

- Quân, Nguyễn Văn Quân.

Quyên Tân-Định búng tay tách một cái. Tên tù hầu cận xun xoe:

- Đại ca dạy em chi?

- Đ. m. chú mày chỉ dẫn nó cách xưng hô với đàn anh coi.

- Dạ, dạ...

Sau hai tiếng “dạ”, một cú quai hàm nẩy lửa tặng Quân. Anh lạng người đi. Tên tù kéo anh lại, dặn dò:

- Đ. m., mày phải thừa đại ca nghe, thẳng chó đẻ!

Quân đưa tay chùi vết máu sớt ngang bên mép. Anh gạt đầu. Tên tù nói tiếp:

- Đ. m., xin lỗi đại ca đi mày!

Trận đòn bên ngoài chưa làm Quân lại sức. Quân sợ Quyên Tân-Định đánh anh tàn nhẫn hơn. Anh cúi đầu chịu nhục. Quyên Tân-Định có vẻ hài lòng. Nó nhìn Quân, huýt sáo. Quân tinh ý lễ phép:

- Thừa đại ca, tôi là Nguyễn Văn Quân.

Quyên Tân-Định chửi thề:

- Đ. m., xưng em nghe mậy!

- Dạ, dạ...

Nó tiếp tục tra vấn:

- Nhà mày có giàu không?

Quân khai thật tình:

- Thừa đại ca, em không có gia đình ạ!

- Đ. m. mày nói thiệt hả?

- Dạ, thừa đại ca, em nói thật.

Quyên Tân-Định lại búng tay. Tên tù hầu cận nhảy chồm lên dấm dấm. Trận mưa đòn rơi trên thân thể Quân. Quân tê đi và bết đau hơn những cú đầu tiên. Bọn tù khuyến khích cuộc khảo đả ầm ĩ. Giám thị ngó vào, làm lơ. Cũng có những tên tù che mặt sợ hãi. Quyên Tân-Định ra hiệu ngừng đánh.

Ly cà phê đen sánh đặt trước mặt nó. Quyên Tân-Định khuấy đường. Tên tù rút thuốc lá. Quyên Tân-Định mời lửa. Nó hóp từng ngụm cà phê nóng. Quân đứng co ro. Đầu óc rũ rượi. Máu sùi hai bên mép chảy ròng xuống cằm. Đau đốn. Quân cảm thấy mình nhỏ bé, hèn hạ trong phòng 2C2. Anh sợ Quyên Tân-Định rồi. Anh muốn lạy nó tha tội cho anh. Anh sắp hóa thành con heo, con heo chết lầy thịt dưới chân của thủ hạ Quyên Tân-Định.

Nó vẫn phớt tỉnh. Chợt nó đứng dậy. Nó bưng ly cà phê tới gần Quân. Nó mời Quân uống. Anh nốc một hơi cạn ly. Quyên Tân-Định giăng cái ly, đập bể tan tành. Nó bời một quả trứng rồn Quân. Cà phê dồn lên họng anh, ói ra khỏi miệng. Quyên Tân-Định mỉm cười:

- Đ. m., tưởng mày con nhà giàu!

Quân lắp bắp:

- Thừa đại ca, em đói rách lắm, xin đại ca thương tình.

- Hồi đi lính, mày đóng chức gì?

- Thừa đại ca, em chức lính.

- Đ. m., mày rồn à!

- Dạ, em là binh nhì ạ!

Quyên Tân-Định hét lớn:

- Đ. m., mày quên thừa đại ca rồi. Ba Bệu đánh cho nó nhớ đi mày!

Tên tù tuân lệnh đại ca của nó, sửa Quân toi bời. Nó dấm đá liên miên. Cho tới lúc Quân gục xuống sàn, với một dòng máu rỉ ra bên mép.

Quân ở 2C2 đã ngót ba tháng. Sau trận đòn ra mắt Quyên Tân-Định, anh được kết nạp làm đàn em của nó. Quyên Tân-Định thôi hành hạ Quân. Ngược lại, Quân phục nó như những tên tù khác.

Chiều nay là chiều ba mươi tháng chạp. Còn nửa ngày nữa là tết. Cả phòng 2C2 kéo nhau đi làm “cỏ vè”. Tất nhiên giám thị mới của 2C2 xuất thân là tên tù có án nặng. Nó mới nhận chức bữa trước, coi bộ nó rất tàn nhẫn.

Nó chú ý Quân. Con nai tơ đã lọt vào cặp mắt hổ đói. Kinh nghiệm anh chị dạy nó phải hạ một thằng trong đám thủ hạ của Quyên Tân-Định để gây vốn thị uy. Ngắm kỹ, nó quyết định chọn Quân thay vì chọn Ba Bệu. Nó hách dịch nói:

- Chúng mày ngừng tay chút xíu đi!

Chỉ mặt Quân, nó hỏi:

- Tên mày là gì?

- Quân ạ!

Nó nhổ bãi nước miếng:

- Quân hả, quân mắc dịch! Mày lười quá, đi với tao có chút việc.

Quân tuân lệnh thẳng giám thị. Nó đưa anh vào văn phòng của nó, lấy còng khoá chặt tay anh và trở tài đấm đá. Nó đánh Quân tới tấp. Quân gục. Nó túm tóc lôi lên, vả lia lia vào mặt anh. Trận đòn ấy khốc liệt hơn trận đòn ra mắt Quyên Tân-Định.

Anh đập nó mấy cú trả đũa. Không thấm tháp gì. Nó càng cău, càng tin rằng Quân là thứ dữ cần trị tội. Sau mười lăm phút làm thân con chuột để thẳng giám thị giương móng vuốt mèo đùa bỡn, nó cởi còng cho Quân và dắt anh ra chỗ đồng bọn. Mặt mày Quân sưng vù. Máu sùi hai bên mép. Thằng giám thị đập Quân một đập nữa, Quân quy hãn. Nó chửi bới om sòm.

Ba Bệu nhìn Quân chết lịm. Nó vù vội về báo cáo Quyên Tân-Định, mặc kệ thằng giám thị dọa. Quyên đang nằm dài hút thuốc lá, ôn dĩ vãng, vụt dậy. Nó giắt lưỡi dao cạo râu vào cánh tay, lấy dây thun quấn chặt, rồi buông tay áo xuống.

Quyên Tân-Định bổ nhào tới phía thủ hạ của mình. Lúc đó, thằng giám thị đương hò hét, thị oai. Quyên Tân-Định đến sau lưng nó mà nó không hay, Quyên vỗ tay thằng giám thị. Nó vừa kịp quay lại thì Quyên đã đấm nó một quả trúng mắt và bồi thêm một cái đập.

Thằng giám thị ngã ngựa. Quyên giẫm chân lên ngực nó, hạch tội:

- Đ. m., mày vừa hạ đàn em tao hả? Được lắm, tao cho mày nếm đòn Quyên Tân-Định! Mày chưa nghe tiếng cha nội mày, hả thằng chó đẻ?

Quyên ra lệnh:

- Ba Bệu và Tám Lé khiêng thằng Quân về phòng, Tâm giúp tao một tay.

Tâm Cống Bà Xếp xắn tay áo, dựng đứng thẳng giám thị. Quyên Tân-Định nhổ toẹt bãi nước miếng giữa mặt nó:

- Đ. m., giám thị, ông nội mày cũng không có ngán. Đ.m., mày dám qua mặt ông. Ông sẽ xài mày như mày đã xài đàn em ông. Mở mắt ra, thẳng chó đẻ!

Nó vận dụng hết sức lực, giáng những quả đấm phục thù trên thân thể thẳng giám thị. Quyên say sưa trở đòn. Cho tới khi thẳng giám thị ngã xuống bãi cỏ. Bấy giờ, Quyên Tân-Định mới móc lưỡi dao cạo râu, rạch mặt thẳng giám thị ba vết. Máu tươi ri rỉ chảy. Quyên Tân-Định lè lưỡi liếm dao, nghiến răng:

-Đ. m., ông muốn ở đây trọn đời mà! Mày có ngon thì chơi ông đi. Đ. m., lần sau còn ti toe thì ông xẻo đứt cái tai đa!

Quyên Tân-Định lầm lũi về phòng. Mặt trời tắt hẳn. Cả khám biết chuyện Quyên vừa nêu thêm thành tích cho 2C2.

Quân tỉnh một lát rồi lại thiếp đi. Ba Bệu và Tám Lế thay phiên ướp khăn ướt lên mặt Quân. Đến đêm, Quân mới gượng dậy được. Đèn đóm tắt hết. Tiếng ngáy khò khò của bọn tù đều đặn. Quân khát nước. Quân lồm cồm bò đi kiếm đồ uống, đụng Quyên Tân-Định.

Quyên Tân-Định lên tiếng:

- Đưa nào đó?

Giọng Quân yếu ớt:

- Em. Quân đây, đại ca ơi.

Quyên tung mền nhôo dậy:

- Chú còn đau không? Kiểm gì đấy?

- Thừa đại ca, em khát nước quá. Thằng giám thị đấm em hung quá.

- Đ. m., thẳng chó đẻ, Anh hạ nó đo ván, rạch mặt nó rửa

hận cho chú rồi. Đ.m., chắc anh dám ở đây lâu hơn hận tù quá, chú ạ! Cần chó gì. Ai bảo thằng chó để dám hạ chú!

Quyên ân hận:

- Mấy thằng mắc dịch của anh hèn mặt để nó sỉ nhục chú. Nghĩ ước muốn học máu. Đ.m., anh thương chú nhất trong bọn. Để anh kiếm nước nghe.

Quyên Tân-Định đưa ca nước cho Quân. Anh đỡ lấy, uống ừng ực. Quyên hỏi:

- Chú hút một điếu thuốc đen nhé!

Quyên rút thuốc đặt vào môi Quân. Nó xòe diêm. Ánh lửa từ que diêm tỏa ra một vùng ánh sáng nhỏ. Nhỏ lắm. Nhưng đủ để Quân trông rõ khuôn mặt của Quyên Tân-Định.

Quân hít một hơi thuốc thật dài. Khói thuốc bay. Quân nghĩ đến mùi thơm phảng phất trong chất thuốc đắng. Tự nhiên, anh cảm thấy những vết đau lành hẳn. Ngoài trời, dường như mùa xuân đã sang rồi.

Bóng mây kỷ niệm

Tôi có người bác họ, dân làng thương gọi bác là ông đồ Nhị bởi vì bác đã từng dạy cả chữ Hán lẫn chữ quốc ngữ ở nhà quê. Tên thật của bác, đến hôm nay, tôi vẫn không hiểu rõ, chỉ biết bác tôi ngày xưa đã mấy lần tập tễnh lều chõng đi thi và đậu được “bằng” nhị trường.

Cái đám học trò của bác tôi sau này chẳng ai làm nên công trạng gì để giúp đỡ thầy trong cảnh lâm than cơ cực. Họ cũng sống vất vưởng sau lũy tre còm, nên dòng sông hẹp mà tự thưở khai thiên lập địa đến giờ chưa có lúc nào đầy tràn nước của cái làng Tường-An nghèo xơ nghèo xác này. Nhưng nếu ai chịu tìm hiểu rằng vốn chữ quốc ngữ của bác tôi ít ỏi quá, ngọn bút sắt viết trên giấy tây cứ mãi mãi vướng mắc. Thêm vào đó, một tâm hồn luôn luôn bị ám ảnh bởi những dòng tâm huyết của Trần Tế Xương của Học Lạc nên bọn môn đồ khi xếp bút nghiên chỉ biết bỏ làng ra đi hay cặm cùi xới từng miếng đất quê hương mà gieo hy vọng no lành thì cũng đừng lấy làm lạ.

Bác tôi núp dưới mái từ đường họ Vũ. Nó điêu tàn không khác chi đời bác. Có nhiều hôm gió lạnh ồ ạt kéo nhau về thổi vù vù vào ba gian nhà trống không phen liếp, bác tôi vẫn thản nhiên khoác mảnh chăn đơn ngồi rung đùi ngâm thơ hoài cổ, coi bão táp ngoài trời không hơn

hớp rượu nhạt chiều đông. Con người kỳ dị ấy chưa được hân hạnh thoáng nghe đôi lời than thở hay tìm được dòng nước mắt oán hờn, tuy cuộc đời bác đan dệt toàn bằng buồn tủi, đau thương. Ngày tháng trắng xóa tiếp nhau trôi qua. Mưa nắng chưa ngừng trút xuống mái tranh tàn tạ nên bác tôi vẫn phải lấy bìa bồi cậy vá víu những chỗ dột nát như bám lấy đám học trò dần dộn mà sống qua thời. Sự gian nan điều đứng ấy không làm bác tôi oán hận. Bác vẫn giữ phong độ của ông đồ nho giảng đạo thánh hiền. Thầy khóa tư lương mãi mãi cứ dạy lương tư thôi.

Dần dần, chữ nho ít người học, chữ quốc ngữ phổ biến nhiều hơn. Đáng lẽ, bác Nhị phải đập tan nghiên mực, vứt phăng ngọn bút lông giải nghệ rồi cơ đấy. Nhưng vì còn vướng lụy áo cơm, bác tôi phân vân chưa nỡ dứt. Đêm đêm, bác thắp đèn lần mò sang nhờ cha tôi dạy thêm ít tính toán cho “vốn liếng” vững mà tiếp tục hành nghề. Nghĩ tội nghiệp người bác, trải cuộc đời để hai thời đại giẫm lên điều đứng.

Bác tôi không lấy vợ. Thuở chưa ngồi dạy ở làng, bác đã từng phiêu bạt nhiều nơi và nổi tiếng là một tay danh cầm miền Thái. Lòng bác giống như con tàu thiên lý, chở đầy những mộng những mơ, qua hết ga này bến khác song ít khi bác ở đâu lâu. Khi thấy tình đời chớm lạnh, tình người đơn côi, bác tôi lại rũ áo bỏ đi tìm tri kỷ một phương trời khác. Chao ôi, bác tôi đã dại dột đem hết cả gia sản tinh thần, đem hết cả hào hoa phong nhã của tuổi trẻ, cố mua chút tình cảm của thế nhân. Nhưng con người nghệ sĩ ấy chỉ gặp toàn thất vọng. Cỏ hoa ngoài viễn xứ biết có hiền hay hèn mà nỡ để chí lớn thiên hạ úa dần theo năm tháng?

Dĩ nhiên, tiếng đàn sẽ ngọt hơn, tâm hồn sẽ trang trải hơn trong đoạn đời đau thương của bác đồ Nhị thân yêu.

Tôi không đếm được những cuộc tình duyên chấp nối bằng nhạc, bằng thơ nơi xa xôi của bác tôi nhưng tin rằng, với tâm hồn dễ rung cảm, khối óc ưa viễn vọng, yêu tự do, yêu cái thẳm kín sâu xa nhất của cuộc đời thì dễ gì quên được ánh mắt giai nhân e ấp chiếu vào tim thơ những chiều viễn phương có gió may lạnh lẽo. Tôi tin để mà tin thôi chứ dễ chi dò hỏi một mẫu người trầm lặng như bác Nhị. Con tàu chạy dọc suốt lòng đời và không hề nghĩ tới ngày mai rạn vỡ. Con tàu thiên lý ấy, sau khi đã lướt đi muôn dặm, đã thua hẳn mộng mơ ở dòng đời, đã gửi tặng ga bến chút sản nghiệp nhỏ mọn gầy dựng nên do mồ hôi nước mắt tổ tiên để lại, im lìm về yên ngủ vĩnh viễn sau lũy tre làng, dưới mái từ đường xiêu vẹo của họ Vũ. Thân hình tàu ngày ngày hoen gỉ, chất sắt tiết ra nước vàng tái tê, đau đớn. Ga bến biết còn nhớ người xưa chăng, chứ người xưa thì đã in rõ ràng trong tâm khảm từng vạt nắng cô liêu của mỗi hoàng hôn buồn chết.

Thế là hết, đời bác tôi sẽ chẳng bao giờ thấy ánh vinh quang. Bác không oán hận, cũng không vội vàng như xưa nữa. Ngày lại ngày, bác lặng lẽ dỡ từng trang kinh nghiệm mua bằng muôn vạn sợi tơ lòng giảng dạy học trò để quên thưở đắm chìm trong mưa gió. Đôi khi, men rượu thấm vào trí khôn, bác tôi hay nói to. Giọng nói có lúc trở nên chua chát, có lúc khinh bạc. Rồi vài kỷ niệm cần giấu kín như chuyện từ chối đánh đàn cho viên quan huyện nợ thưởng thức đến nỗi bị bắt giam ít ngày, cũng được bác phun ra qua hơi rượu.

- Hà, hà... Đem tài hoa trong thiên hạ góp lại xem đã vừa nôi cơm chưa cho ta chẻ đàn nhóm lửa rồi giải nghệ. Chứ, chứ phải rung tơ lòng do lệnh một đũa thất phu thì e phụ mất cả lòng tin yêu trong trời đất.

Bác tôi chỉ nói đến thế thôi, nửa như hận, nửa như muốn giấu tâm sự đau khổ của mình nên bác dịu giọng ngay. Và mong xí xóa với người nào thoáng nghe thấy, bác tôi lớn tiếng ngâm thơ sầu rồi ví cuộc đời như đám mây trôi. Lòng bác còn bao la lắm. Nếu cũng hẹp hòi tựa lũ thế nhân mắt trắng thì mua sao nổi chút ít tài hoa, thì việc gì phải nhỏ lệ trên cung đàn năm tháng! Bác tôi vẫn thương mình thương đời đã trao tặng bác trên nẻo đường vô định. Trời ơi! Tôi muốn ôm lấy bác đỡ Nhị mà ấp ủ, mà van xin bác dạy cho cái nghề... lãng tử. Tiếc quá, bác tôi vắng mặt hôm nay, nên tôi chỉ biết vợ vẫn nhìn mây trôi về xứ Bắc mà thương nhớ...

Hồi tôi còn nhỏ, bác đỡ Nhị yêu tôi lắm. Bác hay sang nhà tôi uống rượu với cha tôi. Mỗi lần chén chú chén bác là mỗi lần tôi phải trèo lên cây khế hái dăm ba quả đem xuống rửa sạch, thái mỏng hình ông sao để hai người nhắm cùng thịt luộc chấm mắm tép. Chuyện sông hồ lưu lạc nhiều phen của cha tôi, của bác tôi được đem ra kể, lúc vui tươi phấn khởi, lúc trầm buồn tê tái. Tôi thường đứng nghe cả buổi không biết mỏi chân vì chuyện làm tôi say mê quá. Tôi biết yêu những cánh én bay từ rừng đồi xa xăm về góp hội mùa xuân từ đạo ấy. Và cũng từ đạo ấy, mẹ tôi bắt đầu phả vào mắt tôi ít nhiều khói hương thơ mộng.

Sau mỗi cuộc rượu tàn, bác Nhị không quên rủ cha tôi sang nhà bác hòa đàn. Tôi lẽo đẽo theo sau, xách giùm cha

cái nhị. Dưới bóng của giàn hoa lý gần cầu ao, cha tôi trịnh trọng so dây nắn phím. Tiếng đàn nguyệt tung lên, tiếng đàn nghệ sĩ tặng nghệ sĩ thì còn chê vào đầu được nữa. Sao tôi vẫn không thấy cảm? Tại tôi nghe nhạc mà mắt tôi cứ mãi nhìn lũ chim chào mào liu liu mổ sung chín. Và lẫn vào âm hưởng của cây đàn nguyệt, tiếng sung rụng lộp bộp dưới nước, tiếng ve sầu rên rĩ giữa trưa hè. Cùng một lúc, tôi nghe cả ba thứ âm nhạc. Bản đàn nguyệt dứt, cha tôi kéo nhị trong khi tôi vẫn mơ màng ngắm chim chào mào mổ sung. Đến khi chim bay đi, tôi mới kịp để ý đến cha tôi. Người có vẻ khác lúc thường, nét mặt biến đổi từng giây phút. Tiếng nhị êm êm, dịu hiền như màu hoa lý đôi khi réo rất, réo rất mà không đậm dặt, réo rất chỉ làm lòng ta phấn khởi say sưa. Thỉnh thoảng, âm thanh trầm lắng, đẹp như câu ca dao thoát ra từ đôi môi thôn nữ xuân thì. Sao tại tôi vẫn còn nghe rõ tiếng cu gáy đằng xa? Tôi muốn hỏi bác đồ Nhị nhưng bác tôi đang lim dim đôi mắt ra chiều say mê tận hưởng tài nghệ của cha tôi, một nghệ sĩ bình dân đã từng làm rung động bao nhiêu người ở bao nhiêu chân trời có trăng có lúa.

Bản nhạc dứt, âm thanh loãng dần. Cha tôi lấy khăn lau mồ hôi đổ tằm tã trên mặt, trên mình mấy rồi hỏi bác đồ Nhị:

- Thừa bác, bác nghe tiếng đàn em dạo này thế nào?

- Kém ngọt hơn mấy năm về trước. Chú ít luyện tập.

- Vâng, quả có thế, lâu nay em bỏ đàn địch. Bác tính từ ngày tạm nghỉ đời giang hồ đến giờ có khi nào tâm hồn em thanh thản đâu.

- Phải rồi, tâm hồn mà vướng mắc, tiếng nhạc nghe nặng nhọc lắm, khó thoát lên được. Chú thử nghe tôi dạo

khúc đàn bầu xem sao.

Nói dứt câu, bác đồ Nhị cởi phăng áo để mình trần, với cây đàn bầu. Cây đàn của bác cổ kính quá chừng. Tôi nhớ rõ ràng, nó bẩn lắm. Màng nhện chẳng đầy ở dưới đáy, bụi phủ kín mặt đàn. Miếng tre để nẩy đã sạm màu đen, đồ lên giấy mọt ăn quá nửa. Bác tôi nhè nhẹ vặn dây. Bác lấy miếng giẻ vuốt sợi dây sắt rồi bắt đầu khởi nhạc.

Tiếng đàn bầu dịu ngân khoan thai thánh thót. Trời bỗng như nhiều gió hơn và không gian chừng dễ thở quá. Đàn bầu, ồ, chỉ có một sợi dây thôi nhưng tình cảm phức tạp nhất của con người gửi gắm cả vào đấy. Tay phải làm cho phát ra âm thanh, tay trái lựa sao cho nét nhạc hoa mỹ, tuyệt vời. Ngồi khom khom lưng, một chân dè lên thành đàn, người bác nghệ sĩ của tôi thay lời nói lên tình trời đất.

Tâm tư bác vương trên dây, hình ảnh tối tăm hiện tại biến đi, chỉ còn thế giới âm thanh lắng vào mệnh mông vô tận. Tiếng đàn khi nũng nịu như cô gái mới lấy chồng, tha thiết như tình mẫu tử, rạo rực như lòng thiếu nữ dậy thì và băn khoăn như giấc mộng nửa đêm. Mặc cho mấy chú muỗi ngày bám vào lưng, bác đồ Nhị đắm đắm gửi hồn theo âm nhạc. Tiếng đàn cơ hồ gió ngàn, lúc dần lên ta tưởng có trận phong ba chồm dậy trong lòng xui ta giận dỗi, oán hờn. Lúc dịu đi, ta chạnh nghĩ tới một hoàng hôn nắng vàng thoi thóp. Âm hưởng bay vút lên khơi như nước thủy triều dâng bao la bát ngát. Ta tưởng chừng tình đời đơm nở ngát thơm mùi lúa chín được mùa, đẹp hơn cả môi hồng trinh nữ. Tiếng đàn lắng xuống trầm trầm, im lặng cô quạnh như cõi lòng khao khát yêu đương, buồn như khách giang hồ lỡ chuyến đò ngang, hoang mang như mối tình

đầu thất vọng và ta cảm động không ngăn kịp lệ rơi...

Sao giọng con ve sầu, lời con cu gáy vắng bật? Âm nhạc quê hương nhiệm mầu đuổi chúng bay xa rồi chẳng? Hay chúng vội vàng nín thinh để hớp lấy những phút giây thiêng liêng vạn kỷ? Trong tôi, lúc ấy, mới hoàn toàn thấu đượm âm thanh, tuy trước khi bác Nhị rung tơ lòng, con bé hàng xóm ru em to quá, tiếng võng kéo kệt càng to hơn. Tiếng đàn của tay lão tài tử quả đã cảm hóa được tôi bấy giờ và cả bấy giờ nữa.

Cung đàn ngừng lại. Tôi thấy còn dang dở, còn thiếu một cái gì khó nói. Bác tôi cũng nghĩ vậy, bác ngồi mơ màng hồi tiếc.

Thế nào bóng kỷ niệm chả rủ nhau về gõ cửa tim bác khi tiếng đàn xa khơi. Lúc lâu, bác rời đàn, buông tiếng hỏi:

- Chú nghe thế nào?

- Dạ, tiếng đàn bác tuyệt diệu, có một không hai trong thiên hạ.

Bác tôi gật đầu sung sướng:

- Đánh đàn cần phải tự do, chú ạ! Hồn tài tử như mây trôi, như nước mưa giữa trời. Ta diễn tả tình cảm theo nhịp thở của trái tim ta, không có sức mạnh nào lái lòng ta được. Này chú...

- Dạ.

- Ta đàn tặng tri kỷ tiếng mới ngọt thế đấy. Chú, cũng tại vì miếng đỉnh chung của thời đại nhố nhăng này mà mặc quần áo đẹp, ngồi trên ghế khảm xà cừ rung tơ lòng cho bọn vương giả nghe thì tơ lòng đến đứt quãng tứ tung mất thôi.

- Thưa bác, đàn bầu vốn dĩ...

- Là loại khó. Ừ đàn bầu khó chơi nhất, nó cũng như nhị ấy, chẳng có phím để mà phân biệt. Lại nữa, mình hiếm sách dạy nên rồi nó sẽ mai một, như cánh áo the lương, như cái khăn xếp, như đôi giày Gia-Định hay như... cái khó ấy. Tội nghiệp người bình dân, người quê hương sẽ mất mát kho tàng giá trị. Chơi đàn được như chú cũng là khá lắm rồi. Thế chú đã có thể luận được tiếng đàn chưa?

- Thưa em mới hiểu sơ sơ. Xin bác dạy thêm.

- Diễn tả bản nhạc là một nghệ thuật siêu đẳng. người tài tử lúc ngồi nắn phím so dây thì hoàn toàn sống với tâm tư. Ảnh hình ngoại giới lúc ấy mờ đi chỉ thấy hiện trước mắt mình chân trời bao la nghệ thuật gói ghém tình thương yêu, lòng bác ái. Người tài tử càng rung cảm bao nhiêu thì chân trời siêu đẳng càng rộng mở bấy nhiêu. Cho nên có thể nghe tiếng đàn mà đoán tâm tính người chơi. Như đứa vũ phu thì tiếng đàn yếu ớt, loãng dần. Người mẩu mực thì tiếng đàn thông thả đều đều. Người hào hoa thì tiếng đàn phóng túng, buông trôi. Người có tâm hồn tranh đấu thì tiếng đàn luôn luôn thôi thúc, vội vã. Người mang tâm sự thầm kín thì tiếng đàn mông lung, huyền bí. Tất cả những hạng người trên đều không phải là tài tử. Người tài tử khác hẳn. Tiếng đàn rung lên, thánh giả có thể khóc, có thể buồn, có thể yêu thương, giận dữ, oán hận, hay ray rứt đứng ngồi không yên. Muốn luyện ngón đàn như thế tất phải sống, phải đi nhiều, phải mang tuổi trẻ mua lấy chua cay khinh bỉ của thế nhân, để biết khóc, biết cười, biết oán hận, biết yêu thương thì mới hòng làm cho người khác khóc, cười, yêu thương, oán, giận, ghen hờn. Nhưng đời nay, (bác tôi nhấn mạnh) cái đòi kim tiền khốn nạn này đã làm hồn tài

tử lịm chết, làm tai nhân thế điếc đi rồi lấy đầu ra một Bá Nha gảy đàn cho Chung Tử Kỳ nghe nhỉ!

- Lời bác dạy quả đúng. Thảo nào em nghe tiếng đàn cậu Trạch gắt gỏng quá.

- Ở đời muốn cái nọ phải hy sinh cái kia. Như tôi sao không thể làm cách mạng như cậu Trạch được. Được lắm chứ? Khốn nỗi phải dung hòa lý trí với tình cảm phiền phức tẻ mà chắc gì nó đã cân bằng. Cho nên, tôi đành sống kiếp cỏ hèn trong thiên hạ vì muốn cái tài tử hơn.

- Thừa bác, dạo này em thấy giọng bác có vẻ chua chát hơn xưa. Dám hỏi hay bác có điều chi trắc ẩn, hay bác nhớ tới...

Bác đồ Nhị cảm động ôm lấy cha tôi:

- Chao ôi! Ta đi tìm tri kỷ già nửa đời, ai ngờ về đến quê hương mới gặp. Hạnh phúc của mình cũng đến thế thôi. Việc gì phải bôn tẩu xa xôi. Nó ở ngay bên mình, ở ngay mảnh đất xác xơ này. Đào nó lên, khai quật nó lên mà tìm kiếm, gia tài quê hương tiềm tàng dưới ấy. Phải chú nói đúng. Ít lâu nay tôi nhớ “chúng” quá. Ai bảo tài tử không muốn có mái nhà êm ấm và ngọn đèn dầu heo hút suốt đêm trường?

Rồi một ngày cuối mùa thu, bác đồ Nhị thân yêu lại ra đi. Bác đi có vài hôm. Bữa về, hành lý của bác chở thêm ba đứa trẻ, hai gái một trai, lớn hơn tôi, bảo là con bác. Ai dám tin ngay. Người trong họ xúm vào chất vấn bác. Bác điềm nhiên trả lời:

- Con tôi cả đấy mà. Mỗi đứa một mẹ, mỗi mẹ một nơi. Phải đưa chúng nó về đây kéo sau này lớn lên, chúng nó hối hận thiếu quê hương. Mẹ chúng nó đi lấy chồng cả rồi. Tôi nghĩ đến sự đơn lạnh của mình mấy năm nay nên dặt

chúng nó về. Có lẽ, lần này tôi không đi nữa. Những sợi dây tình cảm này (bác chỉ vào đám anh chị tôi) sẽ buộc chặt đời tôi với mảnh đất cằn cỗi nhưng đẹp tuyệt vời của cái làng Tường-An nghèo khổ này.

Dòng họ Vũ nhà tôi vốn quan niệm khe khắt với những tâm hồn lãng tử nên, trừ bác đồ Nhị và cha tôi, chả ai dám ôm mộng sông hồ. Việc đem mấy đứa trẻ thiếu mẹ về nhập tịch họ Vũ khiến nhiều người bất bình, nhất là ông nội tôi. Cha mẹ tôi không hẹp hòi thế, các người cho rằng bác đồ Nhị thừa lòng nhân đạo. Bác là kẻ lãng tử, phóng túng mà còn biết nghĩ đến con cái thì sao lại nữ trách. Họ Vũ chỉ hiểu sơ sơ quãng đời tung hoành của bác chứ hiểu sao nỗi nỗi cô đơn của một cõi lòng về già, hiểu sao nỗi bác Nhị cũng muốn có đứa con trai... tài tử trong sạch như bác.

Tôi càng gần gũi bác tôi hơn. Sẵn có ba nhíp cầu vồng chắc, tôi tự do ướp lấy hồn bác bằng mắt, bằng tai để hôm nay làm trai sông hồ, tuy chẳng dám có mộng làm nghệ sĩ (tôi sợ không được như bác tôi) song cũng biết mơ mộng hướng về chiều cũ mờ mây.

Chuyện tôi kể sau đây sẽ nói giùm tôi rằng tại sao cha con tôi yêu bác đồ Nhị. Một hôm, mật thám về làng khóa tay cha tôi giải xuống tỉnh vì cha tôi có bạn thân là cậu Trạch làm cách mạng chống Tây bị bắt ở Hải-Dương. Cả nhà tôi, trừ mẹ tôi, không ai khóc. Người trong họ cũng xót thương, cũng chỉ nín thinh. Vậy mà riêng có bác tôi đã dám lớn tiếng chửi đổng mấy đứa thất phu đứng giương mắt ếch nhìn sự đau khổ của thiên hạ mà cười khẩy. Tôi còn nhớ mãi cái hôm ấy, cái hôm bác tôi ném chai rượu đầy ắp vào tường, đổ tung đồ nhắm rồi gục xuống khóc

nước nở như trẻ con bị đòn. Lần đầu tiên trong đời tôi thấy bác khóc. Và giờ đây, mỗi khi mơ về làng xưa còn cội, tôi vẫn thấy rõ cảnh cũ hiện ra, có những âm hưởng của tiếng thủy tinh vỡ, có tiếng nước nở và tiếng nguyện rửa qua men rượu ngà ngà.

Đêm đêm chờ lúc canh khuya, bác đem đàn ra gảy. Tiếng đàn thương nhớ tri kỷ nó mới nào nuốt làm sao! Vang trong cô tịch, hòa với âm nhạc thiên nhiên, tiếng đàn bầu đi riêng một bè thiết tha buồn tủi. Tiếng ếch, tiếng dế nỉ non và tiếng muôn loài côn trùng rên rỉ nuôi tiếc. Có thể hòa âm ấy bay lên đượm lấy sương và sương rơi ướt đầm vai người lãng tử. Lạnh lẽo, điều hiu. Mẹ tôi khóc nhiều hơn khi nghe tiếng đàn vọng cổ nhân ấy.

Ít ngày sau cha tôi được thả về. Cậu Trạch đã hết tội yêu nước trước mặt thám rồi, cậu móc mắt tự tử. Thế là cha tôi hết bị tình nghi để cho bác đồ Nhị voi sấu vạn cổ. Bác lượm mảnh chai đập vỡ bữa nào, ném vào xó vườn rồi lại trịnh trọng ngồi tâm sự cùng cha tôi bên hồ rượu đầy.

Cuộc sống đều đều nối tiếp. Bác tôi vẫn dạy học. Lòng bác không còn se sắt mỗi buổi mưa gió về như dạo nào. Chấn bông là ba trái tim non ấm lên những đêm đông lạnh lẽo. Tiếng đàn của bác hiền lành hơn và tiếng nhị của cha tôi nghe cảm được. Khi bác cảm thấy thoải mái nhất lại là lúc thời đại đổi thay. Cách mạng tháng Tám bùng nổ. Cha tôi chẳng gặp người bạn quen nào phát cờ. Dĩ nhiên, người cam chịu âm thầm sau lũy tre xanh, coi thuở giang hồ mập mờ như chiếc bóng. Cách mạng nghĩa là cái gì cũng đổi thay. Duy bác tôi vẫn kéo tràn cái áo the lương rách tứ tung, vẫn mặc cái quần cháo lòng và sống cùng cực hơn

vì bọn môn đệ của bác, đưa thì đi bộ đội, đưa thì gia nhập đoàn thể này, công tác nọ chả còn hơi đâu mà nghĩ đến nồi cơm của thầy đồ.

- Nó ở ngay bên mình, ở sau lũy tre già còm cõi, ở ngay mảnh đất xác xơ này. Đào nó lên, khai quật nó lên mà kiếm, gia tài quê hương tiềm tàng dưới ấy.

Bác tôi sức nghĩ tới những bàn tay tổ tiên ngày này qua tháng nọ sống với đất, nên cha con rủ nhau tập cuộc với mấy thửa ruộng nhà. Mồ hôi, nước mắt, cả máu nữa, thấm vào lòng đất. Lúa cũng lên bông, vào mẩy. Bát cơm có đầy nhưng nghẹn ngào nói sao được. Cái trầm lặng thuở nào đây vụt thức. Lòng lãng tử đôi phen sụt sùi khóc gió mưa. Tội nghiệp, bánh xe thời đại tàn nhẫn đè lên bác tôi và làm đau đớn vô ngần.

Bác ít đánh đàn. Vì chưa chán lắm. Niềm thiêng liêng của bác bị nhạt bóng, người ta đem đàn nguyệt, đàn tranh, nhị ra kéo những bài chào cờ, mặc niệm. Thôi rồi, chết cả cõi lòng nghệ sĩ. Cha tôi, một buổi vờ say rượu, nhân cơ hội có con mèo chết, người lấy vải bó chặt lấy xác con vật khốn nạn rồi bắt chúng tôi khênh ra vườn sau. Đám táng con mèo, bác đồ Nhị cũng đi đưa. Bác đánh đàn tranh, cha tôi nín thính. Đến khi tôi nhìn lên thấy nước mắt cha nổi hàng rơi trên má, bác đồ Nhị thì đôi mắt đỏ ngầu. Cha tôi đào lỗ chôn con mèo, chôn cái nhị, chôn nguồn tình cảm quê hương, chôn luôn cả thiên tài hoa cuối mùa. Ở nhà còn mấy thứ đàn, cha tôi đem chẻ ra đun nước pha trà; ngồi đàm đạo với bác Nhị suốt sáng thâu đêm. Bác tôi không nông nổi giống cha tôi. Bác vẫn giữ đàn bầu, thỉnh thoảng mới nắn phím so dây mà lại dạo về ban đêm, vào những

hôm trăng sao đẹp nhất. Tại sao bác tôi trở nên kênh kiêu thế? Phải vì bác sợ phường cầu nhả nhìn trộm người yêu của mình hay vì muốn tâm hồn trắng trong với tình đàn?

Tiếng đàn bác tôi giờ đây trở nên ai oán, hận thù, phảng phất khói hương hoài cổ. Nhiều đêm nghe nó tôi khó mà ngủ được. Cả một triều đại đẹp xưa có còn những người hiền tựa khoai lúa, thương yêu nhau không biết kể bao nhiêu, hiện ra trước mắt tôi khi âm hưởng của tiếng đàn bác dồn Nhị rung lên trong đêm vắng. Bác tôi than tiếc trong tiếng đàn, than tiếc ngoài cuộc đời. Cái hình ảnh khốn nạn nào án ngữ nụ cười của bác tôi? Tôi vội nghĩ tới phút giây chẳng may bác phải đào đất chôn đàn. Dù tiếng đàn tuyệt diệu, hồn quê hương đã nhập ẩn trong lòng người quê hương rồi, tôi vẫn thấy buồn quá. Bác tôi sống đầy đoạ, đau khổ mãi cho tới ngày giặc tràn về làng thì cảnh tượng điêu tàn khuất dần dưới mắt tôi. Tôi cứ xa mãi, xa thành vĩnh biệt. Chả biết bây giờ bác tôi còn sống hay đã ra người thiên cổ?

Tôi bỏ làng ra đi, để rớt rơi ở sau lũy xanh bao kỷ niệm buồn đau của thời thơ ấu. Trên đường tự do thơm ngát hương đời, thơm ngát tình người của gã con trai ngoài hai mươi tuổi ưa viễn vọng, ưa những vẻ đẹp mới như tôi đã hơn một lần thất vọng. Là khi thoáng nghe tiếng đàn bầu rung lên khúc nhạc ngoại lai về một sớm phố phường nhộn nhịp. Chao hỡi! Nó trơ trẽn và diêm dúa làm sao? Chắc người nghệ sĩ bây giờ đã nạm bạc vào miếng tre vót nhỏ, đã khảm xà cừ vào đàn, đã ăn mặc lượt là lúc ngồi biểu diễn và, chắc chắn, đã sợ danh từ đàn bầu mà đổi là... độc huyền cầm.

Đâu rồi, người xưa đàn xưa? Biết đến ngày mai người ta có tìm lại trả cho tôi những ảnh hình thân yêu của không? Chứ hiện tại, âm hưởng của cây độc huyền cầm chỉ làm tôi tuyệt vọng, trách làm chi chuyện tôi nhớ quê hương. Nơi ấy, mỗi lần vọng về trong tưởng tượng, tôi vội hình dung thấy ngay bác đồ Nhị cỡi trần ngồi trên manh chiếu rách giải giữa sân vào một đêm trăng vắng gió, nầy khúc đàn bầu. Và khi cung đàn dứt, người bác lãng tử của tôi ngồi im lặng nghĩ tới thời vàng son xa lắc của những người quê hương chỉ biết thương yêu nhau. cho đến khi sương đêm thấm ướt đôi vai thì tài tử gục luôn xuống bên đàn mà ngủ.

1962

Cỏ non

C húng nó tụ tập đông đủ. Con ngõ cư xá bị nghẽn lối. Xe đạp, xe máy thì chịu khó xuống đất. Ô tô, xích lô máy thì bóp còi inh ỏi một lúc và đợi hàng hai ba phút mới có lối đi qua. Không khí trận mạc phảng phất trên những khuôn mặt non choẹt của tụi nhãi. Những thanh củi nhỏ, ngắn, những sợi dây cao su gói hàng, những viên đạn giấy lén thầy “sáng chế” trong giờ học và những tiếng súng mồm hứa hẹn thật nhiên sôi nổi ở trận chiến sắp tới.

Phe đảng chia xong xuôi rồi. Thăng Phúc làm “chúa” mọi da đỏ, thằng Chương làm “xếp” cao bồi. Hai đứa bắt đầu coi nhau như kẻ “tử thù”. Lát nữa, “chúa” mọi da đỏ mà tóm cổ được “xếp” cao bồi hay “xếp” cao bồi mà tóm cổ được “chúa” mọi da đỏ, chắc chắn sẽ có chuyện lột da đầu giả vờ hay treo cổ bằng dây thừng tượng tượng. Bây giờ, đến lượt tuyển mộ các tay súng oai hùng.

Chương chọn trước:

- Tao lấy thằng Tâm, thằng Hội, thằng Tám, thằng Báu, thằng Ngân, thằng Tấn, thằng Bảo, còn bao nhiêu phần mảy.

Phúc lắc đầu:

- Đâu có được, mày khôn bỏ cha đi ấy!

Chương vênh mặt tự đắc:

- Khôn cái gì?

Mày lựa hết trội những thằng “kịa”, tao toàn những thằng như “kịa”!

Chương nói xỏ:

- Mọi da đỏ chả như “kịa” là cái gì? Mà xem chớp bóng thì mày biết, chết như ngóe. Một thằng cao bồi bắn ngã cả trăm thằng mọi.

Phúc trả miếng:

- Cao bồi cũng như con “kịa”, chỉ được cái nước cày nhiều súng nhiều đạn.

Chương láu cá:

- Thế mày còn đòi “kịa” làm gì nữa?

Phúc bị “hố”. Nhưng nó vẫn khăng khăng:

- Mày trả tao thằng Hội với thằng Tấn tao mới chơi.

- Thôi đi mày, hai thằng này bắn sét tia chớp, mày đòi về bên mày, tụi nó bắn chết hết quân tao.

- Nó ở bên mày quân tao cũng chết hết.

- Quân mày gấp ba quân tao cơ mà.

- Mặc kệ, mày không trả thằng Hội, thằng Tấn, tao thêm vào chơi.

Chương ngấm nghĩ một lát. Nó hỏi thằng Tấn:

- Mày chịu làm mọi da đỏ không?

Tấn đáp:

- Tao khoái nhất.

Chương lại hỏi Hội:

- Thế mày?

Hội hình hình cái mũi, khinh thường Phúc:

- Tụi mọi dở ẹc, tao muốn bắn chết hết mọi chứ không muốn làm mọi.

Phúc nổi khùng:

- Con nhà Hội nhớ nhé! Mày sẽ biết tay ông. Được rồi, tao lấy thằng Tấn, cho mày thằng Kiên. A lê, dàn trận gấp!

Ngay lúc đó, thằng oắt tì Khôi, em “xếp” cao bồi Chương lon ton chạy tới. Khôi diện y hệt một thằng cao bồi chính cống. Nó đội cái mũ hướng đạo, lưng đeo thắt lưng bằng ni lông, khệ nệ hai khẩu súng cũng bằng ni lông nốt.

Súng chứa đầy “đạn nước”. Nó cố bắt chước kiểu đi của tụi cao bồi. Tay nó khuỳnh ra. Mười ngón tay sát gần hai khẩu súng như sắp sửa rút thật nhanh để khạc đạn. Trông nó buồn cười lắm. Thằng Phúc vờ run rẩy, trêu oắt tì Khôi:

- Chạy mau anh em, thằng “Giô-ni Con Chó” ¹ nó bắn chết hết bây giờ!

Cao bồi oắt tì Khôi bị chế nhạo, tức ứ hơi, bèn rút súng toan bắn... ướm áo “chúa” mọi Phúc. Song súng mắc kẹt, móc mãi không ra. Tụi mọi đã lên đường phục kích khá xa, uổng ghê!

Đến giang sơn của mình, “chúa” mọi Phúc vẫy tay một cái thật mạnh. Ngót hai mươi thằng mọi con tuân lệnh răm rắp. Phúc móc túi lấy miếng vải đỏ thắt ngang đầu. Nó giắt thêm ba chiếc lông cánh ngỗng trắng lên trán. Tụi nhãi con liền “hóa trang” mọi theo. Thằng thì băng vải xanh. Thằng thì băng vải tím và chỉ được giắt một chiếc lông thôi. Lông gà hay lông vịt đều “chu” tuốt. Mọi con dắt một chiếc lông, mọi “chúa” dắt ba chiếc. Luật của chúng nó như vậy. Đánh nhau, không bao giờ “chúa” mọi hay “xếp” cao bồi chết sớm cả. Hai thằng này luôn luôn chết sau cùng và chết một lúc.

Trước giờ xuất phát đánh tụi cao bồi, “chúa” mọi Phúc ra lệnh hát bài “*Lên đường*”. Bọn mọi con quây thành cái vòng tròn, đưa nào đưa ấy lăm lăm thanh củi trong tay,

tướng tượng đó là lưỡi búa “tô-ma-hốc”. Phức giờ tay. Bọn mọi con hơi hơi khom lưng, nhấc cao chân giậm thành thịch đi quanh “chúa” mọi của chúng nó. Phức bắt giọng:

- *Nào anh em ta... Hai, ba...*

Bọn mọi con hợp ca. Cái “lâu đài âm thanh” ấy hỗn độn không... âm nhạc một tí nào cả. Thăng hét lớn như lệnh vỡ, thăng hát nhanh hơn vệ tinh bay, thăng đuổi chậm quá xe thổ mộ. Tuy nhiên nó vẫn là bài hợp ca rất hùng hồn:

“Nào anh em ta cùng nhau xông pha lên đường. Kiếm nguồn tươi sáng. Ta nguyện đồng lòng điểm tô non sông từ đây. Ra sức anh tài. Đoàn ta chen vai, nề chi chông gai, lên đường. Ta người “Việt Nam”...”

Trong khi đó, ở “văn phòng xê ríp”. Chương dứt tay vào túi lôi ra năm sáu sợi dây cao su. Nó luồn vào cổ tay trái. Những tay cao bồi “nhỏ” kiểm soát “đạn” và nóng lòng rút súng quá trời! “Xếp” cao bồi Chương dặn:

- Bắt sống con nhà Tấn nhé, tụi mày!

Bọn cao bồi “nhỏ” gật đầu. Thăng Hội hỏi:

- Đi chưa?

Chương nhếch mép cười:

- Khoan đã bồ!

- Khoan làm gì?

- Khoan... ăn lạc rang!

Chương móc gói lạc khao mỗi thằng bạn vài hạt. Rồi nó nói:

- Thôi, đi bắn bỏ mẹ bọn da đỏ khốn kiếp đi. Anh em hãy lên ngựa!

Cao bồi oắt tì Khôi tức “Giô-ni Con Chó” lẻo nhẻo:

- Cho em đi với.

“Xếp” cao bồi Chương hét:

- Mày không đi được.

- Em đi được.

- Mày bắn chậm thấy mồ. *“Bắn chậm thì chết”*, thôi ở nhà canh phòng bọn... Mẽ-tây-cơ say rượu...

- Không, cho em đi với.

- Tao bảo không đi được mà.

“Giô-ni Con Chó” méo xệch cái mặt. Chương thương hại em quá, nó xiêu xiêu lòng:

- Ừ thì đi, nhưng đứng xa xa kéo tụi nó xô ngã nhé!

“Giô-ni Con Chó” Khôi tươi tỉnh ngay lập tức. Nó rút súng bắn tóe nước lên trời. Cả bọn “hí ngựa mồm” và hát bài:

*“Ngựa phi, ngựa phi đường xa, tiến lên đường cát trắng
trắng xóa, tiến lên đường nắng chói chói lóa...”*

Ngựa phi bon bon, bọn cao bồi uống rượu làm tàng quên khuấy rằng mọi da đỏ đang rình đợi lột da đầu chúng nó.

Bọn cao bồi lọt vào vùng mọi da đỏ. Chúng nó phóng “nước đại”, cát bụi tung bay mù mịt. Sợi dây cao su quàng qua hai ngón tay trở và ngón tay giữa thay vào cái nạng được nẹp đạn sẵn sàng. Cao su đã kéo căng, chờ bắn đạn giấy vỡ sọ kẻ thù. Cao bồi có hai thứ khí giới: súng cao su đạn giấy và súng tay phải đạn mồm.

Trông thấy kẻ thù ở xa thì có quyền nổ đạn giấy, đánh xáp lá cà thì nổ đạn mồm. Mọi da đỏ cũng chơi hai thứ khí giới: búa “tô-ma-hốc” củi và nổ miệng. Búa “tô-ma-hốc” chỉ dùng khi bắt được cao bồi và chỉ được “uỳnh” rất khẽ vào hông tên tù. Còn nổ miệng “vèo” tên mọi trường hợp.

Bọn cao bồi bót vẻ ngênh ngang. Chúng ghì “ngựa đi nước kiệu” và dừng lại buộc ngựa vô bụi cây, nghe ngóng. “Chúa” mọi Phúc mấy tuần trước từng sắm vai “xếp” cao

bồi nên “kinh nghiệm chiến trường” thừa thãi. Phúc xua quân vòng xuống giếng, qua ngõ H, ra đường, thọc về ngõ D là ngõ bọn cao bồi đang lạc “vùng tử địa”. Phúc đưa hai tay dang rộng, bọn mọi con chia thành hàng đôi, nép sát bên ngõ, âm thầm tiến.

Bọn cao bồi chưa biết mảy may. Cách chúng nó chừng ba mươi thước, “chúa” Phúc búng tay tách một cái và đồng thời phóng “vèo” một mũi tên tấn công. Bọn mọi con xô nhau chồm lên phía cao bồi. Thất kinh, “xếp” cao bồi Chương nằm vội xuống, lăn ba vòng rất điệu. Bọn cao bồi “nhỏ” biểu diễn ngã không kém gì “xếp”. Khoảng khắc, tiếng tên bay “vèo, vèo” và tiếng đạn nổ “pàng, pàng, pàng” loạn xạ cả miền “sa mạc cát bỏng hoang vu”. Bọn cao bồi vừa bắn vừa hét:

- Ê, Văn mày bị trúng đạn rồi ngã đi!

Mọi Văn đứng lại, gân cổ cãi:

- Trúng chó đâu mà trúng.

Hội bồi thêm ba phát:

- “Pàng, pàng, pàng” lần này mày chết rồi, ngã đi chứ!

Văn lè lưỡi:

- Chết cái con bọ xít!

Và nó giơ thanh củi dọa:

- Ông lại phóng búa vỡ sọ ra bi giờ.

Cao bồi Hội cụt hứng, nhắm bắn những tên mọi khác. Bảy tay súng oai hùng Tâm, Hội, Tám, Kiên, Báu, Ngân, Bảo cùng “xếp” Chương nắm tay phải, chìa hai ngón trỏ và giữa làm nòng bắn mọi tội bồi. Chưa thẳng mọi nào chịu ngã cả. “Xếp” cao bồi Chương giục “chúa” mọi da đỏ Phúc:

- Bảo chúng nó chết vơi đi mày.

“Chúa” mọi Phúc thừa hiểu rằng mọi da đỏ cần chết thì trận đấu mới thú vị ở hồi kết cuộc. Nó cũng hiểu rằng bọn mọi của nó không thằng nào thích chết “non”. Chết “non” bị loại ra rìa sớm. Đang vui chơi mà bị loại đưa nào chẳng buồn. Nên bọn mọi con ham chết “già”. Phúc cháu con nhà Hội lắm. Lúc này nó dám hình hình cái mũi khinh thường “chúa” mọi Phúc và muốn bắn chết hết mọi. Phúc phải “lột da đầu” con nhà Hội cho hả giận. Nghĩ thế, “chúa” mọi Phúc mặc cả:

- Mày để tao bắt sống thằng Hội nhé.
- Có đổi tù binh không?
- Có.
- Một thằng cao bồi ăn mấy thằng mọi da đỏ?
- Ăn ba thằng.
- Ăn gì ít thế?
- Vậy mày thích ăn mấy thằng?
- Năm thằng.
- “Kìa”, ăn tham quá trời!
- Thế bốn thằng nhé!
- Ba thằng thôi, bọn tao còn chết nữa cơ mà.
- Chết mấy thằng?
- Ba thằng.
- Chết năm thằng đi. Chết năm bị bắt sống ba, bằng lòng nhé, Phúc nhé!

“Chúa” mọi trả lời bằng tiếng Mỹ:

- Ô kê!

Hội nghe ngóng sự “mua bán” giữa cao bồi và mọi da đỏ, nó giậm chân đành đạch. Mặc xác nó, bọn mọi tấn công hăng quá, “xếp” Chương không kịp suy nghĩ tình cảm vớ

vấn. Súng nổ dồn dập. Năm thằng mọi tình nguyện hi sinh cuộc đời cho “chúa” Phúc nắm quay lơ, mở mắt thao láo. Tụi khốn khiếp, chết mà còn nhe răng cười hềnh hệch. Rõ đồ... mọi da đỏ.

Phúc hô quân tóm cổ thằng Hội. Mười thằng mọi con nhào tới, ôm chầm lấy thằng Hội kéo đi xềnh xệch. Bọn cao bồi “bắn chỉ thiên” giải nguy bạn. Số phận con nhà Hội là số bị mọi bắt nên khó ai cứu nổi. Hội bị bắt, “xếp” cao bồi Chương muốn “chớp” thằng Tấn. Nó bắn mười mấy phát liên tiếp. Con nhà Tấn nháy mắt trêu tức Chương. Nó giương cái nỏ tưởng tượng, vèo vèo những mũi tên mồm “đáp lễ” Chương. Chương mím môi bóp cò khẩu “côn đui”:

- Pàng, pàng, pàng... thằng Tấn chết rồi.

Tấn cũng cho tên bay:

- Vèo, vèo... “xếp” cao bồi bị thương ở tay phải.

Chương vẫn bắn:

- Pàng, pàng... tao bắn tay trái nhanh như tay phải, đạn trúng tim mày rồi, chết đi Tấn.

Tấn chỉ tay dưới rốn, ưỡn người cãi hỏn:

- Còn “phía”.

- À, mày chơi đều hả?

- Ừ đấy, ai bảo mày bảo ông chết, ông còn sống lâu lắm, “xếp” cao bồi ời!

“Xếp” cao bồi ức học máu mồm, nó gọi “chúa” mọi da đỏ:

- Ê, Phúc!

- Cái gì?

- Con nhà Tấn không chịu chết.

- Thế hả!

- Ừ!

- Mày bắn nó trúng vào đâu?

- Vào tim.

“Chúa” mọi bênh mọi con:

- Mất mày “cặp bà là té, mất bé mất to, mất có lò xo, mất to mất bé” rồi, cao bồi ạ! đạn sượt qua đầu vù nó mà mày bảo đạn trúng tim. Bắn dở ẹc, cao bồi ơi, bắn sượt đầu vù đâu có chết!

Nói đứt lời, “chúa” mọi Phúc hô lớn:

- Rút lui.

Bọn mọi con hí hí vang lừng rồi bỏ chạy. Chúng nó giẫm cả lên tụi mọi chết trên chiến trường khiến tụi này đau quá, sống lại, chửi bới om sòm. “Xếp” cao bồi Chương nghiến răng nhìn tụi mọi biến mất trong “những lớp cát bụi sa mạc dày đặc”.

Bọn mọi đã trở về tới “bộ lạc” của mình. “Chúa” mọi Phúc kiểm điểm lại quân số. Hai mươi thằng, chết năm, bị bắt sống ba, trừ đi còn có mười hai. Mười hai thằng đủ chơi một trận quyết liệt. “Chúa” mọi Phúc xắn tay áo lên, sửa soạn “thịt” thằng cao bồi Hội.

Nó bắt thằng Hội đưa hai tay bắt chéo ra sau lưng. Hội nghe lời, không dám hé răng. Phúc luồn tay vào chiếc áo Hội, tước hết “súng đạn”. Đoạn nó mở hội khao quân. Bọn mọi da đỏ quay vòng quanh thằng Hội.

Lại vẫn cái tập quán cũ rích, bọn mọi lăm lăm trong tay lưỡi búa “tô-ma-hốc”, hơi hơi khom lưng, nhắc cao chân giậm thành thịch, vừa đi vừa hí hí như khỉ ở sở thú. “Chúa” mọi Phúc nhường cái “vinh hạnh” đứng giữa cho thằng Hội. Nó nhập bọn với mọi con để “lãnh đạo” tụi nhãi tép này hành hạ tên tù binh cao bồi da trắng Hội.

Phúc béo thẳng Hội một cái thật đau, Hội kêu ơi ới:

- Bẹo gì mạnh thế mày?

Phúc giả vờ không nghe thấy. Nó búng ngón tay “tách”. Bọn mọi con thi nhau “phết” búa “tô-ma-hốc” vào mông thẳng Hội. Phúc nhìn Hội, khích bác:

- Tụi mọi dở ẹc hả, cao bồi?

Hội giận phát run lên. Mọi Tấn xui “chúa” Phúc “lột da đầu” thẳng Hội, “chúa” Phúc cười hô hố khoái chí. Nó mon men gần thẳng Hội, đưa tay vuốt ve đầu tên cao bồi khốn nạn này và thỉnh thoảng nó rút mạnh hai sợi tóc. Hội hét to. Phúc nháy mắt. Bọn mọi con xúm lại: đưa đấm đưa đá, đưa nhổ tóc, đưa “thố” mấy tờ chương trình hát bóng của Hội. Lúc đầu, con nhà Hội còn chịu được, sau đau quá nó vùng chạy. Chạy sao thoát. Bọn mọi da đỏ hung hăng tóm cổ nó lại, rút tóc tơi bời. Hội khóc hu hu. “Chúa” mọi Phúc nói:

- Ai bảo mày thích cao bồi?

Hội quệt nước mắt:

- Tao thích cao bồi vì cao bồi không chết sớm.

Phúc xỏ ngọt:

- Cao bồi không chết sớm nhưng cao bồi bị mọi da đỏ lột da đầu. Mày có xem chớp bóng không?

- Có.

- Sao mày ngu thế? Cao bồi trong phim đâu có khóc như mày. Mày là cao bồi hèn nhất.

Sĩ vả cao bồi Hội chán chê, “chúa” mọi Phúc ra lệnh cho bọn thẳng Tấn, thẳng Văn “săn sóc” tên tù da trắng Hội. Tấn và Văn mỗi thẳng “xực” Hội một cái bẹo tai rồi lôi nó đi “nhốt” ở “hang”, cách nơi tập trung quân mọi của “chúa” Phúc vài bước. “Chúa” Phúc dặn dò bọn mọi con đôi điều

xong lồi bắp ngô nướng ra gặm. Trông “chúa” mọi gặm ngô chẳng khác gì nhạc sĩ khẩu cầm thổi ác-mô-ni-ca.

Vào lúc ấy, tại “văn phòng xê-ríp” của “xếp” cao bồi Chương, ba tên mọi da đỏ ủ rũ ngồi. Chúng nó được đối đãi hết sức công bằng, nhân đạo theo nếp sống văn minh của bọn da trắng, nghĩa là không bị đánh đập tàn nhẫn, chỉ bị khinh miệt thôi.

Ba tên mọi da đỏ tên là Khải, Mão, Nhân. Bọn tù binh này hiền khô chứ không “gấu” như bọn còn sống. Những thằng hiền thường bị bắt và chết sớm. “Xếp” cao bồi Chương làm bộ “cao thượng” không hành hạ chúng nó nhưng “xếp” đã dung túng cho thằng cao bồi oắt tì Khôi tức “Giô-ni Con Chó” làm tàng.

“Giô-ni Con Chó” rút súng khỏi bao, mắt tóe căm thù chĩa thẳng vào mặt bọn tù binh mọi. Nó đứng dạng chân, hất hàm, hống hách hỏi:

- Ê, tụi mọi có đói không?

Mọi Nhận cúi sườn:

- Đói cái củ từ!

“Giô-ni Con Chó” gầm lên:

- Mà nói đều hả?

- Ừ đấy “Giô-ni Con Chó” ạ!

Bị gọi là “Con Chó”, cao bồi oắt tì Khôi sôi ruột. Nó bóp cò liền. Nước tóe đầy mặt tên mọi Nhân. Mọi Nhân đọc tên bố “Giô-ni Con Chó” chữ bới. “Xếp” cao bồi Chương cảnh cáo nó một cái cốc nhẹ. Bọn mọi im thin thít. Tụi cao bồi phá ra cười ầm ỹ. Mọi Nhân nghiêng răng nuốt “căm hờn”. Nó nghĩ thầm chốc nữa nó sẽ “xoi” thằng oắt tì Khôi mấy cú “phật thủ”.

Bọn cao bồi dời “văn phòng xê-ríp”. “Xếp” Chương giao ba tên mọi cho “Giô-ni Con Chó”. Trận chiến cuối cùng sắp sửa mở màn.

Lần này bọn mọi da đỏ tấn công ngay. Chúng nó đang hoành tiến chứ không thềm đánh bọc hậu. Những tiếng hí xuất quân nghe chói cả tai. Bọn cao bồi xông lên chiến đấu. Tên bay, súng nổ ồm ồm. Bắn nhau chừng hai phút, “xếp” cao bồi ra lệnh:

- Thăng Báú, thăng Tám chết đi!

Hai tên cao bồi “ngã ngựa” ngay lập tức. “Chúa” mọi cũng ra lệnh:

- Chết tám thăng mọi!

Bọn mọi con thăng nợ đòn thăng kia mãi mới chịu chết. Lại bắn nhau thêm hai phút nữa.

- Thăng Bảo trúng tên của tao nhé!

- Mọi Hiền vỡ ngực rồi, chết đi!

- Chết cái cục “tấy” ông đây này.

- Mọi da đỏ chết ba thăng.

- Cao bồi Ngân, Tâm chết. A, con nhà Tâm coi búa “tô-ma-hốc” vỡ cha nó đầu.

- Ôn con đều vừa vừa chú!

“Chúa” mọi Phúc hợp sức với “xếp” cao bồi, gào to:

- Mọi chết hết, cao bồi cũng chết hết, còn hai thăng tao sống thôi.

Bọn cao bồi nhỏ, bọn mọi con lồm cồm bò dậy, đứng nép hai bên ngó. “Xếp” cao bồi bắt buộc hết đạn và “chúa” mọi cũng bắt buộc mất búa “tô-ma-hốc”. Hai thăng nhào vào ôm chặt vật lộn nhau. Sóng gió sôi nổi ở chiến trường, khán giả trận đấu tay đôi này là tụi nhãi con vừa chết đã

được tiên cứu sống.

Chương tóm được đầu Phúc giật vội cái lông ngỗng ; không phải tay vừa, Phúc thoi mạnh một quả khiến Chương hét lên. Phải có một thằng chết và thằng chết ấy phải là chú mọi. Nhưng “chúa” mọi Phúc rất thích “ăn” cao bồi Chương. Thua “giả vờ” mãi chán lắm rồi. Phúc muốn làm “xếp” thằng Chương luôn. Nghĩ vậy, nó dồn hết sức mạnh phi thân chồm tới Chương. Chương đâu có ngán Phúc mặc dù Phúc làm “chúa” mọi da đỏ. “Xếp” cao bồi ghì chặt, toan đệm chân hạ ngã “chúa” mọi da đỏ. Song hai kẻ thù đồng cân đồng lượng nên trận đấu mỗi lúc một gay cấn.

Giữa lúc hai tay dũng sĩ đang tìm cách cho nhau “đo ván” thì “Giô-ni Con Chó” chạy đến tìm anh, khóc sụt sướt. “Xếp” cao bồi vội buông “chúa” mọi. Phúc lợi dụng dịp may nghìn năm một thuở quật té nhào Chương. Bọn mọi con vỗ tay hoan hô ầm ỹ.

Chương nhổ nước bọt ra vẻ khinh bỉ “hành động” đê hèn của quân chuyên môn đánh lén. Nó cóc cần thắng nữa. Em nó bị thằng nào bắt nạt mới cần. Thấy “Giô-ni Con Chó” mặt mày quần áo ướt sũng, Chương hỏi:

- Sao thế Khôi, đứa nào bắt nạt em?

“Giô-ni Con Chó” nức nở:

- Thằng mọi Nhân, nó tước súng của em bắn em ướt hết, anh ạ! Anh đánh chết tội mọi đi.

Bọn mọi con biết chuyện ba thằng Khải, Mão, Nhân cướp súng của “Giô-ni Con Chó”, vượt ngục, khoái quá ôm bụng cười lăn lộn.

“Giô-ni Con Chó” giục anh:

- Anh đánh chết tội mọi, anh nhé!

“Xếp” cao bồi nhìn “chúa” Phúc, hện gầm:

- Ủ, chiều mai anh sẽ đánh gãy răng tụi mọi da đỏ.

“Giô-ni Con Chó” đứng bên anh, lại làm tàng. Nó rút hai khẩu súng, tay nhanh như chớp, khạc đạn:

- Èng, èng, èng...

“Chú” mọi da đỏ Phúc vờ ôm ngực ngã lăn. Bỗng nó đứng lên, toét miệng cười, rồi hô quân:

- Chạy mau, anh em! Thằng “Giô-ni Con Chó” nó bắn chết hết bây giờ.

Tụi mọi chạy biến. Chúng nó thôi hí. “Giô-ni Con Chó” chĩa súng bắn đuổi:

- Èng, èng, èng...

(8-1964)

¹ Tên một phim cao bồi: phim Johnny Concho. Phim này có thằng cao bồi bắn dò ẹc nhưng thích làm tàng, cạy có anh bắn giỏi. Khi anh nó chết, nó bị xuống thờ.

Con sáo của em tôi

Sau khi cha tôi mất, gia đình càng ngày càng túng bấn, một mình mẹ tôi không đủ sức nuôi nấng hai đứa con mồ côi nơi thành thị nên mẹ đưa hai anh em tôi trở về làng cũ. Bên nội xóa bỏ tên cha tôi trong gia phả vì cha tôi xé tờ khai sinh mà ông tôi cố tình điền tên tuổi người vợ cả vào chỗ tên tuổi mẹ tôi. Ông tôi muốn gạt mẹ khỏi cuộc đời cha tôi bấy giờ và cuộc đời tôi mai hậu. Việc ấy rất giản dị như ông đã xóa bỏ tên chú Nghị vì chú mê cô đào cải lương gia nhập ban hát, lang thang rày đây mai đó. Bên ngoại từ bỏ mẹ tôi ngay từ dạo mẹ có mang ba tháng vì mẹ trốn nhà, vượt luật lệ cổ truyền, theo cha tôi làm vợ lẽ. Thành thử lớn lên anh em tôi mù mịt cả ý niệm gia tộc. Mẹ tôi thường kể rằng trước khi lấy mẹ tôi, cha tôi đã có vợ. Người vợ ấy cha tôi không yêu thương, nên bốn năm liền bà tôi cứ hoài công mong bế cháu. Ông tôi buồn phiền, thở dài thườn thượt, ông nghĩ đến nghiệp chướng xa xôi nào, lúc này sự quả báo hiện hình quẩn rù con gái. Thật vô phúc. Cha tôi đi vắng luôn luôn, cha năng ở nhà ông phó Nhị hầu hạ ông để hồng ông truyền hết ngón đàn thập lục.

Cha tôi phải giặt quần áo, đấm bóp chân tay hay kiểm rượu, đồ nhắm cho ông Phó, phục dịch ông đủ điều. Rốt cuộc ông Phó vẫn giữ lại đôi ngón sở trường, ông sợ dạy

hết, mai mốt cha tôi giỏi hơn ông. Bởi vậy, tài nghệ của cha tôi chưa nổi bật, và chưa đủ thời giờ nghiên cứu âm nhạc quê hương thì cha tôi đã gặp mẹ tôi. Cuộc tình duyên này làm đảo lộn đời cha và ảnh hưởng rất nhiều đến anh em tôi sau này.

Ông nội tôi biết chuyện tức sôi ruột, chửi bới cả gia đình nhà mẹ tôi. Tiếng dữ đồn tới xóm làng bên kia sông. Ông ngoại tôi đuổi mẹ tôi khỏi cửa. Bấy giờ mẹ tôi có mang tôi được ba tháng. Cha tôi lén lút gửi mẹ tôi nương nấu nhờ người bà con xóm cuối thôn. Bà nội tôi thương con cả, lại nghe tin mẹ tôi có chửa nên bốt giận. Bà nội xin ông nội nhận mẹ tôi làm vợ lẽ cha tôi. Cuộc hôn nhân không giá thú. Việc tưởng vậy êm thấm. Ai ngờ ông ngoại tôi lồng lộn tìm bắt mẹ tôi, đánh đập mẹ tôi một trận tàn nhẫn. Tệ hơn nữa, ông ngoại tôi lại gọt hết tóc, bôi vôi trắng xóa đầu mẹ tôi rồi mới đoạn tình phụ tử. Mẹ tôi phải trùm khăn vuông kín mít ngót hai năm trời.

Mẹ về sống dưới gian nhà mái dột, vách bùn trát nham nhở bên cạnh chuồng trâu của đại gia đình họ Nguyễn nhà tôi. Suốt thời gian đèo bồng cái hình hài tôi, cái bọc đau khổ, mẹ tôi chịu đựng bao nhiêu điều tủ nhục. Hết người vợ cả hẹp hòi, ích kỷ của cha tôi hằn học ghen tuông, lại đến các cô tôi kiểm có sinh sự. Vợ cả cha tôi bảo mẹ tôi dọn vải đầy bụng để đánh lừa ông tôi. Ông tôi nhiều bận chỉ mặt mẹ tôi dọa nạt rằng nếu đúng tháng mà không sinh nở thì sẽ tống cổ mẹ tôi đi. Chú Nghiêm thỉnh thoảng về thăm nhà cũng hếch sách mẹ tôi. Ông tôi quý chú Nghiêm lắm. Trong khi cha tôi mãi đàn sáo, chú Nghi giang hồ phiêu bạt, chú khéo léo chiều ông tôi. Bởi thế chú Nghiêm được

xuống tỉnh học, đỗ đạt giỏi giang. Chú khinh bỉ mẹ tôi, sự khinh bỉ chú học mót của đám dân trưởng giả thành phố. Mẹ tôi đau khổ trăm chiều, ngày làm quần quật như con vật, tối ôm bụng khóc một mình. Tội nghiệp mẹ tôi, tôi chả biết ví mẹ giống ai. Đầy tớ nhà ông tôi còn sung sướng còn nói đùa nghịch, chứ mẹ tôi thì câm nín suốt ngày đêm. Cha tôi hy vọng mẹ tôi sinh con trai và đứa đầu lòng sẽ là nhíp cầu bắc qua những tâm hồn người bên nội với tâm hồn mẹ tôi. Chắc chắn mẹ tôi hết tủi cực.

Đến ngày mẹ tôi trở dạ, ông tôi cất vội vàng túp lều nhỏ ở xó vườn, cạnh khóm chuối tiêu. Tôi cất tiếng khóc ban đầu nơi ấy, ở túp lều xó vườn, cạnh khóm chuối tiêu, cạnh những con người hà tiện tình thương mến. Vì đêm tôi mở mắt chào đời, cha tôi đi vắng nên có sự xảy ra như tôi đã nói đoạn đầu. Tuần lễ sau cha tôi về, cha nghiêng răng xé nát tờ khai sinh rồi đưa mẹ con tôi xuống tỉnh ly. Tôi vĩnh biệt họ hàng bên nội bằng mấy tiếng “oe oe”. Tôi lớn dần, lớn dần để thu vào tầm mắt non nớt hình ảnh cuộc đời cha tôi: hình ảnh gã nhạc công hậu trường sân khấu cải lương, hình ảnh ông lái thuốc bắc, hình ảnh ông thư ký sở tư, hình ảnh ông thợ chữa xe đạp và sau rốt là hình ảnh ông lang chế thuốc cao đơn hoàn tán. Mãi tới ngày cha tôi mất, tôi mới thù hằn những hình ảnh méo mó đọa đầy linh hồn cha tôi. Sao đời cha tôi nhiều hình ảnh thế? Và đời tôi nữa, hình ảnh thấm nét nhất là một đêm mù mịt bên khóm chuối tiêu. Thế mà anh em tôi lại phải về quê ngoại. Tôi không hiểu tại sao mẹ tôi chịu nhục nhã, nường nấu dưới túp nhà lá bỏ hoang vườn sau, trước đây ông bà ngoại dành riêng cho bọn thợ gặt mỗi vụ mùa. Mẹ tôi chỉ nghĩ đến anh em

tôi. Trời ơi, tôi muốn khóc quá.

Ở đây, chúng tôi sống lủi thủi cô độc. Mẹ tôi dọn quán bán nước chè tươi, xôi chè, canh bún ngoài bến đò Đồng-đức, bòn nhặt từng hào chỉ. Thường mẹ dậy sớm sửa soạn đồ hàng, cơm nước buổi sáng để anh em tôi ăn. Mẹ nắm thêm hai nắm nhỏ phòng trưa đói còn lót dạ tạm. Chập tối mẹ lần mò về nhóm bếp thổi cơm. Bữa nào hàng ế ẩm, mẹ con tôi ăn canh bún, ăn xôi chè thay cơm. Mẹ tôi luôn luôn vui vẻ dù thỉnh thoảng cậu mợ, dì bác tôi mĩa mai đủ điều. Họ nói những lời mà bây giờ tôi hãy còn nhớ. Tôi không thể tưởng tượng nổi tê tái nguyền nát cõi lòng mẹ khi bà ngoại gọi mẹ là “đồ đĩ”, bác tôi bảo mẹ là “con lăng loàn” và mợ tôi nói băng quơ “cóc chết ba năm quay đầu về núi”. Tôi thấy mẹ tôi cúi đầu lẳng lặng, nước mắt nhỏ giọt trên mái tóc em tôi, thì tôi đoán rằng mẹ buồn. Hồi ấy, tuy tôi bé bỏng nhưng tôi đã biết xét đoán những con mắt soi mói, những lời tiếng bắc chì, những bộ mặt ích kỷ của mọi người họ hàng bên ngoại. Tôi thương mẹ. Tôi thương em gái tôi hơn, chưa được hưởng sung sướng thì cha vội lìa đời. Tôi hằng mơ ước một mai khôn lớn, tôi sẽ kiếm tiền nuôi mẹ, sẽ tậu nhà ở tỉnh, mẹ tôi thôi bán hàng, em tôi cấp sách đi học. Nghĩ vậy tôi thèm đọc sách lắm. Khốn nỗi mẹ tôi nghèo cực, lấy tiền đâu mà mua. Tôi đành học ôn mớ sách cũ nát và dạy em tôi từng trang, từng đoạn dè sẻn, sợ hết chữ.

Đám con cái cậu mợ tôi vào hùa cha mẹ chúng bắt nạt anh em tôi. Hễ em tôi hở ra món đồ chơi nào là chúng nó tìm cách ăn cắp. Tôi đòi, chúng xúm nhau đánh đập tôi sưng tím cả mặt mày. Em tôi khóc, mẹ tôi thở dài đau đớn.

Dần dần cuộc sống quen nếp. Anh em tôi biết thân phận, bắt chước mẹ tôi, tập nhịn nhục, tập nghiêng răng và hy vọng. Anh em tôi đùa nghịch với nhau, chẳng dám lai vãng đến thềm nhà ông bà ngoại.

Tôi hay bắt dế, bắt chuồn chuồn, bắt công cống cho em tôi chơi. Bùn bèo của chúng tôi có chừng, chỉ có con chim chích chòe sáng nào cũng đậu trên cành soan ca hát líu lo rồi tung cánh bay xa tìm mồi. Em tôi thích chim. Tôi vụng về, không trèo cao được. Tôi hẹn sẽ bắt tặng em tôi một con sáo khi mùa xuân sang.

Mùa xuân, hoa soan vườn nhà nở nhiều, màu tím dịu mắt. Mẹ tôi nói hoa soan nở chỉ tổ đuổi muỗi một xác. Cùng lượt hoa soan khoe sắc, sáo trên rừng đổ xô xuống đồng bằng hàng đám, cơ man. Em tôi nhìn những con sáo đen, lông muôn muốt, viền mắt vàng vàng, ra chiều thèm ớn. Tôi theo bọn trẻ con bến đò, lấy rễ rách, vắt cạp rồi buộc lại tựa hình cái đờ đờ tép. Xong, tôi bó mạnh chiếu bên ngoài bịt chặt một đầu, còn đầu kia để ngỏ cho sáo ra vào. Tôi buộc tổ sáo trên cành sung thấp nhất. Hai hôm sau vợ chồng nhà sáo bắt đầu tha rác về tổ của anh em tôi. Chúng tôi hoan hỉ đợi chờ. Em tôi chưa chi đã vội lo cái lồng nhốt con sáo. Tôi bảo em tôi phải mong ba tháng. Em tôi sốt ruột. Ngày nào cũng hỏi thăm sáo. Mẹ mắng em, em dỗi bỏ cơm. Tôi dỗ dành em mới chịu ăn.

Ít lâu sau tôi trèo lên thăm tổ. Tôi thò tay tận phía trong và biết sáo đẻ bốn trứng. Tôi lôi ra xem. Trứng sáo to bằng ngón tay cái của tôi, màu xanh xanh vân vân đẹp quá. Tôi kể chuyện em nghe. Em nhảy reo ầm ỹ. Mẹ tôi dọa rằng:

- Rắn ưa tìm tổ chim ăn trứng. Con liệu hồn, nó cắn thì chết.

Tôi phát run, thề sẽ chữa thói liều lĩnh nguy hiểm. Nhưng em tôi muốn coi trứng sáo, em cứ nằn nì đem xuống một trứng. Tôi đành mạo hiểm lần nữa. Lúc tôi đang lúi húi trước cửa sổ thì vợ chồng đôi sáo bay về. Chúng nó lượn trên đầu tôi, kêu inh ỏi. Tôi bỏ trứng vào túi áo, tụt xuống, sụt cả tay, máu chảy đầm đìa. Em tôi thỏa mãn sự tò mò, em trông tôi, thương hại. Tôi an ủi em và trả lại trứng cho sáo.

Tối hôm ấy mẹ tôi đánh tôi hai roi tội không vâng lời. Mẹ nói:

- Còn trèo nữa, sáo sẽ bỏ tổ.

Anh em tôi lo ngại ngủ chẳng ngon giấc. Ngày tháng mùa xuân trôi vùn vụt. Một buổi sáng anh em tôi nghe rõ tiếng sáo con kêu trong tổ, em tôi hỏi:

- Anh ơi! Sáo con có bú mẹ không?

Tôi vuốt tóc em dịu dàng trả lời:

- Em bú mẹ chứ sáo nào bú mẹ

Em ngây thơ:

- Thế làm sao nó lớn được?

- À sáo mẹ mớm mồi.

- Sáo bố làm gì hở anh?

- Sáo bố đứng canh. Em nhìn thì biết. Kia kia, trên cành cây gần tổ. Khi sáo mẹ mớm mồi cho các con, cũng như khi ấp trứng, sáo bố bao giờ cũng lớn vờn ngoài tổ em ạ!

Tôi giảng nghĩa thế vì tôi nghe lỏm bọn trẻ con ngoài bến đò. Em tôi ngạc nhiên, ngây người đứng ngẩn. Lát lâu em mỉm cười nũng nịu:

- Sáo con ngủ, sáo mẹ có ru không anh?

- Chắc có.

- Anh biết à?

- Thì anh đoán, chim cũng như người vậy em ạ!

- Mẹ ru em bằng bài “Con cò mà đi ăn đêm”, sáo ru con bằng bài gì hở anh?

- Anh chịu, chả biết được.

- Giá sáo là người để em hỏi nó chắc thích lắm anh nhỉ?

- Ừ.

Đám con cái ngộ nghịch của cậu mợ tôi đã thấy chỗ tôi buộc tổ sáo. Tôi tức' sôi ruột, tức muốn đốt nhà chúng nó. Chúng nó rình mò làm tôi không thể ra bến đò trông hàng giùm mẹ tôi những lúc đông khách. Anh em tôi thay phiên nhau canh gác. Mẹ tôi khuyên tôi nên chia sáo cho chúng nó. Tôi miễn cưỡng phải rờ tổ đáng lẽ chờ vài hôm nữa sáo con già dặn hơn. Hôm tôi bắt sáo con, vợ chồng sáo bay lượn kêu thảm não. Sáo mẹ sà xuống sát đầu tôi như thể nó sắp mổ mắt tôi. Chẳng trách cha tôi xé tờ khai sinh, mẹ tôi chịu vất vả, khổ sở. Mẹ tôi mua giỏ bắt cua để tôi nhốt sáo. Cậu mợ tôi chọn lựa ba con đẹp, lớn ; phần tôi là con sáo đẹt, bé nhỏ, xấu xí nhất đàn. Tôi buồn, khóc mấy đêm ròng. Làm sao tôi nhớ hết mọi chi tiết vụn vặt cái hôm ông cậu bà mợ tôi chia sáo? Cậu tôi bóp con sáo xấu số của tôi khiến cho nó há mỏ ra. Em tôi run rẩy chỉ sợ nó chết? Mợ tôi bảo:

- Bọn mày nuôi sáo làm quái gì, cơm còn không đủ ăn lại có cơm thừa nuôi sáo.

Tôi cáu tiết cãi lại:

- Sáo ăn cào cào chứ cần gì cơm gạo.

Cậu tôi chẳng nể nang gì mẹ tôi cả, cậu chúi đầu tôi một cái thật mạnh. Tôi lao đao suýt ngã. Cậu mắng mỏ:

- Đồ chết cha, đồ con hoang có khác. Anh em mày lớn lên thì thành đồ ăn cắp!

Tôi nín lặng, em tôi chạy vào ôm lấy mẹ. Và cả tôi cũng lủi thủi cầm con sáo vừa đi vừa khóc. Tiếng khóc của em tôi rõ ràng hơn. Mẹ tôi thương anh em tôi, mẹ bỏ bán hàng nửa buổi đan cái làn mắt thưa. Mẹ bảo nhốt sáo vào đây rồi treo lên cây, sáo mẹ luyện con sẽ mớm mồi, như vậy sáo chóng lớn.

Tôi nghe mẹ. Quả con sáo của anh em tôi được sáo mẹ chăm lo chu đáo. Đám con cái của cậu mợ tôi ghen ghét. Chúng nó chăm chăm đòi bắn đôi sáo già. Tôi chỉ ngại nhờ chúng bắn sáo của tôi. Bọn ranh con mất dạy, ích kỷ bắn súng cao su không trúng, chúng nó nhờ người thổi ống xì đồng. Buổi sáng hôm cái gã mắt chột rình rập ngoài vườn, anh em tôi lo cuống quýt. Em tôi nhìn sâu chim đủ loại: chào mào, chích chòe, liều tiều lủng lẳng trên vai hăn, em nói nhỏ:

- Khéo nó bắn chết sáo mất anh ạ!

Tôi run run trả lời em:

- Đừng sợ em ơi! Mắt nó chột bắn chả tin đâu.

Nhưng đôi sáo già đi kiếm mồi đã về. Tim anh em tôi đập mạnh. Tôi rời mắt lên cảnh sung chờ đợi. Sáo bố đậu cách cái làn khá xa, sáo mẹ mon men lại gần mớm mồi. Trong lúc đó, viên đạn đất oan nghiệt từ ống xì đồng thổi phụt ra. Sáo bố trúng đạn rơi xuống ao. Em tôi giật nảy mình kêu lớn:

- Chết em rồi!

Tôi cảm thấy như viên đạn trúng đầu tôi. Con sáo bố đã chết. Sáo mẹ bay lượn, rĩa rỏi ai oán hàng giờ. Em tôi ứa

nước mắt:

- Sáo của anh em mình mất rồi nó sẽ khổ lắm anh nhỉ?

Câu nói khiến lòng tôi se lại. Tôi nhớ cha tôi. Phải chi cha tôi còn sống thì anh em tôi đâu khổ sở thế này. Sáo mẹ thỉnh thoảng bay tới, nó chỉ dám sà vội qua cái làn, có khi sáo con chưa kịp há mỏ, mồi đã rơi mất. Sáo mẹ sợ sệt tất cả. Tôi chạnh nghĩ đến mẹ tôi mà buồn vơi vội.

Em tôi lo cho sáo con, đòi mang xuống. Tự dấy sáo mẹ không trở lại nữa. Có lẽ nó đã chết vì cô độc hay đã về rừng. Chúng tôi nuôi sáo bằng chuối. Dần dần sáo lớn, tôi ra đồng đập cào cào lấy mồi nuôi sáo. Tội nghiệp sáo con cô cút, đêm ngày âm thầm chui rúc trong cái giỏ cua. Em tôi đang phân vân không hiểu mai kia sáo lớn nhất vào đâu. Ước gì có cái lồng tre, chúng tôi mơ ước song mẹ tôi không thừa tiền chiều chuộng con.

Giữa lúc đó thì chú Nghị đến thăm mẹ tôi. Họ hàng bên nội nhà tôi chỉ chú Nghị là kẻ có lòng. Bao nhiêu năm tháng qua rồi, từ ngày tôi sinh ra đời tới bây giờ, chú luôn luôn an ủi, giúp đỡ mẹ tôi. Tuy chú nghèo, tôi thường nghĩ giang hồ phiêu bạt như chú, giàu sao được. Chú Nghị tốt lắm, chú bệnh vực mẹ tôi thuở mẹ tôi bị cả gia đình chồng xúm vào cấu xé, day nghiến chỉ vì mẹ tôi thương yêu cha tôi quá đến nỗi mẹ bằng lòng lấy cha tôi không cần giá thú. Hôm đưa xác cha tôi tới nghĩa địa, tôi thấy chú khóc nức nở khi những tảng đất phủ kín dần chiếc quan tài bằng gỗ mộc. Tôi còn đủ trí nhớ để hình dung ra bộ mặt khắc khổ phong sương của chú Nghị. Và hình dung ra thì tôi lại ghét cay đắng ông bà nội, các cô các chú tôi, nhất là người vợ cả ích

kỷ của cha tôi.

Đạo cha tôi ở Hà-Nội, ban tuồng chú Nghị sau nhiều chuyển lang thang dọc đường gió bụi, trở về trình diễn tại thành phố này. Chú dành ghế cho cha mẹ tôi xem tuồng liên miên. Mỗi buổi tan hát, chú dẫn đi ăn mì. Khi rảnh rang, chú dắt tôi tới vườn Bách-thú xem xiếc hoặc dạo mát loanh quanh trong công viên rồi ra ngồi ăn bánh tôm trên đường Cổ-Ngư bên hồ Trúc-Bạch. Mỗi phố tôi qua, chú dạy tôi cách trông chừng hai đường xe cộ lưu thông. Vì chú cháu tôi hay thơ thần buổi sáng, chú bảo tôi thở hít mạnh, chú giữ lưng tôi ngay thẳng tựa người lính tập đứng nghiêm. Tôi yếu đuối, chắc chắn sự yếu đuối ảnh hưởng phần nào những ngày mẹ tôi mang thai tôi, tâm hồn mẹ bị dẫn vật, thôi thúc thời gian đó. [...] Huệ, Lê-Lợi, Lý-Thường-Kiệt, câu kết luận của chú bao giờ cũng hàm đầy ý khuyến khích:

- Cháu gắng lên, mai mốt cháu sẽ giỏi, cháu sẽ hãnh diện làm con của cha mẹ cháu.

Tôi không nghe chú nói tới quãng đời luân lạc chim nổi của một kép hát. Sau này vợ chú bỏ chú lấy người khác, chú nghiện rượu và thù hằn tất cả. Tôi không biết tại sao chú hay giấu điểm sự ẩn ức mà đáng lẽ nói được thì chú bốt giận dữ kẻ khác trên đời. Nhưng, ngay trong những cơn điên tàn bạo, chú tôi rất hiền hòa với mẹ tôi. Tôi nhớ đạo gia đình tôi sống ở ngoại ô Khâm-Thiên, nhà tôi phải đi qua cái ngõ hẹp bẩn thỉu. Một buổi tối, tôi đang cầm cổ bước, vì tôi sợ ma, thỉnh linh chú Nghị nấp sau đám giậu kêu “ú a ú ó” cơ hồ tiếng ma quỷ giận hờn rồi xô ra chặn lối. Chú muốn dọa tôi nên chú chơi thế. Song lúc ấy tôi không thèm hiểu. Trong khoảnh khắc, đầu óc tôi tràn ngập

sợ hãi, kích động. Tôi cúi tiết đá chú nột cái thật mạnh. Tôi mới lên mười nhưng tôi mang giày, trong cơn tức giận tôi đá mạnh kinh khủng và cái đá làm sứt ống chân chú Nghị. Máu chảy ròng ròng, chú đau đớn, rên nhè nhẹ rồi ngẩng lên mỉm cười. Chú ôm tôi xin lỗi. Tôi khóc thương chú khiến chú rút nước mắt. Chú Nghị mang vết sẹo trên da tháng năm nối tiếp. Thỉnh thoảng vui vẻ, chú kéo ống quần khoe vết sẹo. Anh em tôi lại sà vào lòng chú nũng nịu.

Ngày mẹ tôi diu anh em tôi về quê ngoại, chú phiêu bạt mãi tận Sài-Gòn. Thành thử chúng tôi trống rỗng buồn tẻ. Không ai bên vực an ủi anh em tôi. Nay tự nhiên chú Nghị đến, hỏi chi anh em tôi không vui mừng sung sướng. Bên ngoại vẫn thù bên nội vì ngày mẹ tôi trốn nhà theo cha, ông nội cứ gọi tên ông ngoại chửi bới, trách móc. Lúc này chú Nghị có mặt ở đây, tôi thấy chú nhét bông đầy tai và đeo kính râm suốt ngày. Chú mua cho tôi vô số sách đẹp. Chú dạy anh em tôi học. Tôi thích chú Nghị nói chuyện lịch sử. Em tôi thì bận tâm về con sáo nhỏ. Em khóc khi chú dạy tôi toán pháp. Chú hỏi em tại sao, em bảo ước' gì có cái lồng như bọn anh chị em con cậu con bác tôi. Chú Nghị vuốt tóc em, chú tháo cặp kính, mắt chú đỏ ngầu, chú thần thờ giây lát rồi ghé tai em tôi thầm thì. Em tôi nhảy lên reo múa. Mấy hôm sau, chú bỏ việc dạy học, ngồi cặm cụi vót tre đan lồng. Ba bốn ngày liền chú mới đan xong. Cái lồng sáo của em tôi đẹp chả thua gì lồng bán ngoài bến đò. Chú làm chiếc thang ngang lấy chỗ cho sáo đậu, chú buộc cống đựng nước và cống chưa có gạo, nước. Con sáo được nuôi trong lồng[...] ra bỏ đi. Mẹ tôi giữ thế nào cũng chẳng nổi. Tôi hết hy vọng học chú. Hôm chú mới đến, chú hứa chú

ở lâu, chú nói dối anh em tôi. Chú Nghị ra đi, ít tháng sau được tin chú chết, mẹ con tôi buồn não nuột. Từ đó, sớm chiều anh em tôi dành tâm sự với con sáo.

Tôi ra đồng đập cào cào, châu chấu làm mồi cho sáo ăn. Em tôi thích đút chuối cho sáo. Em cắn miếng chuối nhỏ, xâu vào đầu cây tăm. Em thổi sáo miệng, chú sáo đôi kêu “khách khách” trả lời rồi há mỏ ra đợi em tôi mớm ăn. Em còn cho sáo ăn thịt nữa. Những buổi trời ầm ập, em tôi tắm sáo, rửa lồng. Nhìn sáo phơi mình dưới ánh nắng, mắt em tôi bừng lên những tia sung sướng, hy vọng. Em hay thả sáo tự do nhớn nhोर khỏi lồng. Em đi trước, sáo theo sau tựa hồ đôi bạn côi cút thương yêu nhau. Con sáo của em khôn lắm, nó thường “làm nũng” em lúc em cho nó ăn. Nó nhảy lên cánh tay em rồi bậy trắng lờn áo. Em thích ôm sáo trong lòng đôi bàn tay hoặc để nó đậu trên vai rất âu yếm. Bữa nào sáo ăn ít, em sợ sáo ốm, sáo chết, em buồn có khi em khóc. Nhiều đêm trời mưa bão, em ngủ không yên, thức giấc là hỏi chuyện sáo.

Ngày tháng trôi qua, con sáo của em tôi thay hình đổi dạng. Bộ lông đen mượt, nó nhảy nhót luôn chân. Nó đã biết mổ gạo. Như thế anh em tôi khỏi cần lo cào cào, châu chấu, chuối, thịt nữa. Mẹ tôi bảo bóc lưỡi sáo vài lần thì nó mới nói được. Em tôi sợ sáo đau nên ngần ngại. Nghe ai mách rằng cho sáo uống nước cua kéo nó “sốt rét”, em tôi định làm, song mẹ tôi mắng:

- Sáo để ở đồng bằng thì ngã nước cái gì, chỉ vẽ chuyện.

Thế rồi anh em tôi cũng phải nhờ mẹ tôi bóc lưỡi sáo. Con sáo xấu xí út ít không ngờ đẹp quá. Bọn trẻ gạ gẫm mua, anh em tôi từ chối. Chúng nó tức giận bèn mang con

mèo già hung ác tới dọa nạt. Anh em tôi thay phiên gác sáo.

Bây giờ con sáo tập hát. Mắt nó còn viền vàng xinh đáo để. Thỉnh thoảng vắng người nó líu lo đôi tiếng. Hễ có người thì nó câm tiếng. Em tôi cho rằng nó xấu hổ. Một buổi trưa anh em tôi đang thiu thiu ngủ bỗng nghe con sáo kêu hoảng hốt. Em tôi vùng dậy, thấy ở thềm nhà gã mèo hung ác đứng gằm gù nhìn lên. Em vác guốc ném trúng mèo, nó co đuôi chạy mất. Chúng tôi lo sợ. Mẹ tôi bắt mang lồng sáo ra ngoài hàng, tối mang về.

Khách hàng ghé quán mẹ tôi, họ dạy anh em tôi cách tập sáo nói. Họ bóc hộ lưới rồi họ che kín mít lồng. Quả nhiên sáo không nhìn rõ ai, hát líu lo. Giọng nó trong vắt mà buồn làm sao. Trưa hè ở bến đò vắng vẻ, tiếng nó gọi cho anh em tôi bao nỗi nhớ nhung thương tiếc. Tôi lại nhớ chú Nghị, nhớ cha tôi. Dần dần em tôi dạy nó nói. Bài học vỡ lòng để sáo nói tiếng người là:

- “Sáo dạ, sáo dạ, nhà có khách”.

Em tôi kiên nhẫn dạy sáo, mãi rồi con sáo côi cút của em tôi nói được. Em ngâm thơ lắm, em dạy cả sáo hát, dạy nói những lời hết sức tha thiết:

- “Sáo nhớ mẹ, sáo khóc”.

Con sáo dường như hiểu nỗi lòng của em tôi nên cố gắng. Khi em hát, sáo hát và nói “Sáo nhớ mẹ...” Càng ngày sáo hát càng hay. Thấy lạ, ông ngoại tôi xuống chơi nhà tôi nghe sáo nói. Việc này quá sự tưởng tượng của mẹ tôi. Từ ngày gia đình tôi về nương náu ở đây có khi nào ông ngoại tôi thềm thăm hỏi. Ông thích con sáo, ông đòi mượn. Em tôi lăn ra khóc, từ chối. Sau hôm ấy, ông ngoại ghét anh em tôi hơn.

Ở bến đò, vô khối người muốn mua, họ trả một trăm đồng nhưng em không bán. Mẹ tôi khuyên em nên bán vì trăm bạc sẽ may được cho hai anh em tôi mỗi đứa hai bộ quần áo diện tét. Em tôi không cần quần áo, nếu mẹ bán sáo thì em tôi sẽ nhịn đói đến chết. Cuối cùng mẹ chiều em. Anh em tôi có con sáo nên bớt cô độc. Trẻ con hàng xóm năng lui tới nhà tôi trừ bọn anh em họ độc ác của tôi. Trong quãng đời thơ ấu buổi tối, anh em tôi thèm thuồng đủ thứ. May mắn mẹ đưa anh em tôi về quê chứ ở lại Hà-Nội thì anh em tôi còn khổ sở dường nào. Điều chắc chắn là em tôi không có con sáo để trút nỗi niềm. Em tôi ưa ngồi một mình nói chuyện với sáo. Em tôi kể nỗi hiu quạnh của em làm như sáo hiểu nỗi. Em hỏi sáo:

- Mất bố mẹ sáo có khổ không?

Rồi em nói tiếp:

- Khổ ư? Tôi nghiệp nhỉ , bé bỏng thì chỉ bị bắt nạt thôi sáo ạ! Sáo đừng khóc nhé! À sáo ăn no chóng lớn, chớ bỏ bữa, gầy còm rồi chết thì tôi buồn đấy sáo ạ! Chả ai chơi thân với người nghèo như mình đâu.

Con sáo đôi khi vô tình buột miệng:

- “Sáo nhớ mẹ sáo khóc”

Em tôi dỗ dành:

- Ừ, sáo nhớ mẹ, tôi cũng nhớ cha. Sáo khóc à, thì khóc đi...

Tôi nằm nghe, nước mắt trào ra cay đắng. Dạo ấy tôi mới chỉ mười ba tuổi, em tôi tám tuổi. Nhưng tôi sớm tiếp nhận nỗi u sầu vào tâm hồn. Và bao nỗi niềm tủi nhục thay phiên hắt hủi mẹ con tôi nên tôi đã khôn ngoan, đã biết khinh bỉ họ hàng bên nội bên ngoại trừ chú Nghị.

Cuộc đời đọa đầy tôi ngay ở cái tuổi đáng được hưởng

hạnh phúc, sung sướng. Thành ra nếu có ai nghi ngờ, tôi vẫn nói rằng suốt thời thơ ấu của tôi, tôi không biết trồng trắng trồng sao, không biết bẻ hoa bắt bướm mà chỉ biết be bờ ruộng đơm đó kiếm tép để ăn, ăn thừa thì mẹ tôi đem ra bến đò bán. Cùng tuổi tôi, đám con cái của cậu MỢ tôi còn vùi vãnh cha mẹ, ngu ngơ chả hiểu gì. Thế mà tôi hiểu cách rang cám cho thơm, cắt màn cũ khâu thành vỏ, vót tre thành giọng, cắt vỏ tôm. Tôi hiểu cách cưa ống nứa, đan hom đào giun xào với lá bông thả ống lươn. Tôi hiểu cách đan rọ cá rô, ngâm thóc vào nước gạo cho thối nhủ đàn cá. Tôi hiểu nhiều lắm, hiểu cả những lời bóng gió, mỉa mai của thiên hạ để sau này bước xuống cuộc đời đem tâm sự của một con chim huyệt mũi tên.

Mẹ tôi ví tôi như trái chín rằm. Tôi tưởng tôi là trái chín hoang. Vì trừ trái chín cây không thêm kể đến, trái chín rằm còn được người ta xếp vào lò hay bỏ vào vựa, vào chum, người ta nhét vào đầy lá soan cho mau chín chứ đời tôi, đời anh em tôi nhất định là hai trái chín hoang. Ngày nào đó, người ta thấy hai trái xanh quá, xấu xí quá, người ta ném vô bụi giậu. Mưa, nắng, gió bão tới tấp, chịu đựng nổi thì trái chín. Tôi biết tôi chịu đựng nổi bởi vì ngoài họ hàng bên nội bên ngoại còn mẹ tôi, còn chú Nghị. Ngoài đám con cái cậu mợ tôi hay bắt nạt, hiếp đáp anh em tôi còn bọn trẻ con ở bến đò Đồng-Đức dạy tôi buộc tổ sáo... Và mai mốt tôi sẽ chín, chín chẳng để trả thù ai đâu, nhưng chín để kể lại chuỗi ngày tháng anh em tôi nuôi con sáo.

Con sáo là niềm an ủi duy nhất, là niềm kiêu hãnh duy nhất của anh em tôi. Trong khi chung quanh tôi, trẻ con nhà giàu nuôi sáo bằng lồng son, cồng sứ, thức ăn thì gạo trộn

lòng đỏ trứng gà, nước uống thì pha sôm nhị hồng, sáo của chúng nó vẫn chết. Anh em tôi nuôi sáo chỉ có gạo trắng, nước lã, lồng tre mà sáo hót lại hót hay, sáo nói lại nói giỏi. Tưởng con sáo cũng nên kiêu hãnh. Với tình thương mến của anh em tôi, với cái lồng do chú Nghị đan, nó đã thành con sáo quý khác cả những sáo quý nhất trên đời.

Tính ra anh em tôi nuôi sáo đã lâu. Năm ngoái mẹ tôi buôn bán phát tài, tết nhất cũng đủ bánh trái, thịt ăn mấy ngày. Anh em tôi mỗi đứa có bộ quần áo mới, có tiền xu, tiền hào chơi đáo, chơi cò quay, có tranh con lợn treo tường, có long đình, tượng bụt chơi làm đình làm chùa. Giá nghe mẹ bán con sáo thì tiếc chừng nào. Năm nay hàng quán ế ẩm. Suốt mùa đông mưa lê thê, bến đò vắng khách. Mẹ tôi lại đau yếu luôn luôn, phải nghỉ ở nhà. Con sáo cùng chung nỗi buồn, biếng ca hót lười bay nhảy, nó quên cả lải nhải mấy câu nói em tôi dạy thuộc lòng.

Trời cuối tháng chạp mưa phùn rả rích. Gió bắc thổi vù vù. Rét thấu xương. Anh em tôi co ro trong ổ rơm, lồng sáo đặt bên cạnh. Mẹ tôi lại sốt từ hôm ông Táo lên châu trời. Ba hôm nữa tết rồi mà mẹ vẫn nằm rên rỉ. Tôi lo ngại quá, tâm hồn thờ thẩn.

Em tôi sốt ruột vì trời mưa. Nhà chỉ còn gạo, mẹ tôi chưa sắm sửa đồ cúng. Gà vịt cũng chưa mua. Cho đến tối ba mươi, mẹ tôi lên cơn sốt nặng. Mẹ tôi rên hừ hừ. Đắp hai cái chăn, hai cái chiếu, mẹ vẫn còn rét. Anh em tôi ôm nhau khóc thút thít. Em hỏi những câu quái gở khiến tôi rùng mình.

- Anh ơi! liệu mẹ có chết không?

- Không, mẹ phải sống nuôi anh em mình thành người chứ.

- Sao mãi mẹ chả khỏi gì cả?

- Tại trời mưa lạnh, tạnh nắng là mẹ khỏi, em đừng lo.

Tôi nói dối em tôi tại mưa lạnh, thực ra mẹ tôi chẳng uống thuốc men gì cả. Con nhà nghèo, ốm no bò dạy. Tôi thường bị sổ mũi, ho mà có cần mời thầy lang đâu. Nằm vài bữa, trở dậy lại khỏe như cũ. Tôi tin thế nên đỡ lo.

- Đạo cha còn sống mẹ có ốm nặng không anh?

- Anh chả nhớ rõ.

Trưa nay, em ngủ nằm mơ thấy cha, em nhớ cha quá, ước gì cha sống lại...

Em tôi khóc to hơn. Tôi ôm em vào lòng, thương mến. Bên ngoài trời còn mưa lai rai. Đêm cuối năm mù mịt. Anh em tôi lo lắng không dám ngủ. Lúc mẹ tung chăn chiếu, anh em tôi nhảy bổ vào ôm mẹ. Hơi nóng và mồ hôi sau cơn sốt thoát ra sưởi ấm anh em tôi giữa đêm trừ tịch. Mẹ tôi vuốt tóc em.

- Mai, ngủ thôi chứ con, mai dậy sớm mẹ mừng tuổi tiền mua pháo tép.

Em tôi nũng nịu:

- Con mua pháo ống lệnh cơ!

- Ừ thì mua pháo ống lệnh.

- Mới lại cái gương cho con sáo nó soi.

- Góm cô ả vôi vĩnh mãi.

Mẹ tôi chiều con, mẹ nói hơi nhiều, giọng mẹ mệt nhọc. Tôi định hỏi mẹ cái gì, nhưng thương mẹ lại nghĩ không ra. Anh em tôi tắt đèn đi ngủ.

Sáng mồng một tôi dậy sớm. Em tôi ngủ mê mệt, tôi đắp thêm chiếu cho em ấm áp ngủ lâu. Mẹ tôi hình như đã đỡ. Mẹ nhìn em tôi, lắc đầu ái ngại. Dưới ngọn đèn lù mù, tôi

thấy nước mắt mẹ tôi lăn tăn trên gò má xanh xao, khắc khổ. Mẹ tôi nói nhỏ:

- Hữu này, mẹ dặn con nghe nhé! Hôm nay đừng lớn vồn ngoài ngõ, đừng lấy tiền của ai cho.

Mẹ tôi dặn tôi bằng thừa. Cậu mợ tôi dạy tôi nhiều bài học độc ác, giả đạo đức quá rồi, tôi thèm thường gì mà ngửa tay ra để người ta nhổ bọt vào. Nhưng tôi phải đáp:

- Vàng ạ!

Giọng mẹ tôi đứt từng câu ngắn:

- Tại mẹ ốm... thành thử... tết này nhà mình... thiếu cỗ. Con nhớ... thắp hương... bàn thờ cha con nhé! Con lớn rồi, chả cần, chứ em con, ngày tết... không được miếng thịt...

Mẹ tôi bỏ lửng câu nói, ôm mặt khóc tấm tức. Tôi bỏ ra ngoài sân. Trời lạnh hắt. Phía nhà trên, gia đình ông ngoại đang giết gà, vo gạo, thổi xôi... Chiều qua nhà ông mỗ lợn. Tôi muốn lên châu chực để may ra ông thương hại thí cho một miếng về ăn tết. Song tôi nhớ tới chú Nghị, tới những bài học làm người chú dạy tôi nên tôi lại thôi. Dường như hồi chú ghé đây để đan cái lồng sáo, chú nhìn tôi rồi gật gù, bao giờ chú cùng gật gù sau buổi dạy học:

- Cháu thông minh lắm, cháu giỏi lắm.

- Nhưng mẹ cháu nghèo.

- Hề gì, đói rách đâu phải là tội lỗi, cháu đừng buồn. Rồi ngày kia cháu sẽ lẻ loi, cháu sẽ thấy trong sự đau khổ người ta mới xét đoán mọi việc đứng đắn.

- Rồi cháu có sung sướng không chú?

- Chú không dám nói cháu sung sướng nhưng chú quả quyết cháu có tài, có nhiều tài...

- Thật hả chú?

- Thật chứ, song cháu chả nên quy lụy ai, quy lụy nó hèn con người đi thì rồi cái tài cũng đến xếp xó.

Chú ư kể chuyện cha tôi và ngón sờ trường âm nhạc: đàn thập lục. Chú bảo ngày ông nội đuổi cha tôi khỏi nhà, cha tôi không có đồng xu nào dính túi. Thế mà cha tôi gây dựng nổi đời cha. Tại cha tôi chết sớm chứ không thể nào cũng có ngày cha về làng mua đất dựng nhà. Tôi kém cha tôi nhiều quá, tôi chỉ biết khóc.

Lúc này đứng nhìn thiên hạ đón xuân, tôi nghĩ đến em gái tôi, nghĩ đến miếng thịt gà, thịt lợn hay thịt chim khi em tôi tỉnh dậy. Anh em tôi chỉ có mỗi con sáo. Con sáo nuôi bao nhiêu ngày mới biết nói. Chẳng lẽ tôi giết nó? Chẳng lẽ em tôi ăn cơm với muối ngày đầu năm? Năm nay em tôi mười tuổi, mười mùa xuân bay vụt qua, mười mùa xuân tẻ nhạt, buồn thảm chấp nổi thành thời thơ ấu của em tôi. Mùa xuân trôi theo kỷ niệm, có khi nào nín lại được? Tôi không muốn em tôi lớn lên phải ghen ngào nhắc tới một trang chưa chất, xiên lệch trong cuộc đời. Vậy thì tôi sẽ giết con sáo. Tôi nghĩ tôi biết buộc tổ, biết nuôi sáo, nuôi bằng cái lồng của chú Nghị thì sáo nào chẳng biết nói, biết hát. Dẫu con sáo này chết, tháng sau tôi buộc tổ sáo khác. Mùa xuân tàn rất nhanh, tôi có đàn sáo mới, tôi nuôi một đôi để chúng quyến luyến nhau cơ hồ anh em tôi, chắc em tôi sung sướng lắm. Ý tưởng ấy khiến tôi bót se sắt, bót tủi nhục. Tôi len lén trở vào xách cái lồng sáo xuống bếp. Trời còn tối, sáo không nhận ra tôi. Nếu nó chết thì nó oán hờn sự nghèo khổ và bàn tay tàn ác nào đó. Vong hồn cha tôi sẽ phù hộ tôi. Giết nó, tôi đau đớn vô ngần nhưng tôi phải thương em tôi hơn. Em tôi phải được ăn thịt sáo nấu su

hào ngày mồng một tháng giêng năm mới. Chỉ vì em, tôi quên tất cả.

Tôi mở cửa lồng thò tay tìm con sáo. Nó nhảy trốn, móng chân nó cào vào tay tôi đau buốt. Cuối cùng tôi tóm nó. Nó kêu ai oán, từ xưa nó chưa từng kêu như thế. Nó giấy giụa. Tôi vặn cổ nó chết tươi. Làm xong công việc tàn nhẫn đó, tôi nhóm lửa nấu nước làm lông. Tôi run run chặt dao trúng ngón tay. Máu tôi hòa cùng máu con sáo.

Tôi xào thịt với hành mỡ thơm lừng rồi đổ nước đun thật lâu. Trong khi chờ đợi, tôi gọt su hào.

Lúc ở bếp bước ra, trời hừng sáng. Tôi đem lông sáo và cái lồng giấu phía sau nhà. Tôi ngồi bệt xuống đất, ôm mặt khóc. Pháo nổ vang trời đất, chuông trống khua inh ỏi. Lồng tôi sôi bùng bùng, tan nát. Tôi nhớ chú Nghị, tôi nhớ cha tôi. Những người thân yêu có thể che chở cuộc đời mẹ con tôi đều bỏ đi cả. Bây giờ mùa xuân về, mẹ con tôi cô độc, nghèo nàn. Tôi đâu đón trút nỗi buồn vào hai bàn tay non nớt, bóp bẹp cái lồng sáo. Niềm vui thơ ấu của anh em phần bị chết chóc, phần bị dúm dỏ, gãy vụn. Tôi cứ ngồi tưởng tiếc. Mỗi khi nghe tiếng mẹ gọi, tôi mới trở vào.

Mẹ tôi hỏi:

- Tại sao con khóc?

Tôi đưa vạt áo thấm nước mắt, trả lời:

- Thừa mẹ khói làm con cay mắt đấy ạ!

Rồi tôi mỉm cười, nhưng nụ cười gượng gạo ấy giấu sao nổi một tâm tư đang cuộn cuộn muôn vàn ý nghĩ. Tôi nghe tiếng mẹ thở dài. Tôi đánh thức em tôi dậy. Mẹ tôi mừng tuổi cho mỗi đứa hai đồng. Tôi tặng cả em. Em tôi sung sướng nhận ngay không hỏi lời thôi như những ngày thường. Gió

xuân vừa tạt qua đôi má thơ ngây của em. Tôi nói:

- Mai, đi rửa mặt rồi vào ăn cỗ em!

Em reo to:

- Có cỗ hở anh?

- Ừ, cỗ to lắm.

- Anh cúng cha chưa?

- Đã.

Tôi nói dối em chứ ai lại cúng cha bằng thịt sáo. Em tôi chưa biết gì cả. Khi ngồi ăn, em mơ màng chuyện đầu đầu. Em khen thịt ngon. Bất chợt em hỏi tôi:

- Thịt gì đấy anh?

- Thịt chim.

- Anh mua à?

- Không.

- Thế ai cho, ông ngoại hở?

Tôi im lặng nghĩ câu trả lời. Em tôi tự nhiên buông đũa, đứng dậy, cuống quýt:

- Con sáo của anh em mình anh ạ! Ta mừng tuổi nó chứ?

Thấy tôi rầu rầu không nói, đứa em gái sâu thẳm của tôi ngây người đứng ngó. Và em chạy vụt ra sân ngơ ngác tìm kiếm xong lại chạy vô gậm giường? Chẳng thấy lồng sáo đâu, em hỏi:

- Nó ở đâu hở anh?

- Chắc trộm bắt mất rồi em ạ!

Em tôi thẫn thờ bước khỏi ngưỡng cửa. Lòng tôi rối bời. Nước mắt trào dâng lên, nhỏ giọt xuống bát canh su hào thịt sáo. Tôi cứ ngồi, nước mắt cứ rơi, lặng thinh như phiến gỗ. Tôi đợi em vào để xin lỗi. Tôi hối hận, tôi muốn chạy ngay ra ngõ gào khóc bi thương ngộ may có Phật hiện hình

thì xin ước cho con sáo sống lại. Nhưng cõi đời tăm tối của anh em tôi, Phật là chú Nghi, chú chết rồi, tôi ước nguyện gì đây? Mãi chẳng thấy em trở vào, tôi hoảng hốt chạy về phía nhà sau. Ở đấy có bộ lông sáo sưng nước và cái lồng tre chú Nghi đã đan cho em tôi. Em tôi ôm cái lồng vào tay thương tiếc. Tôi đi nhẹ tới gần em. Bước chân tôi run rẩy trên nền đất quê ngoại. Tôi khẽ gọi:

- Mai, em Mai...

Em không ngoảnh lại. Tôi biết em ghét tôi lắm. Em đứng dậy, vẫn ôm cái lồng, lưng thưng đi ra bờ ao. Tôi phải nói thế nào để em tôi hiểu tại sao tôi giết con sáo? Tôi toan giải bày, nhưng khốn nạn, sự ghen ngào rình mò đúng lúc vít chặt lấy cổ họng tôi. Tôi chỉ còn biết ấp úng:

- Em ơi! Anh xin...

Tôi buông chưa dứt lời, em quay lại nhìn tôi, đôi mắt chớp mau. Bốn con mắt anh em tôi lúc ấy mờ đi dưới cái màn xám hối, đau thương. Bộ mặt đau khổ của tôi nói với em nhiều rằng tôi quý con sáo nhưng tôi yêu em. Em tôi chừng hiểu chuyện, em buông đôi tay. Cái lồng và bộ lông con sáo rơi xuống đất. Em chạy xô tới ôm lấy tôi, khóc nức nở.

Đào kép cũ

Gánh “Gió Bụi” của ông bầu xưởng LÀ một gánh hát nhỏ và nghèo. Đến nỗi giấc mơ duy nhất của ông là được chuyển gánh về thủ đô hát một tháng, một tuần hay chỉ một đêm thôi mà cũng chưa bao giờ thực hiện nổi. Cho đến bây giờ thì giấc mơ ấy thực sự đã chết trong lòng ông bầu già nặng lòng với nghệ thuật.

Những cô đào lẳng, đào thương có chút nhan sắc; những chàng kép độc có giọng ca mùi mẫn; những anh hề có tài chọc cười duyên dáng, lần lượt bỏ bầu Xưởng ra đi tìm tiền tài và danh vọng ở phương trời khác. Rồi tới phiên anh soạn giả ruột, anh đạo diễn tâm huyết, anh họa sĩ hào hoa già từ “Gió Bụi” để lại cho bầu Xưởng vài vở hát cũ mèm, vài tấm phong nham nhở màu sắc thì gánh của bầu Xưởng bắt đầu hấp hối trên miệng hố đen ngòm của đe dọa đói rách, bệnh tật...

Bầu Xưởng gánh “Gió Bụi” bằng hai vai, bằng tự ái nghề nghiệp và bằng lòng kiêu hãnh của kiếp tài tử. Ông soạn lại các vở cũ, sơn phết lại phong, đạo diễn luôn tuồng kịch. Ông làm việc ngày đêm ôn đồm đủ thứ, đủ món. Tóc ông bạc phơ râu ông dài tua tủa. Ông đâm ra thù đời, thù người. Ít lâu sau ông biến thành một bầu gánh khó tính độc tài không tin cậy ai cả trừ vợ ông và hai cô đào chánh,

con gái yêu của ông.

Bầu Xưởng đưa “Gió Bụi” lang thang khắp nẻo đường gió bụi lục tỉnh. Khi những đấng thiên tử những anh hùng hiệp sĩ xuất hiện trên sân khấu thì đồng thời cũng hiện những thằng ăn mày những thằng phản bội ở hậu trường. Gánh hát của bầu Xưởng toàn gặp thất bại ê chề. Chiếc xe chuyên chở phong cảnh hành lý và công nhân của bầu Xưởng đã bán đứt cho chủ vừa cá. Người ta bèn dùng nó vào việc thiết thực hơn là việc nghệ thuật. Thành thử mỗi lần chuyển gánh, bầu Xưởng lại phải mướn xe đò. Do sự mướn thuê đau buốt tim gan đó nên cứ một phen ra đi là một phen gửi lại chút ít đồ đạc làm kỷ niệm. Dần dà, đồ nghề thừa thớt. Thừa thớt luôn cả nghệ sĩ. Vì họ vội nghĩ tới một đời sống tầm thường, một đời sống không sóng gió nhưng no lành, yên ổn. Đào thì kết duyên với các thầy đại diện xã, các thầy hội viên cảnh sát hoặc các thầy trung sĩ trấn thủ quận lý, hoặc nữa, làm lẽ mấy ông chủ vừa cá, chủ xe đò... Kép thì lọt vào những đôi mắt xanh của các cô thợ may, các cô bán hàng ngoài chợ. Có anh tốt số vớ được cô nữ sinh con ông điền chủ ái mộ tài hoa. Thế là nghệ sĩ có quyền vĩnh biệt ông bầu, quên sáu câu vọng cổ, bài xàng xê và những tháng ngày đói rách để làm cuộc đời mới...

Sự kiện này tiến diễn không ngừng khiến bầu Xưởng ứa nước mắt. Ông kiên nhẫn chịu đựng. Cái hi vọng ngày mai tươi sáng là ngọn nến leo lét trong đầu óc ông. Bầu Xưởng không thể bỏ cuộc vì ít ra ông còn một số đàn em trung thành với ông, số đàn em nguyện cùng ông, cùng gánh “Gió Bụi” rút ruột nhả tơ đến ngày trở về cát bụi. Bầu Xưởng lo vá lại mũ măng, y phục và kết nạp thêm đào kép trẻ. Mặc

dù “Gió Bụi” nằm gánh nhiều nơi, mặc dù những lượng vàng dành dụm của vợ, của con gái tháo hết đối cơm cháo, cà phê, thuốc lá cho nghệ sĩ, bầu Xưởng vẫn tin vào cơn gió thần, ngày nào đó, sẽ thổi tung “Gió Bụi” cho tiếng trống tường vang vang thuở oanh liệt lúc ban đầu.

Và đây là giấc mơ thứ hai...

Một buổi chiều u ám, gánh “Gió Bụi” của bầu Xưởng lạc loài tới Hậu-nghĩa. Hậu-Nghĩa là một tỉnh lỵ mới thành lập. Từ công sở đến chợ búa, từ chùa chiền đến rạp hát, tường chưa khô mùi vữa, mái còn đỏ tươi dưới ánh nắng chói chang. Dân tỉnh lỵ rất dễ tính. Người ta đón người đến như đón bà con thân thuộc. Người đến, nếu ở lại lâu sẽ được săn sóc chu đáo, sẽ được an ủi tinh thần, giúp đỡ vật chất.

Gánh “Gió Bụi” dĩ nhiên được hoan nghênh nhiệt liệt. Nó cũng giống những trái dừa giữa sa mạc nóng bỏng. Nó tới đúng lúc người ta khát khao. Bất kể sự rách rưới, nghèo đói, người ta chỉ cần biết nó là gánh cải lương đầu tiên đặt chân lên miền đất trẻ trung này.

Bầu Xưởng sung sướng muốn khóc. Ông ta phấn khởi đôn đốc nghệ sĩ tập dượt lại những vở tuồng ruột. Hai ngày cái tỉnh lỵ nhỏ bé Hậu-nghĩa đã om sòm tiếng trống cổ động của gánh “Gió Bụi”. Tấm “băng-đờ-rôn” căng thẳng trước rạp. Hai chữ “Gió Bụi” đỏ chói đập vào mắt người qua đường. Những bức ảnh đào kép treo trên tường làm mỗi câu khán giả. Sở dĩ gọi là “mời” vì những bức ảnh này đều chụp hồi đào kép còn trẻ đẹp, béo tốt. Bầu Xưởng nắn nót cán bút sơn lên những tờ “áp-phích” dán khắp phố. Những tờ “áp-phích” hấp dẫn dân chúng tỉnh lỵ hơn những tờ “tuyên cáo” của chính phủ.

Khán giả bắt đầu thuộc tên kép Mộng-Tần, Tám Liễu, Chín Long-xuyên, Năm Định-Tường, hề Tiểu-Tử; tên đào Ái-Hoa, Duyên-Hương, Ba Chợ-lớn, Bầy Gò-đen... Bầu trưởng đã bóp óc nặn ra những dòng văn chương bay bướm như thế này: *"Gió Bụi, một ban hát tổng hợp mọi danh tài của vạn nẻo sông hồ gió bụi với ngôi sao bắc đối của vừng trời ca kịch xứ sở Ái-Hoa; với giọng vàng thế kỷ Duyên-Hương; với sắc đẹp tuyệt vời của Cléopâtre Việt-Nam Bầy Gò-đen; với giọng ca thiên phú trầm ấm Mộng-Tần; với tiếng hát truyền cảm tuyệt vời Tám-Liễu và chìa thoá mở kho cười vô tận Tiểu-Tử. Gió Bụi, tiếng chuông vàng của những tiếng chuông vàng, nghệ thuật của những nghệ thuật. Đúng chín giờ đêm nay, tấm màn nhung Gió Bụi sẽ hé mở để quý ngài bước vào thế giới âm nhạc cải lương, quý ngài sẽ mê ly ngây ngất và thương cảm cho mối tình đầu dang dở của đôi trai tài gái sắc trong tuồng "Lương Sơn Bá, Chúc Anh Đài". Y phục Thượng-hải bạc triệu. Chú ý: Quý ngài nhớ mang mùi xoa theo để thấm nước mắt..."*

Văn chương quảng cáo tuồng của bầu Xưởng êm ái cơ hồ điệu vĩ cầm, đã lọt vào tai dân Hậu-nghĩa. Đêm ấy, người ta xô đẩy nhau mua vé ban "Gió Bụi" chơi tuồng "Lương Sơn Bá, Chúc Anh Đài". Đào già Năm Phồn, bầu Xưởng ngỡ ngàng như sống trong chiêm bao. Đào ngồi ở "ghi sê" mà cứ đang tưởng ngồi ở đảo hạnh phúc. Đào xé vé lia lịa, đếm tiền rào rào. Vé bán hết thật nhanh. Nhiều khán giả chậm chân đành phải trở về. Đào Năm Phồn tươi tỉnh xin lỗi và hứa hẹn đêm mai sẽ in nhiều vé hơn. Năm Phồn cảm thấy mình trẻ ra vài chục tuổi. Khi đóng tiền đã nằm gọn trong cái "xắc" lớn, đào già Năm Phồn mới nhớ tới kỷ niệm của

những đêm mưa chong đèn đợi khán giả, những đêm đau khổ móc tiền đổi lại vé, những đêm ăn cháo trắng hột vịt muối nằm nghe tiếng thở dài, những đêm khóc tí tê nghĩ đến ngày mai đen tối.

Giữa giây phút thần tiên của vợ, bầu Xưởng hé tấm màn cũ kỹ nhìn xuống. Khán giả đông nghịt. Bầu Xưởng cảm động nghẹn lời. Nước mắt ông ứa ra, những giọt nước mắt của ông thấm vào tâm hồn đào kép. Chưa bao giờ họ được chơi tuồng trước số khán giả kỷ lục như thế. Hồn tài tử vụt thức. Trong khoảnh khắc họ quên tất cả mọi nỗi niềm cực nhọc ê chề. Họ chỉ nghĩ họ là nghệ sĩ đúng với danh hiệu trời phong cho họ. Và họ đã sống thật cùng nhân vật tuồng. Họ không cần hỏi diễn tuồng xong họ sẽ ăn cơm hay nhin đói như thường lệ. Cuộc đời của họ, vinh quang của họ cơ chừng có một đêm nay.

Ban “Gió Bụi” chinh phục khán giả tỉnh lý Hậu-nghĩa dễ dàng. Khán giả khoái sáu câu của Mộng-Tần, mê sắc đẹp của Cléopâtre Bấy Gò-đen, cười nghiêng ngửa vờn Tiểu-Tử đến nỗi dám tha thứ cho “y phục Thương-hải” của bầu Xưởng. Bầu bèn tìm kế hồi sinh gánh hát.

“Đất lành chim đậu” Gánh “Gió Bụi” của bầu Xưởng đóng đô thường trực tại rạp “Sông Hồ”. Nhờ sự ủng hộ nhiệt tình của khán giả, bầu Xưởng đã có đủ phương tiện để sắm sửa thêm phong cảnh, quần áo, mũ măng, đàn sáo... Đời sống đào kép được bảo đảm nhưng bầu Xưởng thật sự là một ông bầu độc tài. Những tay soạn giả, đạo diễn xuất sắc tình nguyện đầu quân gánh “Gió Bụi” đều bị bầu Xưởng xua đuổi. Ông không cần đạo diễn soạn giả ông thừa tài để lèo lái gánh hát của ông. Vinh quang biến ông thành

kẻ kiêu hãnh, phách lối. Bầu Xưởng cứ “bồn cũ soạn lại” diễn hết tuần này sang tuần khác. Khán giả vẫn đông nghịt. Không ai chê một lời nào. “Gió Bụi” vốn vẹn có mười vở tuồng mà bầu Xưởng kéo dài chương trình trình diễn ngót ba tháng. Bây giờ, đôi tay của đào già Năm Phồn nặng trĩu những vàng. Chiếc nhẫn đeo ngón giữa nổi bật những viên kim cương óng ánh. Bây giờ, đào già Năm Phồn đã quên những đêm ăn cháo trắng hột vẹt muối cầm hơi và giọng của đào kèn kiệu như giọng của trăm ngàn bà bầu giàu sang khác. Bây giờ, tủ áo của đôi đào lẳng Ái-Hoa, Duyên-Hương, ái nữ của ông bà bầu đã đầy nhóc những chiếc áo dài đắt tiền. Nước hoa Chanel số 5, son Elizabeth Arden, phấn Harriet Hubbard Ayer thơm phức. Bây giờ bầu Xưởng không hút thuốc Méliá vàng nữa. Ông mua những cái tẩu Dunhill bạc ngàn, hút thuốc Prince Albert. Luôn luôn ông ngậm tẩu và ví mình với các đạo diễn gạo cội quốc tế. Bây giờ, ở hậu trường sân khấu mọc lên hai bộ bàn đèn đuốc phiện. Các kếp nằm hút chửi ông bầu. Thuốc phiện có sức quyến rũ mãnh liệt. Chẳng bao lâu vợ chồng bầu Xưởng cũng rủ nhau “đi mây về gió”.

Gánh “Gió Bụi” bắt đầu lười biếng. Bầu Xưởng quên hẳn giấc mơ chuyển gánh về thủ đô phô bày nghệ thuật. Khi đã thành công một cách dễ dàng, mấy ai cần cố gắng. Cái xã hội “Gió Bụi” được đà đi sâu vào dâm ô, thối nát. Thời gian buồn nản trôi. Đào già Năm Phồn nhìn kỹ mới thấy mình trẻ hơn chồng.. Thuốc phiện đối với đàn bà là thuốc hồi xuân. Bất giác đào Năm Phồn nhớ lại dĩ vãng hoa bướm để rồi cảm lên đầu bầu Xưởng những cái sừng dài nhọn hoắt. Bầu Xưởng chưa hay sự tình.

Kép Mộng-Tần một mặt “ái tình vụng” với đào già Năm Phồn một mặt “ái tình công khai” với đào lẳng Ái-Hoa. Hai mẹ con bầu Xưởng âm thầm ghen ghét nhau. Đến khi hai mẹ con cùng mang bầu thì bầu Xưởng mới tỉnh men... thuốc phiện. Ông khai trừ kép Mộng-Tần khỏi gánh. Kép Mộng-Tần đòi “bồi thường”. Hai bên dọa kiện nhau ầm ỹ. Chưa hết chuyện, kép Tám-Liêu tố cáo bầu Xưởng hiếp dâm người yêu của kép là đào Ba Chợ-lớn. Đào Duyên-Hương bênh cha phát giác tội kép Tám-Liêu đêm khuya mò mẫm vào phòng của đào. Ôi cha, cứ rối tung như hẹ. Hết người này kể tội người nọ đến người khác điểm chỉ người kia. Cái xã hội “Gió Bụi” thối um. Cuối cùng, sợ khán giả đã đảo thì bế nồi cơm, người ta điều đình. Mọi điều đều ôn hòa. Gánh “Gió Bụi” vẫn nguyên số đào kép cũ. Họ chung sống với nhau nhưng sống trong thù hận và chỉ rình rập cơ hội hại nhau.

Khán giả xem đi xem lại “Lương Sơn Bá, Chục Anh Đào” mãi phát ngấy. Cảm tình ban đầu vơi đi. Người ta mong có ban hát cải lương mới. Nhưng cái tỉnh lỵ còm cõi này, gánh hát danh tiếng nào thêm lai vãng. Họa chăng chỉ có loại “Gió Bụi”. Người ta nản lòng đến nỗi ước ao gánh mới, cần mới mẻ thôi, rồi có dở hơn “Gió Bụi” cũng chịu khó thưởng thức vậy. Đón được dư luận thêm tường mới của khán giả, các đào kép yêu cầu bầu Xưởng mượn soạn giả hoặc mua tường lạ. Bầu Xưởng không hứa hẹn gì cả.

Ông lấy quyền làm bầu át giọng các đào kép. Gánh “Gió Bụi” thách đố khán giả tỉnh lỵ Hậu-nghĩa bằng cách cứ diễn tường cũ rích. Khán giả không hoan hô song vé bán không ế. Ông bầu độc tài Xưởng đáng lẽ nể khán giả thì ông lại

khinh thị ra mặt. Ông cho rằng có ban “Gió Bụi” của ông trình diễn ở đây là phúc lắm rồi. Khán giả không có quyền đòi hỏi tuồng mới tuồng cũ. Khán giả như những con cá đuối, ném phân xuống cũng phải đớp.

Sự khinh khi ấy khiến bầu Xưởng càng ngày càng độc đoán. Ông bỏ ngoài tai những ý kiến xây dựng gánh của anh em nghệ sĩ. Đến khi khán giả tẩy chay tuồng vở cũ mềm của bầu Xưởng ra mặt, ông mới bối rối. Bối rối nên mất bình tĩnh. Ông đuổi công nhân, bớt lương đào kép và hứa vội rằng sẽ đổi tuồng mới. Nhưng trong thời gian chờ đợi, khán giả hãy làm xem tuồng cũ.

Khán giả bằng lòng. Đào già Năm Phồn ưỡn cái tác phẩm của Mộng-Tần, thu tiền chặt túi. Bầu Xưởng lại lo ăn hút. Năm Phồn lại cho chồng mọc sừng. Đào Ba Chợ-lớn lại lo cho bầu Xưởng hiệp dâm kiếm chác thêm tí tiền mua hột xoàn. Kép Tám-Liêu lại lo chui vô mùng đào Duyên-Hương. Cái xã hội “Gió Bụi” lại tiếp tục bu quanh các bàn đèn thuốc phện, lại chửi nhau, lại căm ớn nhau, lại tử tế, lại đố giả, lại rình rập hạ nhau. Khán giả bị đánh lừa nhiều lần tức hộc máu. Bọn đàn em trung thành của bầu Xưởng bị bạc đãi cũng ức hộc máu. Họ vận động một cuộc đánh gục uy tín bầu Xưởng. Họ ngầm bố trí đưa bầu Xưởng vào bẫy.

Bầy đã giương sẵn sàng. Một đêm hát do Hội Phụ Nữ tổ chức, bầu Xưởng uốn ba tấc lưỡi hứa hẹn đổi mới, đổi rất mới. Đúng giờ, ba tiếng vỗ oan khiên nện trên sân khấu, tấm màn nhung mở rộng. Diễn viên đình công phản đối bầu Xưởng. Họ bí mật rủ nhau đi xem hát bóng trước giờ trình diễn năm phút. Khán giả đợi mãi không thấy nghệ sĩ ra trò. Bầu Xưởng hết hồn, lắp bắp mấy câu xin lỗi.

Khán giả ghét bầu Xưởng, không cho xin lỗi. Họ chồm lên đâm đá ông toi bời. Thân già chịu đòn sao nổi. Bầu Xưởng chết tươi trên sân khấu. Ông sinh ra ở sân khấu, sống bằng sân khấu rồi chết ở sân khấu. Đúng là “Gió Bụi” lại trở về gió bụi.

Khán giả “thịt” bầu Xưởng xong, nhào ra “ghi-sê” vồ tiền. Đào già Năm Phồn tưởng bị tổng tiền, kêu cứu inh ỏi. Đào sợ quá, ngất đi. Lúc tỉnh, đào trở vào hậu trường thì thấy đứa con gái mình nằm ngay đơ, tay chân bị trói chặt, mồm lại nhét đầy giẻ. Cởi trói cho con, đào dắt con đi kiếm chồng. Đào Năm Phồn hét lớn, nhảy bổ lại ôm lấy chồng khóc nức nở. Hai cô đào lẳng Ái-Hoa và Duyên-Hương cũng ôm lấy cha, rên xiết.

Đây là màn bi kịch độc đáo nhất của cuộc đời, tiếc rằng khán giả đã về hết.

Cuộc đảo chính lật đổ bầu Xưởng của anh em nghệ sĩ gánh “Gió Bụi” thành công mỹ mãn. Gánh hát bắt buộc phải nghỉ ít lâu. Họ điều đình với đào già Năm Phồn để mua trả góp y phục, mũ măng... Một tháng sau, gánh “Gió Bụi” đổi tên mới cho hợp thời. Lựa chọn mãi, cuối cùng họ quyết định là “Đường Đời Gió Bụi” do Mộng-Tần làm bầu có Mộng-Lương về tăng cường. Họ tung ra vở mới toanh “Bạo Chúa Tần Thủy Hoàng”.

Cô đào lẳng Ái-Hoa thay chân bà bầu của mẹ. Kép Mộng-Tần đã lấy cô hẵn hoi. Cái bào thai trong bụng đào già Năm Phồn, kép Mộng-Tần hứa sẽ bao bọc nó nếu nó sống. Cô đào Duyên-Hương khăn gói về thủ đô gia nhập gánh “Ra Đi”. Mọi sự đều thay đổi. Đào Bẩy Gò-đen nghiêm nhiên thành đào chính. Công nhân thì vẫn là công nhân, vẫn phải

quét dọn và khuôn vác đồ đạc. Và lương bổng không tăng đồng nào. Khán giả nóng lòng coi hát. Nghiền ghê mất rồi. Đóng cửa một tháng còn chi nữa.

Rồi một buổi sáng trời trong mây lạnh, khán giả bỗng nghe thấy tiếng trống quen thuộc. Người ta đổ xô ra đường. “áp-phích” của gánh “Đường Đồi Gió Bụi” dán đầy phố với những dòng văn chương như thế này:

“Sau khi đã cải tổ nội bộ, đoàn “Đường Đồi Gió Bụi” do Mộng-Tân lãnh đạo hoàn toàn đổi mới. Đổi mới hết, từ phong cảnh, tuồng tích đến đào kép. Chúng tôi không dám nói dối đâu. Quý ngài tới coi sẽ rõ. Đêm ra mắt bà con, chúng tôi trình trọng khai trương vở “Bạo Chúa Tần Thủy Hoàng”. Tới coi quý ngài sẽ thấy tráng sĩ Kinh Kha... xuýt đâm chết bạo chúa. Vở mới! Đào kép mới! Đợt sóng mới! Tài năng mới! Khung cảnh mới! Tinh thần phục vụ cũng mới!”

Khán giả xô nhau tới rạp “Sóng Hồ”. Vé hết rất sớm. Người ta chờ từng giây phút. Khi tấm màn nhung quen thuộc mở rộng, người ta vội vàng sửng sốt. Vẫn phong cảnh cũ, vẫn đào kép cũ. Khác có tuồng mới. Người ta say sưa thưởng thức. Chỉ tiếc đào kép hơi cũ và tuồng mới hay không quá một đêm khai trương.

16. 11. 1963

(Sau ngày cách mạng năm ngày)

Khúc rẽ cuộc đời

Khoa về huyện Phụ-Dục thăm Vĩnh. Đường số 10 nhan nhản những hầm hố chưa kịp lấp, những nhịp cầu bị phá gục chưa kịp bắc, những chiếc xe tăng, cam nhông chạm mìn nổ tung nằm phơi xác bên đường hay văng xuống ruộng. Lâu lắm Khoa mới có dịp đi trên con đường này. Trời tháng tám; nắng còn gay gắt. Đồng ruộng bỏ hoang, cỏ dại chen nhau mọc. Mùi bùn ngai ngái đưa lên. Khoa gò lưng đạp xe, mồ hôi chảy ướt áo, nhể nhãi mặt. Khoa không cảm thấy mệt. Khoa nghĩ tới lúc gặp Vĩnh. Từ ngày Vĩnh bỏ Hà-Nội trở về quê ngoại, Khoa bật tin Vĩnh. Khoa vẫn tự hỏi với mẫu người như Vĩnh thì cuộc sống sẽ ra sao ở miền quê heo hút bốn bề giăng giăng bom đạn. Hai năm rồi hai năm thương nhớ. Khoa hằng tin tưởng tâm hồn Vĩnh đã trang trải hơn xưa. Cuộc đời dễ chừng cũng ngưng dậy Vĩnh nhiều bài học se sắt. Khoa tưởng tượng Vĩnh đang cười thầm khi mọi người cười lớn. Ý nghĩ khôi hài ấy làm Khoa phấn khởi. Khoa huyết sáo một điệu hành khúc tiếp nhịp đôi bàn chân.

Đến Vũ-Hạ, đáng lẽ Khoa rẽ lối tắt ra bến đò Hạ sang huyện lỵ cho gần, nghĩ sao Khoa lại đi thẳng. Tới ngã tư Môi, Khoa dừng xe ngơ ngác kiếm tìm. Phong cảnh thay đổi cả. Chinh chiến vừa lướt qua để rơi rớt xuống mảnh

đất này sự điều tàn lạnh rợn. Xưởng máy của cụ cả Xưởng xiêu vẹo hẳn lên từng vết đạn bắn nứt rạn tường dày. Vài quán hàng theo khói lửa ra tro. Con gió tha hồ thổi qua, hàng tre, dãy nhà hết án ngữ. Khoa nhìn mãi mới nhận được con đường rải đá lởm chởm dẫn vào huyện lỵ. Con đường nho nhỏ quen thuộc ngày xưa, bà Huyện, chị Hiền, Vĩnh, Bảo và Khoa ngồi trên xe song mã từ huyện ra ngã tư Môi đón ông Huyện ở tỉnh về. Ông Huyện đáp ô tô Thái-Bình - Hải-Phòng. Ông quen đi xe con Thỏ nên bọn Khoa, Vĩnh, Bảo hể trông thấy xe con Thỏ dừng bên tạm ngã tư Môi là vội vàng đổ xô tới vì thế nào cũng có ông Huyện trong chuyến xe buổi chiều. Rồi người đón đưa vừa khuất bóng, nỗi buồn tìm đến ngay.

Ngã tư Môi vốn đã quanh hiu, bây giờ hiu quanh gấp nghìn lần. Mắt Khoa cay cay nắng gió. Khoa thoáng gặp rất mơ hồ chiếc xe con Thỏ chở ông Huyện, chị Hiền, Bảo chạy vào quá khứ; như khói lửa đưa ngã tư Môi vào kiếp nào xưa. Khói sầu tự nhiên dùn lên, lan tỏa. Khoa để hồn mình bay xa.

Trống trường điểm ba tiếng cộc lốc. Học trò trường huyện ùa vào sân. Từng bọn năm ba người, họ rủ nhau đánh đáo, đánh quan. Lớp sơ đẳng chọn riêng khoảng sân góc trường. Lớp dự bị biết mình yếu đuối tìm chơi phía sau sân. Lớp đồng ấu bé nhỏ, chỉ đứng nhìn đàn anh hăng hái đôi mắt ngây thơ cảm phục. Ngổ ngáo nhất là học trò lớp nhì một và nhì hai, chiếm hết phần sân trước tranh nhau với các anh lớp nhất. Bọn này lớn tuổi, có anh đã có một vợ hai con nên tỏ vẻ độ lượng, nhường nhịn. Vả chăng các anh cũng hết thích trò đá cầu, đuổi bắt. Vài anh thơ thẩn đuổi

bướm vàng bên bờ đậu. Vài anh bàn chuyện đấu bóng tròn giao hữu giữa Quỳnh-Côi và Phụ-Dực chủ nhật tới. Các anh chăm chỉ thì đọc sách dưới gốc bàng, thỉnh thoảng bút hoa đâm bút đặt lên vổ kêu đôm đốp.

Năm ấy, Khoa học lớp nhì một. Khoa học giỏi nhưng tinh nghịch. Mọi lần Khoa hò hét ầm ĩ, phá đám lung tung. Không biết tại sao hôm nay Khoa đứng im lặng trên thềm nhìn mấy con chim di líu ríu trên cành nâu rồi nhìn ba chị em con quan huyện dưới gốc cây bẻ hoa dứt lá. Không ai dám tới gần ba chị em. Họ tới đâu thì ở đấy lánh xa chỗ khác bàn tán thăm thì. Khoa thấy lòng mình làm sao ấy. Tuy nhiên, Khoa chẳng mơ tưởng được chơi với con quan.

Khoa nhớ buổi sáng thứ hai bốn tháng trước. Thầy giáo Thanh dồn chỗ học trò. Thầy dành riêng ba bàn đầu. Thầy bảo chỗ của con quan Huyện mới đổi về. Khoảng tám giờ, người lính lệ dẫn hai cậu bé trạc tuổi Khoa vào lớp, hai cậu rụt rè lo ngại. Thầy Thanh ân cần mời hai cậu ngồi bàn đầu. Hai cậu cách biệt đám học trò lớp nhì một bằng hai cái bàn gỗ lim bóng loáng, rắn chắc. Người lính lệ ra khỏi, thầy Thanh bắt đầu dạy. Bài “*luân lý*” sáng thứ hai là bài “*tình nhân loại*”. Lớp học yên lặng. Thỉnh thoảng hai cậu con quan ngoảnh xuống làm quen, biên giới bàn lim chắn lối. Đôi bạn có người gặp đôi mắt quý phái nhìn mình, và nụ cười thì lại tưởng đôi mắt ấy vừa thu một hình ảnh ngô nghê của học trò trường Huyện và nụ cười kia là vẻ chế diễu, nên giả vờ cúi mặt.

Tháng thứ nhất, tháng thứ hai, tháng thứ ba, tháng thứ tư bình thản trôi đi. Chưa ai biết tên con quan huyện kể cả chị học lớp nhất. Ba chị em cô độc. Chị học lớp nhất

ưa mặc áo dài xanh lam còn hai cậu em mặc âu phục trái với Khoa và các bạn Khoa mặc áo dài thâm quần chúc bầu trắng. Khoa ở phố huyện đối diện dinh quan. Chiều chiều con quan ra phố chơi, đôi lần ghé vào hàng nhà Khoa mua vài thứ lặt vặt. Những lần như thế, Khoa chạy đi núp, len lén nhìn thấy cha mẹ lễ phép chào mời. Khoa lại càng tin rằng con quan ghê lắm. Trong lòng Khoa đâm chồi thù ghét ngấm ngấm tuy Khoa rất sợ hãi. Dần dần Khoa hối hận về sự hiềm tị vô cớ của mình. Con quan huyện có làm gì Khoa đâu. Ở nhà hồi bé bỏng, bà Khoa hay kể cho Khoa nghe chuyện Tấm Cám. Khoa thương con Tấm cô độc, lủi thủi một mình chả ai chơi với, lại còn bị mẹ con con Cám hắt hủi nữa. Khoa ngây thơ dám ví con quan như Tấm trong trường huyện. Vì thoang thoáng Khoa biết nhiều học trò ưa kể xấu con quan, nào là học dốt mà cũng nhất, nhì... Thoạt đầu Khoa cũng vào hòa, sau Khoa im lặng cho đến hôm nay. Khoa bỏ chơi đứng ngấm con quan. Và Khoa bỗng có cảm tình với chị học lớp nhất. Cảm tình thầm kín ấy Khoa không dám giải tỏ. Khoa chỉ rình lúc giờ ra chơi ngấm trộm chị em con quan.

Trống trường lại điểm ba tiếng cộc lốc. Khoa chạy vụt xuống sắp hàng vào lớp.

Thầy Thanh nghiêm giọng nói:

- Lát nữa quan huyện đến thăm trường, các con phải tỏ ra lễ phép nhé! Dở sách ra, trang... bài... Sáng nay tập đọc thay cho cách trí.

Học trò cậu nào cậu ấy xanh mặt sợ hãi, hồi hộp đợi chờ. Mãi tới 8 giờ quan huyện mới tới. Cả lớp đứng dậy. Quan vẫy tay cho ngồi xuống. Quan khuyên nhủ vài lời, rồi quan

hỏi thầy giáo xem ai giỏi nhất lớp. Thầy giáo chỉ tay về phía Khoa. Quan huyện mỉm cười lấy tay ra hiệu.

Khoa nhóm lên như cái lò xo. Quan nói tiếng Việt, khác với quan cũ và khác cả với ông thanh tra thích nói tiếng pháp. Giọng quan hiền hậu. làm Khoa đỡ run:

- Tên con là gì?
- Dạ, thưa quan lớn tên con là Khoa,
- Tốt lắm, con ở đâu?
- Thưa, con ở phố huyện.
- Cha mẹ con làm gì?
- Thưa quan lớn cha mẹ con buôn bán.
- Giờ này con học bài nào?
- Thưa quan lớn, tập đọc ạ!
- Con đọc cho ta nghe.

Khoa thông thả đọc bài *“Cái thú nhà quê và cái thú kẻ chợ”*. Hết bài, quan huyện hỏi:

- Con thích ở nhà quê hay ở tỉnh?
- Thưa quan lớn con thích ở nhà quê.
- Tại sao thế?
- Thưa quan lớn vì ở nhà quê mát mẻ, không khí trong sạch, nhiều ao hồ bơi lội, và câu cá...

Quan gật đầu hải lòng. Quan hỏi tiếng Pháp với thầy giáo:

- Il est très intelligent. Donnez-lui 9 points, monsieur.

Quan huyện hỏi vài người nữa. Quan nhìn hai cậu quý tử. Quan có vẻ bất mãn điều chi. Khi tiễn quan ra khỏi lớp, quan nói chuyện nhỏ với thầy giáo, thầy gật đầu vâng dạ.

Sau ngày đó học trò ngồi lại. Thầy giáo dồn chỗ lên hai bàn trống, thầy bảo Khoa ngồi cạnh con quan. Mấy bữa đầu ngượng ngàng bên lên chả biết làm quen thế nào,

Khoa đành câm lặng. Đến hôm thi vẽ, Khoa để quên bút chì ở nhà, được con quan cho mượn và tiện dịp con quan bắt chuyện Khoa. Tên hai cậu là Vĩnh và Bảo. Vĩnh là anh Bảo, tính tình điềm đạm, dễ yêu.

Vĩnh, Bảo quần quýt lấy Khoa. Giờ ra chơi hai cậu lôi Khoa ra khoe với chị Hiền. Chị Hiền dịu dàng hỏi Khoa, vuốt ve Khoa và chỉ cho Khoa tiền. Khoa không lấy. Khoa thành bạn thân của Vĩnh, Bảo. Sự mong ước đã hiện hình nhưng Khoa mất bạn cũ. Buổi sáng Khoa không được kéo cờ, đánh trống. Thầy Thanh nhường vinh hạnh ấy cho bạn Khoa. Cái phức tạp của cuộc đời bắt nguồn trong mạch sống vô tư. Những giờ ra chơi Khoa lủi thủi góc sân hay dưới gốc ngâu. Hôm nào Vĩnh, Bảo nghỉ học, Khoa lên xuống nhà ông tùy phái ngồi khóc. Sự lẻ loi của Khoa có duyên cớ. Khoa luôn luôn bên cạnh con quan, bạn bè ai dám chơi với Khoa nữa. Khoa bức mình. Khoa đau khổ. Chẳng hiểu tại sao người ta cứ tìm cách xa lánh nhau, Vĩnh, Bảo chị Hiền đều còn nhỏ, đều muốn nhập vào niềm vui của đám đông. Đám đông từ chối, đám đông khép cửa tình cảm như tên phù thủy lấp hang nhốt Aladin.

Bây giờ Khoa không thả diều cùng bọn thằng Vọng. Không đi câu cá cùng bọn thằng Cung, không đi bắn chim cùng bọn thằng Vũ, không đi bơi lội cùng bọn thằng Căn. Chúng nó chế riễu Khoa. Khoa muốn khóc mỗi lần nghe chúng nói: *"Thấy người sang bắt quàng làm họ"*. Khoa rơi trong sự cô độc chả khác chi Vĩnh, Bảo dạo nọ. Khoa chưa biết oán hờn nhưng Khoa buồn, buồn ở tuổi non dại. Khoa bỗng trở thành đứa ít nói, hay nghi ngờ và nhút nhát. Khoa đem chuyện bạn bè bỏ rơi kể với chị Hiền. Chị Hiền an ủi:

- Thì Khoa vào dinh chơi với Vĩnh, Bảo. Cần gì chúng nó.

Khoa ngần ngại nghe chị Hiền nói thế. Khoa vẫn cần bạn cũ. Thiếu chúng nó Khoa trống trải, cuộc đời thơ ấu nhạt nhẽo làm sao. Hai ba tuần, Khoa nằm lì xó nhà, mong bọn thằng Vọng hiểu dùm là Khoa thích chúng nó hơn con quan. Đến trường, Khoa lẩn trốn Vĩnh, Bảo, tìm bọn thằng Thuận, song chúng nó hắt hủi Khoa, chúng nó định đánh Khoa nếu thầy giáo không bắt gặp. Rồi buồn quá Khoa phải vào dinh quan huyện nô đùa với Vĩnh, Bảo.

Chiều chiều, Khoa, Vĩnh và Bảo trèo lên chòi huyện xem người lính lệ đánh trống thu không. Tiếng trống từng tiếng một hòa cùng chuông chùa ngân nga trong nắng vắng ủa sao mà cảm xúc thế! Khoa đứng băng khuâng nhìn xuống huyện lỵ nghèo nàn. Những mái nhà lợp rạ nhuộm màn hoàng hôn, âm thầm chờ đêm tối. Đó đây có nhà đã thấp đèn. Về âm u của huyện nhỏ rờn rợn tiếng chim bìm bịp kêu quanh thành chằng chịt giây bìm già. Ở đây trầm lặng. Nửa tháng mới có chuyến ô tô hàng già nua từ thị xã Thái-Bình sang Ninh-Giang. Xe thở phò phò như người hen, bóp còi inh ỏi mỗi khi qua huyện. Thỉnh thoảng xe bị chết máy ngay giữa phố. Tài, ét thay phiên nhau quay quay ma-ni-ven. Thường thường phải ngủ trọ một đêm. Sáng hôm sau lại ỳ ạch lên đường. Những lần xe qua huyện, trẻ con, đàn bà đổ xô ra cửa đợi chờ. Xe lướt ngang, anh ét lảng lơ vẫy tay, điểm nụ cười. Dân phố cũng cười nhìn theo niềm vui mất hút trong bụi đường mù mịt. Sự tích mịch về chỗ cũ. Khoa lớn lên ở đấy, buồn ở đấy, tuy tháng năm thơ mộng chưa đáng buồn và bên bờ dậu bìm rất nhiều bướm bướm mùa xuân.

Khoa hay rủ Vĩnh, Bảo, chị Hiền ra cánh đồng ngoài huyện. Những hôm trời ồm yếu, mặt trời đắp chặn mây u ám, xa xa dãy núi phía Kiến-An hiện rõ hình con voi phủ phục mờ mờ trong sương. Chị Hiền hỏi:

- Núi Voi ở Kiến-An hử Khoa?

- Chính ra Hòa-Bình chị ạ! Nhưng núi Voi Kiến-An rõ hình con voi hơn. Hàng năm có hội vui đáo để.

- Hội gì đấy Khoa?

- Em cũng chả biết, mẹ em nói thế, mẹ em đã đi hội núi Voi vài lần.

- Khoa hiểu nhiều nhỉ, quê mẹ chị ở đây mà chị có biết gì đâu. Nhà bà ngoại chị gần... gần chỗ nào Vĩnh nhĩ?

- Để về hỏi mẹ, em quên rồi...

- Núi Voi phục còn gì lạ không Khoa?

- Còn sữa mẹ chị ạ!

- Thật à?

Vâng. Trong núi có một cái hang chúc từ trên cao xuống mồm đá hình vú mẹ. Nước từ khe nào nhỏ giọt không ai biết. Khách thập phương hứng lấy uống gọi là sữa mẹ. Được uống sữa ấy sẽ gặp nhiều điềm lành.

Vĩnh lắng tai chăm chú, Bảo thả mắt rời theo những chiếc xe tay chạy cách nhau trên đường Ninh-Giang. Những chiếc xe nhỏ dần, vun vút mờ hồ như thời nào xa xôi lắm. Đạo ấy tâm hồn Khoa đã chớm mầm mơ mộng. Khoa dám thơ thẩn một mình giữa đồng không mông quạnh nghe gió heo may giải nhẹ trên thảm lúa xanh rì. Khoa đọc sách báo say sưa. Những nhân vật tiểu thuyết ám ảnh Khoa, dẹt quanh vành mắt Khoa hình ảnh tươi đẹp mai hậu. Khoa cũng hay lang thang nẻo phố vắng, dừng chân nói vài câu

với ông ký nhà giấy thép rồi về nằm suy nghĩ băng quơ. Trước, Khoa ăn no ngủ kỹ, Khoa có biết buồn là gì đâu. Từ ngày Vĩnh, Bảo đi vào đời Khoa, rồi bạn học ghét bỏ Khoa. Khoa thấy đau đớn và Khoa đổi tâm tính. Ở sự thay đổi xanh chưa, Vĩnh, Bảo nhất là chị Hiền phả vào lòng Khoa từng điệu nhạc yêu thương êm ái.

Khoa nhớ rõ một chuyện cảm động đến chết. Một buổi trên đường về học, thằng Văn gây sự đánh Khoa, Khoa nhường. Được thể Văn càng sỉ nhục. Tức quá, Khoa đâm nó sưng mắt. Thằng Văn là con ông cai Trá. Bố nó làm bộ lẫm. Phổ huyện ai cũng nể. Bố nó lại hay xoay tiền. Khoa sợ hãi bỏ cơm sáng đó. Quả nhiên, đến chiều ông cai Trá dẫn thằng Văn ra bắt đền. Ông ta dọa sẽ trình quan bỏ tù cha Khoa. Mẹ Khoa khóc lóc van lạy. Ông ta còn nói gì ghê gớm nữa. Khoa nghe chẳng hiểu kịp nhưng cha Khoa tái mặt. Cha Khoa xin lỗi, xin đền tiền, ông cai Trá từ chối, đe dọa:

- Anh tưởng con anh chơi với con quan à? Tôi sẽ trình quan xử tội của anh, cứ gọi là rủ tù.

Xong, ông cai Trá bỏ về. Mẹ Khoa lôi Khoa ra đánh. Đánh xong, phần thương con, phần nghĩ tới ngày mai đen tối, mẹ Khoa nằm lăn trên giường khóc suốt mướt. Cha Khoa ngồi im lặng thở dài. Khoa hối hận. Giá Khoa đừng đánh thằng Văn, Khoa tưởng tượng lính huyện trói tay cha Khoa lôi vào ngục. Mẹ con Khoa sẽ đói rách. Khoa sẽ phải bỏ học, sẽ dốt nát ngu si. Khoa nghĩ tới Vĩnh, Bảo, chị Hiền, ánh hy vọng lóe lên rồi tắt ngay vì âm hưởng rờn rợn lời ông cai Trá còn văng vẳng đâu đây. Khoa úp mặt vào tay nức nở...

Sáng sau Khoa ở nhà. Tan học, Vĩnh, Bảo chị Hiền tưởng Khoa ốm ghé vào thăm, cảnh tượng tiêu điều của gia đình

Khoa làm chị Hiền ngạc nhiên. Chị hỏi nguyên có. Khoa chỉ khóc. Mãi rồi mẹ Khoa mới kể lại. Mắt mẹ Khoa đầm lệ. Chị Hiền nghe chuyện, mặt chị biến sắc. Chị có vẻ giận dữ.

- Không sợ đâu, Khoa bảo mẹ đừng khóc nữa.

- Thằng cai Trá hỗn láo thế cơ mà? Vĩnh nói, để bảo ba đuổi cổ nó đi, cho nó vào tù.

Bảo đến gần an ủi bạn:

- Vì thế Khoa nghỉ học hả? Chiều đi nhé! Đi xe với Bảo thì chúng nó hết bắt nạt.

Khoa vẫn khóc, chị Hiền dục em về ngay. lát sau chị Hiền trở ra, có cả ông cai Trá và thằng Văn nữa. Ông cai Trá xin lỗi cha mẹ Khoa. Ông vờ vĩnh bảo vì không hiểu chuyện. Hôm sau ông ta bị đày về huyện Thư-Trì xa lơ-xa lắc. Khoa lại đi học. Bảo đứng giữa sân trường nói lớn:

- Đứa nào bắt nạt Khoa, tao bảo lính đánh chết.

Chị Hiền mắng Bảo cái tội ngông nghênh. Vĩnh nắm tay dơ lên đe dọa cả trường, học trò trường huyện im thin thít. Khoa sung sướng lịm người, chẳng ai dám trêu Khoa. Lúc này Khoa đi học, về học chung xe với chị em Vĩnh. Cha Khoa cứ khen mãi chị Hiền. Chuyện lan khắp huyện. Mọi người bắt đầu nhận xét và đều xuýt xoa quan huyện mới tốt, công bình, thanh liêm...

Tự đấy sợi giây luyến ái ràng buộc Khoa với ba người. Khoa ăn ngủ trong huyện, ít khi về nhà. Ông bà huyện thương Khoa, chị Hiền mến Khoa. Những buổi tối học xong, chị Hiền hay đùa:

- Khoa giỏi thế ít nữa làm quan như ba chị, khối người muốn lấy.

Khoa ngây thơ:

- Lấy gì cơ chị?

- Lấy làm chồng chứ lấy gì, cậu cả.

Khoa xấu hổ:

- Em, em chịu thôi. Em không thích làm quan.

- Sao thế?

- Làm quan khó nhọc lắm chị ạ! Lại nhiều người sợ mình nữa.

- Lớn lên em định làm nghề gì?

- Em muốn viết văn.

- À, mộng văn sĩ hử, thảo nào giỏi luận. Thử tả nắng chiều chị nghe nào.

- Nắng chiều khó tính như ông cai Trá đe dọa loài người ta vào đêm tối như đe dọa cha em vào tù.

Chị Hiền phá lên cười. Ông huyện khen Khoa khôi hài dí dỏm. Bà huyện cứ tiếc không có con gái út. Vĩnh được thể khoe:

- Khoa làm thơ đấy me ạ!

Bảo đưa đấy:

- Khoa kể chuyện hay lắm cơ ba ạ! Khoa kể chuyện giọt lệ tím của nàng tiên đi Khoa.

Chị Hiền nói:

- Thôi đừng trêu cậu cả nữa, sắp đỏ mặt bây giờ...

Khoa đỏ mặt thật, Khoa nghĩ nhiều về chị Hiền. Khoa định hỏi tại sao chị thích mặc áo xanh lam. Chị Hiền lớn rồi. Bằng tuổi chị vô số cô đi lấy chồng mà chị vẫn đi học. Khoa sực nhớ ở cái huyện lỵ tồi tàn này thì ai dám ước mơ chị Hiền. Dạo tết, quan huyện Quỳnh-Côi sang chơi mang theo cả cậu con trai, Vĩnh thì thầm anh ta học tú tài muốn lấy chị Hiền nhưng chị Hiền chê anh ta xấu trai. Tội nghiệp

chị, nơi nghèo nàn cơm cỗi này dễ gì đã nương nổi mộng ước của chị. Khoa đã thấy mỗi sầu đau nghiêng các cô gái lớn lên tháng năm đợi chờ bóng người lý tưởng rồi thời gian làm tàn phai mộng ước. Đây là những cô gái trong tiểu thuyết Khoa đọc, khi về già ngồi bên song nhìn nắng vàng nhỏ giọt buổi chiều. Biết đâu chị Hiền chả ngồi trên chòi canh nghe trống thu không nào ruột mà tưởng tượng chuyện đời. Khoa chưa biết ngắm con gái. Nghe mẹ nói chị Hiền đẹp thì cũng bảo chị đẹp. Mà chị Hiền đẹp thật. Vẻ đẹp của chị bao trùm tâm hồn Khoa chuỗi ngày lạc loài ở huyện Phụ-Dực.

Khoa có bao nhiêu kỷ niệm gửi trong mắt chị Hiền, trong nụ cười Vĩnh, Bảo. Kỷ niệm tha thiết in hình vào miếng nắng, vào hàng cây, vào viên gạch huyện đường. Trọn đời, Khoa sẽ nhớ những buổi câu cá dưới gốc cây si nghe chị Hiền kể chuyện ma. Khoa sẽ nhớ bánh rán Ninh-Giang mỗi bận chị Hiền qua đây mua về. Khoa cũng không thể nào quên được mảnh áo len tím chị Hiền đan tặng nhân mùa lạnh, và nhất, là tình thương mến chị Hiền trao Khoa. Người mẹ mớm cơm cho con mau lớn như chị Hiền mớm tình cảm cho Khoa chóng biết mơ mộng. Khoa mong ước sau này Khoa bước xuống cuộc đời gặp nhiều chị Hiền để ông cai Trá khỏi nỗi tình thương trong ngục tối. Và Khoa đâm ra ích kỷ, Khoa cầu nguyện đất trời cứ thế này mãi mãi. Chị Hiền đừng đi lấy chồng. Chị đi lấy chồng thì chị đem cả hành lý yêu thương theo chồng làm gì còn thừa cho Vĩnh, Bảo, Khoa nữa.

Nhưng rồi chị Hiền cũng đi. Đầu mùa hè năm sau, ông Huyện đổi sang tỉnh khác. Ông Huyện đi, cả huyện Phụ-Dực

nuối tiếc. Khoa được tin buồn không ăn, đứng ngồi không yên. Khoa biết chả bao giờ còn những buổi chiều ngồi xe song mã với bà Huyện, chị Hiền, Vĩnh và Bảo trên đường từ huyện lỵ tới ngã tư Mội đón ông Huyện về chuyển xe con Thỏ nữa. Những người bạn tốt bỏ Khoa sống cô độc ở đất cũ, âm thầm như mái nhà lợp rạ nhuộm màu hoàng hôn chờ đêm tối. Hôm tiễn chân gia đình ông Huyện, chị Hiền tặng Khoa bức ảnh chị chụp dưới giàn hoa thiên lý. Khoa đón nhận rưng rưng nước mắt. Vĩnh và Bảo ôm lấy Khoa nức nở. Bà Huyện cho Khoa tiền. Khoa lắc đầu chỉ xin cái áo len xanh lam của Vĩnh để nhớ màu áo chị Hiền. Lúc biệt ly không nói được nhiều. Khoa tặng chị Hiền quyển vở luận trong ấy toàn những bài Khoa được tám điểm. Chuyển xe già nua chở gia đình quan huyện già từ huyện lỵ nghèo nàn. Khoa nhìn kỷ niệm lướt dần. Xe mất hút trong bụi đường mù mịt.

Khoa chạy theo, bàn tay có vấy nhau, không ai trông thấy gì.

Khoa đến lớp côi cút. Bàn đầu còn một mình. Bạn học lãnh đạm, thầy giáo hết yêu. Vĩnh, Bảo xa rồi, sự cô độc xâm chiếm hồn Khoa. Khoa càng nhớ chị Hiền. Cha Khoa chừng cũng sợ ông cai Trá nào đó nên bàn với mẹ Khoa đi nơi khác. Ba tháng sau khi quan huyện đổi sang Nam-Định, gia đình Khoa về quê cũ huyện Vũ-Tiên. Khoa chẳng biết địa chỉ của Vĩnh để viết thư. Chắc chị Hiền đã gửi thư cho Khoa về Phụ-Dục.

Khoa học ở thị xã Thái-Bình, trọ nhà chú thím. Thị xã vui nhưng không thấy núi Voi Kiến-An mỗi lần trời trở bệnh. Học trò tỉnh ưa mặc áo trắng. Khoa chưa gặp cô nào

có áo xanh lam như của chị Hiền. Tháng ngày nối tiếp trôi. Qua năm học lớp nhì hai, Khoa lên lớp nhất, sắp thi cử thì đảo chính Nhật. Rồi loạn mãi cho đến cách mạng tháng tám, rồi toàn quốc kháng chiến. Thị xã được lệnh tiêu thổ. Khoa về làng bên bờ Sông Trà-Lý cuộc bộ mỗi ngày 15 cây số đi học. Khoa vẫn nhớ chị Hiền, Vĩnh, Bảo.

Ngày cách mạng nổi lên, vô số quan huyện bị đem ra xử tử. Không biết ba chị Hiền có việc gì không. Khoa tưởng tượng tới lúc người ta bịt mắt quan huyện lại rồi người ta bắn. Bắn chưa chết người ta đến gần kề súng vào tai bắn thêm vài phát nữa. Máu óc phọt ra ghê rợn. Khoa đã được xem xử tử tên Ban việt gian, tay sai cho phát xít Nhật ở cổng Vọng-Cung. Nghĩ mà sợ.

Lang thang ngoài hậu phương mãi tới độ Pháp chiếm Thái-Bình, gia đình Khoa về tề. Sự học dang dở, hoàn cảnh túng bấn. Khoa lên Hà- Nội trông coi cửa hiệu giúp đỡ người bà con để có cơm áo học thêm. Khoa học trường Chu văn An buổi sáng, buổi chiều ngồi bán hàng. Một hôm tình cờ Khoa gặp Vĩnh tha thẩn ở bờ hồ. Vĩnh già dặn hơn hồi xưa nhưng Vĩnh buồn ghê gớm. Khoa gọi Vĩnh, Vĩnh giật mình quay lại. Nhận ra Khoa, Vĩnh bối ngỡ. Sự ngần ngại thoáng hiện trên mặt Vĩnh, Khoa biết rõ tại sao. Thời gian thường làm người ta nghi ngờ cả tình cảm. Không đợi Vĩnh chào hỏi, Khoa dang tay ôm chặt lấy Vĩnh, mừng rỡ.

Khoa rủ Vĩnh tới quán mụ Béo ngồi tâm sự. Vĩnh thuật chuyện gia đình Vĩnh từ khi đổi sang Nam-Định. Vĩnh nhớ Khoa. Chị Hiền, Bảo nhắc Khoa luôn. Năm cách mạng cha Vĩnh bị bọn người quá khích phá cổng huyện đường xông vào đâm chết. Hôm sau mới có lệnh khoan hồng gửi về.

Cha Vĩnh chết oan. Bảo mắc bệnh thương hàn chữa mãi không khỏi. Bảo chết trước cha nửa năm. Chị Hiền đã lấy chồng. Chồng chị là sinh viên trường luật. Ngày khói lửa lan tràn, chồng chị gia nhập bộ đội chống Pháp. Chị Hiền bị Tây bắt trong trận hành quân qua làng, bọn lê dương thay phiên hãm hiếp chị đến chết. Chiến tranh tàn phá đời chị. Vĩnh và bà Huyện chạy mãi, rồi loạn ly đưa mẹ con về quê ngoại Phụ-Dực. Mẹ Vĩnh bây giờ như người hết hồn, mắt bà bị lòa. Bà gửi Vĩnh sống với chú để Vĩnh học hành. Vĩnh kể nhiều lần, giọng Vĩnh sầu thảm. Những hình ảnh chính, Khoa vừa chụp. Ghê rợn. Khó mả tưởng tượng. Cõi đời nhiều khúc rẽ tàn nhẫn. Câu cuối cùng chuyện nhà, Vĩnh nói:

- Phải chứng kiến lưỡi kiếm đâm từ ngực xuyên qua lưng ba Vĩnh. Phải thấy ba Vĩnh dẫy dựa trên vũng máu, Phải thấy mẹ Vĩnh chết ngất trên cây ba. Phải thấy xác chị Hiền trần truồng. Phải thấy mắt chị trợn trừng uất hận mới hiểu cách mạng và chiến tranh. Tại sao những người hiền lành lại phải chết khốn nạn thế nhỉ?

Khoa cảm động nắm tay Vĩnh, an ủi. Vĩnh cười khinh bạc:

- Xong rồi. Vĩnh lớn ở đây nhưng Vĩnh chả làm gì được đâu. Cuộc sống sao không chỉ có Khoa? Tội nghiệp ba Vĩnh, chị Hiền.

Khoa im lặng nhìn sự đau khổ xếp tầng trên trán Vĩnh. Ngày xưa hoa bướm nhớn nhor quanh dậu bìm. Hoa ngày nay kết trái chua chát, bướm hóa thành con sâu buồn đục tim phổi hai người trai trẻ. Ngồi mấy tiếng nhìn xuống đáy cốc tìm dĩ vãng. Chuông nhà thờ đổ dồn. Vĩnh dìu Khoa ra đường. Hai người đi bộ hết phố này sang phố khác. Nửa

đêm Khoa đưa Vĩnh về nhà Vĩnh. Khoa ghi địa chỉ trao Vĩnh hẹn Vĩnh lại chơi luôn. Lúc chia tay Vĩnh hỏi:

- Còn nhớ Phụ-Dực không?
- Còn.
- Nhớ nhất cái gì?
- Cái lão cai Trá.
- Gì nữa?
- Áo màu xanh lam của chị Hiền.
- Gì nữa?
- Nụ cười của Bảo.
- Gì nữa?
- Con ma ở cây si.
- Hôm nào ôn hết chuyện ngày xưa nhé?
- Ừ, hôm nào nhắc lại một thể.

Vĩnh đến tìm Khoa một buổi chiều. Trời lạnh gay gắt. Vĩnh mặc tấm áo mỏng manh. Nét mặt Vĩnh thiếu náo. Vĩnh móc túi đưa Khoa xem lá thư viết bằng giấy học trò.

- Thư của mẹ Vĩnh đấy, xem đi. Mẹ Vĩnh biết Vĩnh gặp Khoa rồi. Vĩnh có nói với mẹ, mẹ nhờ người viết đấy Khoa ạ!

Khoa đọc nhanh. Trong thư bà Huyện muốn Vĩnh về huyện Phụ-Dực ngay. Bà sợ mình già nua rồi, nhờ mệnh hệ nào thì khổ thân Vĩnh. Bà Huyện hỏi thăm Khoa. Khoa nao nao tâm hồn.

- Vĩnh định sao?
- Phải về.
- Vì mẹ à? Sao Vĩnh không...
- Không gì, họ bắt mẹ Vĩnh làm thế đấy.
- Ai?
- Những người đã giết ba Vĩnh.

- Phụ-Dực là khu chiếm đóng mà.
 - Đêm đêm họ vẫn về thu thóc và làm nhiều việc khác.
 - Vĩnh trở lại Phụ-Dực được ích lợi gì?
 - Về đi cây.
 - Không được học à?
 - Có lẽ.
 - Vĩnh chẳng về có sao?
 - Khổ me Vĩnh.
 - Vĩnh còn trẻ, còn tương lai...
 - Khó lắm, sau này sẵn dịp Vĩnh giải bày cho Khoa hay.
 - Bao giờ Vĩnh bỏ Hà-Nội?
 - Mai, sáng mai. Mong xe gặp mìn!
 - Nói đại, tối nay đi chơi nhé!
 - Thôi.
 - Tại sao?
 - Tội nghiệp, đừng bắt Vĩnh giải thích, Vĩnh xin phép về.
- Chúng ta chia tay ngay bây giờ. Chúc Khoa gặp nhiều may mắn.
- Chúc Vĩnh...
 - Thôi đủ rồi...

Vĩnh buông tay Khoa, chạy xuống đường gọi xích lô. Khoa nhìn theo. Cay đắng. Rồi vẳng bật tin Vĩnh. Hai năm liền, Vĩnh chưa gửi một lá thư nào. Cho đến hôm nay thanh bình đã trở lại và Khoa cũng trở lại đất xưa tìm người cũ. Chuyển xe con Thỏ vụt qua trong tâm tưởng. Khói sào muốn bay lên cao quỵện lấy linh hồn ông Huyện, chị Hiền, Bảo. Khoa để lòng mình về gần Vĩnh...

Phố huyện bây giờ khác lạ. Hàng rào giây thép gai thay bờ dậu bìm. Những con bìm bịp đi đâu rồi. Một vài chòi canh hở ra lỗ châu mai bốn phía. Súng đạn khạc lửa đã

nhieu. Sự sợ hãi còn in trên nét mặt người dân miền Phụ-Dục. Niềm vui cuồng loạn lúc này chưa xua đuổi kịp nỗi lo âu vừa mất hút. Khoa nóng lòng gặp Vĩnh nên không cần nhận xét kỹ cảnh dâu biển của huyện lỵ tồi tàn.

Khoa men theo con đường nhỏ lát gạch tới nhà Vĩnh. Khoa dừng xe trước cửa ngôi nhà ngói vẹo xiêu, tường nóc nát đầy vết đạn. Con chó già thấy khách lạ lườm biếng sủa. Người đàn ông trong sân chạy ra. Khoa nói với ông ta muốn tìm Vĩnh. Ông ta đưa Khoa vào trình bà Huyện. Bà Huyện nằm trên võng. Tóc bà bạc phơ. Đúng như Vĩnh nói, bà đã lòa vì khóc ròng rã tháng ngày tự lúc mũi kiếm oan nghiệt đâm thấu tim ông Huyện. Tiếng bà Huyện ai oán:

- Ai đấy?
- Thưa bà cháu ạ! Khoa đây ạ!
- Khoa à!
- Vâng ạ, cháu về thăm bà và anh Vĩnh.
- Cháu lại đây. Gớm, dễ gần tám chín năm rồi đấy nhỉ?
- Vâng ạ, chín năm rồi.
- Cháu còn nhớ cả chứ, nghĩ mà tiếc cháu nhỉ?
- Vâng ạ!
- Giá còn... Cháu lại đây, lại gần đây.

Khoa bước dần tới võng. Bà Huyện dơ tay ra quờ quạng. Đôi bàn tay ấy có lần đã vuốt ve Khoa, đã làm cho Khoa sung sướng. Khoa ái ngại đặt bàn tay sần sùi cơm áo của mình vào bàn tay khổ nhục. Khoa muốn dồn hết tình thương nỗi nhớ mong sưởi ấm bà Huyện. Nước mắt Khoa nhỏ giọt trên cánh tay già. Bà Huyện nắm được tay Khoa, bà đặt lên mũi thơm tho rồi bà kéo Khoa ngồi xuống, bà ôm chặt Khoa, rên xiết. Khi buông Khoa ra, bà Huyện âu

yếm hỏi:

- Cháu ở đâu về?
- Cháu ở thị xã ạ!
- Cháu gặp Vĩnh chưa?
- Thưa bà chưa ạ!

- Để bảo anh Thái đưa cháu ra với Vĩnh, anh Thái ơi, dẫn cậu Khoa ra đồng tìm chú Vĩnh. Chốc cháu về ăn cơm nhé!

- Vâng ạ!

Khoa theo người đàn ông lúc nãy ra đồng, nơi thửa ruộng chị Hiền, Khoa, Vĩnh và Bảo thường đứng ngắm dãy núi Voi phục mờ mờ phía trời Kiến-An. Anh Thái chỉ túp lều dựng cạnh bờ ngòi:

- Chú Vĩnh ở trong ấy.
- Thôi, anh về đi, để tôi ra một mình.

Khoa lững thững bước nhẹ. Vĩnh quay lưng về phía Khoa nên không biết Khoa đang tiến đến. Khoa dừng lại nhìn cảnh tượng thất ruột. Vĩnh ngồi trên mảnh đất cao, cỏ trăn, mặc quần đùi đen. Da dẻ sạm nắng. Thân hình gầy ốm. Đầu Vĩnh, dưới miếng nón mê lót cái lá sen to tướng trùm cả tai. Tay trái đưa ra sau lưng gãi mụn muỗi đốt. Tay phải cầm cái gậy dài, trên ngọn buộc chùm lá chuối khô xé nhỏ. Vĩnh ngồi chần vệt! Trước mặt Vĩnh, đàn vịt kêu cang cạc chúc xuống nước mò tôm ốc. Khoa đau đớn nghĩ đến Vĩnh trải lòng mình làm đường rầy cho chuyến tàu thời đại nặng oán hờn nghiêng lên. Một thời gian xa lắm, cũng ở nơi này, cậu Vĩnh con quan thả tầm mắt đón nhận tương lai. Vĩnh không mơ quan sang. Vĩnh ước viết sử như Khoa ước thành văn sĩ. Chao ôi! Trang đầu lịch sử của đời Vĩnh đã ghi chép những dòng máu lệ tủi nhục. Khoa cúi

xuống. Dưới chân Khoa là vực thẳm. Khoa nhìn lên. Trên đầu Khoa là trời cao. Trời cao vực thẳm cảm nín như Vĩnh cảm nín trước tầm mắt Khoa. Khoa lên tiếng:

- Này gả chăn vịt.

Giật mình, Vĩnh quay lại. Nhận ra Khoa, Vĩnh sung sướng chạy tới ôm chầm lấy bạn. Tự nhiên, Khoa tưởng như sắp mất Vĩnh, mắt Khoa rơm rớm lệ, nắm lấy Vĩnh không muốn rời tay. Nghẹn ngào, Khoa hỏi bạn:

- Chăn vịt thì đưa hả?

- Không, chăn vịt để sống.

Rồi chợt nhớ cảnh sống hiện tại, Vĩnh mãi mãi nói:

- Ở đây muốn sống yên thân phải dấu kín tình cảm Khoa ạ!

- Biết rồi.

- Thế thì Khoa buông Vĩnh ra ngay. Xuống bao giờ thế?

- Vừa xong. Sao Vĩnh không viết thư cho Khoa?

- Tưởng Vĩnh chết rồi à? Ai đưa Khoa ra đây thế?

- Anh Thái.

- Thăm me Vĩnh rồi hả?

- Ừ, tiếc nhớ nhiều quá, Khoa muốn khóc như ngày xưa chúng mình còn bé.

- Vĩnh thì hết nước mắt rồi. Vĩnh đang tập để không còn biết thương nhớ là gì nữa,

- Giọng Vĩnh chua chát lắm đấy, chăn vịt thú vị không?

- Giá chăn dê thú vị hơn vì còn được ví với Tô Vũ. Trong lịch sử có ai chăn vịt không nhỉ?

- Có.

- Ai?

- Vĩnh, chăn vịt đợi thời.

- Đợi chết thì có. Vào trong này nói chuyện.

Hai người chui vào lều. Nắng buổi chiều còn chói chang.
Mùa thu mà trời oi ả quá. Vĩnh hỏi:

- Tưởng vào Nam rồi.

- Cũng định.

- Định chi nữa, muốn chết từ từ à?

- Tại sao Vĩnh lại chần vọt?

- Vĩnh thích chứ sao.

- Không được đi học nữa à?

- Ừ, mà dẫu được, mình học ích gì. Sách chúng mình học lạc hậu cả. Công thức, định lý ở đây toàn tên Nga khó đọc lắm nên Vĩnh chán. Này, Pythagore nói láo, sự khám phá của hắn chính là của ông gì “cốp” ấy. Képler, Newton, Einstein... sai hết. Nắm nhà sợ mang tiếng bất mãn chế độ, Vĩnh chần vọt cho đỡ buồn.

- Vĩnh thấy cuộc sống mới thế nào?

- Buồn cười đáo để. Nhưng hỏi làm gì? Hay Khoa là công an?

- Bậy bạ.

- Đúng đấy Khoa ạ! Khoa còn nhớ bọn thằng Vọng, thằng Cung chứ? Hôm Tây mới rút khỏi đây, chúng nó về treo cờ, tổ chức hội họp. Vĩnh gặp thằng Vũ, Vĩnh chào nó, nó vờ hỏi: *“Anh là ai trông lạ quá”*. Vĩnh kể lai lịch, nó mĩa mai: *“À, hóa ra cậu Vĩnh con cụ lớn ngày xưa”*. Buổi tối nó lại chơi, nó nằm cả đêm ở nhà Vĩnh hỏi han lung tung hết chuyện ai theo quốc dân đảng, ai theo đế quốc, phong kiến... Vĩnh trả lời qua loa. Nó rút sổ tay ghi chép cẩn thận. Vĩnh biết ngay nó làm công an. Vĩnh sợ, đâm ra nghi ngờ cả bạn bè..

- Thế hả, đau đớn nhỉ?

- Ừ đau đớn thật.

- Vĩnh, có muốn vào Nam không?

- Không.

- Ở nhà sống thế này hả?

- Ừ, đợi chết mà.

- Nghĩ kỹ đi.

- Nghĩ kỹ rồi. Vĩnh còn mẹ Vĩnh. Mẹ Vĩnh muốn chết ở quê nhà. Vĩnh sinh ra vô phúc là con quan, cô độc từ ngày đi học như Khoa đã biết. Lớn lên với mặc cảm cô độc ấy. Vĩnh nhút nhát chả dám làm gì. Vào đời không quen sống tập thể thấy mình lẻ loi, hèn kém. Bây giờ cô độc hơn xưa, suốt đời cô độc. Vĩnh sợ cuộc đời lắm. Vĩnh, chẳng đi đâu, Vĩnh còn mẹ Vĩnh. Mẹ Vĩnh đã khổ nhiều rồi, Vĩnh là niềm an ủi cuối cùng, bây giờ lại bỏ đi thì mẹ Vĩnh chết mất.

- Vĩnh đã nhất định Khoa còn nói sao được. Mai Khoa đi, Khoa muốn nhớ Vĩnh mãi nên tìm đến thăm Vĩnh.

- Khoa đi với ai?

- Một mình,

- Còn gia đình?

- Cha mẹ Khoa cũng lưu luyến quê hương như mẹ Vĩnh ấy.

- Khoa đi một mình à?

- Ừ, tối nay Khoa về thị xã.

- Sáng mai hãy về. Khoa hứa có dịp kể chuyện ngày xưa hồi chúng mình chưa đau khổ. Khoa quên rồi ư? Dịp ấy là đêm nay.

- Sao Vĩnh bảo Vĩnh đang...

- Không, Vĩnh sẽ không tập gì cả, tập làm sao được. Mai Khoa đi thì Khoa hiểu rằng từ phút chia tay Vĩnh đã chết.

- Vĩnh phải sống đợi Khoa về kể nốt chuyện Phụ-Dục. Chứ một đêm nói sao hết tình thương?

- Nếu được vậy nhỉ? Thôi chúng mình lại nhà.

Hai người dìu nhau trên bờ ruộng. Vĩnh ném cái gậy xuống ngòi, quàng tay qua cổ Khoa. Mùa thu quê hương thường có heo may giải đông. Trời chớm lạnh, người ta tìm nhau trong cưới xin. Tháng tám ở đây nóng sang cả buổi chiều dù mặt trời lặn từ lâu. Hoàng hôn xuống dần. Bóng đêm đuổi đằng sau hai người trẻ tuổi.

Khoa nghĩ đến con đường Khoa và Vĩnh đang bước lên. Đêm nay còn song đôi. Ngày mai mỗi người sẽ sang một khúc rẽ cuộc đời.

Người quê hương

Ngày anh bỏ nhà ra đi tôi mới được ba tuổi. Lớn lên, người anh nuôi khôn nạn ấy sẽ không một chút vương vấn tâm hồn nếu mẹ tôi quên nhắc chuyện anh.

Vào buổi tối mùa đông thê lương ở quê ngoại, dưới ánh đèn dầu hiu hắt, tôi gối đầu trong lòng mẹ nghe tiếng gió hú điên cuồng ngoài trời và tiếng nước mưa nức nở lùa vào phen liếp. Làm sao tôi vẫn thấy đơn lạnh, mặc dù bên tôi bóng mẹ như cái mền ấm áp trùm kín thân hình tôi. Tôi ngược đôi mắt thơ dại nhìn mẹ muốn hỏi đôi lời, nhưng lúc đó tay mẹ còn đang thoăn thoắt đưa kim vá lại mảnh áo của em tôi. Tôi đành nín lặng đợi chờ. Đến khi mẹ ngừng đường chỉ, thở dài, rồi cúi xuống vuốt ve mái tóc con, tôi mới ngậy thơ hỏi nhỏ:

- Mẹ ơi! Con không có anh hờ mẹ?
- Có đấy chứ, có anh nuôi, mà nó đi rồi.
- Thế anh con đi đâu?
- Đi Sài-Gòn.
- Tại sao anh con lại đi Sài-Gòn?
- Vì nó đánh con ông Lý-trưởng vỡ đầu, nó sợ phải tù nên trốn biệt xứ.
- Ở Sài-Gòn anh con làm gì?
- Mẹ không biết. Thôi đừng hỏi nữa, ngủ đi con.

Tôi ngoan ngoãn nghe lời mẹ, không dám gượng hỏi nữa vì tôi thoáng gặp mắt mẹ chớp mau muốn khóc. Mẹ tôi hay khóc lắm, vui cũng khóc, buồn cũng khóc.

Tự đẩy lòng tôi nhóm lên một ánh lửa thương yêu, để có những chiều thơ thẩn ngoài ngõ, nhìn nắng vàng yếu ớt rơi trên nội cỏ ngàn cây, mà buồn rầu vô căn cứ. Người anh nuôi xấu số của tôi chưa cho tôi một kỷ niệm êm đềm nào trong chuỗi ngày thơ ấu, hay cho nhiều rồi mà hồi ấy tôi chưa biết nhận. Dù sao chẳng nữa, tôi cố mừng tượng anh ở đôi mắt sâu cảm của mẹ tôi để tin rằng anh nuôi đã góp thêm vào cái gia đình nhỏ bé nghèo nàn này muôn vàn kỷ niệm u sầu hay tha thiết, và chắc chắn rằng anh đã trải qua những ngày khốn khổ nhất của gia đình họ Vũ nhà tôi.

Trang đời im lặng mở đầu. Sau trận mưa, trời sáng sủa. Gia đình tôi bây giờ dời khỏi lũy tre xanh, cuộc sống tạm đầy đủ. Tôi cũng khôn lớn hơn xưa và niềm thương thuở nào vẫn còn nguyên vẹn.

Mấy năm sau người họ hàng ra tỉnh trao cho mẹ tôi một phong thư bảo rằng thư của anh nuôi tôi từ Sài-Gòn gửi về. Thư viết:

Hón-Quán ngày 7 tháng 5 năm 194...

Kính thưa thầy mẹ,

Con là Nguyễn-Thân tức Vũ Mộng-Tường, con nuôi của thầy mẹ, có đôi lời viết về thăm bà và thầy mẹ và các em đang mạnh giỏi thì con rất lấy làm mừng. Còn về phần con, từ ngày trốn nhà vào Sài-Goòng đến nay long đong lật đật mãi. Hiện thời con làm ở Lãng-ta-si-ông cực khổ quá trời quá đất. Con nhớ thầy mẹ và làng nước lắm. Con xin thầy mẹ tha tội cho con. Nếu con còn sống sẽ có ngày con về đền

đáp công ơn thầy mẹ. Thôi giấy vẫn tình dài. Con chúc cả nhà đặng bình an vô sự.

Kính lạy thầy mẹ.

Con Nguyễn-Thân tức Tường

Thư không đề địa chỉ người gửi. Chữ viết nghiêng ngả đơn sơ. Mẹ tôi đọc đi đọc lại mấy lần. Người ngậm ngùi nói:

- Thế mà thằng ấy có hiếu. Nó đi đã chín, mười năm rồi. Tội nghiệp, đến lúc nhà đủ cơm ăn áo mặc thì nó lại tha phương cầu thực khổn nạn.

Về phần tôi, tôi vội hình dung ngay thấy những ngọn roi oan nghiệt quất vào mình mấy anh Tường cu ly đồn điền cao su đau tê tái. Tôi cảm như lòng tôi đang thắt lại.

Sau lá thư ấy, anh tôi không gửi thêm lá nào khác. Chẳng biết anh có còn sống hay đã gửi nắm xương tàn ở một gốc cây cao su nào rồi?

Cuối năm 1954 tôi di cư vào Nam một mình, để mặc gia đình bên ấy tiếc thương, sầu thảm. Những ngày đầu tiên của tôi ở nơi này còn lạnh lùng lắm, tuy nắng quê hương miền Nam còn gay gắt hơn cả nắng quê hương miền Bắc của tôi.

Đời tôi luôn luôn thiếu thốn. Thuở thơ ấu thì thiếu anh chị, thiếu đồ chơi. Lớn hơn thì thiếu cơm ăn, áo mặc. Khi thấy lòng mình trống trải, mỗi độ gió heo may về thì thiếu màu áo trinh nữ. Đến nay làm trai sông hồ thì thiếu đóm hỏa gia đình. Sự thiếu thốn ấy mãi mãi ám ảnh tôi bắt đầu từ hình ảnh người anh nuôi quê mùa cũ. Tôi còn nhớ ánh mắt sầu cảm của mẹ tôi: anh đã hiện nguyên hình trong ấy (tuy tôi chưa rõ mặt anh), có bao giờ tôi quên được. Phải, có bao giờ mình nở tâm hủy hoại kỷ niệm của đời mình.

Nhất là lúc này ở tâm hồn tôi đang đòi hỏi tình cảm lấp giúp hổ buồn.

Tôi lang thang trên vỉa hè Sài-Gòn, cố tìm trong những đám đông xa lạ một hình ảnh quen thuộc. Thường thường thì vô vọng và mỗi sâu lại đùn lên to lớn hơn. Tôi nghĩ cách kiếm anh tôi trên mặt báo. Nếu anh tôi chưa ra Bắc hoặc nếu anh tôi chưa chết, thế nào anh em tôi cũng gặp nhau. Ý nghĩ ấy khiến tôi sung sướng. Tôi nhờ năm sáu tờ nhật trình đăng tin tìm người nhà.

Sau nửa tháng sống bằng hy vọng, một buổi sáng có người đàn ông trạc ba mươi tuổi, tay cầm tờ báo, mắt ngơ ngác nhìn quanh trạm di cư tầng ba nhà hát lớn. Linh tính báo cho tôi biết trước có lẽ là anh Tường. Tôi đang nằm trên sàn đá hoa, nhóm ngồi dậy, lại gần người đàn ông, niềm nở hỏi:

- Ông muốn tìm ai?

Người ấy trả lời giọng Bắc pha tiếng miền Nam:

- Tôi kiếm người bà con, thấy nói ở lầu ba.

- Tên là gì?

Tôi vừa hỏi vừa run run hồi hộp.

- Tên kêu Long.

- Trời ơi!

Tôi hét lên, cảm động ôm chầm lấy anh tôi. Anh tôi bờ ngõ ngó tôi hết sức lạ lùng.

- Em đây, em anh đây, anh Tường ạ!

Bấy giờ anh tôi mới nắm chặt tay tôi, nước mắt anh rụng xuống thấm qua áo tôi nóng hổi. Anh chỉ nói được mỗi lời:

- Chú chóng lớn quá, hồi tôi ở nhà chú bé chút xíu.

Rồi anh đắm đắm nhìn tôi. Tôi mời anh ngồi tạm trên

cái hòm sữa. Qua cơn xúc động, anh hỏi thăm chuyện gia đình. Tôi kể anh nghe, từng mẩu tình cảm quê hương, nỗi vui buồn gia đình. Anh tôi khóc. Tôi không biết ngày nay anh tôi đã thoát khỏi cuộc đời cu ly đồn điền chưa, chứ ngấm kỹ con người anh, tôi chắc chắn anh đang trải đời mình cho sự đau khổ nghiêng lên.

Anh tôi gầy, nước da ngăm ngăm đen. Đôi mắt anh thật hiền lành, hiền lành như bao nhiêu người nông dân làng Tường-An. Anh còm cõi. Lúc này tôi chả cần phải mừng tượng anh ở đôi mắt mẹ tôi nữa. Tôi thấy cuộc sống phiêu bạt của tôi ấm lên nhờ hơi thở của người anh nuôi quê mùa cũ. Anh tôi ngừng khóc, anh rút khăn thấm mắt rồi đưa cho tôi gói quà. Tôi bóc ra, đấy là những trái măng cụt. Anh giục tôi ăn. Măng cụt lạ miệng, ngon quá. Anh nhìn tôi mỉm cười. Lát lâu, (tôi đoán rằng anh tôi suy nghĩ lung lắm) anh ngần ngại bảo tôi:

- Chú về ở với tôi nghe?

Tôi chưa kịp đáp, anh nói tiếp:

- Kệ chú ạ! Cứ về ở với tôi, tôi không để chú khổ đâu. Vợ tôi nó buôn bán, còn tôi... à, cũng phong lưu chán. Chú thiệt ngộ, vợ tôi nó sẽ mừng đó.

Anh mời tôi gần như van nài. Tôi ngỡ ý bằng lòng. Anh tôi sợ tôi thay đổi ý kiến, vội vàng thu xếp hành lý của tôi. Anh xách xuống đường gọi xích lô máy đưa tôi sang Khánh-Hội.

Xóm anh tôi trú ngụ là xóm Cầu Cổng, sinh lầy, hôi thối. Ở đây tập trung một số đông người Bắc dời bỏ quê hương từ lâu, và vì không có may mắn nên mãi tận ngày nay cuộc sống vẫn âm thầm nghèo khổ. Phần nhiều trốn từ các đồn

điền cao su cà phê đất đỏ hay đã hết giao kèo ký với công ty. Họ làm đủ nghề, đàn ông thì đập xích lô, lái tắc xi, xích lô máy, hớt tóc rong... đàn bà thì buôn thúng bán mẹt, đầy rẫy hình ảnh quê hương gầy ốm của tôi.

Anh tôi đập xích lô. Chị tôi bán tàu hũ chợ xóm Chiếu. Hai người lấy nhau mười năm rồi mà chưa có mụn con nào. Điều này khiến anh tôi đau khổ lắm. Anh lo ngại cái buổi tàn tạ một kiếp nhân sinh, nên anh chị tôi nuôi đứa con nuôi xin trong cô nhi viện. Anh tôi đa sầu đa cảm, anh nhìn đứa con nuôi, chạnh nghĩ đến thân phận mình. Rồi anh kết luận chỉ vì nghèo mới phải làm con nuôi.

Chúng tôi sống dưới túp nhà lá. Không thấy anh chị tôi phàn nàn gì cả hay họ đã quá quen với hoàn cảnh, bằng lòng theo số mệnh? Anh tôi là phu xích lô nhưng đừng ai vội tưởng kẻ đập xích lô thì dốt nát, cùng cực. Anh tôi, trời cho tính chịu khó. Dạo lưu lạc miền Hớn-quản, anh nhờ người dạy học. Ngày nay anh đủ kiến thức để chê bai truyện dài đăng trong nhật báo, hay thích thú những bài xã luận. Anh tôi chỉ xách xe đạp sát lề đường kho Năm từ 4 giờ chiều, lai rai ly cà phê đen, phì phào vài điệu ách chuồn đón khách ngoại quốc. Khi vắng mối, bắt đắc dĩ mới chọn đập cho người Việt lấy tiền trả thuế nửa buổi xe. Mười một giờ hoặc nếu hôm nào cải lương hay, chín giờ đã thấy anh lần về rủ vợ đi coi hát. Ban ngày anh ngủ liên miên, hể thức thì lại khơi chuyện làng xưa và cuối cùng bao giờ cũng cố hỏi:

- Tại sao chú vô đây. Ở nhà có sướng không? Chú đại thiệt là đại!

Tôi chưa nói tình cảm quê hương cũ cho anh nghe. Mà dẫu có nói chắc cũng không tin. Những người không biết

hay xa đất Bắc nhiều năm, mấy ai đã tin lời kẻ di cư. Họ sống bằng mộng tưởng và vẽ ra hiện tại huy hoàng của đất mộng. Kể gì anh Tường phụ xích lô, hồi chúng tôi chân ướt chân ráo ngõ ngang bước trên nẻo đường miền Nam, vô số sinh viên, trí thức điểm mặt chúng tôi, ghép chúng tôi là đồ vô liêm sỉ, bán nước, theo giặc. Thế nên tôi chẳng cần giải thích vội với anh Tường. Vả lại, xen câu chuyện chính trị vào tình cảm riêng tư ích lợi gì. Tôi muốn chinh phục anh Tường dần dần chứ không muốn mất anh Tường như tôi đã mất bao nhiêu thứ bên kia ranh giới. Vậy câu trả lời anh tôi là:

- Em thích giang hồ, bạn bè rủ em đi.

Câu trả lời ấy vừa lòng anh chị tôi, vừa lòng luôn cả xóm Cầu Cống ngàn năm không ánh đèn điện. Mọi người xúm nhau mua bia, nước cam mời tôi uống, bắt tôi diễn tả quang cảnh từng bừng của “quê hương độc lập, tự do”. Tôi nghĩ đến những con vệt, những thằng người Mác-xít đã từng len lỏi rắc mìn mớng bệnh hoạn, đã từng rót vào tai đám dân nghèo nản này nhiều mộng ước, đã cho họ ăn bánh vẽ ở cái thời mà đường đất xứ sở toàn phùng cầu nhả nghênh ngang phì nọc độc, cái thời mà giá trị con người xóm Cầu Cống ngang với giá chợ heo, chó. Và hôm nay nữa, những thằng người Mác-xít còn hành động gì? Tôi khoe khoang, khoe khoang là điều tầm thường đáng phỉ nhổ. Nhưng nói thực, tôi là kẻ sẵn sàng chiến đấu. Vậy mà trước đám người quê hương, tôi tự thấy mình nhỏ bé, yếu đuối. Tôi biết một mình tôi cô độc chẳng làm nổi. Tôi đành thua trận đầu, mắc nghẹn, đau đớn mà kể chuyện ngoài Bắc “vui, no lành, sung sướng” sai sự thực, khác cả 100%:

Em tôi phải bỏ học. Mẹ tôi phải trở về làng cày cấy. Cha tôi bị đày rất xa quần quật phục vụ chánh phủ ăn lương gạo. Tôi chả nỡ ghét người xóm Cầu Cống. Họ đáng thương hại như anh chàng mê gái dám cầm dao đâm tình địch.

Anh Tường cũng say sưa chủ nghĩa ngoài kia lắm. Anh hay nhắc dĩ vãng kháng chiến và hãnh diện tiêu diệt được nhiều thực dân. Năm 1946, anh vào đội “Thanh-niên Tiên-phong” võ trang gây tầm vong, dáo mác chống liên quân Anh-Ấn-Pháp. Lúc rảnh rỗi anh thường tả những cái ụ bên đầu cầu Quay đối diện với nhà hàng Hồng-kông Thượng-Hải. Mắt anh sáng rực khi anh nhớ lại Rạch Địa bên Bình-xuyên nói dòng nước cuốn xoáy mất tích bao nhiêu kẻ thù dân tộc. Nhiều bận một mình anh len lỏi trong thành phố dán bích chương, ném lựu đạn... Anh hỏi tôi có biết chuyện cậu bé tẩm dầu vào người đốt kho xăng của địch? Tôi khe khẽ hát bài “Tiếng súng Nam-bộ” trả lời anh. Tôi kể lại hồi ấy thanh niên làng tôi tình nguyện vào Nam giết giặc. Anh tôi sung sướng. Mắt anh sáng rực, tay đập phản gổ, miệng ca “Tiếng súng vang sông núi miền Nam vì mưu lấy miền Nam. Ta muốn băng mình tới phương Nam xé xác quân tham tàn...”

Tôi mừng tượng ra chuỗi ngày u ám, thâm sâu của anh ở đồn điền Hớn-Quảng. Rừng thì đầy hổ, suối thì đầy cá sấu và chuỗi ngày anh làm gã trai giành độc lập cho xứ sở, mà tình yêu anh vượt lên tình cảm thông thường. Pháp bắt anh hai lần. Phòng nhì tra tấn anh sống đi chết lại. Bây giờ ngực anh còn đau mỗi khi thời tiết thay đổi. Có thể vì thế anh trở nên bất lực về đường tình dục. Được tha, anh Tường trốn ra chiến khu miền Đông chiến đấu mê man

dưới làn mưa đạn. Sau anh bị thương, bị cầm tù. Mãn hạn, anh ở Sài-Gòn. Anh đạp xích lô từ đó.

Hiện thời không biết anh còn hoạt động gì cho kháng chiến vì anh rất bí mật và kháng chiến cũng hết rồi. Xem chừng anh ghét công cuộc di cư cay đắng. Anh bảo anh định hồi hương cùng với những người tập kết nhưng anh muốn về làng giàu có vẻ vang nên hoãn ý định lại. Anh hy vọng hai năm sau, thời cuộc đổi thay, sẽ tính chuyện khác. Anh khuyên tôi nên tin tưởng “cụ Hồ”. Tôi ậm ừ tỏ vẻ tán thành. Và như vậy tôi sắp khám phá được nhiều điều lạ lùng.

Anh Tường chịu khó mua tranh vẽ các vị anh hùng dân tộc như Phan Đình Phùng, Duy Tân, Đề Thám, Nguyễn Thái Học... Anh cắt dán rất mỹ thuật trên vách ván, thấp hương thờ phụng. Lòng yêu nước của anh còn bộc lộ trong những vần thơ hùng hồn anh thuộc vanh vách. Anh đọc thơ vào lúc tâm hồn thanh thản. Hỏi anh về cuộc sống tương lai, anh mỉm cười im lặng. Nguyên vọng tha thiết nhất đời của anh là được về đất Bắc sửa sang ngôi mộ mẹ và viết quyển hồi ký “Đời xích lô”. Anh phàn nàn học kém quá chứ không anh đã thành văn sĩ. Anh tâm sự với tôi rằng anh sẽ cố viết, tôi sửa lại. Nhưng chẳng bao giờ anh viết. Tuy cao hứng, anh vẫn khóc.

- Xích lô là cái nghề dư nhân tâm thừa bạc ác. Tường này mà tả đoạn dẫn Tây đến nhà điểm, rồi hai đứa làm “com bin” với nhau thì cứ gọi là tổ sư Tây cũng mất bốp.

- Thật hả anh?

- Tôi nói thiệt tình. Chứ đại sứ Mỹ mà lên xích lô tôi cũng bị bịp đô-la như bốn.

Khi tình cảm trào dâng, anh nói toàn những chuyện “dư

nhân tâm” cảm động đáo để. Tôi ước mong có dịp thực hiện giùm anh nguyện vọng thứ hai. Tôi bảo anh. Anh sung sướng dặn:

- Nếu in sách thì chú nhớ vẽ bìa hình thằng phu xích lô nằm gác xe cạnh vỉa hè mơ màng điều thuốc “Ách-chuồn” nghe. Nhớ thuốc Ách-chuồn mới hay!

Tôi buồn cười nín chẳng nổi. Anh tôi tưởng tôi khôì hài, nghiêm nét mặt:

- Đừng rỡn chú, hôm nào tôi kể chú nghe cái tích thuốc Ách-chuồn trong đời xích lô mưa nắng của tôi chú mới thấy là tuyệt.

Tôi sống ở xóm Cầu Cống với anh tôi được hơn một tháng thì bọn phiến loạn Bình-xuyên gây sự. Chúng tôi lên hè phố Catinat trú tạm. Ít ngày sau im tiếng súng, chúng tôi trở về dọn nhà xuống gần cầu Tân-Thuận. Anh tôi dạo này vắng nhà cả ngày. Gặp nhau, anh đem những tin tức miền Bắc cầu nhàu hỏi tôi:

- Thật không hở chú?

Tôi biết là thực, nhưng đã nhủ không xen chuyện chính trị vào tình cảm riêng tư, nên tôi lựa lời đáp:

- Báo ấy mà, anh còn lạ gì.

Anh tôi tươi nét mặt, hài lòng câu trả lời vu khống ấy. Tôi hiểu anh Tường như tôi hiểu những người nghèo khổ bị xã hội khinh bỉ, áp bức, tâm hồn sẵn đâm chồi thù oán. Họ thêm lời an ủi, thêm lời hứa hẹn dù chỉ là hứa hẹn suông. Một khi đã hứa giúp họ tạo cuộc sống no lành mai hậu, thì họ tin tưởng tới cùng, và họ dám hy sinh tất cả. Anh Tường thân mến của tôi đã bị bùa phép Cộng-sản chà nát rồi. Tôi mà nói rõ chuyện miền Bắc với anh lúc này

chẳng khác gì nước đổ lá khoai. Anh đang si mê đến ngu dại. Tôi cố chờ dịp khác.

Tối một đêm anh về rất khuya, mặt mày tái mét. Tôi hỏi, nhất định anh câm nín. Anh giục tôi đi ngủ. Anh ngồi dưới ngọn đèn móc túi áo blouson ra năm giấy to tướng. Tôi vẫn chú ý anh từ lâu, tôi vùng dậy đòi xem tập giấy. Giọng anh run run sợ sệt:

- Đừng mó vào, truyền đơn đấy chú!
- Truyền đơn gì?
- Truyền đơn của chính phủ ta.
- Chính phủ nào? Anh đừng sợ, em là em của anh mà.
- Chính phủ ngoài Bắc.
- Truyền đơn dả đảo chính phủ miền Nam hở anh?
- Ừ.
- Anh phải ném đêm nay à?
- Ừ.
- Thôi để sáng mai tính lại, anh run thế làm ăn gì được.
- Tôi vừa bị lính rượt.

Tôi hoảng hồn. Bây giờ mà cảnh sát ập vào đây tóm cổ tôi thì ăn nói sao đây? Cả đêm ấy tôi thức trong lo âu hãi hùng. Sáng sau tôi dậy sớm nói chuyện với anh Tường. Tôi phải để tới sáng vì nhiều duyên cớ. Có thể tôi sợ anh tôi thủ tiêu tôi. Có thể đêm tối tôi chưa đi được. Tôi trình bày anh nghe rõ rệt cuộc sống hiện tại ở miền Bắc. Tôi giải thích cho anh tôi rõ kháng chiến và Cộng-sản, những cuộc đấu tố dã man, những sự phản bội dân tộc của “cụ Hồ”. Tôi không quên nói điều cần thiết nhất là tình thương yêu gia đình bị chà đạp... Anh tôi lắc đầu hoài nghi. Anh bảo tôi là phản động. Tôi cúi đầu chịu đựng. Rồi tôi xét khó sống mãi trong

tình cảm bất đồng tư tưởng này, tôi xin phép anh đi nơi khác. Anh chỉ tôi nín lặng, chẳng đồng ý mà cũng chẳng phản đối. Trước khi xách hành lý khỏi nhà, tôi khuyên anh đừng ném truyền đơn nữa nếu anh còn muốn sống để về làng xưa đắp lại ngôi mộ mẹ. Anh tôi hết giận ngồi im. Tôi chắc anh nhìn theo bóng tôi, đau khổ.

Giã từ xóm nghèo miền Khánh-hội, tôi mang theo bao nhiêu ảm ức. Sự đau khổ dày vò tôi lúc này là anh tôi nghi ngờ tôi, anh đã dứt tình tôi. Tôi nói có sai đâu. Chắc chắn anh tôi dọn nhà đi nơi khác rồi vì anh sợ tôi sẽ tố cáo tội phá hoại. Anh Tường không nghĩ thế, nhưng ở ngoài Bắc, chuyện ấy người ta làm như điểm tâm mẩu bánh mì. Cũng may anh còn túng bắn chưa kịp hồi hương. Tôi nhớ chuyện những đứa con nuôi kể tội ác cha mẹ đỡ đầu chúng trước đám đông. Tội bóc lột sức lao động của chúng từ thuở nhỏ và chúng đòi lại bằng cách sỉ nhục, đấm đá người thân yêu đã nâng niu chúng có khi như con đẻ. Anh Tường mà ở miền Bắc, biết đâu anh chẳng lôi mẹ tôi ra đấu tố. Cộng sản dạy anh, chứ bản tính anh, bản tính hiền lành của người Việt-nam có bao giờ hèn hạ như vậy. Tôi bỗng thương anh tôi trọn chuỗi tháng ngày anh cạo mũ cao su đồn điền Hớn-quản.

Thỉnh thoảng tôi ra bờ sông Sài-Gòn hứng gió, tôi tìm một người quen xóm cũ hỏi thăm tin tức anh. Được biết anh vẫn mạnh khỏe, tôi mừng. Rồi tôi cũng lao đầu vào cuộc sống.

Hai năm sau tôi trở lại Sài-Gòn. Việc đầu tiên là đến thăm anh Tường. Tôi nghĩ rằng, qua thời gian suy nghĩ, hoạt động, anh tôi đã hiểu thấu đôi phần sự thực phũ phàng về Cộng-sản. Đôi phần thôi, như mình muốn gỡ

tung bối chỉ, chỉ cần tháo được cái nút. Tôi theo lối gõ cầu dài bắt trên sinh lầy hôi thối vào nhà anh. Tôi đoán sai. Anh tôi không sợ tôi đi báo, vẫn còn ở khu gần cầu Tân-Thuận. Anh em gặp nhau, anh tôi sung sướng giống lần anh tìm tôi trên gác ba nhà hát lớn. Anh hỏi tôi làm gì hai năm nay. Tôi nói ra Trung dạy học.

Anh tôi dạo này gầy ốm tiêu điều. Anh mệt quá phải nằm trên ghế bố nói chuyện. Lúc ấy chị tôi vắng nhà. Thằng con nuôi của anh đang nghịch ngợm với lũ trẻ ngoài lộ. Căn nhà im lìm, ghê sợ. Tôi thấy anh tôi khóc, ái ngại bước đường lưu lạc của tôi:

- Chú có khổ không, từ bữa chú bỏ đi anh lo cho chú quá.
- Em lớn rồi anh ạ! Đau khổ mới nên người chứ, anh khỏi lo.

Tôi hỏi anh ốm bệnh gì. Anh ho sù sụ một hồi bắt đầu kể. Giọng anh trầm buồn thiếu não. Sau những đêm ném truyền đơn, căng biểu ngữ tuyên truyền đả phá miền Nam, sau những lần gài plastic, ném lựu đạn thành công mỹ mãn, anh Tường bị thộp cổ. Trong cuộc điều tra, bản tánh chất phác của anh cố giấu giếm, nhưng bị thua sự khôn khéo của những người xét hỏi anh. Họ không đánh, chỉ cười thôi, mà dồn anh vào chỗ bí, phải khai thật hết. Các đồng chí của anh, vì thế, bị thộp cổ theo anh khá nhiều.

Cùng bị giam một trại với nhau, bọn đồng chí cũ khép anh vào tội mưu phản, len lỏi vào tổ chức của chúng để dò thám. Chúng cậy đông, xúm vào đánh anh, định đánh cho đến chết. May tiếng ú ớ của anh kêu qua cái khăn nhét vào cổ họng cũng đủ báo động cho nhân viên trật tự vào cứu anh, rất may là còn kịp.

Anh được nằm trong nhà thương của trại giam. Hết ba tháng, được về, lại vào nhà thương thí. Bên giường bệnh chỉ có vợ con anh thăm nom, cùng với dáng dấp hiền từ của những bà phước áo trắng.

Kể đến đây, anh Tường bắt tôi nói hết chuyện miền Bắc. Tôi cứ việc đem sự thật trình bày, không vu khống, không xuyên tạc. Anh tôi cảm động chớp chớp mắt thật mau. Anh chợt nghĩ ra công lao chiến đấu của anh hơn mười năm nay đã biến thành công dã tràng. Quay lại hướng tình cảm, anh tôi van nài:

- Chú tha lỗi cho anh.

- Anh có lỗi gì?

Tôi nghĩ nhiều về anh Tường. Thuở nhỏ, mẹ cha nghèo đói phải làm kiếp con nuôi. Lớn lên thì chịu đựng những hình phạt tàn nhẫn của những ngọn roi oan nghiệt đồn điền. Anh tôi có quyền chiến đấu tìm tự do cơm áo. Điều đáng trách là không ai hướng dẫn anh để sau này anh đại đột ném lựu đạn, gài plastic giết người cùng anh chung một ý nghĩ. Tôi ở xóm Cầu Cống đã lâu. Xóm ấy nghèo khổ, dốt nát. Buổi chiều nước lên tràn ngập nền nhà. Buổi sáng nước rút tro bùn, phân, rác rưởi hôi thối. Ánh đèn điện yếu ớt ngoài lộ soi dấu chân nào tìm đến cuộc sống hẩm hiu, soi dấu chân nào tìm đến mộng ước? Thỉnh thoảng có tiếng phóng thanh vọng tới: "A-lô! A-lô! Đả đảo Cộng-sản!" Thỉnh thoảng có tờ bích chương dán mãi ngoài cổng xóm.

Thỉnh thoảng có tổ chức phát bột mì, sữa hộp, thì người ta biến nó thành cuộc phát chẩn bệ rạc. Thỉnh thoảng có chiếu bóng ngoài lộ thì chỉ chiếu phim ruồi, bọ, khuyên ta nên ăn ở hợp vệ sinh, khi xóm Cầu Cống toàn sinh lây

hôi thối. Thỉnh thoảng có chích thuốc phòng dịch, người ta nhả nhó mặt mày vì những em bé gầy ốm, dơ bẩn... Xóm Cầu Cống đói khát hạnh phúc, thêm thường ánh sáng dẫn đạo, thêm thường mọi sự hiểu biết. Đêm đêm ma quỷ, đội lốt người, hiện về đồ ngon đồ ngọt nên theo chúng nó. Ma quỷ phác họa cảnh thiên đường ngoài nó, và xóm Cầu Cống thêm thiếp ngủ say. Ngày ngày bọn sợ trách nhiệm, lưng biếng, bọn cầu an, xu thời qua đây giờ bàn tay béo mẫm, hô to: “*Đả đảo Cộng-sản*”. Thử hỏi xem ai có nghe rõ gì không!

Anh tôi chả tội lỗi gì! Tôi cũng nghĩ nhiều về những tâm hồn hống hách còn sót lại nơi này, nghĩ nhiều về một số trí thức miền Nam: bác sĩ có, dược sĩ có, kỹ sư có, luật sư có, ký giả có mà còn ngu dần theo Cộng-sản, nằm vùng phá hoại nếp sống thanh bình của dân hiền, thì kể chi anh Tường phu xích lô của tôi. Với kẻ thù, chúng ta giết nó bằng súng đạn, chứ với bọn phản bội, thì phải quăng xác chúng nó vào chuồng mãnh thú. Anh tôi chả tội lỗi gì hết. Có khi nào mẹ hất hủi con, ngày đưa con lạc bước quay lại tổ ấm gia đình? Tôi nhìn anh Tường rưng rưng nước mắt. Giọng anh buồn buồn thống trách:

- Phải chi tôi biết sớm, chú đỡ khổ, mà tôi vẫn hy vọng về làng xưa đắp mộ cho mẹ.

Tôi an ủi anh:

- Mình còn sống lo gì anh. Em tưởng nếu cần thì ta làm lại tất cả.

- Tôi bệnh tật quá.

- Em thì trẻ quá, khỏe mạnh quá.

- Tôi sẽ giúp chú, bớt ốm tôi xuống xóm Cầu Cống nói chuyện lại cho người quê hương nghe.

- Anh không sợ à?

- Sợ gì?

- Sợ Cộng-sản!

- Mẹ! Trước mình khờ khờ chứ nay khôn rồi chứ ạ! À lúc này chú ở đâu?

- Em ở trọ.

- Hay về với vợ chồng tôi? Tôi dành dụm được món tiền nhỏ, ta dựng căn nhà lá hẻm Kho 5. Tôi cũng ghét cái xóm này cay đắng. Chú tính sao?

- Anh để em nghĩ.

- Nghĩ quái gì, chú bảo, “nếu cần thì ta làm lại tất cả”. Bộ chú ngán sống cạnh tôi à?

- Đâu có, anh Tường!

- Tội nghiệp, chú đừng bỏ tôi đi!

Im lặng một lúc, tôi nói:

- Vâng, mai em mang hành lý tới nhưng em phải đi dạy học chứ không ru rú nhà ăn bám anh chị đâu.

- Được rồi! Chú bằng lòng là được rồi. Là anh sung sướng muốn chết rồi. Anh ngờ chú giận anh. Nói thiệt, có lần anh tưởng chú tố cáo anh... Trời Phật tha tội anh. Trời Phật phù hộ chú...

Anh tôi vừa nói vừa khóc. Lần thứ nhất trong những ngày bên anh, tôi mới thấy anh Tường xưng “Anh” với tôi. Tiếng nói ấy sao mà thấm thiết thế. Tim tôi xao xuyến, mắt tôi ánh lên viễn tượng ngày mai gia đình xum họp. Giữa khi ấy, chị Tường dắt con đẩy cửa bước vào. Chị nắm chặt cánh tay tôi, thằng cháu Tường ôm chầm lấy chân tôi lú lo “Chú, chú, chú...” Hồi cháu mới tập nói, mẹ cháu dạy cháu ba tiếng “Ba, Má, Chú”. Tôi nín thở đón nhận hạnh phúc.

Thì ra bằng tình cảm chân thành, tôi đã chinh phục nổi anh Tường. Tôi thắng trận cuối cùng đẹp như cái bìa cuốn sách mơ ước của người anh nuôi quê mùa cũ.

Chúa không đến ngôi nhà thờ đó

Tôi cảm thấy tôi đã già với tuổi ngọc. Bây giờ mới là cuối thu nhưng tôi tưởng chừng tháng chạp sắp hết. Để tôi được thở dài: Mình bốn mươi tuổi rồi. Thuở nhỏ thầy dạy hai câu Thời giờ thấm thoát thoi đưa, Nó đi đi mất có chờ đợi ai thì buồn cười. Bởi vì, khi ta nhỏ bé, ta nhìn cái vũ trụ của ta tầm thường quá, ta mơ ước cái vũ trụ mênh mông của người lớn. Và ta mong thời giờ vút nhanh hơn vó câu qua cửa sổ. Mấy chữ Anh làm dáng trên cái thời khóa biểu trung học vẫn cứ ngó ngẩn Time is money! Nhờ bạn một tí. Hãy đưa tôi vài chục bạc, tôi sẽ rủ đám bạn thân chui vội vào rạp chiếu bóng. Ôi chao, Herman Brix, thần tượng cưới ngựa, bắn súng của tôi bị bọn gian tặc bắt nhốt trong hang núi và thả con hổ chui vô. Đến đó hết hồi thứ hai. Phim Hiệp sĩ Colorado những ba hồi. Herman Brix có bị cộp xé xác? Bạn thân của chàng là Toronto mọi da đỏ đã hay tin này chưa? Chuông réo hồn tôi, cậu bé năm thứ nhất thành chung, đứng gần chỗ bán vé mà túi rỗng không. Cậu bé đứng chờ một phép lạ.

Một ông bác tình cờ đi xem chiếu bóng, thấy cái vé ban ơn. Một người quen của bố mình tình cờ đi xem chiếu bóng, hoan hỉ dẫn vào xem nhờ. Một thằng bạn giàu lòng nghĩa hiệp cho vay khoản tiền. Tuyệt vọng. Cửa rạp đã vắng hoe.

Người soát vé kéo tấm màn. Nếu có thể bán mười năm thời gian lấy mười đồng bạc, tôi sẵn sàng bán ngay. Lúc đó. Tôi khoái biết số phận của hiệp sĩ Colorado, không thêm biết cái tương lai mơ hồ của mình phụ thuộc vào sự lãng phí hay chặt chiu thời gian. Hôm nay có dịp nhìn lại mình, tôi đã ân hận vô vàn những ý nghĩ đáng thương về thời gian của tuổi nhỏ. Quả thật tôi đã già. Với quanh tôi. Bốn mươi tuổi, chưa đun sôi một ấm nước hoài bão nhỏ, kể như là vất đi, là tàn tạ, là vô tích sự. Tôi cố nhớ bài học thuộc lòng lớp nhất:

*Tuổi niên thiếu sức dài vai rộng
Mai sau đến lúc lão thời
Nhìn trang sử sách thấy đời rộng tuôn
Chi bằng lúc đầu xanh tuổi trẻ
Trời phú cho mạnh khỏe tay chân
Việc ta ta hãy chuyên cần
Quyết đem tài chí lập thân sau này
Rồi vùn vụt tới ngày tuổi tác
Tới khi ta tóc bạc da mồi
Vuốt râu ôn lại sự đời
Đời ta đầy đủ thanh thoi tự hào*

Đó là một bài thơ của tác giả *Giòng nước ngược*. Rất nhiều niên thiếu đã thấm lời khuyên của ông, đem “tài chí lập thân” và sử sách đã ghi chép sự nghiệp “thanh thoi tự hào” của họ. Không bao giờ tôi được là một trong rất nhiều niên thiếu ấy. Bởi tôi đã muốn đổi thời gian lấy vé xi nê! Bởi tôi đã say mê Herman Brix như nhiều niên thiếu hôm nay say mê Lý Tiểu Long, Khương Đại Vệ, cặp cặp vào rạp

chiếu bóng mỗi buổi sáng, bỏ trường lớp một cách hững hờ. Tôi luôn luôn gặp cái dĩ vãng tội nghiệp của tôi ở cửa rạp chiếu bóng sáng hôm kia, sáng hôm qua, sáng hôm nay, sáng ngày mai. Ôi dĩ vãng tội nghiệp, buồn ghê nơi, tôi còn thấy nó hiện về ở hiện tại của niên thiếu bây giờ. Nếu tôi đã “lập thân” nhỉ? Thì xóa bỏ dĩ vãng tội nghiệp bằng một đạo luật cấm học trò vào rạp chớp bóng, ghé quán cà phê trong giờ học, ngày học. Nhưng tôi không “lập thân” do “quyết chí” tự “lúc đầu xanh tuổi trẻ”. Mà “lập thân” do sự “đói đầu gối phải bò”, do sự thử vận ngấp lút thủy triều may rủi. Và chắc chắn, sự lập thân này không hề do “tài chí”. Cuộc đời vẫn hiểm hoai kẻ tin ở lời nói thật. À, anh nói láo, anh giả vờ khiêm tốn, mấy chục cuốn sách của anh chẳng là sự “đầy đủ thành thoi tự hào” chẳng? Tự hào ư? Có chứ, tự hào lắm song xin dành sự tự hào ấy cho loài mối.

Xưa có người rặng danh văn chương phú lục, liệt cái tự hào đó mà rằng:

Sách vở ích gì cho buổi ấy,

Áo xiêm nghĩ lại thẹn thân già.

Lại thêm người nữa:

Một việc văn chương thôi đã hỏng,

Trăm năm thân thế có ra gì.

Ông Nguyễn Khuyến không tự hào với sách vở của ông. Ông Trần Tế Xương không tự hào với văn chương của ông. Lũ hậu sinh học đòi “trước thư lập ngôn”, coi ba cuốn sách kiếm cơm áo nuôi vợ con là những tác phẩm lớn, tác phẩm bé, lên mặt vênh vang, “mỗi gối quỳ mòn sàn tướng phủ”, khom mình run rẩy nhận lãnh sự tuyên dương rồi phóng

lời khẳng khái kẻ sĩ “uy vũ bất năng khuất” thì khác chi lũ đười ươi? Không, tôi chỉ là tên viết truyện giải buồn (cám ơn ông Huỳnh Tịnh Của), chẳng thể là “nhà văn” Trần Lâm, danh sĩ thời tam quốc, một thứ văn nô theo Viên Thiệu viết hịch chữ từ ông nội đến bố Tào Tháo rồi lại ngẩng mặt suy tôn Tào Tháo. Một tên viết truyện giải buồn, mua vui không có gì đáng tự hào cả. Y đáng ghét lắm, với một số người nào đó song đã không ai được phép thương hại y, trừ chính y, hay vợ con y. Y còn được phép không thương hại cả Trần Lâm lẫn Nễ Hành. Danh sĩ sống hèn bị chê, chết hùng cũng bị chê. Vậy văn chương nên ngợi ca cỏ cây, chim muông giun dế và tình yêu. Cứ làm ra vẻ văn chương dân thân, sách động, phản kháng, phản nộ, ở xã hội ta hôm nay, sợ rằng nó vừa giả dối vừa thô thảm.

Tôi không hề có một tham vọng gì về văn chương. Cho đến khi bẻ bút, tôi vẫn chỉ là tên viết tiểu thuyết nhân vật là con nít. Xin cho tôi yên ổn viết chuyện giải buồn con nít. Tôi đã nhủ tôi thế. Tôi đã xin tôi thế. Vậy mà tôi nhắm mắt nhào vô cái lãnh vực tôi mù tịt là báo tuổi ngọc. Rõ ràng tôi điếc không sợ súng. Rõ ràng tôi, con chim én muốn làm mùa xuân báo nhi đồng. Đem bốn chục ngàn vay lãi ba phân xuất bản tuần báo Búp Bê. Ối giời, tuần báo Búp Bê sao đông đầy vất vả! Đạo ấy có Lê Tất Điều keo sơn, có Nguyễn Thân tri kỷ, có Đinh Tiến Luyện vừa lớn và Ngọc Điệp đam mê. Đạo ấy tôi còn lao đao về vật chất. Nguyễn Thân nhắm buổi sáng mưa gió mịt mù, khoác áo mưa đem theo cả mưa gió ngoài trời vô cái tòa soạn nhật báo tôi đang cộng tác, vuốt mặt mà rằng: “Nghe tin mày đã nằm trong tay cái giấy phép Búp Bê...” Hắn thò tay qua áo mưa, móc ở

bụng ra đồng bạc không gói kỹ, liệng xuống bàn: “Tao mại cái Vespa được 40 chục ngàn. Cầm đỡ làm vốn.” Rồi hấn bước khỏi tòa soạn rất nhanh như sợ hãi nhìn khuôn mặt phù cảm động của tôi. Lại thêm bốn chục ngàn... phước thiện. In bích chương quảng cáo Búp Bê. Đăng Giao sáng tác giùm một mẫu bích chương lạ nhất, đẹp nhất. Nhật Tiến chí tình khích lệ và viết bài. Nhưng Búp Bê đã không chịu dán bích chương như Tuổi Ngọc không chịu treo bảng hiệu. Âm thầm suốt đời. Năm ngàn tờ bích chương rồi đem bán ký lô! Hôm phát hành số ra mắt, nhà phát hành “phán” một câu tàn nhẫn “Thất vọng 90 phần 100. Tại sao không đúng giờ giao báo?” Lê Tất Điều chủ bút, tôi chủ nhiệm và Đinh Tiến Luyện coi trần gấp báo, đếm báo, buộc báo. Trái mìn đã gài ở ngay đoạn đầu đời Búp Bê. Trái mìn phát hành tai ác. Nổ tung. Cổ xe ọp ẹp lật tung. Năm số báo tâm sự chấm dứt một đời báo, rạn vỡ một đời ấp ủ làm báo tuổi thơ của năm người.

Khi xưa, đọc Phổ thông bán nguyệt san tôi đã mê mẩn. Thúc cả đêm với Tô Hoài.

Gửi hồn mình vào đôi chân của Thăng Kinh của Nguyễn Đức Quỳnh. Tưởng mình giống Anh em thằng Việt của Lê Văn Trương... Lớn lên, tập viết những Thăng Vũ, Bồn Lừa... Rồi quá trớn đua đòi xuất bản báo nhi đồng. Ngỡ trường đời êm êm cơ hồ giấc mơ hồn đào. Ai dè nó lồm chồm móng vuốt. Ta thù hận móng vuốt đó. Và ta tự đẩy ta vô chốn ưu phiền. Nhớ dạo ấy ta nhận ta là con ngựa già. Con ngựa già nô lệ của một số bạn nhỏ thương yêu ta. Con ngựa già đoạn kết sẽ kéo chiếc xe Búp Bê dẫn các cô cậu chủ của nó đi thăm nội cỏ ngàn hoa. Con ngựa già

gục khuỵu vì trái mìn tai ác của phù thủy phát hành. Nó ứa máu. Nó bị thương nặng. Nó dưỡng thương. Nó khỏi. Nó biến thành ngựa chứng. Một vài cánh tay vẫy con ngựa chứng, độ lượng khuyên nó: “Này ngựa chứng, cuộc đời không phải chỉ toàn Thiện hay toàn Ác”. Ngựa chứng bèn tỉnh ngộ. Nó hóa ra con sên. Con sên yếu đuối bước từng bước Tuổi Ngọc. Tròn 24 bước, con sên bị đập nó rớt xuống đồng vỏ ốc. Người bạn nhỏ nào đó ở Huế viết cho tôi bức thư 24 trang giấy học trò, khen con sên là thứ sên can đảm. Con sên can đảm lắc đầu từ chối lời khen. Nó thu gọn đời nó trong cái vỏ hận thù. Nó trở về kiếp ngựa chứng hung hăng và tàn bạo. Những cánh tay khác vẫy nó, thủ thi: “Ngựa chứng, cuộc đời sắp biết đến mi, sao mi rẽ lối?” Ngựa chứng chớp mắt. Nó ngoan ngoãn sống đời sên. Tôi cho tục bản tuần báo Tuổi Ngọc. Cha đẻ của những nửa trang, nguyên trang nhi đồng hàng ngày trên mặt báo là con sên. Này thẻ xanh ngà ngọc. Nó hợp bạn liên hoan. Nó gây phong trào. Nó tạo nhộn nhịp. Người ta đã quên mất ai là tác giả những danh từ húi cua, kíp tóc. Cần gì, hãy sống như đời sên. Và con sên can đảm, con sên ngu dại bám vào Tuổi Ngọc, tuần báo của yêu thương trong khi cuộc đời ngô ngơ tuổi ngọc. Một trăm mười tám số Tuổi Ngọc là một thách đố đầy. Chấp cả chủ báo tư bản lẫn những ai hằng lên tiếng về trách nhiệm giáo dục và giải trí niên thiếu. Nhưng có đáng chi để tự hào! Cái đáng tự hào là, không xuất tiền túi, không xin tiền Asia Foundation, không xin tiền Phủ Quốc vụ khanh Đặc trách văn hóa, không bán báo cho Bộ Giáo Dục mà Tuổi Ngọc cứ sống tà tà. Cái đáng tự hào là, giữa cuộc đời nhí nhố, vẫn có những thứ ngu dại

gặm bánh mì làm nổi công việc có nghĩa lý cho đời họ. Con sên tự cảm thấy nó được tha thứ.

Nhưng nó già rồi. Nó khó lòng bò thêm. Nó nên lùi bước. Nó phải lùi bước. Con dốc nó leo cao vời vợi, lởm chởm gai góc. Tiếp tục bò, sên sẽ bị ứa máu. Và chết. Tuổi Ngọc lùi bước. Tuổi Ngọc đầu hàng. Thua hết. Đầu hàng giá giấy. Đầu hàng còng ắt loét. Thiệt chí vẫn còn song con người đã mỏi mệt. Người bạn nhỏ, hãy tha thứ con sên, đừng trách móc nó.

Tội nghiệp. Một danh nhân đã nói: “Ở đời, ít khi người ta thực hiện nổi giấc mộng của mình.” Tôi đã chưa từng làm nổi một tuần báo tuổi ngọc xứng đáng với sự mong đợi của bạn đọc. Như một cô nhân tình thiếu thủy chung, tôi đã phụ tình bạn đọc. Như một người vợ thiếu quán xuyến, tôi đã phụ tình bạn đọc. Tôi đã lùi bước, đã biến những hứa hẹn của mình thành những lời nói dối đáng khếp tội.

Chiều nay, trong cơn mưa tầm tã, nhìn ra ngoài trời qua khung cửa nhỏ, tôi thấy rõ hình ảnh tôi chập chờn trước rạp chiếu bóng tĩnh lý. Tôi đang bị chuông réo hồn. Tôi đang điên ruột chẳng hiểu thần tượng Herman Brix của tôi có được hiệp sĩ Toronto giải thoát hay chết tan xương dưới tay gian tặc. Như cậu bé ngày xưa, thần tượng Tuổi Ngọc của tôi phải được hiệp sĩ Toronto cứu sống. Hiệp sĩ đã không chết. Bởi nếu hiệp sĩ chết, lấy ai cứu khốn phò nguy. Tuổi Ngọc cũng không thể chết. Cái gì có ý hướng tốt đẹp đều sống lâu. Tôi ước ao vậy. Tôi mộng mơ thế. Sẽ có ngày tuần báo Tuổi Ngọc đến với bạn lòng lấy và phong phú. Đó là ngày của chủ nhiệm Đình Tiến Luyện hay của Chương còm, Danh ná, Dzũng Đakao... Không còn là ngày

của tôi nữa. Tôi đã già rồi. Tôi đang đi vào hoàng hôn cuộc
đời. Tôi đã già rồi. Đã già rồi cả nụ cười lẫn giọt nước mắt.
(25-9-1973)

Con chích chòe đã trở về

Căn nhà tôi đang ở có miếng sân phía trước và ở miếng sân có một cây me đã già, già cỡ chừng tuổi chiến tranh Việt Nam; một cây khế cũng đã già, trái chua ngọt theo cảm hứng, một cây mận đương tơ... Nhà sát bên đường xe cộ qua lại nườm nượp. Chỉ một loài chim sẻ dám khinh thường tiếng động cơ nổ và tiếng còi quái đản của những loại xe cần trục, tháo gỡ mìn đạn ngang qua đều đều.

Chim sẻ không biết hót. Nhưng thiếu chim sẻ, cuộc đời vẫn buồn. Và chim sẻ tụ tập trên cây me, cây khế, cây mận ở vườn nhà, cãi nhau chí chòe mỗi sáng, mỗi trưa. Chẳng thêm loài chim lạ, dù một cánh chim mới ghé đậu dưỡng sức. Bỗng một buổi trưa sau giấc ngủ ngắn, tôi nghe vắng vắng tiếng hót của con chim chích chòe. Một tuổi thơ đã mất cắp, chợt tìm thấy. Một thôn ố bình yên đã bị tàn phá, vụt hiển hiện. Nguyên vẹn một buổi trưa ca dao nắng vàng trải dài cánh đồng lúa sữa, nắng vàng đú đởn với lá xanh. Và con chim chích chòe ngợi ca buổi trưa ca dao bằng tiếng hót tuyệt vời của nó. Tôi không thích nghe tiếng chim cu gáy. Nó buồn làm sao! Nó bắt thôn ố suốt đời cam đành cái số phận ử ê, hiu quạnh. Tôi ghét tiếng chim cuốc. Nó thô thảm như màng lưới tối tăm chụp bủa xuống quê hương. Tiếng hót của chích chòe, thuở nhỏ, tôi chưa biết diễn tả

cảm tưởng khi nghe; nói rằng tôi khoái lắm để khỏi phản phúc hồi tưởng. Nằm trên chiếc võng mắc dưới giàn hoa thiên lý trưa hạ, nghe con chích chòe kể “tự truyện” tận ngọn cây xoan cao như nghe rõ tất cả tình tự của quê hương mình. Đó là lúc chích chòe buồn. Khi vui, chích chòe đậu cành tre, chờ gió lay động, đu đưa theo và hát. Như chim bách thanh, một loài chim hát đủ giọng. Bắt chước đủ điệu hát của xã hội chim. Ngay từ thuở nhỏ, tôi đã thích nghe chích chòe đậu chót vót ngọn xoan cao, hát một mình.

Mãi bây giờ tôi cũng chưa hiểu tại sao cứ đậu riêng một mình trên cây cao là chim chích chòe hát hay và giọng nó ngâm nga. Đậu trên cành tre nó hòa điệu với họ hàng, anh em nên hát để mà hát... Có phải chích chòe là một nghệ sĩ? Một nghệ sĩ sống với nỗi cô đơn khôn cùng. Và chỉ trong nỗi cô đơn khốn cùng đó, người nghệ sĩ mới sống cho mình, làm cho đời? Buổi trưa vắng và trên ngọn cây thật cao. Chích chòe lựa chọn không gian, thời gian thích hợp giọng hát của mình. Có phải ai cũng biết thức trưa chờ nghe chích chòe hát? Nhà nghệ sĩ chích chòe của tôi, nhà nghệ sĩ bị cuộc đời ngộ nhận là ba hoa (ba hoa con chích chòe) vì cuộc đời chỉ được nghe chích chòe ba hoa trên những cành tre và cuộc đời tầm thường không một vinh hạnh nghe chích chòe hát một mình trên ngọn cây cao. Chích chòe, nhà nghệ sĩ lý tưởng của tôi, đã không hát mà hát. Đậu thật cao, chích chòe hát. Hát chẳng cần mua vui cho ai. Hát cho mình. Rồi vỗ cánh bay đi. Nhà nghệ sĩ ấy, kẻ duy nhất nói câu “uy vũ bất năng khuất” không xấu hổ với chính mình. Những kẻ sĩ hôm nay học đòi rêu rao “uy vũ bất năng khuất” chỉ là phường dối trá. Cứ giăng

bầy bắt một con chim chích chòe nhốt nó vào lồng son, nuôi ăn bằng kê vàng, nuôi uống bằng sâm nhĩ hồng xem sao! Chích chòe sẽ dùng móng chân móc cổ đến ứa máu mà chết. Cái thứ chích chòe hót trong lồng là thứ chích chòe quên gốc gác, đã được người nuôi nấng từ thuở ấu thơ. Và tiếng hót của thứ đó là tiếng hót làm cảnh cho cuộc đời tầm thường mất thiếu điều tiết, tai thiếu thẩm âm. Với cảnh đời đó, nghệ sĩ đã trở thành kếp cải lương hết rồi. Và chẳng, nghệ sĩ bây giờ đâu muốn làm chích chòe cô đơn. Họ đã đậu trên những cây tre.

Và ngay đứa trẻ cũng dám ném đuổi chích chòe bằng mảnh sành hèn mọn! Thôi, nghệ sĩ chích chòe của tôi nhé, ngưỡng mộ người đủ rồi, cho tôi nói về con chim chích chòe bắt chợt từ đâu tới đậu trên ngọn cây me già bằng tuổi chiến tranh Việt Nam và làm sống dậy một tuổi thơ, một quê hương trong trí nhớ của tôi.

Tôi mở cửa sổ. Lá me xanh mướt và quá dày che mất khoảng trời nắng hạ. Con chim chích chòe lẩn khuất giữa vùng lá me xanh dày. Tôi chỉ biết có nó và không thể thấy nó. Như người Việt Nam đã chỉ biết có Hạnh Phúc mà không thấy Hạnh Phúc, tự mấy kiếp đời. Buổi trưa Sài Gòn bớt đi đôi chút ồn ào nên tiếng hát của con chích chòe nghe cũng đã. Nhưng tiếng hót của chích chòe không thoát. Nó ủ ê thế nào ấy. Không gian và thời gian này không thích hợp với nó chẳng? Nó gọi tưởng dĩ vãng và không phá nổi về nhiệm màu quanh một dĩ vãng. Chích chòe hát trên cây me già cạnh con đường qua lại đủ thứ xe dùng cho thời chiến, nghe tiếng hát bắt buồn. Rồi nhớ từng miếng nắng, từng hàng cây của quê hương không lãng đãng mùi thuốc

súng. Con chích chòe đã mất chỗ của nó. Nó phải đậu trên ngọn cây soan cao, hát vào buổi trưa thôn ố. Lúc ấy, tiếng hát của chích chòe là tiếng hát của hạnh phúc, của tình tự. Nó cần về thôn ố, về nguồn. Như chúng ta cần về với quê hương chúng ta, thật sự về với quê hương chúng ta để hiểu rằng chỉ ở quê hương, chúng ta mới có hạnh phúc và tình tự. Rời bỏ, ly dị, đoạn tuyệt, vọng tưởng, suốt đời chúng ta sẽ bơ vơ, mòn mỏi và tiếng nói tình tự sẽ ử ê, khác lạ cơ hồ tiếng hát của con chim chích chòe trên ngọn cây me già trong miếng vườn nhỏ bé của tôi. Dẫu sao chẳng nữa, con chích chòe bắt chợt từ đâu tới vào buổi trưa Sài Gòn than vãn ử ê cũng đã gieo vào tâm hồn tôi nhiều ý nghĩ. Tiếng hát của chích chòe tưởng chừng tiếng trách móc. Như là, ngót hai mươi năm rồi tôi quên tắm hồ ao, quên bát nước trà tươi, quên ngắm trăng đồng nội, quên ngửi mùi rơm mới, quên ngồi dưới gốc đa, quên nghe tiếng trống đình, tiếng chuông thu không... Như là tôi nói tiếng mẹ đẻ không sôi, tôi viết chữ nước tôi đầy lỗi, tôi không còn tin dân tộc tôi anh dũng, tôi sợ hãi hiện tại, tôi nghi ngờ lịch sử, tôi ỷ lại, hèn mọn, khiếp đảm, an phận cỏ cây... Có phải con chích chòe kia hờn giận tôi và anh em ruột thịt của tôi? Rồi bay đi. Mỗi buổi trưa, tôi đều vắt tay ngang trán nghĩ tới nó và mong nó về đậu trên ngọn cây me già. Tôi muốn trần tình với nó. Tôi muốn cởi phăng tâm hồn tôi cho nó xem. Tôi bị ung thư. Và tôi hiểu nếu tôi nhớ những gì tôi đã quên, tôi làm những gì tôi đã bỏ, tôi sẽ hết bệnh hoạn, sẽ thấy tôi là người Việt Nam đôn hậu đứng trên mảnh đất hiền hòa nhìn rõ hạnh phúc dân tộc, nghe rõ tình tự quê hương. Bao giờ con chích chòe chợt đến, vụt đi, trở lại?

Rất tình cờ, con chim chích chòe trở lại và đậu trên ngọn cây me già vào buổi sáng lệnh ngưng bắn có hiệu lực. Buổi sáng hôm đó vắng lặng như cái không gian lên tiếng hát tình tự của chích chòe. Con chích chòe hôm nào hát thật lâu, thật hay. Tiếng hát mở rộng chân trời mơ ước. Tiếng hát dứt hẳn điệu trách móc và gửi nhiều nhắc nhở. Hát đủ lời, chim chích chòe bay đi. Tôi biết chắc không bao giờ nó trở lại ngọn cây me già nữa. Chúng ta phải tạo dựng thời gian và không gian lý tưởng cho nó. Hình như, chúng ta đang thật sự tìm về quê hương cũ?

(17-2-1973)

Con sên già lùi bước

Ngài là linh mục không có nhà thờ. Như đại đức không có chùa, như người cày không có ruộng. Ngài lại không thích hạc nội mây ngàn và càng không thích giăng kinh thu môn đệ. Người ta bảo ngài thiếu tinh thần thi đua xây cất giáo đường. Ngài đã cười. Và, thay vì biện bạch mất công, ngài dùng một danh ngôn của một vị Hồng y trả lời tất cả: “Nếu phải chọn, hoặc dựng một giáo đường, hoặc xuất bản một nhật báo, tôi sẽ xuất bản nhật báo.” Và ngài làm theo lời vị Hồng y. Dù sống đạo giữa đời hay sống đời giữa đạo, ngài vẫn chỉ là một người có số phận và chịu sự an bài của Thượng đế. Nghĩa rằng, được cái nọ, mất cái kia.

Ngài không có nhà thờ thì ngài đành xin làm lễ nhờ ở nhà thờ khác. Như nông dân mượn ruộng của điền chủ. Tôi là phóng viên nhật báo do ngài làm chủ nhiệm nên thường dự những buổi lễ của ngài. Ngắm ngài nghiêm trang dưới chân Chúa hay tặng bánh Thánh con chiên hay nghe xưng tội, tôi lại nhớ ngài ngồi im lặng ở bàn viết tòa soạn, tìm chữ nghĩa độc địa nhất để nghị luận tội lỗi của loài người. Và tôi tự hỏi ngài sẽ xưng tội với ai. Những vị linh mục công kích thiên hạ, xúi dục tuổi trẻ phá phách, xách động con chiên xuống đường, chiếm đất công hữu đuổi nhà dân nghèo sẽ xưng tội với ai. Hẳn có ngày họ sẽ chịu sự phán

xét khắt khe của Chúa. Bởi vì, Chúa dạy gây tình thương yêu, họ đã tạo nên thù hận. Bởi vì, Chúa bảo bọn nhà giàu khó lên nước Thiên Đàng, họ đã là chủ trương cá mập, chủ cơ sở ăn lột bóc lột công nhân, chủ ngân hàng cho vay ăn lãi. Vị linh mục của tôi, chắc chắn, sẽ về nước Thiên Đàng bằng chuyến tàu chót. Nghị luận tội lỗi của bọn giả hình là đưa chúng về đường thiện, là giải thoát chúng. Bọn giả hình năm 20 hay năm 1970 đều giống nhau. Chúa đã chẳng ngại lời mắng bọn giả hình đó ư?

Tuy thế, vị linh mục của tôi vẫn cần có một ngôi nhà thờ riêng. Người ta chờ nhật báo của ngài bán chạy, người ta chờ cơ sở ăn lột của ngài đông khách, sẽ tính chuyện. Và người ta mua cái vi-la của ông Tây lai già đằng trước tòa báo. Để chuẩn bị “hữu sản hóa” cho ngài. Để ngài khỏi bị đi làm lễ nhờ mỗi sáng chúa nhật. Tôi không được chứng kiến lễ đặt viên gạch đầu tiên. Tại tôi nghĩ việc quá sớm. Ở xa, tôi nghe nói vị linh mục của tôi đã có nhà thờ vào dịp chính phủ ban hành luật người cày có ruộng.

Tôi trở lại nơi cũ như một thân chủ của cơ sở ăn lột của vị linh mục chủ nhiệm của tôi. Báo của ngài đã đình bản. Ngài không có mặt thường xuyên ở văn phòng của ngài đã đành, ngài còn không có mặt thường xuyên ở nhà thờ riêng của ngài. Phải vì giáo đường chỉ là căn nhà cũ của ông Tây lai sửa chữa chút đỉnh? Hay phải vì đám con chiên trung thành nhất của ngài chỉ là lũ buôn bán Thần Thánh? Chỗ tôi ngồi làm việc, hàng ngày, đằng sau nhà thờ. Như từ phòng khách ra phòng ăn. Trong phạm vi giáo đường, sát cạnh nơi người ta kể Phúc Âm mỗi tối, là cái trường mẫu giáo. Cách bàn giấy của tôi năm thước là cầu tiểu. Học

trò đã tự do phóng uế. Mùi khai nồng nặc. Chiều thứ bảy, người ta bơm nước rửa sạch sẽ cầu tiểu. Vì sang chủ nhật có “cha xuống làm lễ”. Cha, vị linh mục của tôi, làm lễ sáng chủ nhật thì sáng thứ hai bàn giấy của tôi bị lục bừa bãi bởi các đồng tử ham nghịch ngợm. Điều đó tôi rất thú vị. Tuổi thơ không biết nghịch là tuổi thơ ồm yếu. Đáng buồn. Điều tôi thú vị hơn là chiếc áo thầy tu của vị linh mục đã treo ở văn phòng tôi rất đều đặn, mỗi sáng thứ hai. Ngài chỉ mặc áo dòng sáng chủ nhật để làm lễ. Sáu ngày trong tuần, ngài mặc y phục thể nhân đạo phổ, y phục thể thao đánh quần vợt... Tôi yêu ngài bởi tâm hồn đạo của ngài chứ không bởi hình thức tu hành. Ngài cũng hiểu thế. Và ngài đã ngạc nhiên thấy tôi đọc Thánh kinh một cách say mê. Chúng tôi thường bàn về kinh Cựu ước. Và tôi nói:

- Cựu ước kinh như truyện phòng thân. Có phải Moise viết? Nếu vậy Moise đã làm mất *người* trong Chúa. Chúa rất *người*. Chúa đậm xa lạ. Chúa gần gũi chúng ta. Nhất định Chúa đã là *người*. Cha có đọc bộ *Lịch sử nhân loại* của Will Duran không? Đoạn viết về Đức Phật, Will Duran mạt sát thậm tệ bọn đòi sau đã thần thánh hóa vĩ nhân, đã làm mất hẳn tâm hồn người huyền diệu của vĩ nhân.

Linh mục cười:

- Nói nữa đi!

Tôi hỏi:

- Cha không giận chứ? Linh mục đáp:

- Chẳng có gì vui hơn được nghe chuyện đạo của người ngoại đạo. Và người ngoại đạo lại là anh, một kẻ hoang đường...

Tôi nói tiếp:

- Ở Tân ước, Chúa dạy mọi người đều là anh em. Thế

mà ở Cự ước, Chúa lại sai anh chàng Samson dùng sức khỏe vô địch của mình xô đổ cái cột đá sát hại cả một làng là nghĩa gì? Chúa chê lũ giả hình, ghét bọn Pharisiên nhưng Chúa đâu có thù hận ai?

Linh mục gật gù:

- Nhiều chỗ anh chưa rõ. Nhưng anh chịu đọc Thánh kinh là quý rồi. Tôi hỏi:

- Quý ở nơi nào?

Linh mục đáp:

- Ở nơi chúng tôi có khá đông đạo hữu chỉ biết cầu Chúa ban ân huệ. Tôi lại hỏi:

- Cha có đọc Nam hoa kinh? Linh mục đáp:

- Có. Tôi nói:

- Thừa cha, cụ Trang mấy nghìn năm cũ bảo, đại ý, người xưa chết rồi, vả lại, lời người xưa chỉ đúng khi áp dụng vào việc đời xưa, cha nghĩ sao?

Linh mục trả lời:

- Chúng tôi đã có Cộng đồng Vatican II.

À, chúng tôi đã nói chuyện thật cởi mở. Linh mục kiên nhẫn nghe một gã ngu dốt xâm phạm vào sở trường của mình, mà không hờn giận. Mà không xua đuổi. Cho nên tôi mới tin rằng ngài thật lòng, phụng vụ Chúa và muốn con chiên của ngài thật lòng như ngài. Chúa không ưa bọn giả hình. Chúa không ưa cả bọn giả hình quỳ dưới chân Chúa, bọn sáu ngày gây tội lỗi để chủ nhật xưng tội. Do đó, ngôi nhà thờ người ta xây dựng có toan tính và cốt làm vui lòng ngài, ngài đã chẳng vừa lòng. Trước hết, kẻ chuyên đọc kinh Phúc Âm là một tay biển lận. Ông này đã sửa chữa hóa đơn chi thu, đã ăn gian tiền lương của ngài, đã mua cái

Harmonium cũ rích trả giá cao hơn cái đàn mới, đã pha thêm nước đường vô rượu lễ, đã mua bánh men thay bánh thánh. Vân vân. Đám phục dịch nhà thờ chuyên lấy báo mới cho mượn và trả báo cũ về. Một vị có công lao nhất thì xử dụng nhà thờ ngót nửa tháng đọc kinh cầu hồn cho bố mẹ bị chết lụt ngoài Bắc. Vị này mắc máy phóng thanh khắp ấp, kinh cầu thu bằng nhựa, vắn suốt ngày. Vị linh mục của tôi chán nản, tâm sự riêng với tôi:

- Nó lợi dụng nhà thờ. Nó tưởng ông thân sinh của nó là cha già dân tộc. Nó làm thiên hạ ghét Cha ghét Chúa.

Tôi biết rõ về bọn lợi dụng nhà thờ. Nhất là bọn lợi dụng nhà thờ riêng của vị linh mục của tôi. Cuối cùng, vì kẻ biến lận đọc kinh Phúc Âm và cầu hồn cho bố mẹ người có công tu sửa nhà thờ rỗng rã nửa tháng nên nhà thờ, đúng nghĩa, là nhà thờ riêng của cơ sở ẩn loát. Nhưng nhân công không thích cầu nguyện ở đây. Họ mất công đến nhà thờ khác. Còn lại là bà con, gia đình các “chức sắc” của cơ sở ẩn loát. Vị linh mục chỉ tới làm lễ sáng chủ nhật, vì vậy.

Những hôm đang viết bài bị “bí”, tôi thường vào nhà thờ ngồi suy nghĩ. Tôi ngắm Chúa Cứu Thế gắn trên tường và ngó đang nhìn rõ từng giọt máu ứa ra từ những nơi Ngài bị đóng đinh chịu tội. Ở kia, khuôn mặt rực rỡ của Ngài sao không tươi vui như hạnh phúc của loài người, như ở những giáo đường khác? Mà có vẻ phiền muộn. Chắc Ngài ngó xuống chiếc chén mạ bạc dâng rượu lễ đầy bụi bặm. Chắc Ngài ngó xuống chiếc chuông đồng nổi teng. Cái Ngài ngó xuống chỗ đọc kinh Phúc Âm. và, Ngài chưa quay lại nên chưa ngó xuống cái bàn nhỏ kê gần bàn giấy của tôi. Ở đó, có hai chai nước. Một chai khô queo dán miếng bìa

trắng viết hai chữ *nước phép*. Một chai còn chút nước đầy cung quăng, cũng dán miếng bìa trắng viết ba chữ *Nước rửa tội!* Hai cái chai đó vẫn bắt di bắt dịch trên chiếc bàn nhỏ. Có lẽ, vỏ chai bây giờ đóng đầy bụi. Vị linh mục của tôi thở dài:

- Chúng nó giả dối!

Tôi không hiểu sao ngài chấp nhận sự giả dối ấy.

Năm nay người ta sửa soạn mừng Chúa Giáng Sinh tại ngôi nhà thờ tôi vừa kể. Người ta đánh bóng chiếc chén bằng bạc dâng rượu lễ, chiếc chuông đồng, sơn quét bên trong, bên ngoài nhà thờ. Người ta dựng cổng chào, kết hoa, giăng đèn. Người ta lại vừa thay chiếc chuông lớn hơn. Nhưng người ta quên hai chai nước phép, nước rửa tội. Ông chuyên viên đọc kinh Phúc Âm thì biến lộn gấp ba năm ngoái. Ông đóng góp công đức nhiều vào việc trùng tu giáo đường mới từ khảm Chí Hòa ra. Tất cả đều hy vọng mùa Giáng Sinh này Chúa sẽ ban ơn thật nồng hậu. Nhưng mọi người đã mỗi mắt trông đợi vị linh mục xuống làm lễ. Mãi tới nửa đêm Giáng Sinh, linh mục vẫn biệt tăm. Đi tìm Ngài khắp nơi, không thấy. Và đám con chiên thích riêng biệt không chịu hòa đồng có dịp suy ngẫm trầm lặng trong đêm thánh thành phố.

Lúc đó, cha của họ, linh mục của tôi, đang làm lễ ở một ngôi nhà thờ còn ngập nước lụt ở miền Trung. Thánh lễ vô cùng đơn sơ. Tôi tưởng tượng thế. Và tôi mơ hồ nghe tiếng cầu nguyện của những con chiên chân thành nhất, đáng thương xót nhất của Chúa. Những bước chân đạp nước lạnh kính cẩn gửi lời mừng Chúa giáng sinh. Những hơi thở làm ấm một vùng cóng buốt. Một ánh lửa từ trời

cao rút xuống. Amen. Chúa đã đến nơi đây. Chúa không đến ngôi nhà thờ riêng của vị linh mục của tôi. Chẳng bao giờ sai cả, Chúa chỉ đến với niềm tin còn nguyên vẹn sau những đọa đày, cơ cực.

(Tháng 12-1973)

Đêm thánh vô cùng

Cha sở buồn bã từ mấy hôm nay. Tháng mười hai đã tới bằng những buổi sáng mù sương, bằng những cơn gió lạnh lẽo gợi tưởng những cơn gió lạnh lẽo chốn xưa. Và cha sở càng buồn bã. Ngôi nhà thờ bé nhỏ của cha đã chịu đựng hàng ngàn trái pháo kích tàn nhẫn chung số phận với làng quê hiền lành, vô tội. Thông điệp quái ác thường chuyển đi bằng bom đạn. Nó dục con người bỏ nơi chôn rau cắt rốn ra đi và bắt phải khóc chảy máu mắt. Loạt đại bác ở những khe núi nào đó cách xa ba mươi tám cây số gửi về làng vào đầu mùa hạ. Theo dân làng chạy đạn, đám con chiên của cha sở cũng lưu lạc đó đây như những tội đồ oan uổng. Cha sở nhớ ngôi nhà thờ, nhớ xóm đạo nghèo khổ, nhớ vùng trời êm ả cũ. Đại bác đã làm sụp đổ giáo đường? Tháp chuông đã bị xóa bỏ? Và Thánh thể? Cha sở ôm mặt. Chưa bao giờ ngài biết buồn. Nhưng hôm nay ngài buồn khôn tả. Vì sắp đến ngày Chúa giáng sinh. Ngày lại ngày, ngài ngồi phương trời mới nhớ phương trời cũ. Mây bay. Mây bay hoài và ngài thấy mây bay sang Đất Thánh. Cha sở bồn chồn, lo lắng. Ngài đưa tay làm dấu và cầu nguyện. Một ý nghĩ vụt thức trong tâm tưởng ngài. Ý nghĩ đó khiến cho cha sở, gần như trút hết nỗi buồn bã. Ngài họp đám con chiên lạc, nói cho họ nghe ý nghĩ của ngài.

- Không thể trở về được, thưa cha.

- Tại sao?

- Đường xá xa xôi, nguy hiểm đầy rẫy. Chúng nó sẽ giết cha. Thưa cha, để gì nhà thờ còn nguyên vẹn.

- Chúa còn nguyên vẹn, đất còn nguyên vẹn. Ai dám theo cha.

Chẳng ai dám theo cha. Dám con chiên lưu lạc nín thinh. Cha sờ ngó mấy gã chiên ghê. Mấy gã này nổi tiếng phá phách, bướng bỉnh cãi lời cha và lười biếng tới nhà thờ. Đã thế, mấy gã còn láo lếu, dám chọc ghẹo gái trước cổng giáo đường và bắt trộm gà, bắt trộm chim bồ câu của cha sờ nấu cháo nhậu nhẹt, đàn địch. Cha sờ thường nói mấy gã sẽ xuống địa ngục, nếu cứ tiếp tục phạm điều giới răn. Mấy gã cười hềnh hếch, đòi xuống địa ngục để khỏi gặp cha sờ trên thiên đàng. Bây giờ, cha sờ hỏi mấy gã.

- Các con dám theo cha trở về không?

- Chúng con sợ chết.

- Ai mà không có lần chết.

- Những người ngoan đạo chết mới được lên thiên đàng. Chúng con chết về địa ngục khổ lắm. Chúng con nhất định không về. Thưa cha...

- Gì?

- Mình tổ chức Giáng sinh mừng Chúa ở đây đi, cha ạ! Trở về chỗ hoang tàn, đâu đủ nghi lễ.

- Cha muốn làm sáng danh Chúa trên đất hoang tàn. Đây các con, nơi đất chết là nơi Chúa muốn có mặt ta. Hãy làm đất chết sống dậy. Đó là ý nghĩa của phục sinh. Các con đừng câu nệ nghi lễ. Nghi lễ ở trái tim ta. Lửa trái tim chân thành sáng hơn một trời sao rực rỡ. Chúa đã ra đời trên

vùng đất chết, vùng đất của oan khiên, thống khổ. Và rồi, các con ạ, mỗi bước chân Chúa đặt lên đất chết đều nở hoa hạnh phúc, yêu thương.

- Chúa không ở đây.

- Các con lầm. Chúa ở niềm tin của ta.

- Chúa không ở với lũ chiên ghê. Chúng con không về đâu.

Cha sờ lắc đầu. Ngài thở dài. “Ngày tháng mười chưa cười đã tối”. Thấm thoát đã là 20 tháng 12. Cha sờ đầm chiêu. Rồi cha sờ tìm quên những nỗi buồn bằng cách đeo một cây thánh giá gỗ. Ngài quyết định trở về vùng đất chết.

Cha sờ vác cây thánh giá băng đồng, vượt đường. Ngài khởi hành vào nửa đêm 23. Đoạn đường ngài đi, chắc chắn nhiều khó gấp bội đoạn đường của các vị vua tới Bê Lem từ phương Đông. Ngài đi chân đất, không mang theo lương thực. Gió lạnh cuối năm cắt da thịt ngài. Tóc ngài tung bay. Ngài hệt chân, ngã chúi xuống ruộng nước. Y phục ngài ướt đầm bùn. Bùn khô dần và quánh trên áo ngài, dính chặt mình mấy ngài. Như máu của Chúa sau những lần chịu tội cho nhân loại. Không gian bao la ngập chìm trong đen tối. Bóng ngài cơ hồ như con cá nhỏ bơi giữa cái biển đen tối, cái biển mệnh mông thù hận, oan khiên. Không một thiên thần nào che chở ngài. Ánh sáng soi lối đi của ngài chỉ là ngọn lửa tim mà ngài đã nghĩ. Nhưng trời vỡ sáng. Mặt trời rọi những tia nắng hanh xoáy bóng khuôn mặt ngài. Dưới một gốc cây, cha sờ ôm thánh giá cầu nguyện đêm tới. Và đêm tới, cha sờ lại vác thánh giá lên đường. Ngài bước mau, ngài chạy. Ngài không nhìn lên trời nên không hay có một ngôi sao theo ngài từng bước. Đằng trước súng nổ. Đằng sau súng nổ. Bên trái súng nổ. Bên phải súng nổ. Cha

sở chẳng nghe rõ. Thân ngài thôi nặng trĩu vì trí ngài lâng lâng. Ngài đã biến thành một thiên thần. Đúng nửa đêm 24, cha sở về tới ngôi nhà thờ.

Ngài đứng trên đồ nát. Ngài đứng trên đất chết. Giáo đường chỉ còn là đồng gạch vụn sặc mùi thuốc đạn. Tháp chuông gục đổ. Thánh thể chìm dưới lớp gạch nát. Cha sở ứa nước mắt. Ngài không còn thì giờ làm gì khác hơn là dựng vội cây thánh giá lên đất chết. Và ngài quỳ xuống cầu nguyện:

- Lạy Chúa, Chúa chịu khổ cho chúng con hạnh phúc. Chúng con theo Chúa, chịu khổ cho đời sau hạnh phúc. Hạnh phúc chỉ nở hoa tươi đẹp, ngát hương từ đau khổ. Kẻ nào biết đau khổ kẻ ấy sẽ được hưởng hạnh phúc, được hưởng ân sủng của Chúa.

- Amen...

Cha sở ngạc nhiên. Ngài căng mắt hướng về phía phát ra âm thanh kỳ diệu giữa cô đơn, sợ hãi. Mấy gã chiêm nhận mình là chiêm ghê đang kính cẩn làm dấu. Cha sở ngược nhìn trời. Một vì sao lung linh thả ánh sáng, rơi lọt vào đôi mắt ngài. Và nhớ ánh sáng huyền ảo đó, cha sở thấy quê hương Việt Nam chết chóc quá lâu của cha đang cựa quậy phục sinh trong đêm thánh vô cùng.

(Giáng sinh 1973)

Giáng sinh ở một làng nhỏ miền Đồng Tháp

Năm 1958, áo cơm đưa đẩy tôi về miền Tây. Đói, đầu gối phải bò. Và tôi đã bắt đầu gối tôi phải bò mãi về làng Mỹ Lương, thánh địa Hòa Hảo, nơi ra đời của vĩ nhân Huỳnh Phú Sổ, dạy ở ngôi trường trung học bán công mà học trò, hầu hết đều bằng tuổi tôi. Mỹ Lương buồn lắm. Vào những ngày mười tư, mười rằm và ba mươi, mồng một chợ búa chỉ bán rau cỏ, tương chao, tàu vị yếu. Quán nước trần xỉ cà phê đen. Điếm tâm bằng dầu cháo quấy. Không thịt cá những ngày đó. Là kẻ tội lỗi từ thuở lọt lòng, dầu ăn chay trường cũng khó sạch tội, nên khi thánh địa ăn chay, đọc kinh, nghe lời giảng của Đức Thầy, tôi bèn làm những chuyện... sang sông.

Con sông nhỏ có thể đưa ghe, tàu sang tận Cao Miên nhưng chỉ đưa tôi qua Tân Huề bằng chiếc đồ máy. Cách một dòng sông bên này là thánh địa Hòa Hảo, bên kia là... lung tung beng. Một xóm đạo nhỏ với ngôi nhà thờ bé và vị linh mục kéo vĩ cầm. Lại chỉ khoái chơi nhạc kháng chiến! Tôi có nhiều học trò bên Tân Huề. Và tôi thường mò sang ăn mặn vào dịp Mỹ Lương ăn chay. Tôi quen với linh mục khoái nói chuyện bưng biền hơn là nói chuyện Chúa, ở Tân Huề. Nhà thờ thiếu cái đàn "Harmonium", thiếu ban hát lễ, thiếu nhô con áo đỏ giúp lễ - những chuyên viên quỳ -

thiếu luôn bánh thánh và... nước phép. Cha sở - tạm gọi thế - kéo vĩ cầm buồn cười vỡ bụng. Ngài lười “vibrer”. Ngài cứ đưa cái “archet” lên xuống cả những nốt ngân. Nhưng con chiên của ngài xứng đáng được Chúa thương xót nhất nếu Chúa biết ngót mười lăm năm trời, họ đã sống trong nỗi hãi hùng, lép vế, buổi tối. Mà vẫn phụng thờ Chúa, vẫn tin ngày nhắm mắt được gặp Chúa ở trên trời, vẫn làm sáng danh Chúa.

Giáng Sinh những năm trước, tôi không biết ở đây, ở cái xóm đạo nhỏ bé của làng Tân Huê thuộc miền Đồng Tháp, cái đám giáo dân tổ chức đón mừng Chúa Hài Đồng ra đời ra sao, nhưng năm nay, hang đá tại nhà cô út lớn gấp ba hang đá của nhà thờ. Tôi thấy một điều lạ. Chúa ở thật xa, Cha ở thật gần, đám con chiên hèn mọn của Chúa chỉ theo Chúa. Có lẽ, cha sở mải lo chuyện bụng biền, quên phụng vụ Chúa, quên an ủi đám con chiên lạc lõng, bị kìm kẹp giữa miền hắt hủi như những tội đồ. Cô út là chị thẳng Lễ, học trò lớp đệ thất. Cô mở tiệm may bên Tân Châu. Mọi năm, cô không về Tân Huê mừng Chúa giáng sinh đâu. Ở Tân Châu vui hơn. Nhà thờ lớn hơn. Tiếng chuông ánh ỏi hơn. Lời ca vút cao hơn. Giáng sinh năm nay, cô út mừng Chúa ra đời ở quê nhà. Chắc tại thẳng Lễ nói có tội dự tiệc nửa đêm ở nhà nó. Tôi không phải là Công giáo. Gần Giáng Sinh, tôi dạy tới bài *Christmas* trong cuốn *Anglais Vivant* của Fialip Carpentier. Bài này và hai bài kế tiếp đều nói về Giáng Sinh, thời tiết trong ngày Giáng Sinh với ông Santa Claus. Thẳng Lễ tưởng tôi khoái “đạo” của nó lắm nên năn nỉ mời tôi sang Tân Huê. Tôi nhận lời ngay.

Buổi chiều hôm 24, nhà thẳng Lễ rộn rã mà nếu Chúa

biết, Ngài sẽ cảm động vô cùng. Cái cổng chào đã dựng xong ở ngõ từ sáng. Trên nền lá dừa chẻ nhỏ, cắt ngắn là hàng chữ cắt ráp tỉ mỉ của Lễ Mừng Chúa Giáng Sinh. Chiếc đèn ông sao treo ở giữa. Rất đông bà con thân thuộc của gia đình Lễ tới tô điểm hang đá và trang hoàng nhà cửa. Cuối sân, cô út đang sửa soạn bếp quay một cặp ngỗng. Mọi người hầu như quên nhà thờ, quên cha sở, quên cả nỗi cay đắng trải dài nhiều năm tháng. Họ ăn mặc chỉnh tề. Niềm hân hoan hiện rõ. Càng thắm đậm oan khiên, tủi cực họ càng tin rằng Chúa không bỏ họ như cha sở. Chúa sẽ đến với họ. Chúa đã quên họ từ bao nhiêu năm nay. Chúa phải đến đêm nay. Chỉ cần Chúa đến giây lát. Chỉ cần Chúa hiểu họ không bao giờ quên Chúa và lời dạy của Chúa.

Đêm xuống dần. Gió sông lùa lên tăng thêm cái lạnh dễ yêu. Tôi bảo Lễ chở xe gắn máy đưa tôi đến nhà thờ. Nhà thờ ở gần bến đò. Vắng như bến đò. Có một giáo đường nào im bóng hơn giáo đường này, vào đêm Chúa giáng sinh? Hai chúng tôi trở về. Những chiếc đèn ông sao thấp sáng một vùng quê hương u tối. Mọi người quỳ trước hang đá cầu nguyện và suy tôn Chúa cao cả. Mùi hoa Huệ thơm nhẹ. Hoa Huệ chỉ thơm khi gần khói hương hay gần ánh đèn cầy. Mùi thịt ngỗng quay thơm lừng. Nhưng tôi còn ngửi được một mùi thơm thần thánh toát ra từ những tâm hồn ngoan đạo của đám con chiên cô út đang kính cẩn nguyện cầu trước Chúa của họ. Tôi tự hỏi ngoài nhà thờ Lễ, còn nơi nào đón mừng Chúa giáng sinh bằng nghi thức ở nhà thờ Lễ. Nghi thức! Không, không nghi thức đâu. Đó là sự tôn kính tuyệt đối. Đó là ý muốn của Chúa. Chúa cũng giản dị. Chúa ghét nghi thức. Chúa giáng sinh không phải

vì nghi thức, cho nghi thức. Mà vì nỗi cùng khổ của loài người, cho loài người biết thương yêu nhau.

Gần nửa đêm, tiếng cầu nguyện lớn thêm, lan tỏa. Và khi tiếng chuông buồn tẻ từ giáo đường vọng tới, mọi người mừng vui cuống quýt. Chúa đã ra đời. Chúa đã ra đời cách đây 1958 năm, ra đời ở một nơi thấp hèn hơn nhà thẳng Lễ. Người ta bỗng thấy thiếu một cái gì. Ba thằng Lễ giục tôi: “Thầy Long, thầy có biết hát thánh ca không?” Phải thú thật là tôi xúc động ghê gớm. Tôi gật đầu. Và tôi run giọng hát *Silent night, Holy night, all is calm, all is bright...* Tôi hát tới đó, dừng lại ngay và nói: “Quý vị cần hát một bài mừng Chúa giáng sinh với tôi”. Và tôi dạy họ hát bài *Đêm đông lạnh lẽo Chúa sinh ra đời...* Như thế được hưởng ân điển của Chúa, họ thuộc rất nhanh. Lát sau, tiếng hát vút lên:

Chúa sinh ra đời

Nằm trong hang đá nơi máng lừa

Trong hang Bê Lem

Ánh sáng tỏa lan từng bừng

Nghe trên không trung

Tiếng hát thiên thần vang lừng

...

Ôi Chúa thiên tòa giáng sinh thấp hèn.

Tiếng hát lắng lại. Mọi người ngược nhìn bầu trời. Cả tôi nữa. Tôi thấy một vì sao lung linh. Và tôi còn mơ hồ thấy một vì sao rơi từ từ xuống thẳng nhà thẳng Lễ. Chúa đấy. Ngài đã đoái hoài đến con chiên có cái hiện tại hẩm hiu như dĩ vãng của Ngài, ở Tân Huê năm ấy.

Mười ba năm đằng đằng, tôi không có dịp trở về thăm

làng Tân Huê. Chiến tranh đã qua đấy chưa? Giáo đường đã sụp đổ chưa? Cha sở đã bỏ con chiên chưa? Đám con chiên ngoan đạo bây giờ ra sao? Dù chiến tranh đã qua Tân Huê, dù cha sở bận hạc nội mây ngàn, tôi vẫn tin Giáng Sinh năm nay nhà thằng Lễ còn hang đá, còn đèn ông sao, còn lời nguyện cầu, còn hát thánh ca. Có thể thằng Lễ đã chết trận. Không sao cả, miễn là, từ cái sân đất khô cằn của nhà nó, người ta còn dựng nổi cái hang đá. Cho niềm tin.

15-12-71

Máng cỏ của cu Tý

Cu Tý học trường Lasan Taberd từ lớp hai. Và ngay từ lớp hai, cu Tý đã được các sư huynh dạy giáo lý. Tâm hồn tuổi thơ là tâm hồn thánh. Tâm hồn ấy học những lời thánh thiện thì nhớ mãi và chỉ muốn làm những điều Chúa khuyên răn. Bố cu Tý không theo tôn giáo nào. Ông tự cho mình sung sướng và thích nói: “Hồn lưu lạc thờ chưa riêng một Chúa”. Nhưng ông đã không thích cu Tý để hồn nó lưu lạc. Trẻ con cần thiết có niềm tin. Chúa bảo mọi người là anh em, mọi người phải thương yêu nhau, mọi người làm việc lành, tránh điều dữ. Cu Tý tuân lời Chúa và rất buồn bã nếu bố cu Tý cứ đi đánh bài. Cu Tý nghĩ rằng bố thua thì mẹ khổ, bố thắng thì mẹ những đứa trẻ khác khổ. Gây khổ cho người ta là phạm tội. Hễ ai phạm tội, chết sẽ bị xuống địa ngục. Cu Tý tưởng tượng ra một địa ngục toàn lũ quỷ độc ác sẽ đánh đập bố. Đôi bạn bố vui vẻ, cu Tý hỏi bố những câu hát liên hệ tới Chúa, bố trả lời tử tế, cu Tý quả quyết bố sẽ lên thiên đường.

- Bố ơi, tại sao Chúa thiên tòa lại giáng sinh thấp hèn?

- Vì Chúa sinh ra đời ở máng lừa. Chúa không được đặt trên một chiếc nôi êm ái. Chúa không được bú sữa Guigoz. Bấy giờ nhằm mùa đông, trời đầy tuyết. Con biết tuyết chưa? Giống lớp bông mỏng trong ngăn đá tủ lạnh và lạnh

như đá.

- Ai đã sưởi ấm Chúa?

- Những vì sao trên trời. Đó là mắt của Thượng Đế.

- Ai đã nuôi Chúa?

- Đức Mẹ.

- Nuôi bằng gì?

- Tình thương. Tất cả những bà mẹ đều nuôi con bằng tình thương. Ai được nuôi bằng tình thương, lớn lên sẽ biết thương yêu ông bà, cha mẹ, họ hàng, bạn bè, người tàn tật, người gặp hoạn nạn, người giúp việc và cả trâu bò, lợn gà, chim muông... Và biết tha thứ mọi người, tha thứ cả kẻ định giết mình.

- Rồi Chúa có đi học không?

- Bố không thấy nói trong kinh Cựu Ước.

- Kinh Cựu Ước là gì ?

- Là sách viết truyện cuộc đời Chúa. Để bố nói tiếp: Chúa là con nhà nghèo. Người ta thường đối xử không tốt với những người nghèo. Chắc thuở bằng tuổi con, Chúa cũng đi học và bị bạc đãi. Nên Chúa mới phó thác cho các sư huynh, các nữ tu lo việc giáo dục cả trẻ con có đạo lẫn ngoại đạo và làm cho trẻ con bình đẳng bằng cách mặc đồng phục. Ở sân trường, Chúa muốn thế, trẻ con nhìn bạn bè mình giống mình thì chúng không tủi thân, không buồn bã. Con nên nhớ rằng, Chúa đã có thời thơ ấu nghèo nàn, khổ sở.

- Chúa có chơi đùa không?

- Có.

- Chúa có đánh lộn không?

- Chắc chắn không. Chúa chỉ bị đánh chứ không đánh

lại. Nên Chúa dạy: Kẻ nào tát ta má bên trái, ta chìa má bên phải cho nó tát thêm.

- Con là con tát lại liền.

- Vì vậy mới có một Chúa. Ngay cả một số linh mục bị người đời bình phẩm còn hần học phẩm bình lại người đời, nữa là con.

- Bị bắt nạt, hần Chúa buồn lắm, bố nhỉ?

- Tuổi thơ của Chúa buồn như tuổi thơ Việt Nam. Chúa không muốn tuổi thơ buồn bã. Chúa muốn tuổi thơ hồn nhiên, sung sướng. Ngày sinh của Chúa đã là ngày vui của trẻ con. Và người vâng lệnh Chúa đem niềm vui đến cho trẻ con trong ngày Giáng Sinh là ông già Nô en.

- Ông già Nô en bao nhiêu tuổi

- Một tuổi.

- Bố kỳ quá, ông già mà một tuổi !

- Đó là tuổi vui.

- Bố ơi !

- Ơi...

- Có phải Chúa ở khắp mọi nơi, Chúa thương hết mọi người.

- Ừ, Chúa ở khắp mọi nơi nhưng Chúa chỉ thương người thành thật, nghèo khổ. Chúa ghét bọn giàu sang.

- Sao bố biết ?

- Cu Tý thấy cái lỗ kim khâu áo rồi chứ ?

- Dạ.

- Cu Tý thấy con lạc đà chưa ?

- Ở ti vi, bố ạ! Nó to gồ ghề.

- À, Chúa nói, con lạc đà có thể chui qua cái lỗ kim (vì nó hiền lành thành thật, chịu khó làm việc) nhưng bọn nhà giàu thì khó lên thiên đường (vì ham ăn diện và lo cách bóc

lột nhà nghèo).

- Bố tin Chúa ở khắp mọi nơi không ?

- Con tin không ?

- Tin.

- Vậy bố tin con.

- Chúa đang ở trên đầu con, Chúa đã nghe hết chuyện bố kể về Chúa cho con nghe, bố hén ?

- Ừ

- Chúa sẽ thương con.

- Cu Tý sẽ lên thiên đường.

- ...

Câu chuyện về Chúa của bố con cu Tý khác hẳn những câu chuyện về Chúa của các linh mục. Và không giống kinh sách. Điều ấy, cu Tý chẳng cần hiểu. Cu Tý chỉ biết Chúa là chúa tể của muôn loài, muôn vật. Chúa đủ quyền uy, phép Tích. Chúa ở khắp mọi nơi. Chúa thương người nghèo và không ghét người giàu. Chúa thương nhất trẻ con. Thuở thơ ấu, Chúa nghèo hèn, cô đơn. Chúa ra đời ở máng lừa, khóc chào đời trên cỏ khô. Chúa thương người nghèo nên cu Tý thương người nghèo. Cu Tý theo mẹ đi lễ ở nhà thờ thường bỏ vào hộp tiền “cứu giúp người nghèo” mười đồng. Mẹ cu Tý ngoại đạo. Đến nhà thờ nào cũng dâng hoa cung kính Đức Mẹ và xin đủ ân huệ. Cu Tý thì không xin gì. Chỉ mong được lên thiên đường. Đó là những năm tháng cu Tý học lớp hai, lớp ba, lớp tư. Năm nay, cu Tý học lớp năm. Vẫn bé nhỏ, loắt choắt, khờ khạo và có vẻ... nghệ sĩ. Vì có vẻ nghệ sĩ, thành thử, tâm hồn thường đi đá cầu, đá dế, đá cá, quên lời mẹ dặn, bị đánh đòn hoài. Cu Tý bị đánh đòn hay kêu cầu cứu bố thảm thiết lắm. Nhắc lại, năm nay, cu Tý

học lớp năm, đứng hạng bình liên tiếp bốn tháng. Trường của cu Tý tổ chức cuộc thi làm máng cỏ. Sư huynh giám học bảo máng cỏ nào đẹp nhất sẽ được phần thưởng và máng cỏ được bày trong tủ kính ở văn phòng nhà trường. Cu Tý dự cuộc thi liền. Dự thi với niềm tin trúng giải một cách ngây thơ và với hy vọng nhìn máng cỏ của mình bày trong tủ kính và các sư huynh khen giỏi và Chúa mỉm cười triu mến.

Mê Chúa vô cùng nhưng, buổi tối, khi vào giường ngủ, cu Tý quên cầu nguyện. Có lẽ, cu Tý mệt với bài vở. Trường Lasan Taberd bắt trẻ con học thật nhiều. Tiểu học, học buổi chiều, đến trường lúc hai giờ trưa. Tối về thường làm thêm, ít nhất, hai bài toán. Nhiều hôm, cu Tý loay hoay với bài làm ở nhà tới mười một giờ đêm. Nên vào giường, cu Tý lăn ra ngủ. Hai đứa em của cu Tý chăm chỉ cầu nguyện hơn cả trẻ con có đạo. Con Ki và cu Đốm học trường nữ tu Công giáo. Con Ki cầu nguyện Chúa giúp mẹ ngủ được, hết bệnh, hết cầu nhàu. Cu Đốm nghiêng tình thương về bố, cầu nguyện Chúa giúp bố... đánh bài “ăn” và muối đừng đốt chân cu Đốm vì cu Đốm sợ chân có sẹo. Bây giờ mới là mười hai tháng chạp. Miền Nam không có mùa đông. Nhưng tuyết đang rơi trong tâm hồn cu Tý. Hễ hai em cầu nguyện trước giờ ngủ, cu Tý vội bỏ bài vở, vô cầu nguyện với em. Và nó cầu Chúa giúp nó làm cái máng cỏ đẹp nhất. Cu Tý đã nhớ cầu nguyện. Vì cái máng cỏ.

Mỗi ngày, bố cho cu Tý hai chục uống nước. Cu Tý uống chai xá xị mất mười đồng. Từ hôm “ghi tên dự thi” làm máng cỏ, cu Tý nhịn uống. Cu Tý dành tiền mua “vật liệu” kiến trúc cái máng cỏ đầu tiên trong đời cu Tý. Trước hết là

những tấm hình in rõ nề ô về sự tích Giáng Sinh bán ở nhà sách trong trường. Cu Tý “thanh toán” bài vở rất nhanh để loay hoay tô màu lên hình Chúa và các thánh. Cu Tý hỏi bố cách tô màu. Bố dốt về màu sắc. Cu Tý hỏi mẹ. Cu Tý có cái tật đáng ghét ghê đi. Là làm hỏng cái gì thì ngồi khóc, ngồi khóc. Cu Tý cắt hình bị lẹm, ngồi khóc. Y như cu Tý làm bài, học bài. Bố cu Tý hỏi han, rõ chuyện phải an ủi :

- Con làm đi làm lại nhiều lần mới đẹp. Giải thưởng thường về tay những người kiên nhẫn. Nước chảy đá mòn, cu Tý ạ !

Cu Tý lau nước mắt. Hôm sau, mua về một xấp hình. Cu Tý nghĩ ý nhờ bố mẹ tô màu giúp. Bố nói :

- Bố tô cũng được và sẽ đẹp nhưng con sẽ bớt vinh dự nếu máng cỏ của con trúng giải nhất. Hãy tự con làm một máng cỏ đẹp nhất như tự bố, bố đã làm lấy cuộc đời bố .

- Chúa có giúp con không ?

- Con cứ giúp con trước đã, Chúa sẽ giúp sau.

Cu Tý học lớp năm, sắp lên trung học rồi, nên hiểu lời bố. Cu Tý không nhờ vả bố mẹ nữa. Cu Tý thức khuya tô màu hình Chúa và các vị vua từ phương Đông. Hồng. Xé bỏ. Khóc. Nín. Tô hình mới. Cuối cùng cu Tý đã có những tấm hình có chân dán tô màu thật đẹp, cắt thật hay, cần thiết cho sự trang trí bên trong máng cỏ. Cu Tý hài lòng. Cu Tý cười nói huyền thuyên. Để đền ơn hai em không phá nghịch, cu Tý mua xí muối tặng cu Đốm và đậu phụng da cá tặng con Ki. Đã đến lúc cu Tý lo cái nền máng cỏ. Cu Tý nhờ bố bắc thang leo lên gác xép kiểm miếng gỗ mỏng. Cu Tý lục lọi tung cả gác xép. Bị mẹ cho ăn roi. Mông cu Tý nổi hình con lươn đỏ. Bố vắng nhà không “can thiệp” kịp. Cu

Tý dấu chuyện ăn đòn. Chờ bố về, cu Tý tán bố:

- Bố ạ, nhà mình chẳng có miếng gỗ mỏng nào. Đằng sau cái khung ảnh của con là miếng các tôn dày cộm, con lén mẹ gỡ ra làm cái nền máng cỏ được không hả, bố :

- Rồi lấy gì thay thế ?

- Dự thi xong con đem về, gỡ ra, lắp vô như cũ.

- Con sẽ trúng giải nhất mà.

Cu Tý ngây người ra giây lát. Bố xoa đầu cu Tý :

- Thì gỡ đi. Bố nhận tội giùm con.

Cu Tý cười:

- Con chịu nổi năm roi, bố ạ !

Cu Tý tháo miếng các tôn sau khung ảnh chụp cu Tý đứng ở bãi biển Vũng Tàu làm cái nền máng cỏ. Cu Tý cuốc bộ lên Tân Định mua giấy bạc làm hang đá, mua cỏ nhuộm nhân tạo làm cỏ máng lừa nơi hang Bê lem. Cu Tý mua cả cây “sa panh” nhỏ xíu lốm đốm tuyết trắng. Cu Tý “sáng tác” thêm cái cột trên nóc hang đá và cột thêm nhiều cành để máng sao và các thiên thần do cu Tý vẽ và tô màu. Bố cu Tý ngạc nhiên:

- Hang đá và máng cỏ của con lạ thật.

Cu Tý nói :

- Con làm theo bài hát, bố ơi : “Nghe trên không trung, tiếng hát thiên thần vang lừng...”

Bố khen máng cỏ đẹp, mẹ không có ý kiến. Con Ki chê dở ẹt. Cu Đốm bảo máng cỏ sẽ chiếm giải bét ăn bánh tét. Cu Tý buồn lắm. Khi cu Tý bảo mẹ.

- Con sẽ chiếm giải nhất, mẹ ạ !

Mẹ xoa tay:

- Con sẽ chẳng được cái giải gì đâu.

Cu Tý càng buồn hơn. Và càng buồn thì buổi tối cu Tý cầu Chúa càng lâu hơn. Cu Tý tin tưởng máng cỏ của cu Tý sẽ nhất. Bố đã nói lời Chúa dạy với cu Tý: “Kẻ nào có niềm tin bằng hạt cát sẽ di chuyển được trái núi từ chỗ này qua chỗ khác”. Cu Tý có niềm tin to bằng cái máng cỏ của cu Tý.

Trước ngày đem máng cỏ nộp sư huynh giám học, cu Tý hỏi ý kiến bố :

- Bố nói thật đi, máng cỏ của con xấu lắm phải không bố ?

Bố gật đầu:

- Máng cỏ của con không đẹp.

- Con thôi dự thi nhé ?

- Con nên đem dự thi. Bố có thể nhờ thợ làm hay đi đặt cho con một cái máng cỏ thật đẹp, thật đắt tiền, thật lộng lẫy; bố cũng có thể làm giúp con chiếm giải. Nhưng bố đã nói với con về cuộc đời ấu thơ của Chúa. Chúa đâu có ra đời ở chỗ giàu sang lộng lẫy. Mà Chúa ra đời ở chỗ thấp hèn, ở cái máng cỏ đơn sơ hơn cái máng cỏ của con. Cu Tý, nhà mình không theo đạo Công giáo nhưng mẹ con và các em đều thờ phụng Chúa. Và con đã làm cái máng cỏ đúng ý Chúa nhất. Con đã làm cái máng cỏ bằng tấm lòng của con, bằng cả sự... chịu đòn vọt. Con đã học giáo lý, đã biết Chúa ở khắp mọi nơi. Chúa đã ở nhà ta, đang ở nhà ta. Chúa đã nghe bố con mình nói về Chúa, đã theo dõi con làm cái máng cỏ kỷ niệm sinh nhật Chúa, đã thấy con khóc khi tô màu hình Chúa, đã thấy con cười khi cắt hình Chúa, đã thấy con bị đòn đau vì tâm hồn con để hết vào cái máng cỏ. Cuối cùng, Chúa thấy một điều làm Chúa sung sướng là, đứa trẻ ngoại đạo làm cái máng cỏ đơn sơ tặng Chúa, đồng thời, nó biết làm sáng danh Chúa. Và bố tin chắc cái máng cỏ của

con sẽ chiếm giải nhất. Chúa phát giải cho con.

Cu Tý mở tròn mắt, há hốc miệng nghe bố nó. Cu Tý ngồi bất động. Tâm hồn cu Tý bay lên trời cùng với chiếc máng cỏ. Tâm hồn cu Tý gặp thiên thần. Và các thiên thần dẫn cu Tý mang quà sinh nhật dâng lên Chúa. Chúa xúc động. Chúa khóc...

13-12-72

Nỗi buồn khỉ qua đẫy Chu-Pao

Chiếc Jeep chở năm người: Đinh Cường, trung úy Quỳnh, trung úy Quân, Mai Thảo và tôi. Đinh Cường mang tranh từ Huế về Pleiku triển lãm. Mai Thảo và tôi ở Sài Gòn lên, Quỳnh và Quân đồn trú tại đây, nơi “gió lạnh mưa mùa”, kinh đô Tây Nguyên mà, có thuở, ông tướng văn nghệ Vĩnh Lộc gọi là đất Cao Châu một cách sảng khoái. Chúng tôi ngỏ ý muốn đi thăm “Kontum kiêu hùng”. Quỳnh và Quân bằng lòng ngay. Quỳnh thường viết những bài tiểu luận văn học. Quân thì không. Anh là người hùng, nhân vật đang xuất hiện mỗi ngày trên truyện dài *Đất máu* của Dương Nghiễm Mậu.

Trời hôm ấy lất phất mưa. Chín giờ, đường đã mở xong - thực ra đoạn đường Pleiku - Kontum khỏi cần mở và chúng ta có thể đi lại ngày đêm nếu chúng ta thích - Quân cào jeep tới thị xã Pleiku. Con đường thật phẳng phiu, xe lướt như bay. Mưa hắt đầy người chúng tôi. Gió thổi mạnh đến nỗi phải ngừng xe bật lửa châm thuốc. Ngồi cạnh tôi, Quỳnh kể lại chiến trận một năm trước. Tôi nghe bắt rùng mình. Con đường tôi đang đi, họ đã định cắt đứt từng mạch máu. Nhưng không ai cắt đứt nổi những mạch máu chảy về tim chúng ta. Bởi vì, những người nhân danh Tình Người chiến đấu đã tình nguyện hy sinh. Để mãi mãi máu chảy về

tim. Cám ơn các anh đã nằm xuống năm ngoái cho năm nay quốc lộ an ninh trăm phần trăm, cho người Pleiku thành thoi lên thăm Kontum, người Kontum xuống viếng người Pleiku khỏi sợ những viên đạn bắn sẻ bẻ đổ, những trái pháo cổ tình thù hận.

Xe chạy chừng bốn mươi phút, Quỳnh bảo tôi nhìn dãy núi trước mặt. “Chu Pao đó. Nơi ăn bom B52 nhiều nhất chiến trường Việt Nam.” Quân bớt ga dần rồi ép vô bên đường. Tôi nhảy xuống xe, phóng mắt quan sát. Chỗ tôi đứng, Quỳnh nói, “Chúng nó đã pháo tưng bưng xe cộ của ta. Từ bên kia biên giới, chúng nó âm thầm kéo sang, ngày này, đêm khác với những giàn đại pháo kéo lên núi. Chúng nó tưởng nuốt gọn Kontum chặt đứt con đường này.” Tôi ngẩng dãy Chu Pao. Cái tên rất thơ. Bây giờ chẳng còn thơ chút nào, không biết bao nhiêu là bom. Họ chết không biết bao nhiêu mà đếm. Thấy kẻ họ. Tại họ thích chết. Điều khiến tôi suy nghĩ không phải là những cái chết vô nghĩa mà chỉ là cây cỏ trên dãy Chu Pao.

Tôi không biết rõ tuổi của dãy Chu Pao. Bốn ngàn năm hay bốn trăm năm. Những năm trước, Chu Pao hẳn là dãy núi hùng vĩ, thơ mộng. Cây cỏ xanh um. Chim muông và thú vật nhớn nhơ sinh sống. Bây giờ cây cỏ cháy đen, tro làn da đá trắng phếu vì bom lửa. Đá còn không chịu nổi nữa là người! Do đâu đá cũng bị đau khổ và cỏ cây tuyệt giống? Người ta đổ vạ lẫn cho nhau. Chẳng ai thích nhận mình là kẻ gây thù hận. Ai cũng nói mình yêu thương nồng mặn và muốn được yêu thương tha thiết. Tất cả đều chân thành. Tất cả đều mong mỗi yêu thương xóa bỏ hận thù. Chúng ta ngây thơ tin rằng sẽ như thế. Nhưng cỏ cây, đất

đá Chu Pao không còn sống để ngây thơ. Cỏ đã chết cháy. Cây đã hóa than. Đá đã hết đời đá. Biểu tượng của dĩ vãng vĩnh cửu và của tương lai xanh mướt đã hư hỏng. Cơ hồ một nền văn minh cổ nào đó ngụp chìm dưới hàng ngàn thước đất. Cây cỏ, đất đá Chu Pao biết rõ ai là kẻ gây hận thù và đủ tư cách trả lời câu hỏi do đâu đá cũng bị đau khổ và cỏ cây tuyệt giống. Mỗi nhánh cỏ ngậm một tâm sự buồn. Mỗi lá cây chở một nỗi niềm đau. Mỗi phiến đá ghi một nguồn cơn đòi đoạn. Và đất pha trộn thuốc đạn, khói bom. Cỏ cây, đất đá chịu đựng oan nghiệt rồi câm nín không kể lể. Cỏ cây, đất đá chết. Cái chết gây ra sự sống. Chắc hẳn cỏ cây, đất đá Chu Pao bằng lòng chết. Thì chúng ta chẳng nên khơi dậy cảm hờn.

Thôi, nói về dãy Chu Pao cây cỏ cháy đen, trơ làn da đá trắng phếu vì bom lửa. Một vài cây cao chưa chịu ngã, đứng thẳng cơ hồ cột điện gỗ thông. Cành lớn, cành nhỏ vắng hết. Rồi gió mưa sẽ làm ngã nốt. Buồn đến thế là cùng. Bao giờ cây cỏ mới xanh um trên dãy Chu Pao? Một trăm năm hay một ngàn năm? Cây cỏ chưa xanh um thì chim muông không tới. Không có tiếng chim hót tỏ tình trên Chu Pao. Dãy núi thiếu tình ái. Như cuộc đời thiếu hơi thở. Như đàn ông thiếu đàn bà. Như thi sĩ thiếu mộng mơ. Như anh thiếu em. Như ta thiếu nhau. Một dãy Chu Pao đã chứa bao nỗi buồn. Nếu được đi khắp quê hương mình chắc anh phải viết kín nỗi buồn trên những con đường qua lại. Nhưng còn Chu Pao là còn quê hương và ngày nào đó, kẻ theo người yêu đi thăm hẻm chông mã tấu, người theo mẹ già lên núi tìm xương thân nhân, tôi muốn được mang hạt cỏ và ít cây, trèo lên Chu Pao gieo rắc, trồng trọt. Ôi,

cần gì tôi thấy cỏ cây xanh um trên dãy Chu Pao. Cần gì tôi nghe tiếng chim hót tỏ tình, tiếng vượn hát nhớ con tha thiết. Tôi không cần gì nên mười năm, hai mươi năm, trăm năm, nghìn năm, cây cỏ trên dãy Chu Pao có xanh um cũng chẳng muộn. Miễn là nó sẽ mọc, nó phải mọc. Để qua đời tôi, những đứa trẻ nhỏ, những chàng trai, những cô gái được thấy Chu Pao xanh mướt cây cỏ, vang vọng tiếng chim muông. Và như thế, chẳng còn ai nhớ chuyện thù hận xưa cũ. Mọi người làm thơ yêu nhau từ dãy Chu Pao.

(6-8-73)

Ý nghĩ ngoài cửa trường

Tôi bỏ trường ra đi đã trên hai mươi năm rồi. Hai mươi năm sau này, tôi ghi danh học ở Trường Đồi. Hàng năm, thay vì cuối thu, ngày ra trường của tôi vào đầu xuân. Khi hươu vàng của Tết tàn phai, đó là lúc người chủ gia đình cấp sách đến trường. Với ừ ừ, chán nản. Với toan tính thiệt thua. Mùa hè của tôi thường chỉ kéo dài từ hai mươi tám tháng chạp tới mồng tám tháng giêng. Mùa hè đàn ông không còn tươi non như mùa hè niên thiếu. Những bước chim nhảy nhót tuổi hồng là những bước chân trâu ịch bầy giờ. Hồn đào năm xưa đã r ám nắng, cháy thui. Nếu ta biết Trường Đồi bắt ta uống mật đắng và khiến ta húc vong mạng trong những cuộc ăn thua, ta đã tận hưởng giọt mật ong thơ ấu cuối chót, ta đã ngủ vùi trên hoa mộng niên thiếu sau cùng. Người bạn nhỏ, đừng hắt hủi tôi, cho tôi theo bạn ngồi dưới gốc cây phượng giữa sân trường, nhìn gian lớp vắng, nghe tiếng ve kêu, nhớ thầy thương bạn mà mong đợi tàn hạ. Cho tôi theo bạn đứng trước cổng trường hôm khai giảng. Tôi muốn làm cái cặp sách của bạn. Vì nó chứa nặng kỷ niệm học trò. Tôi muốn làm bộ quần áo mới của bạn. Vì nó thơm nồng dĩ vãng. Tôi muốn làm đôi giày của bạn. Vì nó được in dấu lối xưa. Tôi muốn làm bạn, làm một học trò tiểu học để có bộ mặt hơn hở, vui cười của

“ma cũ”. Đã không một quyền uy nào đâu là quyền uy của Thượng Đế, thỏa mãn nỗi ao ước của tôi. Không hề thấy phục sinh của con người, một phục sinh của ý nghĩa gấp ngàn lần phục sinh của Thần Thánh. Đôi khi, lẩn thẩn suy nghĩ, tôi nhủ với tôi rằng, cũng chả có luôn phục sinh của Thần Thánh. Thần Thánh sống lại, đi từ đầu, hẳn đã chán làm Thần Thánh. Con người sống lại, đi từ đầu, dễ gì thêm uống mật ngọt ấu thơ, dễ gì thích dầm mình dưới sông hồ nhiên. Vậy thì cả Thần Thánh lẫn con người không nên sống lại. Để có chiến khu kỷ niệm mà rút về khi bị ưu phiền bủa vây cùng khắp, sự sống lại không tuyệt vời bằng sự ước mơ sống lại. Thiên đường là cõi tưởng tượng. Thiên đường còn là cõi ký ức chìm ngấm trong những lớp sương mù dày đặc. Kẻ dẫn lối đưa ta về với thiên đường ký ức của ta là hồi tưởng. Nhưng có hồi tưởng nào không phải phước? Ôi, ta bất hạnh quá, làm sao ta thấy rõ một đoạn đầu đời ta! Làm sao ta sống lại, sống lại thật khỏi cần mơ ước. Sống lại thật với những rung động mà *ngày ấy tôi không biết ghi, ngày nay tôi không nhớ hết.*

Người bạn nhỏ, thấy chưa một buồn bã tròn khuây? Hãy đến trường sáng nay dù chiều qua quên học bài. Cái lơ trón của học đường chỉ là một thoáng mộng thả ngoài khung cửa sổ, gửi hồn theo âm điệu của một chàng chim lãng tử mời gọi lãng du. Nó đưa đi và dẫn về. Bình yên như mực tím trên trang giấy kẻ của bài tập chép. Nó chẳng đe dọa như bài toán nhân chưa thuộc cửu chương. Nó không đoan chắc đẩy ta rớt vực thẳm như cái lơ trón đời. Hãy khóc nhiều nước mắt dù ngọn roi mây dơ cao đánh khẽ. Yêu biết mấy ngọn roi êm ái đó. Bấy giờ, ngọn roi chứa đầy

hận thù. Dấu vết của nó khác hẳn dấu vết con lươn hướng thiện. Nó bắt ta nuôi cầm hờn, dạy ta khơi phần nộ. Nó thúc dục ta dùng roi vọt trả roi vọt thay vì gửi hoa hồng tặng kẻ quất vọt ta. Hãy gục xuống bàn lâu dù lời mắng chứa chan thương mến. Lời mắng thơm tho tình nghĩa. Lời mắng không nọc độc rắn rết và dao găm nhọn hoắt đâm nát tim ta. Cảm ơn cái gây và quả trứng ở bài luận văn. Cảm ơn nhữ ng giờ cấm túc. Cảm ơn giòng chữ phê mất mặt trong học bạ cuối năm. Cảm ơn đôi bạn quý gối trước bảng đen. Bảng không đen. Bảng trong suốt pha lê ta có thể nhìn rõ tương lai huy hoàng bằng hồi hận. Cảm ơn thầy và hân hoan đứng dậy và hãy chớp mắt, ứa lệ nghe giọng thầy sững ướn buồn bã:

“Này con, thầy chả nở phạt con, thầy thương con, muốn con nên người.” Nhảy ra sân trường, quên ngay phiền muộn. Bài cách trí đã thuộc lòng. Cứ dứt một cành lá nhớ ép vào sách cạnh một xác bướm vàng. Thỉnh thoảng, hãy trốn học một hôm để chăm ngoan nhiều hôm. Và đừng ngần ngại viết lá thư tỏ tình xếp chiếc tàu bay, phóng lên bàn trên, trúng mái tóc của cô bạn đẹp nhất. Hãnh diện khi được cô bạn lườm nguýt. Bồi hồi khi được cô bạn mỉm cười. Trái ổi ngon chớ quên tới lớp sớm đặt dưới ngăn bàn. Chùm nhãn ngọt chớ quên tìm cách bỏ vô cặp sách. “Cho con bé”. Khó lắm ư? Ồ, hãy mạo hiểm. Nhóm người nhìn ban đầu lớp hôm thi toán. Thấy cô bạn ngậm quăn bút chữ? Quên mình đi. Quên lời phê học bạ cuối năm đi. Hãy viết cẩn thận. Cộng đúng. Trừ không sai. Nhân chia bảo đảm. Xé tờ giấy khỏi tập nháp. Gấp nhỏ vừa lòng bàn tay. Kiểm có đau bụng xin phép thầy rời lớp. Ngang chỗ “con

bé”, tim đập thình thình, mặt mũi nóng ran, tưởng chừng sốt rét, thấy nhẹ cơ hồ hơi thở chim khuyen và rồi, dưới gốc cây bàng hay dưới gốc cây ngâu, nuốt nước bọt tưởng tượng nỗi vui mừng của “con bé”. Ngủ thiếp đi càng hay. Ngủ và về học trễ nhất. Và bằng lòng dăm bảy cái bọp tai của ông bố khó tính.

Người bạn nhỏ, *ngày ấy tôi không biết ghi, ngày nay tôi không nhớ hết*, quả thật, ngày ấy tôi không biết mình có là con gấu ham thích mật ong, nhưng ngày nay, khi ước mơ sống lại đoạn đầu đời, tôi nhủ tôi rằng, tôi sẽ đi như ng bước vụng khờ như thế. Đi làm sao được nhỉ? Giữa tôi và cái thiên đường tuổi nhỏ đã có một biên giới mịt mù mà ánh sáng hồi tưởng có cực mạnh đến đâu cũng chẳng đủ soi rõ một lối mòn thơ dại. Đành đứng ngoài cửa trường, ngoài những cửa trường mộng tưởng y hệt một kẻ bị khai trừ khỏi vùng đất hứa vẫn ước ao có buổi hóp được một ân sủng hồi hương. Người bạn nhỏ, ý nghĩ vụng về của tôi có gọi một chút lẫn tẩn xao xuyến trên mặt hồ tâm hồn bạo?

Đừng vội nghĩ tới Trường Đời, người bạn nhỏ!

(29-9-73)

Canh bạc thuở lên mười

Không gian và thời gian ấy đẹp như một câu thơ mở đầu bài thơ dài của Thế Lữ: “Thuở ấy nhiệm màu sương gió lạnh”. Thuở nhiệm màu ấy, tôi lên mười và thả dài một chuỗi tuổi thơ của mình ở huyện lỵ Phụ Dực. Huyện lỵ buồn tênh như tuổi thơ tôi. Nhưng ba ngày tết thì nó bùng lên một niềm vui. Tôi nhớ là vui lắm và văn chương của tôi bây giờ không đủ khả năng diễn tả lại. Quan huyện cho thả cửa đánh bạc. Ở hội quán, tổ tôm điểm, tam cúc điểm chơi suốt sáng thâu đêm. Hè phố huyện, đông đầy những xóc đĩa, những tài xỉu, những cò cua tôm cá. Không có một thứ âm thanh nào huyền diệu hơn âm thanh của bốn đồng chinh trên chiếc đĩa bị nhốt kín bằng chiếc bát khi nhà cái lắc nhẹ hay mạnh. Lúc đó, nhà cái là một nhạc sĩ sử dụng cây đàn muôn điệu làm toát mồ hôi thính giả, làm trái tim thính giả muốn vỡ tung. Tiếng kêu của bốn đồng chinh gợi tưởng niệm bí mật và quyến rũ người ta khám phá niềm bí mật. Cơ hồ tiếng kêu cứu của một công chúa bị nhốt ở lâu đài của yêu râu xanh và hoàng tử si tình vắng nghe tiếng kêu cứu đã thúc ngựa phi nhanh tung bụi đường xa tới và lao vào sinh tử. Người ta đã tự tử, đã vô tù, đã biệt xứ, đã đi ăn mày, đã trở thành đạo tặc vì ham mở bát khám phá niềm bí mật của bốn đồng chinh dưới cái bát úp. Sắp một,

sấp ba. Lẻ. Ngửa hai, ngửa bốn. Chẵn. Chẵn, lẻ. Niềm bí mật chỉ có thể. Và chỉ có thể, ngay cả kẻ đã được tuyên dương lên “bác thằng Bần”, đang cổ đeo gông, chân mang xiềng nơi khám tối lạnh, vẫn lạc quan đánh xóc đĩa tưởng và thấy xuân về nếu từ ngoài đã lọt qua song tù tiếng kêu rền của bốn đồng chinh. Tôi, thằng bé lên mười, đã mê một tiếng kêu huyền ảo của bốn đồng chinh ấy. Mê mê một cách hồn nhiên. Như những thằng bé bằng tuổi tôi. Trẻ con giống hết loài khỉ về sự bắt chước. Chúng tôi đã bắt chước người lớn, mở một chiếu xóc đĩa mừng xuân.

Cũng bốn đồng chinh mà bốn mặt ngửa bôi vôi trắng để dễ phân biệt chẵn, lẻ. Cũng cái đĩa. Cũng cái bát. Thằng Trình làm nhà cái. Em nó, thằng Quý, làm hồ lý. Tôi và bạn bè làm dân chơi xóc đĩa. Chơi như người lớn. Khác mỗi điều là chúng tôi ăn thua bằng vỏ hến. Muốn đánh bạc phải có tiền. Tôi đã gian khổ trong việc kiếm tiền vỏ hến. Dân phố huyện thường dùng cái dậu bìm làm nơi đổ vỏ ốc, vỏ trai, vỏ hến. Tôi đến chân dậu tìm vỏ hến, nhét đầy các túi áo diện tét. Thật khó giải thích một nỗi đam mê ở đoạn đầu đời mình. Mùa xuân thiếu gì cuộc vui. Mà tôi, tôi bám chặt lấy chiếu bạc vỏ hến. Thua, tôi điếng người. Được, tôi mừng rỡ. Tôi hồi hộp chờ đợi thằng Trình mở bát. Chẵn có khi rền bấy bạn, tôi cứ lẻ đoán mò. Và cháy các túi vỏ hến. Lại đi tìm. Vỏ hến khan hiếm. Nơi tôi cư ngụ, người ta thích lấy vỏ hến in vào tường đất. Đó là cách trang trí lạ đời. Tôi đã dùng móng tay nạy từng chiếc vỏ hến. Bạn sẽ hỏi móng tay mà nạy được những chiếc vỏ hến ăn chặt vào đất sét ư? Câu trả lời chỉ là câu hỏi lại: Người Ai Cập dùng máy nào đưa những tảng đá khổng lồ lên ngọn Kim

tự tháp? Nhưng rồi những chiếc vỏ hến cực công kia đã lọt hết vào tay anh em thằng Trình. Hết vỏ hến, tôi ngồi chầu rìa. Hôm sau, trò chơi chưa tan, tôi đi xa hơn để tìm vỏ hến. Đủ vỏ hến, lại chơi. Mồng ba tết, chiếc xóc đĩa vỏ hến còn thừa sức quyến rũ tôi. Nói theo tay chơi bạc sạt nghiệp, tôi đã bán hàng trăm mẫu đất, hàng chục căn nhà. Chiều mồng ba, tự nhiên, tôi thắng. Thắng liên miên. Thằng Trình nhường chức nhà cái cho tôi. Anh em nó thua quá. Anh em nó buồn hiu. Những thằng khác cũng thua. Chúng nó cúng tôi những chồng vỏ hến cao ngất. Tôi sướng rên. Chúng nó đánh tiếng bạc cuối cùng. Đồng vỏ hến nằm phía chẵn. Tôi mở bát. Sấp một. Lẻ. Tôi vợ tròn. Những con bạc phúi tay đứng dậy. Chiều đã tắt nắng. Chúng cười giòn. Thằng Trình bảo tôi: “Ê, Long, con chịu khó đổ vỏ hến nhé! Không đổ, mai bà Quyết quét cửa, bà ấy chửi mạt mả, con nghe một mình đấy!”

Tôi cố hình dung tôi thuở lên mười. Tôi cố hồi tưởng hình ảnh một thằng bé lên mười ngồi một mình trong buổi chiều xuân tắt nắng trước đồng vỏ hến chiến thắng, trong cảnh hoàng hôn đám bạc. Tôi đã háo hức tham dự cuộc chơi. Tôi đã hòa mình vào cuộc chơi. Tôi đã đổ mồ hôi vì cuộc chơi. Có lẽ, móng tay tôi đã thấm vào tường đất sét khô khi tôi nạy vỏ hến. Tôi cho hết nhiệt tình. Để được đồng vỏ hến vô tích sự. Bạn xưa của tôi hưởng cạn niềm vui. Tôi đi đổ vỏ hến. Hình dung và hồi tưởng và so sánh thuở lên mười với thuở ba mươi chín, tôi thấy tôi vẫn còn đang tiếp tục chơi những canh bạc vỏ hến.

(1973)

Đi hết mùa xuân

Những ban hát nhà nghề tản cư về hậu phương và đi lưu diễn trong kháng chiến giống hệt gánh chèo “Đọc đường gió bụi” của Khái Hưng. Thời đại của tôi là thời đại của những đêm kịch không màn nhung, không phong cảnh, không son phấn và không cả vai nữ. Không đạo diễn nữa, dĩ nhiên. Chỉ cần một ngọn đèn măng-sông, sân khấu đã thừa sức lôi cuốn. Những đêm kịch ấy đã giết chết những đêm chèo mùa xuân và làm tôi xa lạ với vọng cổ, xàng xê. Huỳnh Thái, Bích Hợp, Tường Vi, Khánh Hối, Sĩ Tiến vẫn quyến rũ bố tôi. Ông sẵn sàng dẹp công việc, sang Đồng Năm, Trục Nội từ sớm để tối coi Huỳnh Thái diễn tuồng chống Pháp mà nhớ Trương Quân Thụy gục bên mồ Thôi Oanh Oanh một thuở xa vời. Với tôi, kếp Mộng Tàn, đào Bích Thước của ban Thống Nhất của ông Đặng Xuân Dư hát thường xuyên ở Từ Thánh làng Ô Mễ chẳng có gì đáng tán thưởng. Anh hề Tư Liên không làm tôi cười bằng vai thằng nhỏ vác chổi tập bắn súng giết Tây trên sân khấu đình nhà. Tôi khoái Ngọc Toàn, trong khi đợi thay đổi lớp lang, ra hát bài “Ngọn trào quay súng”: “Quay súng giết quân thực dân, quay đầu gươm giết quân tham tàn. Việt Nam, Việt Nam, quốc dân tung bừng đang đón chờ đàn con”. Hát xong, Ngọc Toàn dựng cây lục huyền cầm lên hai

chân chụm sát, hai tay nắm chặt đầu cần đàn, mỉm cười cúi đầu chào khán giả. Bạn tôi, Đặng Xuân Côn, con của ông bầu Thống Nhất, rủ tôi xuống Mễ. Tôi được gặp nhiều đào kép lừng danh. Như Bích Hợp cũng ghé nhà bạn tôi ăn ở. Và tôi thấy cuộc sống phùng tuồng chán ngán, bệ rạc. Ấy vậy mà tôi đã bỏ nhà theo một gánh hát đi hết mùa xuân.

Một đêm, không thể nào nhớ sai, một đêm đầu tháng giêng, qua làng Thụy Bình chúc tết thầy học, thầy giữ lại và cho đi coi ban hát của chị em cô Phụng Khánh. Tôi quên mất cô Phụng Khánh đóng vai nào trong vở “Tội của ai”, vở tuồng thích hợp với hoàn cảnh bấy giờ. Ông bố theo Tây làm Việt gian. Con ông ta căm thù ông ta, tình nguyện vào bộ đội, đánh tan đồn Tây bắt ông bố Việt gian, hát mấy câu vọng cổ rồi đâm lưỡi dao găm thấu phổi bố mình. Khán giả vỗ tay hoan hô! Vở tuồng như thế, chẳng đáng nhớ vì chúng tôi đã diễn kịch nhiều lần. Nhưng không tài nào quên nổi chị em cô Phụng Khánh song ca bản “Gió mùa chinh phu”: “Gió mùa chinh phu, êm êm như ru, như khơi mong nhớ, như gọi căm thù. Có nàng giặt lụa hồ thu...”. Hai chị em vừa hát vừa nhìn nhau cười duyên dáng. Đến chỗ cô Phụng Khánh hát một mình: “Thu hề thu rơi, nhẹ lá vàng rơi. Em ngồi trông ngóng chàng xa phương trời. Thu hề cho nhẩn đôi lời. Hay tình quân đã quên rồi hỡi thu...”. Tôi mới biết thưởng thức âm nhạc. Rồi không ai giới thiệu cả, từ sân khấu, một con bé lách tấm màn nhung bạc màu, hát bài “Bông hoa rừng”: “Nhà em ở tận nẻo xa. Có cây bên suối có nhà sàn bương. Quanh co độ mấy thôi đường. Men rừng men suối men nương men đồi. Nhà em ở tận khoảng trời. Gió lùa hiu hắt mây trôi êm đêm. Hôm qua anh đến

nhà em. Thấy đôi mắt đẹp anh thèm muốn xin. Môi em nở nụ cười duyên. Thân em thoáng hiện dáng hiền tình yêu. Ra về anh vẫn vương theo. Phấn hương ân ái gió chiều thoảng đưa. Đường đi cảnh mộng dần thưa. Vắng em vũ trụ hầu như không hồn. Sương mai nắng muộn trắng hôm. Giục lời chim nhẩn bồn chồn lòng ai...”.

Con bé hát, đàn lục huyền cầm dìu giọng nó cho ngọt ngào thêm. Và khi nó ngừng, tiếng kèn clarinette vút lên. Nũng nịu. Êm ái. Tôi bỗng quên những đêm kịch đình nhà, quên những bài hát cầm thù giặc Pháp, quên luôn cả núi rừng Việt Bắc âm u, nơi Bác của tôi đang nhớ chúng tôi. Lời ca và giọng hát của con bé thu hồn tôi. Nó là bông hoa rừng. Và tôi, tôi là kẻ chiêm ngưỡng bông hoa. Con bé hát thêm một lần. “Đường đi cảnh mộng dần thưa”... Nó cúi đầu chào. “Môi em nở nụ cười duyên”. Tiếng vỗ tay rào rào. Con bé đã khuất sau tấm màn nhung bạc màu gió bụi hậu phương. Tôi ngẩn ngơ. Tôi ngơ ngác, tâm sự cơ hồ tâm sự anh chàng vừa lớn đi xem cô gái cưới ngựa ở Gánh xiếc trong thơ Huy Cận. Đêm hát tan. Trên đường về nhà thầy, lòng tôi vẫn vương một cảm giác lạ. Đêm ấy, đêm đầu tiên của đoạn đầu đời, tôi biết mơ mộng vẫn vợ. Máu giang hồ làm ngứa đôi chân tôi. Và tôi bắt đầu mê con bé phượng tuồng.

Gánh hát nào cũng có cái lệ này: Hễ hát quá nửa vở, người ta vui vẻ tháo khoán cho trẻ con vào xem phở. Tôi là thứ khán giả xem phở. Ban Phụng Khánh rời đình làng Thụy Bình sang đóng đô ở quán chợ Ô Mễ. Rạp được che quanh bằng phen liếp, bằng cánh cửa, bằng gỗ ván thô. Mùa xuân đã hết mưa dầm. Chỉ có mưa xuân rắc bụi. Tháng giêng, tháng của ăn chơi, hội hè, đình đám. Khán giả đi xem

hát đồng dao. Tôi đến từ buổi chiều quan sát địa thế để lên vào sớm. Chờ tháo khoán, sợ bông hoa rừng của tôi đã hát mất rồi. Mười đêm rình đợi xem phở, tôi hoàn toàn thất vọng. Có hôm hì hục nâng mảnh ván lên, mới chui vào được nửa thân hình thì bị người kiểm soát cầm chân lôi ra như lôi một con chó. Bị bợp tai, đá đít. Có hôm gồng bắp thịt kéo cánh cửa cho những thằng khác lách vào ngon ơ, tới phiên mình chẳng đứa nào kéo hộ. Đành đứng ngoài nghe con bé hát: “Hôm qua anh đến nhà em. Thấy đôi mắt đẹp anh thêm muốn xin”. Nghe xong, lủi thủi đi về đường đêm, băng qua những cánh đồng đầy gốc rạ. Tôi sẽ say sưa mãi mãi bài “Bông hoa rừng” nếu con bé ấy hát mãi mãi. Lạ ghê. Nó chỉ hát bài này. Đêm nào cũng “Môi em nở nụ cười duyên”. Và nó cười duyên đáng. Đứng ngoài tôi tưởng tượng nụ cười của nó. Nụ cười ấy không nở khi khán giả xem phở ào ào kéo vào theo lệnh tháo khoán. Cô Phụng Khánh hát không hay nữa. Cô Ngọc Dậu hát “Trường ca sông Lô” không hay nữa. Tôi cuốc bộ năm sáu cây số xuống chợ Mễ để nghe một con bé không tên hát bài hát chưa ai dạy tôi. Gánh hát về Đại Đồng. Tôi có mặt mỗi tối. Tôi mới khám phá thấy cái máy điện quay tay của gánh hát đặt cách xa sân khấu phía ngoài đình. Bốn người thay phiên nhau quay. Người này mỏi tay, người kia quay tiếp. Tôi mon men tới xem và gạ quay giúp. Họ cho tôi quay liền. Tôi quay nhanh, lâu, quay không biết mệt. Họ khen tôi quay giỏi và hỏi tôi muốn vào xem hát không. Tôi muốn quá. Tôi xin với họ vào sớm nghe hát bài “Bông hoa rừng” rồi ra ngay quay máy điện. Họ bằng lòng. Vài ba hôm quen họ, tôi hỏi tên con bé. Họ bảo tên nó là Kiều Nhị.

Kiều Nhị, tên đẹp như người. Kiều Nhị, bông hoa rừng của tôi. Tại sao người ta không giới thiệu tên cô gái ấy? Kiều Nhị, cô gái ấy mỗi đêm một lần hát “Bông hoa rừng” và chẳng ai biết tên, trừ tôi. Kiều Nhị, nhìn em ảo huyền dưới ánh điện quay tay trên sân khấu thê lương nhất của đời nghệ sĩ, nghe em rót mật ngọt thấm hồn, đêm đêm, tôi đã mang tiếng hát của em về. “Ra về anh vẫn vương theo. Phấn hương ân ái gió chiều thoảng đưa...”. Tôi mê em. Tôi mê giọng hát của em. Tôi mê bài hát em chọn. Tôi mê sân khấu em đứng. Tôi mê đoạn đường em lưu lạc. Mà em không biết. Em chẳng bao giờ biết tôi mê em, bàn tay tôi chai dầy, cánh tôi dài thêm. Vì quay máy điện. Em chẳng bao giờ biết những thôi đường tôi đến nghe em, nhìn em và tôi về yêu em, nhớ em dài nghìn lần “mấy thôi đường” quanh co của chàng thi sĩ tìm tới nhà cô sơn nữ mà Ngọc Bích phổ nhạc mà em đã hát đêm đêm. Kiều Nhị, bông hoa rừng hay bông hồng cho tình đầu thơ dại của đời tôi? Tôi sẽ đi theo em, đi theo tiếng hát mật ngọt, phù thủy của em. Đi mãi.

Gánh hát lên Giai. Tôi lên Giai. Gánh hát lên Lạng. Tôi lên Lạng. Gánh hát băng qua đường Số Mười vào Thông, Lự. Đã quá xa nhà tôi. Thử chưa kháng chiến, mê thần tượng bóng tròn Hào hoét, tôi đã bỏ học, trốn nhà theo đội bóng thị xã Thái Bình phiêu du mười hai phủ huyện, sang Nam Định, Ninh Giang, tâm hồn phơi phới. Đồn vọt của bố như bàn tay phủ bụi giang hồ vạt. Mảnh mủ của mẹ tựa lời thăm hỏi sàng khôn. Kiều Nhị, em chẳng bao giờ biết, vì em tôi bỏ nhà theo em, đói rét, ngủ đường ngủ quán, quay máy điện một phờ để nhìn em ảo huyền, nghe em ru ngủ, mỗi

đêm một lần. Và chỉ cần thế thôi. Là tôi quên đói rét, quên khổ cực. Là giấc ngủ đầu đình, góc quán của tôi vẫn no tròn chiêm bao. Tôi đi theo Phụng Khánh, đi theo tiếng hát Kiều Nhị lưu diễn khắp huyện Thư Trì. Đi hết mùa xuân mà tôi không hay. Và hết mùa xuân huyền diệu, tiếng hát Kiều Nhị chưa làm no mộng ước, chưa làm chán ham mê. Em mỗi đêm trên sân khấu dưới ánh điện vàng mờ. Tôi mỗi đêm đứng dưới đóng vai gã si tình ngu ngốc. Như chuyện thần tiên. Đôi người trai gái gặp nhau ban đêm. Ban ngày họ là cỏ cây, bèo bọt. Một tối, người quay máy điện nói gánh hát sắp sang bên kia sông Hồng, tìm đường về Thanh Hóa. Họ hỏi tôi có dám theo không. Thanh Hóa, chiến khu tư, miền Trung xa vời vợi. Tôi đã đi hết mùa xuân. Không, tôi hèn mọn, không thể đi hết đời mình. Nhìn Kiều Nhị, nghe Kiều Nhị lần cuối cùng, tôi trở về. Tôi thần thờ bước suốt đêm. Đường về buồn vắng. “Vắng em vũ trụ hầu như không hồn”... Hai hôm sau mới đến nhà. Vừa đi vừa khóc. Bây giờ tôi vẫn còn khóc. Tôi nhớ Kiều Nhị và thương sự đam mê của mình đã chết từ cuối mùa xuân năm ấy.

Kiều Nhị,

Giọng hát kỷ niệm của đời tôi,

Hai mươi bốn năm rồi, em ạ! Tôi không biết sau tôi có ai say mê em như tôi. Tôi không biết em còn sống hay em đã chết. Một ngày giáp tết, ngồi nhớ chuyện xưa, tôi đã hối hận vì không dám vượt “truông nhà Hồ”. Yêu mà sợ thì chưa biết yêu. Nhưng tôi đã yêu em. Tôi chỉ có một lần đam mê trong cuộc đời. Lần đó tôi gửi tặng em, gửi theo tiếng hát ru ngủ của em và quãng đời còn gọi là gói kín và giả vờ. Sau em, nghe ai hát tôi cũng chẳng thấy tâm hồn tôi xao xuyến,

rung động. Tôi đã ngợi ca bao nhiêu giọng hát. Toàn giả vờ cả. Tôi chung tình với em, với giọng hát của em. Với bông hoa rừng thơm ngát. Tai tôi điếc từ lâu. Hồn tôi ngủ từ lâu. Em, Kiều Nhị, giọng hát kỷ niệm mãi mãi thiết tha, mãi mãi ngọt lịm, giọng hát tôi không được nghe bao giờ nữa. Em, Kiều Nhị, giọng hát của riêng tôi, giọng hát làm xuân đời hồng thắm mỗi lần hồi tưởng. Cảnh mộng quá thừa. Phấn hương đã thoảng. Em dĩ vãng huy hoàng. Tôi hiện tại chết khô. Nhưng mỗi năm, vào một ngày cuối tháng chạp, nhả khói thuốc xanh nhìn theo để quên đi phiền muộn, tôi vẫn mơ hồ nghe đâu đây, bước chân mùa xuân len lén sang với nụ cười em, với tiếng hát em thơm ngát một bông hoa rừng.

(24-1-72)

Nhìn lại tết thuở nhỏ

Tôi có một ước vọng là khi nào thật nổi tiếng, sẽ viết một cuốn hồi ký về tuổi thơ ảm đạm của tôi và một lá chúc thư. Hồi ký để tặng những đứa trẻ bất hạnh trong cuộc đời và bảo cho chúng nó biết rằng, trái chín hoang thường khác trái chín rằm, càng không bao giờ giống trái chín cây ở vườn rào kỹ được chăm sóc, vun tưới. Giá trị của trái chín hoang vô cùng, nhờ màu vàng của tử cực, do nắng gió của đọa đầy. Nếu đứa trẻ nghèo khổ giàu tâm hồn, biết chịu đựng, nó sẽ vươn lên tìm bằng được một chỗ đứng dưới ánh mặt trời. Nó sẽ không bị chìm đi, quên lãng và nối tiếp cuộc đời của nó bởi đơn độc, thăm sâu. Nổi tiếng thì nói mới có người tin, dù chỉ cần nói về nỗi hẩm hiu, sự lép vế, về đói rách và thèm muốn đủ điều. Những kẻ đã leo lên địa vị nào đó trong xã hội và rất ghét ai nhắc nhở dĩ vãng tối tăm của mình không ưa tôi. Vì tôi thích phô hết những gì thuộc về tôi và yêu dấu cái quá khứ ảm đạm của mình như yêu dấu đời mình, yêu dấu người thân yêu mình. Lá chúc thư của một người nổi tiếng, một nhà văn được quần chúng công nhận, được ngưỡng mộ cho đến lúc chết, quan trọng lắm. Trước hết, tôi dặn vợ con tôi phải chôn tôi ở một nghĩa địa phước thiện luôn luôn buồn quanh. Chôn tôi ở đó, độc giả ái mộ tôi sẽ chịu khó tới thắp hương tưởng

niệm tôi. Và nhờ tôi, nghĩa địa phước thiện ấm áp, thơm tho. Những người vô phúc phải gửi xác nơi đây sẽ bớt đơn độc. Nếu chôn tôi ở nghĩa địa Mạc Đĩnh Chi, chả có gì đặc sắc. Thứ đến, cấm chỉ những anh đem bội tình này nọ đến truy tặng tôi và nghiêng mình trước quan tài tôi, nhi nhô đọc vài câu văn chương thư lại, văn chương công văn. Bọn đó không xứng đáng gì cả. Và huy chương, bội tình chẳng mang ý nghĩa chi cho người chết. Chết là thoát khỏi cuộc sống trình diễn, hình thức, thủ tục hành chánh! Sau chót, cấm chỉ những anh văn nghệ đồ ky, ghen tài khi tôi còn sống thực hiện những sổ báo tường niệm vào ngày giỗ tôi để bán báo và ra cái điều giúp đỡ vợ con tôi tí tiền còm. Vợ con tôi sẽ đi ăn mày chứ không thèm nhận của bố thí văn nghệ đăng báo hô hào cứu mang, đùm bọc. Các con tôi không được tái bản sách của tôi. Rán làm việc, tự mình làm mà mưu sinh. Những cuốn sách chưa bán dứt bản quyền cho bọn lái in sách, sẽ biểu bản quyền đòi đòi cho cơ quan từ thiện. Lời cuối cùng: Độc giả của tôi còn thương mến tôi, dịp giỗ tôi hãy tới nghĩa địa Phước Thiện thắp lên mỗi nắm mồ hoang một nén hương. Những người đó mới cần hương đốt. Và họ xứng đáng được tưởng nhớ. Bởi họ sinh ra đã gánh chịu mọi thiệt thòi cho ta sung sướng, đầy đủ, phê phỡn. Họ sống, ta hắt hủi, bạc đãi. Họ chết, ta nên gần gũi, tỏ tình. Nhưng tôi chưa nổi tiếng và chưa biết bao giờ mình mới thật sự nổi tiếng. Thành thử, ước vọng chỉ là ước vọng. Sợ rằng nó sẽ phôi pha. Vậy thì tôi chưa thể viết hồi ký, chưa thể nhìn lại đời mình một cách trung thực và chưa thể thản nhiên phóng bút trên vài trang chúc thư dặn vợ con, đề phòng chết bất ngờ không kịp giảng giỗ. Tuy thế,

tôi vẫn có quyền viết dăm ba kỷ niệm về một cái tết thuở nhỏ của tôi. Một cái tết hay một phần đầu liên tục của đời người? Khi tôi thấy lòng mình rộn ràng nhìn mọi người sửa soạn đón xuân, là lúc gia đình tôi sa sút. Dưới bảy tuổi, cậu bé nào cũng giống tôi. Chỉ vui thôi. Thiếu buồn. Không buồn. Và cậu bé nhìn niềm vui chứ không cảm nỗi niềm vui. Bởi đó, những mùa xuân cũ, mẹ tôi bảo vui lắm, cả nhà về quê nội ăn tết, bố tôi xông nhà bằng những bánh pháo nổ giòn, tôi biết là vui lắm và không làm sao hồi tưởng được. Tôi còn nhỏ, đôi cánh mơ mộng chớm nhú, chưa đủ sức lãng du về vùng trời kỷ niệm. Cho nên, cái vui lắm đã gọi thêm cái buồn lắm ở năm tôi tám tuổi. Năm ấy thật buồn. Bố tôi bảo năm nay không về quê nội chúc tết ông bà tôi trước tết như năm ngoái. Tôi hiểu ngay tâm sự của bố tôi. Người Việt Nam nào cũng nặng tình quê hương. Bỏ quê hương đi nơi khác mưu sinh, tết nhất phải trở về. Và phải trở về với manh áo, tấm quần mới, với túi tiền rủng rỉnh, với bộ mặt rạng rỡ. Với những bánh pháo nổ lớn, xác pháo đổ ối ngập sân nhà mình. Quê tôi nghèo khổ từ thuở khai thiên lập địa. Ít gia đình dám đón xuân bằng một bánh pháo dài. Pháo ông lệnh càng hiếm. Những bánh pháo của bố tôi làm hãnh diện cho ông bà tôi. Bố tôi thường mua để dành tự hôm Táo Quân lên chầu trời. Năm ấy, tới ba mươi tháng chạp, bố tôi vẫn không mua pháo. Người nói: Mình về chúc tết ông bà sáng mồng ba rồi mồng bốn đi ngay. Tôi hỏi: có đốt pháo không hở, bố? Bố tôi lắc đầu: Năm nay bố hết tiền mua pháo. Tôi buồn ghê quá. Tôi buồn thật sớm. Nỗi buồn đến với tôi vào mùa xuân tám tuổi và đồn trú mãi ở hồn tôi tận hôm nay. Tôi nghĩ phải có một bánh pháo

nhỏ đốt giữa sân nhà ông bà nội. Và tôi nhập bọn với đám trẻ con nghèo khổ, liều lĩnh đi vồ pháo, tự kiếm cho riêng mình niềm vui thơ ấu.

Nơi gia đình tôi sinh sống, người ta đốt pháo đón xuân từ hai mươi tám tháng chạp. Hai ngày mồng một, mồng hai, pháo nổ giòn giã. Người ta đốt những dây pháo dài chấm đất lên tới gác ba tầng. Người ta châm ngòi từng bánh pháo, vất ra vĩa hè. Bọn trẻ con nhà nghèo thường “bong không” xuống, dùng lưng đập tắt các ngòi pháo để vồ những chiếc pháo chưa kịp nổ. Tết nhất ai cũng dễ dãi. Và bọn trẻ con được “mừng tuổi” xứng đáng bằng sự gan dạ, liều lĩnh của chúng. Có thằng can đảm còn dám giẫm chân không lên ngòi pháo ông lệnh. Chạm một cái tính chất tuổi thơ nghèo khổ, còn là một đam mê. Mùi thuốc pháo quyến rũ. Tiếng pháo nổ gọi mạo hiểm. Tôi có thể hít hà mùi khói pháo cũng như mùi khói ô tô không biết chán. Ngày xưa, đứng nhìn những đứa bằng tuổi tôi nhào vào tràng pháo đang nổ tóe lửa, tôi phục... lẫn. Những thằng nhút nhát chỉ làm công việc mót pháo. Nghĩa là, đứng xa, chờ im tiếng nổ mới dám tới kiểm xem còn sót chiếc pháo nào cam vì ngòi tắt hoặc chiếc pháo thối, cháy hết ngòi vẫn không nổ. Pháo cam giá trị hơn pháo thối. Nén hương đốt sẵn cầm tay châm tiếp vào cái ngòi ngắn, pháo nổ bùng. Pháo thối đành cắt đôi cái thân cho lòi thuốc pháo, dí đầu hương, thuốc pháo cháy xòe! Mót pháo giống mót lúa, hôi cá. Phải vồ pháo mới là đánh cá và chụp được nhiều pháo đốt. Tôi không thích mót pháo. Tôi thích vồ pháo và hy vọng vồ thật nhiều. Sáng mồng một, tôi dậy thật sớm, chờ nhà mở cửa, lén ra đường. Ngoài bộ quần áo tết, tôi đã mặt lốt bộ quần

áo ngày thường. Tôi lên phố chính, cỡi phăng bộ đồ hộp, cấp nách. Ở đâu pháo nổ, ở đó có tôi. Không chỉ có một mình tôi mà có quá đông trẻ con chơi trò vồ pháo. Bánh pháo đốt cháy vắt ra vĩa hè y hệt những khúc ngô luộc, những nắm bông, những khẩu mía, những cái bánh rẻ tiền trong nia cúng rằm tháng bảy. Trẻ con nhào tới vồ pháo cơ hồ trẻ con đứng chầu rìa trước cửa đền đợi lệnh “tung hê” là nhào tới cướp đồ phát chẩn. Một thằng “bông không” đề bánh pháo. Thằng khác sợ bạn cướp hết, “bông không” theo đẩy bạn ra. Còn chiếc pháo chưa kịp tắt ngòi, nổ tung và châm ngòi cho những chiếc pháo kế tiếp. Thằng khác nữa đóng vai ngư ông thủ lợi, “lông không” xuống vĩa hè xi măng. Nó nằm ngửa một lát rồi xoay người úp bụng đề pháo. Những thằng khác xông vào. Thằng đề pháo cố bảo vệ chiến thắng của mình. Nó chịu đựng hàng chục thằng nắm đầu, kéo tay, giẫm lưng đòi chia phần. Cuối cùng, nó kêu ới ới. Bạn bè nó giãn ra. Nó lồm cồm bò dậy. Bạn bè nó nhảy vô giành giật. Mỗi đứa được vài chiếc. Tôi cũng tích cực tham gia vào việc giành giật tuyệt thú này. Và rồi, để công bằng thụ hưởng, chúng tôi thay phiên nhau “bông lông”, thay phiên nhau làm anh hùng vồ pháo. Hai ngày liền, tôi chỉ biết tết ở vĩa hè những nhà thừa pháo đốt. Bấy giờ, tôi không suy nghĩ, vì chưa biết suy nghĩ. Nhưng, bây giờ, biết suy nghĩ, tôi lại không nhớ hết quang cảnh đám vồ pháo. Tôi cố hình dung bằng hồi tưởng. Và tôi thấy, dường như, đứng trên gác cao, những kẻ đốt pháo ném xuống vĩa hè đã vui tết hơn chúng tôi vui vồ pháo. Hình dung thế, tôi cảm giác những vết phỏng má, phỏng tay, những sợi tóc bị cháy đau đớn vô cùng. Và rồi, không đời nào tôi có thiện

cảm với bọn giàu có, với bọn quyền quý trong xã hội loài người. Tại sao những người nghèo khổ cứ phải giành giật đồ phát chẩn nhỉ? Một lần, tôi “lông nhông” đẹp quá, bánh pháo mới nổ hai chiếc đã cầm liền. Tôi cầm bánh pháo, đưa trước mặt ngắm nghía. Mầu pháo hồng cảm khái lạ lùng. Đôi mắt tôi hần sáng rực. Nhưng một thằng hét inh: Sắp nổ! Tôi hoảng hốt tung bánh pháo ra xa. Thằng đó bước tới, nhặt cả bánh pháo, co cẳng chạy. Tôi quỳ lạng người trên vỉa hè, trông theo, tiếc ngẩn ngơ. Tuy thế, hai ngày vò pháo, tôi cũng có gần một trăm chiếc pháo lẻ. Tôi mua vài sợi dây pháo kết thành một tràng pháo tám mươi chiếc. Số lẻ, tôi đốt từng chiếc, vui sướng đến quên cả những vết phỏng trên tay, trên má đã mọng nước và sắp rỉ rả chảy.

Mồng ba, gia đình tôi về làng chúc tết ông bà tôi. Những đứa trẻ con họ hàng, như mọi năm, kéo nhau sang nhà tôi xem đốt pháo để bịt tai thích thú. Sân nhà tôi chưa có lấy một cái xác pháo. Tôi lẳng lẳng kiếm cái sào, lôi tràng pháo của tôi, buộc vào đầu sào rồi châm ngòi pháo. Tôi giơ cao cái sào. Pháo của tôi nổ giòn. Mùi thuốc pháo thơm lùng, đượm lấy hơi lạnh phảng phất quanh sân nhà ông tôi, phảng phất trong tâm hồn tôi, phảng phất suốt cuộc đời tôi. Bọn trẻ con reo hò. Ông bà tôi vui cười. Bố tôi nhìn tôi không nói. Có lẽ, bố tôi đã biết tại sao má tôi bị phỏng. Tràng pháo duy nhất của một cái tết. Niềm kiêu hãnh của thời thơ ấu của tôi. Để có nó, má tôi đã bị phỏng lửa pháo, tay tôi đã sứt da. Tết thuở nhỏ của tôi. Nó đấy. Bụi ngùi biết bao!

Như niềm kiêu hãnh thơ ấu, tôi đã tạo cho tôi niềm kiêu hãnh khi bước xuống cuộc đời bằng những trò chơi

vồ pháo. Không sai mấy may. Trò chơi vồ pháo còn tiếp diễn. Và chỉ chấm dứt ngày tôi thoát khỏi vùng trời đầy đặc phiền muộn này.

(1972)

Những đồng tiền mừng tuổi

Đến năm mười ba, tôi mới biết dành dụm những đồng tiền mừng tuổi cho một hy vọng mà, hôm nay, hy vọng đó, tôi gọi là một hạnh phúc. Hạnh phúc của tôi thường được tôi nhìn lại. Nhìn lại từ đoạn đầu đời tăm tối nhất, hồn nhiên nhất. Tôi không tin, không bao giờ tin nữa, thứ hạnh phúc người ta tưởng rằng tôi đang nắm chặt hay thứ hạnh phúc tôi còn mơ ước khi tôi bị đẩy xuống vực thẳm của phiền muộn. Hãy nói về những đồng tiền mừng tuổi thoát khỏi sông bạc thơ ấu. Bạn đừng nghĩ thoát khỏi vì tôi sớm nhận chân dung của những tên cò mồi. Bầu trời của bất cứ một tuổi nhỏ nào cũng chỉ có một sắc mây hồng. Tâm hồn của bất cứ tuổi nhỏ nào cũng chỉ có một mùi thơm ngát. Tôi chẳng hề nghi ngờ những đồng tiền mừng tuổi phiêu lưu biệt tích trên chiếu cò tôm cá do sự dụ dỗ của bọn cò mồi. Thôi bạn làm ơn hiểu giùm, đến năm mười ba, tôi mới biết dành giùm những đồng tiền để mua mấy chú gà con.

Bạn nên theo tôi trở về một vùng quê hương Bắc kỳ của tôi. Sau phiên chợ tết, những phiên chợ tháng giêng thật buồn tẻ. Người ta mãi hội hè đình đám, chả thiết đi chợ. Mãi tháng hai, chợ phiên mới đông dần. Những đồng tiền mừng tuổi nằm trong túi áo tôi sốt ruột quá thể. Chúng cứ

đòi mua gà ngay lập tức. Với trẻ con nhà nghèo, tiền mừng tuổi quý lắm. Có đứa mua vải trắng, mua củ nâu về nhuộm may áo. Có đứa cưa cái rãnh cột nhà bằng tre bương, để dành tới cuối năm. Có đứa cho anh vay lấy lãi. Có đứa gửi mẹ giữ hộ. Riêng tôi, tôi bỏ túi, cài ba bốn chiếc kim băng, đêm ngủ tay khur khur nắm túi tiền. Đêm đêm, chờ đợi phiên họp đêm, tôi đều mơ thấy bốn chú gà con. Một chú trống, ba cô mái. Tôi học thuộc lòng câu chọn gà của bà tôi. “Gà ri chân chì nuôi chi của ấy. Gà vàng chân vàng ai mắng cũng mua”. Mơ ước, ở tuổi nhỏ, quả là nổi thú tuyệt vời. Trong hàng trăm bài ngụ ngôn của La Fontaine, không một bài nào dở, trừ bài cô Perette và cái bình sữa. Nhà thơ ngụ ngôn La Fontaine đã chế giễu sự mơ ước. Mơ ước có làm hại ai? Tôi đã mơ ước bốn chú gà của tôi lớn như thổi. Chừng sang thu, chú gà trống gáy ngọt và ba cô mái gại mỗ lia lia. Rồi ba cô bằng lòng lấy một chú trống làm chồng. Ba cô nhảy ổ để. Tôi kiếm ba chiếc rổ rách bắc ổ để cho ba cô. Mùa đông ba cô xuống ổ với ba đàn gà con xinh xắn. Tôi mơ ước đến đó. Tết tôi sẽ ở nhà ngắm gà của tôi. Hả hê chán.

Chợ phiên giữa tháng hai người ta mới bán trâu, bò, lợn, gà. Tôi có mặt ở phiên chợ ấy. Đến chợ, tôi lần tới chỗ bán gà liền. “Gà vàng chân vàng ai mắng cũng mua”. Tôi đã dốc hết tiền mừng tuổi mua bốn chú gà vàng chân vàng. Mùa xuân quê nhà tôi, trời còn lạnh ngọt. “Tháng ba bà già chết rét”. Gà của tôi cần được sưởi ấm. Mấy ngày đầu, cho gà quen chỗ, tôi nhốt các chú trong chiếc nơm, lấy áo tơi che quanh. Tôi lén bốc gạo nuôi các chú. Những con gà lớn chỉ được ăn chút cám rồi bị đuổi khỏi sân, ráng kiếm sâu bọ mà nuôi thân. Lười biếng rình ăn với lợn, sẽ bị xua

tàn nhẫn. Bốn chú gà của tôi là gà nhà giàu dù tôi là con nhà nghèo. Buổi sáng, đợi nắng khô sương tôi mới dám thả gà. Buổi chiều, mặt trời chưa lặn tôi đã lừa gà về chuồng. Ban đêm, nghe tiếng gà kêu, tôi vùng dậy đốt đèn thăm thú. Tôi ghét chuột, ghét cáo, ghét luôn mèo. Ba tên này rình mò giết chết gà của tôi. Nhưng săn sóc kỹ mấy, chưa hết mùa xuân, chú gà trống đã khoác áo tơ. Đôi cánh chú trề xuống chấm thân. Chú chề ăn. Chú đứng một chân. Rồi chú lăn kềnh ra. Chú bị cúm, chú chết thảm. Tôi suýt khóc. Ba cô gà mái may mắn thoát bệnh. Sang hạ, ba cô trở mã, đẹp gái ra phết. Tôi nghiệp chú gà trống. Giá chú còn sống, chú đã vỗ cánh gân cổ tập gáy te te. Bây giờ, ba cô gà mái đã biến thành ba nàng gà và chịu chung số phận hẩm hiu của những con gà lớn. Ba cô từ già thời thơ ấu. Phải già từ thời thơ ấu, ngay loài gà cũng cơ cực. Một buổi tối cuối hạ, điểm gà trước khi chúng lên chuồng, tôi đã thấy mất một nàng gà mái của tôi. Có đứa ăn cắp một chút hạnh phúc nhỏ nhoi của tôi. Nàng gà mái không bỏ nhà đi theo trai đâu. Người ta đã bắt cóc nàng. Tôi buồn cho đến hôm hai nàng gà mái còn lại chịu nằm trên ổ đẻ. Tôi theo dõi hai nàng. Mẹ tôi bảo nhìn gà đẻ sẽ bị lang ben. Tôi không sợ lang ben. Tôi mở căng mắt xem gà đẻ. Và tôi thấy rõ chiếc trứng gà con so rơi xuống ổ lót rơm. Và tôi sung sướng nghe những tiếng cục ta cục tác của hai nàng gà mái rộn ràng một thuở mười ba. Chẳng bao giờ tôi được nghe một thứ âm thanh nào kỳ diệu hơn, thứ âm thanh đã làm tôi nao nức, quên hẳn nỗi buồn. Hình như đời tôi bị bủa vây bằng sầu buồn. Tôi không có niềm vui liên tục. Bây giờ, vẫn thế thôi. Vẫn là kẻ dò mìn hạnh phúc. Là kẻ khốn khổ cầm

trong tay từng khúc hoan lạc đứt rời. Tôi, gã phù thủy, bắt những nhân vật tiểu thuyết của mình đau đớn hay vui tươi, già nua cho nhân vật của mình một đoạn kết bi thảm hay hào hùng hay an phận hay hạnh phúc nhưng đã không đủ phép tích già nua cho chính đời mình một sợi hạnh phúc nối dài! Những tiếng kêu cục ta cục tác của gà đẻ xuống ổ mới làm tôi sung sướng hôm qua đã đem theo xót xa vì tiếng quang quác náo nức của một nàng gà bị cáo cắn chết tha đi. Tôi ngày nay tội nghiệp tôi ngày xưa. Nhưng nếu được sống lại ngày xưa, tôi ngày xưa sẽ tội nghiệp tôi ngày nay nhiều hơn. Nhiều lắm. Vô cùng.

Giữa thu, nàng gà mái sống sót với hy vọng của tôi cho tôi một đàn gà nhỏ. Đàn gà nhỏ. Đó là những bà tiên bay quanh giấc ngủ thiếu thời của tôi. Những bà tiên dạo nhạc ru tôi ngủ. Những bà tiên an ủi đứa trẻ nhà nghèo cô độc. Những bà tiên nuôi ước mơ giùm tôi. Những bà tiên tuyệt đẹp dưới nắng thu vàng. Ôi, những bà tiên dạo ấy sao nhớ xa lánh cuộc đời đầy đặc phiền muộn của tôi hôm nay. Có lẽ, bởi còn có mùa đông. Và bởi có mùa đông nên những bà tiên rét mướt, những bà tiên lười bay, những bà tiên ủ rũ. Mùa đông cuộc đời tàn nhẫn cả với những bà tiên. Mùa đông thổi một luồng gió độc ác. Những bà tiên khoác áo to, đứng im lặng bằng một chân, hết khiêu vũ, hết ca hát. Rồi những bà tiên thay nhau chết. Và tôi từng ngày, chôn những bà tiên gần nhau. Tôi xây một nghĩa trang mơ ước. Và tháng chạp thăm sâu, tôi chôn luôn mẹ của những bà tiên. Tưởng tượng đứa trẻ nhà nghèo chôn hy vọng của mình, bạn có buồn không? Tết năm mười bốn, những đồng tiền mừng tuổi lại dùng để mua bốn chú gà con. Rồi nghĩa

địa mơ ước lại biến thành thiên đường mơ ước. Và cứ vậy, ước mơ đều đều...

Tôi lớn khôn, không còn thích nuôi gà nữa. Cũng chẳng còn ai cho tôi những đồng tiền mừng tuổi. Tôi tự cho tôi những giọt nước mắt ví như những đồng tiền. Tôi nuôi một hy vọng khác. Tôi thấy những giọt nước mắt mỗi năm một ít đi. Xuân này, những giọt nước mắt khô cạn. Mà hạnh phúc, bạn ơi, mãi mãi cứ gặp luồng gió độc ác của mùa đông cuộc đời.

(1973)

Tháng giêng ngon như một cặp môi gần

Gặp gỡ chừng như chuyện Liêu Trai

Ra đi chẳng hẹn một ngày mai...

VŨ HOÀNG CHƯƠNG

1

CHƯA PHẢI LÀ MỘT CÁNH rừng nhưng khu vườn cam này đã thật bao la, dưới mắt tôi. Nơi đây được chọn làm thí điểm trồng cam giống Phi Châu, Mỹ Châu, những giống cam thượng hảo hạng, để tiếp vua và các quan toàn quyền, công sứ Pháp. Người ta lừa hàng trăm tù nhân yêu nước lên Ban Mê Thuộc đồn cây, khẩn hoang ròng rã mấy năm mới làm xong khu vườn cam quý, khu vườn cấm một thuở tối tăm của lịch sử chúng ta. Rất nhiều nhà ái quốc đã chết vì ngã nước hoặc bị giết chết vì roi da, báng sung. Xác họ vùi dưới gốc cam. Mỗi gốc cam một xác tù nhân. Nhờ đó, cam chóng lớn, nhiều trái và ngon ngọt. Khu vườn cam nằm bên giòng suối voi đầy theo mưa nắng. Nhân công Ra dê nhổ từng ngọn cỏ hoang, tỉa từng chiếc lá úa, múc từng gáo nước tưới cây, những thân cây cao không quá đầu người mà sao cành trổ tua tủa như cánh tay bạch tuộc. Họ đeo dao rừng, kết thành hàng rào, đứng ngồi canh chừng kẻ lạ mặt lai vãng. Thuở ấy, ai dám lai vãng trên đất hoàng

triều. Nên sự bảo vệ vườn cam thừa thãi. Nhân công Ra đề nhàn tản, tha hồ hút thuốc và thổi kèn ống tiêu khiển. Ngày vua Bảo Đại bị sóng gió cộng hòa vùi dập, hoàng triều cương thổ hết thiêng và khu vườn cam chẳng còn là khu vườn cấm nữa. Đám nhân công Ra đề biến mất. Sót lại một gã quản tượng săn sóc con voi rừng ngà của vua, bốn chân xích lỏng bằng xích sắt mắt lớn. Thỉnh thoảng, con voi giã rống lên ai oán cơ hồ nó thương nhớ vua cũ phương xa lưu lạc và hồi tưởng chiếc lọng vàng năm xưa.

Tôi tới vào dịp này. Hơi muộn màng đôi chút. Bởi cỏ ho-ang đã xanh um trong khu vườn cam. Nghe đàn anh kể sự tích vườn cam, tôi vừa buồn ngủi vừa thích thú. Buổi trưa, sau giờ công tác, tôi thường vào giữa vườn, nằm dài trên lớp cỏ, gối đầu lên mô đất cao, đọc sách chờ giấc ngủ và mong ước, trong chiêm bao ngăn ngủi, hồn mình gặp hồn liệt sĩ. Những giấc ngủ trưa hè của tôi vô cùng tuyệt diệu. Nhạc suối và nhạc lá êm ái ru tôi. Tôi đã ngủ ngon với cuốn sách nằm giữa ngực và khi tỉnh, cuốn sách y nguyên chỗ cũ, không rơi vì tôi không hề trở mình thao thức. Bỗng một hôm, cuốn sách rời khỏi ngực tôi như thể nó mọc cánh. Đưa tay tìm kiếm, tôi đụng một miếng giấy nhỏ. Ngồi vụt dậy, đảo mắt chung quanh, cuốn sách của tôi đã biệt dạng tự hồi nào. Ngạc nhiên với miếng giấy tình cờ, miếng giấy từ trời rơi xuống, tôi bắt đầu chú ý nó. Miếng giấy xé ở cuốn sổ tay viết bằng bút chì màu xanh lá cây. Nét chữ nguệch ngoạc. Có lẽ, người viết đã vội vàng. *Thưa ông, em rất mê thơ Nguyễn Bính, em sợ hỏi ông sẽ từ chối thành ra em đành mượn khéo cuốn Hương cố nhân của ông. Em hứa giữ gìn cẩn thận, chép xong em sẽ đem tới đặt giữa trái tim*

ông. Cám ơn ông đã ngủ say như chết. Mong rằng ông vẫn ngủ say như chết để khi trả Hương cổ nhân cho ông em đỡ xấu hổ. LÁ.

Tôi mỉm cười. Định xé nát miếng giấy viết hai mặt. Nghĩ sao, tôi gấp đôi, bỏ vô túi áo. Cô Lá thân mến, tôi sẽ gặp cô, tôi sẽ gặp cô ở bữa cơm chiều nay, tôi sẽ gặp cô ở từng gianh lát nữa, tôi sẽ uống cà phê tối cùng cô và bảo cô đừng đùa nghịch. Cô Lá, cô là một trong số bạn giang hồ của tôi hay là tất cả những người bạn âm mưu cái trò Liêu Trai tân thời. Khung cảnh thích hợp quá, cô Lá nhỉ? Tôi là hiệp sĩ lãng mạn, không phải là hàn sĩ cù lần. Bồ Tùng Linh chưa có nhân vật hiệp sĩ. Ông khoái hàn sĩ hơn nên hàn sĩ tràn đầy hạnh phúc trong tình yêu mộng tưởng. Cô Lá thân mến. Em Lá thân mến. Em muốn tôi gặp gỡ hồ ly. Hay em là hồ ly? Không chừng, em nằm sâu khổ dưới hang và tôi là hiệp sĩ Thạch Sanh lãng mạn nhờ cây đàn. Em đợi tôi mấy trăm năm rồi? Cô Lá, em Lá, em đùa dai vừa vừa chứ. Em thấy tôi “đi làm lịch sử” mà còn học thuộc lòng thơ Nguyễn Bính, em phá tôi. Em ăn cắp sự lãng mạn cần thiết của tôi hai mươi tuổi. Tôi lãng mạn tôi mới đi làm cách mạng ở cái chốn khổ ho cò gáy này. Em nghĩ coi, ngoài tôi, ngoài những thằng chập chững xuống đời như tôi, ai thềm lên đây sáng nghe mọi lú lo, chiều nghe vượn hát nhớ con, đêm nghe hổ gầm, thác đổ? Tôi đâu là lính thú mà lấy dang nửa làm bạn, mà chịu ăn mắng trúc măng mai ngày nọ qua tháng kia. Tôi đâu là kẻ bị lưu đầy mà chém cây xẻ gỗ triền miên. Tôi từ giã phần hoa, lặn độn với suối sâu rừng vắng, tay tôi máu rướm thường xuyên bởi cỏ gai lẫn lộn cùng gianh già để được gì? Tôi áo chàm sơn già, khăn chít tiều phu, quần

quật đầu hôm sớm mai để được gì? Em Lá, để lấp đầy cái hồ lãng mạn của tuổi trẻ. Tôi phải giải thích rõ ràng với em và xin em trả lại tôi những buổi trưa ngủ ngon cùng những vầng thơ ái tính bông bẽ giữa vườn cam. Nếu em tiếp tục phá tôi, tôi sẽ đoạn tình em, sẽ về với phồn hoa hay bất cứ nơi nào tôi có thể nằm nhàn tản học thuộc thơ yêu đương của thi sĩ tôi hâm mộ.

Tôi bỏ vườn cam. Một gợn sóng băng khuâng nổi lướt trên mặt hồ đời. Thí dụ cô Lá là... cô Lá. Cuộc sống, đôi khi, xảy đến một chuyện bất ngờ kỳ tuyệt. Để chừng khu vườn cam là thôn Bích Câu. Và Lá, nàng là Giáng Kiều. Và tôi, tôi là Tú Uyên. Thí dụ thế và giá không được thí dụ thêm hẳn tôi sẽ bồi hồi, thổn thức. Nhưng tôi lại thí dụ những ba lần. Thí dụ cô Lá là... hồ ly. Tôi toát mồ hôi lạnh. Thí dụ cô Lá là một hay là những người bạn đang sinh hoạt với tôi, tôi sẽ nổi giận. Thí dụ thứ ba, chắc chắn, là bí mật của cô Lá. Chúng tôi đã nguy hiểm hóa khu rừng hoạt động của chúng tôi. Người đàn anh ra lệnh phao tin rần độc tập trung ở vườn cam. Tôi đã giả vờ bị rần cắn, xuống trạm y tế của trạm in băng bó. Quanh căn nhà sàn “cách mạng”. toàn rần rết. Đêm đêm, hổ mò tới săn mồi. Chúng tôi trèo cây nhái giọng hổ gầm rồi đem xoong chảo khua gõ báo động. Dân trại tin thật, họ không dám bén mảng gần nhà chúng tôi. Đàn anh tạo niềm bí ẩn hãi hùng. Tôi rất khoái. Vai trò của tôi quan trọng, từ đó, sẽ có ngày tôi được chơi với trong lớp sương huyền thoại muôn màu! Tôi đã nhiều dịp rong chơi khắp trại, quen hẳn mặt thiếu nữ định cư, càng đoán chắc không có Lá tuyệt vời trong thí dụ thứ nhất.

Buổi chiều, vỡ xong một mảnh đất trồng sắn và nghe

xong một câu chuyện Lê Lợi chiêu mộ kiệt sĩ, chúng tôi ra suối tắm gội. Tôi dò hỏi những người bạn cũng đi một đường. Họ đều ngỡ ngác khi tôi muốn lột chiếc khăn che dấu một trò chơi. Họ đóng kịch giỏi chẳng? Tôi hứa với tôi rằng sẽ làm hồng vớ kịch của họ. Ngay tối đó, tôi phản đòn bằng cách trở tài đoán chữ ký. Từng người một, họ ký tên nhờ tôi đoán. Tôi bắt họ mỗi người viết vài giòng. Họ vui vẻ viết, chân thành viết. Tôi xin họ thời gian nghiên cứu một tuần. Tôi không ngủ đêm hôm ấy vì cô Lá ám ảnh tôi. Khi mọi người ngon giấc, tôi thấp nển đọc lại thư của Lá và so sánh nét chữ của nàng với nét chữ của những người bạn tôi. Tôi run hãi. Hoàn toàn khác biệt giữa chữ của Lá và của những kẻ bị tôi nghi ngờ. Trời khuya yên lặng. Tôi nghe rõ tiếng sương rơi. Bên ngoài nhà sàn mù mịt. Tôi không dám nhắm mắt, sợ vừa mở bỗng gặp Lá. Lá hồ ly. Lá ma nữ. Tôi vội tắt nển, nằm bất động. Tôi tưởng tượng đủ thứ chuyện rùng rợn. Mồ hôi ướt đầm trán tôi. Tôi thấy lạnh chân, lạnh tay và lạnh tim. Nhớ lại những tiểu thuyết đường rừng, những bài báo viết về ma xó, về những vụ trả thù khách miền xuôi của các sơn nữ mà tôi đã đọc, tôi hoảng hồn. Và tôi muốn ốm từ đêm đó. Tôi ốm vì kinh hoàng không phải ốm vì thương nhớ.

Tôi nằm lì trên nhà sàn, hôm sau. Buổi sáng, mọi người vô rừng. Căn nhà đều hiu khốn tả. Tôi hút thuốc lá liên miên, cố trấn tĩnh mình bao nhiêu thì hình ảnh hồ ly Lá càng chập chờn bấy nhiêu. Tôi đốt cháy cái thông điệp của ma nữ Lá. Thông điệp không phản ứng, không hiện hồn một giai nhân than vãn cháy bỏng và trách tôi tàn nhẫn. Bỗng tôi phì cười. Nhiệt độ sợ hãi xuống nhanh. Kẻ đợi hồn

mình gặp hồn liệt sĩ mà sinh bệnh vì sợ ma ư? Tôi đồng dạc đứng dậy, sang sáng ngâm mấy vần thơ chính khí. Hào khí bốc tỏa. Tôi rời nhà sàn, lặn vào khu vườn cam. Tôi không làm Thạch Sanh giết măng xà đầu. Tôi làm Tú Uyên đi tìm Giáng Kiều. Bởi vì, cái bản chất của tôi, dù hào hùng hay nhút nhát, dù cách mạng hay phản cách mạng, suốt đời, chỉ là một tay lãng mạn vô tích sự. Lãng mạn cách mạng và lãng mạn phản cách mạng luôn, nếu có dịp để lãng mạn. Chỗ tôi nằm trưa qua chẳng thấy gì khác lạ.

Lá đến tựa gió, đi tựa mây. Nàng lướt chân trên ngọn cỏ. Mà cỏ, suốt đêm hứng trận mưa sương đã rạp xuống lại vừa mới vươn lên dưới nắng trời rực rỡ. Chỉ có tiếng chim kêu, tiếng lá xào xạc và mùi hoa cam thoang thoang. Tập thơ *Hương cố nhân* tuyệt tích. Lá đang ngồi cặm cụi chép. Lá đang say sưa đọc. Lá đang thả hồn theo ý thơ. Ở đâu? Nàng hứa sẽ trả *Hương cố nhân*, sẽ đặt *Hương cố nhân* giữa trái tim tôi. Cám ơn Lá. Mong cô chớ quên lời hẹn. Tôi sẽ chả dại dột gì mà giận cô. Tại sao tôi lại giận cô? Tại sao tôi lại từ chối cô? Bất cứ người con gái nào cũng có thể và có quyền làm ta khổ, làm ta điêu đứng, làm ta điên khùng, làm ra sống sờ chết dở nhưng ta không thể, không có quyền giận đối họ. Nói chi đến thù hận. Cô Lá, cô hiểu tôi chứ?

Tôi lặn về gốc cam quen thuộc. Nhất định không phải vì những vần thơ chính khí mà chính vì sự lãng mạn đã chiến thắng sự khiếp sợ. Tôi nằm dài trên cỏ chưa đủ ấm áp, nhắm mắt dụ dỗ giấc ngủ. Tôi muốn ngủ say như chết. Để mở, nhìn rõ Lá ngự giữa trái tim. Lạ thay, giấc ngủ bây giờ khó tính. Nó bướng bỉnh và phản bội tôi. Nó không chiều

chuộng tôi, không cho tôi ân huệ gặp Lá. Tôi đành bước ra vườn cam, lang thang dọc bờ suối y hệt một du tử, y hệt một gã thất tình. Tôi quên mất tôi lên đây với hoài bão lấp biển vá trời. Hình ảnh tráng sĩ mài gươm dưới ánh trăng khuya không hấp dẫn nữa. Tôi mong được quên luôn, quên hết những gì mà ta phải khuấy động một đời người mới tạo nên. Rồi cũng chỉ là bọt bèo, hư ảo. Kể cả sự “có danh gì với núi sông”. Có hai thứ quyến rũ một cách mãnh liệt người tuổi trẻ: Tình yêu và cách mạng. Cửa lòng cậu trai rộng mở, tình yêu đến trước hay cách mạng đến trước đều được mời đón nồng nàn. Bởi cả hai cùng rắc bụi phấn mê hồn trên đường vào trái tim. Bụi phấn làm cậu trai mê man, chất ngất. Bụi phấn đầu tiên ấy, đôi khi, huyền hoặc cả đời người. Nó dạy cậu trai biết đắm say, biết hy vọng và tuyệt vọng. Nếu tình yêu đến trước, tự nó, nó khép cửa lòng cậu trai lại. Và cách mạng chậm chân đành lui thủ quay về. Nếu tình yêu đến sau, cửa lòng còn hé mở mời đón. Bụi phấn của tình yêu kỳ ảo hơn bụi phấn của cách mạng thì cách mạng di cư. Đó là trường hợp Phạm Thái, một Tiêu Sơn tráng sĩ đào tẩu. Bụi phấn của tình yêu kỳ ảo bằng bụi phấn của cách mạng, hai thứ hòa đồng. Đó là trường hợp của anh chàng Dũng của Nhất Linh. Những nhà cách mạng quá khích nhất, sắt máu nhất thường chỉ có một thứ bụi phấn trong tim. Những nhà cách mạng lãng mạn đầy đủ hai thứ bụi phấn mê hồn. Tôi yêu ông Nhất Linh, vì vậy. Và vì yêu ông Nhất Linh, mê say nhân vật cách mạng hoạt động ở tiểu thuyết Nhất Linh mà tôi lên rừng nghe khỉ ho cò gáy. Cách mạng đặt đôi chân lạnh mạn lên tim tôi sớm mai thì tình yêu đặt đôi chân mơ hồ lên tim tôi buổi trưa.

Mơ hồ như chiếc lá thi ca. Lá. Nàng khiến tôi băn khoăn. Nàng rủ rê tôi vào đường tình sử, xui tôi lìa bỏ con đường lịch sử. Ôi cha, lịch sử! Lịch sử phong kín bằng bụi phấn mê hồn. Tôi mong được quên và còn mong được làm nên. Với Lá. Cho Lá. Từ nay, những bài học lịch sử có Lá, những mục đích cách mạng cho Lá. Anh sẽ cách mạng tích cực vì em. Anh sẽ phản cách mạng vì em. “Chí lớn trong thiên hạ không vừa đôi mắt mỹ nhân” vẫn là danh ngôn muôn thuở. Anh thì anh chỉ ao ước chí lớn của anh đầy một con mắt của em thôi. Anh lãng mạn quá trớn, anh lạng mạn đáng yêu bởi anh sẽ chẳng giết nổi ai bằng sự lạng mạn của anh. Mà Lá, em có không, em có thật trên đời không? Để anh lãng mạn. Để anh lao đao cùng bầu lãng mạn trong trời đất. Tôi ngớ ngẩn rồi. Tú Uyên xưa đã ngớ ngẩn như tôi. Một chiếc lá ngô đồng rơi, thiên hạ đều biết mùa thu tới. Một người con gái tên Lá chập chờn bay lượn lưng chừng vùng mộng thực, tôi chưa biết mùa yêu có tới? Chỉ mơ hồ nghe hơi thở xao xuyến của hồn đào. Tôi sẽ vào vườn cam, mỗi trưa, nằm ngủ dưới gốc cây cam thần tiên hay sẽ nằm ngủ dưới từng gốc cây cam cho đến ngày vườn cam biến thành vườn thần tiên. Có thể, tôi sẽ ngủ như chết năm này, tháng nọ dưới gốc cây cam nào đó. Tôi khoái chuyện hoang đường. Tôi đóng vai hoàng tử chịu hình phạt phản cách mạng. Tiêu Sơn tráng sĩ bỏ cuộc Phạm Thái gỡ nhẹ tội giùm tôi. Lá ơi, Lá yêu dấu ơi, em cứ việc làm công chúa lãng mạn, tôi phong tước em, em đi tìm một trái cam mơ ước, em thấy trái cam mơ ước là trái tim tôi, em cúi xuống hôn tôi theo lời dặn dò của Trương Quỳnh Như. Tôi được tha bổng. Tôi bừng tỉnh, không sai cổ tích. Chúng ta hãy

viết cổ tích từ khu vườn cam này, Lá nhé!

2

Một đêm mưa, phải, đó là một đêm mưa. Người thầy học cũ của tôi tìm tới căn gác trọ của tôi. Ở quê nhà, thuở làm học trò, tôi hằng kính yêu thầy vì thầy hiền ngang như một dũng sĩ đời Xuân Thu. Thầy dạy sử, dành thì giờ nửa năm học giúp chúng tôi nhập hồn mình vào hồn sử. Thầy không cần chúng tôi nhớ niên lịch và tên húy của các ông vua, nhất là vua triều Nguyễn. Thầy say sưa cải tội thoán nghịch cho Hồ Quý Ly và suy tôn họ Hồ là bộ óc thông minh nhất của loài người. Thầy nói: các anh chưa biết Thành Nhà Hồ chứ tôi đã được vinh dự leo lên. Tôi chưa biết Vạn Lý Trường Thành ra sao chứ Thành Nhà Hồ tôi coi là một công trình vĩ đại của dân tộc chúng ta. Nếu Hồ Quý Ly có cái giang sơn của Tần Thủy Hoàng, Vạn Lý Trường Thành sẽ che kín Tây Bá Lợi Á, Hồi, Ấn, Miến, Thái, Lào, Việt, đâu chỉ ngăn riêng rợ Hồ. Tiếc thay, vĩ nhân Hồ Quý Ly sinh tại đất hẹp, không thỏa vượn chí lớn của người Việt. Này các anh, xe jeep chạy trên mặt Thành Nhà Hồ vượt nhau đủ lối. Những người viết sử không hề kết tội Thành Nhà Hồ xây dựng bằng xương trắng máu đỏ của hàng triệu dân đen. Vậy Hồ Quý Ly nòng ấm nhân bản. Dân ta ít ỏi, chết nhiều quá, lấy đâu cự nòi Hán chó sói. Các anh hiểu tôi nói không? Người Tây phương bắt đầu nỗ lực phục Đông phương. Nhưng mắt họ kém, họ chỉ nhìn thấy Ấn Độ, Trung hoa và Nhật Bản. Họ phải chữa bệnh thiển cận mới hy vọng nhìn rõ giòng giống Bách Việt của chúng ta. Bọn thực dân Pháp bị mù. Lên rừng, xuống biển nước ta chúng vơ toàn vàng bạc nên mắt chúng mờ đi. Bọn viết sử Pháp thì thông

manh một cách hỗn láo. Văn minh của chúng ta gieo khắp thế giới. Các anh muốn tôi chứng minh không? Nói riêng về ngân hàng, tín dụng, Hồ Quý Ly là sư tổ của nhân loại rồi. Thầy tôi ca ngợi tổ tiên khiến chúng tôi hãnh diện. Và, hãnh diện hơn, hôm Phòng Nhì Pháp bắt thầy trong giờ dạy sử. Tôi không được học thầy từ đó. Cũng từ đó, tôi ham thích môn Việt sử. Ít lâu sau, nghe tin thầy dạy học ở miền khá xa. Cho đến khi tôi bỏ nhà giang hồ vào Nam.

Thầy tôi vừa biết nơi tôi trọ. Tôi cảm động vô cùng. Hai thầy trò hàn huyên đủ thứ chuyện. Cuối cùng, thầy tôi giảng tiếp những bài sử dang dở. Thầy nói về một Hồ Quý Ly thứ hai, một nhà cách mạng quốc gia cực đoan sẽ làm thay đổi hẳn khuôn mặt lịch sử hiện đại. Tôi lắng tai nghe. Hồn gửi phương xa. Ngỡ mình đang múa trống hội lớn. Rồi tôi ngủ thiếp. Sáng sau, thức dậy, thầy tôi đã bỏ đi tự lúc nào. Ông gửi lại mảnh giấy: Anh Hoài, rất tiếc không đợi anh từ già. Tôi phải đi sớm. Tôi chưa nói hết với anh những gì tôi còn muốn nói. Anh suy nghĩ thật kỹ câu chuyện đêm qua. Không thể lông bông tiêu phí ngày tháng. Cần mang hia bầy dẫm làm lại lịch sử. Con đường dân đạo chờ tuổi trẻ các anh. Hãy đền ơn quê hương, dân tộc tất cả nhiệt tình của các anh. Kéo ân hận và lỗ díp. Bởi vì, như mọi người, các anh sẽ già nua, bệnh hoạn và chết. Thầy tôi không chịu nói đi đâu và bao giờ trở lại. Hành trang của thầy bí mật quá. Thầy y hệt Tiêu Sơn tráng sĩ Quang Ngọc mờ mờ ảo ảo. Thầy đến cùng mưa và đi cùng nắng. Tôi chợt nhớ những hiệp sĩ chống bọn vua chúa tàn ác trong lịch sử tiểu thuyết của nước tôi. Thầy tôi đang đóng vai hiệp sĩ, một mình một ngựa, ruổi rong trên đường gió bụi. Tôi

bắt yêu cái hình ảnh hiệp sĩ thầy tôi. Tôi mê thầy tôi. Thầy lấp kín nỗi bơ vơ của tuổi trẻ tôi. Tôi tương tư thầy, mong được theo thầy leo lên Thành Nhà Hồ nhìn kỷ nguyên sáng tạo mới. Tôi thật nông nổi nhẹ dạ và chí tình. Tôi yêu lấy nhanh, thương lấy vội.

Và tôi đã lên rừng vào dịp cỏ hoang tự do mọc xanh um trong khu vườn cấm. Ở rừng buồn bã và cực khổ. Sống tầm thường như bất cứ một di dân nào, chúng tôi nhận thực phẩm tiếp tế của nước bạn qua trung gian chính phủ nước tôi, nhưng phi trường là âm mưu đập nát cả nước bạn lẫn xóa bỏ chính hiệp sĩ, một mình một ngựa, ruổi rong trên đường gió bụi. Tôi bắt yêu cái hình ảnh hiệp sĩ thầy tôi. Tôi mê thầy tôi. Thầy lấp kín nỗi bơ vơ của tuổi trẻ tôi. Tôi tương tư thầy, mong được theo thầy lên Thành Nhà Hồ nhìn kỷ nguyên sáng tạo mới. Tôi thật nông nổi nhẹ dạ và chí tình. Tôi yêu lấy nhanh, thương lấy vội.

Và tôi đã lên rừng vào dịp cỏ hoang tự do mọc xanh um trong khu vườn cấm. Ở rừng buồn bã và cực khổ. Sống tầm thường như bất cứ một di dân nào, chúng tôi nhận thực phẩm tiếp tế của nước bạn qua trung gian chính phủ nước tôi, nhưng phi trường là âm mưu đập nát cả nước bạn lẫn xóa bỏ chính phủ! Và sẽ đập nát mọi ý đồ thống trị nước tôi của hai khối mạnh nhất thế giới. Chúng tôi làm châu chấu Lý Thường Kiệt! Chúng tôi đương đầu, cùng lúc, bốn trận tuyến văn hóa, chính trị, kinh tế, xã hội. Bằng lý thuyết của lãnh tụ đã ra người thiên cổ và bằng gạo, sữa, phó mát hăm mốc của đế quốc! Trời ơi, không thể nào diễn tả nỗi sự háo hức của tuổi trẻ tôi trước cảm dỗ tuyệt vời của cách mạng cứu nước. Hai mươi tuổi, cậu trai dễ tin tưởng một cách

mãnh liệt, sẵn sàng hô muôn năm, hy sinh, quyết thắng trong những cuộc chiến đấu hư ảo chống lại cả những mục đích không biết chống để làm gì và tình nguyện nhắm mắt. Tôi giống hệt thằng nhóc bảy tuổi, túi rủng rinh tiền lì xì, vui vẻ nướng cháy trên đám cỏ cua tôm cá mà cứ tưởng mình chơi xuân. Vậy thì, với gạo hầm, phở mát mốc, chúng tôi khai quang một cánh rừng, đốn cây, chặt nứa, cắt gianh về dựng một căn nhà sàn vững chãi, rộng lớn. Mới đầu mệt mỏi, sau quen dần và thấy hào hứng. Vừa cưa gỗ vừa nghe đàn anh khiêu gọi hình ảnh cách mạng thành công, mồ hôi là nước suối tiên mát rượi. Tôi đã băng suối vô rừng xa, tình nguyện để vắt hút máu, vung dao chém nứa như chặt cây thù. Tôi vác hai chục cây nứa, chạy qua cầu khỉ không cần vịn tay. Vượt những cây sổ rừng, tôi đi tìm gianh. Có hôm, chiều muộn không về kịp, phải ngủ giữa rừng dưới trời sương lạnh, bất chấp cộp beo và rắn độc. Rồi chúng tôi vỡ đất trồng khoai sắn, rau dưa. Như nghĩa quân của Lê Lợi. Ngày sản xuất lương thực, đêm mài gươm nuôi chí. Mài gươm, với chúng tôi là thấp nển chép những bài thơ, những bài tùy bút gọi hồn tổ quốc của lãnh tụ. Chép bí mật. Chép kính cẩn, Chép xong, học thuộc lòng rồi tìm chỗ chôn lấp và đốt ra tro. Chúng tôi được dẫn vào triết học đại cương để học hỏi triết thuyết của lãnh tụ. Cuộc chiến đấu cam go mà chúng tôi sẽ phải dẫn thân là cuộc chiến đấu đẫm nát ý thức hệ của kẻ thù.

Tôi không thể nào gặp được lãnh tụ tối cao. Người đã bị kẻ thù tiêu diệt trên một ngọn đồi lịch sử. Đàn anh, mỗi ngày kể một chút về người, và chúng tôi đều hình tượng một thiên tài rực rỡ của đất nước tôi. Người đứng giữa lớp

sương mầu huyền thoại. hào quang người ngồi sáng vùng trời Đông. Chúng tôi sẽ làm trọn lời thề của người trên ngọn đồi tuyết hạn. Tôi sung sướng được tôn thờ người. Tôi bỗng cảm thấy tôi lớn lên, khôn ra và quan trọng kinh khủng. Thường viết thư hỏi thăm đám bạn phồn hoa, tôi bĩ thử họ, chê bai cuộc sống hèn mọn của họ. Giọng tôi kênh kiệu, phách lối. Tôi chẳng biết phản ứng của họ ra sao vì tôi đâu thềm cho họ địa chỉ. Họ ngỡ tôi đang tập dượt cờ ở miền đất thần thánh nào xa xôi mù mịt. Họ ngỡ tôi là Dũng tóc lộng gió bốn phương, hồn sót chia tám hướng đi tìm giòng sông hạnh phúc. Tôi là Dũng. Tôi là Dũng lãng mạn. Không có hình ảnh chàng trai cách mạng nào đẹp hơn hình ảnh Dũng. Chỉ còn thiếu Loan để thương nhớ, để viết một bức thư trên mạn thuyền giữa giòng nước lững lờ. Tôi sẽ có Loan.

Tình yêu và cách mạng, thế là đủ ý nghĩa của đời sống.

Dũng chắc không đồn vui vất vả như tôi. Chàng con nhà khá giả mà. Nhưng cách mạng nào có dành riêng cho con nhà nghèo? Chúa Kitô con nhà nghèo và Phật Thích ca con nhà giàu. Vì sự nghèo nàn, khổ khổ người ta làm cách mạng. Và, dường như, cuối cùng, những người lầm than, khổ khổ nhất đã lầm than, khổ khổ thêm vì cách mạng và những kẻ nhân danh họ làm cách mạng. Do đó, mãi mãi còn cách mạng và chẳng có cách mạng nào đẹp để hết, hết là thứ cách mạng chúng ta vừa thấy, đang thấy, sẽ thấy. Chúng tôi đồn cúi, sáng sớm gánh lên chợ thị xã bán lấy tiền mua cà phê, thuốc lá và sách báo. Đó là cách che mắt nhân gian. Ra cái điều mình dân chất phác. Khỏi cần nói nhiều về sự lãng mạn của tôi. Tôi hay ra nằm bên bờ suối, cạnh cây cầu

khí, nghe nước chảy róc rách, ngủ ngon và thức giấc, mắt còn vướng khỏi chiêm bao. Rồi tôi thích ngủ trưa dưới gốc cam. Nắng lọc qua màu lá, nắng ảo huyền, mộng mị. Gió lùa qua ngàn lá, gió hiền dịu, đàn êm. Nằm đây, đọc thơ tình và tư tưởng tình yêu. Tôi vốn chiêm ngưỡng thi sĩ Nguyễn Bính. Tôi đi, bỏ hết các thứ lại thành phố, mang theo mấy tập thơ Nguyễn Bính. Một người làm cách mạng mà còn cố học thuộc lòng những bài thơ trữ tình chưa kịp thuộc lòng, người ấy đúng là Dũng. Chỉ là Dũng. Dũng của Loan, Dũng của tuổi trẻ. Sao tôi ghét cách mạng hò hét sắt máu thế! Tôi thích cách mạng lên đường ngâm thơ. Cách mạng biết ngâm thơ, cách mạng bớt tàn nhẫn, cách mạng độ lượng, cách mạng không trả thù vật. Cách mạng cần biết mê gái nữa. Cách mạng thiếu thơ và gái là cách mạng quê mùa, cách mạng của chánh tổng, phó lý, cách mạng của mã tấu bầm vấp hoa tươi. Tôi yêu cách mạng của tôi, cách mạng có mồ hôi, có suy tư, có mơ mộng và có tình. Cách mạng thiếu thơ mộng và tình yêu là thất bại nặng. Thản hoặc, nếu thành công, cách mạng ấy sẽ thiếu cận, bé xiu và không tìm hay tìm chết, tìm đập nhịp theo nhịp bước một-hai. Cách mạng, tôi nghĩ, chỉ đi mà không về. Cách mạng về thì chán lắm. Vì cách mạng sẽ vênh vang, tác điệu, khoe công, lỗ bịch. Người làm cách mạng về từ núi cao rừng thẳm đón nhận hoa chàoàng cổ và ơn nghĩa sẽ giống đười ươi. Nếu đòi nắm quyền hành cai trị thì là đười ươi thật sự, đười ươi giữ bóng ngu xuẩn. Người làm cách mạng đi mãi, đi hoài, đi hết xuân đời mình, đi trên lớp sương màu huyền thoại bằng bình. Và chỉ dừng lại với tình yêu riêng lẻ. Và quên luôn cái thuở làm cách mạng của mình. Tôi đã tin tưởng mãnh liệt

rằng cách mạng của tôi thành công. Người ta dễ dàng tin bất cứ chuyện gì cũng tốt, bất cứ mở đầu nào cũng kết luận đẹp, ở tuổi hai mươi. Tôi tin, ngày kia, dân tộc tôi sẽ lãnh đạo các dân tộc Đông Nam Á, sẽ đứng vững dưới ánh mặt trời và nhìn thẳng cường quốc nguyên tử. Tôi tin sẽ có một người con gái yêu tôi, yêu tính chất hào hoa cách mạng của tôi. Nhất định tôi không trở về phồn hoa ngày cách mạng thành công, tôi để tôi mơ hồ như nhân vật cách mạng trong tiểu thuyết. Như Dũng của Nhất Linh. Như Quang Ngọc của Khái Hưng. Ai biết hồn ta rộng mấy khơi?

Có lẽ, tôi là kẻ lạ lòng nhất trong số những người trẻ ở chốn này. Nhiều nơi chốn, nhưng tôi mới biết chốn này thôi. Thỉnh thoảng, một mình tôi xuống đồi, vượt suối ra thị xã, đóng vai kẻ lạ mặt giữa hội đòi quen thuộc, buồn tẻ. Tôi tìm một quán cà phê, ngồi nhìn vách tường, chê bai đám nhân gian sau lưng. Tôi ngồi âm thầm, tưởng tượng mình là Dũng năm xưa và Loan đang chiêm ngưỡng mình. Tôi thèm có một Loan để thương nhớ. Nhưng khó lòng thấy Loan ở những con phố núi đồi hiu. Nên tôi tập làm thơ. Nhưng bài thơ nồng nàn của tôi giấu kín, chờ đợi tặng một người con gái đến với tôi trong tuổi trẻ mộng ảo. Tôi thơ thần dạo khắp đồi cao, suối cạn. Không chừng, tôi sẽ biến thành kẻ phiêu lãng trên đường cách mạng. Đồi tôi hứa hẹn vô tích sự. Vì tôi ưa chụp với cảnh vật chiêm bao. Người thầy học cũ ruổi rong đây đó và người con gái vườn cam trưa hạ là hai trái chín mộng trên cành chiêm bao gần gũi.

3

Đã hai tuần, tôi mong ngủ say như chết để gặp Lá mà không được ngủ say như chết. Chỉ ngủ chập chờn. Ngủ trằn

trọc. Ngủ gà vịt. Tôi thêm giấc ngủ sơn thử. Ngủ trọn mùa đông. Mùa đông của sơn thử tuyết băng, rất đáng ngủ vui. Mùa đông của đời người buồn bã cũng nên ngủ quên. Tôi phải thức trắng một đêm hy vọng ngủ say như chết dưới gốc cây cam quen thuộc. Chỉ cần một giấc ngủ trưa ngắn ngủi say như chết rồi chẳng bao giờ có một giấc ngủ trưa ngắn ngủi say như chết, ở bất cứ không gian nào, đã là đủ. Với tôi, và tôi đã ngủ say như chết. Khi tôi mở mắt, thoáng nghe giọng hót của con chim lạ. Tôi uống từng giọt nhạc chim. Tôi quên mất mình đang thức hay mình đang ngủ.

- Ông vẫn ngủ say như chết!

Tôi bàng hoàng. Nửa sợ hãi, nửa sung sướng.

- Em tới lâu lắm rồi.

Tôi nằm im. Mắt mở lớn nhìn chiếc lá chao đi chao lại rất mơ hồ. Trời mới xế trưa sao nắng đã tắt? Như thể sương mờ giăng kín vườn cam. Như thể Lá đương bơi qua lớp sương đến gần tôi. Tôi không dám động đây. Chỉ lo sương tan và Lá biến mất.

- Ông giận em à? Ông nói một lời với em chứ?

Tôi đưa tay đặt giữa ngực để trấn an trái tim. Rồi hỏi ngớ ngẩn:

- Ai đó?

Nàng đáp:

- Lá đây.

Và trách móc:

- Ông vô tình quá. Ông chóng quên quá.

Lá thở dài. Hơi thở của nàng thay giọng hót của con chim lạ luồn vào hồn tôi. Con chim lạ hẳn đã vỗ cánh bay xa. Hay nó chỉ là Lá hót ru tôi ngủ vui? Tôi vẫn nằm bất

động, mắt nhìn từ chiếc lá cam non đến chiếc lá cam già. Mỗi chiếc lá đều run run cảm xúc. Mỗi chiếc là đều biến thành Lá quanh quần đầu đây.

- Ông có giận em không?

- Không.

- Sao ông im lặng?

- Cô muốn tôi nói gì?

- Nói những gì ông muốn nói. Một câu hỏi vu vơ, chẳng hạn.

- Cô ở đâu?

- Gần ông lắm, chưa thành cố nhân đâu, ông ạ! Em giận ông rồi đó. Em về nhé!

- Cô Lá.

- Dạ.

- Tôi ngồi đây, ngắm cô, cô có biến dạng không?

Nàng cười ròn rã. Rồi im bật. Lốp sương mờ đã tan. Nắng lại ngập vườn cam. Tôi ngỡ thế. Trái tim tôi đập mạnh, đập nhanh. Mồ hôi trán toát ra. Tôi vụt dậy, toan chạy.

- Ông nhất định vô tình với em à?

Ông xoay lưng ngắm em đi. Quên tưởng tượng khoảnh khắc, thi sĩ!

Nàng vinh tôn tôi là thi sĩ. Tôi đang do dự, nàng đã nói:

- Em đâu phải là mộng, em là thực mà. Ông thích mộng hay thực?

Tôi chưa kịp trả lời, nàng nói tiếp:

- Thôi, ông hãy đứng yên, nhắm mắt thật chặt, chừng em bảo mở mắt mới được mở, nghe chưa.

Tôi nghe bước chân nàng lướt trên cỏ. Tôi muốn bỏ chạy. Nhưng chân tôi bị chôn chặt, chân tôi lún sâu dưới đất. Y hệt chiêm bao. Nàng sắp tới gần tôi. Hồn tôi bị mê

hoặc. Tim tôi đã cháy thành than. Tôi quên người thầy học cũ, quên hoài bão lấp biển vá trời, quên hết và sửa soạn tuyệt vọng, sửa soạn già từ thế giới thật.

Tôi bị gái Liêu Trai dẫn về sống với xã hội hồ ly. Tự nhiên, tôi lưu luyến xã hội loài người, xã hội quanh năm là mùa đông u ám, giá lạnh. Chắc là tôi sẽ làm cách mạng giải phóng hồ ly! Tai tôi điếc, không nghe gì nữa. Tôi tuân lệnh hồ ly, nhắm chặt mắt. Hồ ly thân mến, anh rất sợ tra tấn, hạch hỏi. Em làm gì thì làm, chỉ xin cho anh chết êm ái. Hồ ly òa một tiếng dọa nạt. Lạ lùng ghê, tôi đã không lăn kên chết giấc! Mà lại mở mắt trước khi có lệnh. Hồ ly Lá cười tươi, khen tôi:

- Ông là chúa giả vờ. Ông khôn nhất thiên hạ. Em mắc lừa ông. Em biết quá mà... Ông lấy thực làm mộng. Biết mà em cứ bị ông lừa. Em đây này, em tinh nghịch quá phải không?

Tôi quay nhìn Lá. Cô nhỏ khoảng mười bảy. Mắt sáng như sao đêm và nụ cười hứa hẹn nhiều trái tim tan vỡ. Cô đúng là con chim tới từ núi lạ. Cô là con sóc ưa leo trèo. Cô là con khỉ ưa bốn cọt. Sau hết, cô là con suối lãng mạn. Cô lú lo:

- Em đã đọc Liêu Trai chí dị nên em bắt chước trò chơi huyền ảo. Ông tưởng em là gái hồ ly chứ gì? Khi biết em là em, ông giả vờ hoảng sợ chứ gì? Ông không thèm đòi đến gần em, dụ em đến gần ông chứ gì? Ông thú nhận đi, ít ra, em cũng đã làm ông băn khoăn, suy nghĩ về em.

Tôi không thất vọng về Lá. Cô nhỏ này chưa đẹp nhưng sẽ đẹp. Sắp đẹp rồi. Mùa cam sau là đẹp tuyệt. Chùng da cam vàng ửng là lúc đôi má cô nhỏ dậy màu hương. Bây giờ, Lá hồn nhiên, ngây thơ, ưa nghịch ngợm.

- Ông đang phê bình em, hả?
- Sao cô em biết?
- Em đoán, Ai bảo ông nhìn em không chớp mắt.
- Tôi chưa kịp hoàn hồn.
- Ông xạo.
- Tôi nói thật đấy, cô em ạ!
- Ông tưởng em con nít à? Em sẽ ghét ông, sẽ cầu nguyện để hồ ly nó bắt ông làm chồng nó.
- Tôi khoái gặp hồ ly.
- Ông vẫn cứ xạo. Em ghét ai xạo. Ông ưa xạo, phải không?
- Thỉnh thoảng tôi mới xạo. Hôm nào hứng thú tôi mới xạo.
- Hôm nay ông có hứng thú không?
- Đây hứng thú.
- Xạo.

Cô nhỏ cũng chỉ là một thứ hồ ly, đáng sợ hơn hồ ly. Vì cô thông minh, tinh quái và... độc đoán. Tôi ngạc nhiên thích thú. Và tôi mỉm cười. Cô nhỏ phụng phịu:

- Bây giờ ông là tượng đá. Ông chẳng chịu cười gì sất cả. Tôi cười thành tiếng.
- Bây giờ tôi là tượng gỗ, tượng đất hay tượng đồng?

Cô nhỏ cúi xuống bứt cọng cỏ ngậm giữa hai hàm răng. Nhờ vậy, tôi được chiêm ngưỡng chiếc răng khểnh của cô. Trông cô, lúc này, giống con trai. Cô hết giống con khỉ rồi. Đôi mắt cô nhỏ tròn, to, hun hút giếng sâu chứa dấu kho tàng. Cô nhỏ nhả cọng cỏ, bĩu môi:

- Bây giờ ông là tượng bột!
- Nếu tôi cười như điên, tôi sẽ là tượng gì?
- Ông sẽ là tượng bột sơn đường. Ông sẽ quyến rũ đủ các thứ kiến. Có con kiến ranh mãnh sẽ bò vào mũi ông làm

ông hắt xì hơi rồi bò vào tai ông làm ông điên lên. Ông biết tên con kiến đó chứ?

- Biết.

- Ông xạo.

- Vậy tôi không biết.

- Lại xạo!

Tôi nắm tay, trừng mắt:

- Đây, cô em, coi chừng tôi!

Cô nhỏ Lá - tên bịa là cái chắc - lùi hai bước:

- Ông tiến lên, em quật ông ngã nhào à! Em có võ Thiếu Lâm.

Tôi xòe hai nắm tay:

- Xạo.

Cô nhỏ hất đầu:

- Ông không tin em ư?

Tôi búng ngón tay tách tách:

- Ai thềm tin cô. Cô công chúa xạo

Cô nhỏ vênh mặt:

- Còn ông, ông hoàng tử xạo. Hòa nhé!

- Hòa à? Sao dễ thế?

- Ông định bắt nạt em? Ông thiếu độ lượng, ông tàn ác.

Em khóc cho ông hài lòng. Em khóc thật lớn, thật náo nùng.

Em khóc là ông sợ em luôn. Em khóc, sẽ có người chạy vào

đây cứu em. Em vu vạ ông tội bắt cóc em nhốt dưới hang.

- Dám khóc không?

- Dám chứ bộ.

- Xạo.

- Ông đếm đi. Một hai tới ba là em khóc.

- Một.

- Chưa thềm khóc vội.

- Hai.
 - Sắp khóc. Em đang chuẩn bị nước mắt. Sẵn sàng, hoàng tử xạo đếm ba lẹ giùm.
 - Chưa thềm đếm.
 - Bao giờ ông mới đếm?
 - Mùa cam sang năm.
 - Lâu thấy mờ.
 - Nhảm nào, khi ấy cam chín ngọt.
 - Cam chín rồi mà ông giả vờ bảo cam còn xanh đó, ông ạ! Mùa cam sang năm, ông ra đây một mình, lấy ai bắt tội người ta khóc?
 - Thua cô em, tôi thua cô em, hoàn toàn thua.
 - Ai bảo ông không chịu hòa?
 - Ừ, thì hòa.
 - Ai dạy cho hòa? Ông đã chịu thua em, ông phải tuân lệnh em, kéo em khóc.
 - Tuân lệnh nữ chúa xạo kiêm ăn vôi.
 - Ông đoán được lệnh em sắp ban chưa?
 - Chưa.
 - Lệnh là hàng chục câu hỏi. Cấm ông hỏi lại. Em hết câu hỏi và ông trả lời đầy đủ mới được hỏi.
 - Hỏi nhanh một tí.
 - Rất chậm. Em vừa hỏi vừa nghĩ câu hỏi kế tiếp.
 - Ồ, tôi hiếm thì giờ quá, cô em ơi!
 - Ông bủn xỉn thì giờ thế?
 - Tôi phải làm việc.
 - Việc chi?
 - Cuộc đất.
- Cô nhỏ lè lưỡi. Rồi cô phá ra cười. Cô lại giống con khỉ.

Cô cười chán chê, lắc đầu, nhún vai:

- Ông cuốc đất ư?

Tôi hơi chột dạ. Không khéo cô nhỏ này là điệp viên, là Ma-ta-Ha-ri, là Phương Lan. Vội nói:

- Bộ cô tưởng cuốc đất khó à?

Cô nhỏ đáp:

- Cuốc đất dễ ợt.

Tôi đưa đẩy:

- Cuốc đất chỉ dễ với một di dân như tôi thôi. Cô em ạ, đời sống của chúng tôi vất vả vô cùng. Sáng đi rừng, chiều cuốc đất.

Cô nhỏ hóm hỉnh:

- Trưa thì nằm dưới gốc cam học thuộc lòng thơ Nguyễn Bính. Sơn nhân gì lãng mạn vậy? Nói năng có điển tích. Xời ơi, ông ngỡ một mình ông thuộc thơ Hàn Mặc Tử? Em đọc cho ông nghe...

Và nàng đọc tám câu thơ:

Mỗi độ trong vườn cam trở chín

Mỗi lần em nhớ người trai tơ

Trưa hè năm ấy mùa cam ngọt

Nhưng thấy cam xanh lại chối từ

Cam chín lòng em cũng héo hon

Đến nay em đã có chồng con

Tình cờ hôm đó chàng qua lại

Cam trái mùa rồi hết chất ngon

Cô nhỏ dám quả quyết những vần thơ cô vừa đọc là thơ của Hàn Mặc Tử. Cô này vừa thông minh vừa nguy hiểm! Tôi bảo đợi “mùa cam sang năm”, cô hiểu ý tôi muốn nói gì và khen tôi “nói năng có điển tích”. Tôi định cãi nhau với

cô về thơ mà cô gán cho Hàn Mạc Tử. Nhưng tôi e dè. Tôi để lộ sự hèn mọn của tôi. Lạy trời, cô nhỏ không nhìn rõ. Cô hỏi tôi:

- Ông còn thích bún xỉn thì giờ không?

Tôi bối rối:

- Ai lại thích bún xỉn thì giờ. Có điều, ai cũng sợ thì giờ trôi mau.

- Ông sợ không có thì giờ cuộc đời hay sợ không có thì giờ nói chuyện với em?

Cô nhỏ nhìn tôi chăm chăm. Mắt cô là nam châm cực mạnh. Hồn tôi là bụi kim khí. Tôi lắc đầu, tỏ vẻ thua cuộc:

- Cô em lạ lòng hết sức.

- Ông còn lạ lòng gấp mấy em.

- Nào, cô hỏi đi, tôi sẽ trả lời rất chậm, vừa trả lời vừa nghĩ câu trả lời kế tiếp.

- Ông giục dã em?

- Mau với chứ, thời gian không đứng đợi.

- Xí, ông làm như em là con chim hồng, trái tim nhỏ của ông ấy.

- Đừng hồng, cô chỉ là con sóc ham ăn hạt dẻ và khoái leo trèo, nhẩy nhót.

Tự nhiên, cô nhỏ xịu mặt. Cô buồn chi lạ. Cô đang mùa xuân bướm bay, chim lượn bổng mùa đông mưa dầm, gió bắc. Cô đang mùa hạ nắng vàng rực rỡ bổng mua thu trời thấp mây chì. Cô hết giống con sóc, con nai, con khỉ. Cô, bây giờ, là con tuổi, con tuổi dạt dào cảm xúc. Cô đứng lặng nhìn tôi. Đôi mắt cô bi thương như mắt con nai nhỏ lạc mẹ. Cô khoanh tay trước ngực rồi buông thõng, cúi đầu:

- Vàng, em chỉ là con sóc ham ăn hạt dẻ.

Tôi ân hận đã làm cô hiểu lầm. Bèn kiểm lời an ủi cô:

- Tôi vẫn ví tôi là hạt dẻ.

Cô nhỏ cười ngượng:

- Ông xạo.

Tôi nói:

- Mỗi tôi ra xem tim, cô sẽ rõ tim tôi thiếu ngăn chứa chất xạo.

Và tôi thủ vai con sóc thay cô nhỏ:

- Cô hỏi đi chứ, cô em!

Cô nhỏ chưa sang xuân, cô còn đông lạnh lẽo:

- Em hết ham hỏi rồi.

- Tại cô giận hờn?

- Không đâu.

- Tôi tin cô.

- Ông tin thật hay tin xạo?

- Thật.

- Ông không rửa em xạo nữa à?

- Không.

Cô nhỏ đã xuân hồng khuôn mặt. Đôi mắt cô bướm bay, chim lượn. Cô ngập ngừng:

- Ông ạ...

Tôi yêu cái nổi ngập ngừng của cô khôn tả. Lúc này, cô là con thỏ, con thỏ hiền ngoan và nhút nhát đến dễ thương.

- ... Em hỏi ông một câu thôi.

Tôi đùa:

- Có thêm những câu hỏi phụ không?

Cô nhỏ lắc đầu:

- Không. Em thề danh dự.

Tôi ra vẻ quan trọng:

- Đồng ý. Xin cô thẩm vấn

Cô nhỏ hắng giọng:

- Tên ông là gì?

Tôi khoanh tay:

- Hoài.

- Đầy đủ họ và tên, cả chữ lót.

- Nguyễn Du Hoài.

Cô nhỏ phẩm bình:

- Ông đi hoài hủ, hả? Không chịu dừng chân ở đâu hay sao?

Tôi cười:

- Miễn trả lời câu hỏi phụ.

Cô nhỏ vuốt tóc mai:

Ồ, tiếc ghê. Thôi về thật tình. Cô không giả bộ. Chờ cô bước một quãng, tôi gọi giật:

- Cô Lá!

Cô nhỏ tỉnh bơ. Cô bước nhanh hơn. Tôi suy nghĩ giây lát. Cười khoan khoái.

- Cô Diệp!

Cô nhỏ dừng chân. Cô quay lại, tròn xoe mắt ngó tôi:

- Biết mà, ông hoàng tử xạo. Hết chối cãi chân thành chưa? Ông giả vờ khéo ghê. Thuộc lòng tên người ta nhưng không thèm gọi tên người ta. Ông giỏi chữ Nho quá. Lá là Diệp. Ngó đồng nhất điệp lạc. Hừ, tôi là di dân, tôi cuốc đất!

Tôi luống cuống:

- Em tên Diệp?

Cô nhỏ bĩu môi:

- Này, đừng vờ ngạc nhiên, ông Hoài ơi! “Nhất điệp du hoài” dịch ầu là “chiếc lá đi hoài” được chứ?

Tôi ngẩn ngơ:

- Được.

Cô nhỏ khen:

- Giỏi. Cho ông năm điểm đủ lên lớp.

Bỗng cô vén tay áo xem đồng hồ:

- Ông phải về cuộc đất. Em cũng phải về kéo mặt trời lặn cộp nó vồ em. À, em chưa chép xong *Hương cố nhân*, cho em mượn thêm tí hôm nữa. Chép xong em sẽ gửi trả ông như em đã hứa. Em về nhé, ông nhắm mắt lại đi. Hay ông nằm dưới gốc cam, đợi em khuất dạng, mở mắt, toát mồ hôi tưởng mình vừa gặp hồ ly Lá, ông nhé! Ở đây có giòng suốt tên rất thơ. Chiều mai em tới đó, ông tới không? Ông dám nghỉ cuộc đất tới đó không?

Cô nhỏ nói. Tôi nghe. Rồi tôi chẳng nghe được cô nói những gì trừ giòng suốt chiều mai cô sẽ tới đó. Tôi dần dần, ngu ngơ một cách tội nghiệp. Tôi muốn níu cô nhỏ lại, hỏi cô vài câu. Tôi muốn bảo với cô nhỏ rằng, khi gặp cô, tôi không ham cuộc đất nữa. Tôi cũng muốn nhắc nhở cô nhỏ quên *Hương cố nhân* đi. Cô hãy giữ để tưởng nhớ. Khỏi trả. Chưa ai trả lại ai một mùi hương. Nhưng tôi đã câm nín. Tôi đã nhìn cô vẩy tay và trông theo tà áo cô khuất dần trong vườn cam bao la. Cô nhỏ, hình như cô là mộng, hình như cô là thực. Mộng hay thực, cô vẫn là con kiến. Con kiến ranh mãnh đã bò vào mũi tôi, vào tai tôi. Sau hết, con kiến bò vào tim tôi. Con kiến đào tim tôi thành sông, thành lạch. Con kiến khơi một cái hồ lớn. Con kiến bơi thuyền trên sông, trên lạch về hồ tim. Thế là tim tôi chẳng chịt sông hồ kỷ niệm. Của riêng con kiến. Tôi lầm lũi bước về. Nghe dậy mùi hoa cam tuyệt diệu.

TÔI THAO THỨC SUỐT ĐÊM, Như một người không quen uống cà phê bị dụ dỗ uống một tách cà phê đậm vào buổi tối và đành mở mắt nhìn bóng đêm. Cô nhỏ cho tôi uống tách cà phê xế trưa, tôi đã không ngủ được. Để nhớ cô ta. Cô nhỏ này bí mật quá, ly kì quá. Cô ta thông minh một cách tinh quái. Nhưng dễ thương lạ lùng. Cô đến từ đâu, cô về đâu, tôi không hỏi. Cô ta có hỏi tôi gì đâu. Vậy tôi chẳng nên hỏi cô ta. Cứ coi cô ta đến tựa gió, đi tựa mây cho nó huyền ảo. Tôi nhớ chiếc răng khểnh của cô ta là chiếc lá, là nhất điệp lạc. Rừng biết bao nhiêu lá. Vườn cam biết bao nhiêu lá. Tôi cần nhớ một chiếc lá viết hoa. Thế là tôi đã đếm được lá, đã trả lời được câu ca dao Đố ai quét sạch lá rừng. Đại chi quét lá. Tôi nhặt lá và ép giữa những trang thơ cách mạng. Dừng gặp Loan rồi. Chàng đâu thèm xuống phố chợ nữa. Chàng mơ mộng sẽ có ngày viết cho Loan một bức thư trên chiếc thuyền độc mộc giữa giòng suối lớn. Cô nhỏ không hện hò. Cô chỉ hỏi vu vơ “ông có tới giòng suối tên rất thơ”. Nếu tới giòng suối không có cô, dù tên giòng suối rất thơ, tôi cũng sẽ thấy nó thường thôi, cô ạ! Tôi bị cô nhỏ bỏ bùa. Tôi là ông sư trong ca dao. Cô nhỏ đeo yếm thắm. Anh nhớ tiếng, nhớ hình, anh nhớ ảnh. Quả thực, tôi nhớ cô nhỏ. Xin lỗi lãnh tụ, tôi tạm quên người. Tôi tạm quên người đến chiều mai. Chiều mai, có thể, tôi sẽ mãi mãi quên người. Hoặc tôi sẽ giả vờ yêu lý tưởng cao cả, yêu loài người và coi khinh tình yêu riêng lẻ giữa một người với một người. Tôi mong chóng sáng. Đêm gì dài dữ vậy! Tôi thù đêm. Tôi gay gắt với đêm. Rồi tôi cười một mình. Cô nhỏ tưởng tôi già lắm đấy. Tôi làm cách

mạng nên râu tóc cách mạng theo. Tóc rậm bù cách mạng. Râu ria tua tủa cách mạng. Tôi chít khăn giữ tóc khỏi lò xoà, ăn mặc lồi thối lệch thếch, trông càng già nua! Chẳng Dũng tí nào. Rất cách mạng phó lý. Tại sao cô nhỏ chịu khó nói chuyện với anh cách mạng phó lý. Theo đúng truyền thống của mấy anh mầm non cách mạng, tôi vác sự đề cao cảnh giác ra tìm câu trả lời chính xác. Và tôi lại buồn cười. Phải tặng cô nhỏ một ngạc nhiên rụng rời mới được. Tôi đốt nến, nằm úp bụng trên sàn nứa viết nhật ký. Lúc này, tôi sống thật với tôi. Với tôi, cậu trai mê gái. Với tôi, cậu trai ngây ngất bụi phấn mê hồn. Viết nhật ký hết cả chữ nghĩa, tôi thức theo nến lụi làm thơ. Làm thơ thời gian trôi rất nhanh. Chưa xong bốn câu đã tàn một ngọn nến. Và khi xong một bài thơ nhỏ bé, gà rừng đã gáy vang. Tôi không hề thấm mệt. Buổi sáng, tôi kiểm lý do thoái thác vô rừng cùng anh em. Tôi xuống trại hỏi thăm giòong suối mà chiều nay cô nhỏ sẽ tới. Chẳng ai biết tên giòong suối tôi mong tìm. Tôi buồn bã, men theo con suối bên vườn cam. Đi lên. Đi ngược lên. Đi mãi. Tôi dừng chân ở đoạn suối trong vắt nhìn rõ sỏi đá dưới đáy. Tôi sẽ đi bao lâu để tới đầu ngọn suối? Cô nhỏ, cô ác quá, cô hứa hẹn mơ hồ, cô bắt tôi lặn lội hoài công. Làm gì có “giòong suối tên rất thơ” ở chốn này. Họa chăng, giòong suối ấy ở trong tâm tưởng cô. Tôi về đây, cô nhỏ ạ!

Khi đến vườn cam, trời sắp trưa. Tôi nhào xuống suối ngập lặn. Nước suối làm tươi mát tâm hồn. Vậy mà tâm hồn tươi mát vẫn không giúp tôi đoán nổi và đoán rõ ý nghĩa của cô nhỏ tinh ranh. Con sóc, con kiến, con nai, con khỉ, con thỏ của tôi ơi, khéo mà tôi sẽ phản cách mạng.

Để ngược giòong suốt, lên tận đầu ghềnh thách đố của tình yêu. Đưa tay vuốt mặt, tôi chợt nhớ chưa sửa soạn tặng cô nhỏ ở giòong suốt mơ hồ sáng nay. Tôi về nhà, san bằng lớp chông cách mạng tua tủa trên mép, trên cằm mình. Và, buổi trưa, với khuôn mặt trai lơ, tôi vào vườn cam có ý chờ cô nhỏ. Tôi sửng sốt vô cùng. Cô nhỏ đang ngồi đợi tôi. Cô nhoẻn miệng cười mưa hạ:

- Em đến trước. Em đến sớm hơn...

Tôi hỏi:

- Cô đến sớm hơn ai?

Cô nhỏ ngẩng ngó tôi. Cô hơi nghiêng đầu bên trái, bên phải rồi đứng dậy, xoa tay:

- Ông làm cách mạng!

Tôi lặng người, không hiểu phải giải thích thế nào. Thì cô nhỏ đã nói:

- Ông cách mạng râu ria, đầu tóc và quần áo! Cuộc cách mạng giải phóng sự hóa trang và giành quyền son trẻ. Hôm nay em không thềm gọi ông bằng ông nữa. Em cũng cách mạng lối xưng hô. Em gọi ông là chú nghe?

Tôi có lối thoát, mừng quýnh, bèn tham dự cuộc chơi đùa với cô nhỏ.

- Đừng gọi tôi là chú.

- Sao vậy?

- Có vẻ chú tiểu, chú tài, chú nhỏ, chú bếp, chú bồi.

- Gọi là bác nhé?

- Bác có vẻ tôi đeo kính lão, hút thuốc lòn vặt quá.

- Là anh?

- Tạm thế đi.

Cô nhỏ trề môi:

- Ông anh khó tính và khôn bỏ xừ.

Tôi cười:

- Rõn, tôi đại nhất thiên hạ.

- Xí, ông mà đại. Ấy quên, anh mà đại. Biết anh đại, em đã chả thèm đến sớm hơn anh. Em sợ anh lọt tuốt vô rừng sâu, cộp nó vồ anh mất xác hay anh chết đuối ở suối độc khi nghe anh đi tìm giòong suối có tên thơ nên em phải đến sớm.

- Nghĩa là không có giòong suối tên rất thơ?

- Sao cô còn sợ tôi lạc?

- Một mình ông không thể tìm thấy giòong suối đó.

- Cô tìm thấy à?

- Em cũng không thể tìm thấy. Em và anh cùng tìm, sẽ thấy.

Tôi bước gần cô nhỏ:

- Thú thật là tôi ngu ngơ, cô Diệp ạ!

Cô nhỏ chớp mắt:

- Anh định vào vườn cam rồi đi tìm giòong suối?

Tôi đáp khẽ:

- Tôi đi tìm giòong suối đó suốt buổi sáng nay.

Cô nhỏ cúi đầu:

- Suốt đời, nếu anh đi một mình, dễ gì đã thấy giòong suối đó. Anh có nghĩ sẽ đi một mình anh suốt đời không?

Tôi nghe cô nhỏ hỏi, lòng bồi hồi xao xuyến.

- Cô em.

- Dạ.

- Cô hứa với tôi chắc chắn có giòong suối đó, tôi nguyện sẽ đi một mình, suốt đời tôi.

- Anh không đi với em?

- Tôi tính hỏi cô có bằng lòng đi với tôi không.

- Ngay bây giờ?

- Bất cứ lúc nào cô muốn.
- Dù anh chẳng biết em là ai?
- Cô đã biết tôi là ai chưa?

- Em biết. Anh không phải là di dân cuộc đất. Di dân cuộc đất không đọc thơ Nguyễn Bính. Anh là một nhân vật nam kỳ tuyệt trong tất cả tiểu thuyết cách mạng mà em đã say mê. Anh là Dũng của Nhất Linh. Người ta có thể hóa trang được hết, trừ đôi mắt. Mắt anh thú nhận những che dấu của anh. Em tinh khôn hử, anh? Em lãng mạn hử, anh?

Tôi vươn tay nắn một cành cam. Và buông vội. Vài chiếc lá bị cưỡng ép chết, rơi rụng. Cô nhỏ hỏi tôi:

- Anh cần biết về em không?
- Không.

Chúng tôi cùng ngồi bên nhau, dưới gốc cam quen thuộc của tôi. Tôi thấy chẳng nên dấu diếm cô nhỏ điều gì về sự có mặt của tôi ở chốn rừng hoang này. Cô nhỏ đã biết, một phần. Tôi kể nốt. Tôi không sợ truông nhà Hồ, phá Tam Giang. Tôi không đợi phá Tam Giang cạn, truông nhà Hồ nghiêm canh mới dám vượt vô. Nghe tôi kể chuyện, cô nhỏ thích thú lắm. Cô bảo tôi là kỷ niệm tuyệt vời của đầu đời niên thiếu của cô. Cô sẽ không bao giờ quên tôi. Cô nhỏ là người đi tìm niềm rung động đầu tiên cho tuổi trẻ cô. Bụi phấn mê hồn cách mạng đã gây xao xuyến tim tôi, còn gây xao xuyến cả tim cô nhỏ. Chúng tôi lãng mạn như nhau. Có tuổi trẻ nào không bị ảnh hưởng phóng xạ lãng mạn?

- Anh Hoài.
- Cô sắp bảo tôi xạo?
- Em sắp hỏi anh...
- ... Về đời sống của tôi ở đây?

- Không đâu, anh ạ! Em muốn hỏi anh rằng em có vẻ gì Liêu Trai không.

- Có vẻ thì sao?

- Thì em thích lắm. Em thích những gì hư ảo. Anh thấy chưa, những gì hư ảo nuôi mộng mị của mình xanh tươi hoài.

- Cô là hư ảo?

- Được chứ, anh?

- Cô sẽ nuôi mộng của tôi xanh tươi hoài?

- Nếu anh biết mộng. Mà anh đã biết mộng, vì anh dám một mình đi tìm giòng-suối-không-có.

Giòng-suối-không-có! Cám ơn cô nhỏ đã giúp tôi soi sáng con đường tôi đang đi. Cũng chỉ là hư ảo chẳng? Làm gì còn cách mạng ở thời đại này. Làm gì còn Dũng, còn những Dũng tóc lộng bay, hồn phơi phới đi làm cách mạng như ông già trồng cây mận giữa đường nắng. Để chẳng bao giờ nghĩ trở lại thụ hưởng trái mận đâu. Bây giờ, cách mạng là toan tính lời lỗ, và tôi, theo cô nhỏ đi tìm giòng-suối-không-có, tôi sẽ thấy hư ảo. Nhưng trước đó, hư ảo đã làm hồn tôi xao xuyến.

- Tôi có nên đi suốt đời không, cô em?

- Không ai đi hết đời mình. Như em, em chỉ ở đây hết mùa hè.

- Rồi cô về đâu?

- Một nơi kỷ niệm ám ảnh ta khôn nguôi. Anh cũng sẽ về nơi ấy.

- Bao giờ cô về?

- Còn đi với anh tìm giòng-suối-không-có của em. Mai chúng ta khởi sự.

- Cô Diệp.

- Dạ.

- Cô là cồi hư ảo?

- Vâng. Có gì tuyệt mà không là hư ảo? Chúng ta hãy như tiểu thuyết. Đừng soi mói những chi tiết vô lý của tiểu thuyết. Bởi tiểu thuyết là nơi chốn vẽ vời bằng tưởng tượng. Đừng bắt tiểu thuyết phải thể hiện một cái gì. Vì thế, định hỏi rõ ngọn ngành về anh, em đã không hỏi nữa.

- Tôi bắt chước cô.

Cô nhỏ không bé nhỏ như tôi đã nghĩ. Người ta sẽ soi kính hiển vi vào câu chuyện tôi đang kể đây mà phẩm bình này nọ. Rằng tại sao cô nhỏ già nua vậy, rằng cô nhỏ không hề tìm thấy ở cuộc đời. Họa chăng là ở... tiểu thuyết! Đây là tiểu thuyết mà. Đâu phải chuyện thật đời người. Tiểu thuyết có Nước Bồng với những tiên nữ nghìn năm không nhạt má hồng, với những tiên ông vạn năm không úa màu râu bạc. Tiểu thuyết còn có cả Âm Ty với những ma vương quỷ sứ hung bạo. Chẳng ai phê phán đó là chuyện tầm phào không có ở cuộc đời. Và, người ta ao ước lên trời và sợ hãi xuống đất. Thế nhưng người ta cứ bắt buộc tiểu thuyết của các văn sĩ ký tên phải y hệt cuộc đời. Người ta đòi tước quyền tự do sáng tạo. Người ta đòi văn sĩ ghét kẻ mà người ta ghét, yêu kẻ mà người ta yêu. Và đó là trách nhiệm! Bằng không đều là giả tạo, vô lý. Sự thật thường ít khi nằm trong đám đông toa rập. Sự thật càng hiếm hoi trong tiểu thuyết thuần túy. Tiểu thuyết thuần túy chỉ có chuyên chở một mục đích khiêm tốn. Là giải buồn những ai phiền muộn. Bởi người ta thích cải đạo, thích bắt nó vận chuyện hàng tấn sứ mạng cao cả trên lưng nên nó đáng thương như con lừa ngu ngốc. Có lẽ, một ngày kia, tôi sẽ viết tiểu thuyết, hoang đường như

chuyện thần tiên. Tôi không muốn những người đọc tiểu thuyết của tôi cầm dao chặt bẫy sự hư ảo để tìm một sợi sự thật cuộc đời. Tôi chỉ muốn những người đọc tiểu thuyết của tôi giải khuây vài giây phút phù du, thoát khỏi cuộc đời khốn khó hiện tại, bay bổng lên cõi tiên hoặc là đà trên cánh rừng mộng để bắt gặp cái hạnh-phúc-không-có-ở-cuộc-đời-thật trong nụ hôn của hoàng tử đánh thức công chúa tưởng đã chết ngàn năm.

- Anh Hoài.

- Chi nữa, cô em?

- Anh đang nghĩ gì thế?

- Nghĩ một tiểu thuyết mà cô em là nhân vật chính.

- Tiểu thuyết hoang đường?

- Tiểu thuyết đã hoang đường rồi.

- Nhưng em có thật?

- Cô chỉ là thực với tôi. Với cuộc-đời-có-thêm-người-thứ-ba, cô là mộng.

Tôi bật cười. Cô nhỏ ngạc nhiên:

- Anh cười em?

Tôi cười lớn hơn.

- Cười cuộc-đời-thật, cô em ạ! Cô cũng nên cười, với tôi. Cuộc-đời-thật thích mộng và chán thực. Tất cả đều mong mỗi được sống như mộng nhưng khi đọc tiểu thuyết tôi viết về mộng, họ sẽ bảo chẳng thực tí nào.

Cô nhỏ nói:

- Họ tham lam. Em không tham lam. Em nghĩ rằng anh nên viết tiểu thuyết về em cho em đọc thôi.

Và cô hỏi:

- Bao giờ anh viết?

Tôi đáp:

- Khi chúng ta tới ngọn giòng-suối-không-có của cô em.

Cô nhỏ cười hóm hỉnh:

- Anh mãi cuốc đất, thì giờ đâu đi tìm giòng-suối-không-có?

Tôi vươn tay toan khoác lên vai cô nhỏ thì cô nhỏ đã xích xa khỏi tầm tay của tôi. Cô nhỏ trách nhẹ:

- Anh không sợ mộng tan à? Hãy để yên giọt sương đọng trên đầu lá và ngồi ngắm nó lung linh dưới nắng đào.

Tôi vội vàng xin lỗi cô nhỏ. Và trả lời câu hỏi thách đố của cô:

- Tôi bỏ cuốc đất. Đất là thực chán ngán.

Cô nhỏ đã xích gần tôi như lúc đầu.

- Giòng-suối-không-có rồi cũng sẽ chán ngán nếu chúng ta tìm thấy và cùng soi rõ mình dưới nó.

Cô nhỏ đứng dậy:

- Em phải về.

Tôi nói:

- Nắng chưa tắt và chúng ta chưa định hôm nào khởi sự đi tìm giòng suối.

- Chúng ta sẽ định.

- Hôm nào?

- Một hôm nào đó, chưa hẳn đã là ngày mai. Mùa hạ của em ở đây còn dài. Biết đâu chừng em chả ở đây mãi với anh.

- Tôi đưa cô em về nhé?

- Thôi. Đừng đưa anh sẽ không phải đón. Anh nhắm mắt lại, quay lưng về phía em. Em ghét chia tay có hẹn hò hay vĩnh biệt. Hãy nghe em kéo mộng sẽ là thực chán ngán.

Tôi lại ngoan ngoãn nghe lời cô nhỏ. Thoắt một cái, bước chân cô đã xa vắng. Còn phảng phất một làn gió

thương yêu. Tôi mở mắt, khu rừng cam lặng ngắt. Tôi rời vườn cam như một người ra khỏi chiêm bao. Đó là một cảnh đời thật mà mỗi người đều có một lần gặp gỡ bất ngờ. Và không thể bắt nổi ai tin rằng chính mình đã hành hương giữa miền kỳ diệu ấy. Giải thích chiêm bao, tốt hơn, nên dành cho bọn thầy bói ngu xuẩn và bịp bợm. Chẳng ai nên bảo với ai rằng mình đã, một lần bơi lội giữa giòng suối mộng ảo. Và giòng suối mộng ảo, thoáng giây bắt gặp thôi, cũng đủ làm những phiền muộn của đời ta ngủ ngoan khi nó thức giấc. Nó ru ta êm ái ngàn năm.

5

NỬA ĐÊM, NGƯỜI ĐÀN ANH đánh thức chúng tôi dậy. Luôn luôn thế, những buổi họp quan trọng thường diễn ra về khuya. Lúc ấy rừng đồi vắng lặng và hải hùng. Hoặc người đàn anh dẫn chúng tôi vào cuộc cánh rừng xa nhà chừng hai mươi phút đi. Hoặc ông đưa chúng tôi vượt mấy con suối tới bất cứ nơi nào đó, thảo luận vài vấn đề tối mật. Và khi trở lại, trời đã vỡ sáng. Ông bảo chúng ta làm cho mặt trời sớm mọc. Chúng tôi lấy làm sáng khoái câu nói đầy hào khí của ông. Sự bí mật quyến rũ tôi một cách mãnh liệt. Nếu nửa đêm, người đàn anh đánh thức một mình tôi, dẫn tôi theo ông đạp lên những xác lá, củ mục, vô tận rừng sâu kể cho tôi nghe kỷ niệm chiến đấu của ông bên cạnh lãnh tụ, tôi sẽ sung sướng khôn tả. Ông đã làm thế. Và tôi lạc vào chiêm bao như, với Lá, ngồi giữa vườn cam. Người đàn anh thường cho tôi những cảm giác mê mẩn. Về lịch sử. Về cách mạng. Đến nỗi tôi quên hẳn những bữa ăn mà canh rau dền gai nấu với phở mát vàng khè là thức ăn “chủ lực”. Không bao giờ ông nhắc nhở hai tiếng bạo

động. Cách mạng của chúng tôi, theo ông, là bất bạo động, là “bất chiến tự nhiên thành”. Có cách mạng nào thơ mộng hơn? Ông nhấn mạnh: chiến sĩ cách mạng còn là chiến sĩ văn hóa. Ông quả quyết chúng tôi sẽ trở thành những nhà văn, nhà thơ danh tiếng. Ông dẫn chứng những kịch tác gia, những văn sĩ lớn ở Sài Gòn đều là cảm tình viên hay đảng viên của cách mạng chúng tôi đang theo đuổi. Họ bị ảnh hưởng triết thuyết vĩ đại của lãnh tụ chúng tôi bao trùm mọi sáng tạo của họ.

Tôi mê văn chương trước khi mê cách mạng. Tôi thêm viết những tác phẩm lầy lùnh như ông Nhất Linh. Ông này vừa làm cách mạng vừa sáng tác văn nghệ. Tôi cũng sẽ giống ông Nhất Linh. Nhờ đi làm cách mạng. Và tôi nghiên cứu kỹ lưỡng những bài thơ, những áng tùy bút của lãnh tụ. Tôi có vẻ không mấy thích về lý thuyết chính trị, kinh tế xã hội, quân sự. Có lẽ, tôi khó lòng tiến tới một nhà cách mạng theo đúng nghĩa của cách mạng. Có lẽ, tôi chỉ muốn có cảm giác cách mạng. Tôi nhìn cách mạng thật như cách mạng ở những đoạn tiểu thuyết rục rờ nhất. Tôi yêu cách mạng như yêu một câu thơ cảm xúc dạt dào của lãnh tụ diễn tả một cánh hoa rụng lạc xuống chén rượu từ ly. Người đàn anh hần chưa hiểu rõ những gì tôi dấu kín trong tâm hồn. Đêm nay, ông đánh thức chúng tôi dậy hội họp giữa bóng tối ngay trên nhà sàn. Ông loan báo buổi lễ tuyên thệ sẽ tổ chức vào tuần tới với sự chứng giám của một vị đã từng công lãnh tụ trốn thoát một đêm đảng tranh tàn bạo năm 1945. Vị này sẽ đến đúng hẹn từ một vùng xa xôi. Sau hết, người đàn anh phiến trách mấy người bạn của chúng tôi bỏ cuộc. Họ đã về Sài Gòn hay về đâu? Tôi không biết.

Chỉ biết, một buổi sáng, đang đốn cây trong rừng, họ lấy có bị nhức đầu, nghỉ việc và họ trở về nhà. Rồi cuốn gói đông luôn. Người đàn anh nói rất may cho họ là họ chưa tuyên thệ. Nếu họ đã tuyên thệ, họ sẽ bị kết án phản bội cách mạng. Và sẽ có một hình phạt dành cho họ. Ông kể tên những nhân vật X, Y, Z đã có án tử hình, một ngày kia, họ sẽ phải đền tội.

Tôi bắt ớn sợ. Cách mạng không thơ mộng nữa chẳng? Cách mạng dần mất những cảm giác mê mê rồi chẳng? Người đàn anh khuyên chúng tôi kiên nhẫn chịu đựng gian khổ, sự thành công của cách mạng sắp lộ dạng. Chúng tôi sẽ là những người lãnh đạo. Là những kẻ nắm vận mệnh của đất nước, dân tộc! Chúng tôi sẽ cướp quyền cai trị! Vậy là cách mạng của tôi đã lộ mòi bạo động. Tôi ghét bạo động. Tôi chợt thấy cái thực của cách mạng mà tôi đã tưởng nó như mộng qua hình ảnh người thầy học cũ. Buổi họp chấm dứt. Tôi về chỗ của tôi. Im lặng. Như vừa mới đây không xảy chuyện gì. Tôi nằm vắt tay lên trán. Nhớ Lá. Nhớ chuyện giòng-suối-không-có của Lá. Tôi đi tìm hai giòng suối mộng ảo. Một giòng suối đời và một suối tình. Cả hai đều là những giòng-suối-không-có. Tôi hăng say đi tìm giòng-suối-đời-không-có trước. Tôi đã gặp. Nó giống hệt những giòng suối tôi đã coi thường. Cách mạng không có Dũng. Cách mạng không lãng mạn. Tiểu thuyết của Nhất Linh mới có cách mạng dung dưỡng Dũng, bằng lòng Dũng và quyến rũ tuổi trẻ. Tôi đang suy nghĩ thì người đàn anh bò tới, lay tôi. Ông lặng lẽ kéo tôi và bảo đi theo ông và rừng. Chúng tôi đi khá lâu. Người đàn anh bước cạnh tôi. Ông khoác bàn tay lên vai tôi. Cánh tay ông nặng

trĩu và không gây ấu ấp. Tóc tôi ướt đẫm sương lạnh. Rồi chúng tôi dừng chân, mỗi người ngồi xuống một gốc cây đã đổ. Ông rút trong túi quần ra một khẩu súng lục lên đạn lách cách. Tôi giật mình. Người đàn anh muốn thủ tiêu tôi? Không, ông hỏi tôi có ham sử dụng súng không. Tôi gạt đầu lấy lòng ông. Ông bảo sẽ dạy tôi bắn bách phát bách trúng. Ông bảo tôi sẽ cần trở thành tay thiện xạ. Để phục vụ cách mạng. Nghĩa là tôi sẽ giết người. Người đàn anh phô bày kỷ niệm của ông. Ông nói, khẩu súng Walther nằm trong tay ông, mười năm trước, ông đã bắn trúng tim rất nhiều tên phản bội dân tộc. Ông hạ chúng ở Hà Nội. Ông hạ chúng ở Hòa Bình. Ông hạ chúng ở ngọn đồi Nga My. Rốt cuộc, ông đành gói khẩu Walther vì kẻ thù đã đẩy ông vô tuốt miền Nam. Ông ngỏ ý trao khẩu súng của ông cho tôi để tôi tiếp tục sứ mạng của ông. Tôi nín thính. Định hỏi ông rằng cái thế “bất chiến tự nhiên thành” đâu có cần giết ai xem ông trả lời sao, nhưng rừng vắng trời khuya khiến tôi sợ hãi. Tôi sẽ bắn súng. Sẽ có tiếng nổ làm ứa máu. Xin chịu, giết mộng tôi còn không giết nổi nữa là giết người, đâu là giết người trong mộng. Người đàn anh bảo ngày về sẽ bắt đầu từ tiếng súng đầu tiên do tôi khai hỏa. Có một sự tẻ cở? Tôi đâu có ham về. Tôi không khoái cách mạng về. Tôi khoái cách mạng đi. Cách mạng đi hoài. Cách mạng mà về thì buồn quá. Như một kẻ phiêu lãng, tiêu phí hết tuổi trẻ, trở về lúc già nua khụ khị, đứng nhìn nhà xưa, ho vài tiếng rồi thở hổn hển. Ổi giao, cái cảnh ấy nản thật. Như nó đã diễn ra tẻ nhạt và ngượng ngùng. Hình ảnh đẹp là hình ảnh mờ ảo. Là sự hư ảo. Là cách mạng ra đi không về. Là hào khí bốc sương bên bờ sông Dịch. Kinh Kha mà về, đời

sau, ai còn ngưỡng mộ Kinh Kha? Người đàn anh bảo tôi sẽ giống con ma chập chờn ở thành phố. Tôi vừa xuất hiện dán bích chương phố này đã có mặt ở ngõ nọ rắc truyền đơn. Tôi không muốn nghe ông nói nữa. Tôi chán ông ta, chán lãnh tụ và chán luôn cả cách mạng. Dũng đã không đi dán bích chương, rắc truyền đơn lén lút. Dũng đi phơi phơi trên đường thơm. Chắc chắn, chàng không dắt súng lục. Chàng đi làm cách mạng như đi đến điểm hẹn tình yêu.

Người đàn anh nói những gì, sau đó, tai tôi điếc rồi. Tôi chỉ còn nghe được giọng côn trùng rên rỉ. Chúng tôi về, trời sắp sáng. Tôi nằm cố ngủ một giấc ngắn, không ngủ nổi. Tôi nghĩ tới Lá. Tôi nghĩ tới ngày tuyên thệ, tới hình ảnh một lãnh tụ chiếu nhì, chiếu ba sắp từ “một miền xa xôi đến đây”. Tôi nghĩ tới người thầy học cũ. Có lẽ thầy tôi nhằm rồi, thầy tôi nhằm và kéo theo tôi nhằm luôn y hết cái đầu tàu bỏ ra khỏi đường rầy làm đổ hết những toa máng sau đó. Ở thế hệ tôi, những người hướng dẫn còn thích miệt mài lặn vào những cuộc chiến đấu hư ảo đòi phục hồi dĩ vãng. Họ còn khoái đâm đuổi trong sương khi mặt trời đã bắt sương tan rã. Họ còn muốn duy trì niềm bí mật tưởng chừng thần thánh lắm, linh thiêng nhiều nhưng thực ra niềm bí mật ấy đã ngớ ngẩn và buồn cười. Khi tôi kịp hiểu, tôi mang tâm sự của kẻ bị tình phụ, đau đớn mà không dám hé răng than thở. Tôi đi trên đường hoa, trong vườn thơ cơ hồ một bộ hành phiêu lãng. Người ta bắt tôi đập lên hoa. Người ta bắt tôi cầm dao đâm chém thơ. Chẳng bao giờ tôi trở thành nhà cách mạng thiếu bụi phấn của tình yêu mê hồn. Tôi sẽ không tuyên thệ. Không thề thốt trung thành với bất cứ một cái gì. Suốt đời tôi, tôi sẽ là thứ hồn

lưu lạc không thờ riêng một chúa. Dứt khoát là không. Lấp lửng chưa thờ riêng một chúa là dọn lối để thờ riêng một chúa. Nhưng Là, anh sẽ chỉ yêu một em. Yêu một người ta dâng trọn tình thương. Anh dâng trọn tình thương cho em, cho Lá yêu dấu, Lá hư ảo, Lá tiểu thuyết, Lá hoang đường, Lá thần tiên, Lá cổ tích. Tôi sẽ nói với Lá như thế, chiều nay. Hẳn Lá sẽ cười, sẽ sung sướng bảo rằng “Anh xạo, anh luôn luôn xạo”. Buổi sáng, tôi tự ban cho tôi cái quyền phản cách mạng (Trong đây hồn tôi, cách mạng kiểu cầm súng giết người đã bị phản bội rồi, cái kiểu cách mạng lén lút dán bích chương rắc truyền đơn cũng đã bị phản bội luôn, cái kiểu cách mạng đi bình minh về hoàng hôn bị phản bội nốt) là nằm lì trên nhà sàn. Nghe tiếng cú rúc còn xúc động hơn nghe đàn anh mưu đại sự. Tôi vất tay lên trán. Tôi suy nghĩ. Và tôi chợt hiểu, ở cách mạng này hay ở cách mạng nào, hễ đã có đàn anh đạo diễn, thứ chiến sĩ cách mạng nai vàng như tôi sẽ đóng vai trò rất hèn mọn tương đương vai trò của kép hát vô danh trên sân khấu tuồng. Là dạ dạ rồi rít khi chủ tướng la lớn ba quân! Sự khốn khó của tuổi trẻ thế hệ tôi là thiếu vắng những đàn anh đạo diễn tin cẩn. Trong mọi lãnh vực. Hãy làm đàn em văn nghệ đi, tôi sẽ được hân hạnh suy tôn đàn anh không tiếc lời, sẽ được sai mua thuốc lá lẻ, sai mua cà phê chịu và được khen qua đường “có triển vọng”. Vậy tốt nhất, đừng đại dột làm đàn em, đừng tình nguyện đóng vai quân hầu cúi rạp mình khúm ním dạ dạ. Hãy làm chủ tướng, dẫu là chủ tướng ngu đần để đồng dặc gọi ba quân. Không thì cứ là hồn lưu lạc, mãi mãi lưu lạc. Làm một ngọn núi có đỉnh, dẫu là đỉnh núi thấp nhất nhưng phải là một ngọn núi tách rời những ngọn

núi khác. Làm một thi sĩ tóm gọn vũ trụ nhét vào túi thơ. Làm một nhà văn vẫy vùng trong cõi tiểu thuyết của riêng mình. Làm bất cứ cái gì, tùy ý, với điều kiện không có đàn anh đạo diễn khi ta đã thực sự bước xuống đời. Chả nên để bị lung lạc, bị huỷ hoại bởi một hào quang dĩ vãng. Tôi bỗng thấy tôi ngớ ngẩn. Tại sao tôi phải nghiên cứu những bài thơ, những áng tùy bút, làm thơ hay gấp bội lãnh tụ. Lãnh tụ chết rồi. Thơ văn của ông, triết thuyết của ông chỉ còn để hoài cổ. Tại sao ta cứ mê muội đòi phục hồi dĩ vãng?

Buổi trưa, tôi lại vào vườn cam. Tôi không ngủ. Và Lá không tới. Tôi ngồi dựa lưng vô gốc cây cam. Cho đến khi chiều xuống. Lá vẫn chẳng tới. Cô nhỏ, sao cô không tới? Tôi buồn quá. Tôi vừa biết buồn. Nỗi buồn khởi sự như sương mờ giăng kín vườn cam. Đời sẽ có kẻ cho ta những ngôn từ không lấy chi làm đẹp. Đời sẽ có kẻ bảo ta cuồng si, phản động. Ôi, những con nhái bèn học đòi giọng nói và cung cách xử thế của những con ếch già nào khác chi ta vừa mới đây. Vừa mới đây ta anh dũng nhảy xuống cái giếng, ta nhìn lên một miếng trời và ta tưởng cả vùng trời bao la toàn một màu mây cách mạng. Và ta, ta mới nhìn rõ dấu chân cách mạng. Cách mạng chính là ta. Chỉ là ta. Nạn nhân đầu tiên của ta là bạn bè ta. Ta bĩ thử họ, ta coi thường họ. À, đời sẽ có kẻ bĩ thử ta, coi thường ta như thế là cùng. Ta nhảy vọt lên. Đứng trên bờ giếng, hồn choáng váng, ta muốn có cây sào thật dài, chọc thủng cái miếng trời đáng giận kia. Ta thương ta và thương luôn những con nhái bèn. Người đàn anh cũng mon men vào vườn cam. Lần đầu tiên tôi thấy ông ta vào vườn cam. Ông ta đến trước mặt tôi, quăng cho tôi gói thuốc lá thơm. Ông quăng

luôn cả hộp diêm. Ông hỏi tôi đã xúc động chuyện gì. Tôi nói tự nhiên tôi buồn. Thế thôi. Người đàn anh ngồi cạnh tôi kể lể những kỷ niệm niên thiếu. Rồi ông kết luận ông nhìn rõ ở tôi một tương lai hứa hẹn. Ông lại đem lịch sử đặt vào tay tôi. Tôi nắm bàn tay. Lịch sử của ông hẳn đã vượt ra ngoài. Nhưng ông ta chẳng biết. Tội nghiệp ông. Khi ông rời vườn cam, tôi giận ông ta kinh khủng. Ông đã đem sự thô bạo vào vườn cam mà tôi ngỡ sẽ viết cổ tích từ đó. Sắt máu không thể làm nên những chuyện thần tiên. Vườn cam thế là hỏng. Vườn cam thế là vất đi. Lá chẳng bao giờ đến đây nữa? Tôi mong gặp Lá một lần chót, dưới gốc cam này, cùng Lá đi tìm giòng-suối-không-có. Và, trước đó, chúng tôi chọn một nơi chốn thay thế vườn cam.

Nơi chốn mới lạ ấy sẽ chỉ có Lá và tôi. Chỉ có hư ảo. Chỉ là hoang đường. Hư ảo bang bạc khắp trời, hư ảo đầy lùì những tham vọng phù du của nhái bén và ếch. Hoang đường mù mịt, hoang đường ngăn lối vào của những bước chân thô bạo. Nơi chốn ấy phải y như tiểu thuyết thuần túy. Tôi chán ngán những cảnh cùng khốn trong nỗi hiện thực vô vàng. Thực đã nhăn nhoe nếp gấp, đã tả tơi, đau thương. Ta cố bầu vịu lấy cái thực, hy vọng thoát lên cùng mộng, cùng cõi đời ngập gió yêu thương, sao ta còn phân chất mùi hương tiểu thuyết, đàn hạch nó phải thế này, phải thế nọ. Không chấp nhận cái hiện hữu cũng là một biểu lộ của phản kháng. Một biểu lộ đầy thiện cảm và không vương một hạt bụi cuồng nhiệt mỏng manh. Tôi muốn một nơi chốn của loài người không còn thứ lãnh tụ nào xúi dục nhau cầm súng giết nhau. Tôi muốn một nơi chốn loài người vẫn còn cách mạng nhưng là những cách mạng lên

đường ngâm thơ và không bao giờ trở về bởi vì chẳng cần thiết trở về đời vẫn đẹp, đời đã đẹp. Tôi muốn, tôi muốn... Rồi tôi ngủ vùi dưới gốc cam, trở thành tên văn nghệ viễn mơ hạng nặng.

6

Hai ngày chờ đợi lá. Cuối cùng, cô nhỏ đã tới, hồn nhiên hơn, tươi mát hơn. Cô nhỏ thấy tôi buồn rũ dưới gốc cam thì lạ lùng lắm. Đôi mắt cô tròn xoe như đôi mắt nai tơ lạc bầy đứng bên giòong suối cạn. Tôi hỏi cô nhỏ:

- Sao chiều qua cô em không đến?

Cô nhỏ mỉm cười:

- Em có hẹn với anh đâu? Em không thích hẹn vì em sợ lỡ hẹn.

Tôi vươn vai:

- Vậy mà tôi tưởng...

Cô nhỏ đơn đả:

- Anh tưởng hình như em có hẹn?

Tôi nói:

- Hình như thế.

Cô nhỏ đã ngồi cạnh tôi.

- Em vẫn chưa chép xong *Hương cố nhân*.

Tôi nhìn cô nhỏ:

- Yên tâm, cô em. Tôi cũng chưa muốn ngủ say như chết.

Cô nhỏ tựa cằm lên bàn tay:

- Anh ạ!

Tôi bút một chiếc lá cam, vò nát:

- Để tôi nói trước đã. Cô em thấy gì khác lạ ở quanh chúng ta không?

Cô nhỏ lim rim đôi mắt.

- Hình như khang khác. Hình như phảng phất một mùi gì độc ác, tàn nhẫn. Tôi đứng dậy, đưa tay nín cô nhỏ đứng theo tôi.

- Cô em tuyệt diệu. Chúng ta sang vườn cam bên kia, nơi gần giòng suối nhất. Ta sẽ chọn một chỗ ngồi khác.

Chúng tôi bỏ vườn cam, gốc cam kỷ niệm. Không thể phục hồi kỷ niệm được, dù có thể tẩy xóa những dấu chân thô bạo làm ngã rạp lớp cỏ nhung. Ta chẳng thèm nhắc nhở một nơi chốn buồn tẻ, một nơi chốn gợi biết bao phiền muộn cho rằng dẫu ta tốn công hò hét, múa may, nơi chốn đó cũng khó lòng là nơi chốn xưa nguyên vẹn. Vậy ta tìm một cõi khác cho riêng ta. Đó chính là tiểu thuyết. Nghệ sĩ không làm cõi mộng ước. Nghệ sĩ chỉ vẽ với mộng ước. Thiếu những con ve sầu ca hát, khiêu vũ mùa hè, những con kiến sao mà phấn khởi làm việc để chất kho lương thực cho mùa đông. Nhưng bọn kiến nhỏ mọn, vô ơn và hỗn láo đã cười cợt khi ve sầu cần được nuôi dưỡng để chờ sang hè ca hát khiêu vũ tiếp. Nghệ sĩ là ve sầu viễn mơ phiêu bồng đó. Và loài người vừa được giúp vui vừa được bĩ thử theo cung cách của loài kiến tầm thường. Chúng tôi đã chọn một gốc cam. Cô nhỏ hít hà:

- Ngập đầy hương mộng.

Cô nhỏ thắc mắc:

- Liệu chúng ta có phải sang vườn cam khác nữa không?

Tôi đáp:

- Chắc sẽ phải đi hoài.

Cô nhỏ cười:

- “Nhất diệp du hoài”. Anh không sợ mỗi chân sao?

Tôi cười cùng cô nhỏ:

- Lá bay. Lá không có cánh cũng chẳng có chân, sợ gì mỗi.
Chúng tôi đã ngồi xuống, ngồi bên nhau, ở chỗ mới. Tôi
hất đầu: Chiều qua em không đến vì...

- Vì sao?

- Anh thử đón coi.

- Chịu.

- Anh lười biếng thế, anh Dũng!

- Tôi là Hoài, cô em.

- Không, anh là Dũng.

- Hoài.

- Dũng. Dũng nên thơ đi trên cuộc đời. Ở đó. Ở đây. Hôm
qua. Hôm nay. Em yêu anh Dũng. Em theo dõi bước chân
chàng và em ngắt ngây.

- Cô em viển mơ rồi.

- Đâu có. Em sống rất thực.

- Thực của cô là mộng của nhân gian.

- Cần chi.

- Sao nữa?

- Anh phải là Dũng. Em hình tượng anh qua Dũng. Em
hy vọng em không lầm.

Tôi muốn nói với cô nhỏ rằng cô lầm như tôi đã lầm.
Cô tưởng chừng tôi là Dũng. Và tôi, tôi tưởng chừng tôi
là Dũng trước khi yêu Dũng đắm say. Tôi yêu cách mạng
qua hình ảnh Dũng. Dũng, nhân vật mơ hồ trong đời sống
chúng ta, nhân vật mơ hồ trong cuộc đấu tranh của Nhất
Linh. Dũng đi hoài ngàn năm. Dũng bắt diệt. Dũng son trẻ
và quyến rũ mãi mãi. Nhất Linh đã trở về. Nhất Linh già
nua tìm thú chơi lan trên rừng. Nhất Linh khụ khị xuống
đồng bằng phục hồi dĩ vãng. Nhất Linh còn gì đâu? Nhưng

Dũng còn nguyên vẹn những ước mơ của những người biết mơ ước. Cô nhỏ sẽ chán chương tôi như tôi đã chán chương người đàn anh. Lẽ nào tôi để cô nhỏ buồn bã. Hãy một mình nuốt hết sự buồn bã và làm cho người khác no tròn mộng mơ, bởi vì mỗi một tốt đẹp nhất đều khởi sự từ mơ ước.

- Cô em.

- Dạ.

- Hình tưởng thế, cô em cảm giác gì?

- Em thấy cuộc sống đầy hào quang.

- Ở giòng-suối-không-có của cô em?

- Của chúng ta.

- Cô em đã đổi ý?

- Chưa. Em biết dễ gì có giòng suối ấy.

- Dễ gì có Dũng.

- Dũng thì có. Là anh. Không chừng, em ở lại đây. Em quên mùa hè sắp chấm dứt.

- Cô em.

- Dạ.

- Cô không thích làm con sóc nữa à?

- Tại sao anh hỏi thế?

- Trả lời đi, còn thích làm con sóc không!

Cô nhỏ vươn tay nínu cành cam:

- Anh muốn em làm con sóc?

Tôi gật đầu:

- Hình như thế.

Cô nhỏ buông cành cam bật mạnh:

- Để làm gì?

Tôi đáp:

- Để tha hồ ăn hạt dẻ.

Cô nhỏ nũng nịu:

- Em muốn làm con sóc không ăn hạt dẻ.

Tôi hỏi:

- Cô em muốn ăn mây trời?

Cô nhỏ ranh mãnh:

- Con sóc chứ đâu phải em.

Cô nhỏ nhìn tôi. Đôi mắt cô vẫn là hai khối nam châm cực mạnh, cực mạnh hơn cả bao giờ. Và tôi, tôi vẫn là bụi sắt, nhỏ hơn một bụi sắt. Bụi sắt ngoan ngoan để nam châm cuốn hút. Rất tự nhiên, tôi bị cuốn hút bởi những ánh nhìn gần gũi và thân ái của cô nhỏ. Cô đang là tháng giêng. Tháng giêng ngon như một cặp môi gần. Tôi sung sướng, muốn dang rộng vòng tay ôm gọn tháng giêng. Tôi muốn cắn một miếng tháng giêng. Tôi muốn cúi xuống, hôn nhẹ cặp môi gần gũi một cặp môi. Nhưng, tháng giêng ngon kia, tháng giêng mời mọc kia là tháng giêng của công chúa ngủ trong rừng đợi chờ tổ tình với hoàng tử đến từ cõi mộng xa xăm. Tháng giêng ngon đợi chờ Dững, tưởng chừng Dững sẽ tới cùng nắng yêu làm tan sương tình trong vắt trên cặp môi gần. Cô nhỏ một đời người tìm kiếm, một chiếc lá của muôn ngàn rừng lá, đang vừa tầm tay của tôi. Chỉ cần tôi bước nhẹ. Là cửa mộng sụp đổ. Và cô nhìn rõ màng nhện giăng mắc ngập căn phòng mà cô đã ngỡ tràn đầy màu sắc.

- Anh đang nghĩ gì thế?

Tôi giả bộ hồn nhiên:

- Thức ăn cần thiết cho con sóc.

Cô nhỏ khẽ xua tay:

- Khỏi.

Tôi cười:

- Nhịn đói?

Đôi mắt cô nhỏ rục rĩ sắc xuân. Cô nói như cô ru ngủ:

- Anh ạ, em không thích làm con sóc. Em là em. Anh bằng lòng coi em là con chim hồng chú? Hãy đan một chiếc lồng, nhốt em và nuôi em bằng mộng.

Tôi xúc động một cách đại khờ:

- Cô em hết sợ tan biến rồi à?

Cô nhỏ bâng khuâng ngược nhìn trời qua kẽ lá:

- Em sẽ tan biến trong mộng.

- Cô tin rằng cô sẽ tan trong mộng

- Vâng.

- Nhớ....

Cô nhỏ chụp vội bàn tay tôi. Giọng cô tha thiết:

- Đừng nói gì thêm, anh yêu dấu.

Chúng tôi im lặng giây lát. Tôi mơ hồ nghe tiếng bước chân tim của cô nhỏ là đà trên vùng cỏ mượt không có. Và tôi cũng nghe rõ bước chân thô bạo của người đàn anh đã dẫm nát vùng cỏ mượt của tôi. Tôi đau đớn vô ngần. Đau hơn cả bị tình phụ. Tôi không thể nào còn yêu được cách mạng nữa. Không thể nào, dẫu tuổi hai mươi có trở lại thêm một lần, dẫu say gấp ngàn lần đã vượt mất. Nhưng cô nhỏ, cô nhỏ nên tiếp tục đuổi theo hình ảnh chấp chờn của chàng tuổi trẻ cách mạng tên là Dũng. Tôi vẫn yêu Dũng. Biết rồi, Dũng tiểu thuyết. Và biết rằng Dũng còn tươi son, rạng rỡ trong tiểu thuyết. Dũng hứa hẹn về mà chẳng bao giờ về. Tôi làm sao biết Dũng già nua, khụ khị. Cô nhỏ, cô khôn ngoan, ranh mãnh lắm. Cuối cùng, cô ngây thơ, khờ

khạo nhiều. Vì cô nồng nhiệt tin tưởng có một Dũng bước khỏi cõi tiểu thuyết quyến rũ như Dũng đắm chìm trong cõi tiểu thuyết. Hãy để cô nhỏ ngậm viên kẹo ngọt suốt đời cô. Hãy làm cho viên kẹo đừng tan. Tôi nín thinh, dấu điểm tất cả những gì tôi đã thấy khi một lớp bụi phấn từng làm mê mẩn hồn tôi đã nhạt nhòa.

- Cô em.

- Dạ.

- Cô chép xong *Hương cố nhân* chưa?

- Chưa.

- Đừng mất công chép nữa.

- Tại sao?

- Chắc là tôi không được ngủ say như chết dưới gốc cây cam mới này. Tôi bỗng tiêng tiếc...

- Tiếc chi đó anh Dũng?

- Giá cô em là hồ ly Lát. Cô em...

- Diệp!

- Cô em.

- Em tên Diệp.

- Bao giờ chúng ta khởi sự đi tìm giòng-suối-không-có?

- Ngày mai.

- Ngày mai cô em tới sớm, đợi tôi dưới gốc cam này.

- Vâng.

- Còn *Hương cố nhân*, hãy ấp ủ kỹ, chớ để phai nhạt một mùi hương. Có khi cô em cần tưởng nhớ.

- Hôm nay anh khác lạ.

- Hình như vậy.

- Anh bỏ ý định đi suốt đời bên em?

- Ta nên đi tìm giòng-suối-không-có trước.

Tôi nói cho cô nhỏ yên lòng. Và tôi ra lệnh thay vì cô nhỏ:

- Tôi nhắm mắt nhé! Cô em về nhanh kéo trễ.

Tôi không nghe thấy gì, kể cả tiếng bước chân cô nhỏ lướt trên cỏ mướt. Lúc tôi mở mắt, vườn cam vắng lặng. Chẳng còn một sợi nắng nào. Hai thứ bụi phấn mê hồn đều tan loãng và phôi phai. Ôi, đời đã không chỉ yêu riêng ta thơ thẩn dưới nắng trời tàn nhẫn. Đời đã yêu ta bởi ngỡ ta vẫn vùng trong cõi nghĩ tuyệt vời của đời. Ta đành tuyệt vọng. Ta đành trả lại cõi hư ảo cho đời. Ta về với đất quạnh hiu và buồn thảm. Và sẽ viết tiểu thuyết không hề có thật ở nhân gian. Hôm sau, chắc chắn, cô nhỏ sẽ tới tìm Dũng dưới gốc cây cam. Cô chờ đợi. Cô đợi chờ. Mòn mỏi. Dũng đi xa rồi. Chàng theo mây trôi nổi xa xăm. Cô nhỏ hình tưởng người chiến sĩ cách mạng lên đường và đang đắm chìm vào mưa gió. Cô áp chặt cuốn thơ tình vô ngực. Nghe như quanh vườn cam dậy Hương cố nhân. Đó là mùi hương Dũng đã dặn dò cô một buổi chiều nào đó. Mùi hương đọng trên cặp môi ngon rất gần. Nhưng tháng giêng đã xa. Quá xa....

(1-1975)

Tro học về quê ăn tết

Tháng ngày còn làm học trò xa nhà ở trọ, chỉ một lần tôi về quê ăn tết. Lần đó, vào năm một nghìn chín trăm năm mươi hai. Thấm thoát đã hai mươi năm! Hai mươi năm vồ pháo trong cuộc đời đầy đặc u buồn, ngộ nhận, tôi có thể đếm được những vết roi tàn nhẫn in hằn trên thân thể. Một thoáng suy nghĩ, không rõ lúc nào, tôi chợt nhận rằng, muốn xóa bỏ những vết thù hận, ta không thể nào sống cằn cỗi với hiện tại héo úa mà phải vượt ve hồi tưởng cho nó đưa mình trở về dĩ vãng tươi non. Bằng một chuyến xe êm đềm. Chuyến xe “Con voi” bến Hà Nội - Thái Bình, chẳng hạn. Với riêng tôi.

Năm nay, Sài Gòn lạnh từ tháng một. Cái lạnh kéo dài bắt thềm yêu, thềm có người yêu khoác vai nhau đi trên con đường nhỏ khi chiều xuống. Tháng một lạnh cho hồi tưởng ươn ướt mưa xanh thương nhớ giăng kín một bến xe cuối tháng chạp. Tết ở đây. Của đám nhân loại học trò tỉnh lý lên Hà Nội trọ học về quê ăn tết. Hai mươi bảy là đã trễ, xe “Con Voi” của ông Lê Văn Định no khách học trò. Bến xe như một thế giới vừa nghe tin đình chiến dù chiến tranh đang tiếp diễn khốc liệt. Đoạn Phủ Lý - Nam Định hứa hẹn những trái mìn sắp nổ. Chống gọng, dơ bốn bánh oán hận trời cao hay nằm nghiêng dưới ruộng là những

xác xe ăn mìn. Xe chết vẫn nhớ đường dài. Đường thủy không nhiều dấu đe dọa nhưng tàu chạy trên sông Hồng chậm quá. Tưởng chừng nó không muốn tới bến bờ. Mà về tàu thủy phải ghé trọ Nam Định một đêm, sáng sớm đáp xe ra bến đò Tân Độ sang sông rồi lại đáp xe về nhà phiền phức, kèn càng. Chi bằng ta đi xe suốt. Tôi về quê ăn tết từ hôm hai mươi tám. Chần chừ mãi. Tiếc rẻ mãi. Bỏ Hàng Đào, Hàng Đường, Hàng Bạc, Hàng Gai về với thị xã còn ngổn ngang tường xiêu mái đổ của một thời tiêu thổ kháng chiến. Ngồi trên xe, cách nhà ngót trăm cây số ngàn đã hình dung thấy cảnh tượng êm đềm buổi tối. Xâu tràng hạt biếu bà nội. Bà ngoại rưng hết răng rồi, biếu bà cái cối giã trầu mạ đồng vàng ửng, chắc bà mừng lắm. Còn vô số truyện cổ tích bằng thơ, đêm ba mươi đọc cho bà nội nghe để bà thuộc bà kể cho các cháu nhỏ của bà. Tượng Phật Bà Quan Âm biếu mẹ. Mẹ sẽ bày ở bàn thờ. Cân lạp xường Đông Hưng Viên biếu bố. Bố sẽ khen con bố có hiếu. Đôi guốc cao gót cho em gái. Cuốn “Mấy vần tươi sáng” cho em trai. Em gái khua guốc giống hết những đứa bé đi ăn cỗ, lấy phần gói lá đem về. Một nắm xôi gấc. Một miếng thịt mỡ. Chẳng là cái gì. Chỉ là niềm vui. Niềm vui phải san sẻ cho mọi người. Hà Nội vui không tả được. Đem chút ít hương vị Hà Nội về quê. Bánh mì nào có thiếu ở Long Xuyên, Vĩnh Long, Sa Đéc, Cà Mau. Nhưng lên Sài Gòn, phải mua về mấy ổ bánh mì. Thoạt nhìn thì ngớ ngẩn, buồn cười. Suy nghĩ mới cảm động, thấm thía. Hãy đến những bến xe cuối năm cận tết mà xem! Tết ở đó.

Người bạn rất thân không về kịp chuyến xe hăm tám, dặn dò: Nói với bố mẹ tôi, thể nào tôi cũng về. Anh ta đứng

dưới cửa xe tự lúc xe chưa nổ máy tới lúc xe rời bến. Đôi mắt buồn thiu. Người bạn lỡ tiêu hết tiền, không có cân lap xường biếu bố, không có học bạ trình mẹ. những người khác cũng vậy thôi. Hoặc ham mê phồn hoa, hoặc theo đuổi tình bạn, quên khói hương đoàn tụ quê nhà. Tội nghiệp họ, ngày đó, hai mươi năm cũ, ngồi trên xe hàng về quê ăn tết, tôi đã không hình dung thấy cảnh tượng êm đềm buổi tối. Năm hết tết đến, nhà trọ vắng vẻ, ở lại chán chết nên phải về quê. Thế thôi. Nếu tôi hiểu, cuộc đời như cuộc đời tôi đang sống, tôi đã về quê ăn tết, hàng năm, những ngày tháng tôi còn làm học trò xa nhà ở trọ. Niềm rung động chỉ thật sự đến với tôi khi tôi hồi tưởng những mảnh vụn vật tầm thường đã thoáng qua đời mình. Kỷ niệm không màu mè. Như vàng không óng ánh. Cái gì óng ánh không phải là vàng. Cái gì màu mè, thêu dệt không phải là kỷ niệm. Ta đã bắt gặp cơ man những hình ảnh tầm thường trong đời sống. Những hình ảnh chết của hiện tại. Những hình ảnh vụng dại và hèn mọn. Sẽ sống dậy ở một tương lai xa. Sống dậy huy hoàng, rực rỡ bằng hồi tưởng của ta. Và ta sẵn sàng mỉm nụ cười hay nhỏ một giọt nước mắt. Bằng hồi tưởng, ta dễ dàng xúc động, bao la khoan hồng. Thì ngay những vết roi tàn nhẫn đã quất nát đời ta, ta vẫn thừa chân thành cảm ơn chúng nó. Bởi chúng nó dạy ta biết sống, dạy ta cách làm đẹp đời ta, dạy ta sống khác hẳn chúng nó. Những vết roi và kẻ thích quất roi chẳng bao giờ hồi tưởng. Hiện tại chúng nó là nhảy múa trên đau khổ, tương lai chúng nó sẽ là cô độc như những con chó hoang nghe pháo tết chạy cụp đuôi sợ hãi thù hận tìm kiếm.

Cuộc đời là những nuốt tiếc dài lê thê. Đến một tuổi nào

đó, ta có thể đếm được từng nỗi tiếc của mình. Riêng tôi, nỗi tiếc đầu tiên là đã chỉ một lần về quê ăn tết tháng ngày làm học trò xa nhà ở trọ. Hồi tưởng bắt phát khóc. Năm sau, bến xe Hà Nội - Thái Bình y nguyên cảnh cũ. Mình tôi thay đổi. Tôi tiễn bạn về quê ăn tết từ hai mươi ba tháng chạp. Cũng đứng tự lúc xe chưa mở máy. Rồi xe rời bến, dặn dò: Nói giùm bố mẹ tôi, mai tôi về. Cuối năm, ngày ngắn cụt cốn. "Ngày tháng mười chưa cười đã tối". Hai mươi tám. Hai mươi chín. Ba mươi. Ta sẽ bắt chước Hàn Mặc Tử, ba mươi về nhà. Ta xuống xe ở ngã tư Vũ Tiên. Bố mẹ ta đón chuyển xe tất niên không thấy ta, buồn bã trở về. Tối mịt, ta gõ cửa. Hẳn bố mẹ ta, các em ta mừng mừng tủi tủi. Nhưng ta đã đánh lừa ngay cả chính ta. Phần hoa dĩa ta nói dối. Ta chạy theo cảm dỗ mới, quên chất tình thương lên một chuyến xe tất niên và ta tự an ủi ta. Thế này. Thế nọ. Hồi tưởng mới thương mình đã làm vượt mất bao nhiêu kỷ niệm tươi son. Tết ở đây. Tết với tôi, chỉ ở đây, ở bến xe Hà Nội - Thái Bình tháng ngày còn làm học trò xa nhà ở trọ. Năm sau nữa, bước chân lẫm lẫm đi quá xa, tôi không về quê ăn tết đã đành, không đến cả bến xe chiêm ngưỡng những người học trò xa nhà trọ học mang bóng bì, bóng thủ, tôm he, lạp xưởng, hương đèn, lư đồng về quê ăn tết. Kể từ đó, tôi không biết tết ra sao. Tết phải trở về. Không có nơi trở về là không có tết. Tôi không thiết trở về ngày xưa và, bây giờ, thiết tha muôn vàn cũng đã thành nỗi tiếc. Cuộc đời nhọc nhằn từ lúc cậu học trò bước xuống cái tam cấp của lớp học, đi xa. Tôi đã đi xa. Mỗi năm một lần trốn tết.

Nhớ dạo phiêu bạt tận Nha Trang, kèm học đám con nít,

tết nhất thần thờ chẳng hiểu nên về đâu. Bà chủ ân cần: Cậu ở lại ăn tết với các cháu. Dạ, tôi phải về. Về muộn cho mong đợi vàng ửng. Đêm ba mươi, xách hành lý ra ga, uể oải bước lên tàu. Chiếc tàu trống vắng. Lòng mình trống vắng, dựa lưng vào thành tàu, ngủ một giấc. Xuân sang lúc nào chả hay. Chỉ nghe bánh sắt nghiến trên đường rầy. Bỗng hồi tưởng chiếc xe “Con voi” hai mươi năm cũ. Ôi, không có nhà tìm về ăn tết, buồn bao nhiêu! Sáng bừng mắt dậy, con tàu đã nằm im ở ga Sài Gòn. Không có mái nhà tìm về, đành ngày chui vào rạp chiếu bóng Long Thuận, đêm ngủ ở hiên ga, gối đầu trên hành lý, chọn vì sao xa nhất lung linh mà tưởng quê nhà đang đón tết. Tháng giêng không ngon. Tháng giêng đắng chát. Cặp môi không gần. Cặp môi rất xa. Cái tầm thường năm xưa là cái thèm khát hôm nay. Đời lỡ trớn. Dĩ vãng thiếu hụt. Hiện tại ngắc ngoải. Tương lai chết tốt. Đó là đời tôi ăn tết xa nhà dưới hiên ga xe lửa Sài Gòn, trong rạp chiếu bóng thường trực Long Thuận. Ra giêng - mới dăm bữa về quê - trở lại Nha Trang. Bà chủ hỏi: Cậu ăn tết vui chứ? Bắt đầu học thói khinh bạc: Thừa nhân gian toàn lũ mắt trắng, vui với ai! Không được làm học trò xa nhà trọ học về quê ăn tết, không gợn một chút rung động xem thiên hạ đón xuân, tôi biết lòng tôi đã chết. Đã đi xa khó thể trở về. Đã vuột thả khó thể níu kéo. Xuân Diệu nói đúng. Trời đất còn, ta không còn. Bởi vì tuổi trẻ của ta không có hai lần xanh thắm trong cuộc đời ưu phiền khốn khó. Rốt cuộc, ta lại đi tìm ta đã mất. Rốt cuộc, ta lại nương nhờ hồi tưởng mà tìm kiếm chút ít xao xuyến bút rời. Bến xe xưa đã nhạt nhòa. Chuyến xe xưa đã chìm khuất. Ngọn đèn xum họp cuối năm đã tắt

lụn. Niên thiếu của tôi đã kết trái sầu. Tết nhất là bóng đêm ướt sương lạnh. Tôi thật sự không có tết nữa. Thật sự không còn nao nức mong đợi mùa xuân. Người bạn trẻ của tôi ơi! Người bạn trẻ đang làm học trò xa nhà trọ học của tôi ơi! Năm nay bạn về quê ăn tết nhé! Tôi mừng tượng bạn ngồi trên xe tính nhẩm niềm vui. Hãy về quê ăn tết đều đều. Cho tôi theo với. Bằng giọt nước mắt hồi tưởng.

(Tháng Chạp năm tuổi tôi)

